

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP

■ TIN TỨC PHẬT SỰ ■

VĂN HỌC PHẬT GIÁO

*Giai
phẩm
Xuân
Quý
Tỵ
2013*

15

THÁNG 02.2013



Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 15

THÁNG 02.2013

HOÀNG PHÁP

TIN TỨC PHẬT SỰ

VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Đặng thị Quế Phương**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ LỜI NGUYỄN CAO ĐẸP ĐẦU XUÂN (Thích Đức Trí), trang 3
- ♦ MÙA XUÂN VIÊN XỨ (thơ Thăng Hoan), tr. 4
- ♦ MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN Ở XỨ TUYẾT (ĐNT Tín Nghĩa), trang 5
- ♦ HÀNH HƯƠNG THẬP TỰ ĐẦU XUÂN (Thích Minh Tuệ), trang 7
- ♦ XUÂN Ý TRONG "XUÂN NHẬT TỨC SỰ"... (TN Khánh Năng), trang 8
- ♦ NGÀY XUÂN ĐỌC LUẬT (Thích Nguyên Siêu), trang 11
- ♦ ĐI TÌM MỘT MẪU SỔ CHUNG... (Trần Quang Thuận), trang 13
- ♦ HUYỀN THOẠI RẪN (Huỳnh Kim Quang), trang 17
- ♦ XUÂN TỪ BI (Thích Trùng Sỹ), trang 19
- ♦ BÔNG MAI NỖ MỤN CỦA TS MÃN GIÁC (Huệ Trần), trang 24
- ♦ BÓN PHÁP LÀM MẮT BÒ ĐỀ TÂM (Thích Chúc Đại), trang 26
- ♦ KINH "BÓN PHÁP AN LẠC" (Tuệ Như), tr. 30
- ♦ RABINDRANATH TAGORE: Nhà thơ vĩ đại của Đạo Phật (NP Bửu Tập), trang 32
- ♦ HẠNH PHÚC THỜI @ (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 38
- ♦ PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 5. BUDDHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO (Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch), trang 40
- ♦ HƯƠNG VỊ XUÂN (Vĩnh Hào), trang 42
- ♦ NHƯ NÚI ĐÁ CÓ TỪNG LỚP... (Nguyễn văn Sâm), trang 44
- ♦ TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ (Huỳnh Tấn Lẽ), trang 48
- ♦ HOA BUỒM NGÀY XƯA (Võ Doãn Nhẫn), trang 49
- ♦ HOA VÀ TA (Biện thị Thanh Liêm), trang 52
- ♦ TUYẾT PHẠM "TÂM NHÁNH PHONG LAN" (Mãn Đường Hồng), trang 54
- ♦ NẤU CHAY: CÀNH KHÔ QUẢ (Diệu An), tr. 57
- ♦ HÌNH ẢNH SƯƠNG KHÔI SÔNG HỒ TRONG THƠ ĐƯỜNG (Lam Nguyên), trang 58
- ♦ ĂN CHAY NGÀY TẾT (Tâm Diệu), trang 61
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 62
- ♦ CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TRONG NĂM 2012 (Tâm Huy tổng hợp), trang 67

- ♦ ĐÊM NGHE SÔNG HÀNG HÁT (Trần Trung Đạo), trang 70
- ♦ HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ, chương 4 (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 74
- ♦ NHỚ CỬU NAI MÀ THOÁT NẠN – song ngữ (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 77
- ♦ CÁC NÔNG CỤ VIỆT NAM VANG BÔNG MỘT THỜI (Nguyễn Phú Thứ), trang 78
- ♦ VÀI Ý NGHĨ NHỎ VỀ CON THÙ THÁCH HIỆN NAY CỦA PGVN Ở HOA KỲ (Thích Nguyên Hạnh), trang 84
- ♦ SUY NGHĨ VỀ NGUYÊN LÝ TU TẬP VÀ SINH HOẠT CỦA PHẬT GIÁO HIỆN TẠI (Thích Tâm Hạnh), trang 87
- ♦ HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO (Đào văn Bình), trang 92
- ♦ VÀI SUY NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG HOÀNG PHÁP CỦA TĂNG GIÀ VN TẠI MỸ (Thích Thông Hải), trang 96
- ♦ TỪ NHỮNG NGÔI CHÙA THỜI PHẬT ĐẾN CHÙA VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ THỜI NAY (TN Giới Hương), trang 99
- ♦ TIẾP CẬN CÁC NGUỒN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC ANH NGỮ (Nguyễn Giác), trang 105
- ♦ NGƯỜI PHẬT TỬ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠO PHẬT TẠI MỸ (Diệu Huyền), trang 111
- ♦ CẢ ĐANG VUI (G-Minh), trang 115
- ♦ NGƯỜI TỚI NHƯ MỘNG (Phan Tấn Hải), trang 118
- ♦ THẦY TU BẮT TRỘM (Nguyễn Nguyên An), trang 122
- ♦ XUÂN TÂM (Diệu Nga), trang 124
- ♦ BÊN TRONG CÔNG CHÙA (Lam Khê), trang 128
- ♦ HỌC HÀNH NHÂN NHỤC (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 130
- ♦ MAI VÀNG HÈ NỤ (TN Giới Định), trang 132
- ♦ CHỮA BỆNH BẰNG MÂY SẤY TÓC (Bs. Huỳnh Hải), trang 134
- ♦ ĐẾN CHÙA THẦY CẢNH MUÔN TU... (Tịnh Minh soạn dịch), trang 138
- ♦ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP KỲ 12 của GHPGVN HẢI NGOẠI ỨC ĐẠI LỢI-TÂN TÂY LAN..., trang 140
- ♦ MÓN QUÀ ĐẠO VỊ CUỐI NĂM CỦA HỘI PHẬT TỬ PHÁP LẠC (Tâm Tĩnh Lặng), trang 145

Cùng với THƠ của MẠC PHƯƠNG TỬ, TÂM KHÔNG VĨNH HỮU, MINH DUNG, PHÙ DU, THÍCH NỮ VIÊN QUANG, NGUYỄN LƯƠNG VY, CÁT TƯỜNG, NGUYỄN SIÊU, KHA NGUYỄN, QUỲNH ĐẠO, HOÀNG XUÂN SƠN, THÁI NGUYỄN, NHẬT THANH TUYẾT NGUYỄN, MẠC KHÔNG TỬ, CHIÊU HOÀNG, BẠCH XUÂN PHÉ, CHÚC HIẾU, DIỆU ĐỨC, NGỌC CHÂU, KIỀU MỘNG HẠ, TÒN NỮ THANH YẾN, BIỂU Ý...

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp Xuân Quý Tỵ số 15, tháng 02 năm 2013, do Chùa Bát Nhã (Santa Ana, California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tư và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Mùa xuân được xem là tiết khởi đầu của một năm. Tựa như trong kinh Phật diễn tả sự sinh diệt biến chuyển của muôn sự muôn vật (nhất thiết hữu-vi pháp) qua sinh, trụ, di, diệt và thành, trụ, hoại, không. Xuân là mùa của sinh khởi, hình thành. Đó là nói trong phạm vi tương đối, trong giới hạn của một năm. Kỳ thực trong chuỗi dài sinh diệt của vũ trụ vạn hữu, không có mùa khởi đầu, cũng chẳng có mùa kết thúc: mùa xuân đi trước mùa đông của năm nay, mà lại đến sau mùa đông của năm ngoái. Đời người cũng vậy: không phải khi sinh ra là bắt đầu cho một cuộc sống, và mất đi là kết thúc vĩnh viễn cuộc sống ấy. Có một chuỗi liên li trùng trùng nối tiếp nhau của những đời sống, những cảm giác, những tư tưởng, những hành nghiệp và tri giác. Cũng như có một trăm mùa xuân mà trong giới hạn một đời người, chúng ta có thể được trải qua. Các mùa xuân có vẻ tờ tờ như nhau, nhưng thực ra thì rất khác, là do cảm nhận của mỗi chúng ta, thay đổi theo hoàn cảnh, tâm trạng và tuổi tác.

Dấu sao thì hãy cứ xem như là xuân năm nay được khởi đầu với hình ảnh con rắn, nói theo sự phân chia rạch ròi cố định của âm lịch. Theo nếp nghĩ thông thường với đời, lật kinh Phật ra, đọc “Kinh Người Bắt Rắn,” (Trung A Hàm, Hán tạng – tương đương Kinh Xà Dụ của Pàli tạng). Trong kinh này, Đức Phật dạy hãy học hỏi giáo pháp để thực hành, để tìm cầu giải thoát, không phải để ba hoa tranh luận; phải khéo léo, cẩn trọng, thông minh, và biết cách thực hành giáo pháp, giống như người bắt rắn. Dụng cụ để bắt rắn là Giới; chú tâm không sơ hở khi bắt rắn là Định; hiểu được vận động của rắn và biết cách nắm bắt là Huệ. Giáo Pháp chỉ mang lại lợi ích cho người thực hành, và trở thành vô dụng đối với kẻ chỉ biết loanh quanh trong chữ nghĩa, lý thuyết suông-nếu không muốn nói là rắn độc, có thể tổn hại mình và người khác. Cũng chính trong kinh này, Đức Phật ví giáo pháp như chiếc bè. Chiếc bè ấy chỉ lợi ích cho người qua sông. Đây là điểm then chốt của Kinh Người Bắt Rắn. Kinh này cũng là nền tảng cho các Kinh Đại Thừa trong thời kỳ Phật giáo phát triển.

Ở một đoạn quan trọng khác trong Kinh Di Giáo mà hầu như ai cũng đọc qua, Đức Phật ví “phiền não trong tâm” giống như rắn hổ ngủ trong nhà; phải dùng móc sắt giữ giới mà kéo nó ra rồi mới yên tâm ngủ nghỉ.

Qua hai kinh nói trên, chúng ta thấy rắn được ví như kinh điển, giáo pháp, và cũng được ví như phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến...).

Giáo Pháp mà hiểu sai, diễn dịch điên đảo thì trở thành rắn độc; hoặc đã hiểu nhưng không thực hành và không vì mục đích giải thoát thì cũng là rắn độc.

Phiền não mà không tìm cách giải trừ, chế ngự thì chẳng khác rắn hổ, có thể mổ chính mình và mổ luôn những người khác bất cứ lúc nào.

Bài học từ hai kinh trên, chỉ có một điều đáng nhớ mà thôi: đó là, thực hành, thực hành, và thực hành.

Và dấu sao, mùa xuân đang đến bên ngoài. Thời tiết ấm áp hơn. Bầu trời quang đãng hơn. Lá vàng khô đã được dọn quét, và bãi cỏ xanh như lông lánh dưới nắng xuân rực rỡ.

Một mùa xuân an lạc, thanh bình đến với tất cả chúng ta.



LỜI NGUYỆN CAO ĐẸP ĐẦU XUÂN

Thích Đức Trí

Tết về, phần đông tín đồ Phật giáo đi chùa lễ Phật cầu nguyện gia đạo bình an, đời sống hạnh phúc đã trở thành tín ngưỡng quen thuộc và khá phổ biến. Sự thực trong tâm lý chung của mọi người là cầu nguyện năm mới điều gì diễn ra cũng thuận buồm xuôi gió. Ai cũng mong rằng ước nguyện của mình sớm thành hiện thực. Từ đó, mọi người phát khởi niềm tin và nội dung cầu nguyện trình lên Đức Phật cùng các bậc thánh hiền chứng minh và gia hộ.

Người Phật tử có chánh kiến thì phải biết bày tỏ ý nghĩa và mục đích của lời cầu nguyện như thế nào mới phát huy được phẩm hạnh tốt đẹp của mình trong đời sống. Nếu chúng ta biết phản tỉnh suy xét thì những gì tốt đẹp nhất trên thế gian này Đức Phật đã tự nguyện ban tặng cho chúng ta rồi, không đợi sự cầu xin tha thiết. Tất cả có trong những lời dạy cao quý trong kinh giáo Phật đã để lại thế gian này. Giáo lý ấy dạy chúng ta sống và thực hiện từ lời nói đến việc làm với cái tâm trong sạch để tạo nhiều phước lành để có hạnh phúc, giáo lý ấy còn dạy chúng ta phải phát triển trí tuệ giác ngộ để không còn khổ đau triền miên.

Cho nên chúng ta đến chùa cầu nguyện cho mình được thực hành trọn vẹn lời Phật dạy là lời ước nguyện cao đẹp nhất trong ngày đầu xuân.

Lời cầu nguyện có hai khuynh hướng tích cực và tiêu cực. Thế nào là lời cầu nguyện mang khuynh hướng tích cực? Khi đối chúng ta đối trước Tam Bảo phát lời cầu nguyện chân thành từ nội tâm với những mong muốn cao thượng và thiết thực. Cầu nguyện cho bản thân mình và mọi người hiểu được lời Phật dạy, sống theo lời Phật dạy để có được an lạc trong hiện tại và tương lai. Sống có chánh kiến với mọi hành động của chính mình. Biết rõ nguồn gốc khổ đau là vô minh và tham ái, mong muốn tu tập khéo léo để mau hết khổ. Nếu tu tập mù quáng mong hết khổ cũng như nấu cát mà đợi có cơm để ăn thì thật là đáng thương! Lời cầu nguyện ấy thể hiện sự trân trọng lời dạy của Phật. Vì bao lâu nay chúng ta đã dại dột ham rong chơi nhiều quá, sống say chết mộng mà lạc lối trở về căn nhà chân như an ổn, nay gặp lời dạy của Phật soi sáng tâm trí nên chúng ta vô cùng trân trọng. Ví như người mù có được đôi mắt sáng nên vô cùng mừng rỡ và nguyện giữ gìn cẩn thận đôi mắt đó mãi mãi để thấy rõ sự vật trong từng bước đi vững chãi.

Chúng ta hãy suy tư về lời Phật dạy qua đoạn kinh sau: *"Này thầy Xá Lợi Phất, thầy có biết rằng nếu một vị đệ tử áo trắng (vị cư sĩ) đạo hạnh biết hộ trì năm Giới pháp và tu tập bốn tâm cao đẹp (tăng thượng tâm) thì có thể đạt tới rất dễ dàng và không*

khó khăn gì khả năng an trú hạnh phúc ngay trong hiện tại, và biết chắc chắn rằng mình sẽ không còn đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh và các nẻo ác khác trong tương lai? Một người như thế là đã đắc quả Vào Dòng, không sợ còn bị rơi vào đường ác, chắc chắn đang đi về nẻo chánh giác. Người ấy chỉ cần qua lại tối đa là bảy lần nữa trong các cõi trời và người là có thể đạt tới biên giới của sự hoàn toàn giải thoát diệt khổ."⁽¹⁾

Theo lời dạy trên thì con đường hướng đến hạnh phúc cho cá nhân gia đình và xã hội đó là thực hiện năm tiêu chuẩn đạo đức còn gọi là năm giới tại gia: 1- Không sát sanh, 2- Không trộm cắp, 3-

Không tà hạnh, 4- Không nói dối, 5- Không uống rượu. Vì đó là nền tảng cơ bản có trong mười điều thiện và các giới hạnh khác chung cho chúng đệ tử của Phật. Bất cứ người nào sống theo những nguyên tắc căn bản đó mới có khả năng sống an lạc trong hiện tại, phát triển đạo đức và tuệ giải thoát khổ đau. Đức Phật còn dạy thêm bốn pháp quán tưởng, nhớ nghĩ để thanh tịnh hóa nội tâm: 1 - Quán tưởng phẩm đức giải thoát của Phật. 2-

Quán niệm về Pháp, tức lời dạy của Phật giúp chúng ta sống có trí tuệ, 3- Quán niệm Về Tăng, tức những thánh đệ tử của Phật sống phạm hạnh thực hành và truyền bá đạo giải thoát, 4- Quán niệm về Giới, tức những giá trị đạo đức phù hợp với nguyên lý sống an lạc, giải thoát. Phật dạy, người tại gia nếu thực hành năm giới và bốn pháp cao đẹp đó thì hiện tại có được hạnh phúc, không bị đọa lạc vào cảnh giới khổ đau, chắc chắn chứng thánh quả và sẽ được giác ngộ viên mãn. Đó là điều chúng ta phải tư duy và tu tập thường xuyên, không nên nghi ngờ và chạy theo các ảo tưởng mê lầm.

Thiết nghĩ, sống trong cuộc đời muôn ngàn cạm bẫy của ngũ dục như: Tiền tài, sắc dục, danh vọng, tham ăn và tham ngủ, con người thường bị cuốn hút vào dòng thác đam mê nên tâm trí mê muội, tự tạo lấy hậu quả sâu khổ nặng nề. Lời cầu nguyện được sống theo lời Phật dạy là sự tha thiết trở về đạo lý buông bỏ đi thú vui thấp hèn để thăng hoa đời sống mình. Nếu một lòng chân thật cầu nguyện như thế thì sẽ được chư Phật, Bồ tát, chư Thiên, Hộ pháp tán thán và ủng hộ. Trong kinh thuật lại rằng, Phật luôn khen ngợi, tán thán những đệ tử phát nguyện siêng năng tu học theo pháp giải thoát.

Thế nào là lời cầu nguyện tiêu cực: Lời cầu nguyện xuất phát từ lòng tham, lòng ích kỷ quên người khác đang khổ đau, cầu Phật cho mình đủ phương tiện sống theo đam mê, suy thoái đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội. Như cầu nguyện buồn





MÙA XUÂN VIỄN XỨ

*Xuân về cập bến sông mơ
Đến trong tha thiết vườn thơ đượm tình
Xuân về trên cánh đào xinh
Hương xuân phảng phất bóng hình thướt tha
Thấy xuân người, nhớ xuân nhà
Mùa xuân viễn xứ thiếu hoa mai vàng
Thiếu duyên âm cùng họ hàng
Thiếu tình thân thuộc chứa chan mặn nồng
Thiếu nhân nghĩa, thiếu tâm đồng
Thiếu đi tất cả thì chung giống nòi.
Xuân chiều lẩn thẩn mây trôi
Bơ vơ vô định, ngậm ngùi cô đơn
Phủ phàng cho kiếp trầm luân
Bẽ bàng số phận gởi thân xứ người
Niềm riêng thơ dệt mấy lời
Thả dòng sông nhớ bên trời quê hương.*

THẮNG HOAN

bán mua may bán đắt, đánh thắng nhiều ván bài, cầu trúng số để trở nên giàu có để tha hồ hưởng thụ. Sự thực, một người khi có tiền tài vật chất mà không có đạo đức và trí tuệ thì càng rơi vào cuộc sống tội lỗi và khổ đau nhanh chóng hơn những người nghèo khó. Nếu Phật chứng minh cho những lời cầu nguyện tiêu cực đó thì Phật không có lòng từ bi bình đẳng hay sao? Nên hiểu rằng Đức Phật không bao giờ mong người này thắng kẻ khác thua, cho người này gặp may kẻ kia gặp rủi, cho người này được kẻ khác mất. Những lời cầu nguyện đó chắc chắn Phật và Bồ tát không khen ngợi mà còn quở trách rằng những tâm niệm như thế là quá ư khờ dại!

Đức Phật chúng ta vốn xuất thân từ dòng dõi đế vương, sống trong quyền uy, cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan mà ngài từ bỏ và xuất gia. Khi giác ngộ, Ngài còn dạy cho con trai là La Hầu La cùng dòng tộc xuất gia tu đạo. Ngài không khuyên con trai mình ở đời để kế vị đế vương, hay không khuyên dòng tộc sống đời để hưởng thụ vinh hoa phú quý. Phật dạy, đời sống tiện nghi, giàu sang chỉ là sự hưởng thụ tạm bợ, chỉ có trí tuệ và đạo đức mới giúp con người và nhân loại ra khỏi vũng bùn vô minh và sầu khổ muôn đời.

Năng lực của lời cầu nguyện có hiệu ứng khi nó

xuất phát từ tấm lòng chân thành và tâm ý cao thượng. Nội dung lời cầu nguyện là thể hiện lòng mong ước đi đôi với hành động lợi mình và lợi người là điều đáng tôn trọng. Đứng về mặt tác dụng giao cảm tâm thức thì thường được chư Phật, Bồ tát, Thiện thần gia hộ. Với người có tâm lành mạnh như thế, chí nguyện hướng thượng như thế thì ngay trong cuộc đời này cũng được các bậc thiện hữu tri thức giúp đỡ, được xã hội tán dương. Trường hợp khác nữa là trong Phật pháp xác nhận rằng, hạng người tội lỗi mà biết hồi tâm hành thiện, tức là biết ăn năn sám hối, như một người học trò biết nhận thức ra lỗi lầm trước vị thầy khả kính, thì sẽ được Phật chứng minh gia hộ. Hoặc có người gặp nhiều tai ương hoạn nạn, nhất tâm tụng kinh, niệm chân ngôn hay niệm Phật để cho ba nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh cảm ứng sức gia hộ của Phật và Bồ tát mà tai qua nạn khỏi là điều chắc thật. Vì đó là do tâm hướng về nẻo giải thoát, tâm tương ứng với bốn nguyện từ bi cứu độ chúng sanh của các bậc thánh giả. Tức là do lòng thành cảm ứng năng lực từ bi của Tam Bảo.

Nhưng chúng ta phải hiểu rằng, mọi thành tựu đời sống hạnh phúc hay hiện tượng khổ đau con người đều do tâm tạo. Đó là biểu hiện tính chất vận hành nhân quả khách quan mà đức Phật đã dạy. Giả sử chúng ta đến chùa cầu giàu sang, cầu trường thọ mà sống với lòng tham lam ích kỷ, giết người hại vật thì làm sao có được kết quả được mà cứ giốc lòng cầu nguyện. Trong nguyên lý nhân quả, muốn sống lâu và giàu sang phải biết tu hạnh bố thí, cúng dường, phải biết tôn trọng sự sống con người và sinh vật. Phật dạy: "Người đời nay sống lâu, là do đời trước có từ tâm. Người đời nay chết non, là do đời trước hay sát sanh. Người đời nay giàu to là đời trước hay làm hạnh bố thí."⁽²⁾ Một khi người Phật tử tư duy và thiền định, học kinh Phật thuyết về Thiện ác nhân quả thì tự nhận thức được rằng: Hạnh phúc có được do từ tâm lòng hiền dāng và ban tặng cho đời những điều tốt đẹp mà chúng ta có được, chứ không do cầu xin van vài.

Do vậy, điều cầu mong chính đáng và thiết thực của chúng ta là được sống trong giáo pháp Phật dạy:

*"Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy."⁽³⁾*

Câu kinh trên đã tóm tắt nội dung lời Phật dạy trong các Kinh điển, hàm chứa ý nghĩa Giới-Định-Tuệ là con đường thành tựu đời sống phước đức, thành tựu đời sống trí tuệ giải thoát khổ đau sanh tử luân hồi.

Như vậy, người học Phật không mong cầu gì hơn, không quý trọng gì hơn ngoài việc tu theo lời Phật dạy. Không những nguyện đời này và mãi mãi đời sau đều được sống theo lời Phật dạy. Vì trong giáo lý Phật để lại thế gian này là đã có đủ những phương tiện giúp chúng sanh sống an lạc rồi, chúng ta không mong ước tìm cầu điều gì khác hơn nữa. Nhận thức đúng như thế, ngày đầu xuân chúng ta đến chùa dâng lời cầu nguyện cao thượng đó thì sẽ được Đức Phật tán dương và gia hộ.

Chú thích:

- 1) Kinh ưu bà tắc (Kinh người áo trắng), số 128 của Kinh Trung A Hàm, HT. Thích Nhất Hạnh dịch.
- 2) Trích từ: Phật thuyết kinh thiện ác nhân quả.
- 3) Kinh pháp cú, số 183. HT. Thích Minh Châu dịch.

Mùa Xuân đầu tiên ở xứ tuyết

ĐIỀU NGUYỄN TÍN NGHĨA

Cứ mỗi lần báo Chánh Pháp chuẩn bị lên trang thì nhà văn Vĩnh Hào, chủ bút cho tờ nguyệt san này thường gọi phone cho Tín Nghĩa biết:

- Thưa Ôn báo số mới sắp lên trang, kính nhờ ôn nhắc và thưa chuyện với quý Thầy Cổ và quý cư sĩ mà ôn thân quen để xin bài, nhất là báo Xuân.

Với tư thế của tôi, không cách nào mà quên đi bốn phận đối với Giáo hội được. Nên tôi thưa chuyện lại với nhà văn Vĩnh Hào rằng:

- Ôn quen ai thì ôn gọi, chứ biết sao hơn.

Thật tình có quen ai nhiều trong lớp cư sĩ trí thức đâu. Chỉ biết có hai vị là Giáo sư Trần Quang Thuận và Giáo sư Bùi Ngọc Đường mà thôi, còn những vị khác trong Văn Phòng Thường Trực thì phải gánh lấy trách nhiệm chung với anh Vĩnh Hào, nên khỏi gọi phone. Cũng may mà anh Vĩnh Hào lắm lì ít nói thể mà quen biết rất nhiều văn nghệ sĩ trong đạo cũng như ngoài đời; cho nên anh réo một tiếng qua email là có mấy chục văn thi hữu đáp ứng ngay... Tuần trước gọi phone hỏi thăm, anh cho biết bài vở tương đối đã đầy đủ... thật là yên lòng.

Và cũng may, vào cuối đông ở Dallas thường hay mưa gần như tắt đèn, lại cộng thêm cái lạnh buốt thấu xương từ hai nơi Oklahoma và Amarillo mang đến. Nhờ thế mà nhớ lại ngày mới qua Mỹ, lên làm lãnh đạo Cộng đồng Phật giáo ở Denver, tiểu bang Colorado do Cố Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam bổ nhiệm.

Lên đây chân ướt, chân ráo, chưa quen phong thổ, cũng như ngôn ngữ; đã thế, người Việt chung sống ở đây không là bao. Ngôi chùa khi nào chật ních thì vào khoảng ba chục đến bốn chục người. Lễ lớn nhất như Tết thì khoảng hơn trăm, nhưng họ phải di chuyển khó khăn vì đường xa, mà lắm tuyết. Cả tiểu bang Colorado chỉ có một ngôi chùa duy nhất mang tên là chùa Việt Nam, tiền thân của chùa Như Lai bây giờ. Ở thành phố Colo Spring có một tịnh thất nhỏ nhoi, tên gì đó, tôi chỉ nghe mà chưa đặt chân đến.

Ở Denver được hơn hai tháng thì Tết đến và đây là cái tết đầu tiên.

Mà cũng nhờ không khí vừa lạnh, vừa thưa vắng người Việt nên tôi có làm bài thơ như sau :

Tết Đầu Tiên Trên Đất Hoa Kỳ

*Bốn bề tuyết trắng đổ như bông,
Tết đến đây rồi ai biết không ?
Tổ quốc trông về thêm xót dạ,
Quê hương nhìn lại thấy đau lòng.
Mấy mùa tết đến mừng xuân ấm,
Bao độ hè sang thấy phượng hồng,
Đất khách bây giờ, vui đơn độc,
Mẹ-cha, thầy-bạn : có như không.*

(Mạnh đông Canh thân - 1980)

Tôi còn nhớ một lần mà không bao giờ quên là ngày mồng Ba Tết, Canh thân năm 1980, có một đôi vợ chồng ; vợ người Việt tên Hoàng, đệ tử của Ôn

Linh Mục qua Mỹ khá lâu, người chồng là Mỹ, ở thật xa vào khoảng trên trăm rưỡi cây số (*nghĩa là hơn 100 Miles*), hai tay vừa mang bát nhang, vừa mang tượng Phật đến nhờ tôi ký giấy hôn thú cho họ.

Họ bước vào, thì cô vợ trình bày ngay :

- Chúng con ở cách xa đây lắm, hơn cũng là ngày Tết mà cũng là ngày nghỉ cuối tuần của chúng con. Chúng con đến đây, trước là lạy Phật, mừng xuân mới, chúc Tết thầy và kính nhờ thầy giúp dùm chúng con, làm chứng ký giấy hôn thú.

Tôi hỏi :

- Quý vị nhờ thầy ký giấy hôn thú, sao lại đem bát nhang và tượng Phật đến làm gì cho cồng kềnh mà tội cho đức Phật (*vì tượng Phật Quán Thế Âm bằng giấy, cũ với khung hình thô sơ*) ?

Cô ta đáp :

- Chúng con sợ thầy không tin là Phật tử. Cô còn nói tiếp, con quên mang theo phái Quy y của con.

Tôi bảo :

- Nhưng tại làm sao mà phải nhờ tôi ký ? Sao không nhờ chính quyền ?

Vì, ngay thời gian này đối với tôi, cái gì cũng lạ, cái gì cũng chưa hề biết tới.

Cô ta trả lời :

- Vì thầy là Trú trì, chủ chùa nên thầy có quyền làm chuyện này.

Tôi đang suy nghĩ, thì hai người nói gì với nhau, tôi chẳng hiểu mô tê, cứ im lặng, đứng ngẩn ngơ ra đó.

Sau khi hai vị đó nói chuyện xong xuôi, thì cô vợ giải thích cặn kẽ lời của người chồng để cho tôi hiểu và thấy thương tình khi cô vợ cho hay là phải ký trong ngày này, để ngày mai còn phải đi làm cả hai vợ chồng.

Ký xong giấy tờ, nhìn đồng hồ là 01 giờ 30 am, của ngày mồng Bốn tết. Tôi hướng dẫn hai vị ra chánh điện lạy Phật và lấy mấy trái cam và táo tặng gọi là lộc Phật, quà đầu xuân. Uống trà xong, cô vợ tặng một bao lì xì màu đỏ, có chữ Phúc. Và đó là bao



đỏ đầu tiên trong đời tôi nhận được ở Mỹ. Vì ở Việt Nam, mỗi lần Phật tử cúng dường, thường thì xếp trong một tờ giấy trắng kẹp đôi, hoặc một bao thờ, chứ chưa thấy bao đỏ này bao giờ.

Tết năm đầu tiên ấy, tôi cũng không thấy Phật tử nào cho tôi cái gì gọi là chúc Tết thầy đầu năm, chứ đừng nói là bao lì xì. Tuy thế, tôi chả mấy quan tâm. Thậm chí có những Phật tử họ bảo mỗi tháng mua phẩm vật cho thầy chi dùng hằng ngày là 40 dollars là đủ rồi, thầy chi tiêu gì đầu mà lo.

Nghe thì nghe vậy, còn chuyện của mình thì mình lo. Tôi bắt đầu làm quen với khí lạnh, bắt đầu xử dụng lò ga, bếp điện. Cũng chưa biết bấm số điện thoại gọi local hay xuyên bang ở Mỹ, và lại, quen ai đầu mà gọi. Quê mùa làm sao!

Nhớ thời gian này mà tự thương thân và thăm phục cũng như kính mừng cho một số lớn Tăng Ni trẻ mới hội nhập sau này. Quý thầy cô qua sau này, Cộng đồng người Việt ngày càng đông đúc, chùa chiền cũng tương đối khang trang ; chư Tôn đức Trưởng thượng cũng lưu tâm dưới mọi góc độ trong khả năng sẵn có của quý Ngài. Và lại, lúc này vấn đề giao thương giữa các quốc gia và Việt Nam tương đối dễ dàng hơn nên quý thầy cô trẻ không phải gặp những khó khăn như các bậc mà bây giờ là danh vị cao tăng cả.

Chỉ có một điều là cầu mong làm sao quý thầy cô trẻ cố gắng giữ những gì theo chí nguyện ban đầu khi Sư phụ đưa dao cạo mái đầu xanh trước chánh điện gọi phát túc siêu phượng, tâm hình dị tục là đại quý. Kính mong đừng đặt chữ "Tùy duyên" không đúng chỗ, một đôi khi không làm tăng những gì mà Phật giáo có được mà vô hình chung lại đưa Phật giáo xuống một cách không thương tâm, thiếu suy nghĩ, chỉ vì một vài danh lợi nhỏ nhen, không đáng; để rồi làm cho ngoại đạo, hoặc một lớp người vô minh, nhận thức không đúng chỗ lại kết luận một cách vu vơ, thiếu khách quan.

Tôi đang nghĩ và mừng thăm chuyện về quý thầy cô trẻ ngày một thêm đông. Có vị cũng đã dẫn thân làm việc cho Giáo hội, làm những Phật sự đáng kể, để không phụ lòng các bậc khả kính đã tự tay ký giấy bảo lãnh... (viết đến đây thì bài viết chạy dài qua một ngã khác...). Bừng tỉnh, không biết phải kết thúc bằng cách nào; thôi thì mượn văn thơ cũ năm xưa để thay cho đoạn kết.

XUÂN THA HƯƠNG

*Xuân đến xuân đi vẫn là xuân,
Đón xuân đất khách đã bao lần,
Mai đào hứng gió nào đâu thấy,
Tùng cúc phơi sương chẳng dự phần,
Tuyết đổ liên hồi đầy trước ngõ,
Lá bay từng chiếc phủ ngoài sân,
Khắp vườn cây cỏ đều trở trụi,
Riêng chỉ mình ta vọng cổ nhân.*

(Trọng đông Giáp tý - 1984)



Mùa Xuân quanh ta

*Khi rét buốt về vùng cao đất nước
Cắt thịt da như vết chém thương đau
Dáng khảnh khiu nhìn bàn tay năm ngón
Mắt đăm đăm rừng núi lạnh nghiêng sâu!*

*Sương tuyết phủ gió rít hờn lạnh giá
Nỗi trơ buồn bám chặt ước mơ con
Không đủ sức nên có loài gục ngã
Còng thân đời vùi mộng dưới hoàng hôn.*

*Phong phanh chiếc áo đời không đủ ấm
Bóng trắng sương nhòa lệ xuống đêm gầy
Những canh trắng tiếng thở dài sâu thẳm
Đối diện mình, mình chiết giọt thắm cay!*

*Khắp quê ta, những mảnh đời nghiệt ngã
Dấu thương đau trong ánh mắt phong trần
Nỗi đầy đọa kiếp hoang sầu sa mạc
Dù mùa Đông, Thu, Hạ hay mùa Xuân.*

*Mùa xuân đến
Phải chăng từ cuộc sống
Mà thăm thương cho cuộc sống muôn nhà!
Nếu nhân rộng những tâm hồn "hạt giống"
Cảm nhận nào hơn giá rét quanh ta...!*

Tháng 12.2012

MẶC PHƯƠNG TỬ

HÀNH HƯƠNG THẬP TỰ ĐẦU XUÂN

Thích Minh Tuệ

Xuân đang đến. Khí Xuân ấm áp đang đẩy lùi không khí lạnh lẽo u ám mùa Đông trôi qua. Mùa Xuân mang đến phục hồi, sinh lực, đâm chồi nảy lộc, sức sống mới. Có rất nhiều phong tục, tập quán, lễ hội văn hoá trong mùa Xuân để mọi người cùng sum tụ với nhau, có những niềm vui và làm những việc ý nghĩa, trong đó đặc biệt có việc đi lễ chùa đầu năm là một phần không thể thiếu đối với đời sống văn hóa tâm linh người Phật tử Việt Nam.

Ai cũng muốn bắt đầu một năm bằng những dấu hiệu tốt đẹp: ước mơ thăng hoa, an lạc thân tâm, hạnh phúc tràn đầy... Chùa là môi trường thích hợp nhất để đạt được những điều đó. Những cảnh mai, nhành hoa nở rộ, trái cây ngũ quả biểu hiện phước lộc và đầy đủ sung mãn trên các bàn thờ, tượng Phật Thích Ca với hào quang lung linh soi đường dẫn lối bước ta đi trong cuộc đời, Phật Di Lặc với bao bổ to và nụ cười hỷ xả mang đến tài lộc, hưng vượng cho mọi người, Quan Thế Âm Bồ Tát tâm thanh cứu khổ ban vui, những mảnh y vàng thanh thoát, những phong bì lì xì, mùi khói hương quyện toả, những lời Đạo tử, những chúc lành đầu năm hướng thiện, từng hàng người quỳ khẩn nguyện lâm râm với bao tâm nguyện ấp ủ..., tất cả trở thành bầu không khí tâm linh màu nhiệm, ấm áp, thân thương, niềm tin, hạnh phúc, hành trang cuộc sống quý giá bước vào năm mới.

Đầu năm đi lễ được một chùa đã quý báu lắm nhưng đi hành hương thập tự được thì ý nghĩa sẽ đầy đủ hơn. Hành hương thập tự sẽ giúp hành giả gần Thầy lành bạn sáng, môi trường trong lành, cao đẹp, sống hòa điệu trong hiểu biết thương yêu. Trong khi bao nhiêu người thể gian say mê trong những thú vui đỏ đen, dục lạc quay cuồng thì những hành giả này lại dặt dìu nhau theo hành trình Chư Phật Tổ, hành trình về suối nguồn tâm linh và văn hóa dân tộc, hướng đến Chân Thiện Mỹ. Những câu chuyện vui trên xe, những miếng bánh ngọt, trà xanh, những món quà tặng cho nhau là chất liệu kết nối thân thương cho Tình Pháp Duyên Tăng, là nguồn động lực cho năm mới. Trong chuyến hành hương, mọi người sẽ kết duyên thêm nhiều Chùa mới, thân cận học hỏi thêm nhiều Chư Tăng Ni, thiện trí thức. Cùng nhau lay Phật, tụng kinh, cầu nguyện và ôn nhắc lại lời Phật dạy đầu năm kết thành công đức tu tập, tinh tiến hành thiện đầu năm. Hơn nữa đầu năm cũng là lúc gieo trồng phước đức và những ruộng phước vô tận đang chờ sẵn và hoa quả sẽ trở ra trong từng giai đoạn cuộc đời và trải qua nhiều kiếp. "Cơm có canh, tu hành có bạn", "Đi một ngày đàng học một sàng khôn", mỗi hành giả sẽ học hỏi thêm nhiều điều để làm mới chính mình, để phát những tâm nguyện tốt đẹp trong năm mới.

Con số 10 viên mãn còn có ý nghĩa 10 tâm trường dưỡng, 10 tâm Kim Cương, đó là những mảnh đất tâm tốt đẹp để nảy sinh mọi công đức, quả lành trong hành trình tự độ, độ tha, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Số 10 còn biểu hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo nơi thân khẩu ý trọn lành của hành giả trong năm mới. Hành giả tu tập để đạt

được 10 sức mạnh và Thập Lực, đầy đủ phương tiện nhập thể độ sanh. Số 10 đó còn có ý nghĩa 10 phương Chư Phật trong khắp pháp giới. Hành giả tu tập theo 10 Hạnh Nguyên Phổ Hiền:

*Trong tất cả mười phương thế giới,
Ba đời hết thầy Nhân Sư Tử,
Tôi dùng thân - ngữ - ý thanh tịnh,
Lễ khắp hết thầy chẳng còn sót,
Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền,
Hiện trước khắp hết thầy Như Lai,
Mỗi thân lại hiện sát trần thân,
Mỗi mỗi lễ khắp sát trần Phật.*

Đặc biệt đối với những ai trong thân phận tha hương, xuân đất khách, hành hương thập tự mang lại sum tuu hạnh phúc, bù đắp những thiếu thốn thiệt thời không khí Xuân so với quê nhà. Những tà áo dài, trang phục truyền thống, hình ảnh rồng bay lên hòa với tiếng trống mùa xuân, những tiếng hát chào đón Xuân cùng với khúc nguyện cầu..., tất cả tạo nên một niềm Xuân an lạc dưới mái chùa, như nhà thơ Huyền Không mô tả:

*Mái Chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông*

Mùa Xuân, sức sống mới đang trỗi dậy. Nhịp sống Đời và Đạo vận hành khắp mọi nơi trên hoàn vũ. Hành hương thập tự là dòng chuyển động độ. Cuộc sống biến chuyển đổi thay, ngày mới mới, mỗi ngày lại mới, hành giả là những cánh én dệt trời xuân, mang hạnh nguyện Phổ Hiền vào đời, chí nguyện Thiện Tài Đồng Tử tha phương cầu Đạo không mệt mỏi và bên nhau từng bước nở hoa sen trên hành trình trở về bảo sở.

Xuân Quý Tỵ, Thiền Viện Chân Không, Cali
Thích Minh Tuệ



Xuân Ý trong “Xuân Nhật Tức Sự” của Thiền sư Huyền Quang

THÍCH NỮ KHÁNH NĂNG

Thiền sư Huyền Quang (1254 – 1334) tên thật là Lý Đạo Tái, quê ở làng Vạn Tải, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay là làng Vạn Ty, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Thuở nhỏ Sư dung nhan kỳ lạ, ý chí cao vời, học một biết mười, biện tài hiển Thánh. Năm Giáp Tuất (1274), Sư đỗ khoa thi Hương lúc 20 tuổi, năm sau (1275) đỗ đầu khoa thi Hội, được bổ làm việc ở Viện Nội Hàn, từng ứng tiếp sứ Trung Quốc, nổi tiếng văn thơ. Nhưng chẳng bao lâu Sư từ chức xuất gia. Niên hiệu Hưng Long thứ mười ba (1305), Sư xuất gia thọ giới tại chùa Vĩnh Nghiêm, theo làm Thị giả Điều Ngự Giác Hoàng, được pháp hiệu là Huyền Quang. Sư thường phụng chiếu đi giảng dạy kinh các nơi và tuyển Chư Phẩm Kinh, Công Văn, v.v... Những khoa giáo trong nhà thiền mỗi mỗi đều phải qua tay Sư cả. Sau Sư theo hầu Nhị Tổ Pháp Loa y theo lời phó chúc của Điều Ngự Giác Hoàng. Năm Đại Khánh thứ 4 (1317), Sư được Pháp Loa truyền ý của Điều Ngự Giác Hoàng và tâm kệ. Khi Pháp Loa mất (1330) Sư nối tiếp làm Tổ thứ ba dòng thiền Trúc Lâm.

Huyền Quang được xem như một Thiền sư thi sĩ vĩ đại nhất trong thiền sử Việt Nam. Thơ Sư đậm chất trữ tình. Các nhà phê bình đời trước như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú đều khen thơ Sư “ý tinh tế, cao siêu”, “lời bay bướm, phóng khoáng”. Bóng dáng và những vần thơ của Sư tô thắm rực rỡ thêm vẻ đẹp Thiền môn. Ung dung tiêu sái, không vương trần lao, chẳng trệ Kinh viện là nét đặc trưng trong thơ Huyền Quang tôn giả. Đâu đó từng lời thơ vượt thời gian ngự trị trong cõi vô cùng, mệnh mỏng của đất trời. Một sự thơ mộng tuyệt vời thanh thoát trải dài trên mỗi hiện tồn sanh diệt. Như nổi vãn vương kỳ bí nào đó lưu lại trong tận cùng tâm khảm của thế nhân. Điều Ngự Giác Hoàng có được Sư tức là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử có được một bậc long tượng, một hồn thiền, một hồn thơ mệnh mỏng tiêu sái.

Dù Huyền Quang vĩ đại như thế, vẫn chưa một ai đánh giá đúng mức về Sư, dù qua cái nhìn của một thi sĩ. Phải chăng ngôn ngữ đành bất lực trước những con người siêu việt, vượt ra ngoài cổ không; một tâm hồn nghệ sĩ phóng khoáng hào hoa, phá toang những khuôn thước định sẵn, tự tại bước đi trong phiêu bồng cuộc lý?

Sách vở cũ cho biết, sau khi mất, Thiền sư đã để lại các tác phẩm: *Chư phẩm kinh, Công văn tập,*

Ngọc tiên tập (tập thơ), nhưng nay đều đã thất lạc, chỉ còn một bài phú Nôm và khoảng hơn 20 bài thơ chữ Hán in trong *Việt Âm thi tập, Trích điểm thi tập* mà thôi. Trong số đó, bài *Xuân nhật tức sự* (Tức cảnh ngày Xuân) của Sư đã làm chấn động và gây nhiều tranh cãi trong giới thiền môn lẫn giới thi ca xưa cũng như nay.

Không giạt mình sao được, khi một bài thơ Xuân ý tứ như vậy lại được viết ra từ bậc trưởng lão của núi rừng Yên Tử. Đối với Sơn tăng, có nghĩa gì đâu một chút kiêu diễm của mỹ nhân trong mùa Xuân ngắn vội. Chẳng lẽ Thiền sư lại thả trôi lòng mình trong một phút dạt dào mộng mị? Cái độc đáo của Thiền sư là ở chỗ đó; cái hơn người cũng ở chỗ đó vậy.

Hai câu thơ đầu đã vẽ nên một bức tranh Xuân:

*Nhị bát giai nhân thích tú trị
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly”*

(Lòng tay thêu gấm gái yêu kiều
Hoa rợp, oanh vàng lãnh lót kêu)

(Huệ Chi dịch)



Còn gì đẹp hơn một buổi sáng nắng ấm trời trong, dưới lùm hoa tử kinh đang nở, oanh vàng hót líu lo, người thiếu nữ vừa đôi tám xuất hiện mượt mà trên nền trời Xuân, ngời thêu gấm chậm rãi. Nàng thêu mộng ước xuân thì. Nàng thêu ảo mộng diệu kỳ tâm xuân. Tả cảnh Xuân như vậy thì không còn gì bằng.

Ở đây chúng ta cần lưu ý, Cái Đẹp (Mỹ) là cái đập vào mắt vị hành giả: hoa nở, chim hót, người thiếu nữ đang thêu dải lụa dang dở. Đứng trước cảnh xuân thơ mộng ấy, lòng vị thiền sư tràn đầy vạn vật. Tâm hồn nghệ sĩ một lần diễm phúc được tiếp xúc với cái thuần mỹ bỗng thoát xác, thăng hoa, người và cảnh như hòa nhập vào nhau trong một thực tại vô ngôn. Từ cõi lòng thi nhân bật ra những

vần thơ trong trẻo, tinh khôi; những vần thơ chưa đi qua cái lý trí khô rỗng, cái phân biệt nhị nguyên đối đãi, phải trái, đúng sai...

Chúng ta biết rằng, thơ phải bắt nguồn từ cảm xúc, từ những rung động của con tim, từ cái trực cảm nhạy bén của người thơ. Và như thế, thơ Phật, thơ Thiền cũng không biệt lệ. Cứ gì phải dùng thật nhiều ngôn ngữ thiền thì đó là thơ thiền. Cứ gì phải dùng thật nhiều danh từ Phật học thì đó mới là thơ của các thiền sư.

Chúng ta cũng biết rằng, đối với một thiền sư



đã tĩnh lặng, yên ổn thì cái gì cũng đẹp: một giọt sương, một chiếc lá vàng rơi, một áng mây bông bênh trôi... Nói chung những cái gì đang biểu hiện trước mắt thiền sư đều đẹp cả. Vì lẽ cái thực-tại-đang-là nó biểu hiện đủ cả Chân-Thiền-Mỹ.

Tuy nhiên, nếu bài thơ dừng lại ở đó thì cũng không có gì đáng nói, nó cũng chỉ là một bài thơ tả cảnh xuân như bao bài thơ khác, không hơn không kém.

Song, thật bất ngờ, ở 2 câu kết Thiền sư lại hạ bút:

*"Khả lân vô hạn thương xuân ý
Tận tại đình châm bất ngữ thì"*

(Bao nỗi thương xuân thương biết mấy
Là khi không nói chợt dừng thêu)

(Huệ Chi dịch)

Cái Xuân ý của Thiền sư nếu không có lời này thì bài thơ có lẽ đã "chết" mất rồi.

Theo con mắt Thiền, chúng ta có hai cách nhìn ngắm: Cái nhìn của Định thì vắng bật, cái nhìn của Tuệ thì thấy rõ toàn bộ (trong ngoài gì cũng thấy rõ hết).

Và như thế, bài thơ là giây phút định (sát-na định hay phiên thời định). Minh định một giây khắc mà tự nhiên không thấy trong, không thấy ngoài, tâm hành tạm thời dừng lại, tự nhiên ngưng lại toàn bộ các hoạt động của thân. Do đó, ở đây là Định, chứ không phải Tuệ, nó chưa phải là cái thấy biết toàn bộ.

Trong cuộc đời đôi khi chúng ta cũng đã trải qua những giây phút ấy mà không hay biết. Đôi khi mình nhìn một buổi hoàng hôn hay một đêm trăng huyền mộng rải ánh vàng lên từng giọt sương trên

lá cỏ mà bằng quên cả mình quên cả ngoại vật. Cái giây phút đó là giây phút lòng mình tràn đầy vạn vật. Cho nên ở đây chúng ta phải hiểu là Thiền sư đặt cái nhìn của mình vào tâm của cô gái. Khi cô gái nhìn tiếng oanh ca, hoa nở đẹp quá, một tình cảm nào đó tràn đầy với vạn vật xuất hiện nên quên cả mũi kim đường chỉ của mình, không thêu thừa nói năng chi được: *"Tận tại đình châm bất ngữ thì"*, chứ không phải là Thiền sư "thương vô hạn", không phải là vị Thiền sư thương cô gái, thương hoa, hay thương tiếng chim hót.

Ai cũng biết rằng, ngôn ngữ chỉ là bóng dáng trải dài của ý thức, khi ý tưởng bắt đúng cung bậc thơ sẽ tuôn trào. Tuy nhiên, ngôn ngữ không hoàn toàn khai mở đúng mức về thực tại ẩn mình trong từng hiện thể. Ngôn ngữ dù văn hoa trau chuốt đến mấy cũng vẫn còn trong vòng đối đãi nhị nguyên. Mà chân lý tuyệt đối thì không thể dùng lời để diễn tả, không thể dùng ý để nghĩ suy, cũng không thể nhờ suy luận mà biện biệt. Phải chăng "tận tại đình châm bất ngữ thì" ở đây cũng chính là câu nói: *"Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt"* (bặt dứt đường ngôn ngữ, cắt đứt mọi tâm hành) trong nhà Thiền? Và đây cũng là cái khoảng lặng cần thiết cho Nhạc, cái nhịp ngừng của Thơ, là khoảng không gian của Họa, là cái cô tịch vắng lặng của Haiku... "Ý tại ngôn ngoại" (ý ở ngoài lời), cái vẻ đẹp ẩn mình phía sau những con chữ mãi mãi lôi cuốn người đọc đi vào khu rừng ngôn ngữ nguyên sinh, mà ở đó không thể không có những bậc thượng thừa dẫn dắt.

Cũng cần nói thêm rằng, "khả lân vô hạn" là cái tình cảm bình thường của người đời, nhưng cái Xuân ý trong bài thơ có thể được hiểu theo hai nghĩa: Ý xuân của thế gian và Tâm xuân vĩnh cửu trong lòng người. Nếu như ai mà bắt gặp được cái Tâm xuân đó thì họ cũng bắt gặp được cái Chân-Thiền-Mỹ. Đó cũng chính là cái thấy biết, cái mùa xuân miên viễn của Mãn Giác thiền sư:

*"Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"*.

Có điều mùa xuân bất diệt của Huyền Quang tôn giả không biết được mấy kẻ tri âm?

Thiền Sư muốn nói lên điều gì qua bài thơ? Sự chuyển hóa nội tâm chăng? Có thể xem đó như là một biến cố quan trọng mà bất cứ một hành giả nào cũng phải trải qua. Khi cái giây phút mẫu nhiệm ấy đến rồi, thì một thế giới mới sẽ hiện ra; và kể từ đây cuộc đời các Thiền sư sẽ không còn tù túng, chật hẹp, không còn cũ kỹ, nhàm chán và vô vị nữa. Một đời sống mới vừa bắt đầu. Vì người thấy pháp rồi thì không cần tu chi hết, họ trả về lại tất cả cho trời đất, không còn vướng mắc chấp thủ cái gì. Và như thế bài thơ cũng chính là bài kệ trình sở đắc của Sư, bởi trong lòng Sư đã có:

*"Lòng thiền vắng vặc trắng soi gợn
Thế sự hiu hiu gió thổi qua
Cốc được tính ta nên Bụt thực
Ngại chi non nước cảnh đường xa"*
(Vĩnh Vân Yên Tự Phú - Huyền Quang)

Như vậy có sao không ít người từ lâu vẫn ngạc nhiên về nội dung của bài thơ? Mà có ngạc nhiên, thắc mắc cũng là lẽ thường tình thôi. Bởi vì đối với chúng ta, những người còn đang muốn chinh phục và chiếm hữu cái đẹp về cho riêng mình, bởi còn muốn chiếm hữu nên chúng ta mới phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cái này đẹp cái kia không đẹp, nên



chọn cái này và không nên chọn cái kia, v.v... Nói chung là chúng ta vẫn còn mắc kẹt trong vòng đời đả nhị nguyên, có tốt xấu, có thị phi, có nhân ngã...

Các Thiền sư thì đã vượt qua được giới hạn ấy, vì các ngài trực nhận được rằng, tất cả cái đẹp bên ngoài chỉ là sự phóng hiện cái đẹp từ bên trong. Nếu trong ta có vạn đoá hoa và vạn cánh bướm đang bay chập chờn, thì vũ trụ lúc ấy cũng tràn ngập hoa và bướm. Vậy thì, có ích gì không nếu chúng ta cứ tiếp tục đi tìm hoa và bướm ở bên ngoài?

Giác Hải thiền sư cũng đã từng cảm khái thốt lên:

*"Xuân sang hoa bướm khéo quen thì
Bướm liêng hoa cười vẫn đứng kỳ
Nên biết bướm hoa đều huyền cả
Thấy hoa, mặc bướm, để lòng chi."*
(Ngô Tất Tố dịch)

Hay:

*"Giàu sang đến chậm như mây nổi,
Năm tháng trôi vèo tựa nước sa.
Rừng suối chi bằng về ẩn quách,
Gió thông một sập, chén đầy trà."*
(Thơ Huyền Quang – Huệ Chi dịch)

Những ai đã từng sống trên non cao quanh vắng, ngày ngày làm bạn cùng mây rừng gió núi, hay nói một cách khác là đang nuôi dưỡng ngọn núi cao ngất ngưỡng trong lòng mình, thì niềm vui đến với họ cũng rất giản dị. Bởi vì niềm vui đó được trào vọt ra từ chính đời sống nội tâm tràn đầy của họ. Chính sức mạnh kỳ lạ này mà tự bao đời, đã không biết bao nhiêu bậc hiền nhân đã lên đường để đến những nơi thâm sơn cùng cốc ẩn cư, tìm kiếm cho được sự thanh bình trong chính họ, sống hồn nhiên với cây rừng hoa cỏ, ngày ngày lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa, cùng mây ngàn nhấp chén trà thơm ngát vị bông phiêu.

Thiền sư Huyền Quang đã lên đường. Và đầu đó ở Côn Sơn, Yên Tử sơn vẫn còn lưu lại dấu tích ngàn đời của một tâm hồn nghệ sĩ khai phóng, một thiền sư:

*"Bầu đùng đỉnh giang hòa thế giới
Hải thông thả đạo khắp sơn xuyên"*
(Vịnh Vân Yên Tự Phú – Huyền Quang)

Chỉ với 28 chữ, tác giả đã họa nên một bức tranh xuân bất tử để lại đời. Thiền sư không cần lý luận nhiều về những triết lý cao siêu, không "thị chúng" hay "vấn đáp" với thiên giả, không luận bàn hay thuyết tu với bạn đạo, mà chỉ vắng lặng miên tả thực tại và trải lòng mình với cái thực-tại-đang-là ấy với tình cảm chân thành, với một tâm hồn trong trẻo thuần khiết sáng trong nhất.

Bài thơ *Xuân nhật tức sự* đã khép lại trong âm hưởng ngan ngát hương hoa xuân và đã mở ra một khung trời mới, khung trời thênh thang tự do, mà ở đó một khi cánh chim bằng vỗ cánh tung bay thì không dây gì có thể trói buộc.■

Thích nữ Khánh Năng
(Sri Lanka)

Tứ Cú Lục Bát

Ảo

*Đi qua hào nhoáng tung bừng
Dừng nơi trắng lệ phù trầm phù hoa
Mới hay mắt lệ đắm nhòa
Lầu son nhung lụa cũng là bần nông!*

Chào

*Bên chén rượu, bên tách trà
Quay về năm tháng sơn hà điêu linh
Vất tướt câu chữ nghĩa tình
Chào thời đại mới thanh bình yên vui!*

Mộng du

*Du du mộng mộng đi, về
Trần gian thật giả tuồng hề thủ vai
Du du mộng mộng khứ lai
Tình ra biết mộng đã dài lắm xuân...*

Bụt nhà

*Trời cao có mắt đôi nhìn
Tắm lòng hiếu hạnh chân tình tỏa hương
Phụ mẫu tức Phật tại đường
Tìm chi cao tít mấy tầng mây xa?*

Cổ đô

*Mắt tôi màu tím áo dài
Mắt nàng đuôi phượng mây ngài giao duyên
Hương giang lại lảng con thuyền
Câu hò mái đẩy đảo điên tôi về...*

Nhiếp

*Nhiếp hồn nhiếp ảnh nhiếp tâm
Mắt đo từng nét, tay cầm từng khung
Trời cao đất rộng vô cùng
Ta gom hốt cả vô thùng nhân duyên!*

Ngộ

*Lạc chân vào cửa nhà Thiền
Kỳ nhận dị lão hỏi điên đáp khùng
Trở về suy gẫm mộng lung
Nửa đêm hoa héo nở bừng ngộ ra!*

Vô âm

*Mệnh mang cảm tử sơn hà
Lưu từng khoảnh khắc vượt mà niềm thương
Thăng trầm thâm đậm máu xương
Dừng chân ta hát bên đường vô âm.*

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

NGÀY XUÂN ĐỌC LUẬT

Thích Nguyên Siêu

Mở đầu Tán Duyên Khởi của Luật Tứ Phần:

"Cúi đầu lễ Chư Phật

Tôn Pháp, Tăng tỳ-kheo

Nay diễn Pháp ti-ni

Để chánh pháp trường tồn."

(Luật Tứ Phần quyển 1, HT Thích Đồng Minh, Tr. 01, 2006)

Hình ảnh này. Âm thanh này, cứ mỗi nửa tháng học Tăng của Phật Học Viện Hải Đức, Nha Trang lại được nghe một lần. Ôn Từ Đàm tụng, Ôn Đồng Minh tụng, mà âm thanh đó, đi sâu vào lòng người. Xong ướp vào lòng người, cứ thế qua mấy mươi năm vẫn còn nhớ. Dáng dấp của Ôn Từ Đàm hiền từ, chậm rãi. Dáng dấp của Ôn Đồng Minh đường bệ, oai nghiêm. Nghe lời quý Ôn tụng mà thấm thía làm sao những lời Phật dạy: "Các con hãy lấy Giới luật làm Thầy." Hay "Giới luật còn, Phật pháp còn".

Bây giờ đọc lại Duyên Khởi - Luật Tứ Phần, chúng ta thấy hình ảnh một Thánh đệ tử cúi đầu dành lễ đức Phật. Dành lễ Giáo pháp. Dành lễ chúng Tăng. Trùng tuyên lại Giới luật để cho Chánh pháp được trường tồn. Thì ra Giới luật là mạng mạch của Tăng già. Là tuổi thọ của Phật pháp. Chúng ta nghe: "Tì ni tạng trụ Phật pháp diệt trụ". Ngày nào Giới luật còn được gìn giữ nghiêm minh thì ngày đó Phật pháp còn hiện hữu với đời một cách vững mạnh - Chánh pháp trường tồn. Hay "Tì ni tạng già, Phật pháp ký cương Tăng già mạng mạch già." Giới luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạng sống của Tăng già. Giới là như thế. Luật là như thế. Như thế, có nghĩa là nguồn sống tự nhiên. Sức sống tự nhiên trên thân thể của Tăng già, trên tinh thần của Phật pháp. Thân thể Tăng già không được trang bị bằng Giới luật là thân thể Tăng già chết, không còn ý nghĩa của Tăng. Tinh thần Phật pháp không có Giới luật thì chẳng có thể gọi là tinh thần Phật pháp như lời Phật dạy.

Do vậy, dù bất cứ thế hệ Tăng nào, thời đức Phật còn tại thế hay cho đến hôm nay, Giới luật vẫn giữ một vị thế tối tôn, trọng yếu. Chúng ta nghe phần Tự Ngôn, Luật Tứ Phần quyển 1, Hòa Thượng Thích Nguyên Chứng viết: "Hòa Thượng (chỉ Ôn Đồng Minh, lời chú của người viết) là một số rất ít trong các Tỳ kheo trì luật của Tăng già Việt Nam kể từ khi Phật giáo được trùng hưng, Tăng thể được chấn chỉnh và khôi phục. Thế hệ thứ nhất trong phá hệ truyền thừa Luật tạng của Tăng già Việt Nam. Thời trùng hưng hiện đại bao gồm bóng mờ của nhiều bậc Thượng Tôn Trưởng lão, uy nghi đĩnh đạc nhưng khó hình dung rõ nét đối với các thế hệ tiếp bước theo sau. Các Ngài xứng đáng là bậc long tượng trong chốn tông lâm, mà đời sống phạm hạnh nghiêm túc, phản chiếu giới đức sáng ngời, tịnh như băng tuyết, mãi mãi ghi dấu trên các nẻo đường hành cước, tham phương, hoằng truyền Chánh pháp."

Thế hệ của cha ông, Thầy Tổ có một đời sống tu hành, phạm hạnh, tịnh như băng tuyết, chính đó là đời sống hướng thượng, đời sống của những bậc Thánh xuất trần, ly dục tịch tịnh. Đời sống ấy là

nhân tố, yếu tính làm hưng long Tam Bảo, Phật pháp hoằng viễn.

Từ cuộc sống tịnh như băng tuyết, vững chắc như lõi cây trong chốn rừng Thiền đó là hình dung đời sống của các thế hệ kế thừa, hàng hậu học cố tìm ra được những bậc long tượng, kỳ vĩ để chống đỡ ngôi nhà Phật pháp. Bởi vì, đời sống của hàng Tăng già cách Phật lâu xa, bị mỗi mòn hương vị giải thoát, phai nhòa Pháp lạc, bị thế gian lôi cuốn, hăm hở vật dục, lợi danh mà quên đi con đường cao thượng của sự tu tập, lý tưởng của sự giải thoát, từ đó vong thân trong nếp sống đạo hạnh.

Đứng trước mỗi hiểm họa, tàn phá ngôi nhà tâm linh của những vật chất, danh tướng thế gian, Hòa Thượng cho chúng ta thấy: "Trước sự tàn phá của các giá trị đạo đức truyền thống càng lúc càng trầm trọng diễn ra khiến các cộng đồng xã hội đang mất dần tính tự chủ, dễ bị tha hóa theo những giá trị vật chất; những tín điều đạo đức tôn giáo mới càng lúc càng trở thành tiêu chuẩn cho văn minh tiến bộ theo hướng vật dục và nuôi dưỡng tinh thần cuồng tín và kỳ thị. Sự phá sản tinh thần không chỉ xảy ra trong một phạm vi xã hội, mà nó lan dần đến cả trong sinh hoạt Thiền Môn. Thanh quy của Thiền môn chỉ còn là một lớp vỏ, mà lại là lớp vỏ rách nát không đủ che đậy những dấu hiệu thoái hóa. Tăng già đang trên chiều hướng tục hóa có nguy cơ trở thành một cộng đồng ô hợp tồn tại chỉ vì quyền lợi vật chất thế gian. Trên những lối đi đầy gai góc của rừng Thiền bấy giờ, vẫn luôn luôn ẩn hiện những dấu chân long tượng dẫn bước tìm lại lối mòn cổ đạo, đồng thời thuận hướng với trào lưu lịch sử của đất nước và nhân loại. Đó là những bước đi tái khai phá, dò dẫm một cách thận trọng." (Luật Tứ Phần, quyển 1, Tự Ngôn, Tr. viii - Thích Nguyên Chứng).

Từ những trào lưu phóng thả của thời đại có nguy cơ tác động làm di hại đời sống Tăng già, chúng ta bình tâm đọc lại những lời Chư Phật dạy trong Giới luật để thấy lòng từ bi của Chư Phật đối với chúng ta. Chư Phật đã ân cần giảng dạy, chỉ bày cách hành xử với mọi người cho được tốt đẹp. Cách xây dựng đời sống thanh cao cho tự thân. Cách giữ gìn của hai đời sống tự thân và tha nhân được hoàn mỹ. Từ đó mà hướng thân lập mệnh trên con đường tu chứng, cứu mình, độ người qua biển trầm luân.



CÓ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH THIÊN SIÊU (1921—2001)

Những lời giảng dạy của bảy Đức Phật, từ thời đức Phật Tỳ Bà Thi cho đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong giới kinh giống như tiêu chỉ nguyệt - ngón tay chỉ mặt trăng, nường nơi đó, phương tiện nơi đó mà được rõ ráo, cứu cánh.

1. Đức Phật Tỳ Bà Thi dạy:

*"Nhẫn nhục đề nhất đạo
Phật thuyết vô vi tối
Xuất gia nào tha nhờn
Bất danh vi sa môn."*

Dịch:

Hạnh nhẫn nhục là con đường bậc nhất
Đức Phật dạy: Niết bàn là tối thượng
Người xuất gia mà làm náo hại kẻ khác
Thì chẳng xứng gọi là bậc sa môn.

2. Đức Phật Thi Khí dạy:

*"Thí như minh nhãn nhờn
Năng tị hiểm ác đạo
Thế hữu thông minh nhờn
Năng viễn ly chư ác"*

Dịch:

Ví như người có đôi mắt sáng
Hay tránh khỏi các đường xấu hiểm
Bậc thông minh ở trong đời
Hay tránh xa mọi điều xấu ác.

3. Đức Phật Tỳ Xá Phù dạy:

*"Bất báng diệc bất tật
Đương phụng hành ư giới
Ẩm thực tri chỉ túc
Thường lạc tại không nhàn
Tâm định lạc tinh tấn
Thị danh chư Phật giáo."*

Dịch:

Không báng bỏ, không có tật đổ
Phụng hành trong các học giới
Ăn uống chỉ biết vừa đủ
Thường ưa ở chỗ nhàn tịnh
Tâm an tịnh, vui tinh cần
Ấy lời chư Phật dạy.

4. Đức Phật Câu Lưu Tôn dạy:

*"Thí như phong thể hoa
Bất hoại sắc dự hương
Đản thủ kỳ vị khứ
Tỳ kheo nhập tự nhiên
Bất vị lệ tha sự
Bất quán tác bất tác
Đản tự quán thân hành
Nhược chánh nhược bất chánh."*

Dịch:

Thí như ong hút mật hoa
Không làm hư sắc và hương
Chỉ hút mật rồi bay đi
Tỳ kheo đi vào xóm làng
Không chống trái việc làm của người
Có làm hay không làm
Chỉ xét hành vi của mình
Là chân chánh hay không chân chánh.

5. Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni dạy:

*"Tâm mạc tác phóng dật
Thánh pháp đương cầu học
Như thị xả ái sâu
Tâm định nhập Niết Bàn."*

Dịch:

Đừng để tâm mình buông lung
Nên siêng năng học Thánh pháp



TT. TUỆ SỸ—THÍCH NGUYÊN CHỨNG

Như vậy là bỏ ái sâu
Tâm định tĩnh nhập Niết bàn.

6. Đức Phật Ca Diếp dạy:

*"Nhất thiết ác bất tác
Đương phụng hành chư thiện
Tự tịnh kỳ chí ý
Thị danh chư Phật giáo"*

Dịch:

Tất cả các việc ác chớ làm
Nên làm tất cả các việc thiện
Tự lóng sạch tâm ý
Ấy là lời chư Phật dạy.

7. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy:

*"Thiện hộ ư khẩu ngôn
Tự tịnh kỳ chí ý
Thân mạc tác chư ác
Thừa tam nghiệp đạo tịnh
Năng đắc Như Lai hành
Thị đại tiên nhân đạo"*

Dịch:

Khéo gìn giữ lời nói
Tâm ý được thanh tịnh
Thân không làm điều ác
Ba nghiệp được trong sạch
Thực hành tốt như vậy
Là Đạo của bậc Tiên nhân.

Ba ngày Tết đọc lời Phật dạy trong Giới kinh để nhớ lời của Ôn Trí Nghiêm giảng Luật nơi Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang: "Tui chỉ cần quý Thầy thanh tịnh cứ mỗi nửa tháng tới thôi." và lời của Ôn Đồng Minh - người được tán thán "Tịnh Như Bằng Tuyết" nói: "Các Thầy học Luật là để thấy mình có tăng tiến trên con đường tu tập hay không, chứ không phải học Luật để có mặc cảm tội lỗi."

Ngoài kia, trước sân chùa, nhánh mai vàng tươi thắm đong đưa với gió xuân như tinh khôi tự thuở nào. Như hăng hữu tự thuở nào. Trên dòng thời gian sinh diệt, có nhánh mai vàng bất sanh bất diệt trên dòng thời gian sinh diệt, thiên lưu.

San Diego, ngày 05 tháng 01 năm 2013
Nguyên Siêu

ĐI TÌM MỘT MẪU SỐ CHUNG Hay KẾT NỐI NHỮNG DẤU CHẤM TRONG CUỘC ĐỜI

Trần Quang Thuận



Steve Jobs (1955-2011) người sáng lập hãng Apple Computer, đã có lúc tu tại Ấn Độ, trong bài nói chuyện với các sinh viên tốt nghiệp trường Đại Học Stanford năm 2005, kể 3 câu chuyện như là lời nhắn nhủ thân tình với những sinh viên tốt nghiệp, sắp bước chân vào ngưỡng cửa cuộc đời:

1. Câu chuyện thứ nhất là việc **Kết Nối Những Dấu Chấm** (*Connecting the dots*), từ hàng vạn cái chấm hỗn độn để thấy con đường mình phải đi. Việc này làm tôi liên tưởng đến cái Lưới Đế Châu, the Indra Net, một cái lưới mà mỗi mắc lưới là một viên ngọc thạch lấp lánh phản chiếu rực rỡ lẫn nhau, biểu hiện thực thể thế giới đều chen lẫn và chiếu rọi lẫn nhau, một trong 10 huyền môn của Hoa Nghiêm Tông: *Nhân Đà La Vông Cảnh Giới Môn*, nói về sự phản chiếu nội tại, như trong lãnh vực được bao quanh bằng mảnh lưới Indra.

2. Câu chuyện thứ hai là sự **Mất Mát Và Tình Yêu**. Steve Jobs mất việc làm ở hãng do chính ông thành lập. Thật không có gì bất công, phi lý và ngang trái cho bằng. Nhưng nhờ vậy mà Steve cố gắng hơn, không nản chí, không than oán. Trong khoảng 5 năm sau đó, Steve đã xây dựng công ty NeXT và một công ty khác tên là Pixar. Pixar sáng tạo ra phim truyện hoạt hình bị mấy tính đầu tiên trên thế giới. Nó đã trở thành hãng phim hoạt hình thành công nhất trên thế giới. Vào lúc này Steve gặp được cô bạn gái Laurence và thành hôn với cô. Steve và Laurence có một gia đình hạnh phúc. Khi Apple mua NeXT, Steve trở lại Apple, những kỹ thuật mà NeXT đã phát triển trở thành nguồn sinh lực cho thời kỳ Apple phục hồi. Nếu Steve không bị sa thải thì làm sao có được tình yêu, làm sao có được Apple phục hồi?

3. Câu chuyện thứ ba là về **Cái Chết**. Nếu ngày hôm nay là ngày cuối cùng của đời tôi, tôi sẽ muốn làm gì và tôi sẽ chuẩn bị làm gì hôm nay? Steve tự hỏi và Steve trả lời: "Không ai muốn chết, ngay cả những người muốn lên Thiên Đường cũng không

muốn chết chỉ vì muốn lên được trên đó. Nhưng cái chết không ai có thể tránh khỏi, **nó chính là cái sáng tạo tuyệt vời nhất của kiếp sống**. Nó loại đi những người già để mở đường cho những người trẻ." Steve đã khám phá ra ý nghĩa của cái chết và Steve tiếp tục câu chuyện với các sinh viên tốt nghiệp ra trường: "Thời gian của các bạn có hạn, vì thế đừng lãng phí. **Đừng nhốt mình trong những tín điều nào đó, vì sống như vậy là sống bằng suy nghĩ của những người khác. Đừng để quan điểm của những người khác làm mờ nhạt đi quan điểm của chính bản thân bạn. Điều quan trọng nhất là bạn hãy dũng cảm đi theo sự mách bảo của trái tim và trực giác của mình.**"

Steve nói khi ông còn trẻ ông có đọc cuốn *Cẩm Nang Toàn Thế Giới* của Steward Brand được xem như là Thánh Kinh của thế hệ 60s trước khi có máy vi tính xách tay. Ở trang bìa sau cuốn sách có in ảnh một con đường vùng nông thôn trong ánh bình minh, dưới tấm ảnh có dòng chữ: "**Hãy luôn khao khát. Hãy cứ đại khờ.**"

Đại khờ là cái sơ tâm, trong sáng, tinh khiết, hồn nhiên như tờ giấy trắng mà khao khát là tâm bồ đề. Hãy phát triển Bồ Đề Tâm. Hãy giữ nguyên vẹn cái hăng say, cái đơn thuần, hồn nhiên của Sơ Tâm.

Trong *Tribe Life*, một tờ nguyệt san của Do Thái Giáo xuất bản tại Hoa Kỳ, tháng 8 năm 2012, một giáo sĩ Do Thái Giáo thuộc trường Đại Học Do Thái Hoa Kỳ (American Jewish University), Rabbi Cheryl Peretz trong bài *What To Expect From Your Rabbi* (Chúng ta kỳ vọng gì ở nhà đạo sĩ Do Thái?), nữ giáo sĩ Peretz, Phó Khoa Trưởng Đại Học Do Thái, trường ban Nghiên Cứu Thần Học Do Thái nói: "*Trong quá khứ chúng ta thấy không cần phải quan tâm mấy đến một số vấn đề. Ngày nay cộng đồng Do Thái mong các nhà lãnh đạo tinh thần của họ không những thông thạo giáo lý truyền thống mà phải liên hệ sâu đậm, phải móc nối với quần chúng.*"

Nhiệm vụ của nhà lãnh đạo tinh thần cộng đồng Do Thái không những chỉ giảng dạy giáo lý, không những chỉ quan tâm đến đời sống của hàng tín hữu lúc sinh, khôn lớn, thành hôn, tang lễ mà còn làm cố vấn cho những vấn đề không phải là truyền thống, đó là công ăn việc làm, gia cảnh, xung đột vợ chồng, cha mẹ, con cái. Giáo sĩ Do Thái không những là nhà lãnh đạo tinh thần mà còn là cố vấn gia đình, nhà tâm lý thực nghiệm, cán bộ xã hội. Do đó trong vấn đề đào tạo giáo sĩ, chúng ta phải quan tâm đến chiều hướng này.

Giáo sĩ Karen Bender của Temple Judea, một giáo phái Do Thái Cải Cách tại Tarzana, California nói: "*Tín hữu Do Thái đến gặp tôi với nhiều vấn nạn: sách nhiễu tình dục, ma túy, hãm hiếp, gia cảnh, tình hình tài chính, công ăn việc làm...*"

Giáo sĩ Donald Goor, bề trên của giáo sĩ Karen Bender nói: "*Dân chúng đến gặp tôi với vô số vấn đề, ngay cả vấn đề ngoại tình. Tôi rất hân hạnh tiếp*

chuyện với họ một cách cởi mở. Đây là cơ hội tốt nhất để thắt chặt giây liên hệ giữa tín đồ và giáo hội. Đây là nhịp cầu rất cần thiết."

Thế giới biến chuyển không ngừng. Ta có thể gạt bỏ, hội nhập hay xác định chuyển biến, nhưng ta không thể làm ngơ. Tôn giáo trong xu thế thời đại quá khứ, hiện tại hay tương lai, ở Đông Phương cũng như Tây Phương đều phải đương đầu với hiện thực này, để duy trì vai trò tôn giáo có ý nghĩa trong xã hội, trong cộng đồng nhân loại.

Tôn giáo và chuyển biến mặc dầu cường liệt hơn trong lúc xã hội phát triển mau chóng vẫn là nền tảng của mọi thời đại. Tôn giáo trong nghĩa rộng luôn luôn vẫn là tia hy vọng, là nguồn cảm hứng, là nơi nương tựa cho nhiều loại tâm hồn trong cuộc sống bấp bênh và tạm bợ, đầy hãi hùng mà cũng đầy kỳ bí.

Time Magazine số ra ngày 18 tháng 6, 2012 có đăng bài:

In Search of a Common Cause (Di Tìm Một Mục Tiêu Chung) của Joe Klein.

Joe Klein kể chuyện trong chuyến du hành năm thứ ba gần đây ông ghé quán cà phê Richard tại Moorville, NC, uống cà phê, nói chuyện với những cựu chiến binh thường hay tụ họp tại đây. Họ không mấy lạc quan

trước hiện tình đất nước. Khi ông Joe Klein hỏi họ nghĩ gì về Tổng Thống Obama, tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ, họ cười rồ lên, không phải là thái độ bất kính đối với vị nguyên thủ quốc gia, tổng tư lệnh quân đội, vì với Mitt Romney, ứng cử viên Tổng Thống của đảng Cộng Hòa năm 2012 cũng vậy. Họ cho là những vị này không san sẻ, không biết mùi cay đắng của những kẻ vào sinh ra tử trong các chiến trường hải ngoại.

Những cựu chiến binh này không mấy tin tưởng vào những người chưa bao giờ đặt chân vào quân trường, chưa bao giờ chiến đấu ngoài mặt trận. Phục vụ trong quân đội là nhịp cầu nối liền công dân Hoa Kỳ thuộc mọi thành phần xã hội, làm cho họ cảm thấy liên hệ mật thiết với nhau, cùng san sẻ một mục tiêu, cùng đi trên con đường phụng sự. Giờ đây quân đội Hoa Kỳ là quân đội chuyên nghiệp, chứ không phải thành phần động viên, nên thiếu nhịp cầu liên kết, khó cho người Hoa Kỳ tìm thấy một mục tiêu chung, một lý tưởng chung. Quốc gia Hoa Kỳ vì vậy bị phân hóa nặng nề.

Năm nay ông Joe Klein đi khắp tiểu bang North Carolina và Virginia. Ông nói thành phần bảo thủ thấy Hoa Kỳ gần đây thay đổi ngoài sự tưởng tượng, không những chỉ quyền dân sự mà còn quyền đồng tính luyến ái. Tại Hoa Kỳ hiện nay trên một nửa cửa hàng tạp hóa do người Nam A làm chủ, người Latinos (Trung, Nam Mỹ) không nói tiếng Anh, và ông tổng thống không phải trắng, không phải đen (Tổng Thống Obama thân phụ người Phi Châu da đen, thân mẫu người Mỹ da trắng). Sự kỳ thị của phe bảo thủ, nhất là của Đảng Trà (Tea Party) quá nặng nề đến nỗi một số người ngồi nói chuyện không thể chen được lời nào. Một phụ nữ ở Smith Mountain Lake nói: "Miệng tôi chảy máu vì tôi phải cắn răng không

dám hé môi." Tinh thần khoan dung của người Mỹ bây giờ đi về đâu?

"Nhưng chúng ta đều là người Mỹ" ông Joe Klein nói to lên như để phá tan không khí ngột ngạt. Ông nói: "Tôi muốn nhắc nhở cho cả hai phe biết chúng ta đều là người Mỹ. Làm thế nào để chúng ta có thể hiểu quan điểm của nhau, làm thế nào để chúng ta có thể chấp nhận nhau, tìm một mẫu số chung?"

Ông Joe Klein dành nguyên cả một buổi chiều nói chuyện với những người đã vào nằm nhà thương chữa bệnh nghiện ma túy. Một phụ nữ tên Tammie Noey đã từng ở tù, đã vào bệnh viện trừ ma túy nói giờ đây thì bà không còn nghiện ma túy nữa, nhưng rất khó kiếm việc. Công việc mà bà được thuê chỉ là nghề hầu bàn và bà không thể mua bảo hiểm sức khỏe. Ông Joe Klein hỏi ý kiến của những cựu chiến binh về chương trình y tế của Tổng Thống Obama. Terry Kinum, cựu chiến sĩ hải quân, chống đối kịch liệt chương trình này. Ông nói ông quá ngấy với chương trình y tế xã hội, đượm mùi Mát Xít của Obama. Các cựu chiến binh khác phản đối quan điểm của Terry Kinum. Hai chiến tuyến, hai lập trường không có nhịp cầu thông cảm. Ông Joe Klein hỏi nếu giả sử bà Tammie Noey là một cựu chiến binh thì quý vị nghĩ như thế nào? Mọi người im lặng, không ai trả lời câu hỏi. Ông Joe Klein có cảm tưởng trừ phi người Mỹ có dịp gần gũi với những người Mỹ khác, trừ phi có một nhịp cầu, thì họa may sự phân hóa mỗi một bước nâng lên, giúp người Mỹ có thể tìm thấy một mẫu số chung, một mục tiêu chung, nền tảng căn bản của một xã hội dân chủ, tiến bộ.

Dân chúng Hoa Kỳ vào thế kỷ 21 đang đi tìm một mẫu số chung, một mục tiêu chung để hàn gắn sự nứt rạn do hoàn cầu hóa đưa lại. Người Việt Nam thì như thế nào, có đi tìm một mẫu số chung để cùng nhau xây dựng cộng đồng, bảo vệ quốc gia, kiến thiết xứ sở? Và Phật tử Việt Nam phải làm gì để khỏi bị bão táp thời đại xé thành từng mảnh?

Cách đây hơn 5000 năm, tổ tiên dòng giống Việt sinh sống ở vùng núi Ngũ Lĩnh, hồ Động Đình, trung lưu sông Dương Tử, dần dần bị Hán tộc ép, tràn sang Biển Đông, hướng về phương nam vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã.

Quốc tổ của dân tộc ta là Lạc Long Quân, con của Kinh Dương Vương. Quốc mẫu của dân tộc ta là nàng tiên Âu Cơ, sinh ra một bọc trứng, nở ra 100 con. Con đầu thừa kế vương vị, hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang. Giòng họ Hùng Vương tiếp tục truyền thừa suốt 25 thế kỷ.



Truyền thuyết đôi khi không phải là dự kiến lịch sử, mà là một sáng tạo văn hóa, dựng lên để giải thích nguồn gốc dân tộc, để tạo tinh thần yêu nước, giữ nước, dựng nước.

Truyền thuyết Bách Việt, bọc trứng trăm con, gói ghém tình ruột thịt, đùm bọc, thương yêu lẫn nhau trên đường nam tiến. Đây là một huyền thoại được xây dựng bằng hình ảnh thần thoại Ấn Độ. Dòng giống Con Rồng Cháu Tiên, phản phất hình ảnh Na-



ga (Long, Rồng), làm cho chúng ta liên tưởng đến danh xưng của những vị đại sư xiển dương giáo lý Phật như Long Thọ (Nagarjuna), Long Trí (Nagabodhi) đệ tử của Long Thọ. Long Cung trong kinh *Hải Long Vương Phạm*. Long Hoa Thụ (Puspanaga) nơi Phật Di Lặc thành đạo, Long Hoa Hội, nơi Phật Di Lặc chuyển bánh xe pháp...

Huyền thoại Con Rồng Cháu Tiên kiên cố, vững chãi hơn Vạn Lý Trường Thành vì Vạn Lý Trường Thành vẫn không ngăn được vó ngựa của quân Mông Cổ xâm chiếm Trung Hoa, nhưng huyền thoại Trăm Con Trong Bọc Trứng đã giúp Việt Nam vượt qua hơn 10 thế kỷ Bắc Thuộc, vượt qua gần 100 năm nô lệ Pháp và sẽ vượt qua muôn ngàn chướng ngại trong việc duy trì dòng giống.

Trong thời Bắc Thuộc có một nhà sư uyên bác, thương yêu dân Việt, đến hồ Động Đình thăm viếng. Nhà sư ngồi trên thuyền giữa hồ Động Đình mê mông, nhìn thấy hàng đoàn chim bay từ sông Tương, đẹp như những nàng tiên, ông liên tưởng đến những con rồng trong kinh Phật, rồi sáng tạo ra chuyện Rồng Tiên được ghi trong *Lục Độ Tập Kinh* viết vào giữa thế kỷ thứ 3 nói đến chuyện 100 trứng nở thành 100 người con trai, thông minh tài trí, sức mạnh hơn người, lớn lên vua cha sai đem quân bình định thiên hạ... Nhà sư ấy là Khương Tăng Hội.

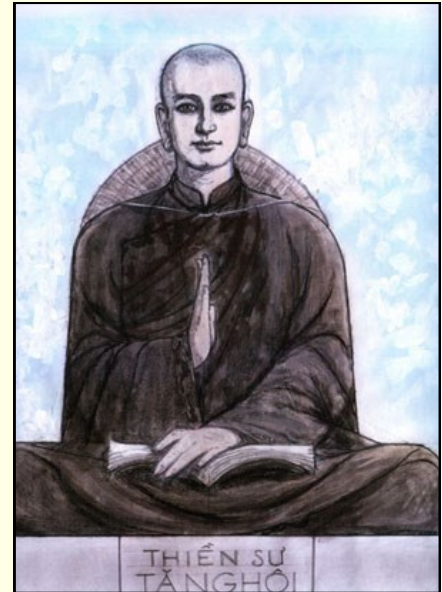
Khương Tăng Hội người Khương Cư (Sogdian), phụ thân là một thương gia đến Giao Chỉ làm ăn buôn bán. Khương Tăng Hội sinh đẻ tại Việt Nam. Năm 10 tuổi song thân đều mất. Khương Tăng Hội xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, tinh thông Tam Tạng. Năm 247, dưới thời Ngô Tôn Quyền, ngài đến Kiến Nghiệp, ở chùa Kiến Sơ dịch kinh và hoằng đạo. Năm 251 ngài dịch bộ *Lục Độ Tập Kinh*. **Truyện Trăm Con Trong Bọc Trứng là truyện 23 trong *Lục Độ Tập Kinh*.**

Trước sự đàn áp khốc liệt của Mã Viện sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, dân tộc ta kiệt quệ và

tan rã ra từng mảnh. Nhưng như một phép lạ, từ Ấn Độ xa xôi, Phật Giáo đã đến. Đến một cách nhẹ nhàng, thâm lặng, nhưng đầy sức quyến rũ và đầy sinh lực tiềm tàng. Từ đó Việt Nam âm thầm hồi sinh, kết tụ anh tài, chuẩn bị cho công cuộc cứu nước và dựng nước.

Từ khi đặt chân đến Việt Nam cho đến chiến thắng Bạch Đằng năm 986, Phật Giáo đã cống hiến cho dân tộc Việt:

- Giúp Việt Nam duy trì văn hóa Việt không để bị đồng hóa.
- Cung cấp cho dân Việt nguồn an ủi tâm linh, nếp sống tình cảm cần thiết mà Nho học không đáp ứng được.
- Đạo lý tương duyên, dung hợp, thần thoại Con Rồng Cháu Tiên giúp dân ta vun đắp lòng yêu thương, đùm bọc nhau trong cảnh đọa đày.



Việt Nam hiện nay đang sống trong cảnh phong ba bão táp trước xu thế hoàn cầu hóa, trước sự bành trướng kỹ nghệ và thương mại của Trung Quốc, trước trật tự thế giới đang được điều chỉnh.

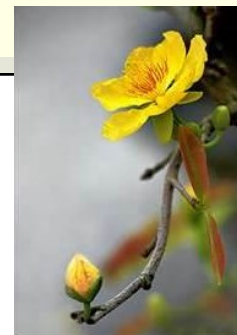
"*Đất vua chùa làng phong cảnh bụt*", câu ca dao Việt Nam nói lên sự gần gũi của ngôi chùa trong đời sống tâm linh của dân Việt có còn là hình ảnh thân thuộc nữa không? Bức tranh mô tả tâm linh người dân Việt "*Dù ai đi đó đi đây, hể trông thấy tháp chùa Dâu thì về*" có còn hấp dẫn, quyến rũ lòng người Việt? Có còn là điểm tụ cho người dân Việt? Lưỡi Đẽ Châu, thuyết trùng trùng duyên khởi có còn là móc xích tương duyên giữa người và người, giữa người và vạn vật?

Chúng ta rút tia được gì trong câu chuyện của Steve Jobs, của các giáo sĩ Do Thái Giáo? Chúng ta rút tia được gì trong bài *Đi Tìm Một Mẫu Số Chung* của Joe Klein?

- Chúng ta cần có một nhịp cầu. Chúng ta cần kết nối những dấu chấm trong cuộc đời, chúng ta cần tung Lưỡi Đẽ Châu để thể hiện đạo lý một là tất cả, tất cả là một, chúng ta cần móc nối với đời sống quanh chúng, cùng san sẻ gian nan và ập ủ kỳ vọng.

Dân tộc Việt là Con Cháu Rồng Tiên, vô lễ không có được cái thanh cao, cái sáng suốt, cái tao nhã để cùng nhau trò chuyện, chung sống trong hòa thuận, an vui? Là Trăm Con Trong Bọc Trứng, vô lễ không có cái thân tình, cái thân thuộc, gần gũi, thương yêu, cứu mang, đùm bọc lẫn nhau? Là con của Phật, thấm nhuần đạo lý tương duyên, vô lễ những lời nguyện tha thiết, chỉ thành trước đấng Từ Tôn: *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ... lấy kẻ chống nghịch làm bạn giao du, lấy oan ức làm đà tiến thủ...* chỉ là sáo ngữ, chỉ thốt ra trong lúc cao hứng nhất thời?

Trong sứ mạng hoằng truyền, trong công tác kết nối những dấu chấm đời người, chúng ta đôi khi gặp một số phản ứng làm cho chúng ta cảm thấy đau lòng, nản chí. Chúng ta có nên buồn không? Cuộc sống quá ngắn ngủi, chúng ta đâu còn có thì giờ để



giận, để buồn? “*Đừng lãng phí để sống cho một cuộc đời ai đó. Đừng nhốt mình trong những tín điều nào đó. Sống như vậy là sống bằng suy nghĩ của những người khác.*” Thật ra cảnh ngộ của chúng ta không đến nỗi khắc nghiệt so với Steve Jobs. Thật ra những người đồng đạo này đã giúp chúng ta thêm nỗ lực: “*Hãy luôn khao khát, hãy cứ đại khó !*”

Chúng ta có được cái may mắn sinh làm người, làm Con Rồng Cháu Tiên, thành phần của cộng đồng nhân loại, làm đệ tử Phật, được nghe, được học đạo lý Tương Duyên, được khai thị Tâm Bồ Đề, được đi trên con đường Bồ Tát. Làm thế nào để chúng ta có thể duy trì tín tâm, trường dưỡng sơ tâm, vun xới Tâm Bồ Đề? Làm thế nào để chúng ta có thể kiện toàn hành trang cho cuộc hành trình trên Con Đường Bồ Tát? Làm thế nào để chúng ta có thể báo đáp công ơn Phật Tổ, các đấng tiền nhân? Làm thế nào để chúng ta có thể kết nối những dấu chấm trong đời người? Làm thế nào để chúng ta có thể khế lý, khế cơ? Làm thế nào để chúng ta có thể thông dong đi trên con đường làng trong ánh sáng bình minh? Làm thế nào để chúng ta có thể “*Luôn khao khát, cứ đại khó*”?

Chỉ có một cách là theo chân Tịch Thiên (Santideva) trong *Nhập Bồ Đề Hạnh* (Bodhicaryavatara) chân thành phát nguyện:

1. Nguyên mỗi chúng ta là mỗi viên ngọc trong Lưới Đế Châu, luôn luôn nối liền nhau, yểm trợ nhau, sách tấn nhau trên đường tu đạo, hành đạo.
2. Nguyên sung sướng tùy hỷ, mang vui cho chúng sinh, dù gian nan, dù có ai xúc phạm, vẫn hằng say trong sứ mạng.
3. Nguyên làm thuyền, làm bè, bắc cầu vượt qua mọi chướng ngại. Nguyên làm tôi tớ giúp người thoát vòng ác đạo.
4. Nguyên rừng núi gươm dao biến thành vườn hoa trang lệ. Nguyên binh khí, đá lửa biến thành trận mưa hoa. Nguyên lữ hành lạc lối, may mắn gặp bạn đồng hành, cùng đi trên Đường Bồ Tát.
5. Nhờ phước Phật vô biên, chúng sanh đều an lạc. Nguyên trở về thế gian, nỗ lực trừ thống khổ. Nguyên cho Ba Ngôi Báu, tồn tại mãi trên đời.

Rita M. Gross trong bài **Buddhist to Buddhists** (Phật Tử nói với Phật Tử) đăng trong báo *Tricycle*, số Mùa Xuân 2012 viết:

“... thời đại vàng son mới của Phật Giáo sẽ được thực hiện một cách dễ dàng nếu Phật Tử của các hệ phái, giáo phái mở lòng đón nhận nhau, nghiên tâm giáo điển và phương thức hành trì của nhau, không đóng khung trong một không gian nhỏ bé, không cố chấp vào những ý kiến hẹp hòi, cá biệt... Trong kinh sách Phật thuộc bất kỳ giáo phái nào, đức Phật dạy Ngài chỉ là một người thường, nhờ tu hành chứng thành đạo quả mà giác ngộ thành Phật. Ngài không bao giờ cho mình là Chúa, là Thần. Giáo lý này nổi lên một cách cụ thể tinh thần bình đẳng của Phật Giáo. Ngài không dùng những câu chuyện thần thoại, những phép lạ kỳ bí để tôn vinh mình, nhất là tôn vinh, trang trí sau khi Ngài đã viên tịch...”

James Shaheen, chủ nhiệm và chủ bút tờ *Tricycle*, số Mùa Thu 2012, trong bài **Building a Bridge** (Xây Cất một Cây Cầu) nói: “... trong sứ mạng hoằng truyền giáo lý Phật ở Phương Tây, không khác gì bước qua một cây cầu trong khi đang xây cất nó. Trình bày Dharma là đi qua cầu, chiêm nghiệm một cách nghiêm túc là xây cất cây cầu văn hoá để yểm trợ..

Ngày Mới

*Tôi góp nhặt mùi thơm của hoa lá
Ở đâu đây và ở tận trời xa
Tôi mời gọi tiếng thì thầm của gió
Thức cùng tôi nhấp từng phút đi qua*

*Giờ linh thiêng, giờ Giao thừa gõ cửa
Ngày hôm qua, xin trả lại hôm qua
Sương trắng quá trên mấy chùm hoa bưởi
Lòng run run ngày mới, mới toanh mà*

*Quanh góc phố người chờ xe mắt sáng
Từ đỉnh cao cho đến cuối vực sâu
Cả hoa dại bên đường đang rết mướt
Đồng chấp tay dâng ngày mới nhiệm màu*

*Áo mới quá chưa một lần lấy mặc
Mặc đêm nay cho thêm trắng bầu trời
Mai một nọ lỡ không may lâm bụi
Thì đêm nay ngày mới giữ làm hơi.*

THÍCH MINH DUNG

thơ

Nếu chúng ta xây cất cây cầu, đôi khi chúng ta cảm thấy e ngại, đôi khi ta tự hỏi không biết nó có đưa ta qua bên kia bờ hay không. Dầu vậy ta vẫn phải tùy thời tùy cơ và điều đó không có gì lạ, không phải chỉ đặc biệt đối với người Tây Phương. Phật Giáo đã gặp và đã đối phó với nhiều tư trào mỗi khi truyền đến nước nào. Sức mạnh của nền tảng cây cầu dựa vào khả năng đối thoại cởi mở, thành thật và dung hợp.”

Trong khi soạn cuốn **HÀNH TRÌNH TÂM LINH**, đi tìm ý nghĩa của cuộc đời trên các nẻo đường văn hoá tâm linh, tôi cố đọc cuốn *Man's Search for Meaning* (Đi Tìm Lẽ Sống) của Viktor E. Frankl, Trưởng Khoa Thần Kinh Đại Học Y Khoa Vienna, Áo Quốc, bị Đức Quốc Xã bắt giam trong 4 trại tập trung, năm 1945 ông được quân đội Đồng Minh giải phóng thì ông chỉ còn một mình trở trại trên đời. Trong một buổi giảng, ông được Harold S. Kushner, giáo sĩ Do Thái Giáo yêu cầu ông tóm gọn ý nghĩa cuộc sống trong một câu. Ông viết câu trả lời trên giấy và hỏi lại các sinh viên đoán xem ông đã viết gì. Sau một hồi im lặng, một sinh viên phát biểu: “Ý nghĩa cuộc sống của thầy là giúp những người khác tìm ra ý nghĩa cuộc sống của họ.”

“Đúng vậy” Frankl nói. “Đó chính là câu tôi đã viết.”

Trần Quang Thuận

VĂN HÓA / PHONG TỤC

HUYỀN THOẠI RẮN

Huỳnh Kim Quang

Hàng ngàn năm trước tây lịch, khi thổ dân Dravidian còn ngự trị khắp lãnh thổ Ấn Độ cổ thời, vùng phía tây Hy Mã Lạp Sơn là lãnh địa của rắn.

Vốn là vùng rừng núi bạt ngàn nằm trên nóc nhà thế giới, Hy Mã Lạp Sơn là nơi thâm u bí hiểm với sơn lâm chướng khí trùng trùng và vô số loài thú dữ cư ngụ sẵn sàng lấy mạng người để làm thức ăn. Thời đó, thổ dân Dravidian không có đủ vũ khí hùng mạnh để chống cự với các loài mãnh thú và tự bảo vệ mình. Từng người vào rừng săn tìm thức ăn đã không thấy trở về. Độc địa nhất không phải chỉ là những hổ, cọp, gấu, beo nằm lộ lộ chờ mồi bên bờ suối, dưới gốc cây hay trong khe đá, mà ngay bên dưới lớp lá khô mục của đường rừng mà là những loài rắn nguy hiểm chực chờ bước chân người.

Trong số rắn độc lấy mạng nhiều thổ dân Dravidian nhất là loài mãng xà hung bạo. Chúng không những ở trên mặt đất mà còn ở dưới nước của sông, suối, khe, lạch, ao, mương. Người Dravidian còn cho rằng loài mãng xà có khả năng gọi mưa, thổi gió để trừng phạt con người. Thổ dân sợ loài rắn đó lắm. Họ không biết làm sao để đối phó hay trốn tránh chúng. Họ chỉ biết cầu nguyện. Và rồi họ nghĩ rằng cách hữu hiệu nhất là lập đền thờ rắn để cầu khẩn thần rắn tha mạng cho họ. Thần Naga xuất hiện từ đó. Naga không đơn giản là tên gọi một loài rắn bình thường mà còn biểu đạt sức mạnh siêu nhiên của thần linh có khả năng tàn hại hay cứu mạng con người. Huyền thoại Ấn Độ cổ thời cho rằng Thần Brahma rất sùng ái và tin tưởng hoàng tử rắn là Sesha nên giao nhiệm vụ cứu mạng và bảo hộ thế giới cho hắn.

Không những thế, huyền sử cổ thời của các dân tộc khác cũng có tục thờ thần rắn, như tại vùng sông Nile của Ai Cập, vùng lưỡng hà của Ba Tư, hay tại lãnh địa của dân tộc Cam Bốt, v.v... Đặc biệt tại Trung Quốc Naga đã hóa thân thành rồng với sắc thái đặc dị và linh thiêng mà các vị vua Trung Quốc đều lấy đó làm biểu tượng cho vương triều của họ. Rồng Trung Quốc về hình thức thì có khác với thần rắn Naga của Ấn Độ nhưng về đặc tính siêu nhiên và thần thoại thì không khác mấy.

Sử thi Mahabharata (xuất hiện vào thế kỷ thứ 9 trước tây lịch) của Ấn Độ kể chuyện làm sao rắn và điều hâu trở thành kẻ thù truyền kiếp để từ đó xảy ra các cuộc thiêu sống loài rắn. Chuyện kể rằng, ngày xưa vua điều hâu Garuda và rắn Naga vốn là anh em họ. Nhưng đến đời thánh Kasyapa thì chuyện lục đục giữa hai nhà bắt đầu phát sinh. Lý do là vì ông thánh Kasyapa này có tới 13 bà vợ. Một trong 13 bà vợ đó có 2 bà tên là Kadru và Vinata. Kadru muốn có nhiều con, ngược lại Vinata thì chỉ muốn có ít con nhưng đứa nào cũng phải đầy quyền lực. Rồi thì cuối cùng cả hai bà đều được toại nguyện. Kadru đẻ ra một ngàn con rắn, và Vinata đẻ hai người con mà một người là Surya, thần mặt trời và người con kia là Garuda, con chim điều hâu mang nửa cốt người nửa cốt chim mà thần Vishnu thường cỡi trên lưng bay đi. Trong một cuộc đánh cá mà cổ thi gọi là ngư xuân, Vinata bị bắt làm nô lệ cho chị mình là Kadru. Nhưng oán âm thay, nợ mẹ mà con phải



gánh. Do đó, Garuda là con của Vinata đã bị buộc làm theo mệnh lệnh của rắn. Garuda bức tức và đã thề rằng không bao giờ buông tha. Khi Garuda hỏi con rắn làm sao để cứu được mẹ, Vinata bảo Garuda phải mang linh đơn, thần dược bắt từ trời. Garuda bèn ăn cắp thần dược từ vị thần và mang tới cho các con rắn để hoàn thành yêu cầu của chúng, nhưng những con rắn đã không thực hiện lời hứa. Từ đó về sau, Garuda xem những con rắn là kẻ thù và bắt để ăn.

Trong cuộc cá độ, để giành phần thắng, Kadru, thủy tổ của rắn, yêu cầu con cháu bà phải tìm mọi cách để cho bà thắng. Nhưng con cháu rắn của bà đã không chịu làm thế, cho nên Kadru nổi giận và thề bắt chúng phải bị chết thiêu trong lễ tế rắn của Vua Janamejaya. Vua Janamejaya sinh ra mang theo mối hận vua cha bị rắn giết nên thề không đội trời chung với loài rắn. Do vậy ông thực hiện lễ thiêu sống rắn gọi là Sarpa Satra. Các cuộc tế lễ thiêu sống rắn được thực hiện bên bờ sông Arind tại Bardan, ngày nay là Parham. Và ngôi đền do Vua Janamejaya xây lên để tế sống rắn ngày nay vẫn còn tại vùng Mainpuri, ở Ấn Độ. Sau đó vị vua rắn Vasuki tỉnh thức trước lời thề và biết rằng những anh em của ông phải cần đến một vị anh hùng để giải cứu. Vasuki bèn đến vị đạo sĩ Jaratkaru với đề nghị kết hôn với nữ thần rắn là Manasa, chính là em gái của Vasuki. Cặp vợ chồng đạo sĩ Jaratkaru và nữ thần rắn Manasa sinh ra người con trai Astika chính là cứu tinh của rắn. Astika đến khuyên can Vua Janamejaya để chấm dứt cuộc tàn sát loài rắn và Vua Janamejaya làm theo.

Khi văn hóa Ấn Độ lan truyền sang vùng Đông Nam Á vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch đi theo đó là làn sóng truyền bá của Bà La Môn giáo hay Ấn Độ giáo. Trong số những quốc gia vùng Đông Nam Á hấp thụ nền văn hóa Bà La Môn của Ấn Độ sâu đậm và lâu dài nhất là Cam Bốt.

Rắn Naga của Ấn Độ khi đến Cam Bốt đã hóa thân thành người. Huyền thoại này kể rằng, người con gái của Vua Rắn Naga trong một tình cờ đã gặp

được chàng thanh niên giòng dõi Bà La Môn của Ấn Độ có tên là Kaundinya. Hai người yêu nhau và lấy nhau, rồi sau đó sinh ra những người con để tạo thành dân tộc Cam Bốt tồn tại cho đến ngày nay. Trong nền văn hóa Cam Bốt, Rắn Naga được tạc thành tượng 7 đầu để thờ trong các đền thờ như Đền Đế Thiên Đế Thích. Theo văn hóa Cam Bốt, 7 đầu tượng trưng cho 7 màu của cầu vồng. Người Cam Bốt còn giải thích Rắn Naga có số đầu lẻ tượng trưng cho phái nam với năng lực, vô hạn, vô biên, và bất tử. Rắn Naga có số đầu chẵn tượng trưng cho nữ giới với thể lực, hữu hạn, tạm bợ và trái đất.

Dân tộc Thái Lan và Lào cũng tôn thờ thần rắn Naga vì họ cho rằng thần rắn Naga là chúa tể cai quản dòng sông Mekong. Hàng năm người dân Thái Lan và Lào đều tổ chức lễ cúng tế thần rắn Naga. Người dân Thái và Lào sống dọc theo sông Mekong tin rằng cúng tế thần rắn Naga sẽ được thần rắn bảo hộ tại qua nạn khỏi lúc làm ăn trên sông, trên nước. Mỗi năm vào ngày 15 tháng 11 theo lịch Lào, một buổi lễ cúng tế thần rắn Naga được tổ chức trong thể tại quận Phonphisai thuộc tỉnh Nong Khai của Thái Lan với pháo bông rực rỡ vào ban đêm.

Rắn Naga hóa thành người ở Cam Bốt và được tôn làm thần linh ở Ấn Độ, Thái Lan, Lào là huyền thoại đầy bí nhiệm, nhưng vẫn chưa bằng huyền thoại rắn Naga thành Phật trong kinh Phật. Tuy nhiên, trước khi kể chuyện rắn Naga thành Phật, xin kể về chuyện rắn Naga giữ kinh Phật ở thủy cung hay long cung.

Chuyện là thế này, lịch sử Phật Giáo Ấn Độ có một nhân vật mà sau này được tôn xưng là đệ nhị Thích Ca, tức là chỉ đứng sau đức Phật Thích Ca mà thôi. Nhân vật đó là Bồ Tát Nāgarjuna (xuất hiện vào thế kỷ 2 sau tây lịch tại miền nam Ấn Độ) mà các nhà Phật học Trung Quốc dịch là Long Thọ. Bản thân của ngài Long Thọ chứa đầy những huyền thoại kỳ kỳ mà cho đến nay các nhà sử học cũng không có cách lý giải. Ngài Long Thọ là người truyền bá tư tưởng Phật Giáo Đại Thừa mạnh mẽ và hữu hiệu nhất tại Ấn Độ đặc biệt là hệ thống giáo nghĩa về Bát Nhã Tánh Không. Chuyện kể rằng khi chưa xuất gia đầu Phật, ngài Long Thọ là người bác học tinh thông mọi thứ từ triết lý tư tưởng, tôn giáo đến y học, thuật số và phép tắc thần thông. Ngài đã từng chữa lành bệnh nan y cho nhiều người. Sau khi xuất gia ngài thông suốt khắp các kinh luận của những bộ phái Tiểu Thừa và biện tài vô ngại. Tiếng đồn thấu tới tận long cung của vua rắn Naga. Vua rắn Naga mới cho người thỉnh ngài Long Thọ xuống long cung để trao kinh Phật. Nguyên là khi đức Phật còn tại thế đã giao cho vua rắn cất giữ bộ Kinh Bát Nhã ở long cung chờ đến khi có đủ duyên và người xứng đáng để trao lại. Ngài Long Thọ xuống long cung và được vua rắn Naga dẫn vào thư phòng chứa bộ Kinh Bát Nhã để giới thiệu. Ngài Long Thọ ở lại mấy tháng để đọc bộ Kinh Bát Nhã này và nắm lòng trong bụng. Sau khi trở về nhân gian, ngài Long Thọ chép lại Kinh bằng tiếng Phạn và viết nhiều bộ luận để xiển dương giáo lý Bát Nhã Tánh Không của Đại Thừa. Trong số các bộ luận do ngài Long Thọ sáng tác có nhiều bộ rất phổ biến và còn lưu truyền đến ngày nay như Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, Đại Trí Độ Luận, v.v...



Bây giờ xin kể chuyện con gái của vua rắn Naga thành Phật. Chuyện này được kể trong Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa – Mahayana Saddharma Pundarika Sutra, phẩm Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) thứ 12 theo bản dịch Hán ngữ của ngài Cưu Ma La Thập – Kumārajīva -- từ bản tiếng Phạn vào năm 406 sau tây lịch tại Trung Quốc. Bộ Kinh này cũng đã được dịch sang tiếng Việt bởi Hòa Thượng Thích Trí Quang và Hòa Thượng Thích Trí Tịnh. Bản dịch sau được phổ biến rộng rãi trong các chùa Việt. Kinh kể rằng trong Hội Pháp Hoa, Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát Văn Thù (Manjusri) lâu nay ở trong thủy cung của vua rắn đã độ được bao nhiêu con rắn. Bồ Tát Văn Thù nói rằng ngài đã thuyết Kinh Pháp Hoa và độ vô số chúng sinh trong loài rắn. Khi ngài Văn Thù nói như vậy thì

có vô số bồ tát từ dưới biển vọt lên và đến núi Linh Thứu nơi đức Phật đang nói Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Trí Tích hỏi lại Bồ Tát Văn Thù rằng Kinh Pháp Hoa là vua trong các Kinh nội dung cao sâu vì điều không phải ai cũng có căn cơ đủ để tu hành mà thành Phật mau được. Ngài Văn Thù liền kể rằng có người con gái của vua rắn ở long cung mới có 8 tuổi mà "căn tính lanh lẹ, có trí tuệ, khéo biết các căn tính hành nghiệp của chúng sinh, được pháp tổng trì, các tạng pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thụ trì, sâu vào thiền định, rõ thấu các pháp. Trong khoảnh sát na phát tâm Bồ Đề được bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sinh như con đỏ, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi nhận đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, năng ấy có thể đến bồ đề."

Khi ngài Văn Thù kể đến đó thì Bồ Tát Trí Tích không tin, nên ông phát biểu cảm nghĩ rằng đức Phật Thích Ca cũng đã trải qua vô lượng vô số kiếp tu hành khổ hạnh thì mới thành Phật được, lẽ nào một con rắn con mới có 8 tuổi lại có thể mau thành Phật như thế. Trong lúc Bồ Tát Trí Tích còn đang giải thích suy nghĩ của mình cho ngài Văn Thù nghe thì con gái của vua rắn hiện ra trước pháp hội đến dâng lễ đức Phật và đứng qua một bên. Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất là đệ tử có trí tuệ đệ nhất của đức Phật Thích Ca còn nghi ngờ chuyện con gái vua rắn thành Phật nên hỏi người con gái của vua rắn rằng, việc đó có đúng như vậy chẳng. Con gái vua rắn không nói gì mà đem hột minh châu đắt giá tặng cho đức Phật Thích Ca. Đức Phật tức thì hoan hỷ nhận hạt minh châu của cô bé con vua rắn. Cô bé rắn quay qua ngài Xá Lợi Phất và Trí Tích Bồ Tát hỏi rằng việc cô tặng hạt minh châu và Phật nhận có mau không? Cả hai vị đều nói là rất mau. Cô bé rắn giải thích với 2 vị này rằng việc cô thành Phật còn mau hơn nhiều. Và rồi cô bé con vua rắn tức thì biến thành thân con trai và bay qua cõi nước Vô Cấu ở phương nam, ngồi lên tòa sen và thành Phật với ba mươi hai tướng tốt không khác gì các đức Phật. Bồ Tát Trí Tích và ngài Xá Lợi Phất chỉ còn biết im lặng và tin là thật mà không nói được lời nào.

Truyền thuyết về con rồng cháu tiên của dân tộc Việt có phải cũng từ huyền thoại rắn Naga mà ra và người Việt Nam phải chăng cũng là con cháu của nhà rắn thần linh này? Dẫu sao thì dòng dõi Lạc Hồng cũng hơn các dân tộc khác ở chỗ có một nửa cốt cách là tiên.

Huỳnh Kim Quang

XUÂN TỪ BI

Thích Trừng Sỹ

Chúng ta đều biết một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày bắt đầu từ ngày ba mươi mốt tháng mười hai năm nay tới ngày Mùng một tháng giêng năm sau. Trong những ngày chuyển tiếp ấy, có hai ngày chuyển tiếp đáng nhớ, đó là, ngày cuối của năm cũ và ngày đầu của năm mới. Bên cạnh đó, ta còn có đêm chuyển tiếp, giờ chuyển tiếp, phút chuyển tiếp... được gọi là đêm giao thừa, giờ giao thừa, phút giao thừa... Từ đây, ngày Tết đầu năm bắt đầu xuất hiện, ta có Lễ hội Xuân. Trong Lễ hội Xuân thường có ba ngày Lễ hội hoặc nhiều hơn nữa, mọi người cùng nhau vui Xuân và vui Lễ hội.

Theo tư tưởng Phật giáo phát triển, đức Phật Di Lặc xuất hiện ra đời vào ngày mới đầu năm – ngày Mùng Một Tết, đặc biệt là giờ phút giao thừa an lạc, linh thiêng và vui vẻ. Trong giờ phút an lạc này, mọi người đều có chung ước muốn cầu nguyện bắt đầu từ đầu năm cho tới cuối năm, điều lành đưa tới, dữ thời đưa đi, nhà nhà hạnh phúc, người người yên vui, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Như quý vị biết Phật Di Lặc trong tiếng Phạn (*Sanskrit*) là *Maitreya Buddha*. *Buddha* có nguồn gốc từ *Budh*; *Budh* có nghĩa là tỉnh thức, hiểu biết, giác ngộ,... *Buddha* có nghĩa là Người tỉnh thức, giác ngộ, giải thoát, vững chắc, thành thời, v.v... được dịch tiếng Việt là Phật hay Bụt. *Maitreya* (*Sanskrit*) là có nguồn gốc từ *Maitrī* hay *Mitra* (S.) có nghĩa là người hoan hỷ và sự hoan hỷ, người thương yêu và sự thương yêu, người hiểu biết và sự hiểu biết... được dịch tiếng Việt là Di Lặc. Vậy *Maitreya Buddha* dịch âm là Phật Di Lặc dịch nghĩa là Người có thân tâm an lạc, hoan hỷ, thương yêu, hiểu biết, thân thiện, gần gũi, chia sẻ, giúp đỡ v.v... Thực vậy, Phật Di Lặc, là hiện thân cho sự hoan hỷ, sung mãn, tràn đầy, sức sống, tươi sáng, tốt đẹp, an vui, hạnh phúc, thương yêu, hiểu biết..., có khả năng hiển tạng những hoa trái an vui, hạnh phúc, thương yêu và hiểu biết tới nhiều người.

Đản sinh vào ngày Tết đầu năm, đức Phật Di Lặc biểu hiện cho tinh thương, tha thứ, bao dung, độ lượng, hoan hỷ, v. v... Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy đức Phật Di Lặc cụ thể bằng xương bằng thịt xung quanh chúng ta, đó là, cha, mẹ, thầy, bạn, vợ, chồng, con cái, và mỗi chúng ta. Cha mẹ hoan hỷ thì con cái hoan hỷ, cha mẹ an lạc thì con cái an lạc, và ngược lại, con cái hạnh phúc thì cha mẹ hạnh phúc... bằng cách áp dụng và thực hành Phật pháp vào đời sống hằng ngày của mình. Sống đời sống vui vẻ, thương yêu, an lạc và hạnh phúc cho số đông, thì mỗi chúng ta là đức Phật Di Lặc hiện tại cũng như tương lai để hiển tạng an vui và hạnh phúc cho tự thân và tha nhân ngay cuộc sống này.

Qua những ý nghĩa trên, người viết mạnh dạn đặt tựa đề cho bài viết này là **"Xuân Từ Bi."** Chủ đề này được chia làm hai phần: "Xuân và Từ Bi." "Từ Bi" sẽ được trình bày phần dưới. "Xuân" được trình bày ở đây. "Xuân" gồm có "thời gian Xuân, không gian Xuân, hoàn cảnh Xuân và tâm Xuân."



"Thời gian xuân" trong bài viết này gồm có những ngày cuối của năm cũ và những ngày đầu của năm mới. Trong những ngày cuối của năm cũ, người ta nghỉ học, nghỉ công sở, nghỉ làm việc, bận rộn lo mua sắm, lo lau dọn, lo làm bánh, lo nấu nướng, lo quét dọn, cắm hoa, trang trí bàn thờ Phật và thờ Ông bà Tổ tiên nội ngoại, v.v... và v.v... Trong những ngày đầu năm mới, người ta rảnh rỗi, vui vẻ và nhộn nhịp lắm lo đi chùa thắp hương lạy Phật, chư vị Bồ Tát, chư Hộ pháp thiện thần để xin lộc đầu năm bằng cách cầu nguyện các Ngài chứng minh, gia hộ và độ trì cho con, người thân người thương trong gia đình con đều được an vui và hạnh phúc từ đầu năm cho tới cuối năm.

Nếu là đạo Chúa, mình đi nhà thờ làm lễ và xin cầu nguyện Đấng ơn trên gia hộ và độ trì cho con và thân bằng quyến thuộc của con sức khỏe dồi dào, thân tâm an lạc.

Sau khi đi chùa hoặc đi nhà thờ xong, chúng ta tiếp tục đi thăm gia đình nội ngoại hai bên và mừng tuổi Ông Bà với những lời chúc thâm tình, thân thiện, gần gũi, dễ thương và tốt đẹp như người sống được vui, kẻ siêu được sinh về thế giới an lành.

Chúng ta biết một cây cổ thụ có gốc rễ, có thân, có cành, có nhánh, có lá... Cha mẹ là gốc rễ, là thân cây; chúng ta là cành, là nhánh, là lá... Gốc rễ và thân cây nuôi dưỡng cành, nhánh, lá, và giúp cành, nhánh, lá phát triển xanh tươi, che nắng, ra hoa, kết trái để hiển tạng cho đời một môi trường thiên nhiên tươi mát, xanh đẹp. Ngược lại, gốc rễ và thân cây không vững chắc và không có nhựa sống, thì cành nhánh lá dễ rụng, dễ gãy, dễ khô cằn và dễ héo úa. Nếu cây có quả, thì quả của nó không ngon và không ngọt.

Cũng vậy, cha mẹ sống đời sống có đạo đức, có tu tập, có hành trì và áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hằng ngày của mình bằng cách không làm các việc ác, làm các việc lành, giữ thân tâm an lạc và trong sạch để nuôi dưỡng lòng từ, bố thí Phật pháp và của cải cho người nghèo khổ, sống chân thật và tin tưởng, tạo niềm tin và uy tín cho nhiều người. Làm được như vậy, thì cha mẹ là người an lạc và hạnh phúc có khả năng hiển tạng những hoa trái an lạc và hạnh phúc cho con cái và dạy cho con cái phân biệt những điều thiện và điều bất thiện; điều thiện thì tiếp tục làm, duy trì và phát triển, điều bất thiện thì tập bỏ dần và bỏ hẳn.

Do đó, cha mẹ đóng vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục con cái. Cha mẹ là nền tảng hạnh phúc của gia đình sống đời sống đạo đức, thì con cái có ảnh hưởng noi theo. Hạnh phúc của ba mẹ chính là hạnh phúc của con cái và an vui của con cái chính là an vui của ba mẹ.

Giáo dục gia đình tuy không có trường lớp, nhưng nó là nền tảng thiết yếu của xã hội. Trong gia

đình, cha mẹ là thầy giáo dạy về thương yêu, con cái là học sinh, sinh viên học về thương yêu. Tình thương yêu giữa cha mẹ và con cái được gắn kết với nhau rất mật thiết tạo thành sức mạnh hạnh phúc của gia đình. Chính yếu tố sức mạnh ấy nên con cái luôn ghi ơn và nhớ ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Thực vậy, dù chúng ta làm gì ở đâu, dù chúng ta làm ông tỉnh trưởng hoặc bà quận trưởng, dù chúng ta là người Phật tử hay không phải Phật tử, nhưng Ông bà cha mẹ vẫn là người mà chúng ta quý kính nhất trên đời. Ca dao Việt Nam có câu:

"Có cha mẹ lại có ta;
Cha mẹ là gốc, chúng ta là cành.

Thân ta như thể lá xanh,
Nhờ gốc tiếp nhựa, thì cành mới tươi."

Để nhấn mạnh những ý nghĩa trên, chư vị Tôn đức thường dạy: "**Tôn kính cha mẹ chính là tôn kính Phật.**" "**Thờ cha thờ mẹ chính là thờ Phật.**" Thật vậy, vai trò cha mẹ rất là quan trọng. "**Cha mẹ tại nhà được xem như Phật tại thế.**" Chính vì những lý do trên nên sau khi đi chùa hoặc đi nhà thờ xong, chúng ta thường đi viếng thăm và mừng tuổi Ông bà cha mẹ vào dịp Tết đầu xuân.

Theo truyền thống của người Á đông, đặc biệt là người Việt Nam, sau khi viếng thăm cha mẹ nội ngoại hai bên rồi, chúng ta tiếp tục đi viếng thăm mộ, thắp hương và cầu nguyện những người đã khuất gia hộ và độ trì cho con cháu lớn nhỏ đều được bình yên. Theo triết lý nhân sinh, người sống và người chết đều có mối tương quan và tương duyên với nhau rất mật thiết. Người sống và người chết có thể là Ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cháu... của chúng ta.

Do đó, con cháu ở đâu thì Ông bà ở đó, hoặc Ông bà ở đâu thì con cháu ở đó. Điều đó có nghĩa là con cháu làm điều thiện thì Ông, bà, cha, mẹ mang tiếng tốt. Con cháu làm điều bất thiện, thì Ông bà cha mẹ mang tiếng không tốt. Ngược lại, Ông bà, Cha mẹ là những người có phước đức để lại phước đức cho con cháu nó nhờ. Ông bà, Cha mẹ là những người thiếu phước đức, thì hiện tại cũng như tương lai con cháu nó khổ lắm. Dĩ nhiên, con cháu nỗ lực tu tập và thực hành lời Phật dạy vào trong đời sống hằng ngày của mình, thì nó có thể chuyển hóa khổ đau thành an vui và hạnh phúc.

Là người tinh thức, ai mà không muốn gia đình mình hạnh phúc, con cháu mình an vui. Hiểu được như vậy, chúng ta cố gắng làm những điều phước thiện để lại phước đức cho con cháu nó nhờ. Tuy phước đức không có hình tướng, không thể thấy được, nhưng nó đóng vai trò rất quan trọng trong việc vun trồng và nuôi dưỡng đời sống tâm linh của mỗi chúng ta. Nó được xem như là năng lực từ trường tâm linh rất mạnh chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phước đức có thể thấy được là nhờ biểu hiện qua đời sống đầm ấm và hạnh phúc của gia đình, con cháu của ta lớn nhỏ đều được yên vui, học hành tới nơi tới chốn, đứa nào đứa nấy cũng có nghề nghiệp, công ăn việc làm ổn định, và lập gia thất.



Nếu là người cư sĩ, con cháu làm ăn phát đạt có tâm hộ trì và bảo vệ chánh pháp. Nếu là người xuất sĩ, con cháu dành nhiều thời gian tu học và hoằng pháp để đem đạo vào đời và giúp đời an vui và hạnh phúc. Nếu bạn là Phật tử hay không phải là Phật tử, bạn có thể xây dựng gia đình hạnh phúc, con cháu an vui bằng cách tôn kính Ông bà, phụng dưỡng Cha mẹ, không làm các việc ác, làm các việc lành, giữ thân tâm an lạc và thanh tịnh để đem lại phước đức cho tự thân và tha nhân ngay cuộc đời này.

Trên đây "**thời gian xuân**" được trình bày xong, tiếp đến, "**không gian Xuân, hoàn cảnh Xuân và tâm Xuân**" được trình bày chung với nhau. "**Không gian Xuân**" là không gian của lễ hội rộng lớn và nhộn nhịp. "**Hoàn cảnh Xuân**" là hoàn cảnh của lễ hội thanh bình và vui vẻ. Trong đó, mọi

người cùng nhau vui xuân và vui lễ hội. "**Thời gian Xuân, không gian Xuân, hoàn cảnh Xuân và tâm Xuân**" có mối liên hệ với nhau rất mật thiết và không thể tách rời nhau. Chúng tách rời nhau được là vì người viết muốn trình bày từng phần để dễ viết, dễ đọc và dễ hiểu.

Trong "**thời gian Xuân, không gian Xuân, hoàn cảnh Xuân và tâm Xuân**," "**tâm Xuân**" đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo ra muôn sự muôn vật trong vũ trụ, kể cả tạo ra "**thời gian Xuân, không gian Xuân và hoàn cảnh Xuân.**"

"**Tâm Xuân**" là cái tâm an bình, vui vẻ, rộng lớn... Cái tâm này vừa chỉ cho cái tâm cá nhân vừa chỉ cho cái tâm cộng đồng bao trùm cả quốc gia và rộng lớn hơn nữa. Khi "**tâm Xuân**" của mình an bình rồi, thì "**thời gian Xuân, không gian Xuân và hoàn cảnh Xuân**" chắc chắn trở nên an bình, và ngược lại, khi "**tâm Xuân**" không an bình thì sức mảy mà chúng ta có được "**thời gian Xuân, không gian Xuân và hoàn cảnh Xuân.**" Tâm Xuân ngó vậy mà quan trọng lắm.

"**Tâm xuân vũ trụ đều xuân,
Tâm bình thế giới đâu đâu cũng bình.**"

Tới điểm này, "**tâm xuân**" được hiểu là "**Tâm Từ bi.**" Chủ đề của bài viết này là "**Xuân Từ Bi.**" Chữ "**Xuân**" đã được trình bày ở trên, tiếp đến, người viết trình bày hai chữ "**Từ và Bi**" (Pāli: *Mettā and Karuṇa*).

"**Từ Bi**" nằm trong Tứ vô lượng tâm ⁽¹⁾ (Sanskrit: *catur-apramānavihāra*; Pāli: *catur-appamañña-vihāra*) được gọi là "**Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng và Xả vô lượng.**" Trong bài viết này, người viết chỉ trình bày "**Từ vô lượng và Bi vô lượng**" mà thôi.

Theo triết lý của đạo Phật, "**Vô lượng**" (*Appamannā*) có nghĩa là không ngăn mé, không ranh giới, không giới hạn, không phân biệt tôn giáo và không kì thị chủng tộc, v.v... "**Từ Bi**" trong đạo Phật có khả năng dung nhiếp và ôm ấp tất cả các học thuyết, tư tưởng và triết thuyết khác ở đời. Nó không những lưu hành và vận chuyển trong "**thời gian Xuân, không gian Xuân, hoàn cảnh Xuân, mà còn trong thời gian Hạ, không gian Hạ, hoàn cảnh**

Hạ, Thu và Đông.” “**Từ Bi**” trong đạo Phật không những hòa quyền với bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, mà còn với ba thời: Quá khứ, Hiện tại và Tương lai. Nó vượt thoát thời gian.

Thực vậy, “**Xuân Từ Bi**” hiện hữu khắp nơi và khắp chốn khi nào mỗi chúng ta sống đời sống chánh niệm và tinh giác, vững chãi và thành thời bằng cách hành trì và ứng dụng Phật pháp vào trong đời sống hằng ngày của mình để đem lại an vui và hạnh phúc cho số đông.

Theo định nghĩa thông thường, “**Từ là ban vui; Bi là giúp người bớt khổ.**” Dựa vào định nghĩa trên, chúng ta có nhiều định nghĩa tiếp theo như sau: “**Từ là hoa trái của an vui; Bi là hiến tặng hoa trái an vui cho người. Từ là chất liệu của thương yêu; Bi là hiến tặng chất liệu thương yêu cho người. Từ là hạt giống tươi mát; Bi là hiến tặng hạt giống tươi mát cho người. Từ là hạt giống không kì thị; Bi là hiến tặng hạt giống không kì thị cho người. Từ là năng lực tu tập của chính mình; Bi là đem năng lực tu tập của chính mình để hiến tặng cho người khác.**”

Từ và Bi được định nghĩa như vậy cho dễ hiểu, chứ thật ra, Từ và Bi luôn đi đôi, đi ba, đi tư, đi năm, v.v... gắn kết với nhau rất chặt chẽ. Trong Từ có Bi và trong Bi có Từ. Trong Từ bi có các chất liệu khác như Hỷ và Xả, an vui và hạnh phúc, vững chãi và thành thời. Người nào hiểu rõ và nắm vững được Từ và Bi là hiểu rõ và nắm vững những cái còn lại bởi vì trong Từ và Bi có đủ các đặc tính khác.

Từ và Bi là hoa trái của **thương yêu** luôn đi đôi với **hiếu biết**. Đến đây, **Từ Bi** và **Trí huệ** cùng đi song hành. Người nào có tu tập Từ Bi thì luôn ứng dụng thích hợp với cuộc sống hằng ngày.

Ví dụ, mình có thói quen hút thuốc và uống rượu, người thân người thương của mình khuyên mình nên bỏ hút thuốc và bỏ uống rượu, nhưng mình cứ khẳng khái hút thuốc và uống rượu, mình không chịu bỏ, mình còn nói giỡn: “**Thà bỏ người yêu của tôi, chứ bỏ hút thuốc và bỏ uống rượu thì tôi nhất định không bỏ.**” Một hôm chúng ta có duyên đi dự khóa tu mùa Xuân một tuần nghe Thiền Sư Thích Nhất Hạnh giảng pháp và đề cập tới vấn đề “thương mình” và “thương người.”

“**Thương người**” trước hết mình phải “**thương mình.**” “**Thương cha thương mẹ, mình cũng phải thương mình.**” “**Thương mình**” ngó vậy mà vững chãi lắm. “**Thương mình**” thì mình phải bảo vệ lá phổi của mình, lá gan của mình, trái tim của mình, v.v... Lá phổi, lá gan và trái tim của mình làm việc suốt ngày đêm, nó không bao giờ dừng nghỉ một giây một phút. Muốn sống lâu hơn và khỏe hơn, chúng ta phải tập bỏ hút thuốc và bỏ uống rượu dần dần. Bỏ đến khi nào chúng ta không còn hút thuốc và uống rượu nữa vì hút thuốc và uống rượu có khả năng làm hỏng cả thân lẫn tâm của chúng ta.

Ở điểm này, chúng ta cũng nên biết thêm “**thức**” và “**trí.**” “**Thức**” là kiến thức, là lí thuyết mà mình đã học; “**Trí**” là trí huệ, là sự tu tập, ứng dụng và thực hành kiến thức và lí thuyết mà mình đã biết



đã học. Học mà không ứng dụng và thực hành thì chúng ta chỉ đạt kết quả tốt đẹp chỉ 50%. Còn học mà thực hành và ứng dụng cái hiểu, cái biết và cái kiến thức mà mình đã học vào trong cuộc sống hằng ngày của mình, thì ta đạt kết quả tốt đẹp 100%.

Ở đây nhấn mạnh về việc ứng dụng và thực hành. Học và hành đi đôi với nhau, thì việc học và việc hành đều mang ý nghĩa và giá trị trọn vẹn. Vậy khi nói và làm cùng đi đôi với nhau, thì mình nói người ta nghe, mình làm người ta mến và mình dạy người ta hiểu, và tất cả cùng nhau làm theo lời dạy của mình. Lúc bấy giờ, cái uy và cái lực của mình đối với quần chúng tăng lên và rất là giá trị.

Biết hút thuốc và uống rượu có hại cho sức khỏe, ta cứ tiếp tục hút thuốc và uống rượu, thì đó là cái biết về kiến thức về lí thuyết suông không có thực

hành. Ngược lại, biết hút thuốc và uống rượu có hại cho sức khỏe, chúng ta dừng lại và buông bỏ hẳn, thì đó là cái biết về sự tu tập và thực hành. Hiểu được như vậy, thì chúng ta tập dừng lại, bỏ hút thuốc, và bỏ uống rượu uống bia. Sức khỏe và tuổi thọ của ta từ đây tăng trưởng và khỏe mạnh.

Thương như vậy là thương đi đôi với **hiếu**. **Thương** mình thì mình cố gắng dừng hút thuốc và dừng uống rượu; **hiếu** mình thì mình bỏ hút thuốc và bỏ uống rượu bia để bảo vệ sức khỏe, đời sống và tuổi thọ của mình. Sau khi thương và hiếu mình rồi, thì mình mới có thể trải rộng tấm lòng mình ra để hiến tặng cái thương cái hiếu của mình cho người khác. Cái thương mà mọi người đều hiểu, đều biết, đều thực hành và đều ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày là **cái thương đích thực** đi đôi với **cái hiếu** để đem lại an lạc và lợi ích cho số đông ngay trong cuộc hiện tại.

Trong tình yêu đôi lứa, nhân dịp đầu xuân, đi chơi với bạn bè, mình muốn yêu và quen một người mà mình tâm đắc; người tâm đắc là người có khả năng nói ái ngữ, lắng nghe, hiểu được mình và hiểu được người khác. Thương ai trước hết mình phải hiểu người mình thương. Mình xem thử cô nàng hay anh chàng có hợp ý với mình hay không? Nếu không hợp ý với mình, thì vị ấy chỉ là người bạn qua đường mà thôi. Nếu hợp ý với mình, thì vị ấy là người mà mình chọn làm bạn trăm năm.

Khi có duyên ăn ở với nhau, thì vợ chồng phải hòa thuận và tôn trọng ý kiến với nhau. Chúng ta biết thông thường mỗi tình ban đầu giữa hai người sống rất đẹp và rất đầm ấm, nhưng dần dần cái đẹp và cái đầm ấm ấy bị giảm, có khi bị tắt ngấm và mất hẳn.

Muốn duy trì và thắp sáng cái đẹp và cái đầm ấm ấy cho tự thân và cho gia đình dòng họ Nội ngoại hai bên, thì vợ chồng sống chung phải có trách nhiệm thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ và tin tưởng với nhau bằng cách tu tập và quán chiếu như thế này.

Cái đẹp của vợ chính là cái đẹp của chồng, và ngược lại, cái đầm ấm của chồng chính là cái đầm ấm của vợ. Cái đẹp và cái đầm ấm của vợ chồng



chính là nền tảng hạnh phúc của gia đình và con cái. Trong cái đẹp vật chất và cái đẹp tinh thần, trong cái đẹp thân thể và cái đẹp tính tình, cái đẹp tính thần và cái đẹp tính tình là cái đẹp trên hết, tức là, cái đẹp đạo đức.

Sống chung với nhau, có lúc vợ chồng cãi vã với nhau. Muốn chấm dứt sự cãi vã, trước hết vợ chồng phải có mặt thật sự để tâm tình, chia sẻ, bày tỏ và nói ra những khó khăn và nỗi khổ niềm đau. Những gì người vợ nói thì người chồng lắng nghe và những gì người chồng nói thì người vợ ghi nhận và lắng nghe. Nói và lắng nghe với nhau bằng cái tâm thương yêu và hiểu biết, thì cả hai vợ chồng đều nhận diện: *"Khó khăn của em chính là khó khăn của anh, và ngược lại, khổ đau của em chính là khổ đau của anh."*

Nhận diện được như vậy, thì vợ chồng dần dần chuyển hóa nỗi khổ niềm đau thành an vui và hạnh phúc. Vợ chồng an vui và hạnh phúc, thì con cái và gia đình nội ngoại hai bên cũng đều được an vui và hạnh phúc.

Nhân dịp mùa Xuân, chúng ta học, hiểu và ứng dụng giáo lý Từ Bi vào trong đời sống hằng ngày để đem lại an vui và hạnh phúc cho số đông. Từ Bi được áp dụng và thực tập không những trong mùa Xuân, mà còn trong mùa Hạ, mùa Thu và mùa Đông. Nói chung, Từ Bi được thực tập trong bốn mùa – suốt cả năm, khắp mọi nơi và mọi chốn. Những ai ứng dụng và thực tập Từ Bi trong cuộc sống, thì họ có khả năng đem lại an lạc và hạnh phúc tự thân và tha nhân.

Trong định nghĩa Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng; Pháp được đức Thế Tôn và các vị Thánh đệ tử thuyết giảng rất thiết thực hiện tại, vượt thoát thời gian. Các vị hữu duyên đến để mà thấy, đến để mà nghe, đến để mà hiểu, đến để mà thực hành, và đến để nếm và thưởng thức được hương vị an lạc của chánh pháp. **Pháp ở đây chỉ cho Từ Bi.**

*"Pháp Phật thật nhiệm mầu,
Bảy ⁽²⁾ hạt biến mười ⁽³⁾ phương,
Cúng dường khắp tất cả.
Từ Bi không biên cương."*

(Bài kệ Bồ thí cho chúng sanh)

Thực tập Bài kệ trên một cách tinh chuyên, chúng ta có thể gặt hái được những hoa trái an vui và hạnh phúc trong giây phút hiện tại. Nhờ pháp Phật thật mầu nhiệm nên chúng ta càng thực tập thì chúng ta càng nếm được pháp lạc bằng cách nương vào năng lực uy nghi của Đại chúng để tu học, để hoằng pháp và để giúp đời. Ở điểm này chư Tôn đức

thường nhấn mạnh rằng **"Đức chúng như biển."**

Trong lúc cúng cơm buổi trưa với Đại chúng, với tâm chánh niệm, một hành giả gắp bảy hạt cơm bỏ vào cái chén có ít nước chú nguyện bài kệ trên. Vị thị giả tiếp nhận và bưng chén cơm ấy tới một bàn thờ nhỏ bên ngoài xướng một bài Kệ súc sanh:

*"Bằng giọt nước trong sạch,
Bằng tâm lòng Từ Bi,
Ta nay dâng cúng cơm này,
Ước mong tất cả
Các loài an vui."
(Người viết)*

Sau khi xướng bài Kệ xong, vị thị giả bố thí cho các loài chim và kiến. Nhờ năng lực Từ Bi của Đại chúng, bảy hạt cơm này có thể biến khắp nhiều phượng.

Hơn nữa, Từ Bi trong đạo Phật không phải là lý thuyết suông, mà là lời nói, ý nghĩ, và việc làm chánh niệm, thiết thực và cụ thể, đó là, không làm các điều ác, làm các điều lành, giữ tâm ý trong sạch bằng cách áp dụng và thực hành những lời Phật dạy vào trong đời sống hằng ngày.

Như vậy, Từ Bi trước hết phải xuất phát từ cái tâm vô lượng, bao la, rộng lớn như người mẹ hiền ôm ấp và nuôi dưỡng đứa con duy nhất của mình. Tâm Từ Bi của người mẹ chứa đầy năng lượng thương yêu có khả năng thấm vào và làm mát dịu cơn la khóc và nóng bức của người con. Tu tập tâm Từ bi giỏi, ta có thể chuyển hóa hận thù, sân giận, nóng bức, căng thẳng thành tình bạn, tình thương yêu, mát mẻ, mát lòng, lắng dịu, v.v... Kệ số 5 của Kinh Pháp cú ghi:

*"Hận thù diệt hận thù,
Đời này không thể có,
Từ Bi diệt hận thù,
Là định luật thiên thu."*

Căn cứ vào bài kệ Pháp Cú ở trên, nếu các thành viên, công nhân, viên chức trong gia đình, học đường, công sở và trong nội các Chính phủ hiểu và thực hành giáo lý Từ Bi vào đời sống hằng ngày, thì họ có thể chuyển hóa người hận thành người thân, người thù thành người bạn, tôn giáo khác thành tôn giáo bạn, quốc gia đối lập thành quốc gia thân thiện để cùng nhau hợp tác kinh tế, giáo dục, khoa học, thương mại...

Theo tư tưởng đạo Phật, người có cái tâm sân giận và hận thù, chúng ta không thể dùng cái tâm sân giận và hận thù để đối trị và chuyển hóa họ được. Bởi vì càng dùng hận thù để đối trị hận thù, thì hận thù càng gia tăng, và ngược lại, càng dùng Từ Bi để đối trị hận thù, thì hận thù càng giảm. Do vậy, người có cái tâm sân hận và hận thù, chúng ta chỉ có thể dùng tâm Từ Bi để chuyển hóa họ, từ đó, họ trở thành người bạn thân thiện cộng tác đắc lực với mình.

Tóm lại, qua những gì đã đề cập ở trên, chúng ta biết **Từ Bi trong đạo Phật không có biên cương, không có ranh giới và giới hạn trong tôn giáo, nó vượt ra ngoài cái vô tôn giáo, nó rất thiết thực hiện tại, nó là triết lý sống, là hơi thở, là sự sống và là mạch máu của chúng ta.** Nếu học, hiểu, áp dụng, và thực hành giáo lý Từ Bi vào trong cuộc sống hằng ngày đúng nơi và đúng lúc, thì chúng ta có thể góp phần xây dựng người người hạnh phúc, nhà nhà yên vui, xã hội thanh bình và thịnh vượng ngay tại thế gian này.

Nhân dịp Xuân về, đề tài **"Xuân Từ Bi"** được viết và được trình bày ở đây làm món quà Xuân đầu năm để hiến tặng và cúng dường chư vị xuất sĩ, cư sĩ, Phật tử và không phải Phật tử để làm hành trang

và tư lương cho cuộc sống. Sống an lạc, vững chãi và thanh thoi trong từng hơi thở có ý thức và nụ cười an vui. Hãy trân quý sự sống còn lại của mình để làm an lạc và lợi ích cho số đông. Những ai có đủ duyên học hỏi và hành trì Phật pháp tinh chuyên, thì họ có thể gặp hái những hoa trái an vui và hạnh phúc đích thực ngay bây giờ và ở đây trong cuộc sống hiện tại.

Kính chúc Quý vị cùng người thân người thương của Quý liệt vị an trú vững chãi, thấm nhuần ánh sáng Từ bi và Trí tuệ của đức Thế Tôn, và thưởng thức mùa Xuân Di Lạc ấm áp và trọn vẹn.

Thích Trường Sĩ

- 1) Xem <http://www.buddhanet.net/budsas/uni/u-ngan/4tam-vn.htm>
- 2) Con số 7 là con số tượng trưng chỉ 7 ngày đêm (từ thứ Hai tới thứ Nhật); 7 tuần (= 49 ngày đêm Thiền định dưới cội cây Bồ đề); 7 đức Phật (đức Phật Tỳ Bà Thi, đức Phật Thích Khí, đức Phật Tỳ Xá Phù, đức Phật Câu Lưu Tôn, đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, đức Phật Ca Diếp, đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni); 7 chúng đệ tử của đức Phật (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma na, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà tắc, và Ưu Bà Di); 7 Chi Phần Giác Ngộ (Niệm, Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Định, Xả); 7 báu (kim, ngân, lưu li, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não). Ngoài ra, thời gian có 3 (quá khứ, hiện tại, vị lai) không gian có 4 (phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc) cũng gọi là con số 7, v.v... Thật vậy, con số 7 là con số đặc thù của đạo Phật tượng trưng cho ngày và đêm, âm và dương, thời gian và không gian, sự giác ngộ, con đường hướng đến sự giác ngộ, v.v...
- 3) Mười phương là nhiều phương gồm có phương Trên, phương Dưới, phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Đông Nam, phương Tây Nam, phương Đông Bắc, phương Tây Bắc.



thơ

Mẹ quỳ quán chiều

mẹ quỳ dưới bóng Phật đài
xưa sau đồng vọng tiếng ai mở lòng
mẹ quỳ tám hướng thỉnh không
vàng trắng rằm chiếu mệnh mông côi người
mẹ quỳ bốn phía ơn đời
sinh thành dưỡng dục những vời vợi xưa
mẹ quỳ mười chôn sang mùa
huệ bay lòng lộng trong vô biên đầy
mẹ quỳ ba chỗ trao tay
pháp thân soi giữa lối khai mở lòng
mẹ quỳ bốn biên trăm sông
giọt xanh rêu rắt trên dòng cù lao
mẹ quỳ bảy cõi chiêm bao
mở và khép những hư hao cõi người
mẹ quỳ ngun ngút bên đời
nhang trầm cháy tuệ quanh vời vợi hương
mẹ quỳ trăm nhánh vô thường
sông đời chảy một dặm trường lê thê
mẹ quỳ nghiêng bóng từ bi
tay dài ôm trọn lối đi nẻo về
đàn con tán lạc chưa lìa
thâm sâu cuốn rốn còn chia cuốn tình
mẹ quỳ vô tận bóng hình
mùa trăng hội ngộ lung linh giọt ngà
xa thăm thăm buổi về qua
đường trần diệu vợi bóng hoa chập chùng
mẹ quỳ gọi ánh trăng lung
bên bờ tang hải trùng trùng phân ly
đường xưa ai có đi về
còn nghe hồi vọng lê thê kiếp trần?
mẹ quỳ bốn hướng phong vân
trắng về một nẻo hư không dặm người
giọt trắng chảy đậm nghĩa đời
tình ai chan chứa cõi vời vợi thơ
mẹ quỳ mây trắng sang bờ
tắc lòng trình bạch giữa mùa trăng tân.

PHÙ DU

Bông Mai nở muộn của Thiền sư Mãn Giác

HUỆ TRẦN



Bài kệ của thiền sư Mãn Giác, từ thế kỷ thứ XI, mà tiếng ngân của hai câu kết còn âm vang đến ngày nay, thì chắc hẳn hai câu đó không chỉ ở mặt bằng của ngôn ngữ, mà những gì ẩn dụ thâm sâu dưới chữ nghĩa mới là giá trị để tồn tại.

*"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"*

Đại ý:

*"Chớ bảo xuân tàn, hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"*

Biết bao giấy mực đã dần trải để chia sẻ những thấm thía cảm nhận được từ hai câu thơ này. Nhất là khi mùa xuân đến, bông mai nở muộn của thiền sư Mãn Giác lại bát ngát tỏa hương, đến kẻ lơ mơ như tôi cũng không tránh khỏi bùi ngùi khi làn hương này chợt thoảng tới.

Lạ thay, trọn bài kệ có tựa đề "Cáo tật thị chúng" chỉ gồm sáu câu mà bốn câu đầu được thiền sư giảng bày cặn kẽ, lại ít ai nhắc; tới hai câu cuối, kệ biến thành thơ, chỉ mơ màng, lắng đọng, lại ẩn chứa nội lực vô hình, vô song, khiến ai mang chút nhay cảm trong tâm hồn, đều không thể đọc mà không rung động.

Tại sao rung động?

Tùy căn cơ, mỗi người đều có thể tự biết vì đâu chỉ hình ảnh bông hoa mai nở muộn mà khiến ta băng khuâng đến thế!

Riêng tôi, rung động mà không biết vì sao! Chỉ cảm nhận như ghềnh đá hồn nhiên, hân hoan đón sóng vỗ. Phải chăng, cảm nhận được sự rung động, đối với tôi, đã là quá đủ, đã là hạnh phúc. Vàng, chắc thế. Tôi từng khởi tâm tội nghiệp một người em không biết mỉm cười trước cái đẹp thâm lặng của vạn hữu. Em thản nhiên dẫm lên hoa dại như dẫm lên sỏi đá (mà sỏi đá nào phải không biết đau!), nói chỉ tới bông mai nở muộn, nhưng thực chẳng nhìn thấy bông mai!

*"Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sơ trục nhãn tiền quá
Lão tùng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"*

Đại ý:

*"Xuân đi, trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Việc đời qua trước mắt
Tuổi già trên đầu rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"* (*)

Tôi ngẫm, thiền sư thật từ bi, mượn hoa để giảng lẽ vô thường, mượn mùa xuân tươi đẹp để

nhắc nhở mùa đông lạnh lẽo sẽ đến thôi. Xuân đến, trăm hoa nở, nhưng xuân đi thì trăm hoa phải rụng. Từ đời hoa tới đời người, nào khác chi. Tóc xanh đầy, nhưng chớp mắt đã bạc, tướng khỏe mạnh đầy, mà bệnh tật đã theo sau.

Thiền sư nhắc lẽ vô thường để làm gì? Có phải để nhắc ta hãy trân quý đời hiện tại? Mà đời ta là gì? Chẳng phải thiền sư vừa dạy, là đến rồi đi, còn rồi mất, là hoa nở rồi tàn, là tóc xanh rồi bạc? Đó là ảo, đó là huyền, sao lại nhọc công trần quý? Thiền sư có mâu thuẫn không?

Ồi, ngôn ngữ nhà thiền phải chăng là đây? Hoa nở rồi tàn, tóc xanh rồi bạc, mượn cái phù du để diễn đạt cái thường hằng của vô thường! Và chính cái thường hằng của vô thường này, lại là chân lý muôn đời của trần gian!

Đức Thế Tôn áo vải chân trần bốn ba khắp chốn, giảng nói rờn rã non nửa thế kỷ để đạt tới lời cuối "Suốt bốn mươi chín năm qua ta chưa từng nói lời nào!"

Những lời Bạc Giác Ngộ đã nói, phải là sự thật, có thật, mà tăng đoàn 1250 vị tỷ kheo đã từng được trực tiếp nghe. Nhưng cái "có" sẽ trở thành cái "không" khi cái Có đó được hành trì, tùy căn cơ, để trở thành cái Có của kẻ lãnh hội. Chính khi đó những lời Phật nói mới không còn chỉ là của Phật. Chính khi đó, bao lời Phật nói mới đạt tới tâm tử bi của Phật, là khai mở Phật tánh cho chúng sanh. Thế nên, Phật đã nói, để đạt tới rất ráo, là chưa từng nói.

Không biết có cái gạch nối mơ hồ nào ở điểm này không, khi thiền sư băng khuâng thả nhẹ đôi dòng kết:

*"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"*

Ai cấm một bông mai vẫn nở, dù mùa xuân đã tàn? Bông mai đó ở đâu mà cưỡng chống được thời gian, nếu không là sự luân chuyển thâm lặng của lẽ vô thường.

Nở rồi tàn.

Nhưng nhìn bằng con mắt nào để thấy được bông mai này tàn ở thời gian quá khứ nào, rồi luân hồi tới không gian xuân muộn trước sân chùa mà hé nở?

Bông mai có mặt khi xuân tàn mang theo cái nghịch lý của tuần hoàn vũ trụ, có phải là công năng cây gậy thiền sư quất vào thiền sinh để thúc gọi hãy ý thức huyền mộng bào ảnh mà chấm dứt giấc mộng dài?

Chẳng phải tình cờ mà ngài Không Lộ đứng giữa không gian mênh mông trên đỉnh núi mờ sương u tịch, bỗng cất lên được tiếng hú hào sảng, làm lạnh cả đất trời:

*"Hữu thời trục thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư"*

Phải ở sát na kỳ diệu, tâm thức thoát vượt thoát lưới vô thường chẳng chịt mới chạm tới cõi-thường vô tướng vô thanh. Sát na này không gì chuẩn bị được. Nó là lần chớp của hoắt nhiên chợt ngộ.

Dị thường chẳng, khi dùng hữu thanh mà đạt vô thanh, dùng hữu tướng mà đạt vô tướng! Khác chi ngài Văn Thủ Sư Lợi cất lời khen sự im lặng của trưởng giả Duy Ma Cật thì sự im lặng đó mới được đặt lên ngôi vị tuyệt diệu!

Dưới tiết xuân, bằng từng bước thiền hành chậm rãi, ta thử xoay cái nhìn vào nội tâm, xem có phải bông mai nở muộn kia mang cho chúng ta thông điệp của hy vọng, của sự chuyển nghiệp? Đó là, Phật tánh sẵn trong mỗi chúng sanh, như nhựa nguyên sẵn trong mỗi đời cây. Mùa nắng kém thuận hòa nên cây không trổ đủ lá hoa, nhưng chồi non vẫn ẩn, nụ vẫn chờ. Vô minh che lấp nên chúng sanh ác nhiều hơn thiện, nhưng căn lành vẫn tiềm tàng, mới có ngày A Dục Vương quy y Tam Bảo, mới có phút Angulimala buông đao, quỳ lạy Đức Thế Tôn.

Được nghe dạy, được biết thể, nhưng chúng ta phải làm gì để hiển lộ Phật tánh, để dù xuân đã qua, vẫn còn bông mai nở, khi thời gian không hề giây phút nào ngừng trôi?

Mùa Xuân đang đến đây, nhưng theo lý duyên sinh thì trong Xuân đã hiện hữu Hạ vàng. Thiền hành rồi, mời bạn dừng lại trên thảm cỏ non, thử khoan chân, tĩnh tọa "ngoài dứt muôn duyên, trong bất nghĩ tưởng" xem có thấy thấp thoáng bông mai nào nở muộn nơi cuối Xuân này không nhé!

Huệ Trân

(Tào Khê tịnh thất, ngày đầu Xuân)

(*) GS Lê Mạnh Thát dịch



thơ

THOẠI ĐẦU MÙA XUÂN

"Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"

*Cành mai Mãn Giác thiền sư
Nở ngàn năm trước hương dư thom lừng
Thế gian xuân đến tung bừng
Xuân đi tàn tạ vô chừng thế thôi!*

*Càn khôn vũ trụ đổi dời
Bốn mùa dịch chuyển cho đời nắng mưa
"Vô thường quy luật thượng thừa
Trăm hoa khô héo có chừa cành mai?"*

ĐÊM XUÂN

*Đêm nằm ôn chuyện cũ
Mơ màng xuân có hương
Hoa mai vàng trước ngõ
Chùa xưa xa dặm trường...*

MÙA XUÂN

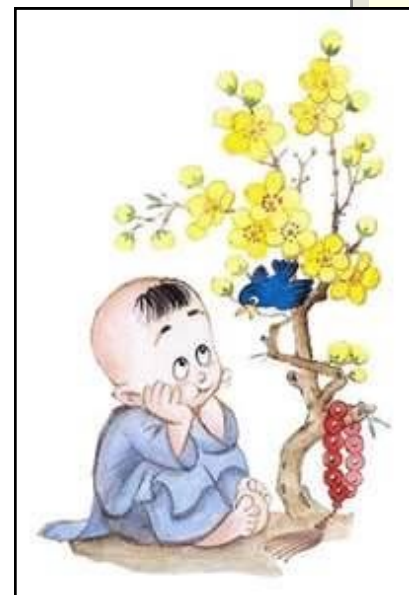
*Nửa đêm choàng tỉnh mộng
Giật mình nước đầy hiên
Chân như đâu tìm kiếm
Mưa xuân rụng ưu phiền ...*

HAIKU MÙA XUÂN

*Hoa nở rợp đất trời
Gió miên man nhẹ thổi
Mây mùa xuân đang trôi...*

THÍCH NỮ VIÊN QUANG

(Orlando – Florida, Jan 9th 2013)



BỐN PHÁP LÀM MẤT BỒ ĐỀ TÂM

Thích Chúc Đại

Dẫn nhập

Theo quan điểm của Đại Thừa Phật giáo, phát khởi tu tập Bồ Đề tâm là một điều kiện tiên quyết để học hạnh Bồ Tát, dẫn đến quả vị Phật. Nếu vị nào không sinh khởi tâm này thì sẽ không thể hoàn thành được quả vị Phật thừa. Luận bàn và giải thích về Tâm Bồ Đề được ghi chép lại rất nhiều trong hệ thống kinh điển Đại thừa. Tuy nhiên trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ dựa vào “Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận” cũng thường được gọi tắt là “Thập trụ luận” của Bồ Tát Long Thọ, để làm y cứ luận bàn cho vấn đề trên.

Thích nghĩa nội dung bốn pháp

Y cứ vào luận điển, khi luận bàn về những nguyên nhân làm mất Tâm Bồ Đề, Long Thọ luận sư đã phân tích thành năm nhóm, trong mỗi nhóm có bốn pháp, như vậy tổng cộng cả thấy là hai mươi pháp.⁽¹⁾ Nhưng ở đây tác giả chỉ phân tích nhóm thứ 1 trong bốn luận. Luận chủ ghi như sau:

“Hỏi: những pháp nào làm mất tâm Bồ Đề? Đáp: 1. Không kính trọng pháp, 2. Khởi tâm kiêu mạn, 3. Vọng ngữ không thật, 4. không kính thiện tri thức. Như có bốn pháp này sinh khởi, nếu khi đời này mất đi, hoặc đến đời vị lai sẽ làm mất tâm Bồ Đề, không tự biết mình là Bồ Tát, cũng không thể phát nguyện làm Bồ Tát lại được, hay khi Bồ Tát hành pháp, những pháp hành ấy không được hiển lộ.”⁽²⁾

Từ dẫn chứng của luận văn, chúng ta không khó để nhận ra rằng, nếu Bồ Tát sinh khởi bốn tâm niệm như trên thì mất hạt giống Bồ Đề, không những trong đời này và đời sau nữa, hoặc thậm chí không thể tu tập thành đạt quả vị Phật thừa. Để làm rõ ý nghĩa của bốn pháp này, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu.

Thứ 1. Không kính trọng pháp:

Pháp là những điều chư Phật tuyên thuyết, là những lời bậc giác ngộ sau khi chứng đạo, dùng để giảng dạy, là phương pháp tu tập để mỗi hành giả nương vào đó tu tập, dẫn đến chứng ngộ giải thoát. Đối với giáo pháp này không cung kính cúng dường, không tôn trọng, không tán thán, không sanh tâm nghĩ rằng đây là pháp hy hữu, là pháp khó gặp, là

pháp quý báu, là pháp làm cho chúng ta mãn nguyện. Như vậy chính là ý nghĩa của không kính trọng pháp. Hay một cách tư duy khác, giáo pháp là chánh pháp, là những điều minh triết trong đời sống, là chân lý sống của cuộc đời, có tác dụng hướng dẫn chúng ta làm những điều mang lại hạnh phúc cho ta, và những người xung quanh, nhưng nếu chúng ta không cung kính đối với pháp này thì cũng đồng nghĩa với chúng ta đang bỏ mất con đường sống đẹp của đời mình.

Thứ 2. Khởi tâm kiêu mạn

Tâm kiêu mạn là tâm tự cao của mình. Đây là một loại bệnh mà chúng ta luôn gặp phải trong quá trình tu tập. Thường khi chúng ta tinh tấn tu học, đọc sách nghe kinh nhiều hay làm các việc phước thiện thường sinh tâm kiêu mạn khinh chê người khác không tu, không thực hành Phật pháp, không

làm các công đức, hoặc giả khinh chê pháp môn tu học này không tốt, không thể chứng đạt giải thoát, thiết nghĩ đây cũng biểu hiện của tâm kiêu mạn. Cho đến tâm đại kiêu mạn như: chưa đạt quả vị mà nói đã đạt, đối với các pháp môn tu tập, chưa chứng mà tự cho là chứng. Như vậy là tâm kiêu mạn. Nếu hành giả nào sinh khởi tâm kiêu mạn, thì sẽ trở ngại con đường đi đến Phật quả. Phải chăng chính vì lý do này mà trong “Kinh Bát Nhã” Đức Thế Tôn đã khuyến dạy như sau:

“Thiên Hiện! Ông nên biết do phát sanh kiêu mạn, khinh chê hủy báng các Bồ-tát khác nên Đại Bồ-tát đó xa lìa quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.”⁽³⁾ Một vị Bồ Tát đã chế ngự được phiền não, nhưng chỉ cần sinh tâm kiêu mạn khinh chê Bồ Tát đồng học còn xa lìa quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác, hà huống chúng ta có gì mà sinh tâm kiêu mạn để rồi đánh mất hạt giống Bồ Đề trong ta?

Thứ 3. Vọng ngữ không thật

Lời nói không thật là lời nói mang đến sự đau khổ cho mình và người khác, lời nói ấy sẽ làm trở ngại cho sự kết nối giữa ta với những người xung quanh, lời nói ấy làm ngăn che tiến trình tháo gỡ những bế tắc trong đời sống thông qua ngôn ngữ biểu đạt. Những ai sống và làm bạn với lời nói không thật, thì đây sẽ là nhân tố phá vỡ đời sống an lạc của tự thân, gia đình, bạn bè... Cũng chính lời nói



không chân chánh này đã làm trở ngại con đường tu tập của chúng ta, làm mất đi hạt giống Bồ Đề trong ta không có cơ hội sinh khởi và thăng hoa. Chính vì thế chúng ta phải cố gắng thực tập lời nói chân chính để chúng ta có thể thiết lập đời sống an lạc, đời sống hạnh phúc, đời sống hưởng thượng. Âu, đây cũng chính là chất liệu để chúng ta tưới tắm và làm tươi tốt hạt giống Bồ Đề trong ta từ đời sống này cho đến nhiều đời sống kế tiếp.

Thứ 4. Không kính thiện tri thức

Trong tiến trình tu học, chúng ta phải luôn trân quý và kính trọng thiện tri thức, bởi thiện tri thức là người thầy hướng dẫn mình, là người giúp chúng ta tháo gỡ những chướng duyên trên con đường tìm về bến giác, là người hướng dẫn chúng ta tìm ra bảo thành. Chúng ta cũng phải luôn ý thức rằng, nếu không có thiện tri thức hướng đạo thì chúng ta khó tìm ra được cửa ngõ của giải thoát. Điều này cũng được Đức Phật và các vị luận sư giảng dạy trong thánh điển của mình. Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết trong “Kinh Tăng Nhất A Hàm” như sau: “Ta cũng do thiện tri thức mà thành Vô thượng Chánh chơn Đẳng chánh giác. Do thành đạo quả, độ thoát chúng sanh không thể kể hết, thầy đều thoát sinh, lão, bệnh, tử.”⁽⁴⁾ tương đương với “Tăng Nhất A Hàm” trong “Biệt Dịch Tạp A Hàm” Thế Tôn cũng đã tuyên bố tương tự rằng: “Tôi do thiện tri thức mà thoát ly sanh tử.”⁽⁵⁾ Ngoài ra, Bồ Tát Mã Minh đã đứng ở góc độ của nhân duyên pháp mà nhận định rằng: “Tuy có định lực của chánh nhân huân tập, nhưng nếu không gặp được Chư Phật, Bồ Tát thiện tri thức làm trợ duyên thì tự mình đoạn trừ phiền não chứng nhập Niết Bàn, điều này không có được.”⁽⁶⁾ Từ dẫn chứng của kinh văn và luận điển chúng ta có thể nhận ra rằng, trong quá trình tu học thân cận thiện tri thức là một trong những điều kiện để đi vào Phật Đạo, đây cũng là pháp hành khiến cho Bồ Đề tâm không thối chuyển trong đời này và mãi về sau.

Kết luận

Con đường hành pháp của Bồ Tát đạo phải được xây dựng trên chất liệu của Bồ Đề tâm, nhưng để có được tâm này kiên cố không bị thối thất, chúng ta phải luôn xa lìa bốn pháp: Thứ nhất phải xa lìa tâm không kính trọng pháp, trái lại nên trân quý chánh pháp; thứ hai, xa lìa tâm cống cao ngã mạn, bởi đây chính là trở ngại cho con đường đi đến Phật đạo, ngoài việc xa lìa tâm này trái lại chúng ta phải thực hành tâm khiêm cung; thứ ba, xa lìa lời nói vọng ngữ không thật, mà trái lại cần phải thực tập với lời nói chân thành, lời nói như thật; thứ tư, Xa lìa tâm nhiệm ô không kính trọng thiện tri thức, bởi tâm này sẽ là bức tường thành ngăn che chúng ta thể nhập vào dòng thánh, vì thế chúng ta cần phải kính trọng thiện tri thức, chính nhờ thiện tri thức mà chúng ta có thể vào được trong thành trì của giải thoát.

Ước mơ muôn thuở của đời sống con người là hạnh phúc, nhưng để có được hạnh phúc thì chúng ta hãy thực tập kính trọng chân lý sống trong đời, hãy cung kính lắng nghe diệu pháp, tuyên dương chánh pháp để mọi người cùng đến để thấy, để thực hành và cùng nhau đón nhận hoa trái của hạnh phúc. Hãy cùng nhau học tập hạnh khiêm cung, để người người có thể dễ dàng chia sẻ hương vị giải thoát cho nhau, cùng nắm hưởng cam lộ của đời sống đạo vị này. Hãy dùng lời nói chân thật để



chúng ta được sống trong bình an, thấy nhau trong tình người chân thật. Hãy cung kính trân quý thiện tri thức, bởi chính thiện tri thức là trợ duyên cho chúng ta nhận chân lẽ phải, biết xa lìa bóng tối đau khổ của nhân sinh. Hãy thực tập bốn pháp này để cùng nhau xây đắp Bồ Đề tâm, từ đó đi đến bến bờ của giải thoát.

Virginia Beach, 2012
Thích Chúc Đại

- 1) “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận”, Quyển 4, Phẩm Điều phục tâm thứ 7, Đại chánh tạng 26, trang 36, dòng b2 - trang 38, dòng a17.
“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận”, Quyển 4, Phẩm bốn pháp thứ 19, Đại chánh tạng 26, trang 36, dòng b16-22.
- 2) Ngoài ra quý vị có thể đối chiếu: 《集一切福德三昧經》卷2 (大正12, 98a20-b3), 《等集眾德三昧經》卷2 (大正12, 981c12-20) .
- 3) “Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh”, Quyển 453, Tăng thượng mạn phẩm thứ 60, Đại chánh tạng 07, trang 285, dòng c18-20.
- 4) “Kinh Tăng Nhất A Hàm”, quyển 40, Phẩm cứu chúng sanh cư 44, kinh số 10, Đại chánh tạng 02, trang 768, dòng c11-13.
- 5) 《別譯雜阿含經》卷4 (65經) (大正2, 396a7~b6)。 Ngoài ra có thể tham khảo thêm: 《大般涅槃經》卷7 (大正12, 408a24~b7)。 《摩訶般若波羅蜜經》卷15 (大正8, 331b12~15)。 《小品般若波羅蜜經》卷8 (大正8, 571b23~24)。 《小品般若波羅蜜經》卷6 (大正8, 561a8~11)。 《大般涅槃經》卷13 (大正12, 441b26~c3)。
- 6) 《大乘起信論》卷1 (大正32, 578c6~8)。

ÂM VỌNG QUỐC ÂM



I.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Nghe buốt vai tiếng cô cầm
Bụi đỏ bay rợp tiếng hát
Ngân một trời lá nhớ mầm

Mầm nhớ đất khi sương dậy
Niềm dư vang sắc gió lay
Rụng một kiếp trong một khoảnh
Bay một phùa âm cát lầy

Đất ủ từng câu chuyện cũ
Tình thư ươm nụ ứa hồng
Trong sắc nắng âm vừa nhú
Tràn một bầu chim bến không...

II.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Mắt tre già ứa lệ cầm
Bình vôi trắng hết tiếng nói
Nương chiều đồng rạ biếng nằm

Ngồi ngâm khẻ theo tiếng ốc
Tù và neo cơn gió khô
Tình tang tình lau oan khốc
Tang tình tang lau oán rò

Gió khô hết chưa còi mõng?!
Mà con trắng thơ dại hồng
Mà con rắn xanh lỏng lẻo
Mà con người đổ núi sông...

III.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Trời hoài thai một vết bầm
Đất thương tâm con nòng huyết
Gươm khua ma nghiệt rì rầm

Trào lên tiếng hú cổ thổ
Chôn nơi nắng rung tượng số
Tượng thanh gió rít mái gâm
Trống kêu tiếng công đang rộ

Đang rợp mấy mùa ly biệt
Lửa tẻ âm rộn bóng người
Hừng một bụi âm cuồng nhiệt
Nhắn gửi mấy lời xa vời...

IV.

Nhắn gửi mấy lời xa vắng
Trúc lưu sáo luyến niềm dài
Gió lay lật hồn ngàn dặm
Dấu chân ai vạ cỏi ngoài

Cối sắc màu tê con chữ
Cối thỉnh không tê máu rần
Một bè mây nâng gót lữ
Vườn khuya khoe hạnh trắng ngần

Ý biếc đâu cần chi từ
Vạn Xuân trở lộc đậm hương (*)
Thơ một phùa gom một nụ
Trời gấm đất rú cũng thường...

V.

Cũng thường hơn sáu trăm năm
Sả chi cái khảy tay búng
Đụng nửa nhịp độc huyền cầm
Đá bầm gan ruột rì rầm

Đá bầm tủy óc sấm chẻ
Nguồn sương cội gió đậm đà
Kìa Ước Trai cười rất nhẹ
Rất thẳng lưng khi đầu lia

Rất thanh thân khi máu vọt
Hừng đông chim hót thành Nam
Hừng đông chim bay đi trốn
Trang sách Bình Ngô nhắc thăm...

VI.

Cũng thường hơn sáu trăm năm
Sử kinh chép máu đầm đầm
Trúc đầm đầm màu lục biếc
Vì gió Côn Sơn rét căm

Vì chén nguyệt khôn nguôi nhớ
Bóng người đi lạnh một trời
Lạnh một niềm mây rờ rờ
Phi Khanh tóc trắng không lời

Vì réo rất hồn đường sá
Bóng người đi là đá mòn
Mưa nguồn còn thương nắng cội
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn...

VII.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Ngửa lòng tay hứng hạt mầm
Nghiêng tai nghe núi trâm huyết
Trâm huyền thi đang cháy ngậm

Cháy ngùn trời sâu đất cạn
Khí thiêng này đỉnh sọ tươi
Này tịch mịch trắng vô hạn
Tiếc chi tác lưỡi hô người

Tiếc chi tác lòng ưu ái
Ngon triều Đông vẫn bạc đầu
Vẫn cầm canh trắng đầu bãi
Cuối ghềnh tâm sự về sau...

VIII.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Up lòng tay nâng nhẹ cầm
Gió lay lắt tình vạn dặm
Rêu xanh nhóm rề nhắc thăm

Mắt ướt niềm kia trống mái
Môi khô nổi nọ lạ quen
Đất ngu ngờ trời thơ dại
Lơ lảo ca ngâm mắt đèn

Ngâm tràn thơ bay chói lói
Vút lên chín cội hương hường
Dấu biết lời không đủ gọi
Thơ không đủ gói niềm thương...

IX.

Nghẹn ngào âm vọng quốc âm
Một mình trông một mình nhớ
Còn thơ được thì cứ thơ
Màn thơ cho vui cứ màn

Màn đăm đuối màn bông bênh
Mút sạch tủy xương chữ nghĩa
Chữ bập bùng nghĩa bập bênh
Hèn chi kinh hồn bạt vía

Hèn chi bụi bay bốn phía
Nghe như có tiếng la thăm
Bờ trời đất bất nhơn quá!!!
Chuyện đời ảo hóa mù cảm...

(*) Tên nước Việt Nam thời Nguyễn Trãi.

ÂM BẢN THÁNG CUỐI NĂM

Vâng! Thưa Mẹ, con đã về bên Mẹ
Ngồi bên hiên nhà cũ để tâm tình
Trời xuống thấp, đất lên cao: Nắng xé
Chiều u trầm chiều êm như trang kinh
Mẹ rất mỏng, bóng với hình rất mỏng
Con rất ngây, hình với bóng rất ngây
Và đôi tay rất ấm trong đôi tay
Và đôi mắt rất nồng trong đôi mắt
Con nhìn mãi chiều thu xa, xa lắc
Nhìn rất lâu, lâu lắm giữa chiều phai
Chiều huyền ảo, Mẹ đẹp như trăng cài
Trên đỉnh núi trên đỉnh trời chói rạng
Con nhìn mãi chiều thu xanh, xanh lắm
Tiếng khóc xanh, xanh đất ẩm trời êm
Nhu lá nồn như cành non mướt đêm
Mẹ áp ngực ru con theo giòng sữa
Vâng! Thưa Mẹ, con đã ngồi bên cửa
Bên niềm vui bên nỗi nhớ đông đầy
Mây trắng xóa, mắt nhòa theo bóng mây
Tìm bóng nhói, chiều bỗng gầy heo hút
Mẹ rất đẹp. Bóng với hình rất đẹp
Con rất ngu. Hình với bóng rất ngu
Lay lắt gió mùa thu gió mùa thu
Trời Trung Việt dáng Mẹ ngồi im lặng
Con nhìn mãi, chiều cầm âm bay trắng
Ám bay nghiêng hơi ám Mẹ trong đời
Đời nghiêng ngửa đời ly tan lâu rồi
Huyết âm Mẹ trong con riu riu lửa
Con nhìn mãi, giọt lệ khô chan chứa
Biển rền vang, núi đồng vọng rền vang
Ôi thời gian, thời gian ôi thời gian
Con ôm mẹ giữa chiều ngân giọng sáo
Vâng thưa Mẹ! Con lần theo nếp áo
Áo sờn vai, hai bóng, một vương chiều
Chiều rất thăm chiều rất trầm yêu dấu
Nhu chưa từng. Thưa Mẹ! Biết bao nhiêu...

12.2012

thơ

NGUYỄN LƯƠNG VY



KINH BỐN PHÁP AN LẠC (*)

Tuệ Như

Nhìn thẳng cuộc sống hôm nay, hầu như mọi mặt đều tăng tốc, sự phát triển từ hình thức vật chất đến tâm lý tinh thần của con người. Thế nhưng, sự hiển lộ bên ngoài lẫn với bao dáng vẻ sắc màu của những hiện tượng sự vật, thì ta lại thấy không ít những nỗi đời còn nhiều nghiệt ngã đau thương, thô kệch của những tâm ý khô cứng, bất an, sợ hãi và cả những lòng tham ác tàn bạo gây không ít nhiều nhương cho tự thân, gia đình và xã hội.

Do đó, hạnh phúc và bình yên được Đức Phật nói đến, điều ấy chúng ta thấy không phải là một ngẫu nhiên.

Nhân một hôm, Gia chủ Anathapindika (Cấp Cô Độc) đến đánh lễ Phật, sau đó Đức Phật liền nói với gia chủ như sau:

"Có bốn loại an lạc, nầy gia chủ, người gia chủ thọ hưởng các dục thân hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? - LẠC SỞ HỮU, LẠC THỌ DỤNG, LẠC KHÔNG MẮC NỢ, LẠC KHÔNG PHẠM TỘI".

Trước hết, Đức Phật giới thiệu đến bốn sự việc mà một khi bắt đầu chạm vào sự sống, sự tồn tại của con người, một khi mà con người có được cơ hội làm ra được của cải hay những phương tiện thọ dụng khác để phục vụ cho sự sống được ngang qua bao ước muốn tìm cầu.

"Nầy gia chủ, thế nào là lạc sở hữu? Ở đây, nầy gia chủ, tài sản của người thiện nam tử thân hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thân hoạch đúng pháp. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được lạc, được hỷ."

Không xa xôi mênh mông, không mơ hồ phi thực, với lời dạy của Phật: "Đến để mà Thấy, đến để mà Nghe và đến để được Cảm Thọ Sự Thật." Đức Phật luôn nghĩ đến hạnh phúc và an lạc cho chúng sanh ngay trong hiện tại. Nhất là xã hội chúng ta hôm nay, một khi đã hiển bày cung ứng khá nhiều về sự ăn, sự mặc, chốn ở và những điều kiện phục vụ khác v.v... thì lòng tham ác sẽ bén rễ và tự phụ của con người được nâng lên từ "dục thủ, dục tầm cầu".

Do đó, người con Phật cần phải ý thức tỉnh giác nhận ra rằng: "Tài sản thân hoạch một cách đúng pháp" chỉ có thân hoạch đúng pháp do từ công sức chính mình làm ra thì mới không thấy sự hổ thẹn nơi lương tâm và lương tri của mình.

Bằng trái lại, là một việc làm vừa đem đến hại

mình, vừa đem đến hại người, đem đến hại cả hai, cùng dự phần vào phiền não, gây tổn hại cho gia đình và xã hội nguyên nhân từ việc làm phi pháp, phi chơn mà có.

"Lại nữa, nầy gia chủ, thế nào là lạc thọ dụng? Nầy thiện nam tử, khi thọ dụng những tài sản được thân hoạch một cách đúng pháp và làm các việc phước đức. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được lạc, được hỷ."



Chúng ta thấy, Đức Phật còn tiến xa hơn từ lời dạy đầu, nếu như đã có tài sản một cách đúng pháp chơn chánh, thì khi sử dụng vào cuộc sống cũng được an vui từ những thành quả lao động của mình, thấy được giá trị ích lợi và trân quý những điều mình có được, sống hạnh phúc, trong sáng, lành mạnh chân thật, người đệ tử Phật sẽ sử dụng tài sản ấy vào việc bố thí, giúp đỡ, ban tặng, biếu cho hoặc làm những việc phước đức khác cũng được điều lợi ích giao cảm chân thiện, tránh được

lời người xưa: "Nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ". Đành rằng: Hạnh phúc, bình yên là những điều ước muốn, cầu vọng tất nhiên của con người, sự tìm cầu ấy cũng phải qua những đánh đổi trước bao duyên cảnh cuộc đời, tất cả mọi việc được nói lên nguồn sống an lạc vẫn phải từ lòng chính phục những gian tham, những ác tư duy, v.v... Bởi:

"Để làm các điều ác

Để làm điều tự hại

Còn việc lành, việc tốt

Thật tối thượng khó làm" (PC. 163)

Nhu cầu và khát vọng của con người khó mà được thỏa mãn, đã có biết bao sự rối ren, bế tắc, nguy hại, những độc tố của Tham Sân Si gây ra cho tự thân, gia đình và xã hội... nguyên nhân cũng từ việc làm bất chính, thu hoạch và sử dụng tài sản bất chính, thọ dụng vô độ và hoang phí vô ích. Còn nếu nhận thức đúng bản chất trong cuộc sống qua các hiện tượng là "Vô Thường, Khổ, Vô Ngã", lo tu tập chuyển hóa nội tâm, trau dồi đạo đức, kết nối tình thương yêu, lạc quan vui vẻ, thì nguồn an lạc hạnh phúc vẫn luôn được tươi mát, thấm đẫm từ tâm nơi chính mình và cho cả cuộc đời.

"Lại nữa, thế nào là lạc không mắc nợ? Ở đây nầy gia chủ, vị thiện gia nam tử không mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được lạc, được hỷ."

Thông thường, có người cho rằng vì nghèo khó nên mới bị mắc nợ, vay trước trả sau, tất bật với bụi đời những sớm chiều sương gió, với tháng ngày đảo hạn, với bao tiền lời phải trả, với sự hối thúc của chủ nợ, v.v... Ta thấy, đôi khi có những ai đó qua hình thức trông như giàu có bành bao, nhưng kỳ thật chỉ là lớp che giấu phía sau đó không biết bao là chủ nợ.

Nhưng trong đời, phải đâu chỉ có nợ tiền thôi đâu! "Không mắc nợ ai một điều gì ít hay nhiều..." Nó hàm nghĩa cho chúng ta thấy rằng: Không bị nợ về sự lừa dối, gian trá, cướp giựt của người, không ý thể hiếp cô, không mưu toan kể sách lợi mình hại người một cách bất chính, không biết tôn trọng những thiện pháp do Đức Phật hay các bậc Thánh ca ngợi, chỉ vì bao lợi dưỡng đời thường mà tâm hồn thêm khát, tham vọng điên rồ bởi các dục sai xử mà ta phải bị rơi vào những hạnh nghiệp bất thiện, để rồi chịu bao vay trả cho từng kiếp sống đi qua đây nhiệt nảo của trần tâm. Còn hơn thế nữa, ta nợ với cuộc đời biết bao điều hứa hẹn kỳ vọng nơi ta, khi ta có đủ điều kiện và cơ hội. Nhưng thế rồi, mặc cho ngày tháng trôi qua tan tành những điều khả thi, bởi do ta thiếu chân tình với những điều thiện sự, chung qui do vì ta không có sợ hãi tội lỗi, ta bị gục ngã với chính ta khi ta đi về mọi phía của cộc đời. Nếu như ngày nào ta còn tà tham, dục tham, mê tiền, ích kỷ, thấp kém, v.v... thì ngày đó ta phải còn cái nợ với cuộc đời và cả chính ta nữa. Vì lý do đó, mà Đức Phật đã dành cho chúng ta những lời khuyên dạy, cần nên có một nếp sống chân thật, đạo đức, tình thương và ban tặng để được xanh mầm an lạc và hạnh phúc ngay trong hiện tại, hầu tránh đi chuyện vay trả oán thù và những hạnh nghiệp xấu trong đời.

"Lại nữa, này gia chủ, thế nào là lạc không phạm tội? Ở đây này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Nghĩ về điều ấy, vị ấy được lạc được hỷ."

Chúng ta càng nhìn thẳng vào cuộc sống đầy biến động phức tạp như hôm nay, không thể phủ nhận về mặt tiến bộ hiện đại từ nhiều phía, cái đẹp để của muôn sắc màu được giới thiệu đến bao nhiêu, thì cũng không ít bao điều lo ngại, ưu tư đến với gia đình và xã hội bấy nhiêu, như: nạn bạo hành cướp giựt, trộm cắp, lừa đảo, tội phạm sát hại ngày càng gia tăng, nhân tính, đạo đức, giáo dục hiện nay đến lúc báo động, nhìn ra thế giới bên ngoài đang cháy dần ngòi nổ chiến tranh, sự tranh chấp bờ cõi, biển đảo, nạn khủng bố ý thức tôn giáo diễn biến không ngừng, những thiên tai siêu bão, bão bùng, lũ lụt tàn phá, v.v... Tất cả đều do con người, chính con người đã làm nên tội lỗi và nghiệt ngã, trong khi ấy, vẫn không ít con người muốn thiết lập duy trì một nếp sống lành mạnh, đạo đức hòa bình để đem lại cho cuộc sống phồn thịnh, hạnh phúc, an lạc. Do đó, ba nghiệp (Thân Khẩu Ý) khéo được tu tập thuần thiện, để xử dụng, không phạm tội, có đời sống trong sáng, chân thật đó là sự biểu hiện bình yên, niềm vui lớn, ích lợi lớn cho mình và cho mọi người.

Tóm lại, Đức Phật đến với chúng ta không ngoài những lời dạy thiết thực, ích lợi, giản dị và sâu lắng trong cuộc sống, cho dù bất cứ ở đâu, không gian và thời gian nào. Với mục đích lời dạy là đem lại sự an lạc hạnh phúc cho chúng sanh, chư thiên và loài người, giúp cho chúng ta nhận biết được sự KHỔ và phương pháp chấm dứt KHỔ. Nếu như có của cải và thọ dụng, xử dụng một cách đúng pháp chân chính,



Xuân về

*Nỗi buồn ai bỏ lên mây
Để cho héo xuống trưa này thành mưa
Xuân về bước nhỏ lối xưa
Quê hương nhẹ thoáng
chạnh vừa niềm riêng.*

CÁT TƯỜNG

(Thi tập “Am Rêu Bạc”)

biết đủ, từ bỏ mọi dục tham, không để mắc nợ gì, dù ít hay nhiều là điều cần thiết có được an lạc và hạnh phúc cho người đệ tử Phật. Nhưng quý báu hơn thế nữa chính là có sự chuyển hóa thân tâm được nhu nhuyễn, thuần thiện thân, lời nói và ý nghĩ, không gây tác hại, náo hại cho tự thân và cho cả xã hội.

Hôm nay, chúng ta lại chuẩn bị kết thúc chuỗi thời gian trong năm, bắt đầu chuyển mình bước dần đến ngưỡng cửa của năm mới (Quý Tỵ - 2013). Mới đây, nay đã qua thập niên của thế kỷ 21, thế kỷ vươn lên tầm cao của khoa học, kỹ thuật, nhưng cũng là thế kỷ tập trung hướng về nguồn mạch tâm linh siêu vượt ngàn đời bất tận, để trong mỗi chúng ta được thông dong theo dòng sinh lộ đạo đức vì diệp mà cũng là sự tận hưởng nguồn sinh lực tươi mát của ý vị mùa xuân trong cuộc sống muôn trùng.

Để kết thúc bài viết, chúng ta cùng đọc lại lời dạy của Đức Phật:

*"Hãy khéo sống chánh hạnh
Chớ sống theo tà hạnh
Người chánh hạnh hưởng lạc
Cả đời này, đời sau." (PC. 169)*

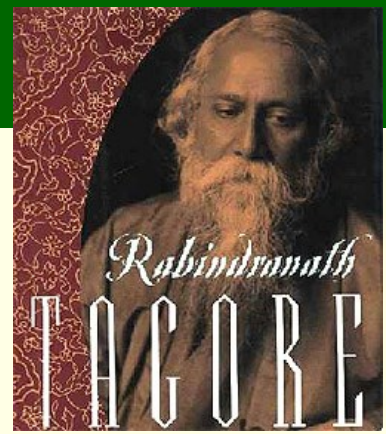
Long Xuyên, cuối tháng 12, 2012.

TUỆ NHƯ

(*) Trích Kinh Bộ Tăng Chi I / VII- Phẩm Nghiệp Công Đức, 62, 682.

RABINDRANATH TAGORE: NHÀ THƠ VĨ ĐẠI CỦA ĐẠO PHẬT

Nguyễn Phúc Bửu Tập



Không phải chỉ riêng cái tinh thần ái quốc của một người Ấn Độ hay cái tinh thần tự tôn của một người Đông phương trước sức tàn bạo của phương Tây đã đưa Tagore đến với đạo Phật. Tagore đã đến với đạo Phật vì cái "tâm" của ông.

Tưởng cũng nên nhắc lại một vĩ nhân của châu Á mà tư tưởng và văn tài đã nhuộm đầy thế kỷ Hai mươi sau rốt với màu sắc Đông phương, đặc biệt là màu sắc đạo Phật: **Rabindranath Tagore**. Ông là nhà thơ đầu tiên của Đông phương được người Tây phương trao tặng giải thưởng văn chương Nobel. Người Việt chúng ta, suốt tám mươi năm thuộc Pháp được nhào nặn trong tinh thần tự tôn của Văn học Pháp chỉ thoáng biết Tagore là một nhà thơ và ít khi có cơ hội hiểu biết rõ văn tài của ông, nhất là ảnh hưởng của ông trong lãnh vực tư tưởng thế giới vào cuối thế kỷ Mười chín sang đầu thế kỷ Hai mươi. Tại học đường, ít khi chúng ta được nghe nói chính Tagore là người đã gợi ý và đóng góp nhiều, giúp Einstein phát sinh ra lý thuyết khoa học về Sự thật. Chính Tagore là người đi tiên phong trong lãnh vực triết lý cách ngôn ý thức hệ Lý tưởng. Nói chung, ông được xem là người đã đóng góp nhiều nhất đưa tư tưởng Đông phương vào thế giới Tây phương và cũng là người đã đem tư tưởng Tây phương vào Châu Á. Và sở dĩ ông làm được vậy vì ông đã thấm nhuần văn hóa đạo Phật.

Trong vũ trụ quan anglo-saxon đến bây giờ còn ít nhiều xa lạ đối với phần đông người Việt chúng ta, ảnh hưởng của Tagore đã đi vào chiều rộng và chiều sâu của mọi lãnh vực tư tưởng và nghệ thuật, cho nên trong bài sưu khảo nhỏ này, chúng tôi sẽ tự hạn chế tìm hiểu Tagore trong phạm trù thi văn của ông, và chỉ phần thi văn đã đóng góp nhằm vinh thăng đạo Phật. Trong phần đầu, ta sẽ tìm hiểu qua về tiểu sử của Tagore; phần sau, đôi chút văn chương và tư tưởng Tagore hướng về đức Phật, và đồng thời tìm những dữ kiện đã đánh dấu văn chương và tư tưởng này đã được đạo Phật thấm nhuần sâu sắc như thế nào.

Đọc lại tiểu sử Tagore

Rabindranath Tagore sanh năm 1861 tại Calcutta, ngày đó là thủ đô của nước Ấn Độ, trong một gia đình đại gia quý tộc. Tên ông có nghĩa là "thiên thần ánh sáng mặt trời." Thân phụ, Debendranath Tagore là một triết gia và một lãnh tụ tôn giáo chủ trương canh tân Ấn Độ giáo. Người sáng lập ra hội Brahmo Samaj (phong trào Phạm thiên Bà-la-môn, giai cấp cao nhất trong xã hội Ấn Độ), thân phụ Tagore chủ trương loại bỏ các thủ tục hủ lậu và tàn khốc của Ấn Độ giáo như tục lệ hy sinh nhân mạng để tế thần, tục lệ suttee buộc người đàn bà phải nhảy vào lửa chết theo chồng, tục lệ sát nữ nhi (giết bé gái mới lọt lòng mẹ vì kỳ thị trọng nam khinh nữ). Debendranath Tagore được người Ấn Độ đương thời tôn sùng gọi là Maharishi, đại vĩ nhân.

Rabindranath Tagore sinh trưởng trong một môi trường quý tộc, tì phú và chủ điền, dĩ nhiên lúc trẻ ông là một hoàng tử Bà-la-môn được hấp thụ một nền giáo dục hoàn mỹ về ngôn ngữ cổ điển, tiếng Phạn Sanskrit, tiếng cổ ngữ Ba tư Persian. Nhưng từ nhỏ, Tagore đã làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ, Bengali, và tiếng Anh, lúc này mới xâm nhập vào xã hội Ấn Độ.

Trên bình diện nghệ thuật, Tagore là một nghệ sĩ thuần túy và đa hiệu được nền văn học Ấn Độ -- và cả văn học thế giới -- sắp lên hàng đầu các vĩ nhân của thế kỷ Hai mươi. Ông viết văn, làm thơ, viết kịch, soạn nhạc, sở trường về truyện ngắn, tranh đấu bằng văn học và tư tưởng cho quốc gia và xã hội Ấn Độ, và cao hơn tất cả, ông là một lãnh tụ của đức tin. Ông là con út trong một gia đình 14 anh em, ông theo thân phụ năm ông mười một tuổi đến Santiniketan, trang viên của gia đình làm lễ tĩnh tâm. Từ ngày đó, ông hấp thụ và lớn lên trong một môi trường thấm nhuần thi ca và đạo đức, và từ năm 1878 đến 1880, ông được gởi sang Luân Đôn, Anh quốc học Luật để thành một luật gia. Nhưng thay vì học luật, ông hoàn toàn để thì giờ làm quen với văn chương và âm nhạc Tây phương. Năm 1881 trở lại nhà, ông cho in tập truyện "*Thư của một người đi du lịch Âu châu*", trong tạp chí Barati do hai người anh của ông chủ trương. Cũng trong thời gian này, ông cho xuất bản tập thơ đầu tiên *Manasi*, gồm những bài thơ trữ tình đoản thiên ca tụng tạo vật, tình yêu, và cũng bắt đầu tranh luận về những vấn đề xã hội và chính trị.

Tập thơ "Tiếng hát Hoàng hôn" (*Evening Songs, Les Chants du Crépuscule*) được xuất bản năm 1882. Một năm sau, tại Calcutta, Tagore là nhân chứng của một cuộc giác ngộ tín ngưỡng, ảnh hưởng rất mạnh trên đức tin của ông, và ông xuất bản tập thơ tiếp theo nặng màu sắc tôn giáo "Tiếng hát Ban mai" (*Morning Songs, Chants de l'Aurore*). Cũng trong năm đó, Tagore lập gia đình với người con gái mười tuổi, cùng một bộ tộc và giai cấp của ông. Thân phụ của ông nhuộm bệnh giao việc quản trị sự nghiệp và tài sản gia đình lại cho ông. Trong khoảng thời gian hai mươi năm kế tiếp, Tagore đi du lịch khắp nước Ấn Độ, và tiếp tục sáng tác thi văn. Tập thơ *Citra* (1896) được xem là một tuyệt tác thi phẩm. Thập niên 90 cũng là lúc Tagore bắt đầu viết tiểu thuyết ngắn trình bày tội ác của người phương Tây đã bóc lột dân tộc Ấn Độ quá đỗi man. Điển hình là tập truyện ngắn "*The Cloud and Sun*" (1894) bức vẽ truyền hình của người anh hùng Ấn Độ đứng lên tranh đấu chống bạo quyền của người da trắng, gợi ý và làm mẫu mực cho các nhân vật cách mệnh của André Malraux trong văn chương Pháp 30 năm sau.

Cuối năm 1901, Tagore thực hiện được giấc mơ ông thường ấp ủ là lập một trung tâm giáo huấn đào tạo những con người tự do suy tư và giữ được hòa hợp cân bằng trong nhân sinh: ngôi trường trên

lãnh thổ gia tộc của ông gọi là Trường Santiniketan. Từ năm 1902 đến năm 1907, tai họa giáng xuống gia đình của Tagore: vợ ông mất, con gái mất, một người bạn và học trò yêu, thi sĩ Chandra Roy mất, thân phụ mất (1905) và một người con trai út mất. Đau khổ lại làm thiên tài của Tagore sung mãn hơn. Năm 1904, Tagore viết bản tuyên ngôn Svadeci Samaj (Phong trào quốc gia), đề xướng cuộc chiến đấu giành độc lập cho dân tộc Ấn Độ. Sinh viên Ấn Độ tại các đại học trong nước và tại Anh quốc đáp ứng phong trào bị thực dân Anh đuổi ra khỏi đại học. Ông tranh đấu quyền tiền giúp sinh viên tiếp tục được học trình.

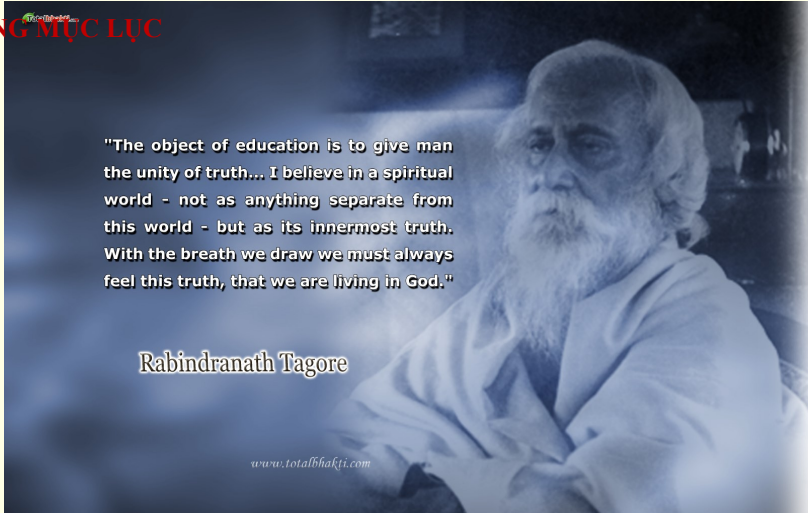
Năm 1910, xuất hiện tập thơ vĩ đại của Tagore, *Gitanjali* bằng tiếng Bengali, chính ông dịch ra Anh ngữ, xuất bản tại Luân đôn (*Song Offerings*, 1912), André Gide dịch ra Pháp ngữ (*L'Offrande Lyrique*, 1913), và một nhà thơ Nga dịch ra Nga ngữ (1914). Văn học Tây phương vinh thăng Tagore, tặng Giải thưởng Nobel văn chương năm 1913. Từ ngày đó, tác phẩm của Tagore được thi đua dịch ra Tây ngữ và các độ thị lớn ở Âu châu, Mỹ châu, A châu, Đông Nam Á giành nhau tổ chức những cuộc tiếp rước lớn để được nghe ông diễn thuyết về văn học và nghệ thuật.

Cuối năm 1921, Tagore chuyển Trường Santiniketan thành một Viện đại học quốc tế gọi là Vicva Barati, Viện đại học đầu tiên tại Á đông truyền bá tư tưởng của người phương Đông. Từ ngày đó, Tagore không ngớt du lịch thế giới để truyền bá tư tưởng văn học, triết lý và chính trị của ông. Tagore mất ngày mồng Bảy tháng Tám năm 1941, tại quận Jorasanko, tỉnh Calcutta. Năm 1961, khắp mọi nơi trên thế giới đều tổ chức lễ tưởng niệm 100 năm ngày sinh nhà thơ Tagore.

Vì sao Tagore đến với Đức Phật

Ở trên đã nói, Tagore là một vị hoàng tử Bà-la-môn, trong một gia tộc thẩm nhuần Ấn Độ giáo, và tôn giáo này cũng như Hồi giáo không bao giờ chấp nhận chung sống trong đức tin với tôn giáo khác. Vậy ta cần tìm hiểu những lý do đã đưa nhà thơ đến gần đức Phật.

Hậu bán thế kỷ thứ XIX tại Ấn Độ là giao thời giữa xã hội truyền thống quý tộc và đạo giáo với văn minh đô hộ Tây phương do người Anh đem tới. Giai cấp Bà-la-môn thượng lưu của Ấn Độ phản ứng bằng hai cách: một là thủ cựu, chống đối ra mặt hay chống đối dè dặt với trào lưu mới; hai là đổ xô chấp nhận văn minh tinh thần - nhiều hơn là văn minh vật chất - của phương Tây. Gia tộc của Tagore đã đi con



"The object of education is to give man the unity of truth... I believe in a spiritual world - not as anything separate from this world - but as its innermost truth. With the breath we draw we must always feel this truth, that we are living in God."

Rabindranath Tagore

www.totabhaqi.com

đường trung dung: giữ gìn những điều tốt đẹp cổ truyền, và chấp nhận nhưng chọn lọc những điều mới, tốt và hữu lý của Tây phương. Trong sách *Towards Universal Man* ("Tiến tới con Người đại đồng hoàn vũ" New York, 1961) ta đọc trong bài "East and West" ("Đông và Tây") một trích đoạn lại của Tagore:

"Chúng ta (người Ấn Độ) bị nét huy hoàng của châu Âu làm ngây ngất, và đã đón nhận món quà phương Tây như những kẻ đi ăn xin. Nhận của bố thí như vậy không ích lợi gì. Dù đó là kiến thức, hay là một quyền hạn chính trị, ta nên đem trả đũa để mua, làm cho những thứ đó chỉ thật đến với chúng ta nếu chúng ta biết đấu tranh khắc phục những điều thoái hóa để đón nhận món quà mới. Nếu ta nhận chúng như là một ân huệ người phương Tây thí vào tay mình, ta sẽ không giữ được món quà (vì lâu dần thành ra vô giá trị). Chúng ta đã tự phi nhỡ vào mặt mình khi đi ăn xin như vậy, và món quà nhận được chỉ làm hại ta, không ích lợi gì."

Cái ví dụ cụ thể nhất là ngôn ngữ. Khi người Anh mới đến, thiết lập chính quyền cai trị, cả nước Ấn Độ ngày đó đổ xô đi học tiếng Anh để làm ông thông, ông ký cho chính quyền mới. Riêng tất cả con em trong gia tộc Tagore phải học tiếng Bengali trước mới được học Anh ngữ sau, và riêng cậu bé Tagore khi đọc cuốn *Macbeth* bắt buộc phải dịch từng câu từng chương sang tiếng Bengali để làm giàu cho quốc văn và để giúp cho mọi người hưởng thụ một áng văn hay.

Những cố gắng này của từng cá nhân hay tập thể nhỏ, tuy có giá trị làm gương mẫu, tiếc là không ảnh hưởng được bao nhiêu để ngăn chặn cái phong trào đua đòi chung theo Tây phương, hoàn toàn theo Tây phương, loại bỏ những giá trị cổ truyền của phương Đông. Chính vào lúc này, những công trình sưu khảo đại quy mô của các nhà học giả phương Tây (như Huân tước Cunningham, Đại tướng Marshall, người Anh; như Eugène Burnouf, Alfred Foucher, và Emile Sénart, người Pháp; như Odenberg và Kern, người Đức và Hòa Lan) lại khám phá ra văn minh vĩ đại của đạo Phật bị chôn vùi suốt nghìn năm từ lúc các đạo quân Hồi giáo tràn từ phía Tây sang quét sạch đạo của Thích Ca ra khỏi nước Ấn Độ. Nhất là từ khi một sự tình cờ hãn hữu giúp nhà khảo cổ James Prinsep tìm lại được văn tự Pali làm sống lại kho tàng vô giá của kinh điển đạo Phật và đem dần ra ánh sáng sự nghiệp lập quốc, kiến quốc và sự nghiệp hoàng dương đạo Phật của đại đế Asoka mà nhà khảo cổ Pháp Alfred Foucher đặt vị thế trong lịch sử loài người cao hơn cả Tần Thủy Hoàng nước Trung Hoa, Charlemagne của Châu Âu, thì người Ấn Độ mới được chú tâm tinh thức. Từ đó nảy ra một mầm mống làm chủ sinh đạo Phật tại Ấn Độ. Và chắc chắn đó là một lý do tiềm tàng để cho



người tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt Tagore đã đến gần đức Phật. Trong buổi lễ khánh thành việc tái tạo tu viện Mulagandhakuti Vihara tại tháp lớn Sarnath, nơi đức Phật lần đầu tiên công bố giáo lý của ngài, Tagore ngày đó 26 tuổi xuất thần đưa ra lời cầu nguyện bằng một bài thơ:

*Nguyện cầu xin Đấng Chí tôn, một lần nữa
giáng xuống nơi đây uy danh của Ngài,
Uy danh đã làm cho đất sanh thành của Ngài
(đất Ấn Độ) * thành nơi chiêm ngưỡng của bao
nhiều giải đất gần và xa!*

*Xin ánh sáng giác ngộ của Ngài dưới cây bồ đề
lại sáng chói niềm toàn vẹn,*

*Đấy xa âm u ngu muội;
Và cầu xin đêm tối chấm dứt, để kỷ nguyên
của Ngài lại rực rỡ trên đất Ấn Độ.*

(Tập thơ Parisesh, 1887)

Tưởng nơi đây cần trình bày đôi điều nhận xét về ngôn ngữ trong thơ Tagore và các bản dịch (tiếng Anh và tiếng Pháp mà người Việt chúng ta có thể tìm đọc). Tagore làm thơ bằng tiếng Bengali là tiếng mẹ đẻ của ông, và chính ông dịch thơ của ông sang Anh ngữ. Cũng có đôi khi ông làm thơ bằng tiếng Anh và chính ông dịch ra tiếng Bengali. Thơ Tagore được dịch ra rất nhiều Âu ngữ, như tiếng Anh, Đức, Pháp, Ý, Y-pha-nho... và A ngữ như tiếng Trung Hoa, tiếng Nhật, do các nhà văn và nhà thơ lừng danh ở địa phương phiên dịch. Người Việt Nam chúng ta yêu thơ Tagore chỉ đọc được một bản dịch làm sách gối đầu của Đỗ Khánh Hoan (Nxb An Tiêm) nhưng tiếc là dịch giả không có một lời giới thiệu hay chú thích làm lạc lõng người tìm đọc và tìm học trung bình. Hy vọng là tú sách Hà Nội đã có nhiều bản dịch Tagore khác qua tiếng Việt, bởi lẽ "văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa" của Cách mệnh vô sản Sô viết trong bảy mươi năm trước đã hết sức ve vãn Tagore xem ông cũng như Picasso là "anh hùng của nghệ thuật cách mệnh."

Bengali vào đầu thế kỷ XX là tiếng nói của hơn trăm triệu người Ấn Độ miền Tây (Calcutta), và miền Đông (đất Bangladesh hiện tại). Bengali là một tiếng nói có nhiều giọng, âm thanh, lời nói như tiếng hát. Dịch thơ buộc dịch giả phải quen thuộc với âm thanh tiếng nói, suy luận cách dùng lời hiểu biết cú pháp, cảm thông nét tinh vi của tình ý. Các điểm phiên diện này vẫn chưa đủ. Người dịch còn làm thế nào tái tạo, phục sinh linh hồn của câu thơ qua tiếng nói của chính mình. Vì có ai đã làm được cho người ngoại quốc hiểu và cảm được một câu lục bát Kiều, nhất là câu Kiều ngâm sa mạc chẳng? Như vậy, dịch

thơ đã khó, dịch thơ Tagore lại càng khó hơn. Bởi lẽ Bengali chỉ là một thổ ngữ trong hàng trăm thổ ngữ của người Ấn Độ, và chính số lớn người Ấn Độ trung bình không đọc được thơ Tagore. Điều vui mừng là vì ảnh hưởng thi văn Tagore sâu rộng quá, thu hút được nhiều văn nhân châu Âu, nên hầu hết các bản thơ, kịch, truyện ngắn... của ông đều được phiên dịch qua tiếng Anh, Pháp, Đức do những ngòi bút giá trị thực hiện; và nhờ đó mà thi văn Tagore trở lại với người Ấn Độ, và trong một giới hạn nào đã đến với người Việt chúng ta! Nhưng ta hãy trở lại với đề tài.

Cũng là cái tinh thần yêu nước Ấn Độ ngày nay bị người da trắng dày xéo, đã khiến người thơ Tagore, trong một chuyến du lịch (mà ông gọi là hành hương) qua đất Thái Lan (ngày đó gọi là đất Xiêm), đã ca tụng dấu vết huy hoàng của đạo Phật còn lại trên chùa chiền và đền đài đất Thái, trong "Bài thơ tặng nước Xiêm," như sau:

*Tôi đến đây, một kẻ hành hương nhỏ bé
quỳ trên ngưỡng cửa đất Xiêm
Dâng lên lời thơ đậm bạc vinh hắng đất Ấn Độ
vĩ đại còn dấu vết nơi đây
xa cách nghìn trùng các đền đài khói nhang tàn*

lụi

*Và tôi xin tắm nước cam lồ
tuôn ra từ lòng đất Xiêm,
Suối nước muôn đời đã thoát ra
từ nơi thâm nghiêm đất Ấn Độ
Mặt trời của vô lượng Tình thương và Chánh đạo.*

(To Siam, Parisesh)

Đất Thái lảng giềng không phải là nơi độc nhất Tagore để lại bài thơ vinh ca đạo Phật. Bất cứ nơi nào ở châu Á và Đông Nam Á có vết tích đền đài hay văn minh đạo Phật như Java, Bali, Miến Điện, Trung Hoa, Nhật Bản... (điều đáng buồn là không có các xứ Đông Dương thuộc Pháp!) mà Tagore đã ghé chân lúc còn trẻ hay về sau ở trên đỉnh cao danh vọng, ông cũng để lại thi văn tán dương đức Phật. Năm 1927, du hành qua các nước Đông Nam Á, đến Java, thăm đại tháp Borobudur, Tagore viết:

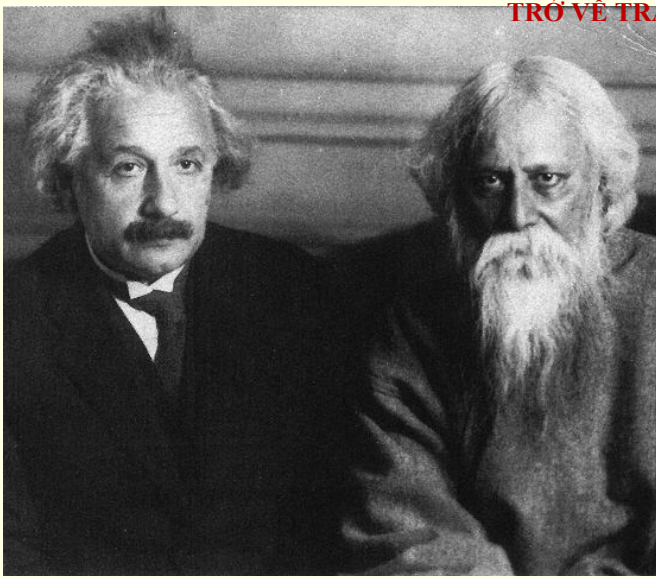
*Con người hôm nay không còn chút yên vui,
trái tim khô cạn,
rong ruổi chạy theo bã lợi quyền trước mặt,
lợi quyền mà khi buông tay không còn chút ý
nghĩa gì.*

*Đã đến lúc ta phải suy tư tự tại
trú chân giữa cơn lốc vũ bão,
để nhận chân đức từ bi vô lượng
là ý nghĩa tận cùng của tự do
Và nguyện cầu: Tự quy y Phật, đương nguyện
chúng sanh...*

(Borobudur, Parisesh, 1932)

Tagore và đức từ bi của đạo Phật

Nhưng không phải chỉ riêng cái tinh thần ái quốc của một người Ấn Độ hay cái tinh thần tự tôn của một người Đông phương trước sức tàn bạo của phương Tây đã đưa Tagore đến với đạo Phật. Tagore đã đến với đạo Phật vì cái "tâm" của ông. Là một người Bà-la-môn sống trong truyền thống Ấn Độ giáo, Tagore đã được cái ý niệm "từ bi vô lượng" của giáo lý Thích Ca thu hút, và đã trở thành một đệ tử của Thích Ca. Ngày xưa đức Phật đã giải phóng con người thoát khỏi mọi trình tự nghi thức, mọi tín ngưỡng dị đoan, và Ngài đã xóa bỏ mọi điều chướng ngại về sắc da và chủng tộc giữa người và người. Lý luận của Ngài và bức thông điệp của Ngài về tình thương cũng như lời dạy bất bạo động của Ngài đã chinh phục khối óc và trái tim của nhà thơ Tagore.



Những người bạn gần và hiểu biết cặn kẽ như huân tước William Rothenstein, thi hào người Ái-nhĩ-lan William Yeats đều lặp lại bằng chứng là tất cả lời dạy của đức Phật đều được thể hiện trong đời sống của Tagore. Một nhà thơ khác Edward Thompson đã từng dạy môn văn chương Bengali tại Bengal và Oxford, tác giả cuốn sách *Rabindranath Tagore: His Life and Work* (Calcutta, 1921) khẳng định "Ông ta (Rabindranath) thờ đạo Phật nhiều hơn là ông ta có cảm tình với vài giáo phái đạo Bà-la-môn thịnh hành (ngày đó) tại quê hương Bengal của ông. Tất cả lời dạy của đạo Phật đều được thể hiện trong đời sống hằng ngày của ông ta."

Ví dụ cụ thể là sát sanh. Nhà thơ đau đớn tột độ khi nhìn thấy cảnh sát sanh, và sự kiện này được mô tả biết bao lần trong tác phẩm kịch nghệ, trong truyện ngắn của Tagore, rút ý từ những Chuyện Tiền Thân Jataka của kinh Phật. Điển hình là bốn kịch *Prayaschitta* viết năm 1893, đem lên sân khấu năm 1900 cùng với bốn dịch tiếng Anh (Bốn dịch tiếng Pháp *L'Expiatoire* 1922). Nhân vật chính là hình ảnh của một tráng sĩ vô cùng tế nhị không chịu được nỗi đau xót của một con giun, con kiến bị chà đạp gãy chết, nhưng mà trái lại, nung nấu ý chí đấu tranh bất bạo động cho quyền làm người bình đẳng giữa người bản xứ với nhau (chế độ giai cấp, caste) và giữa người da trắng thống trị và người da vàng bị trị, đấu tranh chịu nhục hình để không đóng thuế cho quân cướp nước. Trên sân khấu chính trị, Thánh Cam-địa (Mahatma Gandhi) hai mươi năm sau mới xuất hiện, nhưng nhân vật trong kịch bốn của Tagore đã gợi lên hình dáng rực rỡ của người anh hùng Ấn Độ và Á châu Gandhi, từ đầu thế kỷ.

Đồng thời với bốn kịch *Prayaschitta*, là tập truyện ngắn *Rajarshi* (có ghi trong thư mục ba bốn tiểu sử đầy đủ nhất của Tagore do Ernest Rhys (1915), Rothenstein (1932) và Krisna Kripalani (1962) viết, nhưng không thấy ghi tên bốn dịch ra ngoại ngữ) lên án việc sát sinh thú vật. Tagore mô tả từng chi tiết với nỗi khổ đau không nói ra được của con vật bị người đem ra giết làm thức ăn hay giết để tế lễ theo tín ngưỡng dị đoan. Santiniketan là ấp riêng của gia tộc Tagore bao bọc con sông Shelaidaha bốn mùa có bóng mát nên rất nhiều chim muông. Ông ra lệnh cho người trong ấp và du khách không được săn bắn súc vật, tạo nên một khu đất dành riêng làm môi trường cho việc bảo tồn thiên nhiên. Và cho đến ngày nay dân chúng trong vùng giữ kỷ niệm tốt đẹp của Tagore, vẫn tuân theo các luật lệ cấm săn bắn, cấm phá hoại thiên nhiên của ông đặt ra từ lúc sanh thời.

Tagore biết rõ là trên hoàn vũ và trong suốt lịch sử nhân thế, đức Phật lên tiếng trước tất cả, tìm cách ngăn chặn và chỉ rõ hậu quả tác hại do sự độc ác của loài người đối với cầm thú, đối với môi trường thiên nhiên gây ra, hãm hại đời sống ngày mai. Bởi vậy mà nhà thơ cầu nguyện xin đức Phật tái sinh (NatirPuja): O Serene, O Fee, bốn dịch tiếng Anh):

Khẩn cầu xin Đức Thế Tôn lại giảng xuống trần!

Ngài, đấng vô lượng thọ, vô đẳng luân

Xin xót thương ban niềm hy vọng muôn đời,

Xin tưới xuống mật ngọt vô lượng tòa ra

từng cánh trên đài sen sáng chói!

Thanh thân làm sao, bao la làm sao

là đức từ bi vô lượng, là lòng hỷ xả không bờ

của đấng Thế Tôn.

Xin dang tay xóa bỏ mọi tục lụy

trên cõi ta bà này

Cũng trong tập thơ này, ta đọc:

Ngài đã ban muôn vãn ân huệ, xin Ngài ban thêm

cho mỗi chúng con ý thiện thoát ly,

Xin Ngài khơi dậy trong mỗi chúng con chất men

gây lại vốn người.

Tagore và đức trí của đạo Phật

Tagore, như ta đã thấy ở trên, không chỉ đến với đạo Phật vì lòng ái quốc, vì cái tâm, mà sâu đậm hơn nữa vì điều trí. Trong *Dhammapada*, cuốn sách về tư tưởng triết lý và chính trị xuất bản năm 1930, ông viết:

"Không biết bao nhiêu chất liệu dưới mọi hình sắc đã được chôn vùi trong kinh điển nhà Phật. Và chính bởi ngày nay chúng ta đã xa lạ với các chất liệu vô giá đó mà tất cả lịch sử của văn minh Ấn Độ chưa được khai thác vẹn toàn. Ước gì một số thanh niên Ấn Độ chúng ta, khi đã được điều nhận xét trên khắc phục, bỏ tâm huyết vào chuyên chú học Phật, làm việc tìm học đạo Phật thành một sứ mệnh để phục hưng cái gia sản muôn đời."

Tagore không chỉ đưa ra một lời kêu gọi suông. Chính ông tự bắt tay vào việc, gom góp sưu tầm kinh Phật, hiệu đính và dịch thuật qua Anh ngữ, giúp tạo nên phong trào học Phật vào đầu thế kỷ Hai mươi. Trong Đại học Visva Bharati dựng lên một Phân khoa Phật học, hằng năm mở các khóa đào tạo và tu nghiệp cho người học Phật. Học giả trên toàn thế giới đổ xô đến tham gia học tập, thảo luận và sưu khảo dưới sự chỉ đạo của ông.

Năm 1935, khi uy danh của ông đã vang lừng bốn bể, Tagore nhận lời mời của Hội Maha Bodhi Society đến chủ tọa lễ đàn sanh của Đức Phật, người Ấn Độ gọi là lễ Purnima (danh từ thống nhất về sau gọi là lễ Visakha). Nhà thơ tuyên bố: "Ngày trăng tròn visakha hôm nay, tôi được đến đây thành tâm thiết lễ Đàn Sanh của đấng Chí Tôn. Tôi xin cúi đầu đánh lễ trước đức Phật mà từ đây lòng tôi hiểu Ngài là con người cao cả nhất trong mọi tầng lớp người đã sinh ra trong cõi đất này. Đây là dịp cho tôi chứng minh được lòng tôn kính của tôi đối với đức Phật, đây là cơ hội hân hỷ đối với tôi. Tôi xin thành kính đánh lễ đức Phật mà mỗi ngày tự trong thâm tâm tôi vẫn thành kính chiêm ngưỡng." Trong dịp này, nhà thơ đặt một bài thơ phổ nhạc ca tụng đức Phật mà người Ấn Độ ví như bài thơ "Ode to Joy" của Frédéric Schiller soạn và được đại nhạc gia Beethoven phổ qua nhạc trong khúc Đại hòa tấu giao hưởng số Chín. Bài thơ phổ nhạc của Tagore (do chính ông phổ nhạc) bắt đầu bằng câu: "Vạn tuế đức Thế Tôn đã thành công loại bỏ lỗi lầm đen tối (của mọi người)".

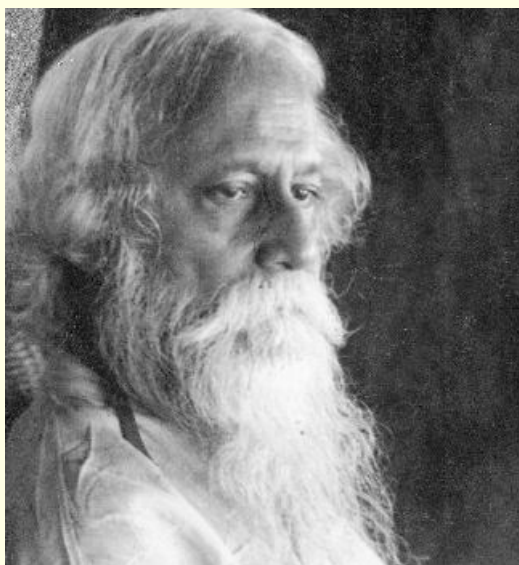
Giáo sư Krishna Kripalani tác giả bộ tiểu sử bằng Anh ngữ được xem là xác thực nhất của Tagore viết là Tagore vô cùng kiêu ngạo, suốt đời ông chưa hề quý lạy một người hay hình tượng nào, vậy mà khi đến Bồ đề đạo tràng Buddha Gaya, thấy bức tượng của Thích Ca, ông sụp xuống lạy đánh lễ. Cũng chính Tagore đã viết về mình: *"Tôi là một đệ tử của Đức Phật, quy y vì trí tuệ của Ngài. Thế nhưng mỗi khi tôi đến những nơi có xá lợi của Ngài, tôi vô cùng xúc động vì cảm thấy được gần gũi Ngài"* (Trích trong sách Samalochana, 1888). Khi xa hình tượng đức Phật, không còn bồi hồi xúc động, nhà thơ và triết gia trở lại với lý trí thuần túy, viết trong sách Buddha & Buddhism (Đức Phật và Đạo Phật 1927): *"Đạo Phật là sức mạnh tinh thần đầu tiên trong lịch sử loài người đã liên kết được bao nhiêu nòi giống xa cách nhau bằng muôn nghìn sông núi, bằng tiếng nói và phong tục, bằng nếp chôn cất giữa trình độ văn minh. Sức mạnh liên kết này không phải là mối giao liên thương mại, không phải là thành trì để quốc, hay là điều hiểu kỳ khoa học, lại càng không phải là nỗi khát vọng tìm đất mới để di cư. Sức mạnh liên kết này thuần túy là tinh thần cố gắng bất vụ lợi giúp con người đạt tới cứu cánh tận cùng của mình"* (Tagore: Buddha & Buddhism đã dẫn).

Thật vậy, hài hòa giữa muôn loài để tìm lối thoát nghiệp chướng khổ đau *"cứu cánh tận cùng của con người (man's find goal)"* là ý nguyện của đức Phật. Ngài đã liên kết chúng sinh trên trái đất bằng tình yêu và nhà thơ Tagore đã nhận chân được điều đó. Phương tiện đạt tới hài hòa là làm theo lời dạy của đức Phật: tin Phật, tin vào Pháp của Phật, và xem tăng lữ là người bạn dẫn đường. Tagore viết:

*Khi lời rao giảng quy y Tam Bảo
Như sấm vang trên thính không qua đồi qua núi
Qua sa mạc, qua biển khơi
Các quốc gia thức tỉnh cùng vùng dậy đáp ứng
giữa miếu đường, quyết tâm dứt nghiệp
dâng lời thề nguyện hướng về giải thoát
đập tan xiềng xích trói buộc nhục thân*
(Bài thơ tặng nước Xiêm, Parisesh) *

Giáo sư Buddhadeva Bose thuộc Viện đại học Bombay là một trong những chuyên gia nghiên cứu Tagore, đã mô tả ông như là *"một hiện tượng của thế kỷ"...*, *"một sức mạnh của Tạo hóa thổi vào nền văn học"...* và *"điểm đặc trưng nhất của ông là khối lượng, bao xuyên mọi lãnh vực, muốn hình thành muôn trạng"...* *"Rabindranath Tagore là nhà văn toàn diện, đầy đủ bậc nhất trên thế giới."* Buddhadeva Bose cũng như các nhà học giả cổ điển khác sắp văn phẩm của Tagore thành bốn mục: thơ trữ tình; chuyện ngắn và tiểu thuyết; kịch nghệ và âm nhạc; tư tưởng triết học và chính trị.

Trong lãnh vực thi ca trữ tình, địa vị của Tagore tại Ấn Độ có thể đem so sánh với Nguyễn Du trong thi văn nước ta trong mục thước khiêm tốn hơn, dĩ nhiên khiêm tốn về phần chúng ta. Trước Tagore, thơ trữ tình Bengali không ai để ý; sau Tagore chưa



có một nhà thơ nào sánh kịp được một phần. Thơ Tagore lại còn là loại thơ dễ phổ nhạc vì lẽ âm thanh đặc biệt của tiếng nói Bengali, và cũng vì lẽ Tagore là một nhạc sĩ thiên tài.

Chuyện ngắn và tiểu thuyết của Tagore phần đã được dịch ra Anh ngữ được sắp xếp thành ba bộ lớn, gồm bốn đề tài: sự cách biệt giữa đời sống thôn quê và thành thị; giáo dục là phương tiện để tiến bộ; tinh thần quốc gia và ý kiến chính trị; khai phóng nữ lưu và cộng đồng.

Tác phẩm kịch nghệ và phần phổ nhạc là phần sáng tác Tagore vừa ý nhất. Như ở trên đã minh định giới hạn, trong bài này ta không bàn tới tư tưởng triết lý và chính trị của Tagore, mà chỉ tìm hiểu phần sáng tác

thuần túy văn nghệ của ông liên hệ đến đạo Phật.

Điều cần phải nhắc lại ngay là chín mươi phần trăm sáng tác thi văn của Tagore viết bằng tiếng Bengali, và chỉ khoảng gần một nửa được dịch qua Anh ngữ. Trong số tác phẩm được dịch ra Anh ngữ, phần liên hệ tới đạo Phật không đếm được bao nhiêu bởi lẽ người Tây phương làm quen với Ấn Độ ngày đó rất nghi ngại, nếu không nói là khinh khi đạo của Thích Ca.

Năm 1961, kỷ niệm 100 năm sinh hạ Tagore, nhà xuất bản Macmillan tổng kê tác phẩm Tagore trong tập sách *Centenary Volume* trong đó ghi chú 41 tác phẩm kịch nghệ. Chín bốn đã được dịch lúc sinh thời tác giả, tám bốn được in sau khi ông mất, 24 bốn còn lại nguyên tiếng Bengali. Trong những bài đã dịch qua tiếng Anh chỉ có đôi bốn như kịch bản Prayaschitta đã dẫn trên quen thuộc với chúng ta về mặt đạo Phật. Bây giờ nếu ta đọc giáo sư Bimal Barna, một học giả Phật giáo trường Nalanda (Calcutta Reviews, 1960) ta học được là rất nhiều bài thơ trữ tình, chuyện ngắn, kịch bản của Tagore được sáng tác rút chất liệu trong những Chuyện Tiền thân đức Phật (*Kinh Jataka*). Bimal Barna dẫn những bài thơ ngắn hoặc trường thiên, nhiều bài đã viết ra kịch bản, tiểu thuyết như tập thơ Katha, Sreshta-Bhiksha, Mastakbikray, Nagarlaksmi, Puja-rini... những đề mục quen thuộc trong kỹ nghệ điện ảnh Ấn Độ ngày nay! Nhà sưu khảo còn viết thêm là những bài thơ, truyện ngắn, kịch bản này được diễn tả với bút pháp *"không so sánh được trong lịch sử văn chương."*

Rất tiếc vì hàng rào ngôn ngữ, thế hệ chúng ta bắt buộc trở thành xa lạ với những kỳ quan này. Phương Tây -- vì lý do hoàn cảnh, có chúng ta trong đó -- chỉ biết được Tagore thoáng qua và không trọn vẹn. Sau này những người trẻ tìm học đạo Phật, nếu đến với Tagore, chắc chắn sẽ gặp một kho tàng vô giá chờ đợi được khai thác.

Nguyễn Phúc Bửu Tập

(* chữ trong vòng đơn là lời của người dịch. Tập thơ *Parisesh* viết bằng tiếng Pali năm 1887, dịch ra Anh ngữ và xuất bản tại Luân đôn năm 1932.)

NGÀY XUÂN THẬP HƯƠNG TƯỞNG NIỆM

thơ

Ôn Già Lam

*Trái tim Ôn nồng ấm
Nuôi lớn đàn con
Chọn người làm Phật
Phật đất. Phật đồng
Phật trong tự tánh
Tánh thiện, tánh lành
Tánh như hư không
Ôn dang đôi tay ôm tròn tuổi trẻ.
Tuổi già lụi tàn
Măng mọc đầu non
Ước mộng vương tròn
Ôn về với Phật.
(PHV Hải Đức - Nha Trang 1973)*

*Đêm khuya Ôn lay Phật
Từng lời, từng lời Kinh
Nuôi lớn đàn hậu sinh
Thành Tăng tài cho Đạo
Bước chân Ôn nhẹ dạo
Rạng rỡ ngọn Thiên quynh
Nghiêng mình, khuynh tâm
Một đời đèn đáp
Công ơn nuôi dưỡng
Sáng tỏ trăng rằm.
(Tu viện Quảng Hương Già Lam,
Sài Gòn - 1980)*

Ôn Đồng Minh

(Chùa Tinh Hội Nha Trang - 1971)

*Chống gậy Ôn qua triền núi
Đôi dép mòn ba tháng an cư
Con ốc nhỏ nằm bên bờ suối
Dõi nhìn theo dáng điệu hiền từ
Gập gềnh sỏi đá
Con đường chân như
Ôn đi một sớm phù hư
Ôn về cốc núi ẩn cư tu hành.*



Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tôn Từ Thập Nhị thế, bửu Thị Khai,
tự Hạnh Huệ hiệu thượng Đồng hạ Minh Hoà Thượng giác linh
(1927 - 2005)



Ôn Trường San

(Giám sự PHV Hải Đức Nha Trang - 1970)

*Ôn như ánh trăng rằm
Dung nhan Ôn đẹp lạ
Giám sự một lòng thành
Qua bao nhiêu mùa hạ
Ve sầu kêu rí rả
Bát Nhã tát bà ha
Ngày tháng cứ trôi qua
Ôn là quả núi già
Kiên cố và vững chãi
Độ người số hăng sa
Nhất niệm Di Đà
Ôn về với Phật.*

NGUYỄN SIÊU

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

HẠNH PHÚC THỜI @

*Tâm Minh - Vương Thúy Nga*Lời thưa:

Nói đến mùa Xuân là nói đến niềm vui, và hạnh phúc. Tâm Minh (TM) xin chọn đề tài này vì tuy chỉ có 4 chữ nhưng chữ nào cũng gọi lên trong TM những ý tưởng “bao la vũ trụ”. Năm nay TM đã 74 tuổi, thời ra trường Đại học Sư Phạm Huế, năm 1961, thì chưa được biết đến cái chữ @ này trong khi các cháu nội/ngoại của chúng ta bây giờ mới 3, 4 tuổi đã biết chơi games trên computer rồi!

Kính thưa quý vị và các bạn,

Loài người nói chung, các bậc minh triết Đông và Tây, xưa và nay, nói riêng, đã giảng, nói và viết rất nhiều về hạnh phúc và an lạc, về mục đích cuộc sống, về làm thế nào để có hạnh phúc, v.v... Riêng kinh điển Phật giáo cũng đã dạy rất nhiều. Tuy nhiên Hạnh phúc là gì, Hạnh phúc tùy thuộc vào những gì và gần hơn với đề tài của chúng ta “Hạnh phúc thời @ là gì?” và khác biệt với hạnh phúc thời xa xưa ở những điểm nào, tại sao. Cả hai loại hạnh phúc đó có thực không, có tồn tại lâu dài không? Tại sao. Bài viết này xin chỉ “khoanh vùng” ở trong phạm vi nhỏ hẹp đó.

Hạnh phúc là gì? Câu hỏi ấy, định nghĩa ấy, còn tùy thuộc vào mỗi một con người cụ thể, vào hoàn cảnh của người ấy, về hiểu biết của người ấy, vào xã hội và cả vào thời đại mà người ấy đang sống nữa.

Với một người đang bị bệnh ghê ngứa hành hạ thì 1 ló lửa đặt sao cho sức nóng làm tan cơn ngứa, đó là hạnh phúc của vị ấy; đối với một em bé bị mù vì tai nạn thì hạnh phúc của em là “lạy Trời cho con sáng mắt ra chỉ một phút thôi, để con được nhìn lại khuôn mặt của mẹ mà con đã gần như quên mất rồi!” ... cứ như vậy cho nên hạnh phúc của bạn có thể không phải là hạnh phúc của tôi, và có khi hạnh phúc của người này, của dân tộc này lại là nỗi bất hạnh của một người khác, một dân tộc khác, v.v...

Với các nho sĩ ngày xưa của xã hội Việt Nam ngày đó thì chỉ cần “ngày 3 bữa vỗ bụng rau bịch” vì “người quân tử ăn chẳng cần no” hay “đêm 5 canh an giấc giấc pho pho” vì “đời thái bình của thường bỏ ngỡ”; hay “sống đời vui đạo phải tùy duyên, đối tới thì ăn, mệt ngủ liền” v.v.. đó là hạnh phúc rồi! nhưng khi văn minh Tây phương đến thì “sáng rượu sâm banh tối sữa bò” hay “sáng tổ tôm chiều tứ sắc” hay phải “lên xe xuống ngựa”... mới là phong lưu, đầy đủ hạnh phúc vật chất,... Rồi tiếp đến là thời đại chúng ta đang sống, được gọi là “thời đại @” _ đó là thời đại của “thông tin bùng nổ”, thời đại của khoa học kỹ thuật lên đến cực đỉnh, thời đại con người sống trong “một thế giới ảo”, thời đại mà có người đã lên tiếng than rằng “khoa học không lương tâm chỉ là sự tàn phá của tâm hồn” (La science sans conscience n'est que ruine de l'âme"); [English: Science without conscience is but the ruin of the soul.], thời đại mà sự thành công được đặt trên cơ sở của sự thành đạt về kinh tế, chính trị, quân sự, quyền uy, danh lợi v.v... cho nên hạnh

phúc lại mang nhiều ý nghĩa có thể rất khác xa với định nghĩa của nó thuở ban sơ!

Thật vậy, chỉ nói về những em bé Việt Nam ngày xưa ở trong nước với những em bé VN ngày nay ở hải ngoại là đã thấy niềm vui, hạnh phúc, biến đổi cực kỳ khác xa! Ngày xưa những viên bi, những con vẹt, đồ chơi từ những trục chỉ, những cánh diều... cũng đủ là niềm vui và hạnh phúc của các bé, nhưng ngày nay, niềm vui của những em bé Việt Nam ở hải ngoại hay một số ở trong nước cũng vậy_ là những trò chơi điện tử (video games), những con Bakugan, Pokémon, Skylanders, v.v... và v.v... hay những chiếc xe hơi, máy bay và cả những con diều (kites) to tướng nữa, được điều khiển từ xa (bằng remote control)... Mỗi ngày trên thị trường đồ chơi trẻ em đều có cái mới... các em chưa kịp chán thì đã có món đồ chơi khác xuất hiện rồi! Những thứ đồ chơi này cũng không cần có bạn để chơi, các em chỉ cần chơi trên màn hình của TV hay computer đều được, khi đã say mê với cuộc chơi rồi, các em như ở một thế giới khác, không thấy cô đơn, mà còn tỏ ra rất hạnh phúc. Đối với người lớn cũng vậy, có những người chỉ sống trong thế giới ảo của mình _tại sao gọi là “ảo”? Vì có thể nó không tồn tại trên thực tế, ví dụ ngoài đời bạn là A, vợ hay chồng bạn là B nhưng trên mạng (net) bạn có thể làm quen với một người C để tiến đến tri âm, tri kỷ, thư từ qua lại với nhau rất mặn mà tình cảm (không cần biết mặt, biết tên thật làm gì, chỉ cần cái “nick” trên mạng là được). Thế rồi một hôm, tình bạn đã chín muồi, vì một tiết lộ nào đó của 1 trong 2 người, người kia phát hiện ra “đối tượng tri âm tri kỷ mới quen trên @” đó chính là vợ hay chồng mình! Ở cùng một nhà, sinh hoạt 24/24 với nhau mà không hòa hợp được, phải mượn



email qua lại để tìm bạn tâm giao, như vậy đó không phải là thế giới ảo hay sao? J J!! Câu chuyện này không phải do TM tưởng tượng ra đâu mà do TM mới đọc được “Một chuyện có thật” do người chồng viết ra và post lên trên net cách đây không lâu. Hạnh phúc trên @, vì vậy, được gọi là “hạnh phúc trong thế giới ảo,” và bị chê là “là thả mồi bắt bóng” v.v... Tuy nhiên, cũng có những trường hợp thanh niên nam nữ chỉ quen biết nhau trên mạng vẫn tiến đến tình bạn chân thành rồi tình yêu, và kết quả là một cuộc hôn nhân tốt đẹp, trường hợp này cũng không phải là hiếm có lắm. Chúng ta định nghĩa như vậy là **hạnh phúc lứa đôi thời @...**

Mặt khác, đối với một người bị bại liệt, phải ngồi xe lăn suốt đời, thì họ nhìn chúng ta những người có thể đi trên mặt đất bằng đôi chân của mình như nhìn một phép lạ, ước mơ của họ chỉ là được bước xuống đất bằng đôi chân của mình!

Mặc dù rất lúng túng khi phải định nghĩa Hạnh phúc, con người luôn khao khát đi tìm hạnh phúc... và khi đạt được cái mà họ tưởng là hạnh phúc thì té ra không phải! Thật vậy, ví dụ khi chuẩn bị một kỳ thi tuyển rất đông thí sinh tham dự, chúng ta nghĩ rằng nếu kỳ thi này mà ta được chọn thì nhất định sẽ hạnh phúc lắm... nhưng sau khi thi đậu xong, cảm giác sung sướng kéo dài không quá ba ngày!! Còn nữa, khi hai chàng Lưu Nguyễn lạc vào chốn thiên thai tức là đang ở đỉnh cao của hạnh phúc loài người; thế mà chỉ sau 3 năm đã thấy chán, thấy nhớ nhà, muốn về lại chốn “trần gian đau khổ” này! Cõi Tiên cũng là một thế giới ảo, kiểu như thế giới của email, của mơ mộng, của có có không không, mờ mờ ảo ảo, chỉ cần một cái “click” của “con mouse” thì tất cả trở thành tro bụi _ còn thua tro bụi _ là tất cả đã biến mất không để lại dấu vết gì, dù là một tàn tro, một hạt bụi! Đây là sự gặp gỡ của hai thế giới “ảo” xưa và nay!

Kính thưa quý vị,

Tại sao hạnh phúc mà con người hướng đến, tìm cầu... đều biến mất sau vài giờ, vài ngày, vài năm... dù ở trong bất cứ thời đại nào, thời xa xưa hay thời đại @? _Xin thưa, là vì những thứ mà ta gọi là “hạnh phúc” đó, **chưa phải là hạnh phúc chân thật**, nghĩa là không phải tự trong Tâm ta mà từ những điều kiện bên ngoài. Thật vậy, con người trong bất cứ thời đại nào ngày xưa hay trong thời đại @ đều có thói quen “tìm cầu” nghĩa là trốn chạy khỏi cái này, đuổi theo một cái khác, ví dụ: Chạy trốn nghèo đói, đuổi theo giàu sang, chạy trốn đau khổ, đuổi theo hạnh phúc, như trong nhân gian gọi nôm na là “có mới nới cũ” hay “tham phú phụ 빈” v.v... Và, ngay người tu hành cũng thích trốn chạy sinh tử, đuổi theo Niết Bàn, giải thoát!

Chúng ta hãy cùng nhau, bình tâm quán chiếu những lời dạy của đức Thế Tôn về **tự tánh Không** của các pháp, về **Tương tức** và **Tương nhập**: **“Vạn pháp nương vào nhau mà có mặt, không có pháp nào có thể phát sinh và tồn tại độc lập. Trong cái nhìn duyên khởi, vạn pháp liên hệ nhân duyên mật thiết với nhau: trong một pháp, có mặt tất cả vạn pháp, trong cái Một có cái Tất cả. Thấy được như vậy là thấy được Tánh Không của các pháp, Tánh tương tức và tương nhập của các Pháp.” [Tương tức: cái này là cái kia; Tương nhập: cái này ở trong cái kia.]** Thấy được như vậy rồi thì chúng ta không còn ước muốn theo đuổi hay trốn chạy bất cứ pháp nào; nghĩa là chúng ta không còn tham đắm, phân biệt hay kỳ thị đối với tất cả các pháp. Khi sự tìm cầu



theo đuổi hay chạy trốn chấm dứt tức là chúng ta đã có khả năng vượt qua được tham vọng của mình _cũng là lúc ta nhận ra được thế nào là hạnh phúc chân thật.

Thưa quý vị và các bạn,

Như chúng ta đã thấy, hạnh phúc của những người tu (chư Tăng Ni, quý vị khất sĩ v.v...) là giải thoát và giác ngộ. Chúng ta hãy lắng nghe lời dạy của đức Thế tôn về **vô nguyện** _chấm dứt tìm cầu và theo đuổi_ Từ đó chúng ta sẽ có kết luận cho chúng ta về hạnh phúc nói chung và hạnh phúc thời @ nói riêng:

“Giải thoát và giác ngộ không phải là những pháp có mặt ở ngoài ta . Chỉ cần mở mắt để chiêm nghiệm thì ta thấy được ta chính là bản thân của giải thoát và giác ngộ. Tất cả các pháp, tất cả chúng sanh đều có sẵn tự tánh giác ngộ tròn đầy trong tự thân mình, các vị đừng đi tìm tự tánh ấy ở bên ngoài. Nếu biết xoay ánh sáng quán chiếu vào tự thân, tự khắc các vị thực hiện được giác ngộ. Các vị khất sĩ! tất cả các pháp trong vũ trụ không pháp nào tồn tại độc lập ngoài nhận thức của các vị, kể cả niết bàn, giải thoát. Các vị nên nhớ rằng đối tượng nhận thức không tồn tại độc lập với nhận thức. Các vị đã là cái các vị đang đi tìm.”

Trở về với **“hạnh phúc”** của hàng phàm phu chúng ta, ta có thể bắt chước phỏng theo lời dạy trên để thấy rằng: **Hạnh phúc chân thật chính là cái trạng thái tâm lý không muốn trốn chạy hay theo đuổi bất cứ cái gì nhằm phục vụ cho bản thân mình.**

Tinh tấn tu học và tu tập (nghĩa là tự huấn luyện Tâm mình từng ngày, từng giờ thực tập Hiểu biết và Thương yêu) để chuyển hoá những thói quen tiêu cực của Tâm “tham cầu và chống đối” [theo đuổi và trốn chạy] mới tiếp cận được với hạnh phúc chân thật _ **thứ hạnh phúc độc lập với không gian và thời gian.** [nghĩa là không phụ thuộc quốc độ nào hay thời đại nào; thời đại @ ở đây hay thời đại của đức Phật nơi đất nước Ấn độ cũng vậy!]

Thân mến kính chúc quý vị và các bạn “một mùa Xuân Bấy giờ và Ở đây”, không tìm cầu không ước vọng. Xin kính gởi đến mọi người tư tưởng rất xưa mà cũng rất mới về Mùa Xuân:

Tâm Xuân Vũ trụ xuân

Tâm bình thế giới bình

Ước mong cho thế giới hoà bình, người người đều an lạc.

Tâm Minh

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

5 BUDDHIST STORIES CHUYỆN PHẬT GIÁO

You Cannot Dirty the Sky AVOID USING HARSH WORDS IN SPEECH

One day, an angry man with a bad temper went to see the Buddha. The man used harsh words to abuse the Buddha. The Buddha listened to him patiently and quietly, and did not say anything as the man spoke.

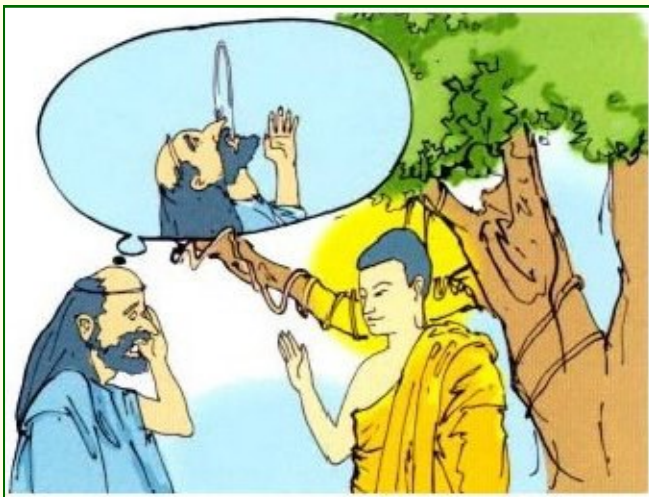
The angry man finally stopped speaking. Only then did the Buddha ask him, "If someone wants to give you something, but you don't want to accept it, to whom does the gift belong?"

"Of course it belongs to the person who tried to give it away in the first place," the man answered.

"Likewise it is with your abuse," said the Buddha. "I do not wish to accept it, and so it belongs to you. You would have to keep this gift of harsh words and abuse for yourself. And I am afraid that in the end you will have to suffer for it, for a bad man who abuses a good man can only bring suffering on himself. It is as if a man wanted to dirty the sky by spitting at it. His spittle can never make the sky dirty, it would only fall onto his own face and make it dirty instead."

The man listened to the Buddha and felt ashamed. He asked the Buddha to forgive him and became one of his followers.

Only kind words and reasoning can influence and transform others.



Bạn không thể làm bẩn bầu trời TRÁNH DÙNG NHỮNG TỪ THÔ LỖ TRONG LỜI NÓI

Một hôm, một người giận dữ với tính tình xấu xa, đi tới gặp Đức Phật. Người ấy dùng những từ thô lỗ để lăng mạ Đức Phật. Đức Phật kiên nhẫn và im lặng lắng nghe ông ta, và không nói gì trong khi người đó nói.

Người giận giữ cuối cùng ngưng không nói nữa. Chỉ đến lúc đó Đức Phật mới hỏi ông ta, "Nếu một người nào muốn cho ông một thứ gì đó, nhưng ông không muốn nhận, vậy món quà đó thuộc về ai?"

"Tất nhiên món quà sẽ thuộc về người thoát tiên muốn đem cho nó." Người ấy trả lời.

Đức Phật nói "Tương tự như thế, với sự lăng mạ của ông. Ta không muốn nhận nó, vì vậy nó vẫn thuộc về ông. Ông sẽ phải giữ món quà từ ngữ thô lỗ và tội tệ của ông cho chính ông. Và tôi sợ rằng cuối cùng ông sẽ đau khổ vì nó, vì một người xấu nhục mạ một người tốt chỉ có thể gây đau khổ cho chính mình. Nó giống như một người muốn làm bẩn bầu trời bằng cách ngửa mặt lên khắc nhoe vào bầu trời. Sự khắc nhoe của ông ta sẽ không bao giờ làm dơ bẩn bầu trời, nó sẽ chỉ rơi lại vào chính mặt ông ta, và làm mặt bị dơ bẩn thôi."

Người đàn ông lắng nghe Đức Phật và cảm thấy xấu hổ. Ông ta xin ngài tha thứ cho ông và rồi trở thành một đệ tử của ngài.

Chỉ có lời nói tử tế và sự suy luận có thể tạo ra ảnh hưởng và hoán cải những người khác.

The Brave Quail NO KILLING

In a forest near Varanasi, there once lived some quails. The shady grove in which they nested was also the favourite grazing ground of a herd of elephants. A wise and righteous elephant was the leader of that herd.

One day, one of the quails laid some eggs. Soon the fledglings were hatched, but the quail was worried they might be trampled to death by the elephants. The elephant leader assured the quail that the fledglings will not be harmed by his herd because he would stand over the nest when the other elephants grazed. But he warned the quail that a rogue elephant that was coming their way might bring them harm.

Soon after the good elephant and his herd had left, the rogue elephant arrived. The mother quail begged at his feet for mercy.

Despite this, the rogue elephant lashed his trunk at the nest and killed all the fledglings.

Grief over her dead children made the quail bold and set her thinking hard. She went to tell the crow

about this, and asked him to peck out the elephant's eyes. Then she went to an ant to tell her sad story, and the ant offered to lay eggs in the empty sockets of the elephant's eyes. She further went to the frog to unfold her plans: When the ants hatch from the eggs, the rogue elephant will be badly stung. He will run blindly looking for water to ease his pain. If the frog croaked from the steep precipice nearby, the elephant would follow the sound and go to the edge of the cliff.

One step further towards the sound would send him hurtling down to his death.

This was exactly what happened later.

This story is a good lesson to all the strong ones who want to harm the weak and the helpless.

Con chim cú can đảm KHÔNG SÁT SINH

Trong một khu rừng gần thành Varanasi từng có một vài con chim cú sinh sống. Dưới lùm cây có bóng mát nơi chim cú làm tổ cũng là bãi cỏ lý tưởng của một đàn voi. Một con voi thông thái và công bằng lãnh đạo đàn voi đó.

Một hôm, một con chim cú đẻ một vài cái trứng. Ngay khi chim non vừa nở, chim cú đã lo sợ là các chim non có thể bị các con voi dẫm đạp đến chết. Voi đầu đàn bảo đảm với chim cú rằng chim non sẽ không bị dẫm đạp bởi bầy voi của nó vì nó sẽ đứng gần tổ chim khi các con voi khác đi ngang qua.

Nhưng nó báo cho chim cú biết trước rằng một con voi gian manh trên đường sắp đi tới có thể gây ra thương tích cho chim cú.

Ngay sau khi voi tốt bụng và đàn voi của nó đã đi qua thời con voi gian manh đến. Chim cú mẹ quý xuống chân voi xin nó hãy có lòng nhân từ. Không đếm xỉa đến những lời xin đó, con voi gian ác đã quất vòi của nó vào tổ chim và giết chết tất cả các chim non.

Đau khổ về những đứa con bị chết của mình làm cho chim cú cứng rắn và suy nghĩ kỹ. Cút mẹ đến kể cho quạ nghe về chuyện này và nhờ quạ mổ vào mắt voi hung dữ. Rồi cút mẹ đi đến gặp kiến để kể chuyện đau buồn của mình, và kiến hứa sẽ đẻ trứng trong hốc mắt của voi.

Sau đó cút mẹ đi đến con ếch và nói về kế hoạch của mình: "Khi trứng nở ra kiến, con voi gian ác sẽ bị đốt đau. Nó sẽ dò dẫm chạy đi tìm lấy nước để làm dịu cơn đau. Nếu ếch kêu ồm ộp từ dốc núi đứng đúng gần đó, voi sẽ theo hướng âm thanh và đi đến vách đá. Thêm một bước nữa gần về phía âm thanh voi sẽ rơi xuống và chết. Điều đó về sau xảy ra đúng như vậy.

Câu chuyện này là một bài học hay cho tất cả kẻ mạnh muốn làm hại đến kẻ yếu thế.



The Elephant Nalagiri LOVING KINDNESS

Devadatta was one of the Buddha's disciples and also his cousin. He therefore expected to become the future leader among the monks. To his surprise, the Buddha treated him like everyone else. This made him so angry that he plotted to harm the Buddha.

In the village, there was an elephant known to be a man-killer. Her name was Nalagiri. One day, Devadatta gave Nalagiri some alcohol to make her go wild. He then drove the elephant onto the path where the Buddha was walking. As soon as Nalagiri caught sight of the Buddha, she rushed towards him in a mad fury.

People scattered in fright in all directions. They shouted, "Mad elephant! Run for your lives!" To everyone's surprise, the Buddha faced Nalagiri calmly as he raised his hand to touch her. The huge creature felt the power of the Buddha's compassion and readily went on her knees in front of him, as if bowing humbly.

Loving kindness can turn hostility into respect.

Con voi Nalagiri LÒNG NHÂN TỪ

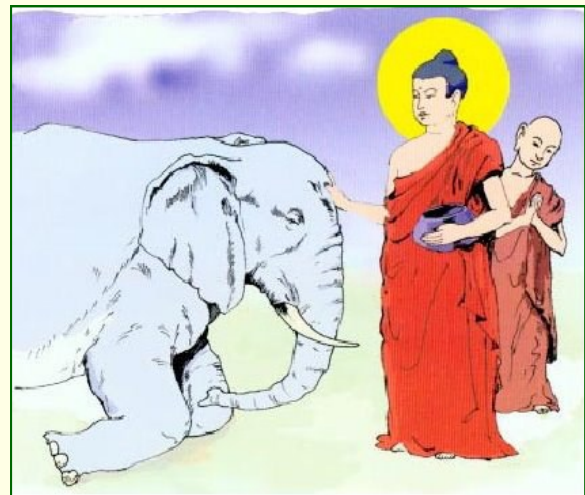
Đề Bà Đạt Đa là một trong những đệ tử của Đức Phật và cũng là em họ của ngài. Vì thế ông ta mong muốn trở thành người lãnh đạo tương lai trong số các vị sư. Ông ta ngạc nhiên khi thấy Đức Phật đối xử với ông giống như những người khác. Điều này làm cho ông giận dữ và âm mưu hãm hại Đức Phật.

Trong làng, có một con voi được biết là chuyên giết người. Voi tên là Nalagiri. Một hôm, Đề Bà Đạt Đa cho Nalagiri uống rượu để nó trở nên hung dữ. Rồi ông ta dẫn voi đi đến con đường nơi Đức Phật thường đi qua. Ngay khi voi Nalagiri nhìn thấy Đức Phật, nó cuồng điên lao đến phía ngài.

Mọi người lo sợ chạy tán loạn đi khắp nơi. Họ la lên, "Voi điên! Hãy chạy trốn đi." Nhưng mọi người ngạc nhiên khi thấy Đức Phật điềm tĩnh đối mặt với voi dữ khi giơ tay vuốt nó. Con vật to lớn cảm thấy có năng lực xuất phát từ lòng nhân từ của Đức Phật, vội vàng quỳ gối trước ngài như là cúi đầu một cách lễ phép.

Lòng nhân từ có thể chuyển hóa sự thù hận thành kính trọng.

(to be continued...)



Hương vị Xuân

VĨNH HẢO

(bài viết cũ trên trang vinhhao.info,
đăng lại theo yêu cầu của các văn hữu)



TẢN MẠN CUỐI NĂM, ĐẦU NĂM
Những ngày cuối năm dương lịch, cũng nhằm vào dịp lễ Giáng sinh, thiên hạ thật rộn ràng, náo nức. Các thương xá và siêu thị tràn ngập khách hàng. Hoa trái, bánh kẹo, quần áo, mỹ phẩm, đồ gia dụng và đủ loại hàng hóa tranh nhau khoe sắc, khoe hương, khoe mỹ vị. Thiệp Giáng sinh và năm mới bán đắt hơn hết, dù rằng thiệp điện tử (e-card) khá phổ biến hiện nay đã làm giảm đi một số lượng lớn thiệp giấy và phong bì. Giấy gói quà, nơ xanh nơ đỏ, cũng là những thứ mà ai cũng cần đến trong mùa lễ cuối năm, đầu năm.

Tại sao phải mua sắm và tặng quà nhiều đến thế? Có những gia đình mở quà tặng từ nửa đêm 24, hoặc rạng ngày 25/12 cho đến bảy, tám giờ sáng, thậm chí đến giờ ăn trưa của ngày Giáng sinh mới hết quà! Quà chất một núi, dưới gốc cây thông trang trí đèn hoa rực rỡ; không đủ chỗ, phải để tràn lan hoặc sắp thành từng lớp dọc theo tường. Để biểu lộ tình cảm và ân nghĩa gia đình, ông-bà, cha-mẹ, anh-chị-em, tình cảm đôi lứa, tình đồng nghiệp, đồng đạo, đồng môn, đồng hương, hàng xóm láng giềng, ông đưa thư, người hốt rác, người giữ trẻ, người dọn vệ sinh văn phòng... mỗi người phải tốn biết bao là quà cáp và thiệp chúc, giấy gói, thời gian suy tính ngẫm nghĩ (xem ai là người đáng tặng quà, ai là người đã tặng quà mình năm trước, ai có thể là người sẽ tặng quà mình năm nay), dẫn đo ghi chú (người này thích hợp món quà nào, tốn bao nhiêu tiền cho quà tặng người này, người kia), rồi thời gian mua sắm, gói quà, xếp hàng bưu điện để gửi, lái xe đến tận nhà hay sở làm để trao... Công ty UPS dự đoán năm nay sẽ nhận chuyển trên 70 triệu gói hàng. Đó chỉ là qua một công ty trong nước Mỹ, chưa kể nhiều công ty chuyển hàng khác, và nhất là bưu điện, của Mỹ và của các nước khác, hẳn nhiên là nhiều gấp năm cho đến gấp mười lần hơn. Và

đã có một số trường hợp giá trị món quà không bằng phí tổn gửi đi. Ôi chào! Chỉ là tặng quà nhau thôi mà thật là tốn kém thời gian, tiền bạc và tâm trí.

Trong ý nghĩa biểu lộ tình thương và niềm tri ân giữa người với người, giữa cá nhân với gia đình và xã hội, sự trao tặng quà là một mỹ tục quý hóa. Nhưng khi sự trao tặng đi đến chỗ tính toán, đối chác, so đo, có qua có lại mới toại lòng nhau, thì mỹ tục sẽ trở thành hủ tục mà nếu hơi hợt vô tình, sẽ không sao nhận biết. Đừng bao giờ cho rằng sự việc gì xảy ra ở xứ sở văn minh đều là văn minh. Văn minh, nếu được xem như là cao điểm thành tựu của con người và xã hội trong dòng văn hóa của họ, thì văn minh đó, trong thế giới hiện đại, phải là nền văn minh tình người. Chỗ cao tốt của con người vạn đại chính là thương yêu và mang lại hạnh phúc cho nhau, không kể màu da, tôn giáo, chủng tộc, xứ sở.

Có những quà tặng thừa thãi, bồi đắp thêm cho những vật dụng đã có rồi. Có những quà tặng không biết phải đặt ở đâu vì trong nhà không còn chỗ chứa hay trang trí. Có những quà tặng không biết sẽ dùng vào việc gì và lúc nào sẽ dùng đến. Có những quà tặng áo quần nhận rồi cứ để nguyên trong hộp vì không còn chỗ để treo trong tủ áo.

Trong khi đó, có những người, những gia đình, những làng xã, những đất nước nghèo đói hãy còn thiếu ăn, thiếu mặc, không đủ ấm mùa đông, không đủ mát mùa hè, không có trường để học, không có sách vở bảo chí, không có tiện nghi gia dụng... không có tất cả những gì mà những người sung túc dư dả há hê 'bóc và lột' từng gói giấy màu trang trọng lịch sự để đón nhận những món quà bất ngờ.

Như thế, 3 tỉ người (nếu không dám chắc là 5 tỉ) tạm

ngưng không tặng quà cho nhau (vào cuối năm, đầu năm, Tết tây và Tết ta) mà dành tiền tặng quà hay lì xì đó để tặng cho người đói nghèo, thì ít ra có thể cứu sống 100 triệu người trong ba tháng, thậm chí trong vòng một năm, hai năm, ba năm! Con số phỏng chừng này là dựa vào lời kêu gọi của một tổ chức từ thiện xã hội: "chỉ cần một đô la của bạn thôi, có thể cứu đói cho một trẻ em ở châu Phi trong một tuần!"

Nhưng điều "nếu" này, chắc chắn là không thực hiện được. Người ta có nhiều lý do để làm ngơ trước những điều cần làm và những điều không xảy ra trước mắt. "Ý của thượng đế" đã an bài như thế. Nghiệp riêng và nghiệp chung của con người và đất nước này, đất nước kia, là như thế.

Kỹ thuật điện tử hiện đại có thể nối kết con người trên thế giới gần lại với nhau, thấy rõ nhau hơn. Người bên Âu thấy người bên Á; kẻ bên A biết người bên Phi... Nhưng ở những bộ lạc hoặc làng xã hoang sơ, nghèo đói, lấy phương tiện gì để mà nối kết với thế giới bên ngoài? Mà thấy biết nhau nhưng không hiểu và không thương nhau thì thấy biết để làm gì! Những kẻ đói nghèo có cần thấy biết sự ăn sung mặc sướng, thừa mứa phủ phè của những người giàu có chăng?

Đặt vấn đề như vậy vào những ngày đầu năm có lẽ sẽ làm mất hứng và giảm đi ý vị xuân của nhiều người, trong đó có người viết, người đọc. Nhưng xét cho cùng, lòng thương cảm hay nỗi xót xa đối với con người và cuộc đời cũng là một trong muôn ngàn hương vị mùa xuân.

Trước vẻ phong quang xán lạn của đất trời, khi cỏ cây đâm chồi nẩy lộc, khi nắng ấm chan hòa reo vui trên những ngả đường thôn quê và phố thị, khi lòng người hân hoan tởm mở như sẵn sàng tiếp nhận sinh quang của hy vọng và tin yêu trong mùa mới, thì việc trải lòng mình ra đối với

những nỗi đời bất hạnh, nghèo khó, tủi nhục, bất an, tù hãm... cũng là một món quà cao đẹp của mùa xuân. Món quà ấy, ai cũng có sẵn, có thể mang ra bất cứ lúc nào. Món quà ấy không cần phải gói, mà cần phải mở; không cần gửi đi, mà chỉ cần khơi dậy; không cần trao đổi, chỉ cần trang trải; không cần tính toán, chỉ cần cảm thông; không cần đổi diện, chỉ cần thương yêu. Món quà ấy cũng không cần phải dùng đến phương tiện truyền thông kỹ thuật hiện đại, vì nó nối kết con người trên hành tinh này bằng sợi dây thiêng liêng của lòng thương yêu không bến hạn.

Mỗi người chúng ta, luôn sẵn sàng một món quà như thế: luôn tin yêu và hy vọng, ước mong người nghèo đói có đủ cơm ăn áo mặc, kẻ tù đầy được trả tự do, trẻ em khắp nơi đều được đến trường, người già neo đơn được chăm sóc chu đáo, kẻ bệnh tật được thuốc chữa thầy hay, người không bức hiếp người, xã hội công bằng, đất nước phồn vinh no ấm.

Luôn tin yêu và hy vọng như thế thì khi việc đến, mỗi người tự biết phải làm gì. Băng giá hay ấm cúng chỉ là do đông hay mở. Đông lại là mùa đông, mở ra là mùa xuân. Hương vị xuân, theo ý nghĩa đó, không phải chỉ lan tỏa theo thời tiết, mà hiển hiện trong từng phút giây thực tại.

Ở một không gian nhỏ, nơi bàn viết có cửa sổ mở ra hiện sau với những nhánh phong lan phôi mình trong nắng sớm, lòng không tận toan vướng bận. Chỉ thương một nỗi nhân sinh khổ lụy vô thường.

Nguyện cầu nhân gian khắp chốn vui đón một mùa xuân trường cửu bất diệt.



Chuyến Đò Cuối

*Về qua chuyến đò cuối
Lặng nhìn con nước xuôi
Hoàng hôn phủ màu khói
Đò dừng sông vẫn trôi*

Mặt Đất

*Mặt đất vừa ngủ êm
Gió buông lời ca đêm
Sao... dấu mình hư ảo
Trăng non vắt qua thềm*

Lãng Quên

*Tháng ngày đã lãng quên
Những chuyện đời không tên
Lên non ngắm mây biếc
Về ngàn giấc ngủ yên*

Tiếng Chuông Ngân

*Đường làng quen bước chân
Đâu ngại chốn xa gần
Nhà hoang nền đất trống
Chùa rộng tiếng chuông ngân*

KHA NGUYỆT

Như núi đá có từng lớp...

NGUYỄN VĂN SÂM

Người đàn ông, với cánh tay mặt buông thõng và cánh tay trái co lại trước ngực đóng đũa theo từng bước chầm, khập khiễng đi trong bụi mù của con đường đất đỏ. Gương mặt anh chưa đến nỗi già, đầu độ chừng gần sáu mươi là hết cỡ. Vậy mà cặp mắt coi như đã đại, tròng trắng biến thành màu đỏ bằng nhiều gân máu, tròng đen cũng đã nhạt màu. Khỏe mắt lại có nhiều ghèn. Con đường tuy ít xe nhưng hơi chật, nơi ngã tư ra đường cái, có đứng nghinh ngang một tấm bảng bự xộn ghi chi tiết gì đó về sự quy hoạch và thiết kế sẽ được tồn tại ở vùng này. Bảng đã cũ mèm, móp méo và chữ có vài chỗ bị con nít liệng đá nên trầy trụa và mất nét. Lâu lâu có một hai chiếc xe (gần) máy chạy qua, đầu xe ngược chiều hay cùng chiều với mình, người đàn ông bình hoạn đó đều ngừng bước, xích vô lề, cặp mắt liếc về người trên xe. Buổi sáng giáp Tết, trời lành lạnh, gió se se, mấy ngọn tre quạt quở chùm ngọn, rải xuống đường từng hột lá vàng theo cơn chuyển động. Người đàn ông, miệng tuy meo méo nhưng bậm môi lê từng bước nặng nhọc. Tụi nhỏ đi học, bước xa xa người bình tật kia, đứa nào đứa nấy khi đi ngang ông ta đều ngó trộm, lăm lét và trao nhau một ánh mắt vừa sợ sệt vừa khinh khi. Có đứa còn nói nhỏ với bạn “đáng kiếp!”. Người đàn ông có nghe hay không khó mà biết được vì ông ta không thay đổi sắc mặt, cứ cố gắng kéo lê từng bước.

Thình thoảng ông ta kêu lớn lên, như gọi chào một ông nào đó cỡi xe đi ngang, hay mừng rỡ đưa cánh tay này giờ buông thõng lên tới lưng chừng ngực vẫy vẫy chào một viên chức ngự trong xe công vụ, bóng nhoáng, mắc tiền. Trăm lần như một, không ai chào lại ông, xe có thể bớt chút tốc độ, người có thể liếc mắt ngó, nhưng rồi xe trở về tốc độ cũ, thẳng ra đường lộ lớn, bỏ lại lớp bụi mù phủ kín vùng nó chạy ngang, và người trong xe thì ngó thẳng. Ông ta lại tiếp tục lúi thủi, cà khuynh cà khoang đi một mình, một vài lá tre dính trên tóc, trên vai, muốn

triệu bụi đỏ vương trên mặt, trên áo quần ông không cần để ý.

Chừng nửa giờ sau thì ông ta cũng về tới nhà mình. Đó là một ngôi nhà cất theo kiểu lâu đài Tây Phương thời Trung Cổ, đồ sộ, Khang trang, nhiều phòng, có cả những lan can tròn như tháp canh, toàn thể sơn màu gạch cua, đẹp thơ mộng mà ta thường thấy thình thoảng mọc lên bất hải hòa ở giữa xóm nghèo, xác xơ, lụp xụp. Cửa sắt được mở hé, một người đàn bà đầu độ chừng gần tới năm mươi, mặc bộ đồ bà ba màu lam bước ra. Ánh mắt bà lộ vẻ thương hại nhưng không nói gì. Ông đi trước, bà đi sau vô lại trong sân.

Ông ta mở miệng:

“Sáng nay thấy mấy thằng: Thằng Sáu Bang bên Kế Hoạch, thằng Năm Dưỡng bên Mặt Trận, thằng Hai Cương bên Công An. Mà không có thằng nào ghé lại nói chuyện hết. Chắc tụi nó phải đi họp sớm.”

Ông liếc mắt trên bàn ăn rồi kéo ghế khó nhọc ngồi xuống:

“Bia đầu bà. Bữa nay tôi muốn uống bia. Cũ đầu chừng được hai ba tháng rồi, bao nhiêu đó cũng đã đủ, bữa nay uống chút đỉnh chắc cũng không sao đâu. Thấy tụi nó đi làm mà mình nhớ tới thời xưa, càng thêm thêm bia. Hồi đó uống thả dằn, bây giờ cứ kiêng lâu ngày sao thấy khó chịu quá! Làm vài chai rồi uống thuốc chắc cũng không sao ha?”

Người đàn bà không có ý kiến gì. Chỉ lẳng lặng đi lấy bia, khui sẵn rồi đưa nguyên chai cho chồng, về mặt kiên nhẫn, chịu đựng.

“Nãy giờ tôi ra ngoài có đứa nào tới nhờ và chuyện gì không bà? Nhà vắng hoe chắc hông có đứa nào tới hả? Tôi biết! Mà bà lật lịch sinh hoạt ra coi bữa nay tôi có hẹn với ai không đó!”

Như hằng ngày, người vợ ý chừng đã biết trước kết quả, nhưng vẫn với lấy cái quển sổ bìa cứng mạ vàng thiệt đẹp đương để trên bàn gần tủ rượu, lật rồi lắc đầu. Người đàn ông đương húp cháo cũng ngừng lại nói:

“Cũng không có thằng nào tới nữa hả? Từ lúc tôi về hưu tới giờ chỉ có lèo tèo ba bốn đứa hồi tuần đầu tiên, rồi bắt luôn. Mấy thằng làm Phó, tôi cất nhắc lên bây giờ cũng không thấy tầm dạng gì hết.”

Ông ta thở dài, tiếp.

“Đi làm, bạn bè, công việc, tiệc tùng lu bù, bây giờ bị bệnh hưu trí non, ngôi bó gối suốt, quanh quẩn trong bốn bức tường buồn còn hơn nhà có đám ma.”

Người đàn bà cũng không nói gì, luôn tay dùng chổi lông gà quét bụi bàn ghế. Như là bà ta quét để thấy mình bận rộn hơn là để tâm vô chuyện làm sạch bàn ghế vốn đã lên nước bóng ngời.

Người đàn ông nhâm nhi chai bia. Có tiếng điện thoại reo. Ông sáng mắt và ngóng mở về phía điện thoại. Vợ ông chuyển máy. Ta chỉ nghe ông ừ ừ xen kẽ với những tiếng nạt nộ chữ thề cùng than trời trách đất chứ không nghe được câu chuyện. Để máy xuống, ông hất hàm về phía vợ chờ đợi coi bà có hỏi để nói lại nội dung cuộc điện đàm, nhưng người đàn bà cao tay ẩn hơn, chỉ ngồi xuống ghế cạnh đó, chờ đợi mà không hỏi.

Sau cùng, nín lâu không được, ông mới lên tiếng.

“Thằng Ty bên đó điện về. Nó nói chuyện làm hôn thú giả để được ở lại luôn bên đó tiến triển tốt nhưng mà giờ chót người ta bỗng nhiên tăng giá lên gấp đôi viện có khó khăn gì đó, nếu mà mình bỏ cuộc thì mất tiền đã lót trước đây. Chắc phải gởi qua cho nó thêm mấy chục ngàn nữa.”

Người đàn bà vẫn nín thinh, ngó mông ra cửa.

“Tôi biết tánh con mình. Quyết chắc là nó ăn chơi đàn đúm, xài hết tiền mình đưa lần trước, thiếu nên kiếm cách nài mình thêm. Không đưa thì không được. Phải lo cho nó thôi. Lo cho nó là lo cho mình trong tương lai. Bắt cầu được, sau này mình mới yên, bình mới có thể hết. Ở đây chữa bệnh chỉ là chữa ngọn chứ đâu chữa tận gốc đâu. Bà biết đó, không trông mong gì hết bệnh được với cái thứ thuốc men ba trộn ở đây.”



Ông ra dấu cho bà khui thêm một chai nữa. Người đàn bà miễn cưỡng đứng dậy làm theo lệnh chồng. Bà không tỏ ý ngạc nhiên về tin đứa con vùi vỉnh tiền thêm để có phương tiện ăn chơi ở xứ người. Ngoài kia nắng đã lên hơi cao, nắng liếm hàng ba làm sáng căn phòng họ đương ngồi. Bà đưa tay tắt đèn để tiết kiệm điện. Cử chỉ tần tiện đó không qua mắt được ông.

Ông ngó vô phòng trong rồi lắc đầu chán nản:

"Cái thằng Sửu này bậy ghê, quá giờ làm việc rồi mà còn ắp chưa chịu xuống giường. Tui mà không có mặt ở đây thì họ kéo xuống mấy đời vương rồi."

Bây giờ bà vợ mới lên tiếng.

"Ông sao kỳ. Con cái thì cứ rầy sao lại nói khoe nói cạnh bạ lảng nhăng. Nó mệt thì dậy trẻ chút chứ ắp iếc gì khi mặt trời đã lên tới mấy sào. Già mà nói tầm phào không sợ con nít nó cười cho."

"Tôi tiếc là cái chỗ của nó có thể giúp ích cho dân chúng nhiều lắm mà nó trở trở không giúp đỡ ai hết, mà lần lãnh lương nào cũng trót huốt không đem về cho vợ được chút nào. Nghĩ cũng uổng công tôi hồi đó trầy trật giữ chỗ đó, đánh ngã rạp hết những đứa của chỗ này chỗ kia để chờ nó ra trường trám vô."

Người đàn bà nở nụ cười rưng rờ nhưng không thành tiếng, đưa tay lên ngực, cử chỉ như là vui mừng trước câu nói của chồng. *Tôi nghe như trái núi lớn đè lên ngực tôi bao lâu nay bỗng nhiên có một lớp đá tuột dốc bề ra, cảm thấy dễ thở hơn đôi chút.*

"Mà rầy la phê bình con cái làm gì cho uổng tiếng, lớn rồi, tui nó phải biết. Cũng tại hồi xưa ông cậy mình quyền thế cho nên mặc dầu thằng nhỏ học hành không tới đâu mà được ông cậy cục anh em bố trí vô chỗ ngon nước ngon cái đó."

"Thì... thì hồi đó tôi làm gì cũng nhắm tới lợi ích cho gia đình mình. Bây giờ tôi nghiệm ra rằng gia đình mình có lợi thì đất nước bị tổn hại, chẳng ai ưa, chúng còn khinh khi ghét lánh là đằng khác. Bây giờ bệnh hoạn, thiên hạ bỏ bê mới thông cảm cho người nghèo khổ không may chung quanh."

Tôi lại cảm thấy dễ thở hơn, như có một lớp đá nữa được tuột rời khỏi ngực mình. Tôi tính với cái đà này mỗi ngày tôi nghe được chừng mười câu hay ho như vậy thì chắc tôi vui chứ không cảm thấy bị trầm như bấy lâu nay.

Người đàn ông không nói gì thêm nữa, chậm rãi húp vài muỗng cháo còn lại dưới đáy tô, rồi ngồi bật ngửa ra ghế xia rằng bằng mấy cái móng tay của bàn tay mặt. Bà vợ ông thấy vậy nhăn mặt rồi quay qua ngó chỗ khác.

"Hôm qua thằng Sửu xin tôi 5 tỷ nữa nói rằng để cất nhà ra riêng. Mấy năm trước đã chộp 3, 4 tỷ rồi mà có cất được cái quái gì gì đâu. Thiệt là con với cái! Làm chuyện rồi nui. Nó có biết đâu mỗi lần nó cầm tiền là nó cầm bịch máu của tôi với bà. Trước đây đó là máu của thiên hạ, bây giờ là máu của chúng mình. Biết là nghiệp của mình thì phải trả trước hay sau thôi. Kiếm cách tránh kiếp này thì kiếp sau cũng phải đền. Cho nên tôi có đau thì chịu mà không tìm cách tránh. Tôi đã tính cách khác."

Tôi biết hai đứa vùi vỉnh là để thu góp cho thiệt nhiều. Tiền bạc đó không phải là máu của vợ chồng tôi như ông nói mà là máu thịt của dân chúng, của đồng bào mình khi có chuyện phải tới nhờ cậy ông. Giống như một loài chim lạ tôi mới nghe nói ở rừng rậm Phi Châu, thường sống bằng máu thịt của những con chung bầy, chung giống.

2

Người đàn bà vẫn mặc bộ đồ bà ba xám muôn thuở ra ngồi gần bờ sông để quan sát sự sinh hoạt ở đây. Có người lớn giặt gựa, có nít nhỏ tắm sông hay dùng dùng từ trên mấy nhánh bần gie ra phía nước. Chúng xô đẩy nhau, ôm kéo, vật lộn, nhận nước, vô tư trước những nguy hiểm mất mạng đương rình rập có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Chúng tắm không phao, con gái thì để nguyên quần áo, con trai thì quần xà lỏn. Tất cả đều vô tư trước nước đục ngầu, thỉnh thoảng có những vật dơ do ai đó trên nguồn nước phóng uế, trôi từ từ tới, bị sóng đánh tan vỡ ra nho nhỏ. Chúng vui vẻ lấy tay gạt nước dơ đó vô mặt nhau rồi cười hăng hắc.

Người đàn bà nhìn cảnh tượng này dường như hằng ngày từ bao nhiêu năm nay mà không biết chán. Bà dường như vui với cái vui của tui nhỏ tuy rằng thỉnh thoảng cũng đứng tim khi thấy đứa nào đó có vẻ bị hụt chún hay bị nước cuốn...

Tui nhỏ đương tắm thì bỗng nhiên kéo nhau lên bờ chạy theo

con nhỏ điên mang bầu. Chúng chọc phá, la hét, có đứa còn lấy nhánh cây khều khều con nhỏ. Mà mặt nó tỉnh bơ, ngây thơ thiên thần, cứ ung dung bước, mặt ngơ ngơ, áo xống hở hang như bệu hình bệu dạng hường nhan, cái bụng coi đã hơi trổng trổng đội vạt trước của áo lên khỏi lưng quần đưa ra cái rún sâu hoắm tròn đầy..

Người đàn bà đứng dậy đuổi tui nhỏ rồi bước tới con điên. Nó vẫn bước đều, coi mọi chuyện xảy ra chung quanh như không liên quan gì tới nó. Người đàn bà nắm tay dẫn con nhỏ vô quán cơm kêu cho nó một đĩa cơm thịnh soạn nói là mình sẽ trả tiền sau rồi trở về ngồi ở chỗ cũ. Lúc này người chồng của bà ta đã có mặt, tay còn mạnh đương ôm một cái võng vải dù, ra dấu cho bà cột vô hai gốc nhãn phía sau nhà, chỗ có bóng mát.

Sau khi cột võng xong, ngồi lên nhún nhún vài ba cái để thử độ chắc bà mới đỡ ông chồng ngồi xuống rồi ngồi kế bên, vẫn lặng thinh, ít nói như thuở nào.

Lâu lắm người đàn ông mới lên tiếng như muốn xua đi cái lặt lẽo trong cuộc độc thoại:

"Tôi tính rồi, thằng Sửu cứ tối ngày xin tiền nói là để cất nhà cho vợ chồng nó, thôi thì mình cho nó cần biết thự lâu dài này cho yên chuyện. Mình dọn về căn nhà hiện đương cho mượn mà ở cũng được rồi. Đâu cần nhà quá lớn như cái này."

Người vợ, không nói gì, chỉ bóp tay ông mạnh hơn. Trong trí bà hiện lên cảnh đứa con lớn toàn quyền làm chủ ngôi nhà đẹp sẽ tha hồ khoa trương, thỏa thuê ăn nhậu. Nó sẽ tự do tiệc tùng đàn đúm, tự do ăn những thứ mà lâu nay bà chỉ trích không cho đem về nhà vì có hại cho sức khỏe như là ăn cả chục trứng ung để mong được cường dương, ăn canh chua cá kèo không cạo nhớt để tăng cường khớp, ăn cá chiên chín nửa con để nguyên cái đầu cá còn sống, mắt chớp chớp, miệng cá còn chu lại thở chút hơi tàn để bảo toàn được chất bổ như nó thường nói là ăn kiểu của người

sang, kiểu ngon lành, kiểu thể hiện đẳng cấp.

"Còn bao nhiêu tiền tôi chia ra ba phần bằng nhau, một phần cho chùa ở đây để sau này tôi với bà có bề gì..."

Ông ta không nói hết câu. Mà bà vợ cũng không cần tiếp lời. Bà đưa tay ra nắm tay ông. Mấy con chim se se riu rít trong chùm lá nhãn. Mùi nhãn chín rộ tỏa trong không khí thơm ngát.

"Một phần để dành cho mình sinh sống, một phần khác để bà bố thí làm phước. Như là bà mới vừa làm phước với con nhỏ diên kia."

Người đàn bà đưa tay lên dụi mắt. Bà nghe như hòn đá đè trên ngực lại trượt xuống bớt một lớp nữa. Bà thử nghe hơi thở của mình. Nó nhẹ tênh và tâm hồn mình thanh thản thêm nhiều.

"Thằng Tý bên kia sau kỳ này thì mình khỏi lo nữa. Nó chắc chắn là không thêm về đây đâu. Sống bên đó sung sướng hơn nhiều. Mình lo cho nó bao nhiêu là đủ rồi. Nên hư sau này là trách nhiệm của nó. Mình không thể lột da sống đời mà lo cho nó hoài."

Người đàn bà thút thít thành tiếng. Bà xót ruột vì biết rằng rồi đây mình chết sẽ không thấy mặt thằng con trai ở bên kia chơn trời. Tưởng tượng tới đây bà càng khóc nhiều hơn, nước mắt ràn rụa. Người chồng ngưng nói, đưa tay lau nước mắt cho vợ rồi mình cũng nhắm mắt lại nghỉ mệt. Ngoài sông bọn trẻ đã lên hết, có âm thanh của một con chim bìm bịp kêu, tiếng nghe thảm thiết. Con nước đang lớn. Đám lục bình trôi lừ đừ nhưng nhiều quá, phủ kín hai bên bờ sông, đầy cộm.

Người đàn ông tỉnh dậy, mặt trời lên cao rồi vô mặt làm anh thức giấc. Người vợ vẫn còn ngồi kế bên võng. Anh nói bằng giọng năn nỉ:

"Mình ăn ở với nhau đã gần ba mươi năm nay, tôi chưa từng được bà ban cho một nụ cười, bà luôn luôn làm mặt nghiêm và ít nói đối với tôi."

Vẫn là tiếng bìm bịp kêu ngoài sông.

"Bây giờ tôi xin thú thật là tôi chẳng có hành động nào về sự kiện chim tàu thời xa xưa của gia đình bà. Tôi chỉ có tội là lúc đó thấy khuôn mặt buồn buồn dầu dầu của bà nên thương quá đã tìm mọi cách cho bà ở lại vùng này và cưới bà mà thôi. Có thể là vì vậy cho nên bà mọc rễ ở đây mà chẳng thể tìm người thân. Tôi chắc chắn là bà đi với người yêu,



nhưng không tiện hỏi là người nào trong số năm sáu thanh niên còn sống sót. Tôi phao tin là không có phụ nữ nào trạc tuổi bà được cứu sống cho nên sau khi mãn hạn tù họ đều lên thành phố hết."

Người đàn bà nghe chuyện về mình mà lơ đãng như con nhỏ mắc bệnh tâm thần ở trong xóm. Chẳng chú ý mà cũng chẳng cần biết thiệt hư. Chỉ cần biết vậy là được. Người tình một thời, không nhứt thiết phải là người tình một đời. Không có ai không thể thay thế. Anh ta đã đến đời tôi và đã ra đi vì sự nghiệt ngã của lịch sử. Thôi thì để tôi sống cho hết cái kiếp oan khiên của mình, với cách thế mà bánh xe đời đã tạo nên. Có những sự đời cần lượm lên bỏ vào trí, nhưng cũng có những sự cần bỏ xuống đúng lúc để quên.

Người vợ nắm tay người chồng chặt hơn:

"Ông nói vậy thì tôi hay vậy. Cũng tốt nếu sự kiện xảy ra như vậy. Bỏ dĩ trước đây tôi ít nói và không được tha thiết với ông là vì ông xử dụng quá nhiều quyền lực để làm giàu. Đó là con đường sai lầm mà thể nhân tâm thường hay mắc phải. Tôi thấy khổ sở khi mình có trách nhiệm xa gần về của cải mà ông thu chiếm được. Giờ đây ông biết chia sẻ thì đó là điều tôi rất mừng... Đời không có gì là tuyệt đối và trường cửu. Người xưa đã xa, đã mất. Căn duyên của tôi với người tình lỡ chấm dứt từ cái đêm chìm tàu hải hùng đó. Đây là nghiệp lực của chúng tôi. Bao nhiêu năm tôi sống với ông cũng

có thể gọi là căn duyên của hai đứa mình. Thôi thì tôi tha thứ cho ông cái tội đã cản trở không cho tôi về Sài Gòn bằng cả chục năm tôi phải nằm trong trại cải huấn. Cả chục năm tuổi trẻ của tôi bị đánh cắp một cách oan uổng. Tha thứ ông để mình chấm dứt cuộc chiến không có kẻ thắng người bại bấy lâu nay."

Trời đất ơi, tôi nói một thôi dài như con mẹ diên. Nhưng điều lạ lùng là bây giờ tôi thấy như lớp đá cuối cùng đè trên ngực mình bao nhiêu năm đã tuột xuống, rớt mất hoàn toàn. Lòng vị tha đã khiến tôi nhẹ tưng, hồn như con bướm thoát khỏi cái xác sâu bọ gổm ghềnh...

Những người lối xóm đã lo sắm sửa cho ngày Tết sắp đến. Trong vườn nhà, một vài cây mai bị lật lá quá sớm đã bắt đầu trở bông vàng rực. Vài ba người khá khá chung quanh cũng mang về nhà những cành đào ngoài Bắc gọi là để hưởng chút xuân của miền lạnh. Có tiếng mấy bà lối xóm tỏ mở hời nhau đi mua thịt nạc với giá sống về ăn thịt kho, dưa giá ngày mừng Một...

Tôi bỗng nhiên quyết định năm nay phải tự mình nấu bánh tét thiệt nhiều đãi đồng chòm xóm. Bao nhiêu năm rồi bây giờ tôi mới cảm thấy vui với không khí Tết. Vậy thì Tết năm ở đâu? Trong khung cảnh trời đất của Tạo Hóa chung quanh ta hay là nằm ở nội tâm của từng người?

Nguyễn Văn Sâm

(Victorville, CA. Dec. 2012)

Chào Xuân

Tàn đông mai nở bên hiên,
Xuân sang gọi nhớ về miền ấu thơ.
Thời gian đi chẳng đợi chờ,
Dấu chân tuổi nhỏ bây giờ tìm đâu.
Qua rồi bao nỗi bể dâu,
Tang thương lỡ cuộc niềm đau nỗi đời.
Chiều tàn lặng ngắm mây trôi.
Ngủi trông cố quận nhớ thời xuân xưa.

Vô Thường

Xuân đi xuân lại đến,
Người đi không thấy về...
Đời như thuyền không bến,
Suốt canh dài lê thê,
Tình đi tình chẳng đến,
Thời gian chẳng quay về.
Một lần thôi lỡ hẹn,
Theo dòng đời lê thê...
Ngày đi ngày lại đến,
Cho ta thêm tuổi đời.
Chút tình xưa thương mến,
Nay bỗng thành xa xôi...
Từ làm thân viễn xứ,
Ta mơ về quê nhà...
Từng đêm trong giấc mộng
Vội nỗi buồn xót xa.
Khi giật mình tỉnh giấc,
Cố hương ngàn dặm xa.
Đường trần không lối hẹn
Biết đâu là quê nhà... .

thơ



Bốn Mùa

Xuân này hạ nữa thu nào nữa,
Đất khách không ngăn nỗi nhớ nhà.
Ta đứng trông vời mây cố quận,
Nghe buồn quận thất đến xương da,
Đông này hạ nữa thu nào nữa.
Ký ức trong ta chẳng nhạt nhòa
Vũ trụ xoay vần theo năm tháng.
Mà lòng thương nhớ chẳng phai pha,
Ta mơ về đứng bên thềm cũ,
Để ngắm mai vàng nở trước sân.
Lặng nghe pháo Tết vang dưới xóm,
Rộn rã vui cùng tiếng trống lân.
Sẽ có một ngày ta trở lại,
Đứng bên thềm tuổi nhỏ nơi đây
Dâu cội mai già không còn nữa,
Nhưng lòng ta, ta chẳng đổi thay.

BÁT Y . BÁT ĐOẠN

Nói

nói lắm nhằm như người điên mất trí
vì nói hoài mà chẳng có ai nghe
thôi đành nói cho phong tình thuận nhĩ
chút tình con dấn dím buổi đi về

Tuổi

mức cạn nước đổ xuống sông hoài phí
trên đầu sương hoa mị ướt hoa hòe
mặt trời mọc cho trăng nằm khô vĩ
rặng chiều buồn các cỏ tuổi vàng hoe

Thấy

em thấy tháng một lần đầu thất sắc
vạn lần sau hơ hãi nợ chu kỳ
máu vẫn đỏ cho suối nguồn tắt bật
người vẫn người trong huyết mộ cuồng si

Gió

trận gió nổi. rừng mình con hạn xuất
đầu tình ơi còn sinh mệnh bao giờ
tuổi ngược ngạo chó hoang nhà trống vắng
lửa nhân quân thoi thóp một lần hơ

Chia

đi bỏ lẻ. cặp đôi không còn nữa
đường chia hai dấu biển với trăng thê
em bên nớ móng manh sâu đơn bạc
ta bên này cội cút một hồn quê

Sen

hót một tiếng. rồi âm thầm ngã xuống
kêu thương nào thê thiết giọng vành khuyên
em mười sáu gương sen vừa mới chớm
hiền ngoan sông hay bảy nổi ba chìm

Miệt

tu hú thổi miệng còi sương lạnh lạnh
bìm bịp kêu con nước vỗ điều tàn
cây bông lúa vừa gieo mình tự vẫn
ngọn sào phơi đồng mắt trắng cư tang

Huyền

ngâm ư ử. chừ nghe ra i i
ruột nùi thất màu yếm giải tung tăng
cho tướng tượng đi sâu vào muội tị
chút huyền sơ khôn tỏ mặt trăng rằm

HOÀNG XUÂN SƠN

QUỲNH DAO

TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHNK thực hiện
HUYNH TÂN LÊ biên soạn



Trong phạm vi của đề tài kỳ này chúng tôi xin đề cập đến chiếu khán cho nhân viên tôn giáo - Religious Worker R Visa. Nhân viên tôn giáo ở đây là tu sĩ Phật giáo tức quý Thầy, quý Cô được gọi là Religious Worker.

Đạo Luật 245 Di Trú và Nhập Tịch Hoa Kỳ (INA ACT 245) quy định những chặng đường phải trải qua để nhận được chiếu khán nhân viên tôn giáo. Quy chế này cho phép một vị tu sĩ được quyền xin chiếu khán nhân viên tôn giáo để đến Hoa Kỳ làm việc cho một cơ sở tôn giáo hợp pháp tại đây.

Điều kiện để được công nhận là nhân viên tôn giáo.

Nhân viên tôn giáo bao gồm những người được cấp quyền và được công nhận làm việc như một nhà truyền giáo (Minister) tại các cơ sở tôn giáo. Về phía Phật giáo ở đây chúng ta có thể nói rằng, quý Thầy, quý Cô sau khi được thọ giới Tỳ Kheo tức Giáo Hội công nhận và được vị Trụ Trì của một ngôi chùa cho phép làm việc thì coi như là nhân viên tôn giáo.

Điều kiện để đi phỏng vấn tại Tòa Lãnh Sự Hoa Kỳ để xin chiếu khán.

Điều kiện đầu tiên đòi hỏi nhân viên tôn giáo phải có một tổ chức tôn giáo bất vụ lợi hợp pháp tại Hoa Kỳ tức chùa tại Hoa Kỳ có giấy phép nonprofit của tiểu bang và liên bang đứng ra xin phép bằng mẫu đơn I-129 nộp lên Sở Di Trú. Thời gian nộp đơn I-129 của Sở Di Trú họ đòi hỏi nộp càng sớm càng tốt nhưng không quá sáu tháng trước ngày làm việc bắt đầu. Trong đơn I-129 họ có ghi thời gian làm việc bắt đầu và chấm dứt. Khi được chấp thuận, Sở Di Trú sẽ cấp một thông báo chấp thuận bằng mẫu I-797 tức Notice of Approval.

Nhân viên tôn giáo tại Việt Nam phải là một thành viên của tổ chức tôn giáo ý muốn nói là đã được thọ giới Tỳ Kheo và đang làm việc tại một ngôi chùa thời gian tối thiểu hai năm liên tục tính đến ngày nộp đơn. Nếu vị đó đã làm việc ở Hoa Kỳ trong thời gian năm năm liên tục rồi thì điều kiện đòi hỏi là phải làm việc tại Việt Nam thời gian tối thiểu một năm trước khi chùa tại Hoa Kỳ nộp đơn I-129 lần sau.

Nhân viên tôn giáo hứa là phải rời Hoa Kỳ sau khi hết thời hạn hợp pháp. Ở đây ý muốn nói là khi có chấp thuận của đơn I-129 và sau khi phỏng vấn xong được Tòa Lãnh Sự cấp chiếu khán, khi đến Hoa Kỳ họ sẽ ghi thời gian hết hạn trên giấy I-94. Đó là thời gian hợp pháp làm việc tại Hoa Kỳ. Thời gian này có thể xin gia hạn cho đến tổng số thời gian cho mỗi lần đến Hoa Kỳ là 5 năm.

Đơn I-129 đòi hỏi chùa tại Hoa Kỳ phải là một tổ chức tôn giáo bất vụ lợi hợp pháp tức có giấy chấp thuận của cơ quan thuế vụ liên bang (IRS) trong phạm vi quy định của điều khoản 501 (a) và hoạt

động trong phạm vi 501 (c) (3). Chùa tại Hoa Kỳ cũng phải liệt kê và nộp những giấy tờ tài chánh của chùa trong năm trước tức FORM 990.

Khi đi phỏng vấn tại Tòa Lãnh Sự, nhân viên tôn giáo phải mang theo thông báo chấp thuận đơn I-129 tức mẫu I-797 Notice of Approval. Tại đây, mặc dù khi nộp đơn I-129, Sở Di Trú đòi hỏi nộp thêm một copy hồ sơ để khi được chấp thuận họ gửi copy này đến Bộ Ngoại Giao tức Tòa Lãnh Sự liên hệ nhưng khi phỏng vấn họ có lúc đòi hỏi một vài văn kiện khác của chùa tại Hoa Kỳ như giấy tờ nonprofit, giấy khai thuế Form 990.

Đóng lệ phí cho đơn I-129, hiện nay là 325 đô, ngoài ra khi đi phỏng vấn cũng phải đóng lệ phí phỏng vấn tại Tòa Lãnh Sự liên hệ.

Thời gian xét đơn I-129 trung bình từ 4 đến 6 tháng. Kinh nghiệm cho hay là nếu giấy tờ đầy đủ, rõ ràng, copy màu (không phải trắng đen) nếu giấy tờ bản chính là màu, bản dịch sang Anh ngữ rõ ràng tại Hoa Kỳ có notary public thì thời gian xét đơn thường nhanh hơn và tránh việc Sở Di Trú đòi hỏi bổ túc hồ sơ.

Trong phạm vi của tòa soạn cho phép, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày tất cả những chi tiết cần thiết mà Sở Di Trú Hoa Kỳ đòi hỏi cũng như qua kinh nghiệm từ lúc một Thầy, Cô ở Việt Nam xin I-129, đến lúc đến Hoa Kỳ xin I-360, xin I-485 và đến ngày nhập tịch Hoa Kỳ. Đề tài kỳ tới sẽ đề cập đến những giấy tờ cần thiết của chùa tại Hoa Kỳ, chùa và Tăng Ni tại Việt Nam khi nộp đơn I-129.

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư về drlehuynh@gmail.com

Tài liệu tham khảo: website uscis.gov, petition I-129, INA Act 245.



Chư tôn đức Tăng Ni trong mùa An Cư Kiết Hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế năm 2010.

Hoa bướm ngày xưa

VÕ DOÃN NHẪN

1.- Cho nhớ thương về quê xưa
Mùa xuân không còn nữa.
Muôn cánh hoa đào phai úa
Lối cũ rơi hững hờ.
2.- Nơi ấy bao ngày vui qua,
Hồn thơ mơ màng quá,
Yêu những khung trời hoa bướm
Với nắng tơ vàng êm.
3.- Yêu sao ngày thơ ấu,
Đất nước chưa thay màu,
Những tấm lòng bên nhau,
Cười nghiêng nghiêng tà áo.
4.- Năm tháng theo làn mây trôi
Ngày thơ xa dần mãi,
Nơi cũ dâng sâu tê tái,
Sắc bướm hoa tàn phai.
5.- Hồn bướm hoa xưa còn đâu,
Vườn cũ quê nhà yêu dấu.
Ngàn sắc hoa còn lưu luyến,
Hương sắc ngừng trôi trước thềm.
Còn nhớ hay chẳng người ơi?
Ngày nào thăm nghe lá rơi?
Ta nắn cung đàn u sầu,
Thương ngàn cánh hoa phai màu.

Tác giả bài thơ "Hoa Bướm Ngày Xưa" đã sáng tác theo thể thơ sáu chữ, đôi khi năm chữ. Tác giả là nhà thơ Thanh Nam, vượt biên sang Mỹ sau 1975, định cư tại bang California, mất khá lâu ở tiểu bang ấy. Tôi có trông thấy hình của Thanh Nam lúc ông còn sinh tiền, trông ông gương mặt lúc cũng vui vẻ tươi cười, lạc quan đầy sức sống; Thanh Nam đã sớm ra đi, như thế là quá trẻ.

Bài thơ "Hoa Bướm Ngày Xưa" được phổ nhạc thành một bài hát, thành một ca khúc và tác giả đã phổ nhạc bài thơ ấy là nhạc sĩ quá cố Nguyễn Hiền. Tôi

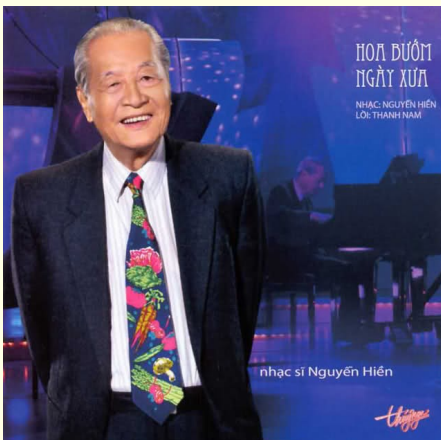
không quen ông nhạc sĩ đa tài ấy, tôi chỉ biết do tình cờ. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền người Bắc di cư vô miền Nam năm 1954, làm việc tại bộ Thông Tin & Ban Dân Vận Chiêu Hồi Sài Gòn. Trước đó ông đã sáng tác một số nhạc phẩm chủ yếu tán dương một cách hoặc lộ liễu hoặc kín đáo chế độ miền Nam Việt Nam, điển hình là "Về đây anh", "Thanh bình ca"; "Hoa bướm ngày xưa". Trong một mục nhắn tin miền Bắc do đài phát thanh Sài Gòn tổ chức thường vào mỗi tối, tôi có nghe một bài hát rất có ý nghĩa và rất xúc động cũng do nhạc sĩ Nguyễn Hiền sáng tác: bản nhạc "Tìm đâu". "Tìm đâu bàn tay che mái tóc huyền rung tơ mềm, tìm đâu muôn màu hoa nắng lung linh vương chân êm; tìm lúc chiều về tiếng hát buông lời, tìm về tiếng sáo chơi vơi, thời gian vẫn lạnh lùng trôi."

Nhạc bản "Tìm đâu" thuộc nhạc thức Mi giáng trưởng Eb ba dấu biến cốt Si Mi La. Mỗi khi nghe nhạc bản "Tìm đâu", lòng tôi lại dậy lên một nỗi buồn da diết, buồn thấm thía tâm trạng rã rời khi hai miền đất nước bị phân ly bị chia cắt. Người nữ danh ca là Thái Thanh đang thốn thức đang ngậm ngùi nước mắt trước hiện tình đất nước là giòng Linh Giang lịch sử, là giòng Bến Hải ô nhục đương thời. Nếu tôi nhớ không lầm thì nữ ca sĩ Tâm Văn thuộc đài Tiếng Nổi Quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng thường xuyên có mặt ở đài Tiếng Nổi Quân Đội này.

Sở dĩ tôi làm quen, trao đổi vài ba câu chuyện về âm nhạc về sáng tác nhạc phẩm giữa nhạc sĩ Nguyễn Hiền là một câu chuyện rất ngẫu nhiên rất tình cờ. Thời buổi sau năm 1975 tình trạng bệnh hoạn thuốc thang chữa trị bỗng trở nên khó khăn khan hiếm: Âu dược tự nhiên đắt giá, người dân mặc dù có sẵn tiền mà không có thuốc tốt thuốc hay vẫn phải bó tay chịu chết, đành phải nghe theo lời chỉ dẫn mách nước của các lang băm lang vườn có thể trị bá bệnh. Bệnh cảm cúm sổ mũi nghẹt mũi nhức đầu trị bằng nước tỏi nhỏ

xuống mũi, bằng nước cây lá sống đời còn gọi là thuốc trường sanh, trị bá bệnh bằng thuốc xuyên tâm liên được coi như tương đương thuốc trụ sinh penicilin. Bệnh thấp khớp trị bằng thân cây vôi voi sắc nước uống, ngành y dược quốc hồn quốc túy Việt Nam là thần dược trong thời buổi đang ngóc đầu trời dậy vượn lên theo kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Tôi cũng nói thêm là gia đình tôi gồm tất cả 5 người được đoàn tụ gia đình theo diện ODP (Orderly Departure Program) gồm có nhạc mẫu tôi, vợ chồng tôi, một đứa con gái và một đứa con trai, hai người con đều được tiếp tục theo đuổi việc học. Cả hai đứa con đều được chuyển sang trường đại học San Diego University. Riêng bản thân, tôi được hành nghề bách nghệ lao động phổ thông, từ việc làm nướng bánh burger trong các nhà hàng Mc Donald tiền lương mỗi giờ là \$4.25 cents; sau đó chẳng lâu lắc gì, tôi "được" giám đốc nhà hàng Mc Donald cho nghỉ việc, lý do đơn giản: nướng thịt chưa chín trước khi nhét thịt vô bánh sandwich! Rồi tôi được chấp nhận cho vô làm việc tại hãng River Medical care company; công việc của tôi là cho nước đã khử trùng vô bình nhựa, chẳng khác chi chuyên nước biển vô bình serum trợ tiếp cho các bệnh nhân, và bệnh nhân nơi đây chỗ này là bệnh nhân súc vật chó mèo. Đồng phục các toán làm việc trong hãng là đồng phục áo trắng quần trắng đã tẩy trùng, mang khẩu trang, mang găng tay. Tiền lương là \$5 một giờ (so với tiền lương 1 giờ ở Mc Donald có nhích lên đôi chút). Làm việc được đôi ba tháng cần cù chăm chỉ siêng năng tôi được ban giám đốc tăng lương, từ \$5/1 giờ lên \$5.25/1 giờ (mừng hết lớn!). Thi thoảng trong khi đang chăm chú làm việc, chúng tôi thoáng thấy một tốp người chú mục theo dõi các nhân viên trong hãng hành sự, tôi nghĩ tốp người ấy cũng là những tập đoàn muốn trao đổi hợp đồng giao dịch với hãng River Medical company.





Cuối năm dương lịch, hàng River Medical company có tổ chức một buổi lễ party gọi là tưởng thưởng các nhân viên vào dịp lễ Tạ Ơn Thanksgiving. Nhiều nhân viên được một quà tặng, trong số các nhân viên có tôi. Quà tặng của tôi là một chiếc đồng hồ mặt tròn, chạy pin, đến nay đã ngót 10 năm, đồng hồ vẫn còn chạy.

Một kỷ niệm xa xưa khiến tôi ray rứt từ bấy đến giờ. Lúc ấy là ngày chủ nhật, tôi được thông thả thành thơi, tôi có ý định chở hai con đi chơi dạo mát buổi chiều. Tôi để con gái tôi bé nhất ba tuổi đứng trước gần sát tay lái của chiếc Mini Lambretta 50 phân khối, con trai tôi lớn nhất 6 tuổi đứng sau cùng ngay đằng sau con gái tôi, cả hai đứa trẻ cùng hồn nhiên ngây thơ vui vẻ. Vợ tôi ở nhà, không thể đi theo bởi bà ấy còn phải làm nội trợ. Tôi rõ mấy nố, ba cha con chúng tôi bon bon rời khỏi nhà, hướng tới biển Nha Trang mùa hè phượng đỏ. Địa điểm chúng tôi ghé chơi nghỉ chân là một công viên gần sát trước mặt ty Bưu Điện Nha Trang. Công viên này do một sư đoàn Nam Hàn gần đèo Rủ Rì yểm trợ; sát công viên có một bia đá mài do quân đội Nam Hàn dựng lên làm kỷ niệm. Công viên có các ghế ngồi, trò chơi xích đu, có một vườn hoa, hoa nở bốn mùa. Tôi suýt quên là quân đội Nam Hàn được miền Nam Việt Nam đưa yểm trợ là sư đoàn bộ binh Bạch Mã.

Tôi bách bộ đi trước, dắt tay hai đứa con chậm rãi theo sau, chốc chốc ngừng đầu nhìn lên cây phượng trở hoa sắc đỏ, phía đằng sau khá xa là một cây bông hoa cóc cũng trở hoa sắc đỏ. Một thằng bé chậm rãi đạp chiếc xe đạp, trên xe một chùm bong bóng đủ màu vàng xanh trắng đỏ tung bay phất phơ trước gió.

Tối gần chiếc xe Mini Lambretta, hai cha con tôi dừng lại, chờ hai con đứng lên xe đạp nố rồi tiếp tục chạy về nhà, nhưng chỉ có hai người, tôi và đứa con trai lớn, không thấy đứa con gái

nhỏ đâu cả; lúc đó tôi bắt đầu ngạc nhiên, đưa mắt nhìn xa hơn, tôi chỉ thấy một bóng nhỏ đội chiếc mũ vải trắng lụp xụp trên đầu, ngơ ngác nhìn quanh. Tôi giât giọng, cất tiếng gọi lớn:

- Bé Em ơi, lại đây, ba ở chỗ này nè.

Bé gái lúc này quay lại chỗ hai đứa chúng tôi đang đứng chờ. Lúc đã nhận ra là hai cha con, bé gái hồi hả lúp xúp chạy lại, nom rõ tật tội nghiệp, nom rõ thật đáng thương, chẳng khác chi một đứa bé lạc đường, một con chó bị mất chủ. Trước mặt hai cha con, một cha một anh, gương mặt bé gái vẫn còn mếu máo, mắt đỏ hoe chưa qua cơn sợ hãi. Một niềm ân hận dấy lên ở trọng tâm khảm người cha đã lơ đãng chậm chạp trong việc gìn giữ con gái bé bỏng mới lên ba.

Một người đàn ông mặc áo veston dáng người cao lớn quay lưng phía tôi ngồi nên không thể biết hiện ông đang làm gì; sau tôi biết người đàn ông ấy chính là nhạc sĩ Nguyễn Hiền. Suốt nửa tiếng đồng hồ, người nhạc sĩ im lặng làm thinh không nói một tiếng nói nào.

Người đàn ông xô ghế đứng lên bước ra ngoài phòng. Ông vươn vai, uốn lưng, co giãn gân cốt đoạn mót túi trong lấy một điều thuốc bật lửa. Tôi lẻo đẻo theo sau người hút thuốc, làm quen:

- Xin lỗi ông, có phải ông là ông Nguyễn Hiền, nhạc sĩ?

Khẽ liếc mắt nhìn người chắt vắn, người hút thuốc trả lời:

- Vâng, tôi là Hiền, Nguyễn Hiền đây.

Người nhạc sĩ vẫn điềm nhiên phi phà hút thuốc. Tôi thấy nên ca tụng tán dương ca ngợi biệt tài của nhạc sĩ:

- Nhiều nhạc phẩm nổi tiếng của ông tôi được biết và rất yêu thích như "Về đây anh," "Thanh bình ca," "Hoa Bướm ngày xưa" được phổ nhạc từ nhà thơ Thanh Nam, và nhất là bài "Tìm đâu."

Ông Nguyễn Hiền tiếp lời, tự mãn một cách kín đáo:

- Nhạc phẩm của tôi thì quá nhiều qua những đài phát thanh ai cũng biết. Riêng Thanh Nam sáng tác bài thơ "Hoa bướm ngày xưa" do tôi phổ nhạc, tiếc là Thanh Nam chết quá sớm vì bệnh. Lúc còn sống chưa chết, Thanh Nam đang ở tại miền Bắc Cali. Tôi hiện giờ cũng đã lớn, khả năng sáng tác đã mòn mỏi, chỉ muốn được nghỉ ngơi. Hiện

giờ tôi đang dạy các học sinh học đàn organ hoặc piano, đó cũng là một cách giải trí tiêu khiển. Tôi đang chuẩn bị soạn thảo nghiên cứu viết về lịch sử âm nhạc Việt Nam như Y Vân đã từng tham vọng viết và nghiên cứu lịch sử âm nhạc Việt Nam nhưng ông ấy mất sớm; tôi thì rất muốn viết nhưng thì giờ lại quá eo hẹp.

Sự gặp gỡ, giao tiếp giữa tôi và nhạc sĩ Nguyễn Hiền chỉ tạm thời chốc lát phù du ngắn ngủi, tôi chưa học hỏi trao đổi gì nơi người miền Bắc di cư vô miền Nam Việt Nam 1954 để hơn hai chục năm sau ông đào thoát qua Mỹ năm 1975 từ ngày miền Nam Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản miền Bắc. Người miền Bắc di cư những hai lần và gia đình chúng tôi di cư sang Mỹ định cư chỉ mỗi một lần. Năm 2001 tôi bị đột quỵ trở nên một kẻ bất lực, nhạc sĩ Nguyễn Hiền mất vào độ thập niên hai nghìn. Ông mất vì bệnh ung thư phổi. Ông Lạc mất cách nay hơn 5 năm 6 năm cũng bị ung thư phổi. Tôi nghĩ hai người mất nguyên nhân trực tiếp là cả hai người đều nghiện thuốc lá.

Tác phẩm đầu tay trình luận án tiến sĩ của triết gia Bergson là "Những dữ kiện trực tiếp của ý thức", *Les données immédiates de la conscience*. Một chân lý đã hiện hữu từ xa xưa là "Ý thức trước tiên là ký ức." *Conscience signifie d'abord mémoire*. Khi về già sắp về chốn cát bụi, con người thường sống nhiều bằng kỷ niệm hoài niệm, đối tượng của ký ức. Đó là một thói quen, một phản ứng tự nhiên. Nhưng nhiều người lại cho rằng sống với quá khứ thời còn trẻ chỉ làm chúng ta thêm đau khổ. Schopenhauer nói "Sống là luyện tiếc dĩ vãng...", mà luyện tiếc dĩ vãng là gì nếu không phải là nuôi dưỡng năng niu bảo bọc thời vàng son của quá khứ? Triết lý Phật giáo phải chặt đứt, phải đoạn tuyệt quá khứ dù một thời vàng son hoa bướm. Trong tác phẩm "Đoạn Tuyệt" và "Đôi Bạn" của nhà văn Nhật Linh, nhân vật chính là Dũng; Dũng đã có một thái độ dứt khoát quyết liệt là rời bỏ gia đình đi xa, đi giang hồ và Trúc bạn rất thân của Dũng cũng vậy, tới biên giới Trung Hoa.

Tôi thì tôi có một nhãn quan khác, một cái nhìn khác. Quá khứ là bản chất của thời gian, mà quá khứ bao gồm kỷ niệm không bao giờ trở lại. Một cách tự nhiên, một người cao niên tìm về những kỷ niệm êm đẹp xa xưa sống lại buổi

hoa niên có gì đáng trách? Tôi tìm lại một giò sông êm mát tắm nắng buổi trưa, nhìn đàn cá tung tăng lặn lội dưới bờ rau muống, nghe gió khua lách tách bên khóm dừa nước, tiếng gà trưa eo óc gáy náo nùng một thôn xóm xa lơ xa lắc nghe dư âm vang bóng một thời sống lại thuở hoàng kim hoàng sơ thời tiền sử. Dormir, c'est se désintéresser. "Ngủ, tức là vô tư." Ngủ, chiêm bao, tôi tha hồ tưởng tượng phục hồi, thông dong trở lại "đường xưa lối cũ," trở lại nhạc bản "hoa soạn bên thềm cũ" trở lại ca khúc trữ tình "dưới giàn hoa cũ" của Tuấn Khanh thơ mộng thần tiên nước Nhựt non Bồng: "Một hôm bước lần theo lối cũ tôi về... vàng trắng thu soi mắt em long lanh, hỏi tôi 'những chiều buồn mây tím xây thành có thương hoa thắm mong chờ... không anh?'" Qua giấc mộng, người nằm mộng thấy sự việc diễn tiến trong không gian, không ý thức cảm thức thời gian đâu nữa. Thời gian đã trở nên phi thời gian (imtemporel). Trong chiêm bao, tôi thấy những người thân, cha tôi mẹ tôi vẫn hình thái cũ, vẫn những nét sắc cũ như xưa, những ánh mắt những tia nhìn không đổi khác, vẫn người cha trầm ngâm tư lự bên chén trà ngát khói ngày trước, thời gian lúc nào, mặt trời mọc? Mặt trời lên cao gần ba con sào? Tối giờ cả nhà ăn cơm trưa? - Không biết. Vẫn bà mẹ người chị chăm chú vá may bên chiếc áo sồn vai của thằng trai thuở nhỏ, thời điểm? Lúc gà đã lên chuồng rúc đầu vào ổ ngủ? Lúc trăng mới lên sau mặt biển? Lúc trăng tà xế bóng? Lúc gà gáy canh ba? Lúc tiếng vạc ăn đêm về? - Không biết. Trở về kỷ niệm xa xưa thật sự có gì đáng trách cho sự tu tâm dưỡng tánh thân tâm an lạc? Đoạn văn ngắn trong truyện "Núi non bộ" nhà văn quá cố Nhất Linh đã viết: "Dưới ánh trăng, hai ông tiên ngồi đánh ván cờ thiên cổ. Chàng tướng họ ngừng đánh và ngạc nhiên nhìn chàng." Xin thưa lại một lần nữa ván cờ thiên cổ là ván cờ có tự "ngàn xưa", "phi thời gian," không có thời gian, khai thiên lập địa chưa được sáng lập hình thành. "Thiên cổ" là ngàn xưa, là vẫn thế, vẫn không đổi thay mặc cho thời gian. Cha tôi mất từ năm 1957, lâu lắm rồi để đã một nửa thế kỷ nhưng mỗi lần chiêm bao thấy lại cha tôi, tôi thấy người cha vẫn không đổi khác, vẫn vầng trán cao, vẫn mái tóc bạc trắng, vẫn mày râu nhẵn nhụi, vẫn tuổi tác ước độ trên dưới

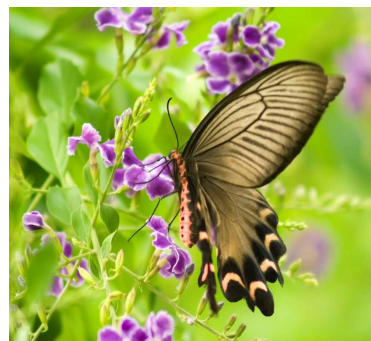
Chúc Xuân

*Xuân rơi trên khắp đường quê,
Xuân ra phố thị, Xuân về non cao.
Xuân trao hương vị ngọt ngào,
Mai Đào khoe sắc đón chào Chúa Xuân.
Từ Bi, Hỷ Xả, chuyên cần,
Nhà nhà vâng giữ đón mừng Xuân sang.
Chúc nhau an lạc thanh nhàn,
Một năm hạnh phúc ngập tràn niềm vui.*

THÁI NGUYỄN

San Diego, Dec. 28, 2012

thơ



bảy mươi, hình bóng người đã khuất từ lâu vẫn không trẻ hơn, vẫn chẳng già hơn. Năm chiêm bao, tôi thấy hình ảnh mẹ tôi lúc này vẫn vậy, mẹ vẫn lui cui ngồi sát đất cầm chiếc chổi cùn quét lá khô đồn thành đồng, chốc ngồi nghỉ nhìn trời ngó mông. Hình ảnh bà mẹ nhỏ thỏ, thu lu trong chiếc quần chiếc áo vải cũ kỹ và làm nhiều mảnh hiện thân mái tóc bạc phơ còm cõi nắng chiều hấp hối tà dương nhợt nhạt. Hình ảnh người đã sinh ra đứa con trai nhìn thấy trong chiêm bao vẫn là hình bóng cũ ngày trước, thấy không trẻ không già. Mẹ tôi không may bị gãy xương đùi không thể cử động di chuyển đi lại, suốt ngày chỉ ngồi chỉ nằm, khi mẹ mất rồi, hình ảnh của mẹ trong giấc mơ vẫn di chuyển vẫn đi vẫn đứng vẫn qua lại bình thường như thể lúc người còn sống chưa bị tai nạn gãy chân.

"Tim đâu bàn tay che mái tóc huyền rung tơ mềm." Một hoài niệm một kỷ niệm xa xưa tuyệt vời khả ái. Bàn tay búp măng ngồi viết nhẹ đưa che nắng ban mai rực rỡ hoặc nắng chiều thoi thóp, mái tóc đen huyền phơ phất trong gió chiều bên cạnh hồ Gươm bên dáng

người thướt tha yếu điệu lung linh soi bóng nước bên hồ, người thiếu nữ ấy người con gái ấy giờ đây không hiện hữu nữa.

"Tim đâu muôn màu hoa nắng lung linh vương chân êm." Sẽ mãi mãi không còn hình ảnh ảo huyền thơ mộng của tác phẩm những truyện ngắn "Nắng trong vườn." Bàn chân của ai, của giai nhân, của người thiếu nữ đương độ xuân thì nhẹ bước trên nền cỏ non êm như nhung, hoa nắng ban mai chiếu lấp lánh muôn màu trên giọt sương buổi sớm?

"Tim lúc chiều về tiếng hát buông lơi, tìm về tiếng sáo chơi vơi, thời gian vẫn lạnh lùng trôi." Xin thuật lại một đoạn lời ca Thiên Thai của nhạc sĩ Văn Cao để chấm dứt bài hát "Tim đâu": "Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng. Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào nguyên. Gió hắt trầm tiếng ca. Tiếng phách còn lảng xa. Nhắc chi ngày xưa ấy thêm se buồn lòng ta. Đào nguyên trước, Lưu Nguyễn khi trở về. Tim Đào nguyên, Đào nguyên nơi... nao? Nhớ quê chiều nào ra khơi, chắc không đường về tiên nữ ơi!"

Võ Doãn Nhẫn

Hoa và Ta

BIÊN THỊ THANH LIÊM

Tác phẩm búp bê này được nghệ sĩ Elssa Mora, người Cuba thực hiện. Elsa đã ghép những cánh hoa, cành hoa lại với nhau, và qua bàn tay khéo léo của người nghệ sĩ, chúng biến thành búp bê đẹp tuyệt vời. Chúng ta có thể nhận thấy những cánh hoa nhỏ bé, những chiếc lá... đều trở nên đẹp hơn rất nhiều. Để thực hiện tác phẩm này nghệ sĩ Elsa đã sử dụng rất nhiều loại hoa khác nhau, ngoài để làm 1 tác phẩm cô phải rất tỉ mỉ và cẩn thận.

...Đường như... vẻ đẹp của hoa chỉ tồn tại khi nó hòa điệu với lá cành và khung cảnh xung quanh... Ngay cả khi hoa rũ cành tàn úa... nó vẫn lưu lại trong lòng tôi một nỗi cảm phục vì nó đã sống trọn vẹn hành trình của mình.

Trong tận cõi lòng tôi, thú trưng bày hoa... thứ ngẫu hứng tạm thời như hủy diệt sự sống, ngăn trở sự thành tựu của một sinh vật: lấy cái đẹp của người làm niềm vui cái đẹp của mình... dù là loài hoa cỏ vẫn là chuyện... không lạnh.

Con người càng ngày càng tàn phá đời sống xung quanh... dù vô tình hay hữu ý vẫn là cố duyên nhằm che lấp sự tàn hủy đang xảy

ra từng giờ từng phút trong chính họ... Vì thế mà sau vườn nhà tôi càng ngày càng hoang dại. Nhà tôi và tôi như ngằm đồng ý nhau là cứ hãy cho... cỏ cây hoa lá... sống được đời sống của chính nó. Như ta, ở mỗi phút giây vẫn luôn trong ước nguyện tự hoàn thiện chính mình.

Tôi... Khi mỗi ngày quét lá... nhìn thấy trên cành thông có những mầm xanh như nhắc mình thu vén lòng mình bớt dần ngăn ngại...

Để có thể lắng nghe từ trong thình lặng... những trở trăn xao xuyến của cuộc sống muôn loài.

Ồi, thương quý biết bao cuộc đời!

Tự ngàn năm... hoa vẫn nở vì lòng đất luôn bao dung và kham nhẫn. Nơi nào có đất nơi đó có cỏ hoa và sự sống. Từ đó ý nghĩa được nảy sinh ra cho con người vốn luôn khát khao đi tìm chân lý như một hành trình để chuyển hoá thức tâm.

“Ý nghĩa” cũng chỉ là sự “giả danh” của tầng tâm thức trong tiến trình khai mở tâm linh khi “tiềm lực hiển thiện” đang ở những bước đầu... Cần mượn “giả tướng” để hiển bày “chân tướng” phải nương theo “tướng” mà thấy dạng “tánh” vậy.

Hoa, vẻ đẹp làm tươi mát cuộc đời. Mà cuộc đời thì vốn không tĩnh lặng, biến chuyển như dòng sông... mang chở những rác rưởi tanh hôi hoá thành phù sa màu mỡ.

Hoa cũng như mặt đất... thương cuộc đời nên hoa vẫn nở.

Từ chốn tanh nhơ đen đui... hoa sen đã thanh thân nở trong lòng

bùn mà không hề vương vấn mùi bùn. Hoa sen như sự bừng sáng khai mở các tầng tâm thức để đón nhận ánh sáng trí tuệ tràn lấp cõi lòng mà thênh thang đi giữa dòng đời ô trược. Phải chăng, không tạp nhiễm nào mà không thể sạch trong, không có tội lỗi nào mà chẳng thể viên thành đạo quả.

Hoa chỉ là hoa bên cuộc đời trôi giạt rong rêu nếu buổi sớm mai nào đó... giọt sương không đậu lại trên cành... để con người cảm thấu được dòng sinh tử trong từng sát na đang luân chuyển. Giọt sương đầu cành hay cánh hoa hoang dại... phút giây nào... sẽ là những điều âm khai ngộ bước chân người hành giả. Giọt sương mong manh trên cánh hoa nhỏ ven đường... ngăn ngở mong chờ ánh nắng để hóa thân làm mây trắng tựa thành sóng nước giữa đại dương. Gió tương sinh tạo sóng là nhân duyên sinh khởi của dòng đời trong nghiệp thức luân lưu. Gió “sinh” nhưng tâm không “khởi” thì nước muôn đời vẫn tĩnh lặng an nhiên.

Ồi! Cám ơn em, cánh hoa nhỏ nhoi bên đời... đã tượng hình cho dòng sinh tử của kiếp nhân sinh. Và cánh hoa mai nào đã bừng nở ngát hương trong thức tâm của thiền sư Mãn Giác:

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thiên lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*

(Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu, già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua- sân trước- một cành mai)

Cánh hoa của ngàn năm trước vẫn nở đẹp như ngàn năm sau. Ồi, tâm Phật và tâm chúng sinh không khác, hốt nhiên trực nhận thì như ánh mặt trời bùng sáng làm rạn vỡ đêm đen. Cách hoa nào hơn 2500 năm trước, nơi Linh Thấu Sơn đức Thế Tôn Thích Ca đã tĩnh tọa cầm cành sen đưa lên trong pháp hội vân tập hơn một ngàn người? Khi tăng chúng còn ngẩn ngơ chưa hiểu thì tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã nhìn cành hoa mà mỉm cười?

Câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu” với ẩn chỉ “dĩ tâm truyền tâm” khi nhìn cành hoa đã đặc pháp



“chứng tâm”. Đức Từ Phụ đã trao cành hoa cho ngài Ca Diếp, thọ ký cho ngài đạt tới *diệu tâm của vô tướng* với bài kệ:

*Ngô hữu chánh pháp nhãn tàng
Niết Bàn Diệu Tâm Thực tướng Vô tướng
Vi diệu pháp môn, kim phú Ma Ha Ca Diếp
Ta cổ chánh pháp nhãn tàng
Cũng gọi là niết bàn diệu tâm
Cũng tên là Thật tướng-Vô tướng
Cũng gọi là vi diệu pháp môn
Nay truyền cho Ma Ha Ca Diếp”*

Hoa. Trong kiếp phù du, xin cảm ơn em cũng một lần vì thể nhân đã chuyển tải tâm tư vào cuộc đời phiền trước. Hoa đã thay ta nói những điều không cần nói. Hoa, hãy cứ vì ta mà nở. Hãy cứ vì cuộc đời mà hóa thân nhiệm mầu hành “hạnh hiền dăng”.

Nhưng cũng xin vì hoa mà không “cắt xén ra trăm muôn ngàn mảnh” để tiêu khiển cho thú vui của riêng mình.

Hoa trên bệ thờ để dâng lòng tôn ngưỡng Đức Từ Bì.

Hoa trong bình đã kết nối được sự giao thoa giữa con người - Trời và Đất. Tâm thức như trái dãi trong sinh mệnh của cuộc lưu sinh nhân thế.

Ngàn năm trắng vẫn chưa già. Trăm năm sống còn chưa cạn và mãi mãi nắng vẫn chưa phai... Thì hoa ơi.

Hãy vì TA... nở!

Biện thị Thanh Liêm



thơ

Xuân Viếng Rừng Không

*Nàng Xuân đến viếng rừng Không,
Hân hoan Phật địa mở lòng đón Xuân...
Tiết trời lành lạnh cuối tuần,
Phật tử tề tựu, Chúc Mừng Đầu Năm.*

*Khởi pháo hòa quyện hương trầm,
Nhất tâm Phật tử thì thâm khấn xin:
Huệ quang đốt sạch vô minh,
Cắt xây Phật tử công trình tiến nhanh!
Cây rừng bóng rợp, trời xanh,
Ngôi chùa nho nhỏ, tâm, thanh ản mình!*

*Đạo tràng khai sáng niềm tin,
Pháp luân chuyển bánh, Vô minh không còn!
Thỏa lòng Phật tử sắt son,
Tâm Kinh khai xuất, đầy tròn Như Như.*

**NHỆT THANH -
TUYẾT NGUYỄN**

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN HOA & THƠ

Tuyệt phẩm “Tám Nhánh Phong Lan”

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Vào một ngày cuối năm không khí chộn rộn, tôi đi vào con hẻm nhỏ lặng lẽ giữa phố chợ Nha Trang để thăm và hầu chuyện Mẹ tôi: Nữ sĩ Trinh Tiên, tức nhà thơ Tâm Tấn của Phật giáo, người đã có mặt trong pho sách đồ sộ **“Nữ sĩ Việt Nam, Tiểu sử & giai thoại Cổ - cận-hiện đại”** của Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền (NXB Văn Học- 2006).

Đập vào mắt tôi là một khung ảnh khổ 40 x 80cm mới được trưng trang trọng trên đầu chiếc tủ đứng cũ xưa đặt ngay cửa ra vào căn phòng. Bức ảnh được lồng trong khung kính tuy không màu mè sặc sỡ, không cường điệu cách tân, chỉ là những nét bình dị đơn sơ, mộc mạc thâm trầm, nhưng dường như luôn sẵn có một lực từ trường cuốn hút tất cả đôi mắt những ai mang trong mình chút tâm hồn yêu mê nghệ thuật, đang say tìm Chân Thiện Mỹ. Một tác phẩm lạ thường ngay từ bố cục hình thức.

Bức ảnh được chia làm 3 phần nằm theo chiều ngang. Chính giữa là hình ảnh của những nhánh phong lan hoa đã mãn khai vàng rực. Bên trái là một bài thơ **“Cảm đề tám nhánh phong lan”** được viết bằng thư pháp uyển chuyển. Bên phải là bản dịch tiếng Anh của bài thơ, cũng được trình bày bằng những nét số lượn uốn bay độc đáo của thư pháp. Tò mò, tôi dò hỏi Mẹ về ý nghĩa và xuất xứ của tác phẩm lạ thường này, thì ngay sau đó, tôi cũng không ngờ rằng mình được phiêu du những bước thanh thần nhẹ nhàng vào một cõi đầy ắp thi vị lẫn đạo vị của thời dĩ vãng cách đây đã trên ba mươi lăm năm...

Vào năm 1974, khi Cổ Hòa thượng Thích Trí Thủ, một danh tăng của Phật giáo Việt Nam, đang trong thời gian dài hoằng pháp tại Nha Trang và miền Trung, tạm an trú ở chùa Hải Đức, nơi có Phật học viện Trung Phần, trên ngọn đồi Trại Thủy. Phía bên ngoài, bên thêm hiền tịnh thất của Hòa thượng là những khóm hoa chậu kiểng chen chúc nhau để hàng ngày được sự chăm sóc nâng niu của một bậc chân tăng đạo hạnh. Trong số đó có một giò hoa phong lan rừng, thuộc giống hoàng lan, với những nhánh lá xanh tươi bắm sâu vào một gốc cây mục, được Hòa thượng quan tâm chăm sóc ưu ái hơn hết. Vào hạ, mùa an cư của Tăng Ni đến, phong lan khai nở, nở đến tám nhánh rõ vàng rất trang nhã, hương ngát thanh tao, và đầy sức sống. Bây giờ, Mẹ tôi lên văn cảnh chùa với chiếc máy ảnh mang theo, được các vị Thượng tọa chỉ cho biết về “giò phong lan của Ôn trở hoa”, rồi khuyến khích bà chụp ảnh để ghi lại nét đẹp hiếm thấy đó. Sau khi chụp xong, bức ảnh hoa phong lan này được Nữ sĩ phóng to khổ 50 x 70cm tại tiệm ảnh Quang, đem lồng vào khung kính, rồi cùng kính mang lên cúng dường để Hòa thượng treo trên tường làm kỷ niệm. Hòa thượng khen ảnh đẹp, bắt được cái thần và cái dáng xuất thế của hoa, nhưng chưa hài lòng vì thấy còn thiếu một thứ mà Hòa thượng, cũng như Nữ sĩ luôn sẵn có: Thi ca!

Hòa thượng “ra lệnh” cho Nữ sĩ phải làm một bài thơ “cảm tác đề vịnh” về “tám nhánh hoa phong lan”

hiếm hoi này. Mẹ tôi trở về, và sau đó vài ngày đã mang dâng lên Hòa thượng bài thơ **“Cảm đề Tám nhánh Phong Lan”** mà bà đã phải thao thức mấy đêm vắng lặng để chiêm nghiệm suy tưởng, hạ bút phóng chữ nên thơ. Bài thơ nguyên văn, các chữ được viết hoa vẫn giữ như sau:

*Ôi, hoa vàng lá lục
Bát ngát lụa Hoàng Vương
Nghiêng say vườn Gió Trúc
Bồi hồi sương Kim Cương*

*Hợp Tướng trong Cội Mục
Biệt duyên Tám Nhánh Hương
Gốc trầm rung Đạo Đế
Bát Chánh Đạo Diệu Thường*

*Nhẹ nhàng buông dáng sắc
Uyển chuyển tỏa thiên hương
Rợp y Kinh hành tụ
Biến hiện giữa Vô Thường.*

Tâm Tấn (Mùa an cư 2518)

Hòa thượng đọc bài thơ cảm đề xong thì rất thích thú, ra chiều tâm đắc. Chữ vị cao tăng ở chùa Hải Đức cũng đều tâm đắc ngợi khen bài thơ xuất thần này. Lúc đó chưa có thư pháp tiếng Việt như bây giờ, nên bài thơ được viết lại bằng kiểu chữ đẹp lên trên bức ảnh “Tám nhánh Phong Lan”. Cặp “ảnh- thơ” này được Hòa thượng cho treo trên vách tường, ngay trên khung cửa ra vào trong nhà Tổ, nếu ai vào lấy chư Tổ, khi trở ra sẽ được nhìn thấy rõ ràng...

Từ một gốc cây qua thời gian hứng chịu nắng mưa đã mục ruỗng theo lẽ thường sinh-trụ-hoại-diệt, tám nhánh hoa phong lan đã mãn khai hiển hiện giữa cuộc đời bi lụy này cũng như bao giàn hoa khóm hoa khác, nhưng đây là hoa của Đạo, và hoa đã hội đủ nghiệp duyên đặc biệt để hòa nhập vào dòng trầm bổng của thi ca mà vượt thoát tỏa hương, mà an nhiên trong thánh thiện siêu phàm:



*Hợp tướng trong cội mục
Biệt duyên tám nhánh hương*

Biệt duyên của hoa kiếp này có được cũng từ nhiều nghiệp duyên của kiếp trước, đều xuất phát từ mạch nguồn Phật pháp huyền nhiệm vô biên. Chính vì lẽ đó, khi hoa xuất hiện giữa trần đời mới chọn ngay chốn già lam thánh chúng mà sinh trụ, khoe sắc tỏa hương. Hoa đã là “kim cương bất hoại”, nên ngay cả những giọt sương sớm đọng trưa tan cũng hóa thành kim cương bởi hồi sinh động trên nhánh lá cánh hoa, và ngay cả gốc cây mục bình thường thân mục cũng hóa thành trầm hương thơm ngát:

Gốc trầm rung Đạo Đế

Bài pháp đầu tiên của Đức Phật về “Tứ Diệu Đế” (Khổ-Tập-Diệt-Đạo) được xuất hiện một cách bất ngờ bằng sự rung cảm của gốc trầm mà ai cũng ngỡ là một cây mục vô giác vô tri. Trong sự hoan hỷ vui mừng, chỉ bằng sự rung chuyển tướng thân đầy xúc cảm, gốc trầm đã cất vọng lên tiếng-nói-vô-thanh, phát một thông-tin-vô-ngôn quý báu để giải tỏa thắc mắc của bao người trần mắt thịt: “*Tại sao không là sáu, bảy, hay chín, mười, mà là đúng tám nhánh?*”, nhưng phải bằng cái Tâm tĩnh lặng và cái nhìn Thiền học mới nhận thấy và hiểu ra:

Bát Chánh Đạo Diệu Thường

Tám nhánh hoa đã biến hiện thành tám lối đi chân chánh của Pháp Phật: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Bát Chánh Đạo (hay Bát Thánh Đạo) là giáo lý căn bản của Đạo Đế, tuy là đến tám chỉ nhưng tụ lại chỉ một, một con đường duy nhất đi vào giải thoát hết thảy các lậu hoặc. Còn sự so sánh ví von nào thích hợp và chính xác hơn?

Cũng chỉ có tâm tịnh và thiện nhãn mới thấy được một hình ảnh sống động tuyệt trần của một đoàn tăng lữ khoác rợp y vàng, đang từng hàng trang nghiêm kinh hành giữa cõi trần gian bộn bề lo toan tính toán:

Rợp y Kinh hành tỵ

Thật tuyệt diệu! Là hàng hậu bối hậu học nào dám luận bàn hay dờ cạn sâu, chỉ xin phép tán thán đôi dòng để làm rõ ý thơ tài tình với lòng tôn phục quý kính! Nay xin quay trở về lại với câu chuyện mà tác giả bài thơ kể cho nghe:

Bóng câu qua cửa sổ được mười, mười lăm năm... Từ nước Mỹ xa xôi về thăm quê hương Việt Nam, chị Cả của tôi, Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang, Tiến sĩ Văn chương, đã âm thầm thực hiện một công trình nghiên cứu biên soạn đồ sộ và công phu về đề tài “Người phụ nữ Việt Nam”, trong đó có chương nhắc đến Nữ sĩ Trinh Tiên – Tâm Tấn, đặc biệt là giới thiệu thi phẩm “Cảm đề tám nhánh Phong Lan” mà chúng ta vừa được biết.

Cuốn sách bằng Việt ngữ này đã hoàn thành mỹ mãn, phát hành rộng rãi tại hải ngoại. Đến khi sách được thực hiện chuyển ngữ sang tiếng Anh, chị Cả tôi đã vấp phải một trở ngại nho nhỏ ở bài thơ “Cảm đề tám nhánh Phong Lan”: các thuật ngữ, danh từ Phật học, Thiền học cần phải sử dụng chính xác khi dịch thuật, dù chuyển ngữ nhưng vẫn giữ được cái hồn và vần điệu của Thơ, cũng như cái ý của Đạo. Vốn cần



NỮ SĨ TÂM TẤN TUỔI THƯỢNG THỌ 92 (2012)

thận, nghiêm túc với công việc nghiên cứu và phê bình văn học, tác giả cuốn sách đã “cầu cứu” tác giả bài thơ, xin thỉnh giáo, và được Mẹ tôi hoan hỷ “giúp cho một tay”, bằng cách giới thiệu đến Ni sư Thích Nữ Trí Hải, một danh ni trí tuệ vượt bậc, đa văn xuất chúng của Phật giáo nước nhà.

Nhân duyên hi hữu đã đến sau một thời gian chờ đợi ngóng trông, Ni sư Trí Hải trong chuyến đi hoằng pháp tại miền Trung, đã ghé đến Ni viện Diệu Quang ở Nha Trang nghỉ ngơi vài ngày. Mẹ tôi vốn có mối quan hệ “dòng tộc hoằng phái” với Ni sư Trí Hải, lại còn “tri âm Thi Đạo” với nhau, nên đã đích thân mang bài thơ Việt ngữ “Cảm đề tám nhánh Phong Lan” đến xin được yết kiến Ni Sư, thỉnh cầu Ni Sư chuyển giùm sang Anh ngữ toàn bài. Buổi sáng hai vị gặp gỡ trao đổi với nhau, rồi không biết Ni sư đã “hạ bút” xong từ khi nào, mà đến chiều vào lúc 15 giờ, đã có bản Anh ngữ của bài thơ cho Mẹ tôi mang về để gửi nhanh đến tay tác giả của cuốn sách... Bài thơ được chuyển sang Anh ngữ nguyên bản, chắc chắn rằng rất ít người được biết đến, như sau:

Orchids Of Gold

*Oh, from foliage green, flowers of golden multitude
Into a King's yellow rustling robe explode,
Caseading estasy to breeze – shimmered bamboo,
Gentle hearts twinkle Diamond's dew drops, delicate.*

*Vital essenees accumulating, the rotten wood
Spring forth eight-branched, traipsing fragrant orchids,
Rarified in The Way baptismally immersed,
Noble Eightfold Path the boughs are.*

*Charm and beauty displayed, demure,
Blossoms trumpet seventy's silent salient,
Saffron monks are they, gathered to a rite of walking
– meditation,
Being not – being in a World of Impermanence.*

... Trải qua hơn ba mươi năm, Hòa thượng Thích Trí Thủ đã đi về cõi Phật. Chư tăng biết rõ ngọn ngành chuyện “Tám nhánh Phong Lan” đều cũng đã viên tịch. Ni sư Trí Hải cũng đã ra đi... Ngôi chùa Hải Đức được mở cuộc đại trùng tu, xây cất lại gần như là toàn bộ. Trong lần lên thăm lại chùa xưa, Mẹ tôi phát hiện ra khung ảnh và bài thơ “Tám nhánh Phong Lan” đã không còn trên vách tường trong nhà

Tổ nữa. Lần hồi, được quý Tăng cho hay là đã tháo gỡ đem cất vào nhà kho, Mẹ tôi liền xin được phép mang kỷ vật ngày xưa về nhà, và được chư Tăng đồng ý. Mang khung ảnh năm xưa đã theo thời gian ngả màu vàng ố, loang lổ mất nét về nhà, Mẹ tôi đã ngậm ngùi trong những giờ phút hồi tưởng, rồi quyết định mang đi tìm người phục chế, đồng thời đưa thêm bài thơ bản Anh ngữ vào cho đủ bộ.

Khoảng giữa năm 2006, lại một lần nữa, thiện duyên đã đưa đẩy cho bà gặp được nhà thư pháp Trần Ngọc Ẩn nổi tiếng với một pho sách khổng lồ được viết bằng thư pháp giữ kỷ lục Việt Nam. Chính nhà thư pháp đã thấy được sự tuyệt diệu và quý giá của bộ ảnh-thơ "Tám nhánh Phong Lan", cũng như hình dung ra được sự xuất hiện và mối liên quan của các bậc tiền bối đạo hạnh qua tuyệt phẩm la thường này, nên đã tự nguyện "hạ thủ công phu" bằng sự tôn kính và đầy cảm hứng, để trình bày thành một khung ảnh trang trọng, như là một tuyệt phẩm "3 trong 1" (thơ, ảnh và thư pháp song ngữ) độc đáo hiếm hoi. Vậy là tuyệt phẩm "3 trong 1" được mang đến trao tận tay Nữ sĩ Tâm Tấn. Bà rất hài lòng, mừng vui, liền đem chưng trên đầu chiếc tủ đứng ngay bên cửa ra vào của căn phòng nhỏ thấp, để mọi người cùng được thưởng thức chiêm ngưỡng...

Hoa nở rồi tàn, hoa lác rồi lại hoa khai, sau hơn ba mươi lăm năm dâu bể vật đổi sao dời, kỷ niệm xưa tràn trề xúc cảm với những hình bóng thấp thoáng mơ hồ mà lồng lộng ánh quang, vẫn còn được lưu giữ lại nơi tác phẩm quý giá này. Tám nhánh phong lan vẫn nở đó, vàng hoe, không rụi tàn giữa cuộc đời vô thường và mộng mị. Tôi mỉm cười khi chợt nhớ đến bài kệ "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác Thiền Sư, và mạo muội sửa lại ít chữ nơi câu cuối để thích hợp với hoàn cảnh trước mắt:

"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ bát chi lan"

MÃN ĐƯỜNG HỒNG



thơ

TÂM KHÔNG

*Từ em bỏ phố lên rừng
Cõi trăm năm mộng lung chừng cuộc trôi
Về mù sương một phương trời
Viết trang bôi điệp ám lời mẹ ru.*

*Từ em bỏ lại phù hu
Đạo chừ hôm sớm kinh thư bạn cùng
Lời từ cõi lặng thanh không
Nghĩa từ câu chữ góp cùng nguyện ca.*

*Từ em bỏ lại người – ta
Đạo tình thanh nhẹ có ta có người
Chừ em hiểu vẹn nụ cười
Trên môi Phật nở rạng người tâm không.*

KINH LÁ

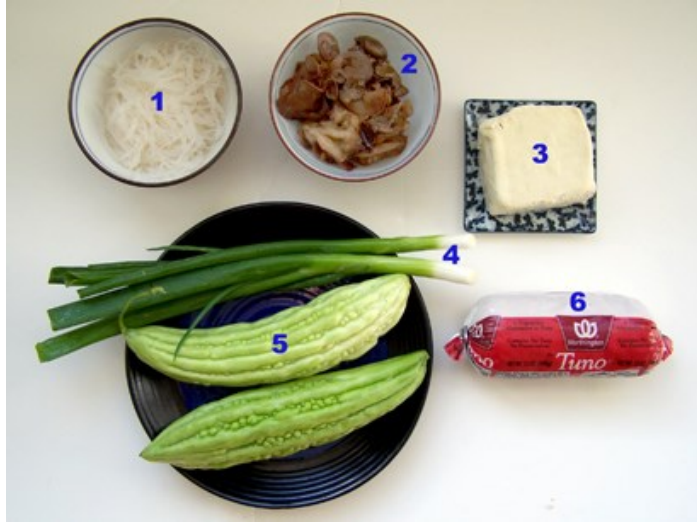
*Nhẹ nhàng mỏng manh chiếc lá
Giấu trong mình bài tâm kinh
Huyền hư vô thường ai hiểu
Thả rơi rơi chiếc bóng mình.*

Sri Lanka, 21/12/2012

MẶC KHÔNG TỬ

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH KHỔ QUA



Vật Liệu:

- 1 bó bún tàu nhỏ, ngâm cho mềm, cắt khúc, khoảng 1 chén
- 2 muỗng canh măm mề, ngâm mềm, cắt thành sợi
- 1 miếng tàu hũ tươi
- 2 cọng hành lá
- 2 trái khổ qua lớn
- 1 chén Tuno (nếu có), có thể mua ở các tiệm tạp hóa
- 2 chén nước soup chay, hoặc nước lọc
- 1 chén nước dừa soda
- 1 muỗng canh bột khoai
- Bột nêm chay, muối, đường, tiêu, dầu ăn

Cách Làm:

Mời quý vị cắt 2 trái khổ qua lớn làm 3 rồi lấy hột ra, rửa sạch để qua một bên.

Lấy vật liệu số 1, 2, 3 và 6 cho vào trong một cái tô lớn để làm nhân dồn vào trái khổ qua. Bóp tàu hũ (3) nát ra và trộn đều các thứ lại. Cho thêm vào 1/4 muỗng canh bột nêm, 1/8 muỗng café muối, 1/4 muỗng café đường, 1/8 muỗng café tiêu, 1 muỗng canh bột khoai và 1 muỗng canh dầu ăn. Trộn tất cả cho đều rồi dồn vào những khúc khổ qua đã cắt sẵn.

Cho lên bếp một nồi gồm có 2 chén nước soup chay (7), 1 chén nước dừa soda (8), 1/8 cafe muối. Sau khi nước sôi, để lửa nhỏ lại và cho vào nồi các khúc khổ qua đã được dồn nhân. Cho vào nồi 2 cọng hành lá và đậy nắp lại hầm cho đến khi thấy khổ qua mềm là quý vị sẽ có được một tô canh khổ qua thật ngon và bổ cho gia đình.



Chú thích của CP: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

"Trích từ trang Nấu Ăn Chay của trang nhà Trung Tâm Thiền Quán Sinh Thức tại <http://www.sinhthuc.org/>".

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Hình ảnh sương khói sông hồ trong thơ Đường

LAM NGUYỄN



Ngày xưa các bậc tiền bối của chúng ta yêu thơ Đường là một điều dễ hiểu vì quý cụ đều phải học chữ Nho để đi thi nên rất gần gũi với văn chương Trung-hoa... Nhưng chúng ta, những kẻ hậu sinh chịu ảnh hưởng của Tây-học lại vẫn yêu thơ Đường là một điều đáng nói. Có lẽ thơ Đường đã trở thành di sản quý báu trong văn chương Việt Nam. Kho tàng văn học ưu tú ấy không những chỉ riêng cho dân tộc Việt mà còn cho cả các nước lân bang của Trung-hoa như Nhật, Đại Hàn và Việt Nam...

Thơ Đường có một nghệ thuật tuyệt vời với nội dung phong phú và hình thức chặt chẽ v.v... Nhà văn Lỗ Tấn từng phát biểu: "Thơ Trung-quốc đến đời Đường có một sự biến đổi lớn". Đó là muốn chỉ ở việc hình thành một kiểu suy tư Nghệ Thuật và một Hệ Thống thi pháp mới. Thơ Đường không những đề tài rộng rãi mà số lượng cũng rất nhiều. Trong cuốn toàn Đường Thi quy tụ được 2300 thi sĩ với 48,900 bài thơ. Tuy rằng mỗi giai đoạn riêng biệt nhưng nổi nhất là trào lưu lãng mạn và hiện thực. Đặc điểm của thơ Đường trong nội dung và hình thức, có ý nghĩa mỹ học độc đáo với tính chất cổ kính trang nghiêm, tính chất hàm súc, tính chặt chẽ niêm luật của thể loại. Từ thơ 4 chữ phát triển thành thơ 5 chữ, 7 chữ. Từ cổ thi phát triển thành tân thể thi và cận thể thi đời Đường, cho thấy lịch sử thi ca Trung-hoa đã bước những bước khá dài.

Nếu chúng ta đi ngược dòng lịch sử sẽ thấy thời kỳ Nam Bắc Triều đất nước Trung-hoa bị chia cắt để rồi Tùy Văn Đế (tức Dương Kiên cướp ngôi Bắc Chu năm 581 diệt Triều Trần năm 589 thành lập nhà Tùy), nhưng sau đó Tùy Dương Đế (tức Dương Quảng hay còn gọi là Tùy Dạng Đế từ năm 604 đến năm 619) đã giết cha và anh lên ngôi đã phá tan hết cơ nghiệp nhà Tùy vì Tùy Dương Đế tham lam, dâm loạn... Nhân thế mà Lý Uyên (tức Đường Cao Tổ) đã lập nên nhà Đường. Nhà Đường kéo dài gần 300 năm từ năm 618 đến năm 907 đã tạo cho văn học đời Đường thành một vườn hoa văn học trăm sắc nở rộ nên các nhà văn học sử đã gọi thời kỳ này là thời kỳ hoàng kim của thi ca Trung-quốc. Nếu ai đã từng yêu thơ Đường ắt hẳn phải nhớ bài tỉnh dạ tư của thi tiên Lý Bạch:

**"Sàng tiền minh nguyệt quang,
Ngô thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt,
Đề đầu tư cố hương."**

Cụ Bùi Khánh Đan và cụ Đỗ Bằng Đoàn đã dịch:
"Trước giường thấy bóng trăng soi,
Tướng chầng mặt đất sáng ngời ánh sương.
Ngẩng đầu trăng tỏ như gương,
Cúi đầu chạnh nhớ cố hương xa vời!"

Gọn gàng chỉ có 20 chữ mà thi tiên Lý Bạch đã tạo thành bức tranh hết sức sống động và đầy màu sắc, dù chỉ là màu sắc của một bức tranh thủy mặc. Nếu ta nghiền cứu thơ Đường thì ắt hẳn ai cũng thấy những từ ngữ như: hạt sương buổi sớm, khói sóng hoàng hôn, mặt nước hồ thu, sông dài chảy mãi,

mây trắng ngàn năm... là những biểu cảm thời gian đầy ắp chất thơ! Trong bài thơ "Ngọc giai oán" cũng của thi hào Lý Bạch ta sẽ thấy những chữ "sương mốc trắng, ánh trăng thu":

**"Ngọc giai sinh bạch lộ,
Dạ cửu xuân la miệt
Khước hã thủy tinh liêm
Linh lung vọng thu nguyệt."**

Lam Nguyễn xin tạm dịch:

"Mốc sương trên thêm ngọc,
Chấn lạnh xuân đêm thâu.
Toan buông bức rèm xuống
Nhìn trăng thu ánh màu."

Và ta cũng nhìn thấy qua cảm giác khi đọc bài thơ "Trường tương tư" của Lý Bạch:

**"Nhật sắc dục tận, hoa hàm yên
Nguyệt minh như tô sấu bất miên.
Triệu sắt sơ đình phượng hoàng trụ,
Thục cầm dục tấu uyên ương huyền.
Thử khúc hữu ý vô nhân truyền
Nguyện tùy xuân phong ký Yên Nhiên
Úc quân thiêu thiêu cách thanh thiên.
Tích thời hoành ba mục,
Kim vi lưu lệ tuyền.
Bất tín thiếp trường đoạn,
Quy lai khán thủ minh kính tiên!"**

Lam Nguyễn dịch:

"Hoa ngậm khói sắc trời sắp lặn,
Ngắm trăng ngà thức trắng buồn thương.
Phượng hoàng đàn Triệu vừa buông,
Thục cầm lại thổi uyên ương phím hòa.
Sao chẳng thấy ai ca khúc ấy!
Nhờ gió xuân qua dãy Yên Nhiên.
Trời xa thương nhớ triền miên,
Ngày xưa sóng mắt đưa duyên cùng chàng.
Nay xuôi lệ chứa chan uẩn khúc,
Chàng hiểu cho ruột đứt đêm trường.
Hãy về xem lại tận tường,
Lòng này thiếp gửi trong gương mỗi ngày!"

Một cảnh sương tủa, trăng tà và hàng cây phong đọc theo bờ sông yên lặng giữa vài đóm lửa của thu-yên chài hiu hắt làm buồn lòng lữ khách cộng thêm tiếng quạ kêu trong đêm vắng kết hợp với tiếng chuông Chùa từ xa vọng lại đã khơi dậy hồn thơ của Trương Kế nên ngày nay chúng ta mới có được danh tác "Phong kiều dạ bạc":

**"Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền."**

Thi sĩ Tàn Đà dịch:

"Trăng tà tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn."

Nhắc đến hình ảnh sương khói sông hồ trong thơ đường thì ắt hẳn khách văn chương từng yêu thơ

Đường không quên bài thơ đêm trăng trên sông xuân mà nguyên tác của thi sĩ Trương Nhược Hư là “Xuân giang hoa nguyệt dạ” mà Lam Nguyên xin dịch sau đây:

*"Thủy triều dậy sông xuân liền biển.
Nước mênh mông một phiến trắng ngà.
Đập dồn sóng vỗ dậm xa,
Nơi nào mà chẳng trắng ngà sông xuân?
Nước uyển chuyển theo rừng thơm ngát,
Nguyệt hoa kia bằng bạc tươi xinh.
Trời cao sương giải vô tình,
Trên vùng cát trắng nhợt hình xa trông.
Không mây bụi trời sông một sắc,
Lững lờ không vắng vắng trắng soi.
Ai kia thấy trước trắng trời,
Và trắng kia lại soi người nằm mô?
Kiếp hóa sinh những vô cùng tận,
Năm lại năm trăng vẫn như xưa.
Trăng sông biết chiếu ai giờ!
Trường giang chỉ thấy lơ dờ nước trôi.
Mảnh mây bạc bên trời bay mãi,
Rừng phong xanh sông trái u sầu.
Thuyền ai lơ lửng đêm thâu,
Nơi mô trăng giải trên lầu tương tư?
Trăng lâu ấy nguyệt như thương cảm,
Vào trang đài dục phẩm, ly nhân.
Trong rèm trăng vẫn tần ngần,
Chày kia đập áo bao lần không đi.
Mong gặp gỡ tin thì vắng bật,
Nguyên theo trăng giáp mặt người thân.
Nhạn bay trăng vẫn ở gần,
Ngư long khuất bóng nước vờn nao nao.
Mộng đêm trước nghe bao hoa rụng,
Thương nửa xuân lận đận phương trời.
Dòng sông cuộn cuộn xuân trôi,
Sông sâu hoa rụng nguyệt dời phương Tây.
Trăng xế thấp chìm ngay bể cá,
Sông núi xa vạn ngả mộng lung.
Người nào cõi nguyệt về chung,
Trăng tàn cây nước một vùng buồn sao!"*

Thi sĩ Trương Nhược Hư cũng như những thi nhân đời Đường khắc thường yêu trăng sông và có thể nói sông nước khói trắng gần như gắn liền với cuộc đời:

**"Xuân giang thủy triều liên hải bình,
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh."**

Lam Nguyên đã dịch:

*"Thủy triều dậy sông xuân liền biển,
Nước mênh mông một phiến trắng ngà."*

Nếu đọc giả nhìn kỹ bốn chữ xuân, giang, hoa, nguyệt trên đầu đề bài thơ thì sẽ thấy mỗi chữ như đang hoạt động rõ ràng: trăng gặp nước mà nước sông của mùa xuân thì không có gì đẹp bằng, nhờ có xuân nên hoa mới nở. Tất cả bốn chữ ấy làm thành một bức họa đẹp để vô cùng:

**"Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý,
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh?
Giang lưu uyển chuyển nhiều phương diện,
Nguyệt chiếu hoa lâm giai như tiến."**

Lam Nguyên dịch là:

*"Đập dồn sóng vỗ dậm xa,
Nơi nào mà chẳng trăng ngà sông xuân?
Nước uyển chuyển theo rừng thơm ngát,
Nguyệt hoa kia bằng bạc tươi xinh."*

Nếu ta đi sâu vào ý nghĩa của bài thơ thì ta sẽ thấy “nhân sinh” (tức đời người) luôn luôn kể tục như dòng sông từ năm này qua năm nọ vẫn chảy đều, nhưng trong từng sát-na ở thân xác của mỗi cá

nhân đều phải trải qua bốn cửa: thành, trụ, hoại, không... Qua sách vở và qua kinh nghiệm tự ngộ mà thi sĩ Trương Nhược Hư đã hạ bút như một Thiền sư:

**"Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ,
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự."**

Lam Nguyên dịch:

*"Kiếp hóa sinh những vô cùng tận,
Năm lại năm trăng vẫn như xưa."*

Đó là thức vật ngụ tình, hình ảnh mây trắng bay và dòng sông chảy biểu tượng cho cuộc sống lang thang bất định! và mỗi khi nhắc đến hai câu thơ:

**"Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc,
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu"**

của thi sĩ Lý Bạch làm ta nhớ đến bài thơ “Hoàng hạc lâu” của Thôi Hiệu đây hình ảnh mây trắng, sông tạnh, bóng hoàng hôn và khói sóng v.v... mà thi sĩ Tản Đà dịch rất hay:

"Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?

Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ!

Hạc vàng đi mất từ xưa,

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.

Hàn Dương sông tạnh cây bầy,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?"

Những ai đã từng tiễn bạn ở bên sông mà khi cánh buồm kia xa dần rồi mất hút giữa trời nước mênh mông sẽ cảm thông cùng nhà thơ Lý Bạch trong bài “Hoàng hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng”:

**"Cố nhân Tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cỗ phàm viên ảnh bích không tận,
Duy kiến trường giang thiên tế lưu."**

Thi sĩ Bùi Khánh Đan và Đỗ Bằng Đoàn dịch:

"Bạn từ phương tây biệt Hạc-lâu,

Tháng ba hoa khói xuống Dương Châu.

Cánh buồm xa tít vào xanh thăm,

Trời nước Trường Giang vẫn một màu."



Có lúc một mình lên lầu trên bờ sông yên lặng đứng nghĩ ngợi giữa khi trăng sáng như nước, nước sáng như trời. Nhưng người đã cùng ta lên đây ngắm trăng giờ ở phương nào? Còn phong cảnh thì vẫn y như xưa... Đó là ý tứ trong bài “Giang lâu thư hoài” của thi sĩ Triệu Hổ (810 - 856) đã được cụ Tản Đà dịch:

Lầu bên sông tả hoài

"Lên gác bên sông một ngậm ngùi,
Sáng trắng như nước, nước như trời.
Bạn chơi năm ngoái nào đâu tá?
Trắng nước như xưa chín với mười."
(Đăng ở báo Ngày Nay số 111 ngày 22.5.38)
Và đây là nguyên tác:

**"Độc thưởng giang lầu tứ tiểu nhiên,
Nguyệt quang như thủy, thủy như thiên.
Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại,
Phong cảnh y hi tự khứ niên."**

Hàm súc là một nhu cầu nghệ thuật của người Trung-hoa, nhất là thơ Đường. Trong thơ Đường những từ-ngữ sát-na đồn ngộ rất được phổ biến, có lẽ thơ Đường chịu ảnh hưởng của Phật-giáo nên mới có những chữ như: nhất giác (chợt hiểu), hốt (bỗng), thủy (mới) và khước (trái lại) v.v... để thể hiện sự bùng tỉnh của nhà thơ và đánh thức người đọc như trong bài qua "Sông tang càn" của Giả Đào mà Lam Nguyên đã dịch thành hai bản:

Bản dịch I

Qua sông Tang Càn

"Tinh Châu từng ở suốt mười sương,
Lòng nhớ Hàm Dương năm tháng trường.
Mới vượt Tang Càn sông nước ấy,
Tinh Châu nhìn lại tựa quê hương."

Và bài dịch II:

"Mười năm từng sống ở Tinh Châu
Lòng nhớ Hàm Dương năm tháng sầu.
Sông nước Tang Càn vừa mới vượt.
Tinh Châu, cố lý mến như nhau!"

Nguyên tác như sau:

Độc Tang Càn

**"Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương,
Qui tâm nhậm dạ ức Hàm Dương.
Vô đoan cảnh độ Tang Càn thủy,
Khước vọng Tinh Châu thị cố hương."**

Hình ảnh sương khói sông hồ trong thơ Đường rất nhiều nên tôi chỉ tóm tắt một ít mà thôi và để tạm biệt quý độc giả hôm nay tôi xin trích bài thơ từ biệt bạn trên sông hoài của thi sĩ Trịnh Cốc đời Đường. Nguyên tác là:

Hoài thượng biệt hữu nhân

**"Dương Tử giang đầu dương liễu xuân,
Dương hoa sâu sát độ giang nhân.
Sổ thanh phong dịch ly đình vân,
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tân."**

Ngô Tất Tố dịch:

"Sông Dương ngàn liễu đua tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông.
Đình hôm tiếng sáo nào nùng,
Anh đi bến Sở, tôi trông đường Tân."

Đọc bài thơ ta thấy hiện rõ cảnh hai người bạn sắp chia tay nhau giữa hàng cây dương liễu bên bờ sông Hoài (tức là Dương Tử Giang) một khúc sông của Trường Giang; phong cảnh ở đây đã được sắc xuân tươi thắm, xinh đẹp lạ thường! Vào lúc cuối xuân nhìn hoa dương liễu đẹp bao nhiêu thì lòng của kẻ ra đi lại thấy buồn bấy nhiêu. Sau Lý Thường Ẩn và Đỗ Mục ít có nhà thơ nào thời Văn Đường mà có thể so sánh với Trịnh Cốc. Nói thể mới nghe như quá đáng nhưng khi đọc bài thơ "Hoài thượng biệt hữu nhân" với những từ trùng lặp, với âm điệu luyến láy đã tả được sự bồi hồi vương vấn của lòng người thì ta mới thấy rằng câu khen ngợi thi sĩ Trịnh Cốc ở trên thật phải lắm! Thi sĩ Trịnh Cốc đã duy trì được cái



điều thơ, phong phú của thi sĩ Đỗ Mục và thi sĩ Lý Thường Ẩn.

Xét về hai câu đầu của bài thơ ta thấy cảnh ở trong tình và tình ở trong cảnh được biểu hiện qua những từ chọn lựa đầy nghệ thuật. Ba chữ "dương liễu xuân", trong thơ Đường cảnh dương liễu là hình ảnh ước lệ, biểu tượng của sự chia ly; lại thêm màu xanh của cây liễu cộng với âm thanh vi-vút của gió chiều làm những sợi tóc liễu rung rinh cùng hoa liễu bay lẳng đặng:

**"Dương tử giang đầu dương liễu xuân,
Dương hoa sâu sát độ giang nhân."**

Cụ Ngô Tất Tố dịch:

"Sông Dương ngàn liễu đua tươi,
Hoa dương buồn chết dạ người sang sông"

là một bức vẽ thủy mặc thật thanh nhã, thêm dùng từ lại hàm súc, nghĩa là lời ít mà ý nhiều, nên đã đánh mạnh vào tâm hồn người đọc. Tại sao thi nhân lại dùng hai chữ *sâu sát*? Có phải tác giả muốn nhấn mạnh cho độc giả thấy rằng đây là sự ly biệt giữa hai kẻ tri âm rất thương quý nhau mà phải chia tay; lòng của cả người đi lẫn kẻ ở lại đều chết điếng tâm hồn! Đó là cả một nghệ thuật dùng từ của thi sĩ Trịnh Cốc. Và hai câu kết của bài thơ:

**"Sổ thanh phong dịch ly đình vân,
Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tân."**

Từ phong cảnh bên sông nước lại chuyển qua cảnh buổi tiệc tại ly đình (ngày xưa bên Tàu có cái đình để mỗi khi chia tay nhau thì đến đó mở tiệc tiễn biệt, được gọi là Cao-đỉnh mà cổ thi đã có câu "Cao-đỉnh tương biệt xứ"), và chúng ta cũng thấy trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du:

"Tiên đưa một chén quan hà,
Xuân-đỉnh thoát đã dạo ra Cao-đỉnh."

Giữa buổi tiệc bỗng nổi lên tiếng địch véo von, thê lương, sầu thảm làm đôi bạn tri âm càng thấy thấm thía buồn và tiếng địch nào nùng ấy đã làm cho bầu trời cũng dường như trĩu màu âm đạm để rồi đây mỗi người một ngả:

"Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tân."

Tóm lại, bài thơ từ biệt bạn trên sông Hoài của thi sĩ Trịnh Cốc còn lưu lại cho văn học nhân loại là nhờ ở phần Mở, Kết của bài thơ chặt chẽ, ý thơ dồi dào, lời thơ hàm súc và miêu tả được nghệ thuật không gian, nghệ thuật thời gian mà không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của hình tượng và thời gian nghệ thuật là thời gian sáng tạo ở trong tác phẩm sẽ chảy mãi trong hồn của độc giả!

Lam Nguyên
Seattle, Một đêm trăng sáng

ĂN CHAY NGÀY TẾT

Tâm Diệu

Trước đây, ở các nước Tây phương, người ta ăn chay cốt để gìn giữ sức khoẻ, ngăn ngừa bệnh tật và bảo vệ thú vật. Ngày nay, họ đã nâng việc ăn chay lên một tầm mức cao hơn, không chỉ hạn hẹp trong mỗi cá nhân mà còn hướng đến cả cộng đồng nhân loại toàn cầu. Họ ăn chay để bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ trái đất tươi xanh, cho bầu không khí trong lành, cho quả địa cầu bớt nóng, bớt bão tố lụt lội. Ở Việt Nam chúng ta, không biết ăn chay có từ bao giờ, có thể từ lâu lắm, từ thời nhà Lý, triều đại cực thịnh của dân tộc và của đạo Phật Việt Nam. Hàng năm, ngay từ ngày đầu năm mới, người ta thường ăn chay đi chùa lễ Phật. Vì vậy, ăn chay ngày tết mang đậm sắc ý nghĩa tâm linh, là nét văn hoá tết đặc biệt của dân tộc Việt Nam.

Do cả năm vất vả mưu sinh, nên người ta thường chỉ ăn chay vào ngày mồng một tết để bù đắp cho nguyên một năm, nhằm cầu phước đức, an lành, may mắn cho năm mới và sám hối những điều không phải đạo làm người đã làm trong năm cũ. Ở miền Bắc có nơi cả làng ăn chay trong ngày này, như ở làng Đào Đăng, xã Trung Nghĩa, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Phong tục ăn chay trong ngày mồng một Tết ở đây thật là đặc biệt. Nhà nào cũng có mâm cỗ chay cúng Tổ tiên gồm xôi gấc, xôi vò, bánh chưng, bánh cốm, bánh chay gấc, chè lam, chè kho... Tuyet nhiên không có việc giết bò, giết heo hay giết gà làm các món mặn, không có giò, nem, chả, mộc, thịt đông, thịt luộc như những làng khác. Tục lệ ăn chay ngày mồng một tết này đã có từ lâu đời do cha ông truyền lại. Nguyên nhân có thể phát xuất từ niềm tin ngưỡng vì cả làng đều theo đạo Phật giữ giới không sát sanh, họ quan niệm giới không sát sinh và ăn chay có mối quan hệ mật thiết với nhau. Ngoài ra, cũng có thể do điều kiện kinh tế khó khăn, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, một năm chỉ nghỉ được mấy ngày tết nên dân làng dành nhiều thời giờ để đi chùa lễ Phật cầu xin trời Phật, Tổ tiên phù hộ.

Ngoài làng Đào Đăng ở Hưng Yên có tục lệ ăn chay ngày mồng một tết còn có làng Đào Xá vùng Kinh Bắc có tục lệ làm cỗ chay. Hầu hết các gia đình trong làng vào ngày mồng một và ngày mồng bảy Tết đều làm cỗ chay mang ra chùa cúng Phật và sau là đãi khách. Các món chay đều làm từ sản phẩm của nhà nông như lúa gạo, rau đậu củ quả, như món Bánh Cặp nổi tiếng được làm từ bột gạo nếp mới, món Cháo Cáo được làm từ gạo tẻ mới và món bún riêu chay rất đặc biệt mang tên Bún riêu Đào Xá...

Vào miền Trung, người dân Huế đa phần theo đạo Phật nên ngày mừng một Tết thường ăn chay và đi chùa lễ Phật. Huế vốn nổi tiếng với các món cỗ chay cao cấp trong cung đình xưa. Ngày nay, phần nhiều các gia đình Huế đều tự tay nấu các món chay, món mặn có gì thì món chay có nấy. Đặc biệt ở Huế có trái và thường dùng để chế biến thành nhiều món chay khác nhau. Ngoài ra Huế còn có món Mít trộn làm bằng mít non, Tré chay làm bằng củ mít, Nem chay làm bằng củ bưởi, Chả chay làm bằng phủ chúc, sản phẩm từ đậu nành, Mỳ căn từ tinh chất

bột mì làm thịt gà giả. Quanh năm vào các ngày mồng một, ngày rằm và các ngày lễ, cơm chay, cỗ chay thường xuyên có mặt tại các chùa và trong các gia đình người Huế. Tuy vậy, mâm cỗ chay của người Huế không quá sang trọng như cỗ chay cung đình thời xưa, nhưng hơi cầu kỳ ở cách trình bày. Nét độc đáo có tính cách văn hoá ẩm thực của Tết Huế chính là mâm cỗ chay.

Ở các tỉnh phía Nam, vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, Phật giáo có ảnh hưởng mạnh đến đời sống người dân. Vì đây là vùng đất mới khẩn hoang, nên họ rất cần nhu cầu tâm linh và đạo Phật đã đến với họ, hoà quyện vào đời sống mới của người dân. Vì vậy, có thể đó là nguyên nhân của ăn chay và ăn chay ngày tết khá phổ biến ở người dân miền Nam từ buổi đầu khẩn hoang cho đến ngày nay. Món chay ở miền Nam, đặc biệt vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long khá đa dạng do phong phú rau quả. Và cũng vì vậy trong các món chay ở miền Nam chúng ta thấy đều có nước cốt dừa và các loại rau tươi thêm vào món ăn. Đa số người ta ăn chay ngày mồng một nhưng cũng có nhiều người ăn hai ngày 30 và mồng một. Ngoài bánh tét chay nổi tiếng còn có một vài món chay đặc biệt vào dịp tết như món canh kiểng tổng hợp với rất nhiều loại rau, củ, và quả như mít chín, chuối sấp, chuối ngự, khoai mì, khoai môn, bột khoai, bí đỏ, mướp hương và nước cốt dừa. Thêm vào đó là món thịt heo quay chay làm bằng bánh mì khô kho với nước dừa và món gỏi bắp chuối gà chay làm bằng bắp chuối tươi, lá vụn thỏ và mì căn xé nhỏ giả gà.

Ngày nay, kể từ sau thời kỳ đổi mới, phong trào ăn chay nở rộ, nhất là ở các thành phố lớn phía Nam. Họ ăn chay rất khác với miền quê vì có nhiều món chay chế biến sẵn mang tên giống như tên gọi các món mặn, được bày bán tại các siêu thị như tôm chay, thịt gà chay, cá thu chay, pa tê chay... Chúng được nhập từ Đài Loan, Hồng Kông và Trung Quốc hay được chế biến từ các công ty ẩm thực chay trong nước. Có một số ít người không đồng ý món chay được đặt tên như món mặn. Họ chỉ trích những người ăn chay mà tâm còn ăn mặn như thế là giả dối. Họ đâu biết rằng, do nhu cầu thương mại, những nhà tư bản chế biến và kinh doanh thực phẩm đặt những cái tên giống như các loại thực phẩm chế biến từ thịt cá để dễ lôi cuốn khách hàng, vốn là những người có tập quán ăn những món có tên gọi như vậy, nay thấy những món cũng có hình dáng và mùi vị tương tự chút đỉnh, thì thực khách, vốn đã có thói quen ăn những món đó làm bằng thịt, sẽ cảm thấy dễ hòa nhập hơn, dễ thích ứng hơn. Việc chế biến và đặt tên các món chay theo kiểu món mặn chẳng qua chỉ là bước chuyển ban đầu để con người bỏ bớt sát sinh, biết tạo nghiệp lành. Các món chay dạng này rất hữu ích cho những người ngoài Phật giáo và những người đang bắt đầu bước vào đạo Phật.

Ngày tết, cúng chay, ăn chay mang tính tâm linh, đậm bản sắc văn hoá dân tộc Việt. Với Phật giáo ăn chay tránh được nghiệp báo sát sinh, phát khởi tâm từ bi, bén nhậy trước nỗi khổ đau của chúng sinh. Với khoa học, ăn chay tốt cho sức khỏe, giúp cơ thể tránh nhiều độc tố do thịt động vật nuôi thường dùng thức ăn có hóa chất, phòng ngừa được một số bệnh như các bệnh về tim mạch, ung thư, béo phì, đái đường, sỏi mật... Ngoài ra, ăn chay còn giúp bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ trái đất, không khí và nước uống được trong sạch không ô nhiễm.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

Ý ĐẠI LỢI: Hội Phật giáo Từ Tế giúp nạn nhân động đất ở miền bắc nước Ý

Vào ngày 17-12-2012, các hội viên Hội Cứu trợ Phật giáo Từ bi Từ Tế của Đài Loan từ Đức, Pháp và Vương quốc Anh đã vượt trời tuyết tại miền bắc nước Ý để phân phối chứng tử mua sắm cho các cư dân bị động đất hồi tháng 5 năm nay.

37 tình nguyện viên đã phân phát chứng tử mua sắm, mỗi tờ trị giá 100 euro, cho khoảng 400 cư dân của các thị trấn Bondeno và Finale Emilia để giúp họ vượt qua mùa đông.

Một tình nguyện viên đến từ Đức cho biết cư dân tại 2 khu vực này đang rất cần sự giúp đỡ, và đây là đợt vận động từ thiện chủ yếu nhằm giúp các gia đình có người già và trẻ em, hoặc những người đang gặp khó khăn về tiền.

Hiện nay Hội không có chi nhánh tại Ý, và các tình nguyện viên đã đi qua các biên giới để đến những vùng bị ảnh hưởng bằng xe buýt du lịch, bắt chập những ngày trước đó đã bắt đầu có tuyết lớn.

(Buddhist Channel – December 23, 2012)



Hội viên Hội Từ Tế (bên trái) và nạn nhân động đất ở Ý - Photo: CNA

TRUNG QUỐC: Các tác phẩm Phật giáo bằng pha lê của nhà điêu khắc Hung Fu-shou

Sinh năm 1950 tại Penghu, Đài Loan, điêu khắc gia Hung Fu-shou bắt đầu học chạm khắc san hô vào năm 17 tuổi. Đầu thập niên 1990, ông đến Trung quốc để tìm cơ hội kinh doanh tốt hơn và đã tình cờ thấy được nghề chạm khắc pha lê lần đầu tiên.

Ông nhận thấy pha lê là một vật liệu lý tưởng cho các tác phẩm điêu khắc Phật giáo, vốn gắn liền với sự an lạc và thanh tịnh.

Các tác phẩm điêu khắc Phật giáo của ông Hung Fu-shou đã nhiều lần đoạt giải thưởng tại Trung quốc trong khi một trong số đó được đưa vào bộ sưu tập của Bảo tàng Guimet tại Pháp. Các thành tựu của ông làm ông trở thành một trong những nhà

điêu khắc giỏi nhất về chạm khắc pha lê liên quan đến Phật giáo Tây Tạng.

Hiện nay ông Hung và vợ điều hành Công ty Điêu khắc Thanh Sơn của mình tại Thái Châu, Giang Tô. Sản phẩm của họ được bán cho các thị trường toàn cầu.

(Buddhist Art News – December 23, 2012)



Tượng Phật bằng pha lê của nhà điêu khắc Đài Loan Hung Fu-shou



Ông Hung Fu-shou làm việc tại công ty của mình



Một thợ học việc của nhà điêu khắc Hung Fu-shou đang chạm khắc trên vật liệu bằng pha lê - Photos: Xinhua

ẤN ĐỘ: Tàu hỏa hành hương Phật giáo Mahaparinirvana Express sẽ mở rộng lộ trình

Từ ngày 20-1-2013, tàu tốc hành Mahaparinirvana sẽ mở rộng lộ trình để đến các di tích Phật giáo ở Orissa.

H.S.Rawat, một viên chức cao cấp của Công ty Dịch vụ Ăn uống và Du lịch Đường sắt Ấn Độ (IRCTC), nói, "Tàu bắt đầu hành trình từ ga Safdarjung ở thủ đô (New Delhi), bây giờ sẽ đi Phật Già Da, Rajgir, Nalanda, Varanasi, Gorakhpur, Cầu Thi Na, Lâm Tì Ni và Xá Vệ Quốc trong chuyến đi 7-đêm -8-ngày".

Được ICTC giới thiệu vào năm 2007, tàu tốc hành này cung cấp một lựa chọn du lịch an toàn, đáng tin cậy và thuận tiện cho khách hành hương, với giá cho chuyến đi du lịch-hành hương từ 7.500 đến 34.000 rupee.

Tàu tốc hành Mahaparinirvana thường có lượng khách chiếm ít nhất 60% chỗ mỗi chuyến, với rất nhiều khách đến từ Trung quốc, Thái Lan, Đài Loan và Đông Á.

(IANS - December 23, 2012)



Tàu hành hương Phật giáo Mahaparinirvana Express - Photo:google images

ÚC ĐẠI LỢI: Cộng đồng Phật tử Fairfield kỷ niệm 4 năm trồng cây Bồ đề Bonnyrigg

Fairfield, Úc - Các hội viên của cộng đồng Phật tử địa phương đã tổ chức một lễ kỷ niệm 4 năm kể từ khi trồng Cây Bồ đề Bonnyrigg.

Được trồng tại Công viên Trung tâm Thành phố Bonnyrigg, cây này tượng trưng cho tín ngưỡng Phật giáo rằng Đức Phật đã giác ngộ dưới một cây bồ đề.

Vào cuối tháng trước, hơn 200 Phật tử Lào và hội viên của các nhóm liên tôn giáo địa phương đã tham gia sự kiện Chiêm nghiệm Hòa bình Dưới Cây Bồ đề.

Một phát ngôn viên của Hội đồng Fairfield nói rằng hội viên của các tín ngưỡng Ki Tô giáo, Hồi giáo và Phật giáo đã cầu nguyện, chư tăng được dâng y mới và một cuộc diễn hành được tổ chức để tôn vinh cây bồ đề nói trên.

Hội đồng đã trồng cây này vào năm 2008 để trùng hợp với sự ra mắt biểu trưng Bonnyrigg có hình lá bồ đề bên cạnh lá cây bạch đàn.

Kể từ đó Hội Phật giáo Lào của bang New South Wales đảm nhận việc bảo vệ cây.

(Mahabodhi - December 26, 2012)



Lễ kỷ niệm 4 năm trồng cây Bồ đề Bonnyrigg tại Fairfield, Úc - Photo: Lauren Mcmah

NHẬT BẢN: Truyện tranh Đức Phật của Tezuka được chuyển thể thành nhạc kịch

Truyện tranh Đức Phật của Osamu Tezuka, đang được chuyển thể thành một vở nhạc kịch sân khấu, sẽ ra mắt vào tháng 5-2013 tại Tokyo và Osaka.

Nhạc kịch này - dựa vào hành trình tâm linh của nhân vật tôn giáo - là nhạc kịch đầu tiên của Đoàn Kịch Warabiza.

Kịch bản do T. Saito viết, âm nhạc do M. Kohi đảm nhận và T. Kurriyama là nhà sản xuất.

Cốt truyện của truyện tranh gốc của Tezuka xoay quanh nhân vật danh giá là Thái tử Tất Đạt Đa, là người hành cước trên một cuộc hành trình tâm linh với hy vọng mang lại sự hồi sinh tinh thần cho người dân tại đất nước đau khổ của ngài.

Từ 15-6 đến 15-8-2013, nhạc kịch này sẽ được diễn tại thành phố Semboku, nơi có nhà hát chính của Đoàn Kịch Warabiza. Sau đó Đoàn sẽ lưu

diễn trên toàn quốc trong tháng 8-2013.
(Tipitaka – December 28, 2012)



*Tranh từ truyện tranh Đức Phật (của Tezuka, Nhật Bản) được chuyển thể thành nhạc kịch
Photo: tipitaka.net*

MÃ LAI: Cần nâng cấp con đường đến Chùa Phật Dược vương

Chùa Phật Dược vương cao 72,5 m gồm 13 tầng, tọa lạc tại Trung tâm Phật giáo Giác ngộ Tâm ở Ampang được xem là đã đưa Perak lên bản đồ thế giới về các địa điểm Phật giáo nổi tiếng.

Hoàn thành vào năm 2007 sau hơn 10 năm xây dựng, công trình kiến trúc với kinh phí 6 triệu RM này có tượng Phật Thích Ca Mâu Ni cao 11,5 m được tôn trí trên tầng 9, bên cạnh nhiều cội kinh Phật giáo Tây Tạng và một tác phẩm nghệ thuật tinh tế mô tả chi tiết về thần thoại phong phú của Phật giáo.

Tuy nhiên, vị sư trụ trì Ge Li Rinpoche 72 tuổi của trung tâm nói rằng nhiều người không biết gì về nơi này, do có rất ít biển báo dẫn đến nó.

Con đường duy nhất để đến đây cũng không rõ ràng và trong tình trạng xấu, ông nói. “Chúng tôi cần nâng cấp con đường nhưng không thể do thiếu quỹ. Chúng tôi mong rằng chính quyền bang sẽ giúp chúng tôi thực hiện, vì chùa có tiềm năng trở thành một điểm thu hút du lịch quan trọng chứ không chỉ là một trung tâm tôn giáo”.

(thestar.com.my – January 2, 2013)



*Nội thất tầng trệt của chùa Phật Dược vương 13 tầng
- Photos: F.K. Soon*

HOA KỲ: Đôn Hoàng: Nghệ thuật Phật giáo tại Cổng vào của Con đường Tơ lụa

New York, Hoa Kỳ - Triển lãm ‘Đôn Hoàng: Nghệ thuật Phật giáo tại Cổng vào của Con đường Tơ lụa’ được tổ chức tại phòng trưng bày của Viện Trung Hoa và Học viện Đôn Hoàng từ ngày 7-2 đến 9-6-2013.

Tọa lạc tại một giao lộ quan trọng của Con đường Tơ lụa, Đôn Hoàng là một trong những di sản văn hoá quý giá nhất thế giới. Cuộc triển lãm này tập trung giới thiệu một cách sống động các phong tục và thực hành của Phật tử địa phương, và làm nổi bật tầm quan trọng về sự giao lưu văn hoá giữa Đông và Tây phương của thành phố Đôn Hoàng.

Trưng bày các phù điêu bằng đất sét được chạm khắc hoặc sơn vẽ, thư pháp, kinh điển Phật giáo và những viên gạch mẫu lấy từ các hang động, cuộc triển lãm giới thiệu nghệ thuật và những thực hành nghi lễ từ những thời kỳ hoàng kim của các triều đại Bắc Ngụy và Đường.

(Buddhist Art News – January 1, 2013)



Tượng Phật bằng đất sét – thời nhà Đường (618-907) - Photo: Buddhist Art News

TÂY TẠNG: Đại lễ cầu nguyện của Phật giáo tại Thanh Hải

Tại Tu viện Jyegu ở tỉnh Thanh Hải, hơn 5.100 nhà sư đã tổ chức một đại lễ cầu nguyện vào ngày 28-12-2012, đánh dấu sự kết thúc của đại hội vì hoà bình thế giới diễn ra trong 6 ngày.

Chư tăng từ 74 tu viện đã cùng hàng nghìn tín đồ tụng kinh tại một giảng đường mới, được xây sau trận động đất năm 2010.

Khenpo Ngangor, sư trưởng tu viện Jyegu, nói, “Đây là lễ cầu nguyện cho hoà bình thế giới, cho sự thịnh vượng của quốc gia và sự an lạc cho nhân dân. Chúng tôi hy vọng rằng những thiên tai đe dọa mọi người trên thế giới sẽ chấm dứt, và mọi gia đình đều được hạnh phúc và khoẻ mạnh”.

Toạ lạc tại quận Yushu, Tu viện Jyegu 2.100 năm tuổi là tu viện lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của trường phái Phật giáo Tây Tạng Sakya.

(Mahabodhi – January 2, 2013)

VƯƠNG QUỐC ANH: Bộ sưu tập bản gốc tiếng Phạn của Thư viện Kỹ thuật số Cambridge

Bộ sưu tập văn bản tiếng Phạn của Thư viện Kỹ thuật số của trường Đại học Cambridge gồm có trên 1.600 tác phẩm, được viết trong thời gian hơn 1.000 năm trên các chất liệu khác nhau: giấy, lá cọ và vỏ cây bạch dương.

Bộ sưu tập bao gồm nhiều truyền thống tôn giáo của Nam Á – từ kinh Vệ Đà cho đến kinh cầu nguyện của Ấn Độ giáo và Mật tông, Phật giáo Nguyên thủy đến Đại thừa và Mật tông và đạo Jaina.

Việc số hoá những văn bản tiếng Phạn của Thư viện đang được thực hiện như một phần của một dự án nghiên cứu, được Hội đồng Nghiên cứu Nghệ thuật và Nhân văn (AHRC) cấp quỹ để nghiên cứu và lập danh mục cho bộ sưu tập này.

Hiện nay thư viện số giới thiệu một bộ sưu tập nhỏ khởi đầu, vốn sẽ phát triển đáng kể trong 2 năm 2013-2014.

(Buddhist Art News – January 6, 2013)

Miền Điện và Cam Bốt cũng sẽ tham dự hội nghị diễn ra trong 3 ngày này.

Đức Đạt lai Lạt ma đã diễn giảng về cuộc đời và lời dạy của Đức Phật. Ngài cũng chủ trì các lễ cầu nguyện đại chúng vì lợi ích của nhân loại và của tất cả chúng sinh, với sự tham dự của các vị lãnh đạo tinh thần và tín đồ của các tín ngưỡng khác.

Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng thế giới đang đối mặt với một sự khủng hoảng về đạo đức, và ngài nhấn mạnh về kỷ luật tự giác dựa trên cơ sở đạo đức để chống lại nó.

(ANI – January 6, 2013)



Đức Đạt lai Lạt ma tại Patna - Photo: ANI

HÀN QUỐC: Bức tranh cổ của Phật giáo Cao Ly tại Bảo tàng Nghệ thuật Đông phương của Ý

Trong khi đang kiểm tra các hiện vật thuộc sở hữu của Bảo tàng Nghệ thuật Đông Phương của Ý tại La Mã vào tháng 10-2012 – như một phần của một chương trình nhà nước để hỗ trợ các phòng triển lãm Hàn quốc tại các bảo tàng nước ngoài – các viên chức của Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc đã tìm thấy bức tranh Phật A Di Đà có từ thời Vương quốc Goryeo (918-1392).

Tranh mô tả Phật A Di Đà xoè bàn tay phải tiếp dẫn người chết đến cõi Tây thiên Cực lạc.

Tranh Phật giáo thời Vương quốc Goryeo tạo thành một thể loại chính của nghệ thuật Phật giáo Cao Ly, nhưng hiện nay trên thế giới chỉ còn 160 tác phẩm.

Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc cho biết sẽ tìm cách mượn bức tranh mới tìm thấy này để triển lãm tại Hàn quốc sau khi tham khảo ý kiến với Bảo tàng Nghệ thuật Đông phương của Ý.

(Yonhap – January 9, 2013)



Bản thảo tiếng Phạn - Photo: Past Horizons

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma khai mạc hội nghị Phật giáo quốc tế tại Patna

Ngày 5-1-2013, Đức Đạt lai Lạt ma đã chính thức khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế được tổ chức tại Patna.

Chư tăng cùng Phật tử của các giáo phái khác, các vị lãnh đạo tinh thần và tín đồ của các tôn giáo khác nhau đã tham dự lễ khai mạc - trong số đó có Thống đốc bang Bihar và Thủ tướng chính phủ Tây Tạng lưu vong.

Chư tăng và đại biểu từ các nước Phật giáo khác như Thái Lan, Nhật Bản, Tích Lan, Trung quốc,

Tranh Phật A Di Đà của Cao Ly được tìm thấy tại Bảo tàng Nghệ thuật Đông phương của Ý - Photo: Yonhap



VƯƠNG QUỐC ANH: Các nhà khảo cổ học của Đại học Durham trong dự án bảo vệ Lâm Tì Ni

Một nhóm các nhà khảo cổ học từ trường Đại học Durham, đông bắc nước Anh, đang tiếp tục tiến hành một dự án quốc tế để nghiên cứu và bảo vệ di sản thế giới Lâm Tì ni ở Nepal, nơi Đức Phật dần sinh vào năm 623 trước Công nguyên.

Sứ mạng của nhóm Durham được tài trợ bởi UNESCO, chính phủ Nhật Bản và trường Đại học Durham.

Trưởng nhóm Durham là Robin Coningham, Giáo sư Khảo cổ học tại Đại học Durham. Công tác của nhóm liên quan đến việc khai quật tại Lâm Tì Ni và diễn giải lại, thực hiện việc bảo tồn và bảo quản dài hạn.

Mục đích của công việc là nhằm vào nhiều thách thức mà di sản thế giới Lâm Tì Ni đang đối mặt, bao gồm cách tốt nhất để bảo tồn những di tích còn đứng vững, cách diễn giải về khảo cổ học của di sản này, và cách quản lý nó một cách hiệu quả khi phải đối mặt với số lượng khách viếng không ngừng tăng lên.

(journallive.com.uk – January 10, 2013)

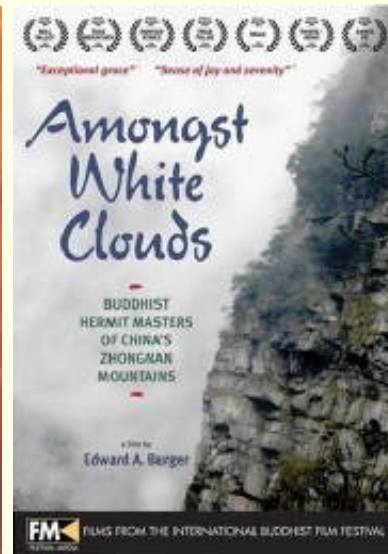
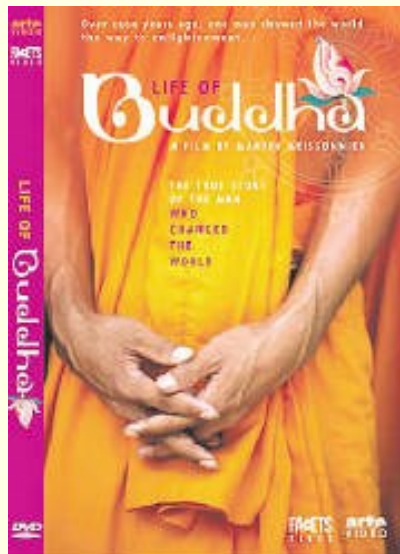
HOA KỲ: Liên hoan Phim Phật giáo Connecticut lần thứ 4

Liên hoan Phim Phật giáo Connecticut thường niên lần thứ 4 sẽ khai mạc vào ngày 16-1 tại Middletown và kéo dài trong 5 tháng, cho đến ngày 15-5-2013.

Liên hoan sẽ trình chiếu 5 tác phẩm điện ảnh với nội dung khám phá trải nghiệm tâm linh về Phật giáo hoặc có các chủ đề Phật giáo, bao gồm các phim: 'Dự án hạnh phúc', 'Sự đầu thai của tôi', 'Khách viếng', 'Cuộc đời của Đức Phật' và 'Trong vùng Mây Trắng'.

Loạt phim Phật giáo này là một chương trình giáo dục miễn phí của Viện Nghiên cứu Phật giáo New England (NEIBS) dành cho sinh viên của viện và mở rộng đối với công chúng.

(Buddhist Art News – January 11, 2013)



Posters : Phim 'Cuộc đời của Đức Phật' và 'Trong Vùng Mây Trắng' - Photos: tripod.com

ÚC ĐẠI LỢI: Hội nghị Phật giáo và Úc năm 2013

Hội nghị quốc tế "Phật giáo & Úc" lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào 2 ngày 23, và 24-1-2013 tại trường St Georges, Đại học Tây Úc ở Crawley, ngoại ô thành phố Perth.

Hội nghị công nhận Phật giáo tại khu vực Úc, và phụng sự như một cuộc họp Phật học dành cho hoà bình, trí tuệ và lòng từ bi vì lợi ích của Úc và nhân loại.

Vào ngày 23-1-2013, hội nghị mở rộng để tất cả những ai có sự quan tâm và niềm đam mê về nền văn hoá Phật giáo được tận hưởng một ngày vui học, tạo một cơ hội tuyệt vời để mọi người học hỏi từ các chuyên gia.

Các diễn giả của hội nghị đến từ Miến Điện, Nhật Bản, Úc và Tích Lan. Và dự án mới – một bách khoa Toàn thư Phật giáo Trung Hoa trực tuyến – sẽ được giới thiệu bởi Thượng toạ Vaartnou, trưởng giáo phái Nyingma của Estonia.

(Buddhist Door – January 12, 2013)



Biểu trưng của Hội nghị quốc tế 'Phật giáo và Úc' - Photo: Buddhist Door

TIN TỨC PHẬT GIÁO

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA PHẬT GIÁO TRONG NĂM 2012

Tâm Huy tổng hợp

Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác phần giác ngộ thứ nhất nói rằng, *"Cuộc đời này vô thường, thể giới này đầy nguy hiểm, bốn đại là khổ và không, thân do năm uẩn tạo thành thực chất không có tự ngã, sinh diệt biến đổi liên tục, rõ ràng là giả dối không có chủ thể."*

Quả thật vậy, thế giới mà chúng ta đang sống đầy dẫy hiểm nạn và biến đổi không ngừng. Năm 2012 trôi qua với biết bao đổi thay từ lòng người đến ngoại cảnh mà trong đó chắc chắn là vui ít và khổ nhiều. Lẽ ra những gì đã qua đi, chúng ta cứ để nó trôi vào dĩ vãng mà không cần gợn lại. Nhưng có những điều đã qua đi nhưng dư chấn còn lại thật sâu đậm trong lòng người và trên sinh hoạt cộng đồng xã hội thì nhắc nhở để nhớ lấy bài học lịch sử mà hành xử cho đúng và cũng để nhắc nhở cho thế hệ đi sau những di sản giá trị không thể vùi lấp được.

Vậy thì trong năm 2012 có những sự kiện gì xảy ra trong Phật Giáo thế giới cũng như Phật Giáo Việt Nam đáng để chúng ta nhớ đến? Xin ghi lại một số sự kiện nổi bật như sau.

Hàng Trăm Tăng, Ni, Phật Tử Tây Tạng Tự Thiêu Chông Trung Quốc

Trước hết là chuyện Phật Giáo tại xứ sở Tây Tạng nơi được mệnh danh là mái nhà của thế giới. Tây Tạng đã bị chính quyền Cộng Sản Trung Quốc xua quân xâm chiếm vào năm 1951 nhưng chính quyền Tây Tạng dưới quyền lãnh đạo của đức Đạt Lai Lạt Ma vẫn còn nắm quyền tại Thủ Đô Lhasa, cho đến năm 1959 sau cuộc khởi nghĩa giành độc lập bằng quân sự thất bại, chính quyền đức Đạt Lai Lạt Ma đã phải lưu vong và tị nạn tại Ấn Độ từ đó tới nay.

Suốt trên 50 năm qua, người dân Tây Tạng trong nước đã không ngừng phản kháng chính sách đồng hóa dân tộc của chính quyền cộng sản Bắc Kinh qua việc thiết đặt hệ thống cai trị độc tài toàn



diện cộng sản, đưa người Trung Quốc vào Tây Tạng sinh sống ngày càng nhiều, dạy tiếng Trung Quốc để thay thế tiếng Tây Tạng, áp đặt hay tạo dựng những nhân vật lãnh đạo tâm linh của Phật Giáo Tây Tạng để nắm niềm tin quần chúng như đức Ban Thiên Lạt Ma, v.v... Cũng trên 50 năm ấy, chính quyền Tây Tạng Lưu Vong do đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 lãnh đạo đã không ngừng vận động để chính quyền Cộng Sản Trung Quốc trao trả nền độc lập và gần đây là nền tự trị của nhân dân Tây Tạng. Nhưng tất cả nỗ lực vận động trong tinh thần bất bạo động của đức Đạt Lai Lạt Ma và chính phủ Tây Tạng lưu vong đều không thay đổi được chính sách đồng hóa và cai trị của Trung Quốc.

Công cuộc đấu tranh cho nền độc lập Tây Tạng đang đến hồi cao trào với hàng trăm vụ tự thiêu của Tăng, Ni và Phật tử Tây Tạng trong nước kể từ năm 2009. Những hình ảnh kinh hoàng và xúc động từng cùng với những cây lửa người vừa chạy vừa đọc kinh hay hô to khẩu hiệu đòi độc lập cho Tây Tạng được đưa lên các trang mạng toàn cầu cho thấy Tăng, Ni và Phật tử Tây Tạng đã chọn phương thức tự đốt thân mình để làm ngọn đuốc thắp sáng lương tâm nhân loại và lương tri các nhà lãnh đạo cộng sản Trung Quốc trước nạn chủng tộc, văn hóa và Phật Giáo Tây Tạng sắp bị hủy diệt vào tay của chế độ cộng sản độc tài.

Nhà báo của Đài CBC News tại Bắc Kinh là Catherine Mercier, trong bài báo đăng trên trang mạng toàn cầu của Đài CBC News hôm 20 tháng 12 năm 2013, kể lại chuyến đi làm tin tại Tây Tạng với những chi tiết thật khiến người đọc sùng sốt. Trong đó Catherine kể rằng tại một tu viện nơi có người tự thiêu bà đã phỏng vấn nhiều người Tây Tạng với điều kiện không nêu tên và đưa hình ảnh họ lên màn ảnh. Những người này kể cho Catherine nghe rằng tất cả các vị Tăng trong tu viện đều bị bắt đi tù cải tạo để hứa trung thành với Đảng Cộng Sản. Tiếng Phổ Thông của Trung Quốc được in thành sách giáo

khoa và dạy trong các trường để thay thế tiếng Tây Tạng. Nhưng Catherine cũng cho biết là người dân Tây Tạng khẳng định rằng họ sẽ tiếp tục đấu tranh để bảo vệ nền văn hóa và sẵn sàng hiến thân mình cho cuộc đấu tranh đó.



Hồi Giáo, Phật Giáo Xung Đột Tại Miến Điện

Một sự kiện khác cũng làm chấn động cộng đồng Phật Giáo thế giới đó là bạo động diễn ra giữa người Hồi Giáo và Phật Giáo tại Tỉnh Bang Rakhine nằm ở phía Tây của Miến Điện khiến hàng chục người chết và hơn 2,000 căn nhà bị đốt cháy trong nhiều ngày.

Đài BBC trong bản tin ngày 24 tháng 10 năm 2012 tường thuật rằng nguyên nhân của bạo động tôn giáo tại Miến Điện bắt nguồn từ vụ một nữ Phật tử bị 3 tín đồ Hồi Giáo hãm hiếp vào tháng 5. Sau đó 10 người Hồi Giáo bị giết chết dù họ không liên can gì đến vụ hãm hiếp nói trên. Rồi sang tháng 6, bạo động giữa Hồi Giáo và Phật Giáo lan rộng khắp tỉnh bang với 90 người bị giết chết. Trong cuộc bạo động vào tháng 10, tín đồ Hồi Giáo đã đốt phá chùa chiền và nhà Phật tử. Tính chung vụ bạo động trong tháng 10 đã có khoảng gần 70 người thiệt mạng.

Được biết, tại Miến Điện số dân theo Hồi Giáo chỉ chiếm khoảng 4% trong tổng số dân cả nước trên 60 triệu người. Người theo đạo Phật chiếm tuyệt đại đa số (89%) quốc dân Miến Điện. Bạo động tôn giáo diễn ra trong lúc chính quyền Miến Điện do Tổng Thống Thein Sein lãnh đạo đã thay đổi chính sách chuyển hướng đất nước theo chiều tự do và dân chủ mà điển hình nhất là việc tham gia vào Quốc Hội của lãnh tụ đối lập Aung San Suu Kyi.



Hồi Giáo Đốt Chùa, Nhà Phật Tử Tại Bangladesh

Một quốc gia Hồi Giáo nằm cạnh Miến Điện là Bangladesh trong năm 2012 cũng xảy ra bạo động tôn giáo giữa tín đồ Hồi Giáo và Phật Tử dẫn tới việc ít nhất 10 ngôi chùa và 40 căn nhà Phật tử đã bị thiêu rụi khiến cho hàng ngàn Phật tử phải bỏ nhà di tản để tránh bị họa.

Theo tin của hãng thông tấn AP trong bản tin ngày 1 tháng 10 năm 2012, vụ bạo động xảy ra từ việc tín đồ Hồi Giáo địa phương phản nộ khi một bức hình của bản sao cuốn Thánh Kinh Koran bị đốt cháy được đưa lên trang mạng toàn cầu mà tín đồ Hồi Giáo nói là do một thanh niên Phật Tử 25 tuổi phóng lên.

Bản tin AP cũng cho biết bạo động tại Bangladesh cũng bắt nguồn từ nguyên nhân xa hơn trước đó một tháng khi cuốn phim về Giáo Chủ Hồi Giáo do một người Mỹ tự làm và phóng lên mạng đã khiến cho cộng đồng người Hồi Giáo trên thế giới phản nộ, biểu tình chống đối khắp nơi.

Cộng đồng Phật Giáo tại Bangladesh chỉ chiếm 1% trong tổng dân số hơn 160 triệu người Bangladesh.



Nữ Phật Tử Park Geun-hye Làm Tổng Thống Nam Hàn

Nói về tin vui thì vào gần cuối năm 2012, Cộng đồng Phật Giáo thế giới đã nhận được tin hoan hỷ đó là một nữ Phật tử đắc cử Tổng Thống Nam Hàn đánh dấu lịch sử về một người phụ nữ lên vị thế lãnh đạo hàng đầu của đất nước này.

Tân Tổng Thống Nam Hàn Park Geun-hye năm nay 60 tuổi là con của Cựu Tổng Thống Nam Hàn Park Chung-hee.



Như vậy, Nam Hàn đã có 2 vị Phật tử đóng các vai trò lãnh đạo hàng đầu của thế giới và quốc gia. Đó là đương kim Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon và Tân Tổng Thống Nam Hàn Park Geun-hye.

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu Viên Tịch



Quay về cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tin nổi bật và làm cho tất cả Tăng, Ni và Phật tử trong và ngoài nước đều bàng hoàng xúc động, đó là tin Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu viên tịch vào sáng ngày 01 tháng 9 năm 2012 tại Thiền Viện Vạn Hạnh, Sài Gòn, Việt Nam, trụ thế 95 tuổi.

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu sinh năm 1918 tại Quảng Nam, xuất gia năm 1946 tại Chùa

Tường Vân, Huế, với Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ Nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu du học Ấn Độ từ năm 1952 và tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Nalanda vào năm 1961. Sau đó ngài về Việt Nam góp phần xây dựng và phát triển Phật Giáo và đất nước. Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh là vị Viện Trưởng duy nhất của Viện Đại Học Vạn Hạnh tại Sài Gòn. Ngài cũng là vị Tăng Sĩ đầu tiên phiên dịch toàn bộ các bộ Kinh Nikaya từ tiếng Pali sang tiếng Việt.

Sự ra đi của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu là một mất mát lớn lao đối với không những Tăng Tín đồ Phật Giáo Việt Nam mà còn cho cả dân tộc Việt Nam nữa vì những đóng góp to lớn của ngài cho nền văn hóa, giáo dục của nước nhà.

Hội Từ Tế Cứu Trợ Nạn Nhân Bão Sandy

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2012, bão Sandy đã tràn vào các tiểu bang miền Đông Bắc Hoa Kỳ, mà nặng nề nhất là 2 tiểu bang New York và New Jersey, với hàng chục người thiệt mạng, hàng trăm ngàn người lâm cảnh màn trời chiếu đất, và hàng triệu người bị ảnh hưởng khó khăn.



Chính vì vậy, Hội Từ Tế của Ni Trưởng Chứng Nghiêm đã tham gia vào công tác cứu trợ nạn nhân bão Sandy từ ngày 29 tháng 10 đến ngày 18 tháng 11 năm 2012. Hàng trăm thiện nguyện viên của Hội Từ Tế từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ và 17 quốc gia

khác đã đến các nơi bị bão Sandy tàn phá để hỗ trợ. Trong đợt cứu trợ này, Hội Từ Tế đã cấp phát cho mỗi gia đình 600 đồ la dưới dạng thẻ tín dụng để mua sắm đồ đạc cho khoảng 10,000 gia đình nạn nhân. Ngoài ra Hội còn nấu tại chỗ và chu cấp khoảng 8,000 phần ăn cho những nạn nhân đói rét.

Được biết, Hội Từ Tế do Ni Trưởng Chứng Nghiêm sáng lập vào ngày 14 tháng 5 năm 1966 theo lời dạy của Hòa Thượng Ấn Thuận để đem từ bi của Đạo Phật cứu tế chúng sinh. Hiện nay, Hội có khoảng 10 triệu thiện nguyện viên hợp tác và có trụ sở tại 47 quốc gia trên toàn thế giới.

Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 6 của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại tổ chức tại Úc Châu

Trong các ngày 16, 17, và 18 tháng 11 năm 2012, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đã tổ chức Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 6 tại Chùa Pháp Hoa, miền Nam nước Úc, do Hòa Thượng Thích Như Huệ làm Viện Chủ.

Ngày Về Nguồn lần thứ 6 đã quy tụ hàng trăm Tăng, Ni và Phật tử đến từ khắp các tiểu bang Úc Châu và từ Âu Châu, Hoa Kỳ, và Canada.

Được biết đây Ngày Về Nguồn là sinh hoạt của Tăng Đoàn Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại do Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại khởi xướng vào tháng 01 năm 2007 và lần đầu tiên được tổ chức tại Chùa Pháp Vân, Canada với sự vân tập của gần 100 Tăng, Ni trên toàn thế giới. Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư là ngày hội ngộ của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại nhằm tưởng niệm ân đức sâu dày của đức Phật và lịch đại tổ sư, đồng thời cũng là cơ hội để Tăng, Ni ngồi lại trao đổi kinh nghiệm hành đạo và hoằng pháp, cũng như siết chặt đạo tình Linh Sơn cốt nhục.

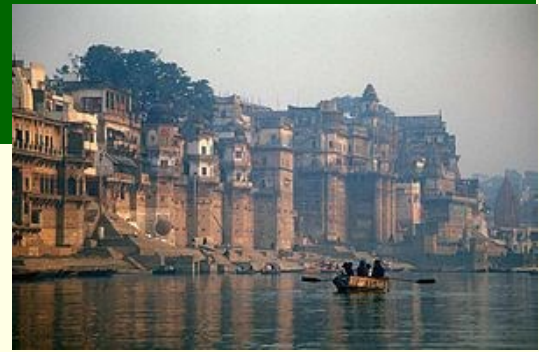


Tất nhiên, trong năm vừa qua, không chỉ có chừng ấy sự kiện xảy ra cho Phật Giáo thế giới cũng như Phật Giáo Việt Nam, nhưng đó là những sự kiện nổi bật tiêu biểu nhất mà tất cả Tăng, Ni và Phật tử khắp nơi cũng đều biết đến. Các sự kiện khác dù lớn nhưng có tính thường lệ như Đại Lễ Vesak tại Liên Hiệp Quốc, hay đại hội Phật Giáo Thế Giới tại Tích Lan, v.v.. nên người viết không nêu ra để cống hiến cho bạn đọc. Nếu có điều gì thiếu sót, xin bạn đọc lượng tình bỏ qua.

Kính chúc bạn đọc một năm Quý Tị vô lượng an lạc.

Đêm nghe sông Hằng hát

TRẦN TRUNG ĐẠO



Khi chiếc ghe đưa chúng tôi trở lại Ghat thiếu người, khoảng mười giờ tối, xác người đàn bà quần vải trắng không còn nằm trên bờ sông nữa. Bà có thể vừa hay đang được hỏa thiêu. Giàn hỏa là một lò lửa thấp chắt đầy những thanh củi lớn, khi đó đang bốc lửa đỏ rực. Tôi không biết chính xác Ghat này tên gì nhưng vì Ghat nhỏ và cách Dashashwamedh Ghat chỉ vài phút chèo ghe nên đoán là Harishchandra Ghat, một trong hai Ghat hỏa thiêu.

Ghat theo tiếng Hindi có nghĩa là những bậc thang cấp. Mặc dù danh từ này được dùng chỉ những bậc thang cấp ở nhiều nơi khác nhưng khi nghe đến Ghat người ta thường nghĩ ngay đến những bậc cấp đi xuống sông Hằng nổi tiếng ở Varanasi. Hãy nghĩ Ghat như là những bến sông, nơi có người và ghe thuyền tập trung, cho dễ hiểu. Có tất cả 84 Ghat lớn nhỏ dọc đoạn sông dài khoảng 5 dặm. Những Ghat được nhắc nhở nhiều trong sinh hoạt tôn giáo và văn học Ấn Độ gồm có Dasaswamedh Ghat nơi được tin rằng tại đó Lord Brahma đã đón mừng Lord Shiva trở lại thế gian; Tulsi Ghat gắn liền với tên tuổi của thi hào Ấn Độ Tulsidas, tác giả của trường thi Ramcharitmanas; Bhadaini Ghat biểu tượng của ánh sáng mặt trời; Assi Ghat có nhiều sinh hoạt rất sống động; Panchkoat Ghat do vua Madhya Pradesh xây; Man Mandir Ghat là nơi có các chùa Hindu thiêng liêng như Sthuladanta Vinayaka, Rameshwara và Someshwara.

Nhớ lại buổi chiều khi ghe chúng tôi được chèo ngang qua Harishchandra Ghat thiêu xác này, vợ tôi khẽ nhắc có một xác người, có thể là đàn bà, đang được đặt sát mặt nước sông Hằng. Tôi nhìn kỹ, xác bà được bao bọc kín thật chặt bằng vải trắng ngoại trừ khuôn mặt xanh xao. Bà đã được làm lễ tắm nước sông Hằng hay đang chuẩn bị để làm trước khi được hỏa thiêu. Tôi hỏi người chèo ghe có thể chụp hình. Anh ta trả lời không sao. Nhìn qua ống kính, khuôn mặt người chết xanh xao hiện ra rất

rõ. Tôi định bấm, nhưng kịp dừng tay vì cảm thấy xúc phạm hương linh người chết. Cái chết và sự sống không bao giờ là một trò chơi, không bao giờ là một nghệ thuật. Tôi đặt máy xuống, một lời cầu nguyện âm thầm theo lễ nghi Phật Giáo dâng trong lòng.

Khi chúng tôi trở lại, dưới chân Harishchandra Ghat chỉ còn hai giàn lửa. Để giữ sự trang nghiêm, lần này, tôi chụp một tấm hình không dùng đèn từ khoảng cách khá xa. Bên cạnh hai giàn lửa là một thầy tế lễ Hindu đứng trên một bục cao chừng mười mét tính từ bờ sông. Thầy tế lễ đắp y màu đỏ viền vàng dài đến gối, hai tay cầm một ngọn đèn lớn và từng bước quay tròn trong điệu múa nhịp nhàng. Thầy đang làm lễ. Lời kinh vang trên mặt sông rộng theo gió đưa xa. Giọng thầy trầm bổng như đang hát một bài hát tiễn đưa hương hồn những người ra đi hay cũng có thể đang chào đón những người đang đến trong hành trình vô thủy vô chung. Bên bờ sông Hằng, không có giàn âm thanh nhưng tiếng tụng kinh của thầy rất lớn làm chúng tôi tưởng chừng như đang phát ra từ một máy phát thanh khá mạnh. Hàng trăm chiếc ghe đang trở về nhiều Ghat khác nhau sau khi dự lễ Ganga Aarti ở Dashashwamedh Ghat nhưng ngoại trừ nhịp chèo ghe rất nhẹ làm xô động mặt nước sông Hằng, tất cả đều im lặng.

Chung quanh hai giàn hỏa, khá nhiều thân bằng quyến thuộc của những người chết. Tuyệt nhiên không nghe tiếng khóc. Tôi đọc đâu đó rằng trẻ em và phụ nữ không được tham dự tang lễ để tránh khóc lóc làm nặng thêm hành trình của người ra đi. Đời sống trên sông Hằng, có thể từ nhiều ngàn năm vẫn diễn ra như thế. Một đời sống thuần túy tinh thần, dâng hiến trọn vẹn. Sống và chết, mất và còn, đến và đi đều diễn ra và kết thúc tại nơi đây. Những câu chuyện, những tin tức về chiến tranh, hòa bình, tranh chấp, quyền lực, danh lợi có lẽ không

ảnh hưởng gì đến những người dân Ấn sống dọc sông Hằng. Không hỏi ai nhưng nhìn qua cách sống, tôi biết họ hoàn toàn không quan tâm đến việc cách đó vài hôm một trái bom nổ, được tin là do tình báo Iran đặt, ở thủ đô New Dehli làm bị thương trầm trọng một nhà ngoại giao Do Thái. Tôi quan tâm chỉ vì biến cố có thể ảnh hưởng đến việc đi lại của tôi trong thời gian ở Ấn. Đa số người dân ở đây có thể suốt đời không đi xa. Không có một định nghĩa nào về quê hương mang ý nghĩa trọn vẹn hơn ở đây. Quê hương là thánh tích, là nơi sinh ra và là nơi để chết. Đúng như một nhà báo viết, nếu ai muốn có một đời sống bên ngoài thế giới, hãy đến sông Hằng ở Varanasi.

Varanasi, còn có tên gọi là Benares hay Banaras, nằm bên bờ sông Hằng, thuộc tiểu bang Uttar Pradesh, được xem là thành phố thánh của Phật Giáo, Jains Giáo và là thánh nhất của Hindu. Vị trí của Varanasi của Hindu tương tự như Jerusalem của Thiên Chúa Giáo hay Mecca của Hồi Giáo. Theo truyền thuyết, Varanasi do chính Lord Shiva thành lập từ muôn thuở trước. Đối với tín đồ Hindu, bất kể thuộc tông phái nào Varanasi là "thủ đô tinh thần" của họ, là nơi được tin rằng nếu họ chết ở đó, sẽ thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi và được an nghỉ mãi mãi nơi thiên đường. Về mặt văn minh nhân loại được các sử gia đồng ý, với hơn ba ngàn năm lịch sử, Varanasi là một trong những thành phố cổ nhất không phải chỉ Ấn Độ mà cả thế giới có người sống liên tục qua các thời đại. Mark Twain trong tác phẩm Theo đường xích đạo (Following the Equator) xuất bản năm 1898 đã viết "Benaras (Veranasi) là thành phố cổ hơn lịch sử, cổ hơn truyền thống, cổ hơn cả huyền thoại, và trông già hơn tất cả những điều vừa nêu cộng lại nhau".

Chúng tôi khởi hành chuyến đi Varanasi từ Bangalore, một trong những thành phố trù phú nhất ở miền nam Ấn Độ. Sau khi hạ cánh xuống phi trường New Dheli, chúng tôi tìm công để đổi

chuyến bay đi Varanasi. Trên bàn thông tin ghi rõ chuyến bay, giờ giấc nhưng không có ai ngồi trong dãy ghế chờ mặc dù đại diện hãng máy bay xác định sẽ có chuyến bay, chỉ trễ ba mươi phút. Thỉnh thoảng có một vài người Ấn thuộc giáo phái Sikh đến. Họ ăn mặc khác lạ so với những người Ấn miền nam. Tóc họ búi cao, đội khăn đen quấn cao trên đầu và để râu dài tới ngực. Họ liếc mắt qua chỗ chúng tôi ngồi nhưng không trao đổi một nụ cười hay một lời chào xã giao quen thuộc như ở Mỹ. Tuy không nói ra nhưng trong bụng tôi cũng cảm thấy hơi lo. Không biết thành phố và người dân Varanasi sẽ chào đón chúng tôi như thế nào đây. May thay, khoảng nửa giờ sau, nhiều đoàn du khách lần lượt đến. Mỗi đoàn khoảng hơn chục người do một hướng dẫn viên điều hợp. Du khách phần đông là người Mỹ hay châu Âu và một số ít người Nhật. Tôi chỉ cầu mong có một thượng tọa, đại đức nào đó dắt đệ tử qua đây để chúng tôi nhập vào đi chung nhưng không thấy có đoàn hành hương người Việt nào. Rất ít khách địa phương, có lẽ vì đa số chọn đi bằng xe lửa với giá rẻ hơn nhiều. Phần lớn các đoàn du khách ngồi tập trung từng nhóm và hành lý cũng để chung, chỉ gia đình chúng tôi ngồi riêng một góc. Dù cảm thấy lạc loài nhưng cũng tự an ủi, ít ra chúng tôi không phải là những người duy nhất đi thăm Varanasi.

Chúng tôi đến Varanasi vào sau trưa. Vừa nhận hành lý xong, nhìn ra đường, một tài xế của công ty du lịch địa phương do văn phòng đại diện Ấn Độ của hãng tôi sắp xếp dùm đang đưa cao bảng tên có chữ "Mr. Tran". Biết đó là tôi nên cảm thấy yên tâm. Anh ta vui vẻ bắt tay như gặp lại cố tri và hằng hải đưa hành lý lên

xe. Anh chàng tài xế là một người trẻ với khả năng tiếng Anh đủ để trao đổi những điều cần thiết. Đặc điểm chung của các tài xế Ấn là lịch thiệp và tận tụy. Họ có mặt tại khách sạn bất cứ khi nào chúng tôi gọi và chỉ về nhà ngủ sau khi biết chắc là chúng tôi không đi đâu nữa trong ngày. Không phải chỉ vì bản tánh nhu hòa hay khả năng chuyên nghiệp cao nhưng quan trọng hơn vì lợi tức chính của họ là tiền thưởng của khách. Lương của một tài xế ở Ấn rất thấp. Và đương nhiên, muốn có tiền thưởng nhiều phải phục vụ tốt.

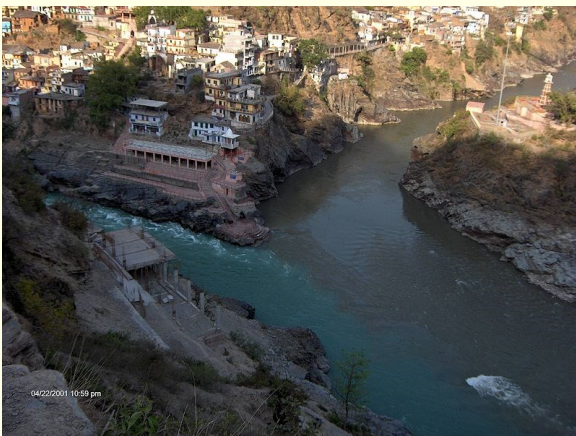
Phi trường Varanasi rất mới và trang bị đầy đủ như một phi trường địa phương ở Mỹ. Đoạn đường từ phi trường về thành phố chỉ dài khoảng 15 dặm nhưng phải cần 40 phút lái xe vì đường xấu, hẹp, chật chội, rất nhiều bỏ thả bộ an nhàn trên phố và quá nhiều xe cộ đủ loại chen chúc nhau. Đúng như lời bạn tôi cảnh giác, thành phố Varanasi quá nghèo nàn với những căn nhà lụp xụp dọc bên đường và cuộc sống người dân vô cùng lam lũ. Tôi chợt nghĩ, bây giờ còn như vậy, hai ngàn năm trăm năm trước, khi đức Phật đến đây giảng pháp lần đầu, xứ này còn nghèo nàn đến mức nào. Ngày đó, vài tuần sau khi Thành Đạo, chưa có tăng đoàn, chưa có một đệ tử nào, đức Phật đã phải vừa khất thực để sống, đêm ngủ dọc đường, ngày một mình đi bộ trên đoạn đường đầy gai góc dài hơn hai trăm cây số từ Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) ở Gaya đến Vườn Lộc Uyển (Sarnath) gần Varanasi.

Tại sao đức Phật đến khu vực này mà không đi nơi khác? Nhiều người đặt ra câu hỏi đó nhưng không có câu trả lời nào thỏa đáng ngoài việc vào năm trăm năm trước công nguyên Varanasi đã là một trung tâm văn hóa lớn của Ấn Độ. Trong mảnh da thịt mong manh của đức Cồ Đàm chứa đựng một trí tuệ vượt không gian và thời gian, để lại cho muôn đời những lời khuyên nhẹ nhàng như lời ru và cần thiết như hơi thở. Đối với tôi, đức Phật trước hết là một nhà đại giáo dục. Tôi đọc những bài kinh, những bài pháp không phải để giải thích niềm tin tôn giáo huyền bí, không phải để cầu ơn phước và sau khi chết sẽ được sinh ở cõi an lạc nào nhưng để lắng nghe những lời dẫn dắt từ một bậc thầy lớn của nhân loại

và cố gắng áp dụng vào đời sống hôm nay, ngay tại cõi ta bà ở trước này. Câu "Thập đước lên mà đi" đức Phật giảng trong những ngày cuối của hành trình ngài đi trên thế gian, không chỉ đúng với một Phật tử nhưng với tất cả, từ mỗi con người cho đến toàn dân tộc. Không ai cứu mình nếu chính mình không tự cứu. Ngồi trong xe, tôi hồi hộp khi nghĩ đến ngày mai, sẽ đến thăm Sarnath, nơi nền tảng của đạo Phật với Chuyển Pháp Luân, Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo được xây dựng lần đầu, nơi năm anh em ông Kiều Trần Như gặp lại người bạn tu đã là Như Lai. Ngày mới phát nguyện vào Gia Đình Phật Tử, nghe các anh chị trưởng kể chuyện Vườn Lộc Uyển như nghe chuyện cổ tích thuộc vào một cõi nào đó xa xôi, không nằm trong thế giới này và sẽ không bao giờ đến được. Tôi hẹn với chính mình như hẹn với cậu bé mồ côi quét lá đa ở chùa Viên Giác ngày xưa "Ngày mai mình sẽ đến thăm Vườn Lộc Uyển".

Việc chọn lựa khách sạn ở Varanasi cũng là một chọn lựa khó khăn. Phần lớn khách sạn tương đối đầy đủ tiện nghi đều nằm trong phố, cách sông Hằng hai chục phút lái xe. Sát bên bờ sông chỉ có những nhà khách nhỏ. Để có thể nhìn chiều xuống và mặt trời lên trên sông Hằng, tôi quyết định mượn một phòng của một nhà khách đơn sơ cách Assi Ghat khoảng chừng hai trăm mét. Tôi chọn Assi Ghat vì theo ý kiến chung trên các diễn đàn du lịch Ấn đây là Ghat sạch sẽ, ít hỗn tạp. Cô con gái út của tôi, dù được cảnh báo trước nhiều lần, đã thật thất vọng khi bước vào phòng. Cô bé bảo khách sạn này phải được xếp vào hạng "không sao" mới đúng. Trước sân và sau khách sạn là những chuồng bò. Ổ khóa phòng là ổ khóa sắt ở Việt Nam hay dùng để khóa những chiếc rương lớn ngày xưa. Dù sao, sau khi mở quạt để xua đi bầu muối và làm quen với hoàn cảnh mới, chúng tôi đi thăm một số chùa Hindu.

Chùa Hindu ở Varanasi nhiều đến nỗi không phải đi xa mà chỉ cần bước sang một góc đường nào đó cũng gặp một ngôi chùa. Con gái út tôi thích nhất là Durga Temple, còn được gọi là Chùa Khỉ (Monkey Temple). Trong sân chùa nuôi rất nhiều khỉ. Sau chùa, từng bày khỉ đu ngang dọc trên cây. Tôi hỏi người tài xế tại sao ở đây nuôi quá nhiều khỉ. Anh chàng cũng thuộc trường phái huề vốn



nên trả lời bởi vì đây là Chùa Khi. Người tài xế đưa chúng tôi vào chùa Kashi Vishwanath làm lễ cầu an. Vị thầy tế lễ hỏi tên từng người, sau đó tay cầm một khay hoa quả vào chánh điện tụng một hồi kinh ngắn. Giọng ông trầm bổng và rất hùng hồn. Khi bước ra, thầy tế lễ chấm vào giữa trán mỗi chúng tôi một chấm đỏ. Người tài xế đáp lễ theo cách Hindu, còn gia đình tôi lần lượt chấp tay hướng vào chánh điện vái ba vái theo nghi lễ Phật Giáo và cảm ơn thầy. Chúng tôi không quên đặt vào khay một số tiền cúng dường. Thầy mỉm cười hài lòng và cùng chúng tôi chụp hình kỷ niệm. Chúng tôi tạm biệt thầy để đi thăm vài chùa khác trước khi ra sông Hằng.

Đoạn đường từ dãy phố cuối cùng dẫn ra sông Hằng là một đoạn đường hiểm hóc và nếu không có người hướng dẫn sẽ không thể nào đi được. Đó là một con hẻm rất dài và hẹp, băng qua những tiệm ăn, những đồng gạch vụn, những mái nhà chấp nối tồi tàn. Trên đường đi, chúng tôi gặp nhiều tu sĩ Hindu ngồi dọc hai bên hẻm. Có người thiền định, có người đọc sách, có người chỉ ngồi nhìn khách du lịch đi qua. Trên khuôn mặt họ, ngoài chấm đỏ lớn giữa hai mắt còn có nhiều vết sơn ngang dọc. Có người ở trần ngực sơn đủ màu và cũng có người ăn mặc rất kín đáo. Sau khoảng 15 phút vượt qua nhiều đoạn quanh co, người tài xế nhắc lớn, chúng ta đã đến Ghat và sông Hằng. Tôi nhìn xuống, đúng vậy, trước mặt chúng tôi là bậc thang cấp dẫn xuống sông Hằng huyền bí.

Tôi đã làm quen với sông Hằng qua những phim tài liệu và sưu tập nhiều hình ảnh trước ngày đi Varanasi nhưng khi đứng trước sông Hằng tôi vẫn cảm thấy xúc động trong lòng. Tôi đặt tay xuống dòng nước mát như để làm dấu lần chỉ tay, chứng minh cho một mơ ước tuổi thơ vừa thành sự thật. Tôi mơ đến nơi này từ những ngày còn tập hát những bài hát về những nhánh sông tách ra từ đây như Ni Liên Thuỷ và A Nô Ma. Trong số mười con sông lớn nhất của thế giới, không một dòng sông nào chứa đựng nhiều huyền bí hơn sông Hằng. Chỉ riêng trong văn học Sankarit, sông Hằng đã có 108 tên gọi khác nhau. Sông Hằng là nguồn cảm hứng cho vô số thơ ca nhạc họa Ấn Độ. Những câu chuyện về dòng sông dài 1560 dặm từ Hy Mã Lạp Sơn đến vịnh Bengal này

không bao giờ kể hết. Rabindranath Tagore từng ví sông Hằng như bạn đồng hành trong thi ca của ông và cũng là nơi ông đã dành nhiều thời gian gần gũi. Tôi chợt nhớ đến một nhà thơ Việt Nam, Vũ Hoàng Chương, cũng viết về dòng sông này trong bài thơ Lửa Từ Bi "Nam mô Đức Phật Di Đà, Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?" Về mặt tôn giáo, không cần phải giải thích nhiều, đây là giòng sông thánh nhất của Hindu qua những kinh truyện về Lord Shiva. Bản thân của sông thôi cũng đã là một vị thánh, thánh Ganga, để được tôn thờ. Nhưng nếu chỉ là giòng sông bình thường thôi, đây sẽ là nơi không nên đến. Bờ sông đầy rác rến. Mức độ ô nhiễm của sông Hằng trầm trọng gấp ba ngàn lần so với tiêu chuẩn do Tổ Chức Y Tế Quốc Tế Liên Hiệp Quốc (WHO) đưa ra.

Người tài xế đã tìm được ghe. Chúng tôi bước xuống để được đưa ra sông đi dự lễ Ganga Fire Aarti dưới chân Dasaswamedh Ghat. Lễ Ganga Fire Aarti (dâng ánh sáng) do các tu sĩ Hindu tông phái Brahmin thực hiện kéo dài khoảng gần một giờ. Đối với du khách, đây là tiết mục hấp dẫn nhất, màu sắc nhất trong ngày. Tôi quay một đoạn phim và chụp khá nhiều hình. Vợ tôi mua ba cây đèn nhỏ gắn trên bông sen giống như đèn phóng sinh ở Việt Nam để con gái út thả xuống dòng nước. Cô út thả đèn ba lần, hai lần thay mặt cho anh chị đang đi học xa và một cho chính cô út.

Người chèo ghe cho chúng tôi là một cậu bé khoảng 14 tuổi. Có lẽ theo nghề khá lâu và tuổi còn nhỏ nên cách phát âm tiếng Anh của cậu còn tự nhiên hơn cả người tài xế. Nếu tính theo Mỹ kim, mỗi ngày trung bình cậu bé làm được chỉ hơn 1 đô la. Khi tôi hỏi tại sao lương ít quá vì chúng tôi phải trả cho chủ ghe gần 20 đô la. Cậu bé trả lời rằng cậu chỉ chèo ghe vào buổi tối thôi, ban ngày còn phải lo đi học. Tôi rất mừng khi biết cậu bé lo học nên trước khi trả tiền cho chủ ghe đang đứng đợi trên bờ, tôi cúi vào tay cậu bé số tiền thưởng bằng lương cậu bé làm vài tuần



lễ. Lễ xong, chúng tôi theo thuyền về Ghat cũ. Cho đến bây giờ tôi cũng không biết Ghat cũ đó tên gì nhưng chỉ nhớ đã đi ngang qua Ghat thiếu xác như đã viết ở phần trên.

Trời đã khuya. Khách du lịch đã về khách sạn. Không phải vì giới nghiêm nhưng không có lý do gì ở lại. Chúng tôi ghé một tiệm chay của người Nepal mua ít đồ ăn tối trước khi chia tay người tài xế. Phòng ngủ của gia đình tôi hướng ra sông. Bầy muỗi vo ve làm tôi không ngủ được nhưng không biết đi đâu. Ở đây không có quán cà phê, không có internet. Ngọn lửa thiêu xác chắc cũng đã tàn. Đêm thật vắng, không một bóng người qua lại nhưng trong mơ màng tôi nghe lời kinh như khúc hát ngàn xưa vẫn còn vọng lại từ sông Hằng huyền bí.

Khoảng gần sáu giờ sáng, tôi một mình xách máy chụp hình đi bộ ra Assi Ghat. Mặt trời vừa xuất hiện bên kia bờ sông rộng. Sông Hằng thật êm đềm. Xa xa một chiếc ghe nhỏ chở du khách đang xuôi mái chèo về hướng bắc. Trên bệ đá bên bờ sông, hai nhạc sĩ trẻ đang ngồi. Người nam đánh đàn và người nữ gõ trống. Cây đàn rất quen nhưng tôi không nhớ tên. Hôm sau, khi gửi tấm hình lên Facebook, anh Hữu Việt nhắn cho biết đó là đàn Sitar, một nhạc cụ quen thuộc của Ấn Độ.

Hai nhạc sĩ trẻ, không rõ là người Nhật hay Nam Hàn, có vẻ là tình nhân đang chào đón mặt trời lên trên sông Hằng bằng âm nhạc. Người thanh niên khi đàn xong một bản nhạc choàng tay vượt nhẹ lưng người con gái như vỗ về và khuyến khích. Không có một động tác âu yếm nào khác và thậm chí không cả nhìn nhau nhưng tâm hồn họ hẳn đang

quyện tròn vào nhau như những giọt nước trên sông Hằng không thể phân ly đang trôi trước mắt. Nếu ai muốn biết chiều sâu của thung lũng tình yêu, trên thế gian này, có lẽ chỉ hai bạn trẻ này là những người duy nhất có thể trả lời.

Một khoảng cách không xa phía sau, một người đàn ông Ấn tuổi trung niên đang ngồi lắng nghe. Ông cũng là người hạnh phúc. Tôi ngồi xuống phía xa hơn và chợt nghe trong lòng dâng lên một niềm vui rất lạ. Chúng tôi không trao nhau một ánh mắt, một nụ cười hay một lời chào buổi sáng nhưng sợi dây nhân duyên vô hình giữa người và người đã nối chúng tôi chung tại điểm hẹn này. Lát nữa đây, khoảng không gian này sẽ biến mất và thời gian sẽ trôi theo sông không trở lại nhưng khoảnh khắc diệu kỳ này sẽ sống mãi trong tâm hồn mỗi chúng tôi.

Mặt trời vàng rực rỡ đang lên cao dần. Chợt nhớ sắp đến giờ ra đi, tôi đứng dậy đi chụp thêm một ít ảnh sinh hoạt bên sông Hằng buổi sáng. Phía dưới sông nhiều người dân Ấn mộ đạo đang gột rửa bụi trần bằng nước sông Hằng để đón sự trong sạch đến với tinh thần họ. Du khách từ trong phố bắt đầu lang thang tìm ghe để được đưa đi thưởng ngoạn sông Hằng mặt trời lên. Một ngày mới nhộn nhịp lại bắt đầu ở Varanasi.

Khoảng nửa giờ sau, tôi trở lại Assi Ghat, cặp tình nhân nhạc sĩ trẻ kia vẫn còn đó và khán giả duy nhất của họ vẫn còn đó. Tiếng đàn Sitar và tiếng trống Tabla tiếp tục vang lên trên sông Hằng. Nhưng trễ rồi và tôi phải ra đi. Nhìn ra sông Hằng, tôi thầm nói lời tạm biệt.

*Và một ngày tôi sẽ trở lại thăm
Sông Hằng Varanasi
Có thể không còn là con người
xương thịt như hôm nay
Mà chỉ là giọt nước
Từ mây trời phương tây xa xôi
Hãy đón giọt nước như đón tôi
hôm nay
Hãy cho tôi cùng chảy với sông
Trong tiếng đàn Sitar và tiếng
trống Tabla
Trong một đêm huyền diệu
Trong buổi sáng lặng yên
Tạm biệt sông Hằng
Tạm biệt Varanasi.*

Trần Trung Đạo

Đêm huyền mộng

*Em đến...
Vào một đêm rất trẻ
Để thỉnh cầu một nghi lễ hoá thân
Với chút ngại ngùng,
Bối rối...
Phân vân...
trước lời thỉnh cầu Em
gần như hoang tưởng...*

*Bồ Đề Tâm
Tôi biết,
Cần luôn trưởng dưỡng
Nhưng lời thỉnh cầu khó hơn nhảy xuống vực sâu..
Đêm qua mau,
Tư tưởng vẫn nát nhàu,
Đầu sào trăm trượng
cần phải bước thêm bước nữa (*)*

*Lời đã hứa
chợt sáng...
ở đây cùng vực sâu tâm thức
Từ một kiếp xa xưa
tựa như thời cổ tích hoang sơ*

*Khuôn mặt Em ngây thơ
Giọt châu tinh khiết của Ngài Tara
chảy ra từ khoé mắt,
Niềm xúc cảm run lên từng khoảng khắc...
Trong thời khắc mơ hồ
giữa Đêm chuyển sang Ngày,
Mùi hương nào thơm ngát đầy pháp giới...*

*Mộng và Thực không còn viên ranh giới
Thì xá chi một đêm huyền mộng hoang vu...*

CHIỀU HOÀNG

(*) Công án Thiền môn



thơ

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

Chương 4 Năm giới

Những tôn giáo khác rút ra được những điều đúng và sai từ những lời dạy của Thượng Đế hay đấng giáo chủ của họ. Bạn là Phật tử không tin vào Thượng Đế thì làm sao biết được đâu là đúng và đâu là sai?

Bất cứ ý nghĩ, lời nói hay hành động nào bắt nguồn từ tham lam, sân hận và si mê đều là xấu và đẩy chúng ta ra xa với Niết bàn và bất luận ý nghĩ, lời nói hay hành động nào phát xuất từ bố thí, thương yêu và trí tuệ thì đều rõ ràng là tốt và đưa ta đến Niết bàn.

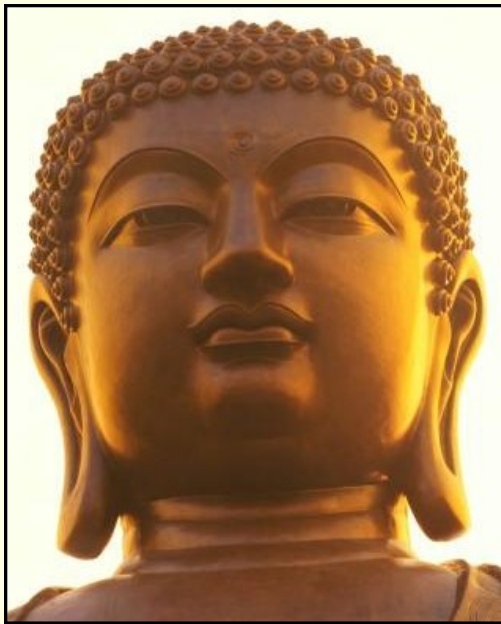
Để biết được cái gì là đúng và cái gì là sai, chính bạn phải phát triển cái nhận thức và chánh kiến của mình, và đạo đức phải được đặt trên sự hiểu biết, luôn luôn mạnh hơn những gì chúng ta tuân theo một lời phán quyết.

Trong các tôn giáo lấy Thượng đế làm tâm điểm để nhận biết cái nào tốt cái nào không tốt, tất cả cần phải làm theo lời răn dạy. Nhưng Phật giáo lấy con người làm tâm điểm để biết điều đúng hoặc sai, bạn phải tự phát huy sự tỉnh giác và hiểu biết một cách sâu rộng. Và đạo đức được dựa trên sự hiểu biết thì luôn mạnh mẽ hơn là đáp ứng theo một mệnh lệnh.

Như thế muốn biết đúng sai, người Phật tử nên xem xét ba điều: ý định, tác dụng và hành động sẽ ảnh hưởng đến ta và người khác. Nếu ý định tốt (phát xuất từ lòng thương, bố thí và trí tuệ) sẽ giúp cho chính mình (có lòng từ bi hơn, bố thí nhiều hơn, không ngạo nhiều hơn) và cho cả người khác (giúp họ phát triển tâm bố thí nhiều hơn, yêu thương nhiều hơn và khôn ngoan nhiều hơn), việc làm và hành động đó được xem là thiện nghiệp, tốt và đạo đức. Cổ nhiên, có nhiều sự khác nhau trong vấn đề này. Có lúc ta hành động với ý tưởng tốt nhưng nó có thể không mang lại lợi ích cho chính mình và cho người chung quanh. Đôi khi ý định của ta không tốt nhưng hành động của ta lại giúp kẻ khác. Thỉnh thoảng ta hành động theo ý nghĩ tốt và có lợi ích cho ta nhưng có lẽ nó là nguyên nhân gây ra khổ đau cho người khác. Trong những trường hợp như thế, những hành động của ta đã lẫn lộn giữa những cái tốt và cái xấu. Khi những ý nghĩ xấu và hành động đó hoặc giúp cho chính ta hoặc giúp cho kẻ khác, hành động như vậy là sai. Và khi nào ý định của ta tốt và hành động của ta có lợi ích cho cả ta và người khác, thì hành động đó hoàn toàn đúng.

Vậy, Phật giáo có nguyên tắc đạo đức nào không?

Có, đó là năm giới. Năm giới này là căn bản của đạo đức Phật giáo. Giới thứ nhất là không chém giết hay sát hại mọi chúng sanh. Giới thứ hai là không trộm cắp. Giới thứ ba là không tà dâm. Giới thứ tư là không nói dối và giới thứ năm là không uống rượu và các chất làm say người.



Nhưng chắc chắn có lúc sát hại là điều tốt. Chẳng hạn sát hại những vi trùng gây bệnh hoặc một ai đó muốn giết bạn?

Điều đó có thể là tốt cho bạn. Nhưng đối với vật và người bị giết thì sao? Tất cả đều ham sống như bạn. Khi bạn quyết định giết một sinh vật gây bệnh, ý định của bạn có lẽ được đan xen giữa sự quan tâm chính bạn (tốt) và sự lây bệnh (xấu). Hành động đó sẽ có ích cho chính bạn (tốt) nhưng rõ ràng nó sẽ làm hại con vật kia (xấu). Vì thế, trong lúc giết hại có thể là điều cần làm, nhưng hoàn toàn không được xem là điều tốt.

Là Phật tử, sao bạn quá quan tâm đến côn trùng như kiến và sâu bọ?

Người Phật tử cố gắng phát huy lòng từ bi mà không có sự phân

biệt và tất cả đều như nhau. Họ thấy rằng thế giới này là một thể thống nhất, nơi mà mọi người, mọi loài đều nương vào nhau để sinh sống. Người Phật tử tin rằng trước khi chúng ta muốn hủy diệt hay muốn đảo lộn mọi sự cân bằng tinh tế và trật tự của thiên nhiên, chúng ta phải cẩn thận. Thử nhìn xem vào những quốc gia đã mạnh mẽ khai phá thiên nhiên, cho đến lúc đó không còn có cơ hội để phục hồi được nữa, họ đã xâm chiếm và tàn phá chúng. Thiên nhiên bị đảo lộn. Bầu không khí bị nhiễm độc, sông ngòi trở nên ô nhiễm và khô chết, có quá nhiều loài thú bị tuyệt chủng, núi rừng bị trơ trọi và xói mòn. Thậm chí khí hậu cũng bị thay đổi. Nếu con người có một chút ưu tư về sự tàn phá, hủy hoại và chém giết thì sự khủng hoảng này sẽ không gia tăng. Và chúng ta nên cố gắng phát triển tinh thần tôn trọng giá trị của sự sống. Đó là những gì mà giới cấm thứ nhất đã đề cập.

Giới thứ ba nói đến việc tránh tà dâm. Vậy, tà dâm là gì?

Nếu chúng ta dùng thủ đoạn gian trá, đe dọa, hay ép buộc một người khác quan hệ tình dục với mình, hành vi ấy gọi là tà dâm. Ngoại tình cũng là một hình thức tà dâm, vì khi chúng ta cưới nhau có

hứa rằng sẽ chung thủy với nhau, nhưng khi ta phạm phải tội tà dâm thì chúng ta đã phá bỏ lời cam kết cũng như phản bội lại lòng tin của người kia. Vấn đề tình dục phải biểu lộ tình yêu và việc quan hệ mật thiết giữa hai người là góp phần duy trì tình cảm trong đời sống lứa đôi.

Quan hệ tình dục trước hôn nhân có phải là tà dâm không?

Không hẳn, nếu cả hai người đều đồng ý và yêu thương nhau. Tuy nhiên không nên quên rằng do cấu tạo sinh học có thể dẫn đến việc mang thai và nếu một phụ nữ chưa lập gia đình mà có mang thì sẽ tạo ra nhiều việc rắc rối. Nhiều người biết suy nghĩ và chứng chắc cho rằng tốt hơn hết phải để việc ấy cho đến sau khi làm lễ cưới.

Còn nói dối là gì? Có thể sống mà không nói dối được chăng?

Nếu thật sự không thể tránh được việc nói dối trong xã hội, thì tình trạng hối lộ và sai trái cần được thay. Phật tử là người cương quyết làm điều gì đó thực tế mà sự trung thực là trên hết cả.

Còn vấn đề rượu thì sao? Uống chút ít không hại gì chứ?

Người ta không uống vì hương vị. Khi họ uống một mình là để tìm cách thư giãn những căng thẳng và khi họ uống xã giao, thường là để hòa đồng với mọi người. Ngay cả một lượng rượu nhỏ cũng lạc dần ý thức và làm mất đi sự tỉnh thức. Dùng một lượng lớn, hậu quả của nó có thể bị tàn phá.

Nhưng uống chỉ một chút thì có phạm giới phải không? Đó chỉ là một việc nhỏ thôi mà.

Có, đó chỉ là một việc nhỏ nhưng nếu bạn không chịu tập để buông bỏ, thì việc phạm giới và lời cam kết này không phải là lớn sao?

Năm giới cấm trên có tính tiêu cực, nó bắt buộc bạn không được làm mà nó không đưa ra điều gì bạn được phép làm.

Năm giới ấy là nền tảng đạo đức của người Phật tử. Nhưng đó không phải là tất cả. Chúng ta bắt đầu nhận ra những thói hư tật xấu của mình và cố gắng loại bỏ chúng. Sau khi ta đã loại bỏ những việc xấu, chúng ta bắt đầu làm những điều thiện. Chẳng hạn như lời nói. Đức Phật dạy rằng chúng ta nên nói chân thật, hòa ái, lịch sự và nói đúng lúc. Đức Phật dạy:

"Khi từ bỏ vọng ngữ sẽ là người nói chân thật, đáng tin, có thể tin cậy được, vị ấy không lừa dối thế gian. Không nói lời nói ác độc, không lặp lại những gì mình nghe ở đây, cũng không lặp lại những gì mình nghe ở kia để gây ra sự bất hòa giữa nhiều người. Vị ấy hòa giải những người bị chia rẽ và mang những người bạn lại gần nhau. Hài hòa là niềm vui, là tình yêu, là hạnh phúc của vị ấy; nó là động cơ của lời nói của vị ấy. Không nói lời thô bỉ, lời nói vị ấy không trách mắng, dễ nghe, hợp lòng người, tao nhã được mọi người yêu thích. Từ bỏ tật ngồi lê đôi mách, vị ấy nói hợp thời, đúng chuyện, có liên quan đến giáo lý và giới luật. Vị ấy nói những lời đáng trân trọng, đúng thời, hợp lý, rõ ràng và chính xác." (MI 179)

(còn tiếp)

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*



Chapter 4 The Five Precepts

Other religions derive their ideas of right and wrong from the commandments of their god or gods. You Buddhists don't believe in a god, so how do you know right from wrong?

Any thoughts, speech or actions that are rooted in greed, hatred and delusion and thus lead us away from Nirvana are bad and any thoughts, speech or actions that are rooted in giving, love and wisdom and thus help clear the way to Nirvana are good.

To know what is right and wrong in god-centred religions, all that is needed is to do as you are told. But in a man-centred religion like Buddhism, to know what is right and wrong, you have to develop a deep self-awareness and self understanding. And ethics based on understanding are always stronger than those that are a response to a command.

So to know what is right and wrong, the Buddhist looks at three things - the intention, the effect the act will have upon oneself and the effect it will have upon others. If the intention is good (rooted in giving, loving and wisdom), if it helps myself (helps me to be more giving, more loving and wiser), then my deeds and actions are wholesome, good and moral. Of course, there are many variations of this. Sometimes I act with the best of intentions but they may not benefit either myself or others. Sometimes my intentions are far from good, but my actions helps others nonetheless. Sometimes I act out of good intentions and my acts help me but perhaps cause some distress to others. In such cases, my actions are mixed - a mixture of good and not-so-good. When intentions are bad and the action helps neither myself nor others, such an action is bad. And when my intention is good and my action benefits both myself and others, then the deed is wholly good.





So does Buddhism have a code of morality?

Yes it does. The five precepts are the basis of Buddhist morality. The first precept is to avoid killing or harming living beings. The second is to avoid stealing, the third is to avoid sexual misconduct, the fourth is to avoid lying and the fifth is to avoid alcohol and other intoxicating drugs.

But surely it is good to kill sometimes. To kill disease-spreading insects, for example, or someone who is going to kill you?

It might be good for you. But what about that thing or that person? They wish to live, just as you do. When you decide to kill a disease-spreading insect, your intention is perhaps a mixture of self-concern (good) and revulsion (bad). The act will benefit yourself (good) but obviously it will not benefit that creature (bad). So at times it may be necessary to kill but it is never totally good.

You Buddhists are too concerned about ants and bugs.

Buddhists strive to develop a compassion that is indiscriminating and all-embracing. They see the world as a unified whole where each thing and creature has its place and function. They believe that before we destroy or upset nature's delicate balance, we should be very careful. Just look at those cultures where emphasis is on exploiting nature to the full, squeezing every last drop out of it without putting anything back, conquering and subduing it. Nature has revolted. The very air is becoming poisoned, the rivers are polluted and dead, so many beautiful animal species are extinct, the slopes of the mountains are barren and eroded. Even the climate is changing. If people were a little less anxious to crush, destroy and kill, this terrible situation may have not arisen. We should all strive to develop a little more respect for life. And this is what the first precept is saying.

The Third Precept says we should avoid sexual misconduct. What is Sexual misconduct?

If we use trickery, emotional blackmail or force to compel someone to have sex with us, then this is sexual misconduct. Adultery is also a form of sexual misconduct because when we marry we promise our spouse that we will be loyal to them. When we commit adultery we break that promise and betray that trust. Sex should be an expression of love and intimacy between two people and when it is it contributes to our mental and emotional well-being.

Is sex before marriage a type a sexual misconduct?

Not if there is love and mutual agreement between two people. However, it should never be forgotten that the biological function of sex is to reproduce and if an unmarried woman becomes pregnant it can cause a great deal of problems. Many mature and thoughtful people think it is far better to leave sex until after marriage.

But what about lying? Is it possible to live without telling lies?

If it is really impossible to get by in society or business without lying, such a shocking and corrupt state of affairs should be changed. The Buddhist is someone who resolves to do something practical about the problem by trying to be more truthful and honest.

Well, what about alcohol? Surely a little drink doesn't hurt!

People don't drink for the taste. When they drink alone it is in order to seek release from tension and when they drink socially, it is usually to conform. Even a small amount of alcohol distorts consciousness and disrupts self-awareness. Taken in large quantities, its effects can be devastating.

Drinking a small amount wouldn't be really breaking the precept, would it? It's only a small thing.

Yes, it is only a small thing and if you can't practise even a small thing, your commitment and resolution isn't very strong, is it?

The five precepts are negative. They tell you what not to do. They don't tell you what to do.

The Five Precepts are the basis of Buddhist morality. They are not all of it. We start by recognizing our bad behaviour and striving to stop doing it. That is what the Five Precepts are for. After we have stopped doing bad, we then commence to do good. Take for example, speech. The Buddha says we should start by refraining from telling lies. After that, we should speak the truth, speak gently and politely and speak at the right time. He says:

"Giving up false speech he becomes a speaker of truth, reliable, trustworthy, dependable, he does not deceive the world. Giving up malicious speech he does not repeat there what he has heard here what he has heard there in order to cause variance between people. He reconciles those who are divided and brings closer together those who are already friends. Harmony is his joy, harmony is his delight, harmony is his love; it is the motive of his speech. Giving up harsh speech his speech is blameless, pleasing to the ear, agreeable, going to the heart, urbane, liked by most. Giving up idle chatter he speaks at the right time, what is correct to the point, about Dhamma and about discipline. He speaks words worth being treasured up, reasonable, reasonable, well defined and to the point".

(to be continued...)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: HT. THÍCH TRÍ CHƠN

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by G. B. TALOVICH

Nhờ Cứu Nai Mà Thoát Nạn

Rừng núi thanh u, suối khe róc rách, kỳ hoa dị thảo đẹp đẽ lạ thường, một ngôi nhà điểm xuyết trong khung cảnh ấy giống như gấm dệt thêu hoa.

Một ngày kia, bầu trời quang đãng; bỗng nhiên một con nai từ đâu chạy đến trước sân nhà nơi một em bé đang chơi. Con nai dùng hai chiếc sừng xúc quần áo của đứa bé. Em bé quá sợ hãi kêu khóc ãm lên. Mẹ nó liền vội chạy ra xem thử việc gì xảy ra. Bà đến ngay vào lúc nhìn thấy con nai đang mang đứa nhỏ chạy thẳng vô rừng.

Thấy vậy, mẹ em bé hoảng kinh lập tức liền đuổi rượt theo con nai. Khi chạy được một khoảng không xa, bà thấy đứa trẻ bình yên vô sự đang ngồi trên đám cỏ. Vừa thấy mẹ đi tới, em bé mừng rỡ tươi cười đưa hai tay ra cho bà nắm lấy. Bà ôm đứa nhỏ vào lòng và cảm thấy vô cùng hạnh phúc đến phát khóc.

Bà vội vàng bỗng đứa con thân yêu trở về nhà. Khi đến nơi, bà chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng với nhiều xác chết thú vật hiện ra trước mắt. Một cây đại thụ sau nhà đột nhiên ngã xuống trong khi bà chạy đuổi theo con nai và em bé. Toàn ngôi nhà đã sụp đổ dưới sức đè nặng của gốc cây. Những vách tường bị đập nát và mái nhà vỡ tan thành mảnh vụn. Tất cả gà chó trong nhà đều chết hết. Nếu lúc ấy hai mẹ con có mặt ở nhà thì!!!

Bấy giờ bà mới hồi tưởng nhớ lại năm trước, một bữa nọ có một người thợ săn đuổi một con nai khiến nó quá kinh hãi chạy xộc vào trong nhà bà. Vì lòng tử bi xót thương con nai khổ khổ sợ sệt, bà lấy áo trùm che kín nó. Người thợ săn vào nhà lục soát tìm kiếm, nhưng không thấy con nai đâu cả. Ông tưởng rằng con nai đã chạy ra cửa sau. Cho nên ông cố rượt đuổi theo nó; và khi người thợ săn đã chạy đi xa, bà đỡ tẩm áo nơi con nai ra và thả cho nó chạy thoát vào rừng.

Con nai dường như biết rằng bà đã cứu giúp nó thoát chết, vì trước khi chạy đi nó gật đầu bày tỏ lòng tri ân đối với từ tâm của bà đã cứu mạng sống cho nó.

Bà không bao giờ nghĩ rằng con nai có thể tưởng nhớ đến lòng tử bi của bà đã cứu sống nó trước đây. Con nai biết rằng cây đại thụ sắp ngã xuống đè chết mẹ con bà cho nên nó tìm cách báo ơn đến cứu hai người thoát nạn. Bà mẹ đứa bé hồi tưởng nhớ lại sự việc ấy, liền thốt lên: "Cứu mạng sống chúng sinh chẳng khác nào tự cứu mạng của chính mình".

The Deer That Saved Its Rescuer

The murmuring brook in the green forest flowed past glorious wildflowers which decorated the little house there. The sun shone high in the sky.

Suddenly, a deer raced into the courtyard of the house, where a little boy was playing. The deer hooked the boy's clothing with its antlers. This scared the little boy so much he let out a howl that brought his mother running out to see what the matter was. She came out just in time to see the deer running off toward the mountains with her little boy.

Of course the boy's mother was horrified! She ran after the deer as fast as she could go, and not too far away, she found her little boy sitting safely on the grass. When he saw his mother coming, the little boy laughed and stretched out his arms to her. His mother embraced him. She was so happy that she cried.

She hurried back to their home with her precious son. When she got there, she stopped dead in her tracks, amazed at what she saw. The huge tree in back of their house had toppled over while she was out chasing after her son. The whole house was crushed under its enormous weight. The walls were squashed, and all the roofing tiles were smashed into powder. The chickens and dogs in the house were all dead. If she and her little boy had been home...

Then the little boy's mother remembered the day about a year before when a deer fleeing a hunter had run into her house. She felt sorry for the poor,

frightened deer, so she covered it with some clothes. When the hunter rushed in after his quarry, he couldn't find it. He thought it must have gone out the back door, so he kept chasing it, and when he was far, far away, she uncovered the deer and let it return to the forest.

The deer seemed to understand that she had saved its life, because as it left, it kept bowing its head to her, as if thanking her for her mercy.

She never imagined that the deer could remember her kindness. The deer somehow knew the tree was going to fall and crush her, so it came back to show its gratitude. When the boy's mother remembered all this, she said, "Saving the life of another is the same as saving your own life."



VĂN HÓA / PHONG TỤC

LTS: Trân trọng giới thiệu bài viết của Học giả **Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ** với bút hiệu **Tiểu Đệ**, ngõ hầu giúp quý độc giả trong việc tìm hiểu và giữ gìn kỷ niệm các **Nông Cụ Việt Nam** của tiền nhân.

CÁC NÔNG CỤ VIỆT NAM VANG BÓNG MỘT THỜI

Tiểu Đệ

Trong dân gian ai cũng biết: **«Đời sống con người hay vật dụng hằng ngày cũng chỉ có một thời kỳ mà thôi»**. Bởi vì, sự vô thường phải đến để thay đổi không ai thoát khỏi, từ con người cho đến vật dụng.

Nếu chúng ta nhìn ngược thời gian khoảng non một **lục hoa giáp** (60 năm), thì chúng ta sẽ thấy sự thay đổi đời sống con người đáng lưu ý, bằng chứng những nông cụ Việt Nam chúng ta đã không còn sử dụng nữa, ví như: **Cối xay lúa, cối xay bột, cối giã gạo...** cho đến **cái phảng, cái cù nèo, cái nọc để cấy lúa v.v...**

Trước đây, trong quyển sách **4000 TỪ NGỮ THỰC HÀNH** tôi có nêu đến các **Nông Cụ Việt Nam**, ngõ hầu góp phần giữ gìn và phổ biến cho thế hệ sau biết (xin xem **Sinh Hoạt Đời Sống Việt Nam** trong quyển sách **4000 TỪ NGỮ THỰC HÀNH** từ trang 567 đến trang 599).

Nay, xin góp phần mọn về **Vang bóng một thời qua các nông cụ Việt Nam**, như chúng ta biết, đất nước **VN** phần đông sống về nông nghiệp, cho nên mới thấy trong dân gian có câu:

**Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu,
Tháng hai trồng cà,
Tháng ba cấy vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng...**



Lưỡi cày và trâu cày ruộng

Vì thế, công việc làm ruộng bắt đầu tháng 3 âm lịch (**Tháng ba cấy vỡ ruộng ra**), ngày trước dùng lưỡi cày với đôi trâu cày đất làm ruộng.

Sau đó, mới lựa lúa tốt làm giống để chuẩn bị rải lúa xuống miếng đất gieo mạ (**Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng**) và bừa trực miếng đất.



Trâu bừa trực đất

Mãi đến khoảng **14** tháng **7** âm lịch hằng năm, nước dâng bỏ lên tới các ruộng đất gò, thì bắt đầu nhổ mạ, bởi vì, con nước rong chỉ thuận tiện để cấy được mấy ngày, nếu nhổ mạ trễ thì cây mạ kể như bị nằm phơi nắng, hoặc là có nơi mùa cấy bắt đầu rất muộn, khoảng **đầu tháng 8** âm lịch. Đó là, lúc mưa dầm nước lụt, ngập đến lưng quần, nông dân phải cấy các loại giống lúa mùa có thân cao như: **nàng thơm, nàng tét, trắng lùn...** Lúc đầu thì **cấy nọc**, sau đất thuộc dùng trâu cày thì **cấy tay**.



Nhổ mạ để cấy



Cây nọc

Khoảng bốn giờ hay hơn một chút, người thợ cấy đến miếng ruộng để bắt công cấy và khoảng năm giờ sáng bắt đầu cấy, họ cấy thật nhanh thoan thoát với cái âm thanh tay người rút khỏi mặt nước nghe chong chóc vang đều, có nơi họ phải trầm mình dưới nước hoặc bị những đám mưa, mặc cho muối mòng đĩa vắt.

Trên lưng họ là tấm lá chằm và chiếc nón lá để che mưa, nắng. Bữa trưa của họ thường ăn trên bờ giồng gồm: **Cơm, một chén Mắm chưng hoặc là Cá kho và một tô Bí rợ hầm dừa...**

Khi nói đến cấy lúa, thường dành **đàn bà**, phải dùng **cây nọc** để cấy lúa. **Cây nọc** thường dùng cây **Cầm xe, Cà chắt** để đeo làm cây nọc, nếu làm bằng cây tạp như cây: **Sao, Dầu, Mù U...** thì cấy chỉ được một mùa mà thôi.

Còn **đàn ông** thì lo chuyển gánh mạ, đôi khi bằng trâu để cung cấp cho đàn bà cấy.

Ngoài ra, họ phải lo cày bừa, trực và phát cỏ để dọn đất, cào cỏ thành bờ giồng cho sạch để trước khi quý **đàn bà** cấy lúa.

Khi nhắc đến cây **Phảng** phát cỏ, thì nó phải đi kèm với cây **Cù nèo** móc cỏ. Hồi xưa, dân làng phát cỏ dọn đất vào mùa mưa, vì cỏ mọc xanh đôn cả cánh đồng. Đây là, công việc nặng nhọc, người nông dân trai tráng chỉ có thể phát cỏ một công đất mỗi ngày, là một đừ, cho nên phải ăn cơm trước dẫn

bụng mới phát nổi, từ sáng sớm khoảng 4 giờ 30 hay 5 giờ đã ra đồng để phát cỏ, nghe tiếng **phảng** đập xuống phình phịch, làm dậy lên cả cánh đồng.



Cây Phảng với Cù nèo và người phát cỏ

Như chúng ta đã biết việc làm ruộng bắt đầu:

Tháng ba cày vỡ ruộng ra,

Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng

Cho đến gần Tết tức tháng Chạp mới đem lúa được về nhà và chuẩn bị ăn Tết nguyên Đán chào mừng năm mới.

Vì thế, nhà nông có nơi làm tới 2 hoặc 3 vụ mùa, tùy theo lúa giống và khu đất ruộng đã được phân chia khoanh vùng mạnh mún để thực hiện. Vì thế, trên đồng ruộng lúc nào cũng có lúa chín, mới ngậm đồng đồng, mới cấy, mới gieo mạ hay cấy giâm...

Nhưng đa phần, mùa nước nổi từ tháng **bảy** đến tháng **tám** là mùa đông ken để **cày lúa** và bắt đầu tháng **11** cho đến tháng **Chạp** là mùa **gặt lúa** chín vàng ngoài đồng.

Dưới đây, là quang cảnh **cắt lúa, đập lúa** của nhà nông:



Sau đó, mới **phơi lúa, quạt lúa, giê lúa...** mới đem lúa vào nhà, hoặc lúa bán đông bằng **cái giã 40 lít** như dưới đây:



Khi có lúa vào bồ nhà rồi, quý bà con nhà nông còn phải qua giai đoạn **xay lúa**, rồi **giã gạo** mới có hạt gạo trắng để nấu cơm dùng hằng ngày, giai đoạn này thời xa xưa cũng không kém phần cực mới có miếng ăn.

Nhân đây, xin kể **Cối xay lúa, Cối giã gạo, Cối xay bột...** ngày xưa Vang bóng một thời nay không còn hữu dụng nữa như sau:



1.- **Cối xay lúa** : Ngày trước không có **nhà máy xay lúa** như ngày nay, cho nên phải dùng **Cối xay lúa**, trong thời gian trước kia, khoảng nửa thế kỷ, ngày nay cối này không còn thấy để sử dụng nữa, chỉ thấy ở trong viện bảo tàng, để các em cháu thuộc thế hệ trẻ sau biết được **Cối xay lúa**, xin trích hình ảnh tôi đã chụp được như sau:



Khi nhìn chúng ta thấy **Cối xay lúa** có hai thớt trên và dưới chồng lên nhau, cho nên Ông bà mình nói **Cối xay lúa** này có âm dương kết hợp giống như **Cối xay bột** vậy, ngoài ra còn có cần trục để xay lúa. Cái thớt trên để đổ lúa vào như chúng ta thấy hình ảnh dưới đây:



Việc làm **Cối xay lúa** rất cơ cực, tôi đã nghe các bà lão xa xưa kể lại, xin trích dẫn như sau : Khi nhìn cái cối, chúng ta thấy cái vỏ của nó làm bằng tre hoặc trúc, cho nên trước hết phải đương như cái hình dạng giống như cái cần xé, rồi chọn đất sét thật tốt và dẻo, có khi dùng chân đạp vào cho dẻo, kể đến chọn cây như : **Cắm xe, Cà chắt** để chẻ làm răng đặt lên trên, nếu làm bằng cây tạp như cây : **Đước, Sao, Dầu, Mù U...** thì chỉ xài không được lâu, tuy giá rẻ hơn. Việc làm cối phải biết chẻ răng cho đúng kỹ thuật, nếu không xay lúa không ra **gạo lức** tốt mà còn làm nát gạo...

Việc làm cối **thớt trên** và **thớt dưới** làm giống như nhau, chỉ khác thớt trên phải khoét lỗ để khi xay lúa mà cho lúa vào và làm thêm 2 tay để gắn cần trục xay lúa. Sau đó, làm cái chân cối và cái cần trục để xay lúa bằng tay. Về việc làm cối, mỗi miền đất nước khác nhau, có nơi rất cầu kỳ, dùng **Tre** để đan vỏ cối phải dồn vào **thăng chạp**, mùa khô, **Tre** khô ráo nước, vừa dễ đan và có độ bền. Còn rằng cối được làm bằng rễ cây dẻ và được trét một lớp **đất ổ mối** lên các kẽ răng, bởi vì, các Cụ ngày xưa cho rằng đất **ổ mối** chịu được khí hậu nóng lạnh không nứt nẻ rất tốt.

Cối xay lúa chỉ để xay ra **gạo lức**, còn muốn có **gạo trắng** để ăn thì phải dùng chiếc **cối giã gạo**. Muốn có **gạo lức sạch** sau khi xay lúa xong, lại phải đem ra giở để **giề lúa** cho sạch **vỏ lúa** trước khi đem giã gạo trắng.

2.- **Cối giã gạo** gồm có **cái cối** và **cái chày**, thông thường thời xưa cái **Cối** làm bằng cây quý như **Cắm xe, Cà chắt, Cắm lai...** để cho nó cứng, chắc bền, quết (giã) lâu ngày không ra dăm, có hình trụ, sau thập niên 60 – 70 **Cối** không làm bằng cây nữa, mà được thay thế **Cối** bằng đá, bởi cây quý càng ngày khó tìm chẳng ? còn cái **chày** thường làm 2 cái bằng cây tạp như : **Sao, Dầu, Mù U...** dài khoảng từ 1 thước 2 đến 1 thước rưỡi (1,5m), để hai người cùng giã cho mau trắng gạo, vào dịp năm hết Tết đến, thường dùng cái cối này để quết **Bánh Phồng**



Cối chày giã gạo (xin xem bài **Phong Tục Tết** trích quyển **Tìm Hiểu Đời Sống An Lạc** từ trang 590 đến trang 616 của **Tiểu Đệ Nguyễn Phú Thứ**).

Sau khi **giã gạo** xong, còn phải dùng **cái sàng** để sàng lọc **Cám** và **gạo tấm** ra. **Cám** để cho heo ăn, còn gạo **tấm** để nấu **cơm tấm** sau này.



Bà đang sàng gạo



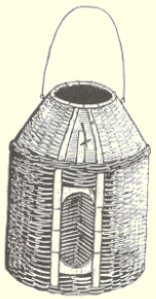
Các cái Sàng

3.- **Cối xay bột** : Sau khi dùng **Cối giã gạo** để có gạo trắng nấu cơm ăn mỗi ngày, giống như người Pháp ăn bánh mì vậy. Nhưng muốn có bột để làm bánh, thì phải dùng **gạo ngâm** nước trước một đêm trước khi xay ra **bột**. **Cối xay bột**, làm bằng khối đá, rồi đục thành hai thớt trên và dưới như hình kể bên đây. Ngày xưa, nhứt là trong dịp cận Tết, thông thường, quý bà con đồng hương dùng **Cối xay bột** để xay ra bột, rồi làm các loại bánh, đặc biệt còn mang bột đến lò để tráng các **bánh tráng** như : bánh tráng mỏng để làm bánh cuốn, chả giò, bánh tráng mỏng ngọt để ăn sống, bánh tráng dày để nướng. Ngoài ra, quý bà trong khi tráng bánh, còn mang theo nhưn **đậu xanh, dừa**

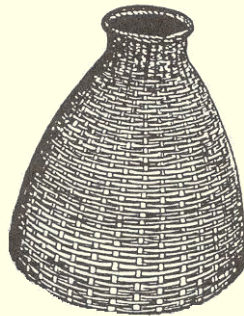
nạo mới rán vỏ... rồi lấy bánh trắng ngọt mông làm da bánh ướt ăn rất ngon. Đó là, thời kỳ xa xưa, **Cối xay bột** ngày nay không còn dùng nữa, vì bột đã được bày bán khắp nơi rất tiện dụng.



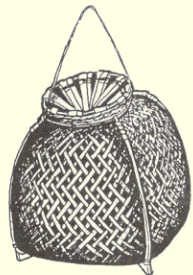
4.- Dụng cụ bắt Cá, lươn: Trở lại mùa nước nổi từ tháng **bảy** đến tháng **tám** là mùa đông ken để **cây lúa**, các loại cá cũng thi nhau lên đồng tìm chỗ đẻ và đến **mùa lúa chín vàng đông**, nước bắt đầu rút cạn, thì cá cũng bắt đầu trở ra sông rạch, cho nên nhà nông bắt cá quanh năm và thường dùng dụng cụ để bắt cá, xin trích dẫn trang **586** quyển **4000 Từ Ngữ Thực Hành 2** viết 4 ngôn ngữ : **Anh Pháp Việt** và **Hoa (Đức) Ngữ** của **Nguyễn Phú Thứ** có nêu lên các dụng cụ nhà nông đã vang danh một thời dưới đây :



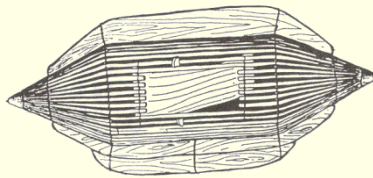
Cái bung



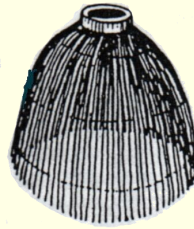
Cái đút



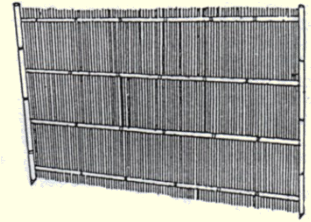
Cái giỏ



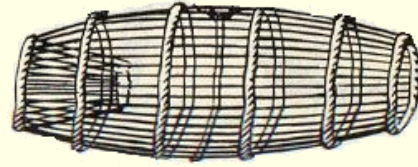
Cái rọng cá



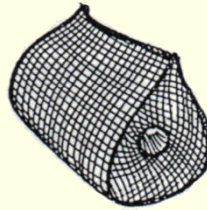
Cái đăng



Cái nôm



Cái lờ



Cái đố



Cái trúm đặt bắt lươn

(Nếu cần tìm hiểu thêm phương cách **Soi cá, Câu cá, Nhập cá, Cắm câu, Giăng câu, Bủa lưới cá, Đặt lờ bắt cá Sặt, Đặt trúm bắt lươn, bắt chuột....** xin mời tìm đọc các bài viết của nhà văn **Lê Cần Thơ**, chủ bút tạp chí **Văn Hóa Việt Nam**, phát hành Houston, Texas, Hoa Kỳ, đặc biệt bài viết của Anh **Kể Chuyện Bắt Cá Miệt Vườn Trên Sông Nước Quê Tôi**, đã đăng trên đặc san **Phù Sa Cửu Long Xuân Kỷ Sửu 2009** từ trang **93** đến trang **102**, rất giá trị, trân trọng giới thiệu đến thế hệ trẻ nghiên cứu sưu tầm làm tài liệu khi cần).

Nếu chúng ta nhìn ngược thời gian trên dưới 50 năm, đời sống của chúng ta ở nông thôn VN, mặc dù với **nông cụ thô sơ miệt vườn**, không được văn minh máy móc tối tân như bây giờ, nhưng có đời sống thoải mái, bởi ngoài đồng có ruộng lúa, có cá tôm, chim, chuột rất nhiều, sau vườn có cây trái và có sông nước trong lành, không bị nhiễm trùng như hiện nay, làm cho sức khỏe con người bị bệnh đe dọa, bởi hóa chất và kỹ nghệ máy móc tạo nên.

Hơn nữa, ngày nay dân số đã tăng trên 85 triệu người, trong khi các loại cá tôm sanh nở không đáp ứng lại nhu cầu đòi hỏi, cho nên không còn cảnh rài **Cám ran thơm** trên đất sinh khi nước cạn rồi chờ các lũ **Cá Mè Đình** theo nước lớn lên ăn mồi, để Chài vài mè bắt **Cá Mè Đình**, như thời thân phụ tôi đã chài xa xưa, bởi vì, bị nguồn nước không được trong sạch do các chất thải độc hại ô nhiễm của các nhà máy, ngoài ra, do sự đánh bắt quá nhiều mà không biết bảo dưỡng các loại cá tôm cá, ví như **rà điện....** làm tiêu hao những trứng và cá con, đôi khi không còn thấy xuất hiện những con cá quen thuộc như cá : **Trê vàng, Lăng, Phèn, Rô đồng** (chỉ thấy **Cá Rô Phi**)....

Để tạm kết thúc bài này, xin góp phần mọn cho những ai muốn tìm hiểu các **Nông Cụ Vang Cội Bóng Một Thời**, đồng thời rất mong những vị đã từng sanh sống ở nông thôn hiểu biết, xin cho biết thêm để bổ túc bài này đầy đủ hơn. Trân trọng Cảm Ôn trước.

Tiểu Đề

ĐI VÀ VỀ

Trời lạnh
 mùa đông về khắp lối
 phố buồn - những cây xanh đang trụi hết lá
 những con đường rộng, vắng vẻ người qua
 mưa nặng hạt từng hồi
 những chiếc lá xác xơ trên mặt đất,
 lưu lại những vạt nắng vàng ngầy ngất
 lá ngòn ngang nằm ướt nhẹp
 lại thấy sự tuôn tự của thiên nhiên
 có nụ-hoa-lá-cành
 có xuân-hạ-thu-đông
 có thành-trụ-hoại-không
 hay sinh-trụ-dị-diệt
 mưa lại rơi lộp độp
 vài con trùng đã bắt đầu ngoi ngóp khỏi mặt nước
 để đi tìm sự sống
 nó từ đâu đến nơi?
 là nhân duyên hay tạo hoá
 rồi về đâu?
 Đi và về
 Về và đi
 giữa muôn trùng của giá buốt, khổ đau và bất toại
 tôi tránh đụng nó
 chắc hẳn nó sẽ nằm co ro
 chịu chết hay làm môi cho chim chóc
 thân, xác chết này--như người Tây Tạng
 --một lần được hy sinh cho kẻ khác
 làm giàu sự nối tiếp
 không còn dấu tích của năm mội (mỏ)
 cuối cùng cũng biến mất;
 những bông hoa khô héo thẫm lặng
 tim vẫn đập theo bước chân
 Đi và về đâu?
 Nhân duyên đang đưa đẩy
 trùng trùng
 duyên khởi
 trùng trùng
 con đường giữa hai bên.

Sacramento, December 1st, 2012.



COMES AND GOES

It is cold
 Winter is on its way
 A sleeping town
 The trees are bare of all leaves
 Wide roads, deserted by
 Heavy rain dances every episode
 Ragged leaves lie on the ground,
 Yet there are rays of intrigue sunshine
 Leaves are lying about in disorder and in the way
 and wet.
 Yet, I realized the sequence of nature:
 Bud-Flower-Leaf-Branch,
 Spring-Summer-Fall-Winter,
 or Form-Develop-Change-Emptiness
 (Birth- Develop-Change-Death.)
 The rain is dancing once again
 A few worms move to higher ground
 From the saturated water to find life.
 And where is it from?
 Is it the Law of Cause and Effect or Creator
 And where is it going then?
 Comes and goes
 Gone and came
 Amid the chilled cold, suffering and dissatisfaction
 I avoid touching it
 Surely it will be scolded
 Death or as bait for birds
 The dying body, this body - like Tibetans
 – are one-time sacrificing for others
 Enrich the others and/or continuation
 No traces of the grave (tomb)
 Finally disappeared;
 The silent withered flowers
 Footsteps are bathed with the heart beats
 Where are we going?
 From where are we coming?
 Karma and Laws of Cause and Effect
 Infinite
 Interdependence
 Infinite
 A fine path between the two sides.

thơ

BẠCH XUÂN PHÊ

GIỚI THIỆU CÁC BÀI VIẾT VỀ CHỦ ĐỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

Ban Biên Tập Chánh Pháp

Vào ngày 16.12.2012 vừa qua, Hội Phật Học Đuốc Tuệ do Cư sĩ Mật Nghiêm tổ chức một buổi hội luận với chủ đề: **Nhìn về Tương Lai – Cơ Hội và Thách Thức: Phật Giáo Việt Nam Tại Mỹ.**

Buổi hội luận quy tụ hàng trăm cư sĩ, trí thức Phật giáo, để lắng nghe và trao đổi quan điểm với 4 diễn giả là Ht. Thích Thông Hải, Ni sư Thích nữ Giới Hương, Cư sĩ Nguyên Giác – Phan Tấn Hải và Cư sĩ Diệu Huyền – Lê Ngọc Bảo.

Ý kiến chung của diễn giả lẫn cử tọa phản ánh sự trăn trở, thao thức của người con Phật đối với nền Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ nói riêng, tại hải ngoại nói chung.

Phật giáo Việt Nam đã có mặt tại Hoa Kỳ gần bốn thập niên, đã có những thành tựu đáng kể trong việc duy trì nền Phật Việt truyền thống. Nhưng việc phát triển và hội nhập vào dòng chính của xã hội Mỹ thì vẫn còn rất giới hạn. Sự giới hạn không chỉ ở nhân sự và cơ sở, mà còn ở phương thức truyền bá, ngôn ngữ hoằng đạo. Đối tượng tương lai của Phật giáo tại Mỹ nói chung, Phật Việt tại Mỹ nói riêng, là dân bản xứ và người ngoại quốc sống tại Mỹ thuộc các sắc dân khác, cũng như các thể hệ thứ hai, thứ ba và thứ tư của người Việt trưởng thành hoặc sinh ra trên đất này. Họ không biết tiếng Việt, hoặc biết rất ít, trong khi các sinh hoạt của tăng sĩ và tự viện Việt Nam tại Hoa Kỳ (cũng như các quốc gia khác) vẫn còn theo truyền thống Việt, ít thay đổi hoặc chưa sẵn sàng thay đổi để tiếp cận những người không sử dụng tiếng Việt.

Chánh Pháp số này giới thiệu 4 bài viết của 4 diễn giả trong buổi hội luận nói trên, đồng thời xin đăng lại 3 bài viết của 3 vị khác, cũng liên quan chủ đề, là HT. Thích Nguyên Hạnh, TT. Thích Tâm Hạnh và Cư sĩ Đào văn Bình. Bài của HT. Thích Nguyên Hạnh đã phổ biến gần một thập niên trước; bài của TT. Thích Tâm Hạnh thì đã 5-6 năm; còn bài của Cư sĩ Đào văn Bình thì gần hai năm. Thời gian giữa các bài viết tuy cách nhau, nhưng sự thao thức, trăn trở và các quan điểm, nhận xét, đề nghị... rất tương đồng. Điều này cho thấy nhận thức và kinh nghiệm chung của các diễn giả, tác giả, là điều đúng đắn, cần phải nghiêm túc thực hiện, toàn phần hay từng phần, nếu muốn nhìn thấy một Phật giáo Việt Nam rực rỡ và thành công nơi xứ người.

Các bài viết được đăng tiếp theo trang này (tức từ trang 84), tuần tự theo thời gian như sau:

- Vài Ý nghĩ nhỏ về cơ sở Thước thạc Hiện nay của Phật Giáo Việt Nam ở Hoa Kỳ (Thích Nguyên Hạnh)
- Suy nghĩ về Nguyên lý Tu tập và Sinh hoạt của Phật Giáo trong Hiện tại (Thích Tâm Hạnh)
- Hải ngoại và dòng Sinh mệnh Phật Giáo (Đào văn Bình)
- Vài Suy nghĩ về Con đường Hoằng Pháp của Tăng già Việt Nam tại Mỹ (Thích Thông Hải)
- Từ những Ngôi chùa Thời Phật đến Chùa Việt trên Đất Mỹ ngày nay (Thích nữ Giới Hương)
- Tiếp cận các Nguồn Nghiên Cứu Phật học Anh ngữ (Nguyên Giác) và,
- Người Phật tử Việt Nam trong Bối cảnh Đạo Phật tại Mỹ (Diệu Huyền).

Trân trọng kính mời bạn đọc.



VÀI Ý NGHĨ NHỎ VỀ CƠN THỬ THÁCH HIỆN NAY CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM Ở HOA KỲ

Thích Nguyên Hạnh

Việt Nam và Hoa Kỳ là hai môi trường xã hội sinh hoạt khác biệt. Sự khác biệt ấy không chỉ ở trên bề mặt của đời sống mà còn sâu xa hơn, ở ngay bản chất văn hóa của xã hội - yếu tố định tính cho mọi cảm quan suy nghĩ và thái độ hành xử của con người trong cuộc sống. Chính vì vậy, ngay nơi mỗi con người Việt Nam, mỗi gia đình và cộng đồng Việt Nam ở đây như luôn luôn có một "*cuộc nội chiến*" dai dẳng, khi âm ỷ thầm lặng, khi bùng nổ thành thảm kịch giữa cũ và mới, già và trẻ, giữa truyền thống và tân thời, bảo thủ và tiến bộ, giữa gốc rễ quá khứ (là Việt Nam) và đời sống hiện tại (là Hoa Kỳ). Thật không dễ dàng cho một sự hòa điệu giữa những khác biệt này. Đó cũng chính là cơn thử thách lớn hiện nay cho Phật Giáo ở Hoa Kỳ - hiểu như một tôn giáo đến từ phương Đông mà cụ thể với chúng ta là Phật Giáo Việt Nam - cơn thử thách có tính cách quyết định cho sự tồn tại và phát triển của nó.

Là một xứ sở kết hợp bởi nhiều chủng tộc, nhiều nền văn hóa và tôn giáo khác biệt, người ta vẫn thường ví von Hoa Kỳ như một melting-pot, hay đúng hơn như một salad bar. Ở đó, mặc dầu Phật Giáo đã và đang ảnh hưởng ngày một sâu rộng trong các lãnh vực sinh hoạt trí thức, trong các Đại Học và các giới văn nghệ sĩ; và mặc dầu, đã và đang có nhiều người Mỹ đến với Đạo Phật, thành khẩn dâng hiến cả tâm hồn và đời sống của họ cho mục đích tìm Đạo, tìm sự hiểu biết và giải thoát nhưng với đại đa số quần chúng, Phật Giáo vẫn còn là một tôn giáo xa lạ; và vì vậy, rất dễ bị hiểu lầm; thậm chí dễ bị xem như một tà phái (cult) bên cạnh hàng trăm những tà phái khác. Phải thành thực mà nói, chúng ta chưa mở rộng được cánh cửa của Phật Giáo Việt Nam để có được sự tiếp cận hòa hợp tối thiểu và cần thiết với quần chúng và xã hội Hoa Kỳ. Ngoại trừ những khuôn mặt hiếm hoi như Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thiền Sư Nhất Hạnh..., một số lớn cộng đồng Phật Giáo đến từ phương Đông vẫn còn đang rất khép kín trong lề lối sinh hoạt của mình và đang phải mò mẫm để làm quen với khí hậu văn hóa ở đây. Tương lai, cánh cửa có thể mở rộng hơn nhưng nếu được vậy thì đây vẫn là một tiến trình rất chậm chạp.

Có nhiều lý do để giải thích cho tình trạng trên. Có thể là do các tổ chức và cơ sở Phật Giáo nghèo nàn phương tiện và vật chất trong một xã hội mà vật chất là ưu thế. Có thể là do các tổ chức Phật Giáo thiếu kinh nghiệm tổ chức trong một guồng máy mà kỹ thuật tổ chức (organizational skills) là một yếu tố then chốt cho mọi sự phát triển và thành công. Cũng



có thể là do - và đây là lý do quan trọng nhất theo chúng tôi - các tổ chức Phật Giáo chưa vận dụng được khả năng thích ứng của mình trong một môi trường văn hóa, tâm lý và xã hội hoàn toàn khác biệt với truyền thống đã đào luyện nên chúng. Dù lý do nào thì tình trạng trên đây cũng đặt ra những vấn đề nghiêm trọng mà Phật Giáo Việt Nam ở Hoa Kỳ phải đương đầu - không phải chỉ với xã hội Hoa Kỳ mà còn cả với quần chúng Việt Nam trong cộng đồng của mình.

Nuôi cây trồng đất mới bằng các chất liệu cũ

Những hình thức nghi lễ và nếp sống tín ngưỡng có tính cách truyền thống mà các cộng đồng Phật Giáo đang cố gắng duy trì ở nhiều mức độ khác nhau ngày càng tỏ ra không thích hợp với nhu cầu tâm lý và tâm linh của con người ở đây, ngày càng làm cho Phật Giáo trở nên một thứ cổ vật (obsolete) thay vì phải là một Đạo Phật sống động cho con người hiện sinh như chính bản chất của nó. Đây là điều tự nhiên dễ hiểu. Những hình thức nghi lễ và nếp sống tín ngưỡng ấy là sản phẩm tinh thần của một thời rất xa, rất khác với bây-giờ-và-ở-đây, của một xã hội nông nghiệp mà ở đó, con người sống với ruộng vườn, không bị máy móc ngự trị đến phải đánh mất cái sinh thú nhàn hạ như cái xã hội công nghiệp với những con người của thành thị đang ngày đêm phải chạy theo tốc độ ở đây. Nếp sinh hoạt thay đổi theo sự thay đổi của tính chất xã hội cũng làm thay đổi luôn mọi cảm quan, nhân thức và các nhu cầu tâm sinh lý của con người. Hẳn nhiên, một tôn giáo của Trí Tuệ không thể nhắm mắt đi theo dục vọng u mê của con người, không thể chạy đuổi theo cái khuynh hướng hưởng thụ tiện nghi và sống bằng những khẩu hiệu quảng cáo nặng chất thương mại cả trong việc truyền bá giáo lý như một số lớn các tổ chức tôn giáo ở đây. Bởi vì, làm như thế thì chỉ là đi tìm một sự thỏa hiệp dễ dãi giữa tôn giáo và dục vọng, chỉ là thể-tục-hóa tôn giáo, sa-đọa hóa tinh thần con người. Đó không phải là thích nghi, thích ứng theo cái nghĩa "*tùy duyên*", "*tùy thuận*" hiểu như là sự vận dụng những phương tiện thiện xảo để chuyển hóa dục vọng con người. Thử đặt vào một trường hợp bình thường để dễ thấy ra vấn đề một cách bình thường: Một thanh niên ngày nay, không bị bệnh hoạn và khủng hoảng gì đặc biệt, tin Phật theo truyền thống gia đình, đến Chùa dự một buổi lễ Phật bình thường. Người đó sẽ cảm nhận được gì với khung cảnh đầy màu sắc hỗn tạp và với những lời



kinh tụng khó hiểu? Người đó thấy mình gần gũi, gần gũi hay thấy mình xa cách, lạc lõng? Cái kinh nghiệm tôn giáo bước đầu nào mà một buổi lễ như thế có thể mang đến cho anh ta?

Thật là nông nổi sai lầm nếu vì đó (như trường hợp của người thanh niên này) mà ta vội vàng chối bỏ truyền thống, chối bỏ những hình thức nghi lễ và nếp sống tín ngưỡng có tính cách truyền thống. Nhưng cũng thật là bảo thủ đến cổ chấp nếu ta chỉ biết nhắm mắt theo truyền thống (một thứ truyền thống bị pha tạp đến độ phản lại cả tinh thần trong sáng của giáo lý Phật Đà) để không một chút quan tâm đến cảm quan và các nhu cầu tâm lý và tâm linh của con người ở đây-và-bây-giờ nếu ta hiểu Phật Giáo trước hết như là một phương pháp chuyển hóa con người. Chặt gốc rễ thì cây không sống được. Nhưng nuôi cây bằng các chất liệu cũ không hợp với thủy thổ mới thì cây không tươi tốt được đã đành mà gốc rễ cũng sẽ chết dần đi thôi.

Ốc sùng báỉ thời thượng

Chủ nghĩa duy vật chất và kỹ thuật, ốc sùng báỉ văn minh Âu Mỹ do bởi sức mạnh kinh tế và chính trị của nó dễ khiến cho người Phật tử Việt Nam (và cả Á Đông) ở Mỹ-nhất là giới trẻ - nhìn Phật Giáo như là một tôn giáo hủ lậu, mê tín dị đoan, thiếu văn minh, tiến bộ trong khi với một thiếu số người Mỹ hiểu được Phật Giáo thì lại ngạc nhiên mà thấy Phật Giáo đúng là một tôn giáo của Trí Tuệ, chứa đựng những tư tưởng hết sức tiến bộ, văn minh, đi trước cả những khám phá của khoa học tân tiến nhất - một điều rất hiếm thấy trong các nội dung tư tưởng của các tôn giáo và đạo lý Tây phương. Hiện tượng hai chiều có tính cách đối nghịch này có ý nghĩa rất lớn và đáng được đánh giá một cách nghiêm chỉnh. Tiếc thay, người Phật tử Việt Nam, dễ dãi trong niềm tin của mình, hiếm có người quan tâm để thấy được ý nghĩa của nó. Có lẽ, người Phật tử Việt Nam ở một thời gian dài đã qua, không có nhiều cơ hội để học hỏi giáo lý, để hiểu Đạo và sống Đạo mà chỉ tin Đạo như bất cứ một thứ "*tín ngưỡng hữu thần*" nào khác theo kiểu "*xưa bày nay vậy*"; đến khi sống ở xứ này, chóa mắt trước cái vẻ hào nhoáng bên ngoài của nó, vội thấy những hình thức của tín ngưỡng mình theo trở nên lỗi thời, quê mùa, hủ lậu. Trong khi đó, giới trí thức Âu Mỹ - ngoại trừ những kẻ "*canh gác Phật giáo như canh gác một kẻ thù*" - có cơ hội và điều kiện hơn để học hỏi và tiếp xúc trực tiếp với kinh điển Phật giáo; và vì vậy, dễ thấy được Phật giáo như một nguồn suối của Trí Tuệ và Tâm Linh. Cũng có lẽ, do vì va chạm nhiều với những thực tế tiêu cực, nhiều khi cay đắng đến phũ phàng của sinh hoạt các tổ chức Phật giáo đã qua ở Việt Nam và hiện nay ở hải ngoại giữa những hoàn cảnh ngang ngang của thời thế mà người Phật tử Việt Nam

không tránh được cái mặc cảm tự ty và tâm trạng hoang mang về tôn giáo của mình so với cái vẻ sang trọng bề ngoài của các tổ chức và sinh hoạt tôn giáo ở đây. Trong khi đó, giới trí thức Âu Mỹ, trưởng thành trong truyền thống tôn giáo của họ lại va chạm với những tin điều thiếu Trí Tuệ và thực tế lịch sử nhiều khi tàn bạo đến khó có thể chấp nhận được của các tôn giáo Tây phương nên dễ dàng hơn trong suy nghĩ và nhận định về Phật giáo. Cũng rất có lẽ, do bởi khuynh hướng đi theo những quyền lực thế tục mà Phật Giáo vốn không có nên người Phật tử Việt Nam dễ dàng bỏ Đạo để đi theo tôn giáo mới mà lịch sử của nó cho đến bây giờ đã luôn luôn chứng tỏ là một thế lực đáng kể trong mọi lãnh vực sinh hoạt chính trị, kinh tế, xã hội...

Trong mặc cảm tự ti, những con người không quá khứ

Những vấn nạn thực tế trên đây đưa đến hậu quả là, giới trẻ Việt Nam vốn lớn lên trong truyền thống Phật Giáo ngày càng xa cách Đạo, xa cách với các môi trường sinh hoạt Phật Giáo trong khi các tôn giáo khác lại hết sức tìm cách cám dỗ họ; và do nhu cầu liên hệ với môi trường sống chung quanh (bạn học, bạn đồng nghiệp, người phối ngẫu...) càng dễ khiến họ chối bỏ căn cước tinh thần và tôn giáo của mình. Sự chối bỏ này, đứng trên quan điểm Phật giáo như một tôn giáo của Trí Tuệ, của sự thực, không cần tìm sức mạnh ở số đông người theo có thể chẳng phải là điều đáng bận tâm. Nhưng trên quan điểm nhân văn và xã hội, chúng ta không thể không quan tâm đến những hệ quả của nó. Đó là cảm thức bơ vơ, lạc lõng vì mất gốc rễ, là những rối loạn tâm lý đưa tới những bệnh hoạn tâm thần ở nơi những người trẻ này kéo theo những xung đột, khủng hoảng trong đời sống gia đình của họ. Một con người sống không quá khứ rất dễ trở thành một con người sống không tương lai. Và vì vậy, họ dễ dàng bị xô đẩy nhanh chóng vào cuộc sống sa đọa, chìm đắm vào ma túy và rượu và những hình thái bạo hành khác theo bản năng dục vọng không giới hạn của con người. Nó tạo nên những vấn đề gia đình và xã hội phức tạp, rắc rối giữa một xã hội rộng lớn mà nền văn hóa của nó cũng đang phải đương đầu với nhiều khủng hoảng tâm lý và xã hội rồi rã. Cứ nhìn vào các cộng đồng thiếu số ở các xã hội Âu Mỹ, hầu hết các vấn đề này sinh ra đó là do các thành phần không có ý thức về truyền thống quá khứ của họ. Điều này cũng rõ rệt ở giới trẻ Việt Nam đang "*nội loạn*" trong xã hội này. Không có ý thức về gốc rễ tôn giáo và gia đình, về văn hóa của giống nòi, những người trẻ ấy sống không nghĩ mai, không lý tưởng, sống bất cần đời, bất cần các giá trị đạo lý nhân văn và xã hội, sống nổi loạn với cái hiện tại ngập tràn những điều vô nghĩa. Tổ chức Phật giáo bị thiệt thòi, mất mát có thể không thành vấn đề. Nhưng sự đau khổ của con người kéo theo những thảm kịch cá nhân, gia đình và xã hội là điều không thể không nghĩ tới. Và ở điều này, khả năng đối trị, chuyển hóa đau khổ của Phật giáo là một sự thử thách cận thiết đáng được quan tâm. Khi mà giới trí thức Âu Mỹ ngày càng tìm về Đông phương - đặc biệt của Phật giáo - để mong thiết lập một nền tảng quân bình cho tâm hồn và đời sống mà nền văn minh vật chất kỹ thuật đã lấy mất đi của con người thì người Phật tử Việt Nam sao lại phải mang mặc cảm tự ti trước sức mạnh của nền văn minh vật chất kỹ thuật Tây phương?

Ánh sáng đến từ phương Đông

Người Phật tử Việt Nam có đủ lý do để trân trọng cái gia tài tôn giáo và đạo lý của mình. Bởi vì, giữa tất cả những đồ vỡ của tâm hồn và đời sống con người hiện nay, Phật giáo đã hiện ra như một tôn giáo duy nhất - khác biệt với tất cả những tôn giáo khác - cung ứng được cho con người những phương pháp đối trị và chuyển hóa đau khổ. Không phải là ngẫu nhiên mà Phật giáo, trong khi chẳng là gì hết trên các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, xã hội ở xứ Mỹ này; các tổ chức Phật giáo lại càng chẳng là gì hết nếu so sánh với tổ chức của các tôn giáo khác nhưng điều kỳ diệu là, Phật giáo lại ảnh hưởng thâm trầm lên hầu hết các hoạt động trí thức của Mỹ, từ bầu khí học thuật nghiêm chỉnh trong các Đại Học đến các sinh hoạt nghệ thuật; từ triết học, tâm lý học, văn chương đến các ngành khoa học... Đó là bởi, không phải do tuyên truyền quảng cáo, không phải do quyền lực chính trị, kinh tế mà là do các giá trị nằm ngay ở tự thân của Phật giáo. Tính thiện bao dung, hòa bình, bất bạo; tính cách thực tiễn, không cực đoan trong nhận thức và hành động; những tri kiến như thực về bản chất của con người và vũ trụ và của các hiện tượng tâm lý, sinh lý, vật lý; nếp sống theo năm giới và tám con đường chánh...; và thiết thực hơn nữa, những phương pháp đối trị và chuyển hóa tâm thức ngay từ cội rễ của chúng là những gì mà Đạo Phật đã mang đến cho Tây phương và là những gì mà Tây phương ngày nay đang cần hơn bao giờ.

Gia tài của chúng ta có đó. Nhưng sử dụng được gia tài, sử dụng được những Đạo lý và phương pháp đó một cách có hiệu quả hay không là tùy thuộc vào sự vận dụng của chúng ta trong những hoàn cảnh khác biệt. Đó chính là vấn đề làm thế nào để Phật giáo không đánh mất yếu tính của mình trong khi vẫn thích ứng với căn cơ và đáp ứng được nhu cầu của con người thời đại. Cụ thể, đó là vấn đề, Phật giáo phải được hoạt dụng thế nào để không trở thành một "**kẻ lạ**" với nền văn hóa vật chất kỹ thuật mà dù muốn dù không, Phật giáo cũng phải đối diện và tiếp cận trong khi làm công việc đối trị và chuyển hóa của nó.

Nghĩ gần rồi lại nghĩ xa...

Trên một bình diện rộng lớn hơn, vấn đề đặt ra trên đây cho các cộng đồng Phật giáo Á Đông ở Âu Mỹ, sớm hay muộn cũng sẽ là vấn đề đặt ra ngay ở các quốc gia Á Đông - trong đó có Việt Nam. Bởi vì, Việt Nam và các quốc gia Á Đông vốn có một nền văn hóa Phật giáo lâu đời này đã và đang phải tiếp cận ngày một nặng nề hơn với sức mạnh đầy cảm dỗ của văn hóa Tây phương và đang đẩy con người ở những xứ sở Phật giáo lâu đời này đến tình trạng vật hóa sa đọa, dù là với một tốc độ chậm hơn. Những hậu quả đang thấy được trong các cộng đồng Phật giáo Á Đông ở Âu Mỹ chắc chắn cũng là hậu quả đang và sẽ có ở ngay các quốc gia từng là quê hương của Phật giáo. Thái Lan là một ví dụ. Đã từ bao đời, Thái Lan là một quốc gia Phật giáo; và chắc chắn cũng sẽ còn là một quốc gia Phật giáo đó. Nhưng cái gốc rễ Phật giáo lâu đời ấy đang rạn nứt do sự va chạm với cơn gió dữ vật dục Tây phương. Cuộc canh tân xứ sở theo khuôn mẫu Tây phương của hai thập niên qua đã làm biến đổi bộ mặt của các thành phố lớn ở đây, đã tạo nên nhiều những hình ảnh mà người ta gọi là phát triển, văn minh,

những cao ốc khách sạn, cửa hàng..., những cảnh sống ăn chơi của những người dư tiền lắm của những đồng thời cũng đã và đang đưa đến nhiều khủng hoảng trầm trọng cho con người và xã hội Thái. Ánh đèn của phố thị vẫn minh trong khi không rọi sáng tới những cảnh đời tăm tối của người dân quê và ngay cả của một đa số sống cơ cực ở các thành phố; thì đồng thời, lại tạo ra nhiều tệ trạng và tội ác xã hội trở thành vấn nạn đến gần như vô phương cứu chữa mà căn bản sâu xa là vì nó kích động những dục vọng mù quáng đến độ ở một số đồng người, tiền bạc và hưởng thụ trở thành một thứ giá trị tuyệt đối làm mờ hẳn các giá trị đạo đức, tôn giáo vốn là gốc rễ lâu đời của dân tộc Thái. Phật giáo như một tôn giáo của Trí Tuệ có khả năng đối trị tình trạng bệnh hoạn của tâm thức và chuyển hóa dục vọng của con người đối diện với nền văn hóa lấy dục vọng làm động cơ thúc đẩy chắc hẳn sẽ đặt ra những thử thách lớn lao cho những người có trách nhiệm với Phật giáo.

Để mở ra cánh cửa tương lai

Trong viễn tượng đó, một nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề của người Phật tử - đặc biệt là của tuổi trẻ Phật giáo - trong các cộng đồng Phật giáo ở đây là một việc làm nên được nghĩ tới. Một nỗ lực như vậy, nếu được thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả sẽ cho được những câu trả lời về nội số những khủng hoảng trong các cộng đồng Phật giáo như tình trạng mất niềm tin và các hiện tượng bỏ Đạo, như những tác động tiêu cực của thời thế trên những sinh hoạt của người Phật tử kéo theo những mâu thuẫn có tính cách đối kháng trong các cộng đồng Phật giáo, như cảm quan và các nhu cầu tinh thần của người Phật tử trong cuộc sống hằng ngày... Đó chính là công việc chẩn bệnh để tìm hiểu bệnh trạng trước khi cho thuốc. Nó sẽ giúp xây dựng cơ sở lý thuyết cho việc thiết định các chiều hướng sinh hoạt và nội dung phương pháp giáo dục và truyền bá Phật giáo. Nó sẽ đóng góp vào việc chuẩn bị khả năng thích ứng của Phật giáo trước một thế giới thay đổi nhanh chóng; và góp phần chúng ta khả năng đối trị và chuyển hóa của Phật giáo trước những đồ vỡ của tâm hồn và đời sống như hậu quả không tránh được của nền văn hóa vật chất kỹ thuật Tây phương. Đó cũng chính là bước đầu nghiêm chỉnh cho việc mở rộng cánh cửa của Phật giáo để Phật giáo không trở thành "**đồ xưa**", "**kẻ lạ**" với con người và xã hội ngày nay.

Thích Nguyên Hạnh



SUY NGHĨ VỀ NGUYÊN LÝ TU TẬP VÀ SINH HOẠT CỦA PHẬT GIÁO HIỆN TẠI

Thích Tâm Hạnh

Từ thuở bình minh của nhân loại, để duy trì sự sinh tồn của mình, loài người cũng như các loài động vật khác luôn bận rộn tìm thực phẩm để giải quyết cái đói luôn giày vò; đồng thời phải tự bảo vệ mình trước những tấn công của đồng loại và những loài khác. Loài người còn phải đương đầu với những năng lực thiên nhiên luôn luôn ở bên cạnh và không biết huỷ diệt cuộc sống của họ lúc nào.

Có thể trong giai đoạn đầu, cũng như các động vật khác, con người được thiên nhiên đáp ứng cho một số lương thực tự nhiên nào đó. Nhưng dần dần, nguồn lương thực đó cạn dần vì số lượng con người tăng thêm, nhu cầu càng nhiều hơn. (Kinh Nguồn gốc loài người Agganana sutta Trường Bộ 27; Trường A Hàm 30)

Một hôm nào đó, qua một trận cháy rừng, người nào đó nhặt được một mảnh đất lồi giống cái đĩa bị nung chín. Sau khi dùng nó để đựng thức ăn thay cho lá, anh ta suy nghĩ: "Hay là ta nặn ra vật gì đó bằng đất sét, đốt vào lửa thì sẽ được vật dụng cứng rắn thế này". Khi làm được vật bằng đất sét, dẫu tay anh ta in trên đó gây cho anh ta sự tưởng tượng: "phải chi trên vật này có hình ảnh của bàn tay ta". Đi qua một vùng đất hoang, anh ta nhặt được cái vỏ chim đà điểu, đựng nước vào đó, chôn dưới con đường mình thường đi qua để mọi lên uống lại khi khát nước. Sau khi ăn những gì đã tìm được trong ngày, anh ta phát hiện hôm nay mình lấy qua nhiều thực phẩm hay con vật mà mình đã săn được quá lớn, ăn không hết nên còn dư, thế là ngày mai không cần phải đi kiếm thực phẩm nữa. Tinh cờ, đi ngang qua trước hang mà trước đây mình cư trú, thấy có những cây lương thực từ những hạt giống đã bỏ lại trước đây mọc lên và kết hạt, anh ta suy nghĩ: "Vậy là mình có thể trồng cây để có thêm lương thực mà không phải đi tìm."

Từ những trường hợp ngẫu nhiên trên, sự tưởng tượng của loài người phát sinh. Do tưởng tượng tạo thành khái niệm. Từ khái niệm cộng với ý chí đưa đến trí tuệ tạo thành văn minh, văn hóa. Thế là, bình minh của văn minh và văn hoá của loài người xuất hiện. Trong khi, đến ngày nay, các loài vật khác vẫn hoạt động theo hiểu biết, tình cảm và ý chí theo bản năng để sinh tồn mà không hề có tưởng tượng, khái niệm, trí tuệ nên chúng vẫn sống theo cuộc sống hoang dã.

Từ các nền văn minh và văn hoá đa dạng, đời sống con người được cải thiện, đầy đủ hơn, tiện nghi hơn, sung túc hơn. Đời sống ngày càng phát triển, kéo theo đó, sự chênh lệch về lương thực, quyền lực, giữa con người với con người càng tăng. Cũng như các loài động vật khác, bản năng của con người là sinh và tồn, nhưng con người có tưởng tượng và



hiểu biết nên đã giúp đỡ nhau, dạy bảo nhau, hợp tác nhau, và đồng thời cũng do tham sân si mà con người lừa dối nhau, chiếm đoạt nhau, gây ra chiến tranh tàn sát nhau để nâng cao và phát triển rộng bản năng sinh tồn ấy.

Khác với loài vật, ngoài bản năng ra, con người có trí tuệ. Từ văn minh và văn hóa, con người luôn sáng tạo những kiến thức mới để làm ra những vật chất mới phục vụ cho đời sống và làm sở hữu cho mình, cho dân tộc, đoàn thể của mình vượt hơn người khác. Tuy nhiên, bên cạnh những tiện nghi vật chất, con người

luôn trần trở tư duy về thân phận của mình giữa thiên nhiên, giữa mình và tha nhân, ta là ai, ta từ đâu đến đây và sẽ đi về đâu, giữa ta và thiên nhiên có những quan hệ gì, giữa ta và loài khác, người khác tại sao khác nhau, làm sao ta chinh phục thiên nhiên, làm sao ta không thua kém mà chiến thắng, quản trị được người khác, vật khác, thiên nhiên v.v... và v.v.. Từ sự so sánh về vật chất, kiến thức, tư duy về thân phận của mình với người khác, bản ngã của con người phát sinh.

Vậy là, trong tiến trình sinh tồn, ngoài việc phải luôn tranh đấu cho cái ăn và bảo vệ mình với hoàn cảnh, với các thế lực thiên nhiên luôn gây đau khổ và sợ hãi, con người còn phải đương đầu với cái bản ngã do chính nó tạo ra. Con người có thể nhìn đối, chống cự với các thế lực bên ngoài, tránh né một số thế lực thiên nhiên, nhưng lại không thể nào thoát khỏi sự đau khổ và sợ hãi từ cái bản ngã của chính mình. Đỉnh cao của đời sống là tiền bạc, của cải và thế lực. Nhưng khi đạt đến đỉnh cao ấy, oái ăm thay con người lại càng cô đơn với chính mình và chung quanh, vì đồng thời phải bảo vệ và sợ hãi phải mất tài sản và quyền lực ấy đi. Tất cả sự mâu thuẫn ấy đều là những khái niệm do bản ngã dựng lên.

Như thế, để bảo vệ bản năng sinh tồn bằng cách giải quyết sự đau khổ và sợ hãi từ cái đối, từ những loài vật khác, từ chính đồng loại, từ thiên nhiên và từ chính bản ngã của mình, con người đã tạo ra khoa học, kinh tế, chính trị, tôn giáo bằng những khái niệm dựa trên những thực tại khách quan.

Những biện pháp giải quyết ấy đã và đang thành tựu một số mặt nào đó cho đời sống con người, nhưng chính tự nó lại có sự mâu thuẫn nên không thể nào giải quyết triệt để.

Kinh tế phát triển làm đời sống nâng cao nhưng chênh lệch giữa đời sống vật chất giữa nơi này và nơi khác càng nhiều, nơi thì quá dư thừa nơi thì thiếu thốn do sự mất cân đối giữa cung và cầu. Sự phát triển hay suy thoái kinh tế không còn là thực tại khách quan mà do sự điều khiển của một nhóm người tham lam nào đó, không bao giờ dừng lại.

Khủng hoảng về kinh tế đang chi phối đời sống loài người trên cả hành tinh.

Phát minh khoa học sau làm thay đổi những phát minh trước nên gây biết bao nhảm lẫn tai hại đáng tiếc mà loài người là nạn nhân chính. Mục đích của khoa học là nâng cao đời sống con người nhưng cũng chính những phát minh khoa học lại là phương tiện tiếp tay con người huỷ diệt con người mà chính khoa học cũng không có cách cứu vãn. Nói chung, những thành tựu của khoa học và kinh tế luôn mâu thuẫn với chính mình vì được xây dựng theo nhu cầu dục vọng của sáu giác quan lệ thuộc trên các đối tượng của chúng để phục vụ cho những ý đồ từ bàn ngã của từng cá nhân hay đoàn thể.

Chính trị thì dựa trên quyền lực, ý thức hệ và khái niệm của giai cấp hay tập đoàn lãnh đạo đất nước ấy mà lập ra những pháp luật, hiến pháp, quy chế nhằm bảo vệ, làm ổn định cho người dân và lãnh thổ của họ. Do đó, có khi cùng trong một nước, hay nước này và nước khác, pháp luật giữa vùng này chủ trương khác vùng kia, giai đoạn trước khác giai đoạn sau, vị lãnh đạo này chủ trương khác vị kia, gây ra biết bao cuộc sửa sai, xét lại, đổi mới v.v... Hệ quả theo sau đó là biết bao chuyện thương tâm đáng tiếc như thanh trừng nhau, tàn sát nhau trong nước hay đưa đến chiến tranh thế chiến. "Tôi chỉ đồng ý hoà bình nếu anh chấp nhận hoà bình theo theo cách của tôi." Cả hai đều hô hào hoà bình theo cách của mình, thế là chiến tranh xuất hiện.

Từ sự sợ hãi những thế lực thiên nhiên, con người đặt ra tôn giáo, Thần linh, Thượng đế để bảo vệ mình. Nhưng không biết từ khi nào, thay vì để chúng bảo vệ mình, con người với sự cuồng tin, kiên chấp, lại bằng mọi cách gây khổ cho chính mình, cho đồng loại, bằng cách đánh nhau, giam giữ nhau, tàn sát nhau để bảo vệ, truyền bá những tôn giáo, những Thần linh, những Thượng đế do mình lập nên, do mình tôn thờ; và tiêu diệt những thần linh, thượng đế, tín đồ các tôn giáo khác khi họ không cùng tín ngưỡng với mình.

Là một vị vua, đạt được đỉnh cao về quyền lực chính trị và kinh tế, Đức Phật nắm rõ về hệ quả của nó. Đã từng là tín đồ của Bà-la-môn giáo, Đức Phật biết chính xác về niềm tin với Thượng đế Phạm thiên với những tà kiến của các tôn giáo (Trường Bộ: Kinh: Phạm vông, Sa Môn quả). Đã từng là một hành giả khổ hạnh, Đức Phật hiểu rõ sự sai lầm do tu khổ hạnh để tìm giải thoát (Trung Bộ: kinh Thánh Cầu, Kinh Đại sư tử hống).

Sau khi thành đạo, từ những kinh nghiệm tu chứng của chính mình, Đức Phật giới thiệu cho chúng ta con đường trung đạo là nguyên lý đưa đến giải thoát không còn lệ thuộc vào đau khổ sợ hãi của kiếp người. Con đường trung đạo đó chính là nguyên lý Giới, định và tuệ. Ở đây, chúng tôi xin nhắc lại giới, định và tuệ là nguyên lý chứ không phải là phương pháp.

Tại sao Giới định và tuệ là nguyên lý mà không phải là phương pháp? Nếu không hiểu rõ sự khác

nhau giữa nguyên lý và phương pháp tu học trong Phật giáo thì sẽ dễ dàng đưa đến những ngộ nhận, hành động sai lầm đáng tiếc trong việc học và tu tập. Tất nhiên, sự tu học sai nguyên lý sẽ đưa đến những kết quả ngoài Phật giáo.

Theo giáo lý về nghiệp của Phật giáo thì có ba loại nghiệp: thiện, ác và bất động. Thiện nghiệp là hành động đưa đến cõi người và trời. Ác nghiệp là hành động đưa đến địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Bất động nghiệp là hành động đưa đến Sắc giới và Vô sắc giới. Khi một chúng sinh hành động theo loại nghiệp nào thì nó đang sống theo bản năng của chúng sinh của cõi ấy và đang đi trên con đường đến cõi ấy.

Để bảo vệ và định hướng tốt cho bản năng con người hướng theo nghiệp thiện mà biểu hiện là hành động và lời nói thường có chiều hướng theo sự dẫn dắt của tham sân si đưa đến ba cõi ác, Đức Phật giảng dạy giới (sila: bảo vệ, thường) gồm có nhiều điều học (sikkha_pàda ví dụ không sát hại sinh vật) là những điều cần phải học và vận dụng ứng xử tùy theo cấp độ tu tập, trình độ hiểu biết, hoàn cảnh, mục đích để chúng bảo vệ chúng ta có cuộc sống bình thường, ổn định của loài người hay chư thiên, không gây đau khổ và

sợ hãi cho chính mình, tha nhân, loài khác. Nghiệp và kết quả của nghiệp là tiến trình nhân quả trên hệ quả làm việc thiện đưa đến quả vui, làm việc ác đưa đến quả khổ. Nhưng đau khổ hay an vui không phải là thiện ác mà là cơ hội để làm thiện hay ác để tiếp tục nhận kết quả an lạc hay đau khổ. Như thế Giới luật là những điều cần phải học, phải tìm hiểu, áp dụng vào đời sống bằng trí tuệ hiểu biết nếu ta muốn có hạnh phúc, không có đau khổ sợ hãi chứ không phải là những điều bắt buộc chúng ta phải làm dựa trên lòng tin như những giáo điều của tôn giáo khác chỉ làm không cần hiểu.

Ngoài lời nói và hành động, bản năng con người còn có suy nghĩ, ý chí. Suy nghĩ là phạm trù mà con người không thể kiểm soát theo ý muốn của mình được. Không những trái tim có tiếng nói riêng của nó, mà suy nghĩ, ước muốn cũng không hề trung thành theo ý muốn của chúng ta. Khi ý nghĩ không được định hướng thì chúng ta không thể tiến đến mục đích mà mình đã chọn. Như tấm kính lúp hội tụ ánh sáng mặt trời trên bề mặt nhỏ của nó thì có thể đốt cháy một vật để ở dưới nó; căn nhà được đóng kín các cửa thì máy điều hoà mới làm mát mẻ cho những người ở trong nhà. Cũng vậy, Đức Phật dạy thiền định samadhi (thiền chỉ) để tâm ý được tập trung, làm cho thân tâm quân bình, không bị phiền não chi phối, đạt được an lạc nhờ không bị chi phối bởi đối tượng của các giác quan (ly dục, bất thiện pháp sinh hỷ lạc).

Nếu đứng ở hạnh phúc do kiểm soát thân, miệng và ý thì kết quả mà Phật giáo muốn đạt được như nói ở trên cũng không khác gì mục đích tốt đẹp của những nền khoa học, kinh tế, chính trị, tôn giáo khác. Giới luật ở mặt nào đó cũng như luật pháp, kinh tế, chính trị đem lại ổn định, tạo hạnh phúc cho người dân. Sự cầu nguyện, tu dưỡng, tịnh tâm của

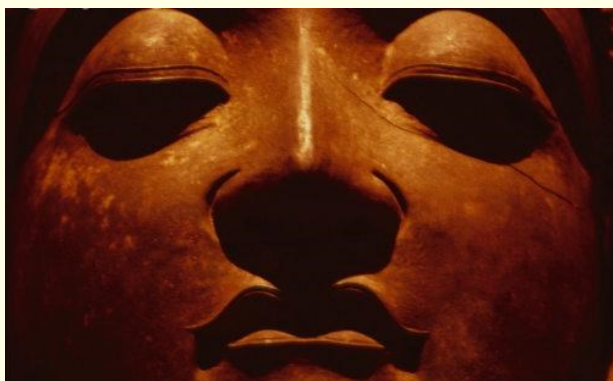


các tôn giáo khác vẫn đem lại an lạc do sự quân bình thâm tâm. Và chúng ta có thể nói, luật pháp nào, đạo nào cũng tốt và đều dạy người làm lành lánh dữ để đem lại đời sống bình an.

Nhưng, ngoài bản năng hoạt động theo thân, miệng, ý ra, loài người chúng ta còn có cái bản ngã. Cái bản ngã này được hình thành, phát triển từ những khái niệm do kiến thức, dân tộc, quốc gia, giới tính, tuổi tác, kinh nghiệm, địa vị, quyền lực, tài sản, văn minh, văn hoá, quan điểm ý thức hệ, chính trị, niềm tin vào cá nhân, vào tôn giáo tạo nên. Bản ngã này vô hình vô tướng, không ai giống ai, không trường hợp nào giống nhau, không một tiêu chuẩn nào để xác định nó là tốt hay xấu cả nên không thể chỉ dùng giới luật hay thiên định mà tiêu diệt được nó. Nhưng, bản ngã chính là nguyên nhân tạo ra sự cuồng tín, ý thức hệ, phân biệt chủng tộc, gây ra chiến tranh, mâu thuẫn, đau khổ và sợ hãi cho con người. Theo cái nhìn của Phật giáo, chính ảo tưởng về bản ngã tạo ra đau khổ, sợ hãi, luân hồi sinh tử.

Khi chúng ta tiếp cận với sợi dây mà thấy là con rắn thì đau khổ và sợ hãi phát sinh. Trong nỗi đau khổ sợ hãi ấy, thông thường chúng ta xử lý bằng nhiều biện pháp như chạy trốn, quên lãng, hay chống lại. Dù chúng ta cố gắng chạy trốn vào các cuộc truy hoan, ca nhạc, v.v... thì không thể nào chạy trốn đau khổ và sợ hãi vì chúng ở ngay trong tâm trí chúng ta. Khi chúng ta cố gắng quên lãng đau khổ bằng cách hành hạ thân xác, cầu nguyện thần linh, quên mình vào sự hy sinh cho tôn giáo với lòng sùng kính mà không cần hiểu biết thì sau đó chúng ta càng ray rứt đau khổ hơn khi không đạt kết quả mong muốn. Khi chúng ta cố gắng chống lại đau khổ thì chúng ta lại càng mệt mỏi, đau khổ hơn vì thật vô ích khi chống lại những ảo giác do chính tâm ta dựng lên. Những biện pháp ấy không thể giải quyết triệt để nỗi sợ hãi, đau khổ của ta vì chúng chỉ tập trung giải quyết con rắn bên ngoài; buồn cười thay con rắn thật sự lại là sợi dây. Do đó, ta sợ hãi và đau khổ vì hình ảnh con rắn trong tâm ý của ta, chứ không phải vì sợi dây bên ngoài.

Trong khi các quan điểm chính trị, loay hoay giải quyết nỗi đau khổ và sợ hãi từ những khái niệm do bản ngã dựng lên bằng những đạo luật, hiến pháp, luật pháp; các tôn giáo và các học thuyết khác bằng cách khổ hạnh, cầu nguyện, định tâm để đối trị, tiêu diệt những khái niệm từ hình ảnh của đối tượng sáu giác quan thì Đức Phật dạy chúng ta phải bằng chánh niệm tỉnh giác đối diện trực tiếp với đau khổ sợ hãi để thấy rõ sự thật của chúng chỉ là những ảo giác (khổ khổ, hành khổ và hoại khổ), do bản ngã dựng lên từ bóng dáng của đối tượng sáu giác quan. Nói cách khác, đau khổ sợ hãi chỉ là kết quả của tưởng uẩn đi với vô minh, phiền não hay sự chấp thủ vào năm uẩn. Bằng cách học và thực hành thiền quán Vipassana, chúng ta có trí tuệ thấy rõ thực tại (pháp) về các giác quan cùng với đối tượng của chúng chỉ là danh và sắc hoạt động theo ba trạng thái vô thường, khổ, vô ngã thì những khái niệm do tưởng (sanna) phát sinh không thể nào tạo ra đau khổ và sợ hãi. Khi đã thấy được thực tại của



năm uẩn bằng trí tuệ thì những đau khổ và sợ hãi từ những khái niệm do ảo tưởng về bản ngã tự nhiên biến mất. Khi ta thấy đúng thật tại, trả sợi dây về cho sợi dây thì những đau khổ và sợ hãi do ảo tưởng về con rắn tự nhiên không còn lý do nào tồn tại nên ta cũng chẳng cần phải mất công tiêu diệt nó.

Giới để bảo vệ cho hành động, lời nói được tốt đẹp theo đúng đạo đức văn hóa của loài người và chư

thiên; định để phát triển ý chí làm cho thân và tâm được quân bình; tuệ để thấy rõ ảo tưởng về bản ngã là không thật. Ba nguyên lý này chỉ bổ sung, hỗ trợ cho nhau chứ không thể thay thế nhau được. Anh có thể đọc và hiểu nhiều về sự tai hại của rượu hay ma túy, nhưng nếu anh không có ý chí từ bỏ chúng thì anh vẫn nghiện thuốc. Trước đây, có thể anh không dùng rượu hay ma túy nhưng ngày nào đó, gặp dịp anh sẽ dùng chúng nếu không hiểu rõ về sự nguy hại của chúng. Không dùng rượu, ma túy là giới. Không bị chúng cám dỗ là định. Kinh nghiệm hiểu rõ sự thật về nguy hại của chúng là tuệ.

Từ ba nguyên lý này, ngay khi Đức Phật còn tại thế cho đến ngày nay, khắp nơi trên hành tinh này, các đệ tử của Đức Phật đã tùy theo căn cơ, hoàn cảnh, điều kiện mà vận dụng ra nhiều pháp môn tu tập khác nhau như thiên định, thiền quán, trì chú, niệm Phật, hay sáu ba-la-mật, mười ba-la-mật để tự tu tập, giới thiệu và hướng dẫn người khác. Do đó, chúng ta cần ghi nhận là những pháp môn tu tập trong các truyền thống Phật giáo khác nhau tùy theo căn cơ, hoàn cảnh không hề đúng hay sai mà đúng hay sai là ở chỗ pháp môn ấy có vận dụng theo đúng ba nguyên lý giới, định và tuệ hay không.

Như vậy, dù trong thời đại nào, ở đất nước nào, với nguyên lý giới định tuệ, Phật giáo luôn có thể ngồi bên cạnh, lắng nghe, đồng hành với khoa học, kinh tế, chính trị, tôn giáo khác mà vẫn giữ bản chất của mình, với tinh thần tùy duyên bất biến, hoà nhập không hoà tan, đổi mới nhưng không đổi màu.

Khi các nghiên cứu khoa học còn ở giai đoạn bắt đầu, Phật giáo đã dạy về vô số thế giới ngoài hành tinh này; hành tinh chúng ta chỉ như hạt bụi nhỏ trong vũ trụ; vật chất được cấu thành bởi 4 yếu tố cứng mềm chiếm lĩnh, liên kết, nhiệt độ và hoạt động (địa, thủy, hỏa, phong), 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới; trong một giọt nước có cả một thế giới sinh vật v.v... Khi khoa học phát triển, các tôn giáo dựa trên thần quyền từ từ lui vào bóng tối thì ánh sáng trí tuệ của Phật giáo càng rực rỡ và làm cho khoa học càng phát triển chói sáng nhờ ánh sáng trí tuệ, từ bi của Phật giáo dẫn dắt để không đưa đến những mâu thuẫn của chính mình và huỷ diệt đời sống của hành tinh này. **Đây là đặc điểm tùy duyên thứ nhất của Phật giáo.**

Ân quốc gia là một trong bốn ân lớn mà người Phật tử phải luôn ghi nhớ và báo đáp. Là một người Phật tử tốt, người ấy phải là công dân tốt. Đối với quan điểm chính trị, Đức Phật tư vấn với nhà cầm quyền với tư cách là một bậc đạo sư. Được hỏi ý kiến về việc chinh phạt Dân Bạt kỳ của vua A xà thế, đức Phật không trả lời trực tiếp mà hỏi tôn giả A nan về sinh hoạt của nhân dân Bạt kỳ. Nghe như thế, vua A

xa thể biết mình phải làm gì (kinh Đại bát niết bàn trường bộ kinh). Trong kinh Thập vương, Đức Phật còn đưa ra 10 tư cách của nhà cầm quyền. Trong nhiều kinh khác, Đức Phật luôn dạy bảo các vị vua thời bấy giờ làm cho dân giàu nước mạnh. Như vậy, Phật giáo vẫn có thể chia sẻ được với các quan điểm chính trị bằng vị trí đạo sư của mình. Lịch sử Việt Nam đã có các nhà sư đã tư vấn cho các vua dựng nước và giữ nước. **Đây là đặc điểm tùy duyên thứ hai của Phật giáo.**

Tuy không chủ trương sinh lên cõi trời, nhưng trong bối cảnh của Ấn độ, để đáp ứng nhu cầu của quần chúng đương thời, Đức Phật dạy làm mười điều thiện để sinh thiên. Niệm thiện là một trong sáu pháp niệm căn bản của Phật giáo. Trong các kinh, trong các hoa tượng, điêu khắc Phật giáo, hình tượng Phạm thiên và Đế Thích – những Thượng đế của Bà-la-môn giáo, luôn là những vị hộ pháp, thần cận Đức Phật. Khi Phật giáo truyền qua Trung quốc và Việt nam, đã phát sinh thuyết tam giáo đồng nguyên. Vì vậy, trong việc truyền tải giáo lý Phật giáo trong vùng Đông Nam Á đã có mang màu sắc của đạo Nho và Lão trang. **Đây là đặc điểm tùy duyên thứ ba của Phật giáo.**

Với ba đặc điểm tùy duyên này, Phật giáo có thể đồng hành với khoa học, kinh tế, chính trị, các tôn giáo khác trong mọi thời đại, mọi nơi để thực hiện nhiệm vụ cứu khổ của mình.

Tuy nhiên, để làm được nhiệm vụ cứu khổ trong thời đại hiện nay, Phật giáo phải thực hiện đồng bộ nhiều lĩnh vực. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu năm lĩnh vực hoạt động nổi bật của Phật giáo là Tín ngưỡng, nghiên cứu, tu tập, xã hội, nghệ thuật, với những trở ngại, thách thức mà những người Phật giáo cần thấy rõ và biết phải làm gì.

Tín ngưỡng: tôn giáo theo ý nghĩa của từ religion (nguyên ngữ Latin: Religio) của Phương tây có nghĩa: “Tất cả những tông chỉ và giáo điều quy định sự liên hệ giữa con người với Thượng đế”, thông thường với ba đặc điểm:

- Một, đẳng thần linh tối cao
- Hai, Giáo điều và tín điều,
- Ba, mặc khải hay người mở đạo.

Tuy Phật giáo không hề có ba ý nghĩa này nhưng ngay khi Đức Phật còn tại thế, người Phật tử đã lấy Đức Phật làm đối tượng để niệm đến mong được bình an (kinh Trung Bộ). Niệm Phật là một trong sáu đề tài tu tập. Quy y Tam bảo, người Phật tử biểu hiện sự tôn kính bằng cách lễ bái, cúng dường trước Đức Phật, chư Tăng, tháp thờ Phật, cây Bồ đề, tượng Phật, tụng kinh, cúng dường chư tăng cũng là hình thức tín ngưỡng. Hiện nay, chùa tháp, tượng Phật đã có khắp nơi, chùa vừa là trung tâm văn hoá vừa là nơi để người Phật tử lễ bái, cúng dường, gửi gắm lòng tin, cầu mong sự bình an, hạnh phúc trong đời sống. Tuy nhiên, những sinh hoạt tín ngưỡng ấy nếu không được hướng dẫn bằng chánh pháp thì chúng sẽ trở thành mê tín, hay chỉ như là những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, tôn thờ thần thánh. Tín ngưỡng phiếm diện đó, bằng những tà kiến, hoàn toàn xa lạ với chánh Pháp giới định tuệ, với bát thánh đạo, không được kiểm soát cân bằng với năm yếu tố Tín, tấn, niệm, định và tuệ (panca Inriya - ngũ căn) và tất nhiên không thể đưa đến kết quả an lạc giải thoát theo giáo lý Phật giáo.

Nghiên cứu: Hiện nay, về hình thức, Phật giáo đã có nhiều trường Phật học từ sơ cấp đến đại học

(ở Việt nam) và cao học (ở các nước). Tăng sĩ và cư sĩ Phật giáo đã có đủ trình độ, kể cả tiến sĩ Phật học. Riêng tại Việt nam, chúng ta thử nhìn lại tình trạng giáo dục ở các trường Phật học. Giáo trình và giáo án chưa thống nhất, mỗi trường ảnh hưởng theo truyền thống nào thì giảng dạy giáo lý Phật giáo theo truyền thống đó, theo quan điểm của giảng viên mà chưa đặt trọng tâm giảng dạy trên lĩnh vực nghiên cứu Phật học. Từ đó, đưa đến tình trạng phổ biến kiến thức Phật học một chiều, cùng một đề tài giáo pháp nhưng mỗi giảng viên dạy khác nhau, làm cho ngay giữa những người Phật giáo với nhau vẫn xa lạ với nhau, không thể thật sự ngồi lại với nhau vì khác nhau về sắc áo, hình thức sinh hoạt, nghi lễ, quan điểm riêng của từng truyền thống mà không thấy được cái chung nhất, cái đẹp của sự tùy duyên của Phật giáo. Giáo pháp căn bản chỉ là một nhưng tùy theo hoàn cảnh, thời gian, căn cơ mà người Phật giáo đã vận dụng để truyền bá. Nếu không có kiến thức do sự nghiên cứu Phật học nghiêm túc thì chính những dị biệt do sự vận dụng ấy sẽ chia rẽ người Phật giáo với nhau, nói gì đến có thể đồng hành với người ngoài Phật giáo. Người Phật giáo nói chung, đối ngũ làm công tác giảng dạy, giáo dục nói riêng có chịu can đảm nhìn lại kiến thức Phật học của mình, đó là kiến thức theo truyền thống, quan điểm các nhân hay kiến thức căn bản Phật giáo từ sự nghiên cứu Phật học một cách nghiêm túc. Khi chúng ta giới thiệu kiến thức Phật giáo cho học viên, kiến thức đó có đúng với Phật học không hay là do những kiến thức theo truyền thống, những suy luận theo tư duy chủ quan của mình.

Người nghiên cứu Phật học nếu không biết Sanscrit, Pali, Hán ngữ, Tạng ngữ, Anh ngữ; không nghiên cứu nghiêm túc giáo lý cả hai truyền thống Nguyên thủy và Phát triển mà chỉ căn cứ vào vài tác phẩm Phật học Việt ngữ theo quan điểm truyền thống hay cá nhân nào đó thì thật khó mà nắm bắt được giáo lý căn bản của Phật giáo chưa nói là hiểu không đúng, đến tư duy, giảng dạy, tu tập sai lầm, tạo thêm hố sâu ngăn cách giữa những người con Phật. Do đó, nhu cầu cực kỳ quan trọng trong công tác nghiên cứu Phật giáo hiện nay là ít ra người học Phật cũng phải hiểu biết những ý nghĩa nội hàm của từ ngữ Phật học qua Sanscrit hay Pali mà không chỉ hiểu theo nghĩa Hán ngữ hay Việt ngữ. English là một ngôn ngữ mới giúp chúng ta rất nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo nhờ sự nghiên cứu, viết và dịch thuật các tác phẩm Phật giáo một cách nghiêm túc của các học giả và hành giả Âu Mỹ. Đồng thời, chúng ta cần nghiên cứu, hiểu biết, dung hội cả hai truyền thống Nguyên thủy và Phát triển làm cơ sở cho sự tu tập. Đây là thách thức lớn cho những người làm công tác giáo dục Phật giáo Việt nam.

Tu tập: Trí tuệ theo Phật giáo không chỉ là kiến thức mà là tri kiến về giáo pháp được thể nghiệm, được hình thành từ đạo đức, văn tuệ, tu tuệ, tư tuệ. Văn tuệ là trí tuệ do kết quả học hiểu giáo pháp; Tư tuệ là trí tuệ do kết quả thực hành giới luật, thiền định; Tu tuệ là trí tuệ do kết quả thực hành thiền quán. Như thế, nếu người Phật giáo không chỉ dừng ở kiến thức văn bằng Phật học như các sinh viên, các nhà nghiên cứu, các học giả thì sự tu tập để thấy pháp là việc không thể thiếu. Phật giáo xuất hiện do sự chứng ngộ của Đức Phật, phát triển, truyền bá khắp nơi đến ngày nay là do sự tu chứng của các thể hệ Phật tử kế tiếp. Nếu không có sự tu chứng về mặt tâm linh thì Phật giáo chỉ là một hình thức tín

ngưỡng, một triết thuyết, không đủ sức sống để tự nuôi mình, nói gì đến việc làm đạo sư cho thế gian, cứu khổ cho thế gian. Hiện nay, những nước Phật giáo như Myanmar, Thailand, Tích lan, Nhật bản và một số các nước Âu Mỹ có các trung tâm thiền hướng dẫn tu tập. Các trung tâm thiền nhiều hơn các trường dạy kiến thức Phật học. Hiện nay, hằng năm, các tổ chức Phật giáo ở Châu Âu, Mỹ và Úc đã có tổ chức những khóa tu học Phật pháp cho người Việt tại hải ngoại. Tại Việt nam, so với số lượng đông đảo



chùa chiền thì tu viện tu tập gần như hiếm hoi. Có một vài thiền viện tu tập theo Tổ sư thiền, Thiền an lạc, hay Pháp môn Tịnh độ thì vẫn là theo sự tu tập tự phát của một nhóm cá biệt theo tư duy cá nhân, không có truyền thống rõ ràng, chưa thể đại diện cho sự tu tập theo Phật giáo nói chung, Việt nam nói riêng... Đây là điều người Phật giáo phải suy nghĩ.

Ngoài phải thực hiện tốt ba lĩnh vực trên, để thực hiện nhiệm vụ từ bi cứu khổ của mình, Phật giáo còn phải đi vào hai lĩnh vực nữa là xã hội và nghệ thuật.

Xã hội: Người Phật giáo không chỉ biết tự tu cho mình mà còn phải quan tâm đến những vấn đề xã hội, cụ thể là tổ chức những trường học theo nhiều cấp, giáo dục về đức dục bên cạnh giáo dục trí dục và thể dục; Bệnh viện, nhà trẻ, nhà dưỡng lão, cứu trợ, công tác từ thiện, lễ hội Phật giáo v.v... nói chung bằng nhiều phương tiện Phật giáo đẩy mạnh vai trò đạo sư của mình, đem ánh từ bi trí tuệ vào cuộc đời, soi sáng cuộc đời, đem giáo Pháp đến cho tất cả mọi người trong hoàn cảnh và khả năng của mình.

Nghệ thuật: Từ cái nhìn cuộc đời bằng trí tuệ và từ bi, Phật giáo đã thể hiện tư duy ấy qua nghệ thuật kiến trúc chùa tháp, điêu khắc, hội họa, cắm hoa, trà đạo, âm nhạc, thư pháp, v.v... Vấn đề là những nghệ thuật ấy phải thể hiện được tinh thần vô ngã của Phật giáo với từ bi, trí tuệ, giải thoát, giác ngộ chứ không phải là sự biểu hiện theo xu hướng model hay bản ngã của người nghệ nhân. Người Phật giáo nghĩ gì về lĩnh vực này?

Kết: Mục đích của khoa học là khám phá thiên nhiên để thoả mãn sự hiểu biết, hiểu biết để khám phá và khoa học không có điểm dừng. Trong quá trình khám phá đó, loài người vừa được thu hưởng những thành thành tựu của khoa học vừa là nạn nhân của những thành tựu khoa học ấy mà không có lối thoát.

Mục đích của kinh tế là thoả mãn nhu cầu của sáu giác quan. Nhưng nhu cầu lại do dục vọng của bản năng sai khiến, không bao giờ dừng. Với những gì chúng ta ưa thích mà bị mất thì sinh ra **hoại khổ**. Với những gì ta không thích mà vẫn có với ta thì sinh ra **khổ khổ**. Tâm ý lăng xăng mãi đi tìm hạnh phúc cảm giác theo khái niệm thì sinh ra **hành khổ**.

Chính trị là để đem lại ổn định cho đất nước, nhưng lại tùy thuộc vào những khái niệm theo quan điểm, thể lực của nhà cầm quyền. Do đó, sự mâu thuẫn luôn luôn phát sinh giữa nhân dân và chính quyền, giữa chính quyền này và chính quyền khác lại mâu thuẫn nhau. Nhà tù xuất hiện.

Tôn giáo do con người dựng lên để phục vụ, bảo vệ con người, nhưng chính do thiếu hiểu biết hay cuồng tín mà con người lại bắt con người làm nô lệ cho tôn giáo. Khi ta tin rằng tôn giáo của ta là chính đạo thì có nghĩa là

các tôn giáo khác là tà đạo. Khi ta tôn thờ Thượng đế của ta, ai tôn thờ Thượng đế khác có nghĩa là dị giáo và ta có nhiệm vụ thiêng liêng là bắt họ phải theo hay xử lý họ.

Khác với các tôn giáo khác lấy Thượng đế làm trung tâm thì Phật giáo lấy Pháp làm trung tâm. Các tôn giáo khác tin rằng chúng ta được cứu rỗi được hay không tùy thuộc vào lòng tin vào giáo lý siêu hình hay Thượng đế thì Phật giáo lại cho rằng sự hạnh phúc, giác ngộ, giải thoát tùy thuộc vào chúng ta có hiểu biết về pháp – quy luật tự nhiên – hay không. Đức Phật tuyên bố: “Ai thấy được lý duyên khởi thì người ấy thấy pháp, ai thấy pháp thì thấy lý duyên khởi” (Trung bộ kinh kinh 28, trang 192_HT Minh Châu dịch), “Nếu thấy Pháp là thấy Ta, thấy Ta là thấy Pháp. Vì thấy pháp nên thấy Ta, thấy Ta nên thấy pháp.” (Vinaya iii, 120)

Pháp là thực tại đang vận hành theo quy luật của nó, có hai lĩnh vực là sự thật do khái niệm, do quy ước (pannatti sacca) và sự thật của chính nó (paramattha sacca). Thấy được sự thật của khái niệm, quy ước, người Phật giáo có thể ngồi chung, lắng nghe, đồng hành với kinh tế, chính trị. Thấy được thật tại và sự vận hành của pháp, người Phật giáo có thể ngồi chung, lắng nghe, đồng hành với khoa học, tôn giáo. Vấn đề là, người Phật giáo cần phải biết rõ trong quá trình ngồi chung, đồng hành đó, làm thế nào để tùy duyên mà vẫn bất biến, hoà nhập mà không hoà tan. Sau một quá trình đồng hành, có thể khoa học, kinh tế, chính trị, tôn giáo khác đã đến đích của họ, nhưng người Phật giáo làm thế nào vẫn “ưng vô sở trú” tiếp tục đi trên con đường cứu khổ để đạt đến mục đích giải thoát của mình như lời Đức Phật dạy “khác thay đường thế lợi, khác thay hướng Niết bàn, Tỳ kheo đệ tử Phật, Phải như vậy tư lương” (Pháp cú 75).

Đã có được ba đặc điểm tùy duyên, người Phật giáo phải suy nghĩ làm thế nào để hội nhập với kinh tế, chính trị, khoa học và tôn giáo bằng chánh pháp trong thế giới hiện đại; lập trình cho năm lĩnh vực hoạt động nổi bật của Phật giáo là Tín ngưỡng, nghiên cứu, tu tập, xã hội, nghệ thuật, vượt qua những trở ngại, thách thức với nhiệm vụ đạo sư của mình và thực hiện mục đích cứu khổ bằng năng lực từ bi, trí tuệ giữa thế gian trong thời đại mới này.

Thích Tâm Hạnh

HẢI NGOẠI VÀ DÒNG SINH MỆNH PHẬT GIÁO

Đào văn Bình

Trước đây người Việt đã có mặt trên khắp thế giới – đặc biệt tại Mỹ, Pháp, Đức, Úc, Nga, Đông Âu v.v... là do các chương trình du học hoặc làm việc trong các tòa đại sứ hoặc đi lính cho Pháp từ thời Thế Chiến I, nhưng con số không nhiều. Chỉ từ sau năm 1975 con số bỗng vọt lên tới trên 3 triệu do các đợt “*di tản*”, “*thuyền nhân*” (Boat People), “*đoàn tụ gia đình*” và “*hợp tác lao động*”.

Trái với người Da Đen ở Phi Châu bị bán qua Hoa Kỳ hoặc qua các thuộc địa của các Đế Quốc Anh, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan v.v... để làm mô lệ **họ không có gì để mang theo** ngoài sức lao động. Lúc đó, những người Da Đen này chỉ là những thổ dân sống trong các bộ lạc, chưa hình thành một quốc gia với kỷ cương và nhất là một nền văn học, văn hóa và tâm linh (tôn giáo) thịnh trị, cho nên họ bị đồng hóa ngay với tôn giáo và văn hóa bản địa. Giống như người Trung Hoa và Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Miến Điện, người Việt khi đi ra nước ngoài đã mang theo cả phong tục tập quán, văn hóa, lịch sử và nhất là tôn giáo như Phật Giáo – đã thấm vào xương tủy gần hai nghìn năm.

Phải nói, thân phận của những người Việt trong những ngày đầu mới định cư thật cay đắng. Họ phải làm đủ mọi nghề để sinh sống... như bồi bàn, rửa chén, lau chùi quét dọn nhà cửa, bán xăng cho các trạm xăng, may quần áo, khá hơn một chút thì làm *assembler* (thợ lắp ráp điện tử) v.v... Nói tóm lại – tất cả là những nghề **gì thuộc tay chân** mà không cần đến tiếng Tây, tiếng U gì ráo trọi. Có khi cả vợ chồng con cái phải thức hôm thức khuya để cầm những chiếc “*súng bắn nhựa nóng*” (glue gun) để gắn những bông hoa, những mảnh vải, những nút áo v.v... mà công lao nhà thầu chỉ trả 2 cent hay 3 xu (cent) một cái. Thế rồi ban ngày phải đi học thêm và hầu như họ không có ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật hay ngày lễ! Hầu hết những người thành công về mặt học vấn, thương mại sĩ tuổi ngoài sáu mươi tại Hoa Kỳ hôm nay, đều đã trải qua những giai đoạn gian khổ như thế. Còn về đời sống, muốn ăn nước mắm có khi phải lái xe khoảng 40 dặm (trên 60km) để vào những siêu thị của người Tàu. Ngày nay những người “*sang, sau*” hoặc từ Việt Nam du lịch sang Hoa Kỳ hoặc Úc Châu, thấy chùa chiền và đời sống phồn thịnh, sẽ không hiểu nổi những gian nan của người Việt trong những ngày đầu vào những năm 1975-1980.

Sống trong lòng một xã hội xa lạ về ngôn ngữ, tập quán, văn hóa mà chung quanh là một dòng chính, khoảng 75% là Ca-tô Giáo La Mã (Roman Catholic), Ca-tô Giáo Ly Khai (Protestant) và Do Thái



Giáo – gọi chung là Christianity – với sức cuốn hút hùng hực mà khối người này không mất gốc Phật Giáo... thật là chuyện phi thường. Nó phi thường ở chỗ lúc đó chưa có Chùa, chưa có Thầy mà chỉ có “*Ông Phật trong tâm*” và dòng máu Phật Giáo, dòng máu Việt âm thầm luân lưu trong huyết quản. Nói tóm lại trong Tam Bảo chỉ còn Phật Bảo. Còn Tăng Bảo và Pháp Bảo thì không có.

Nói về những gian nan của Phật Giáo hải ngoại trong những ngày đầu, vào thập niên 1980, có những đại đức trẻ ban ngày phải đi làm để kiếm sống trả tiền thuê chùa (nhà), rồi học *part time* (bán thời gian) để trau dồi thêm kiến thức. Chùa đóng cửa cả

tuần, có khi chỉ mở ngày Thứ Bảy hay Chủ Nhật hoặc những ngày lễ của Hoa Kỳ. Một số chùa do Phật tử thành lập lại không có thầy. Tới một ngôi chùa mà không thấy ni/sư trụ trì thì nó lạnh lẽo và buồn chẳng khác nào “*Con không cha, nhà không nóc*”. Trong nỗ lực phi thường đó, Phật Học Viện Quốc Tế (Nam California) có lẽ là cơ sở Phật Giáo đầu tiên tại hải ngoại.

Còn đối với hàng cư sĩ và Phật tử, sau khi đã tạm ổn định đời sống, thì nhu cầu tâm linh, tu học, làm sống lại Phật Giáo và cũng là để giữ gìn bản sắc dân tộc sống dậy như một thôi thúc. Một người Việt Nam qua Mỹ, Âu Châu, Úc Châu, Canada có đi lễ nhà thờ thì chuyện đó chẳng lạ dưới con mắt người bản xứ. Nhưng cũng người Việt Nam đó qua đây lại đi lễ chùa, ăn chay, cúng giỗ ông bà tổ tiên, giữ gìn đạo hiếu (qua Lễ Vu Lan) và thờ “*Buddha*” vẫn còn xa lạ với đất nước họ thì đó mới là chuyện lạ. Còn các cựu huynh trưởng Gia Đình Phật Tử dù mái tóc đã bạc, cũng vén tay áo vun trồng, gầy dựng lớp măng non trong bộ áo lam. Các nhóm Phật tử, các hội cư sĩ, nguyệt san, đặc san, chương trình phát thanh, sau này là các website, weblog, băng CD, kinh sách phát không xuất hiện khắp nơi và hàng cư sĩ đóng góp mạnh mẽ vào sinh hoạt Phật sự, hộ pháp, luận giải kinh điển, phiên dịch... phải nói là rất nhiều, trong đó phải kể tới những tên tuổi như Cổ GS. Nguyễn Đăng Thực, Cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, BS Nguyễn Văn Thọ, Cụ Bảo Thông Lê Thái Ất, GS. Tiến Sĩ Thái Sơn (Viện Trưởng Đại Học Đông Phương, Pháp), dịch giả Phạm Kim Khánh, Cư Sĩ Trần Quang Thuận, Cư Sĩ Thiện Phúc tác giả cuốn Từ Điển Phật Học Việt-Anh (1) mà tôi nghĩ rằng phải để ra ít nhất từ 15 tới 20 năm để hoàn tất. Và còn rất nhiều “*bồ tát tại gia*” khác đã đóng góp không mệt mỏi cho đạo pháp mà không ai có thể biết hết. Trong số này phải kể thêm những vị điều hành các website, nội dung không phải 100% Phật Giáo nhưng đã có tới 1 triệu lượt độc giả thăm viếng.



Nhưng một trong những cư sĩ mà tôi đề cập sau đây, lại thuộc thế hệ con hay em của các cây cổ thụ nói trên, đó là Cư Sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải. Phan Tấn Hải sinh năm 1952 tại Sài Gòn, vừa là một nhà báo, một nhà thơ, đã từng học đạo với quý Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu (Chùa Tây Tang, Bình Dương), Hòa Thượng Thích Thiền Tâm (Đại Ninh, Lâm Đồng) và Hòa Thượng Thích Tài Quang (Phú Nhuận, Sài Gòn), là tác giả và dịch giả của một số sách Phật Giáo như: **Vài Chú Giải Về Thiền Đôn Ngộ** xuất bản năm 1990, **Thiền Tập** (biên dịch), **Ba Thiền Sư** của John Stevens, **Chú Giải Về Phowa** của Chagdud Khadro và **Lời Dạy Tâm Yếu Về Đại Thủ Ấn**. Vào ngày 31/7/2010 anh cho triển lãm 42 bức tranh vẽ chân dung Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Nam Cali nhân sinh nhật thứ 75 của Ngài. Vào Tháng 12 cùng năm, anh cho xuất bản ba cuốn sách song ngữ: 1) **Những Lời Dạy Của Từ Các Thiền Sư Việt Nam Xưa** là một tập hợp bao gồm những bài pháp, bài thơ và kệ của các thiền sư trải dài 16 thế kỷ, từ Thế Kỷ 3 tới Thế Kỷ 19 mà anh dịch ra Anh Ngữ và bình chú dưới tựa đề **Teaching From Ancient Vietnamese Zen Masters**. 2) **Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291)** dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề **The Wisdom Within: Teaching and Poetry of the Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Si (1230-1291)**. 3) **Trần Nhân Tông: Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền** dịch ra Anh Ngữ và bình chú với tựa đề **Tran Nhan Tong: The King Who Founded A Zen School**. (2) Trong cả ba cuốn sách này, nơi những trang đầu, anh đã bày tỏ lòng biết ơn sâu xa "đối với Thiền Sư Thích Thanh Từ, GS. Tiến Sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Học Giả Trúc Thiên, Sư Gia Trần Đình Sơn vì những công trình nghiên cứu mà những tác phẩm này đã dựa vào đó để tham khảo và bốn sư Thiền Sư Thích Tịch Chiếu." Đây là ba cuốn sách song ngữ đối chiếu trình bày rất trang

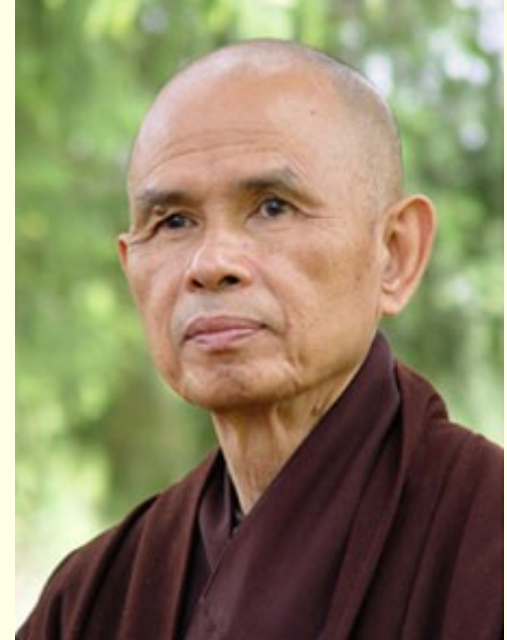
nhã, mỗi cuốn dày khoảng 200 trang, lợi ích cho thế hệ trẻ Việt Nam không am tường tiếng mẹ đẻ và cho các nhà nghiên cứu cũng như Phật tử ngoại quốc muốn tìm hiểu về Thiền Tông Việt Nam.

Khi nhận được ba cuốn sách, tôi đã gọi điện thoại cũng như gửi điện thư tán thán công đức và ca ngợi khả năng dịch thuật của anh. Dịch thơ Việt sang Anh, Pháp đã khó mà dịch thơ Thiền và kệ tụng lại càng khó hơn, bởi ý thơ Thiền mông lung, huyền diệu và rất nhiều ẩn dụ. Để nguyên tiếng Việt cũng đã khó hiểu huống hồ dịch sang ngoại ngữ. Tôi nghĩ rằng anh đã hoàn thành những tác phẩm này – nói theo thể thường – như đam mê của một nghệ sĩ. Còn nói theo ý đạo – như một hạnh nguyện xiển dương chánh pháp mà Thiền Tông đang được thế giới coi như viên kim cương của Phật Giáo với muôn ngàn màu sắc.

Qua những đóng góp của hàng cư sĩ tại gia cho Phật Giáo, chúng ta có thể ví: Phật tử như gốc, tăng ni như thân cành, còn cư sĩ thì như hoa trái. Cây mất gốc tức không tồn tại, thì cây đổ. Cây không thân cành là cây chết vì chỉ còn trơ gốc rễ. Nhưng cây không hoa trái là cây không đẹp. Ba yếu tố này không thể tách rời nhau, đó là nét đặc thù của Phật Giáo.

Nhưng câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao tôi lại có ý phân biệt giữa **Phật Tử và Cư Sĩ**? Họ khác nhau như thế nào? Xin thưa, Phật tử là những tín đồ bình thường. Họ có thể là quý cụ, quý ông quý bà, thanh niên, thiếu nữ hoặc các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử, Câu Lạc Bộ Thanh Thiếu Niên Phật Tử quanh năm sinh hoạt, đi lễ chùa. Họ cũng có thể một năm chỉ đến chùa một lần trong ngày hái lộc đầu Xuân hoặc chay hội Chùa Hương. Họ có thể chỉ đến chùa để làm lễ cầu siêu khi cha mẹ họ qua đời, hoặc làm đám cưới. Họ cũng có thể chỉ đến chùa mỗi năm trong ngày Lễ Vu Lan để báo hiếu cha mẹ. Họ đóng góp rất nhiều cho chùa như tài chánh, công quả, ấn tống kinh sách v.v... nhưng tâm hồn họ hồn nhiên, vô tư và không bao giờ ray rứt về tương lai và sự tồn vong của Phật Giáo. Còn hàng cư sĩ thì có khác. Hàng ngũ Ưu Bà Di, Ưu Bà Tắc năm xưa chính là các đệ tử của Đức Phật. Họ chỉ khác với Tăng Già (Sangha) là: **Một bên tu tại chùa** (ngày xưa là các tịnh xá) **một bên tu tại nhà**. Hàng ngũ cư sĩ này, phần lớn là những nhà trí thức hoặc những vị nắm giữ những chức vụ quan trọng trong xã hội. Họ ưu tư tới sự tồn vong và sự thích nghi của Đạo Phật theo đà tiến triển của nhân loại. Họ theo dõi các chuyển động tôn giáo nói chung trên toàn thế giới, họ nhiệt tình với đạo pháp và hết lòng hộ pháp, hoằng dương chánh pháp. Những đỉnh cao chói lọi của hàng cư sĩ trong quá khứ phải kể tới tỷ phú Cấp Cô Độc, Vua A Dục của Ấn Độ, Lương Vũ Đế của Trung Hoa, Vua Lý Thái Tổ của Việt Nam. Và lịch sử Việt Nam cận đại phải ghi công các bậc cư sĩ lỗi lạc như Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Lê Đình Thám, Nguyễn An Ninh... đã cùng với chư tăng trong nỗ lực chấn hưng Phật Giáo vào thập niên 1930 khi ngôi nhà Phật Giáo gần như đổ nát dưới gót giày xâm lược của Thực Dân Pháp.

Vì hàng cư sĩ có khi chỉ "tu tại gia", không gần bó với chùa hoặc thầy nào, tức không bị ảnh hưởng bởi "phe phái" cho nên sự đóng góp của họ cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam không bị chướng ngại. Ngoài ra, số lượng **cư sĩ Phật tử trẻ** tại hải ngoại cũng gia tăng đáng kể do ảnh hưởng của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thiền Sư Nhất Hạnh, do khả năng tiếp cận với Phật Giáo qua Anh Ngữ, Pháp Ngữ... vốn là sở trường,



thay vì phải tìm hiểu Phật Giáo bằng vốn liếng Việt Ngữ rất hạn chế. Do đó, nói một cách chủ quan, theo tôi, nếu dùng cách đếm số lượng người “*có đi lễ chùa*” hoặc “*quy y*” để lượng định thực lực của Phật Giáo là phương pháp hoàn toàn sai lầm. Câu nói “*Phật tại tâm*” khiến người Phật tử không câu nệ hình thức, không khoe khoang rằng “*tôi có đạo đây*” để cho người khác biết. Người Phật tử cũng như cư sĩ, do ảnh hưởng bởi **giáo lý thanh tịnh** cho nên họ đều “**keep low profile**” tức ít đeo hình tượng, không ồn ào, hoặc công khai bày tỏ lý lịch Phật Giáo ở nơi chốn công cộng. Cho nên gặp một người bình thường ngoài đời, chúng ta khó có thể biết họ là Phật tử. Trong khi đó, nếu gặp tín đồ của các tôn giáo khác, dù chỉ một lần, chúng ta có thể biết ngay gốc tích tôn giáo của họ.

Còn hệ thống Tăng Già hải ngoại thì như thế nào? Sau 35 năm, chưa bao giờ số lượng tăng ni và tự viện gia tăng như vậy. Theo ước lượng chủ quan của tôi, và căn cứ vào con số địa chỉ phổ biến, trên toàn thế giới có trên 300 ngôi chùa Việt Nam. Riêng tại thành phố San Jose, California có khoảng 20 ngôi chùa trên địa bàn dân số khoảng 100,000 – mà Phật tử không phải 100%. Một số “Giáo Hội” và “Tổ Đình” đã ra đời. Riêng tại Hoa Kỳ do không thống nhất được lãnh đạo, do ảnh hưởng bởi các biến động chính trị, đã có ít nhất bốn “Giáo Hội” đang hoạt động. Theo tôi dù là “giáo hội” gì đi nữa nó cũng vẫn chỉ là **Sự** vận hành trong cái bao la của **Lý** tức “Phật Giáo Việt Nam”. Các “**Giáo Hội**” ví như sóng, còn “**Phật Giáo Việt Nam**” ví như nước. Sóng có sóng to, sóng nhỏ, sóng ngầm, sóng cồn, sóng bạc đầu, sóng vô bờ, sóng thần... sóng nọ đề lên sóng kia... nhưng thể của nó vẫn là nước. Hàng cư sĩ và Phật tử đã từng nghe, từng đọc lời dạy của chư tăng ni về Lý Sự Viên Dung Vô Ngại Pháp Giới. Vậy thì có bao giờ Sự tách rời khỏi Lý và ngăn ngại với Lý không? Nói khác đi, có thể nào “**sóng không phải là nước?**”

Luận về thịnh suy của đạo pháp, chúng ta phải thấy rằng trong Tam Bảo thì Phật Bảo và Pháp Bảo không bao giờ bị hoen ố. Chỉ có Tăng Bảo là có thể bị hoen ố. Sự chia rẽ giữa các cấp lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau Pháp Nạn 1963 khiến Phật Giáo suy yếu mà hệ quả của nó còn kéo dài cho tới ngày nay – sau 48 năm – gần nửa thế kỷ – là bài học cay đắng cho Phật Giáo Việt Nam nói chung. Chúng ta nên nhớ rằng Phật và Pháp không bao giờ phá hòa hiệp tăng, chỉ có Tăng là có khả năng phá hòa hiệp tăng mà thôi. Do đó sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam nằm trong tay tăng ni chứ không ai khác và cũng không một ai có khả năng thay thế việc này dù hàng cư sĩ và Phật tử có nỗ lực như thế nào đi nữa. Bởi một khi “Tăng Già” đã phân liệt, tan rã thì lấy chỗ đâu để hàng cư sĩ và Phật tử hộ pháp? Có lẽ lúc đó chỉ còn cách ôm mặt khóc ròng?

Nói về tầm mức quan trọng của hòa hiệp tăng, Đức Phật đã dạy như sau “*Này thiện nam tử! Nếu Phật ra đời chúng đặng vô thượng bồ đề, dầu có hàng đệ tử hiểu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có hàng bạch y đàn việt (3) hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập niết bàn, thì chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập niết bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.*” (4)

Một thực tế không thể phủ nhận là Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại đang thực sự lớn mạnh và đóng góp công sức lớn lao cho nhu cầu phục vụ tâm linh

và giữ gìn bản sắc dân tộc cho khối Phật tử người Việt hải ngoại. Thế nhưng Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại đóng góp như thế nào cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam nói chung, tức sinh mệnh của Phật Giáo – lại là một vấn đề vô cùng phức tạp. Nhưng câu hỏi đặt ra là: vì “*vô cùng phức tạp*” cho nên chúng ta chịu bỏ tay sao? Chúng ta đã từng nghe các bài pháp, nhờ những bài pháp này một số thầy đã cứu vãn sự đổ vỡ của nhiều cuộc hôn nhân, nhiều gia đình. Quý thầy chữa “*bệnh đổ vỡ*” cho người thì được, nhưng tại sao quý thầy không thể chữa bệnh cho chính mình? Thật phi lý khi một bác sĩ chữa bệnh cho người thì được, còn chữa bệnh cho chính mình lại không được! Sự ngăn ngại là do “*cảnh*” (yếu tố ngoại lai) hay do chính tâm ta? Theo Lục Tổ Huệ Năng thì chẳng có “*kỳ động*” hay “*phong động*” mà chính tâm ta động. Để đóng góp vào dòng sinh mệnh của Phật Giáo Việt Nam, tất cả chúng ta, ngoài sự nỗ lực hy sinh cho đạo pháp không ngừng nghỉ, cũng cần theo lời dạy của Hương Hải Thiền Sư:

Ngu nhân trừ cảnh bất trừ tâm

Làm sao chúng ta có thể trừ được “*cảnh*” đang trùng trùng điệp điệp diễn từng sát-na? Mà “*cảnh*” thì nghìn đời lúc nào cũng giống nhau, vốn sinh ra bởi gốc rễ Tham-Sân-Si. Vừa trừ được “*cảnh*” này thì “*cảnh*” khác lại hiện ra, bởi vì “**Ngưu đầu một mã đầu hồi**” (Đầu trâu vừa vào thì đầu ngựa lại ra, giống như một sân khấu vậy) (5)

Cho nên kẻ “*ngu phu*” mới lằng xằng tìm cách “*trừ cảnh*” mà không chịu trừ ngay cái “*tâm động*” tức cái tâm mê muội, tâm vọng chấp của mình.

Và đọc lại bài kệ tụng cũng của Ngài Hương Hải Thiền Sư:

Phản văn tự kỳ mỗi thường quan.

Thăm sát tư duy tứ tế khan.

Mạc giáo mông trung tâm tri thức

Tương lai diện thượng đồ sư nhan.

Dịch nghĩa:

Mỗi ngày nên xem xét lại mình.

Suy nghĩ cho kỹ

Đừng tìm tri thức (đạo) trong mơ mông.

Sẽ thấy ông thầy hiện ra trên đầu mình.

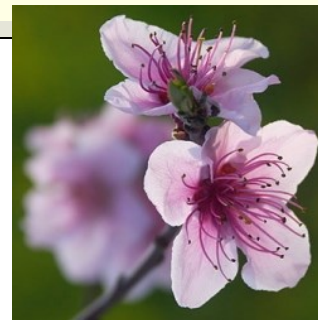
Và nghiền ngẫm lại sự huyền diệu của Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới trong thế giới trùng trùng duyên khởi của Hoa Nghiêm. Tất cả chỉ là **Một** nhưng hiện ra muôn ngàn hình tướng, hợp tan, tan hợp, nhận lấy, bỏ đi, có đó rồi mất đó, yếu đó rồi ghét đó, tồn sùng đó rồi mất sát đó, trong từng sát-na. Tất cả tướng chừng như thật nhưng không có gì thật cả. Chỉ có cái Chân Không, hay Chân Tâm, hay Phật Tánh là hằng hữu. Hạ thấp xuống một tầng theo tư tưởng nhập thế thì mọi “*danh hiệu, danh xưng*” đều là sắc tướng – đều là pháp hữu vi – đều tạm bợ – chỉ có “Phật Giáo Việt Nam” là miên viễn vì Phật Giáo Việt Nam gắn liền với tâm linh, lịch sử, bản sắc và vận mệnh dân tộc.

Câu hỏi đặt ra ở đây là tăng ni, Phật tử, cư sĩ ở hải ngoại phải làm gì để tiếp thêm sinh lực cho dòng sinh mệnh Phật Giáo Việt Nam? Muốn biết phải làm gì, chúng ta hãy theo dõi những tin tức nóng bỏng về những chuyển động tôn giáo trên toàn thế giới. Do chiều hướng suy thoái của các tôn giáo cổ truyền ở Âu Châu (6) kể cả Bắc Mỹ, Úc Châu... để tìm một sinh lộ, hiện nay một số tôn giáo đang có những kế hoạch và âm mưu cải đạo tín đồ Phật Giáo Á Châu một cách khốc liệt. Trong cuộc phỏng vấn của báo Le Point (Pháp) Đức Đạt Lai Lạt Ma đã lên án những âm mưu này và coi đó như "Là một hình thức chiến tranh chống lại các dân tộc khác và các nền văn hóa khác". (7) Trong cơn lốc "chiến tranh tôn giáo nơi thì lộ liễu nơi thì ngấm ngấm" đó, nếu Phật Giáo suy tàn trên quê hương mình thì tăng ni, Phật tử, cư sĩ ở hải ngoại này có sống cũng như chết.

(California 23 Tết Tân Mão Tháng 2, 2011)

Chú thích:

- (1) Từ Điển này đã đưa lên website Quảng Đức sách
- (2) Sách tặng không bán. Quý vị có thể hỏi tại: Tu Viện Pháp Vương 715 Vista Ave. Escondido, CA 92026 ĐT: (760) 739-8063
- (3) Phật tử, thí chủ
- (4) Kinh Đại Bát Niết Bàn, bản dịch của HT. Thích Tri Tịnh
- (5) Kệ tụng của Thiền Sư Tuyết Đậu
- (6) Nước Pháp được coi như "Trường nữ của Giáo Hội", theo tài liệu của Wikipedia, thống kê Tháng Giêng 2007 cho biết chỉ còn 51% người Pháp nhận mình là Ca-tô Giáo La Mã trong đó chỉ còn phần nửa tin vào Thượng Đế, 31% là Vô Thần, 9% là Hồi Giáo, 3% là Ca-tô Giáo Ly Khai (Protestan) và 1% là Do Thái Giáo: A January 2007 poll found that 51% of the French population describe themselves as Catholics (and only half of those said they believed in God), 31% as atheists, 9% as Muslims, 3% as Protestants and 1% as Jews.^[13]
- (7) Nguồn tin: <http://www.phattuvietnam.net/5/67/12674.html>



CÓ MỘT LOÀI HOA

Trên đời có lắm loài hoa
Mai, lan, cúc, trúc, chan hòa cõi không
Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông,
Đổi thay vạn vật mênh mông thế thường
Nào hay đi khắp bốn phương
Có loài hoa quý ngát hương cõi đời
Kim Loan tên gọi người ơi!
Sắc hương thâm lặng sáng ngời trần gian.

CHÚC HIỀU

thơ

SINH NHẬT

Sinh nhật trước nhận được thơ Cô viết
Lòng mừng vui khôn xiết đậm tình thâm
Quyết tu hành nên càng được an tâm
Hương pháp tỏa, mỗi lần lên Tổng Hội.

Sinh nhật này lòng thấy buồn quá đôi!
Mô cô cha đau đớn tận tủy xương
Còn ai đâu dịu dặt mọi nẻo đường
Thân lạc lỏng, tâm không an, điên đảo.

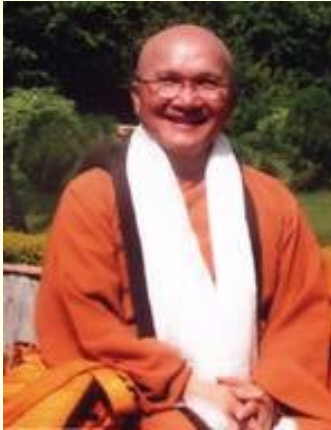
Khi đêm về lại thấy buồn ảo não
Nhớ chuyện này, rồi lại nhớ chuyện kia
Bởi vì đâu sinh ra cánh chia lìa
Vô thường đến phải biết rằng là lý.

Ráng tu tập tìm về chân thiện mỹ
Đem niềm vui hóa giải mọi nhớ thương
Để ngày mai an lạc đến không lường
Hương thiền tỏa, nở nụ cười Di Lặc.

DIỆU ĐỨC

VÀI SUY NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG HOẰNG PHÁP CỦA TĂNG GIÀ VIỆT NAM TẠI MỸ

Thích Thông Hải



(Bài tham luận trình bày trong “Hội Luận 2012 - Phật giáo Việt Nam tại Mỹ - Nhìn về Tương Lai, Cơ hội và Thách thức” của Hội Phật học Đuốc Tuệ tại California, ngày 16/12/2012)

I. Nhu Cầu Cần Thiết Để Tổ Chức Khóa Tu Dưỡng Giảng Sư

Nhu cầu cần thiết để tổ chức khóa tu dưỡng giảng sư là để tạo điều kiện cho Tăng Ni và trụ trì các Tự Viện có đủ năng lực phục vụ Đạo Pháp, mở ra và định hướng cho thế hệ trẻ tương lai, đem Đạo

Phật vào tận các nơi xa không có hình bóng chư tăng hoằng pháp.

Chư Tôn Đức giảng sư là những người kế thừa tinh thần hoằng pháp của Chư Tôn Thiền Đức quá khứ, còn có một hướng nhằm là hòa hợp, hội thông, liên kết qua hai chiều. Chiều dọc từ các bậc Tôn Đức Tăng Già tiền bối trưởng thượng, đến thế hệ trưởng thành hiện tại, các thế hệ mầm non và tương lai xa hơn. Chiều ngang gồm các Tăng Sĩ của các hệ phái Phật Giáo Việt Nam có mặt nơi các nước Tây Phương, những vị ấy có thể là Tăng Ni sinh trẻ, là Trụ Trì các Tự Viện. Các Thượng Tọa đã từng có mặt trong các công tác hoằng pháp, giáo dục, dịch thuật. Các vị ấy có thể đang tu tập những pháp môn khác biệt, sinh trưởng và cư trú trên các địa vực trong và ngoài đất nước Hoa Kỳ.

II. Bàn Hoài của người Tăng Sĩ

Bàn hoài của người Tăng Sĩ Việt Nam nơi hải ngoại là mang tuệ giác của Đạo Phật thâm nhập thật sự vào xã hội và văn hóa Tây Phương, để Đạo Phật tồn tại và phát triển.

Quá khứ lịch sử đã từng chứng minh sự hội nhập của Đạo Phật vào các vùng văn hóa xa lạ, kỳ thị, đối kháng. Các bậc Thánh Tăng đã mất nhiều công sức, qua các thế hệ, trải qua nhiều thế kỷ để làm cho Phật Giáo có mặt thật sự ở các nước phương Đông. Hiện tại và tương lai mục đích của hàng tăng sĩ nơi Hải Ngoại là cố gắng làm công việc mà lịch sử đã vô tình giao phó như các bậc tiền bối đã từng làm: Mang tinh hoa giáo lý từ bi giải thoát và tuệ giác vô ngã của Đức Thế Tôn hiển tăng được cho con người ở xã hội mình đang sống, hầu xứng đáng với bàn hoài của Trưởng Tử Như Lai. “Hoằng pháp vì gia vụ lợi sanh vì sự nghiệp” và “chỗ nào chúng sanh cần con đến, chỗ nào Đạo Pháp cần con đi, không quản gian lao không nề khó nhọc” như những bậc Thầy quá khứ đã từng thể hiện.

III. Nền Tảng Căn Bản

Một Tăng Sĩ của Đạo Phật trưởng thành từ nền tảng căn bản của Tam Vô Lậu Học vững chắc thì tự thân đã là một “Sứ Giả Như Lai”. Tuy nhiên, tùy theo văn hóa từng địa vực khác biệt, hoàn cảnh sống và trình độ tri thức của con người trong xã hội từng thời mà yêu cầu cho một Sứ Giả Như Lai được biểu hiện cụ thể qua ba yếu tố có mặt ở tự thân thật vững chãi. Ấy là pháp học, pháp hành và phương tiện hoằng pháp. Có được ba yếu tố này và được trui rèn vững chắc mới có thể làm cho Đạo Phật có mặt ở chiều rộng và chiều sâu trong xã hội mình đang sống. Do vậy, yêu cầu đặt ra cho chính tự thân mỗi vị Sứ Giả Như Lai rất nặng. Vị ấy ngoài khả năng nội điển thâm sâu, tri thức thế gian khá rộng, phẩm chất đạo hạnh ưu tú, còn phải bén nhạy để cập nhật hóa phương pháp truyền đạt nhịp nhàng với bước phát triển xã hội Tây Phương. Tất nhiên vai trò nặng hơn vẫn thuộc về ban giảng huấn. Bằng tất cả tấm lòng của các bậc Thầy lớn đã trải nghiệm tu học, Quý Thầy sẽ truyền trao tất cả kinh nghiệm tu học và hành đạo của mình đến các vị Sứ Giả Như Lai.

IV. Chương Trình Tu Học và Hoằng Pháp.

a. Tu Học -

Nội điển là trọng tâm của chương trình đào tạo một vị Giảng Sư, do vậy một vị giảng sư cần phải am tường những kinh điển của hai hệ Tam Tạng Thánh Điển Nam và Bắc truyền. Ngoài ra, còn được nâng cao tri thức bằng các môn lịch sử Phật Giáo, tâm lý xã hội, nghệ thuật thuyết giảng, phương pháp sư phạm nghi lễ, hành chánh cộng với những buổi sinh hoạt ngoại khóa, thỉnh giảng... Song song đó Anh ngữ được đặc biệt quan tâm vị giảng sư cần phải sử dụng lưu loát hai ngôn ngữ Anh và Việt.

Dù rằng trong học đã có tu, pháp hành được triển khai và truyền đạt cùng thời với pháp học. Tuy nhiên, phẩm chất của vị Như Lai Sứ Giả không chỉ biểu hiện ở khả năng thuyết giảng, mà phải nằm sâu hơn, nền tảng vững chắc hơn ở chỗ tâm hành và thân giáo. Vì vậy, những tuần lễ thu xếp hết các Phật Sư, sách Kinh để tĩnh tu được đặt ra, hầu chư tăng ni có cơ hội củng cố định lực.

b. Hoằng Pháp -

Chương trình hoằng pháp của một vị tăng sĩ rộng, hẹp, cạn, sâu tùy theo mức độ tu học và hành trì tu học của từng cá nhân của mỗi vị tăng sĩ, cộng thêm vào đó nhu cầu học Phật của Phật Tử ở các trú xứ. Có thể mở ra các hướng thuyết giảng được thỉnh mời như sau:

- Giảng dạy tại các trú xứ, trung tâm, chùa, viện, tịnh xá....
- Mở những khóa tu cho các em thanh thiếu niên.
- Mở khóa tu gieo duyên.
- Mở những khóa tu định kỳ.
- Những ngày quán niệm tập trung lớn, hoặc nhỏ.
- Đáp ứng nhu cầu thỉnh giảng tại các nơi khác.
- Tổ chức các buổi pháp thoại công cộng.
- Tổ chức các chương trình trao đổi, tiếp xúc thảo luận với sinh hoạt học đường để tiếp cận và thâm nhập vào môi trường giáo dục nhân gian.

Ngoài ra chương trình hoằng pháp còn có thể mở vào các hướng văn học, nghệ thuật... truyền hình, truyền thanh, mạng internet... hầu đáp ứng nhu cầu tu học ngày một rộng của nhiều tầng lớp người trong xã hội.

V. Bốn Phận và Trách Nhiệm của Sứ Giả Như Lai.

a. Vai trò giáo dục của Sứ Giả Như Lai -

Định hướng gần là xây dựng một phần cho nền tảng giáo dục nhân bản của xã hội hiện tại. Định hướng xa là thành tựu giải thoát cho mỗi con người. Chắc hẳn sự phát triển của xã hội hôm nay và con người còn giữ gìn được ít nhiều di sản văn hóa của tiền nhân để lại đều nhờ sự có mặt của nền giáo dục. Tuy nhiên ở góc độ nào đó giáo dục xã hội đã không đóng được vai trò định hướng nhân bản cho loài người, nên có lúc thiên tai dịch họa không đáng sợ bằng nhân họa. Tính chất bạo hành hủy diệt của con người làm cho cả hành tinh run sợ. Đã đến lúc nhân loại tiến bộ đang tìm cách thức đẩy nền văn minh đi vào hướng nhân bản. Trong định hướng này công tác truyền giáo của Đạo Phật sẽ đóng vai trò quan trọng nhất cho xã hội. Bằng vào giáo lý duyên sinh vô ngã Đạo Phật có khả năng gỡ bỏ niềm tin mù quáng của con người, loại trừ tính chất độc tôn giáo điều, độc tôn chân lý của tôn giáo. Hóa giải bạo hành bằng từ bi, dẹp nhân họa bằng trí tuệ. Pháp hành Phật dạy nâng phẩm chất hạnh phúc con người vượt khỏi thú vui ngũ dục phù du, làm cho đời sống có chiều cao và chiều sâu. Cuối cùng Đạo Phật trao cho con người cơ hội chứng nghiệm trọn vẹn giác ngộ tự tâm. Đây chính là nền giáo dục nhân bản nhất đang có mặt trên hành tinh này. Dĩ nhiên những công trình ấy tùy thuộc vào cơ chế tổ chức và phẩm chất, nội dung của sự truyền đạt, để hình thành định hướng nhân bản tất yếu cho xã hội. Trong quá khứ vai trò giáo dục từng đặt nền tảng cho sự phát triển tôn giáo, xã hội. Các tôn giáo đã đi qua con đường này để mở rộng thế lực củng cố quyền uy. Tuy nhiên khi có mặt uy quyền và thế lực hoạt động tôn giáo dễ bị thế tục hóa và rơi dần vào thể tự hủy diệt bản chất tôn giáo của mình. Tự thân nền tảng giáo lý vô ngã của Đạo Phật, xóa mất con đường thế tục hóa khi Tăng Già đi vào lĩnh vực giáo dục. Giáo chế của Đức Phật, pháp qui của Tăng Đoàn quá khứ cho đến tổ chức Tăng Già hiện tại chưa hề có mặt tính chất áp đặt và pháp quyền. Đây là niềm tự hào lớn nhất của Đạo Phật. Lịch sử từng chứng minh tính chất trong sáng trên con đường truyền giáo của các bậc Thánh Tăng.

b. Gánh lấy trách nhiệm trước lịch sử -

Đạo Phật đã theo chân những đợt người di dân từ Á Châu đi vào các nước Phương Tây rất sớm. Các bậc Đạo Sư lớn phương Đông từng đặt chân du hóa các



nơi này, các Ngài đã từng vãi đất gieo hạt mầm Phật Pháp trong lòng người bản địa. Và không phải ngẫu nhiên có mặt hai triệu người Việt bỏ nước ra đi để hình thành một cộng đồng Phật Tử lớn làm chân đế cho chư Tăng Ni thiết kế công trình vật chất ngàn hạn tâm thường. Lịch sử nghiệt ngã bắt người Việt rải nhiều xương trắng máu đào trên quê hương, trên con đường vượt trùng dương sinh tử, thì người Việt có quyền đòi lịch sử trả lại mình quà tặng cao quý hơn. Nếu con đường tơ lụa mở ra cho thượng giới thì con đường ấy cũng mở ra cho Đông Tây văn hóa giao lưu và các bậc Thánh Tăng mang Đạo Phật thâm nhập vào Trung Thổ. Con đường đỏ xầm lẫm vào đất Tạng thì con đường khác tức khắc mở ra để Mật Thừa - vốn được bảo trì cẩn mật - chảy vào các quốc gia phương Tây. Trong khi Phật Giáo tại chính quốc gia Ấn Độ bị bức hại từ thế kỷ thứ 13 thì Đạo Phật Đại Thừa đã phát triển rực rỡ trên các quốc gia lân cận. Vận hội lịch sử nào cũng trao cho người con Phật những cơ may để truyền đạo. Điều quan trọng còn lại là các trưởng tử Như Lai có chịu nghiêng vai nhận lấy sứ mệnh lịch sử giao phó cho mình không.

Quá khứ Đạo Phật đã thấm vào các vùng văn hóa đa dạng, đặc thù phương Đông như nước thấm vào lòng đất. Đạo Phật đến để dâng tặng tuệ giác, nâng cao phẩm chất văn hóa bản địa mà chưa hề hủy diệt, bôi xóa hay gây thương tổn gì cho bất cứ nền văn minh của dân tộc nào trên hành tinh này. Con đường truyền giáo tự ngàn xưa nhiều bậc Thầy đã mở ra và các thế hệ Tăng Già đều kế thừa để hình thành một dòng chảy chưa bao giờ tắt. Thế hệ Tăng Ni trẻ có mặt hôm nay trên các đất nước Phương Tây này, đương nhiên là những người gánh lấy sứ mệnh lịch sử trao cho nối liền dòng chảy tuệ giác vượt vạn dặm trùng dương thấm vào vùng đất mới. Có như vậy, mới xứng đáng với sứ mệnh lịch sử của cộng đồng người Việt đã đặt chân trên quê hương thứ hai này.

c. Công trình của tập thể - Muốn chuyển hóa và nâng cao tâm thức một con người đạt được chân thiện mỹ, không đơn giản như quy hoạch xây dựng một thành phố lớn trên đất Mỹ. Hướng chi gieo hạt mầm trí huệ chuyển hóa tâm thức một xã hội; hẳn tâm nguyên công sức đầu tư phải to lớn. Công trình tổ chức và hoạt động của Phật Giáo không phải là công trình cá nhân. Thế giới chưa hề có công trình vật chất, tinh thần nào do một cá nhân làm nên cả. Các bậc Thầy lớn trên con đường hoằng pháp cũng chưa bao giờ thành đạt được bằng tư cách cá nhân. Tất nhiên một cá nhân hoàn thiện là yếu tố tiên quyết để hình thành những thuận duyên hỗ trợ. Tuy nhiên phải trùng trùng thuận duyên, nghịch duyên hỗ trợ để hình thành các Bậc Đạo Sư, các vị Thiền Sư lỗi lạc ở trong quá khứ và đương thời.



d. Xây dựng nền tảng Đạo Phật cho thế hệ tương lai

Tương lai không ở phía xa mà được biểu hiện ngay trong hiện tại. Nhìn tổ chức sinh hoạt của các già lam tự viện chỉ thấy thuần các bậc “cổ lai hy” thì ước đoán được sự tàn lụi của Đạo Phật trong vài thập kỷ tới. Quá khứ đã có nhiều cộng đồng Phật tử, Tăng lữ Đông phương đến Hawaii - hoặc các tiểu bang khác trên đất Mỹ - xây dựng tự viện nguy nga từ hơn 100 năm nay, nhưng sự suy tàn đã đến vào thế hệ thứ hai hoặc thứ ba của những người di dân. Và

hầu hết các sinh hoạt Phật Giáo từ truyền thống Á Châu có mặt trên đất Mỹ đang đi trên vết xe này. Đường như đối với số đông người Tây Phương theo Đạo Phật vẫn còn là một chậu bonsai đẹp dùng làm món trang trí mà thôi. Tất nhiên đem một Tôn Giáo xa lạ nhiều hình thái tín ngưỡng và nghi lễ nặng nề thâm nhập vào vùng đất văn minh, có nền tảng tín lý đối nghịch lại mình là việc làm cực khó. Và khó khăn được gia cố với nhiều yếu tố tiêu cực khác như kiến trúc lờ loẹt cung đình, văn hóa đa thù phức tạp, giáo lý trừu tượng siêu hình, tâm thức nặng cảm tính, gây nên phản ứng nghịch ban đầu khi người Mỹ tiếp xúc Đạo Phật. Đặc biệt là cộng đồng Tăng lữ không thể truyền đạt, triển khai, phổ biến giáo lý Đức Thích Tôn trực tiếp bằng Anh Ngữ. Từ các điều kiện bảo thủ ấy, vô tình đã làm nền sự tàn lụi của Đạo Phật mà cộng đồng Phật tử Á Châu đã đầu tư rất nhiều công sức xây dựng.

Do đó, chúng ta cần phải có những sự thay đổi những chương trình hoằng pháp cho được thích nghi với nền văn hóa tại bản địa như là:

1. Chuyển toàn bộ nghi lễ, tụng tán, pháp chế, pháp quy, Bồ Tát, giảng dạy, pháp thoại, sinh hoạt trại, đoàn, gia đình Phật tử ... và các công tác giáo dục thanh thiếu niên bằng Anh Ngữ.

2. Nghiên cứu, khảo sát và chiêm nghiệm hoàn cảnh, xã hội, nhu yếu tâm thức con người hôm nay trên đất nước này; rồi chỉnh lý, bổ sung, cắt giảm những gì không cần thiết trong hình thái và nội dung sinh hoạt của Đạo Phật, hầu làm cho Đạo Phật tươi mát, trẻ trung có nội dung sống động thật sự. Trong quá khứ, Đạo Phật từ Ấn vào Hoa Hạ đã trở thành Phật Giáo Trung Hoa. Từ Hoa, Phật Giáo vào Nhật đã trở thành Phật Giáo Nhật Bản. Việt Nam tiếp nhận hai nguồn Nam Bắc truyền, Phật Giáo đã hình thành Phật Giáo Việt Nam. Đến bất cứ nơi nào Đạo Phật phải chuyển mình để hội nhập, tồn tại và phát triển. Bao giờ Đạo Phật trở thành Đạo Phật Mỹ. Tăng sĩ trở thành Tăng sĩ Mỹ thì Đạo Phật mới thật sự sống, có mặt và bước tới tương lai.

3. Hình thành những trung tâm tu tập và đào tạo Tăng tài là nhu yếu tồn tại cho tự thân Đạo Phật; cũng cố những già lam tự viện có đủ điều kiện tu học cho Phật tử là nhu yếu gìn giữ phẩm chất và phát triển của Đạo Phật. Hiện tại chùa viện đang đi dần vào con đường tự hữu, và có lắm chùa thiếu không gian sinh hoạt, pháp lý chưa ổn định, không biểu lộ được tính cách một ngôi chùa. Trong quá khứ chùa viện là biểu tượng của nét văn hóa xã hội. Một danh lam thắng cảnh có không gian thanh bình, và một cộng đồng Tăng lữ hòa hợp tu tập tỏa sáng năng lượng thanh thoát an lạc. Ấy cũng là nơi đào tạo giáo dục phẩm chất cho con người từ cận đến thâm sâu hơn. Vì vậy, hồi phục lại những gì đã từng có trong Đạo Phật là việc làm cần thiết để xây dựng nền tảng phát triển cho các thế hệ tương lai.

e. Thành tựu bản hoài và tâm nguyện

Chắc hẳn đệ tử đức Điều Ngự không quan niệm “xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh” (1), mà coi nhân gian là đạo tràng hoằng pháp. Các bậc Thầy quá khứ cũng từng coi mình là kẻ nợ phải trả hết nợ mê đến ơn những chiếc lá dâu. Mang hạnh nguyện Bồ Tát vào đời với bản hoài độ sinh, nhưng chưa thành tựu đạo hạnh tự thân là một tai họa cho chính Đạo Phật và cuộc đời. Những kẻ thiếu năng lực trí tuệ mà lãnh đạo quốc gia với nhiệt tình cuộn cuộn là những kẻ sát nhân, đưa cả dân tộc vào lầm than, đói nghèo, tụt hậu. Ở lĩnh vực giáo dục tùy mức độ đốt nát của con người làm công tác truyền đạt mà mức độ hủy hoại tâm thức nhân sinh một thế hệ hay nhiều thế hệ. Do vậy, hành trang của một vị Tăng Sĩ phải được định nghĩa trước tiên là đủ năng lực trí tuệ với bản hoài thành tựu giác ngộ tự thân, mang hạnh phúc và an lạc đến cho con người bằng chánh pháp.

Quá khứ từng có nhiều chi nhánh tu trong truyền thống Phật Giáo hoặc thiên trọng pháp học, hoặc thiên trọng pháp hành, hoặc chỉ biết con đường hoằng pháp. Dĩ nhiên đã gây ra nhiều khó khăn cho riêng tự thân và chung cho dòng chảy Đạo Phật. Vì thế, pháp học, pháp hành và phương tiện hoằng pháp là kim chỉ nam cần phải có trên con đường hoàn thiện phẩm chất giác ngộ tự thân mới thành tựu bản hoài và hạnh nguyện.

Các bậc Bồ Tát đẳng địa thường “lưu hoặc nhuận sanh” (2), xuống lên trong thế trần hằng sa kiếp để giáo hóa con người, thế rằng chưa chứng quả giác ngộ viên mãn chưa rời bản hoài và hạnh nguyện độ sinh. Trong tứ chúng đệ tử của Như Lai là những người được sinh ra từ giáo pháp Đức Thích Tôn, ở nhà đẳng Pháp Vương, thừa tự sự nghiệp tu học, hoằng pháp của các vị Bồ Tát, nên nguyện “mang an lạc và hạnh phúc đến cho chư thiên và loài người” là việc làm tất yếu.

Thích Thông Hải

Chú thích:

(1) Câu nói của Lý Bạch trong bài “Tương Tiểu Tử” ý nói rằng: Cuộc đời như giấc mộng, làm gì cho nhọc mệt tâm thân.

(2) Lưu hoặc nhuận sanh: Giữ lại một chút mê lầm để sinh trở lại nhân gian.

TỪ NHỮNG NGÔI CHÙA THỜI PHẬT ĐẾN CHÙA VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ THỜI NAY

Thích Nữ Giới Hương

(Bài tham luận trình bày trong “*Hội Luận 2012 - Phật giáo Việt Nam tại Mỹ - Nhìn về Tương Lai, Cơ hội và Thách thức*” của Hội Phật học Đuốc Tuệ tại California, ngày 16/12/2012)

DU TẮNG

Hầu như tất cả chúng ta đều biết rằng trong những năm đầu hoàng pháp, Đức Phật và chư tăng thật ra đã sống đời du tăng, du cư, chưa có chùa và trú xứ nhất định. Các ngài sống bằng cách khất thực qua ngày và lấy gốc cây, rừng rậm, thì lâm hay hang đá làm nơi tránh nắng mưa, trú qua đêm. Đó cũng là những nơi tu tập và độ sanh như Kinh Du Bộ (Trường A Hàm, số 2) có chàng Phúc-quý từ thành Câu-thi-na-kiệt đi đến thành Ba-bà, giữa đường chàng thấy Đức Phật ngồi thiền dưới bóng cây giữa rừng chứ không phải trong phòng hay thiền đường như sau: “*Từ Câu-thi-na-kiệt đi đến thành Ba-bà, giữa đường rừng chàng Phúc-quý trông thấy Phật ngồi thiền bên gốc cây, dung mạo đoan chính, các căn tịch tịnh, tâm ý nhu thuận trong cảnh tịch duyệt tuyệt đối.*” Chính bản thân Đức Thế Tôn cũng thường khuyên các tỳ kheo hãy đến rừng cây, chỗ thanh vắng hay bãi đất trống để tinh tấn tu tập như sau:

“*Này các Tỳ-kheo, hãy ở chỗ thanh vắng, sơn lâm yên tĩnh, dưới gốc cây hay bãi đất trống, tinh cần thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật buông lung. Hãy chuyên cần tinh tấn, đứng để về sau phải hối hận.*” (Kinh A-ma-trú, Trường A Hàm, số 20)

“*Này các tỳ kheo, Ta sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Ta sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ nhàn nhã yên tĩnh, trái ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, Ta đoạn trừ tâm tham lam, không có nỗi hại.*” (Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187).

NHỮNG NGÔI CHÙA VÀO THỜI PHẬT CÒN TẠI THẾ

Năng lực từ bi trí tuệ và đức độ cảm hóa của Đức Phật ngày càng vang xa khắp các làng xã thành phố, nên người dân Ấn bắt đầu tìm đến tăng già để học đạo và quy y Tam bảo rất nhiều. Từ dân làng mộc mạc cho đến giới thức giả, vua chúa, đã tìm được nguồn an lạc và giải thoát cho chính đời sống của mình hiện tại, nên số lượng người đến quy Phật ngày càng đông. Do nhu cầu cần một không gian cho Phật tử tu tập, nghe pháp thoại và nhất là do thấy Đức Phật và chư tăng quá vất vả trong đời sống du cư, rày đây mai đó trong nắng mưa, nóng



lạnh bất thường của khí hậu Ấn độ khắt nghiệt; rồi những mùa hạ mưa dầm ướt đầm, các ngài phải băng mình trong sương gió để khất thực và để dẫm đạp sát hại các loài côn trùng nhỏ nhít nên nhiều thí chủ khả giả đã phát tâm xây dựng chùa tháp cúng dường Đức Phật và tăng già để các ngài có chỗ trú ổn định mà chuyên tâm tu tập và hoằng pháp. Nhờ thế hình ảnh ngôi chùa bắt đầu xuất hiện trong lịch sử Phật giáo.

Chùa Trúc Lâm (Veluvanarama)

Ngôi chùa đầu tiên phải kể đến là chùa Trúc Lâm do vua Bình-Sa-vương (Bimbisara) của nước Ma Kiệt Đà (Magadha) xây cúng dường. Trúc là

cây trúc, lâm là rừng, nghĩa là nhiều trúc, cả rừng trúc. Bình-Sa-vương là vị thí chủ đầu tiên của Đức Phật trong hàng vua chúa. Nguyên nhân là khi vua trông thấy sa môn Cù-đàm thiền hành rất uy nghi, trang nghiêm và thanh thoát, vua lấy làm cảm kích. Vua liền cung thỉnh sa môn về trú trong kinh thành để hàng ngày chu cấp cúng dường, nhưng sa môn Cù Đam hứa rằng sau khi tìm thấy đạo sẽ về thăm vua. Đúng như lời hứa, sau khi thành đạo dưới gốc cây bồ đề, Đức Phật cùng đi với các đệ tử A-la-hán từ thành Gaya đến Vương Xá (Rajagaha) và Đức Phật thuyết một thời pháp về Túc Sanh Truyện (Maha Narada Kassapa, Chương 7, số 544) dạy rằng trong một tiền kiếp Ngài là Narada đã diu dắt Đại Đức Ca Diếp (Kassapa) và nhiều người giác ngộ giống như thời hiện tại đây. Vua Bình-Sa-vương nghe Đức Phật thuyết giảng xong, ánh sáng giác ngộ bùng đến và vua liền dâng quả Tu-đà-hoàn, xin quy y Tam Bảo và thỉnh Đức Phật cùng chư vị đệ tử về cung điện thọ trai ngày hôm sau. Khi mọi người độ ngộ xong, vua tỏ ý muốn biết nơi nào thích hợp để Đức Phật lưu ngụ. Đức Phật trả lời:

“*Một nơi hẻo lánh, không xa mà cũng không gần thành thị để những ai muốn viếng Ngài, có thể đến dễ dàng. Một nơi mát mẻ, ban ngày không đông đảo ồn ào, ban đêm yên tĩnh, khoảng khoảng và kín đáo, nơi ấy sẽ thích hợp.*” (Đức Phật và Phật Pháp, Phạm Kim Khánh dịch, <http://www.buddhismtoday.com/viet/photphap/dp-pp11.html>)

Nghe xong, vua Bình-Sa-vương nghĩ rằng vườn thượng uyển Trúc Lâm của vua có thể hội đủ những yếu tố cần thiết ấy, nên vua xin dâng lên Đức Phật và chư Tăng khu vườn này. Do đó, địa điểm này là nơi được dâng cúng đầu tiên đến Đức Phật và chư tăng. Tại chùa Trúc Lâm (Veluvanarama) yên tĩnh

này, Đức Phật và tăng đoàn yên ổn tu tập và nhiều bài Pháp thoại của Đức Phật trong năm bộ Nikaya được tuyên thuyết tại đây. Đức Phật đã nhập ba mùa hạ an cư liên tiếp (từ mùa hạ thứ nhì đến hạ thứ tư) và ba hạ nữa nhưng cách thời gian nhau. Từ ngày có ngôi chùa Trúc Lâm này, vua Bình Sa Vương, nhiều quan chức, thức giả và dân làng đã đến quy y Phật và thường xuyên về chùa thính pháp tu học nhất là trong những ngày Bố tát (Uposatha) với tăng đoàn. Đây là ngôi chùa đầu tiên hiện diện trong lịch sử Phật giáo.



Chùa Kỳ Viên (Jetavanarama)

Ngôi chùa kế tiếp là Kỳ Viên tịnh xá (Jetavanarama) hoặc Kỳ Hoàn tịnh xá (<http://www.quangduc.com/TruyenNgan/104truyenco1-6.html>) hoặc còn gọi là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên tọa lạc tại thành Xá Vệ (Savatthi), kinh đô của nước Kiều Tát La (Kosala), do vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) cai trị. Nguyên trưởng giả Cấp Cô Độc còn gọi là Tu-đạt-đa (Anāthapindika) muốn mua khu vườn thượng uyển lý tưởng của thái tử Kỳ Đà để xây chùa cúng Phật. Thái tử Kỳ Đà không muốn bán nên nói giỡn chớ qua chuyện: *"Trong khu vườn này, nếu trưởng giả trải vàng đến đâu thì tôi bán cho trưởng giả đến đó"*. Nghe như vậy, trưởng giả về kêu gia nhân khiêng vàng ra và lót đầy vườn của Thái tử. Thái tử không ngờ trưởng giả Cấp Cô Độc lại giàu có đến thế và nhất là cúng dường một cách rộng rãi như thế. Thái tử liền tìm hiểu và sau khi nghe trưởng giả Cấp Cô Độc tán thán về Đức Phật - một bậc thánh hi hữu đã xuất hiện trên đời - một bậc thầy của cõi trời và người để làm lợi ích cho số đông giải thoát. Thái tử vô cùng cảm kích và phát tâm muốn góp phần trong công đức đó, nên thái tử xin cúng dường toàn bộ số cây trong vườn thượng uyển cho Đức Phật. Vì thế, chùa Kỳ Viên còn có tên là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên. Kỳ Thọ là cây cối của thái tử Kỳ Đà (Jeta), con vua Ba Tư Nặc. Cấp Cô Độc viên là vườn đất của Cấp Cô Độc. Đức Phật và Tăng đoàn đã trải qua mười chín mùa an cư kiết hạ tại chùa này. Đây là ngôi chùa thứ hai và lớn nhất mà lịch sử Phật giáo đã đề cập đến.

Chùa Ku-Ku-Ta-Ra-Na (Kukkutarama)

Chùa Ku-Ku-Ta-Ra-Na tọa lạc tại thành Kausambi, do thái tử Kukkuta xây cúng dường vào năm 318. Đây là một nơi rất tốt, khí hậu điều hòa ẩm áp ở tiểu bang Pataliputta, phía đông Ấn Độ. Bộ luật Mahavagga (Vinaya, tập I, trang 300) ghi nhận

có các tỳ kheo như Nilavāsi, Sānavāsi, Gopaka, Bhagu, và Phalikasandana đã trú tu tập tại ngôi chùa này. Bộ Tương Ưng Bộ kinh (The Samyutta Nikāya, tập 5, kinh số 15, trang 171) đã ghi nhiều cuộc hóa đạo giữa tôn giả A-nan (Ananda) và Bhadda tại đây. Trung Bộ kinh (tập 1 trang 349) và Tăng Chi Bộ kinh (tập 5, trang 342) ghi ngôi chùa này là một trong những nơi mà tôn giả A-nan rất thích ở để tu học và nhà của gia chủ Dasama của làng Atthakanagara cũng ở gần đây. Cũng trong Tăng Chi Bộ kinh (tập 3, trang 57), có ghi tôn giả Nārada (người đã cảm hóa vua Munda), Sonaka (Siggava) và tôn giả Candavajji (thầy của Mogaliputta-Tissa) đã trú tại chùa này.

(http://www.palikanon.com/english/pali_names/ku/kukkutarama.html)

Chùa Kỳ Bạt (Jivakarama)

Chùa Kỳ Bạt do Jivaka, một vị lương y nổi tiếng thời Đức Phật, đã xây cúng dường cho Đức Phật và tăng đoàn. Chùa Kỳ Bạt tọa lạc tại khu ngoại ô của thành Vương-xá (Rajagadha).

Chùa Cù Sư La (Ghositarama)

Chùa Cù Sư La tọa lạc tại Kausambi, tiểu bang Uttar Pradesh, phía Bắc Ấn Độ, do chàng Ghosita cùng hai người bạn là Kukkuta và Pavariya xây cất và cúng dường cho Phật và chư tăng. Nhiều bộ kinh quan trọng trong năm bộ Nikaya đã được Đức Phật thuyết giảng tại đây.

Chùa Vườn Xoài (Ambapali)

Chùa do nàng Am-ba-ba-li (Ambapali), một kỹ nữ hạng sang sống tại thành Tỳ-xá-li (Vaishali), cúng dường lên Phật và chư tăng (khoảng thế kỷ thứ năm trước công nguyên). Nàng Am-ba-ba-li rất giàu, có nhiều của cải, trong đó có một khu vườn xoài rất rộng mát và nhiều trái sum suê tươi tốt quanh năm. Nàng đã thỉnh chư Phật và tăng đoàn về Vườn xoài để nàng cúng dường trai tăng và sau đó xin dâng Vườn Xoài nổi tiếng này lại cho Đức Phật và tăng đoàn. Tại chùa Vườn Xoài này, Đức Phật đã ban pháp thoại về Tứ Niệm Xứ là con đường để thoát khỏi sầu ưu bi khổ não trên đời và đưa đến giải thoát Niết Bàn. Nghe xong bài kinh (Ambapali Sutta) này, nàng Am-ba-ba-li liền chứng A-la-hán (Kinh Tương Ưng Bộ, tập 5, trang 140).

(<http://en.wikipedia.org/wiki/Ambapali>).

Ngoài các ngôi chùa đã nêu trên, trong năm bộ Nikaya có kể đến những ngôi chùa lớn nhỏ khác như chùa Hậu Trạch (Markathrada) ở thành Tỳ-xá-li (Vesali); chùa Udambari-Karama ở bờ sông Sappini gần thành Vương Xá, chùa Pavaxikanivana ở thành Kausambi; Chùa Ni-câu-đa (Nigrodharama) ở thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu); Chùa Lộc Uyển (Isipatana) ở thành phố Ba-la-nại (Baranasi) và nhiều chùa khác được thái tử xây rải rác các nơi mà dấu chân hoằng hóa của Đức Phật đã đi qua hoặc sau khi Đức Phật nhập Niết bàn. Các chùa tháp Phật giáo khác cũng được các vua chúa như Vua A Dục lập lên để tưởng niệm thờ Đức Phật Thích Ca và là nơi trú tu tập của chúng xuất gia thời đó. Hiện nay, các chùa này đã sụp đổ, chỉ còn lại tàn tích nền móng chứng tích nơi đó đã từng là những đại tăng lâm tu tập sấm uất, đã từng là một thời Phật giáo huy hoàng hưng thịnh. Tất cả đã sụp đổ theo quy luật *thành trụ hoại không* và theo thời gian trôi qua. Tuy nhiên, từ hình ảnh chùa tháp trong thời Phật còn để lại đó mà dần dần kiến trúc chùa tháp, tự viện được hình thành và hình ảnh mái chùa cổ kính ấy trở

thành quen thuộc trong các nước Phật giáo cho đến ngày nay. Mái chùa hình vòm cong chạm trổ, đỉnh tháp cao ngất tầng mây, cổng tam quan rồng lượn, gác chuông hình bát giác, mỗi điều khắc hoa văn đa dạng đều mang đậm dáng dấp nền văn hóa, nghệ thuật, phong tục và tập quán của tùy mỗi một đất nước Phật giáo.



III. VAI TRÒ LÝ TƯỢNG CỦA NGÔI CHÙA

Ngôi chùa là nơi tưởng niệm kính thờ các Đức Phật, các Bồ tát, hiền thánh tăng và hiện tiền tăng quá vãng. Ngôi chùa là nơi tôn nghiêm thánh thiện, giúp các bậc xuất gia tránh được những chướng duyên ô nhiễm trần thế, sống một chỗ hoàn toàn riêng biệt độc lập, không đồng cách mặc và cách sống với người thế gian, không bị cảnh duyên bên ngoài phá rối cảm dỗ để thực hành lý tưởng giải thoát của mình. Như thế, quý thầy cô Sa di/Sa di ni, Thức xoa và Tỷ kheo/ Tỷ kheo ni từ biệt gia đình, sống trong nhà chùa, cạo đầu, đắp y, mặc áo nâu sòng giản dị, hàng ngày gột rửa tham sân si, hàng ngày hiển lộ uy nghi, tế hạnh, tử bi, trí tuệ trong sáng để làm bậc thầy gương mẫu mô phạm cho cuộc đời.

Các bậc xuất gia hoàn toàn sống theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca, y theo giáo pháp của Phật mà suy ngẫm an định để giải thoát những ràng buộc thế gian và thoát vòng sanh tử tái sanh, như thế gọi là các bậc thánh Thanh văn - đại đệ tử của Đức Phật. Thanh là âm thanh của Phật thuyết pháp. Văn là nghe. Nghe âm thanh của Phật, sống hoàn toàn với lời dạy của Phật, một bề vâng theo giáo pháp của Phật, trì giới, tụng kinh và nhiếp tâm an định tinh thần tu tập. buông hẳn chuyện thế gian, chuyện đời cho đến chuyện quyến thuộc họ hàng, cha mẹ, bà con cũng tạm xa lìa, để một bề lo chuyện chuyển tu giải thoát như thế gọi là bậc Thanh văn hiếm có trong đời.

An lạc tu tập ở trong chùa không có những ràng buộc trong thế gian, không có những vọng riêng ở đời. Một lòng tha thiết buông đi vọng cảnh, vọng tâm, quay ngó lại tâm của chúng ta xem còn chấp nhân, chấp ngã nữa không thì nên bỏ, để trở về với tâm thật của mình. Như vậy, ngôi chùa là bằng duyên để giúp chư tăng ni và Phật tử chuyển hóa những thói quen nghiệp xấu của mình mà bước lên nấc thang thánh vị, thực hiện lý tưởng giải thoát của các đệ tử Phật. Đó là vai trò chủ yếu then chốt của các chùa dù chùa đó nhỏ hay lớn, thuộc đất nước

nào và đang toạ lạc ở đâu.

Tuy nhiên, vì *Phật pháp bất ly thế gian pháp*, và vì hạnh nguyện bồ tát đạo, nên ngày nay, hầu hết các chùa còn mang thêm chức năng của một trung tâm văn hóa giáo dục để phục vụ cho chúng sanh trong cộng đồng dân cư quanh chùa. Dù được xây giữa thị tứ náo nhiệt hay nơi thôn dã quê mùa, chức năng phụ đó của ngôi chùa làm cho vai trò của chùa như một hoa sen giữa đầm lầy. Cộng sinh để tứ chúng đồng tu, thông tay vào chợ "*mà chẳng hôi tanh mùi bùn*". Đó cũng là một hình ảnh lý tưởng rất biểu trưng tinh thần nhập thế của ngôi chùa Phật giáo thời hiện đại.

IV. CHÙA VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ

Số lượng Chùa

Danh sách số lượng Chùa Việt trên đất Mỹ thay đổi tùy theo nguồn thông tin:

Theo Webside "*Quảng Đức*", hiện có **131** ngôi chùa tính đến ngày 9-10-2012

(<http://quangduc.com/DiachichuaUc/chuaviethaingoi.html>)

Theo số địa chỉ của Tổ Đình Minh Đăng Quang in năm 2008 thì có 121 ngôi chùa tại tiểu bang California, còn các tiểu bang khác thì có 195 ngôi chùa. Tổng cộng là **316** ngôi chùa Việt tại Mỹ.

Theo website "Directory of Charities and Non-profit Organizations", danh sách của các chùa đăng ký với chánh phủ Mỹ (IRS/Internal Revenue Service) dưới danh nghĩa là *Buddhist Charities and Nonprofit Organizations* (Hội Từ Thiện Không Vụ Lợi của Phật Giáo) cho đến ngày 18/11/2012 liệt kê **163** ngôi chùa hoặc cơ sở từ thiện Việt Nam trên toàn nước Mỹ. (<http://www.guidestar.org/nonprofit-directory/religion/buddhist/1.aspx>)

Trang blog "*thebuddhagarden*" liệt kê danh sách địa chỉ của **248** chùa Việt trong 34 tiểu bang (và Washington DC) tính đến ngày 30/3/2012. Đây là dữ liệu tương đối đáng tin vì phương pháp thu thập và cập nhật thông tin của họ có vẻ khoa học hơn cả.

(<http://www.thebuddhagarden.com/blog/vietnamese-temples-usa/#california>)

Nói tóm lại, để xác định chính xác số lượng các chùa Việt tại Mỹ thì rất khó vì số lượng chùa ngày càng tăng (tự phát tự lập, không có một cộng đồng thống nhất/a united community, hay một giáo quyền trung ương /central authority); và lại, có nhiều cơ sở không/chưa đăng ký với chánh phủ Mỹ, cho nên đây chỉ là những con số tạm thời. Nếu phải dùng một con số để tham chiếu cho năm 2012, thì có lẽ viết "*từ 250 đến 300 chùa hành trì theo truyền thống Phật giáo Việt Nam tại Mỹ*" là gần đúng nhất.

Vai trò Giáo Dục và Văn Hoá của Ngôi Chùa

Ngôi chùa lý tưởng thời Phật là nơi tu tập của chư tôn đức tăng ni và các Phật tử, để un đúc các bậc hiền nhân thánh thiện tiếp nối tương tục truyền đăng đèn Phật pháp. Tuy nhiên, Phật giáo của thế kỷ 21 là Phật giáo nhập thế vào lòng xã hội, nên ngôi chùa của ngày nay không những là nơi tu tập tâm linh giải thoát của tôn giáo, mà thực sự đã trở thành những trung tâm sinh hoạt văn hóa, giáo dục và xã hội cho cộng đồng quần chúng.

Hoạt động giáo dục

Ngôi chùa nhập thế hôm nay là kết hợp giáo dục giữa tri thức đạo lẫn đời, đi đôi giữa kiến thức Phật học và kỹ năng xã hội, cho nên ngôi chùa



CHÙA VIỆT NAM, HOUSTON, TEXAS

không những chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, cầu nguyện, hướng dẫn Phật pháp (cho mọi tầng lớp, ứng dụng Phật pháp vào mọi mặt của đời sống), dạy thiền, niệm Phật, thọ Bát quan trai giới, ban pháp thoại, khóa tu mùa xuân hạ thu đông, khóa học nghi lễ phổ thông, học cách ứng xử, nếp sống đạo đức của nhà Phật... mà còn tổ chức các lớp học về kiến thức xã hội phổ thông, dạy ngôn ngữ như Việt Văn cho các em thiếu niên nhi đồng gốc Việt nhưng sanh trưởng tại Mỹ, hướng dẫn các tri thức khoa học, những kỹ năng khoẻ (dưỡng sinh, thể dục yoga, tập võ, khí công), âm nhạc và nghệ thuật Phật giáo, v.v... giúp thế hệ trẻ gần bó hơn với nền giáo dục Việt Nam và Phật pháp. Rất nhiều ngôi chùa Việt tại đất Mỹ đã có những hoạt động giáo dục đáng kể đó giữa Phật học và xã hội, đã duy trì và hoà nhập giáo dục Phật giáo Việt Nam vào xã hội Mỹ.

Hoạt động văn hóa

Một số hoạt động văn hóa gắn liền với tôn giáo và lễ hội dân gian do nhà chùa đứng ra tổ chức như Tết Nguyên Đán, rằm thượng nguyên, rằm trung nguyên, rằm hạ nguyên, Vu Lan, Phật Đản, tết trung thu, lễ vía của Phật, Bồ tát, ngày giỗ Tổ và chư Hiền thánh tăng, v.v... thực sự đã đem lại đời sống tinh thần phấn chấn và hiệu quả tốt cho kiều bào Việt-Mỹ. Theo tục lệ truyền thống Việt Nam, Phật tử và đồng hương xa gần thường tìm nương tựa đến chùa khi gia đình họ có hỷ sự, tang chế, rước vong siêu độ, cúng thất đám giỗ, cưới hỏi hiếu hỉ, tân gia, xây cất nhà cửa, cầu an khi sinh nở hay bệnh hoạn, v.v... Nhà chùa tận tâm tư vấn hỗ trợ tinh thần của Phật tử, nhất là khi gia đình Phật tử có hỷ sự như trên. Tuy nhiên, nhu cầu này cũng dần giảm bớt đi vì sống trong xã hội kỹ nghệ, tri thức khoa học hiện đại của Mỹ, người dân quá bận rộn cho việc đi làm, con cái gia đình, phương tiện đi lại khó khăn, cho nên đời sống tôn giáo của một số Phật tử hình như cũng đơn giản đi nhiều. Những hình thức tín ngưỡng dân gian như dâng sao giải hạn, phong thủy, tử vi, tướng số, xin xăm, xem ngày, giờ tốt, cũng rất ít thấy ở các ngôi chùa Việt tại Mỹ. Ví dụ, chọn ngày lành tháng tốt để nhập liệm, thiêu chôn, cưới hỏi, tân gia... thì nhà chùa và gia đình đều đồng ý thường tổ chức vào cuối tuần. Vì vào các ngày thứ bảy hay chủ nhật thì các con cháu, gia đình, thân quyến mới được nghỉ làm hay nghỉ học để tham dự lễ được.

Tuy nhiên, nhìn chung khách quan, vai trò tín ngưỡng, tâm linh của số đông các chùa Việt tại Mỹ đã thể hiện hữu hiệu tích cực thông qua các hoạt động điển hình của giáo dục và văn hóa xã hội.

Phát huy Vai trò của Chùa Việt trên Đất Mỹ

Để hình ảnh các ngôi chùa thực sự sống mãi và

bóng y vàng của chư tăng ni giải thoát hiện diện, các chùa thường nên mở hạ an cư, bố tát tứ tử, tổ chức dạy kinh luật luận cho chúng xuất gia. Cần phát huy sự tu tập tâm linh, giữ giới định tuệ để un đúc nếp sống thánh hiền. Quý sư là những nhà mô phạm xuất thế, ngôi chùa thể hiện nếp sống thiền môn siêu thoát để thế gian kính ngưỡng học theo. Đây là vai trò chủ chốt của ngôi Tam bảo. Ngoài ra, các chùa nên tổ chức các lễ hội Phật giáo ở quy mô lớn, kết hợp với văn nghệ ca nhạc góp vui thu hút quần chúng nhất là giới trẻ hiện nay, để giới trẻ tiếp cận được các nghi lễ truyền thống Phật giáo. Các chùa cũng nên thường xuyên tổ chức các khóa tu cho giới trẻ vì trẻ già măng mọc. Sau này thế hệ trẻ sẽ giữ gìn, duy trì và tiếp nối được Phật giáo truyền thống của tổ tiên ông bà cha mẹ mình.

Tam tạng kinh điển của Đức Phật là phương thuốc hữu hiệu để đối trị các tham lam, sân hận, ích kỷ, buồn phiền, bức dọc mà hàng ngày dễ xảy ra trong tâm chúng ta. Phật pháp giúp chúng ta biết quán chiếu để cân bằng và làm lắng dịu những lo toan căng thẳng của cuộc sống. Phật pháp giúp chúng ta chánh niệm hiện tại, biết tránh những khổ tương lai và mang lại hạnh phúc hiện tại. Cho nên, các chùa thường tổ chức các buổi pháp thoại/hội thảo/pháp đàm song ngữ (Anh-Việt) về các đề tài Phật pháp ứng dụng trong đời sống để giúp các Phật tử tại gia vững chãi hơn trong cuộc sống lứa đôi, trong trách nhiệm làm cha mẹ, anh em, con cháu theo như lời Phật dạy.

Nhịp sống xã hội Mỹ bận rộn, hối hả, sôi động, gấp gáp thì một không gian già lam tĩnh mặc uy nghiêm sẽ rất cần thiết, để giúp cho chúng ta trở lại thăng bằng tâm tư, tĩnh tâm, buông bỏ những phiền muộn, thư thái tâm hồn. Mái chùa, tiếng chuông, sự yên tĩnh của thiền môn là một cái gì rất thiêng liêng không thể thiếu được trong lòng người con Phật, nhất là những kiều bào Mỹ gốc Việt. Sau những giờ bận rộn nơi công sở, mỗi khi đến chùa như thấy lại hình ảnh của quê hương Việt Nam với những nét trang trí hiền hòa theo văn hóa Việt Nam, được dùng cơm chay Việt Nam, được nghe ngôn ngữ Việt Nam, được thấy hình ảnh thân thương của quý thầy cô Việt Nam, được quý lay Phật cầu ngài che chở, được thanh thản lắng lòng theo nhịp mõ, tiếng chuông trong không gian tĩnh lặng, v.v... tâm hồn của những người xa xứ trong giây phút ấy như được đánh thức trở về với tận cõi lòng bên trong sâu lắng, cho nên bản sắc của ngôi chùa thiền môn lý tưởng rất quan trọng, đóng một vai trò rất lớn trong tâm hồn của người dân Việt-Mỹ. Do đó, ngôi chùa nên được tôn trí đơn giản, gần gũi với cây cỏ thiên nhiên nhưng lại toát đầy sức sống thiền vị và nghệ thuật. Biểu tượng của ngôi chùa là biểu tượng của bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa Phật giáo cao đẹp và bản sắc giá trị truyền thống địa phương của chùa Việt đất Mỹ.

Vị Trụ trì cùng tứ chúng (quý thầy, quý sư cô, cư sĩ nam, cư sĩ nữ) trong chùa như là một mô hình nhỏ của tăng già, mỗi vị có những trách nhiệm riêng để duy trì sinh hoạt trong chùa. Vị trụ trì cũng là pháp nhân đại diện cho chùa để đối nội đối ngoại. Đối nội là tổ chức sao cho tứ chúng hòa hợp cùng chia đều công việc để chấp tác và cùng an tu theo tinh thần lục hòa, giới định tuệ của nhà Phật, khiến cho chùa ngày càng phát triển như một mô hình của thánh chúng xuất thế. Đối ngoại là sắp xếp giấy tờ hợp lệ với chánh quyền các cấp để hình thành một cơ sở tôn giáo chính thức như đăng ký với chánh phủ Mỹ (IRS/Internal Revenue Service) là Hội Từ Thiện Không Vụ Lợi của Phật Giáo (*Buddhist Charities and*

Nonprofit Organizations). Đối ngoại còn là phải giữ an hòa và thân thiện đối với hàng xóm láng giềng với nhiều nguồn gốc sắc tộc khác nhau (người Mỹ trắng, Mỹ gốc Châu Phi, Mỹ gốc châu Mỹ La-tinh, Mỹ gốc Châu Á...), tham gia giao lưu văn hóa cộng đồng và hoạt động xã hội với các chùa khác và các tôn giáo khác lân cận để tạo cơ cấu liên tôn giáo với nhau. Vị trụ trì hay chư tăng ni nên giỏi ngôn ngữ bản xứ (Anh ngữ chẳng hạn) để có thể tham dự các buổi tìm hiểu tôn giáo, dẫn thân vào các nhà thương, nhà dưỡng lão, nhà tù hầu hướng dẫn niệm Phật, tu thiền, học Phật pháp để giúp Phật tử vững chãi tâm linh theo lời Phật dạy. Đây là những hạnh nguyện Bồ tát nhập đời cứu thế và giúp cho đạo Phật có chỗ đứng vững chãi giữa lòng xã hội Mỹ như các tôn giáo khác. Ngôi chùa nên truyền bá Phật pháp bằng song ngữ Anh-Việt để giá trị văn hóa Phật giáo đến được với người bản xứ và nhất là cho giới trẻ người Mỹ gốc Việt. Những phương tiện tiên tiến của công nghệ thông tin hiện đại đã giúp cho việc hoằng pháp lợi sanh (giảng dạy, học Phật pháp, phổ biến sinh hoạt của chùa, tìm tài liệu online, băng đĩa DVD, CD, MP3) có hiệu quả với tốc độ nhanh chóng đáng kể. Internet giúp cho không gian cách trở của năm châu đất nước không còn là vấn đề. Một vị sư thuyết pháp ở một nơi, nhưng với sự trợ giúp của các công cụ truyền thông như YouTube, Facebook, PallTalk, Twitter... khiến ở các nơi trên quả đất đều có thể nghe và thấy được. Một cuốn kinh để trên website thì mọi Phật tử ở góc trời xa xôi nào cũng có thể đọc và in ra được. Ngôi chùa bây giờ là *lên online* và năng suất truyền đạo của ngôi chùa đó không chỉ giới hạn cho Phật tử địa phương mà còn cho Phật tử toàn cầu. Đây là một hiện tượng hiếm có, tiên tiến của khoa học kỹ thuật của thế kỷ 21 mà chúng ta có được.

Một số ngôi chùa lớn khá thích hợp trong bối cảnh hội nhập và giao lưu đa văn hóa, song làm thế nào để duy trì không gian tu tập linh thiêng và hạnh giải thoát nơi chùa chiền? Đây là một vấn nạn cần suy nghĩ. Làm thế nào để ngôi chùa phát huy được chức năng truyền thống tu tập giải thoát thiêng liêng vốn có của nó, đồng thời vẫn phát huy và điều tiết hợp lý được những chức năng phục vụ thực tiễn khách quan như sinh hoạt cộng đồng, nơi dạy chữ, dạy triết lý đạo Phật và truyền dạy đạo lý làm người cho cộng đồng cư dân trong đời sống đa văn hóa của kiểu bào Việt Mỹ (của hai thể hệ: một là sanh và lớn lên ở Việt Nam, hai là sanh và lớn lên ở Mỹ nhưng gốc là Việt Nam)? Đây là những bước đột phá, những bước thử thách cho chùa Việt trên đất Mỹ. Đây

cũng là những bước đồng sự trong Tứ nhiếp pháp, là “*Bồ đề bất ly thế gian giác*” (Lục Tổ Huệ Năng – Kinh Pháp Bảo Đàn), nghĩa là không thể rời bỏ cuộc sống thế gian này mà có tâm hạnh bồ đề, phải ngay giữa xã hội này mà hạnh nguyện từ bi trí tuệ mới nảy mầm, sanh trưởng, ra hoa kết trái. Thế nên trong thế kỷ 21 này, lý tưởng của bồ tát được thể hiện rõ nơi các ngôi chùa hơn, tinh thần của chư tăng ni hòa đồng nhập thế với xã hội hơn, lòng từ bi cứu đời của Đức Quan Thế Âm được hiển lộ rõ hơn; trong khi vào thời Phật, lý tưởng A-la-hán, lý tưởng sớm thành Phật, lý tưởng sớm giải thoát khỏi các triền cái, ngũ uẩn được thể hiện rõ hơn (như những đoạn trên đã minh chứng).

DỰ PHÓNG VỀ TƯƠNG LAI CỦA CHÙA VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ

Sự hiện diện của chùa Việt trên đất Mỹ, cả về bản sắc cũng như số lượng, tùy thuộc vào sự hiện diện của chính bản thân Phật giáo Việt Nam trên đất Mỹ. Mà Phật giáo Việt Nam, sau 37 năm tính từ năm 1975, vẫn đang **trong quá trình hình thành** với tất cả những biến số do cơ hội và thách thức mà xã hội và văn hóa Mỹ đặt ra. Do đó, dự phóng chính xác về tương lai của chùa Việt là một điều bất khả thể.

Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận diện và đánh giá sơ khởi ba yếu tố chính yếu sẽ tác động lên “sinh mệnh” của chùa Việt trên đất Mỹ trong một tương lai không xa:

■ Trước hết, và quan trọng nhất, nói đến chùa Việt là nói đến **sự hiện diện của một Tăng đoàn Việt** chủ yếu được đào tạo và tu tập theo truyền thống Phật giáo Việt Nam để trụ trì các ngôi chùa đó. Quý Thầy Cô nên sống và ứng xử theo văn hóa Việt Nam. Nếu vị trụ trì một ngôi chùa (và các chư Tăng Ni đồng trụ) mà không có “*tinh Việt Nam*” đó trên cả hai truyền thống Phật giáo Việt và bản sắc Văn hóa Việt, thì ngôi chùa đó khó có thể gọi là một ngôi chùa Việt Nam được dù nó ở Mỹ, Úc, Đức hay ngay cả ở trên đất Việt Nam. Với hai điều kiện đó, có vẻ như theo thời gian, và với hiện tượng tiếp biến văn hóa (acculturation) tại Mỹ, một Tăng đoàn thuần Việt sẽ càng ngày càng nhỏ lại khiến cho lượng chùa Việt Nam sẽ ít đi, có thể dần dần biến mất để hóa thân thành một ngôi chùa “*X phần Việt, Y phần Mỹ*”, mà giáo sư Phật học Charles Prebis gọi là hiện tượng “*hybridity*” trong Phật giáo. (Xin lưu ý rằng các tôn giáo độc thần và giáo quyền tập trung không có hiện tượng *hybridity* này. Chỉ riêng Phật giáo, với đặc tính *tùy duyên bất biến*, mới đủ nội lực để thiên biến vạn



CHÙA PHÁP VĂN, MISSISSAGA, ONTARIO, CANADA

hóa trong một không gian văn hóa mới như thế này).

■ Thứ nhì là **sự hiện diện của một cộng đồng Phật tử Việt Nam** tại Mỹ, vốn là lực lượng hộ pháp của ngôi chùa. Thống kê Dân số của US Census Bureau 2010 cho biết số người gốc Việt ở Mỹ là 1,550,000 người, trong đó 25% *dưới 17 tuổi*. Độ tuổi trung bình là 35 năm và *già đi 20%* so với 10 năm trước. Census 2010 không cho biết tôn giáo của người gốc Việt, nên ta không biết có bao nhiêu Phật tử Việt tại Mỹ (và tăng trưởng/suy giảm như thế nào so với năm 2000), nhưng hai dữ liệu trên cho ta thấy người Mỹ gốc Việt *đông người trẻ mà lại già nhanh*, vốn là hai yếu tố bất lợi cho các chùa Việt Nam tại Mỹ: *Trẻ thì ít đến chùa, mà già thì khả năng hộ pháp bị giới hạn*. Hiện nay, trong hạnh nguyện phục vụ chúng sanh, chùa Việt đang được xây thật lớn và thật nhiều tại Mỹ. Những bài học của chùa Trung Quốc tại California rất đáng để cho chúng ta suy nghĩ hầu tìm ra một cách thể phát triển chùa bền vững và hiệu quả hơn, dù thuần Việt hay *hybrid* Việt-Mỹ.

[Theo Wikipedia và PEW: Tại California, năm 1875 chỉ có 8 chùa Trung Hoa. Năm 1900, nhờ cuộc xuất cảnh nhân công để làm đường sắt xuyên lục địa Pacific Railroad, Phật tử người Hoa xây thêm 400 chùa mới. Và lên đến cao điểm gần 900 chùa nhờ chương trình di dân (1945-1965) của chính phủ Mỹ sau khi ông Mao Trạch Đông chiếm toàn Hoa Lục. Hiện nay, sau gần 50 năm, chỉ còn lại không đến 10 chùa lớn, loại Đại Tàng lâm như chùa *Vạn Phật Thánh Thành* (1974, Mondecino) hay chùa *Tây Lai Phật Quang Sơn* (1986, Los Angeles)].

■ Thứ ba là **không gian xã hội và cảnh quan văn hóa Mỹ** đang có những trở ngại thuận lợi cho Phật giáo. Cuộc khủng hoảng bốn-tầng về giáo lý, giáo chế, giáo quyền và giáo sản của tôn giáo chủ đạo tại Mỹ là Thiên Chúa giáo (Tin Lành và Công giáo) đã mở ra một cơ hội cho người Mỹ thử nghiệm Phật giáo như một con đường tâm linh mới gần gũi với họ hơn, và có khả năng giải quyết một cách hiệu quả những vấn nạn đời thường của họ. Theo phúc trình năm 2008 và 2012 của Trung tâm Nghiên cứu PEW thì Phật giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ tăng trưởng nhanh nhất tại Mỹ 170% (trong 10 năm 1990-2000) và chúng ta có cơ sở để tin rằng xu thế này là khó có thể đảo ngược được. Tín đồ (Mỹ, hay Mỹ gốc Việt thế hệ sau) tăng thì cơ sở tu tập, trong đó có các chùa, hầu như cũng phải tăng. Vậy thì kiến trúc và nội thất, nghi thức và ngôn ngữ, tông phái và hành trì ... trong các chùa Việt Nam có phải thay đổi không? Nếu có thì thay đổi như thế nào? Tác động sẽ ra sao trên bản sắc “thuần Việt” của nó?

KẾT LUẬN

Tóm lại, nhìn lại chặng đường dài của 26 thế kỷ đã qua, sau khi Đức Thế Tôn du hành từ Bồ-đề-đạo-tràng đến Lộc Uyển và thành lập tăng đoàn Phật giáo, dù trải qua những giai đoạn thăng trầm, suy hưng của thời thế, dù trải bao giai đoạn thành trụ hoại không của quy luật vô thường nhưng hình ảnh ngôi chùa với sứ mạng mang thông điệp giải thoát thực tiễn của Đức Phật vào cuộc đời vẫn còn mãi trên thế gian và được truyền bá rộng rãi trên khắp năm châu thế giới. Ngôi chùa tâm linh Phật giáo thực sự đã có chỗ đứng vững chãi trong lòng yêu đạo của những người con Phật, nhất là thế kỷ 21 này, với sự góp mặt của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và tăng đoàn Tây Tạng của ngài, cũng như với Hòa

Thượng Thích Nhất Hạnh và Tăng thân Làng Mai của Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo lớn và được nhiều giới trí thức Âu Úc Mỹ biết đến và tu tập theo.

Trong khuyên hướng tiến triển chung đó, chùa Việt trên đất Mỹ đã thực sự khởi sắc và góp mặt cho đời. Dù lý tưởng giải thoát hay lý tưởng nhập thế thì ngôi chùa vẫn là một cõi tâm linh thiêng liêng để mọi người lắng lòng hướng về. Ngôi chùa thực sự đã góp phần như một biểu tượng của tâm linh hướng thượng và của bản sắc văn hóa Phật giáo truyền thống nước Việt tại xứ Hoa Kỳ này. Chư tôn đức Tăng Ni đã vượt nhiều khó khăn, nhiều trở ngại giữa những bất đồng văn hóa để thành lập được những ngôi chùa thiêng liêng, để toả sáng những giá trị tâm linh quý giá. Các ngài đã hy sinh vì đạo, vì đời để duy trì và phát triển nếp sống văn hóa của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ này. Thật là công đức cao vời! Đúng như ông Thị trưởng thành phố Santa Ana Miguel Pulido, nhân đại lễ khánh thành Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo – Chùa Bảo Quang tại Santa Ana, California, vào ngày 14/10/2012, đã đại diện cho các cấp chánh quyền trong Quận Cam, California, Hoa Kỳ, để biểu dương công đức tốt đời đẹp đạo của chư Tôn đức Tăng Ni như sau:

“Chúng tôi xin cảm ơn sâu sắc Hòa Thượng Thích Quảng Thanh đã mất nhiều công sức tạo dựng nên ngôi chùa đẹp đẽ này cho thành phố Santa Ana, [Hòa Thượng cũng] đã phát cơm miễn phí cho người nghèo vô gia cư trong hai mươi năm qua. Chúng tôi rất hạnh diện về hành động tốt lành đó của Hòa Thượng. Ngoài chùa Bảo Quang, còn có chín ngôi chùa khác tại Quận Cam nữa như chùa Bát Nhã, chùa Huệ Quang, chùa Liên Hoa, chùa Phổ Đà, chùa Việt Nam, chùa Điều Ngự, chùa Dược Sư, chùa Diệu Quang và chùa của Thầy Hằng Trường đang được xây cất. Mười ngôi chùa này cùng các chùa khác cũng giống như những viên ngọc quý làm đẹp thành phố Santa Ana của chúng ta. Những ngôi chùa [Việt Nam] này cũng đã đóng góp vào việc giáo dục người dân thành những công dân tốt, và góp phần xây dựng xã hội chúng ta được hoàn hảo trong nhiều lãnh vực. Chúng tôi thành thật ghi ơn toàn thể chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử về công trình cao quý này.”

(We would like to show my deep thankful feelings to Ven. Thich Quang Thanh who spent lot of hard works to build a beautiful temple for Santa Ana city, has given a lot of foods to homeless people in the past twenty years. We are so proud of his good deeds. Besides Bao Quang temple, our Orange County also has another nine temples such as Bat Nha, Hue Quang, Lien Hoa, Pho Da, Viet Nam, Dieu Ngụ, Duc Su, Dieu Quang, and the other from Ven. Hang Truong is undercontracted. These ten temples and others are as the valuable jewels to make our Santa Ana city beautiful. These temples also have contributed in educating people to be good citizens and building our society to be perfected in many fields. Our sincere acknowledgements go to all the abbots, abbesses, and Buddhist followers for this noble work).

Lập Đông, Hương Sen Tự, 14/12/2012
Thích Nữ Giới Hương

Xin xem Slideshow:

[http://www.chuahuongsen.com/Vietnamese/HinhAnh.html/slideshow Chùa Việt Đất Mỹ do Ni Sư Giới Hương Thuyết Trình.ppsx](http://www.chuahuongsen.com/Vietnamese/HinhAnh.html/slideshow%20Chùa%20Việt%20Đất%20Mỹ%20do%20Ni%20Sư%20Giới%20Hương%20Thuyết%20Trình.ppsx)

TIẾP CẬN CÁC NGUỒN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC ANH NGỮ

Cư Sĩ Nguyên Giác

(Bài nói chuyện trong buổi hội luận "Phật Giáo Việt Nam Tại Mỹ: Nhìn về Tương Lai, Cơ Hội và Thách Thức," của Đuốc Tuệ hôm Chủ Nhật 16-12-2012 tại Huntington Beach, California.)

Bài này sẽ tập trung nói về đề tài, một vài cách tiếp cận các nguồn nghiên cứu Phật học Anh ngữ. Và qua đây, thử khảo sát một vài thắc mắc thường gặp. Đặc biệt, chúng ta sẽ dò tìm dấu tích Kinh Kim Cương, một kinh căn bản của Tổ Sư Thiền, trong Tạng Pali.

Nói thể không có nghĩa là các nguồn nghiên cứu Phật học bằng Việt ngữ, Pháp ngữ, Hán ngữ, Tạng ngữ, Sanskrit, Pali, vãn vãn... là không cần thiết. Tất cả đều cần thiết, nhưng kho tàng Phật học trên Internet lưu trữ nhiều nhất là qua Anh ngữ, và tiện dụng nhất cho chúng ta, những người học Phật tại Hoa Kỳ để dễ dàng bỏ túi hoặc đối chiếu công việc học Phật của mình. Đặc biệt, thể hệ kế tiếp của chúng ta thường kém hoặc không còn đọc được tiếng Việt, cho nên chúng ta cần tìm hiểu Phật học Anh ngữ để có thể quan sát, giúp đỡ và hướng dẫn con em mình.

May mắn là, chúng ta đang ở thời đại kỹ thuật số. Những gì muốn biết hầu hết đã lên Internet. Không chỉ kinh sách bằng chữ viết, mà cả bằng hình các bài giảng do quý Tăng Ni thực hiện. Y hệt như thần thông: chúng ta ngồi một chỗ, mở máy vi tính lên, nối mạng Internet, là biết đủ thứ chuyện xa ngàn dặm. Thông tin tràn ngập, không đọc hết nổi, dù là Việt ngữ hay Anh ngữ.

Thực tế, đọc kinh sách Phật Giáo bằng Việt ngữ cũng đã nhiều rồi. Thí dụ, kho kinh sách trên Thư Viện Hoa Sen (www.thuvienhoasen.org) không mấy ai đọc hết nổi. Trong khi đó, kho kinh tạng đã dịch sang Anh ngữ bởi quý Tăng Ni Cư Sĩ cũng đã tràn ngập, nhiều mênh mông. Từ kho kinh tạng dịch ra Anh ngữ ở Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện là có hỗ trợ từ chính phủ hay từ các đại học; hay kinh sách dịch ra Anh ngữ từ phía Nhật, Trung Quốc, Đài Loan cũng nhiều vô kể.

Tại sao cần tham khảo, trong khi tiếng Việt đã quá nhiều? Lý do, có khi thắc mắc của chúng ta chưa có câu trả lời trong kho Phật Học Việt Ngữ, hoặc chỉ mới giải đáp được một phần. Cũng có khi chúng ta thấy các bản dịch bất toàn, vì khi chuyển ngữ, tất sẽ có những thiếu sót nhất định. Thực tế, bản dịch nào cũng có thiếu sót. Vì nhiều Thầy học tiếng Sanskrit, tiếng Pali có khi chỉ mới 5 năm, 10 năm là bắt đầu dịch Kinh. Chúng ta ở Mỹ thì biết rồi, dù học tiếng Anh ngày đêm, trong cả hai hay ba thập niên, thầy cũng chưa đủ hiểu hết cách sử dụng tiếng Mỹ huống gì là học tiếng Mỹ có 5 hay 10 năm. Đức Phật thời xưa nói bằng cổ ngữ Magadhi Prakrit. Hãy hình dung rằng, tương tự như cổ ngữ Latin, sau



biến thể thành tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức. Do vậy, dò lại tận nguồn, cần đối chiếu, tham khảo, tiếp cận với Kinh Phật từ nhiều hướng khác nhau.

COI CHỪNG HÀNG GIẢ

Trong khi đó, những lời giả làm như lời Phật dạy thì có nhiều. Thí dụ, như trên mạng email và nhiều diễn đàn gần đây, chúng ta thấy có bản văn ghi là "66 câu Thiền ngữ chấn động thế giới," thực ra là do người giả danh Phật Tử viết ra. Bạn xem câu thứ 50 là biết:

"50. Cảm ơn Thượng đế với những gì tôi đã có, cảm ơn Thượng đế những gì tôi không có." Người ta đang nhẹ nhàng cấy tư tưởng Kỵ Tô Giáo vào đầu của chúng ta.

Không chỉ như thế, bạn ra các tiệm cơm chay ở Quận Cam, cầm một số bản văn để ở góc tiệm để tặng miễn phí. Rất nhiều bản văn là của người Kỵ Tô Giáo giả danh Phật Tử, viết ra và đặt ở các tiệm cơm chay này. Nếu bạn lên các trang mạng xã hội, như Facebook và Twitter, cũng sẽ gặp thêm nhiều câu nói giả làm như lời Đức Đạt Lai Lạt Ma nói. Nghe có vẻ như Phật pháp, nhưng thực ra là xoi đậu với các tôn giáo khác.

Do vậy, phải có căn bản Phật học để phân biệt đâu là đúng lời Phật dạy, và đâu là không đúng.

DI BIỆT GIỮA CÁC KHO TÀNG PHẬT HỌC

Tới đây, vấn đề là, giáo pháp Đức Phật dạy qua nhiều thế kỷ, tất bị diễn giải có thể sai lệch, hoặc nơi này hay nơi kia, bởi chính các nhà sư và các nhà nghiên cứu Phật Học.

Thực tế, trong vài trăm năm đầu tiên, lời dạy của Đức Phật là khẩu truyền, dạy qua tụng đọc hàng ngày, lưu giữ từ trí nhớ thế hệ này sang thế hệ kia. Chúng ta thử nghĩ rằng, chuyện ngày hôm qua, hay tuần trước, có khi chúng ta còn không nhớ nổi, hay là có thể sẽ nhớ sai lệch. Do vậy, kho tàng Phật pháp khi chép xuống giấy nhiều thế kỷ sau, tất là được lựa chọn bởi các vị sư lớn; những lời dạy khả vãn, hay là không phù hợp với pháp hành của các vị đại tăng trong kỳ kết tập là sẽ bị loại ra.

Tạng Kinh Pali được kết tập sớm nhất, chép lại lời Phật dạy bằng ngôn ngữ Pali, trong Hội Nghị Tăng Già lần thứ 4, vào năm 29 trước Tây Lịch, tức là 454 năm sau khi Đức Phật viên tịch. Nghĩa là đã được tụng đọc, nhấm vào trí nhớ qua cả chục thế hệ tăng ni trước khi chép xuống ngôn ngữ Pali.

Các bản Anh dịch bắt đầu xuất hiện từ cuối thế kỷ 19, bởi vì cuốn tự điển Pali-Anh ngữ đầu tiên



được in là năm 1874. Nhiều cuốn tự điển tương tự, từ các học giả khác, nhiều năm sau đã được soạn lại và in ra, để bổ túc cho những cuốn bất toàn ban đầu.

Bây giờ, chúng ta có Kinh Tạng Pali bằng tiếng Anh do nhiều nơi dịch, từ các sư và học giả Mỹ, Anh, Úc, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Tây Tạng, Việt Nam, vân vân.

Cần ghi nhận, tương đương Tạng Pali trong Hán Tạng là các Kinh A Hàm. Dĩ biệt là có, nhưng không nhiều. Kinh Pháp Cú bản chúng ta thường gặp là từ Tạng Pali, nhưng ấn bản dĩ biệt cũng có trong Tạng Kinh Tây Tạng, Tạng Kinh Hán Tạng, Tạng Kinh Gandhari, Tạng Kinh Sanskrit.

DỊ BIỆT GIỮA CÁC BẢN DỊCH

Duy có điều phải nhấn mạnh, không phải ai dịch cũng như nhau. Kể cả bản Kinh Pháp Cú là được đọc nhiều nhất trên thế giới trong nhiều ngôn ngữ, thì bản Kinh Pháp Cú khi dịch sang Anh ngữ, lại được diễn giải có khá dị biệt tùy dịch giả. Hãy suy nghĩ rằng, đã có vài chục bản Anh dịch của Kinh Pháp Cú, chỉ vì người dịch sau không đồng ý về cách dịch của người trước. Chúng ta không dám nói rằng các ngài là dở, chỉ có thể nói rằng các ngài có những cách hiểu Kinh Pháp Cú và cách diễn lại trong Anh ngữ dĩ biệt nhau. Cần ghi chú rằng, các links trong bài này ghi trong tháng 11-2012, cho tới buổi hội luận trong tháng 12-2012 hy vọng không thay đổi gì.

Nhà sư Thanissaro Bhikkhu trong Lời Giới Thiệu bản Anh dịch Kinh Pháp Cú của ngài trên mạng Access to Insight vào năm 1997, nói rằng phải cần ít nhất tới 5 người mới đủ ngón tay để đếm các bản Anh dịch Kinh Pháp Cú. Có nghĩa là, đã có ít nhất 41 bản dịch Kinh Pháp Cú.

Tuy nhiên, có những bản dịch cho thấy nghĩa cách biệt quá xa, thì phải nghi ngờ, và nên kiểm chứng với các bản dịch khác.

Lấy thí dụ, Kinh Pháp Cú, bài kệ thứ 372, bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu là:

372. "Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn."

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4_-8452_5-50_15-1_14-1_6-2_17-53/

Bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Thiện Siêu, dựa vào bản Anh dịch của Hòa thượng Narada, theo ấn bản Sri Lanka, là:

372. Không trí tuệ, không định,

Không định, không trí tuệ;

Người có tuệ, có định,

Đạt Niết bàn viên tịnh.

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-69_4_-11002_5-50_6-1_17-58_14-1_15-1/

Hai bản trên gần nghĩa nhau. Ngắn gọn, đó là pháp Thiền Chỉ Quán.

Nhưng trong 25 bản Anh dịch của kệ 372 có rất nhiều dị biệt trên phần đối chiếu ở trang Great Western Vehicle (http://www.greatwesternvehicle.org/pali/Phala_Nikaya/dhammapada372.htm).

Thí dụ, cách dịch của Jeffrey S. Brooks:

There is no ecstasy without wisdom (Không có thần hứng nếu không có trí tuệ)

There is no wisdom without ecstasy (Không có trí tuệ nếu không có thần hứng)

Whoever is close to enlightenment (Người tới gần giác ngộ)

truly has both wisdom and ecstasy. (Thực sự có cả trí tuệ và thần hứng)

Chữ ecstasy gần đây thường chỉ cho thuốc lắc, một loại ma túy. Nhưng khi dịch là ecstasy, là mượn chữ Ky Tô Giáo, nói về cảm giác ngây ngất và không còn biết chuyện gì ở chung quanh, thì là không đúng hoàn toàn. Vì Đức Phật và quý A La Hán đi đứng nằm ngồi đều ở trong cảnh giới của đại định và tuệ giác.

Hay là bản Anh dịch của ngài Viggo Fausböll:

Without knowledge there is no meditation (Không có kiến thức sẽ không có thiền định)

without meditation there is no knowledge (Không có thiền định sẽ không có kiến thức)

he who has knowledge and meditation (Người nào có kiến thức và thiền định)

is near unto Nirvana. (Thì gần với Niết Bàn).

Dịch như thế, là cách biệt quá. Vì kiến thức là pháp thế gian, không phải thiền Chỉ của nhà Phật.

Hay bản Anh dịch của Dr C. Raja Mohan:

There is no meditation for one who has no understanding; (Không có thiền, nếu không có hiểu biết)

there is no understanding for one who does not meditate. (Không có hiểu biết, nếu không có thiền)

He in whom there is both meditation and understanding, (Người có cả thiền và hiểu biết)

he verily is in the vicinity of nirvana. (Thì đã tới gần Niết Bàn)

Chữ "understanding" nhiều nghĩa quá, có nghĩa là hiểu biết của trí tuệ, có nghĩa hiểu biết trong đời thường, cũng có nghĩa là cảm thông và thương cảm. Nếu dựa vào bản này mà dịch sang Việt ngữ là dễ sai lệch nữa.

Nhìn lại, trong khi Thầy Minh Châu dịch là "thiền," Thầy Thiện Siêu dịch là "định," thì Brooks dịch là "thần hứng," còn Fausboll dịch là "kiến thức," và Mohan dịch là "hiểu biết." Quả là cách biệt cả ngàn dặm xa. Nếu kiểm chứng bằng phương pháp **back-translation**, nghĩa là dịch ngược từ Việt ngữ sang ngôn ngữ gốc, tất sẽ thấy nhiều bản dịch đã đi quá xa.

Do vậy, cần đối chiếu nhiều bản Anh dịch khác nhau. Nghĩa là, chúng ta phải giỏi tiếng Anh, và biết sử dụng phương tiện Internet để đối chiếu với nhiều nguồn.

TRẠCH PHÁP & TAM PHÁP ẤN

Do vậy, chúng ta phải có một cách để nhận ra,

đâu là Phật Pháp, và đâu là ngoài Phật Pháp.

Ban Hoảng Pháp GHPHVN viết trong bài Tam Pháp Ấn:

"Tam pháp ấn: vô thường, khổ và vô ngã chính là ba dấu ấn mang tính pháp định, dùng để ấn chứng, chứng nhận tính xác thực của Chánh pháp. Mọi giáo lý của đạo Phật, tất yếu đều phải mang các pháp ấn, nếu thiếu một trong những pháp ấn đó thì giáo lý ấy chắc chắn không phải Chánh pháp, lời Phật dạy. Chính vì tính chất quan trọng này mà Tam pháp ấn luôn được nhắc đến trong hầu hết kinh điển, từ Kinh tạng Nam truyền đến Bắc truyền."

Như vậy, câu hỏi khi gặp những câu nói khả nghi, chúng ta có thể lấy Tam Pháp Ấn để dò xét thật, giả.

Thí dụ, như trong cái gọi là "66 câu Thiền ngữ chấn động," theo pháp thể gian, chúng ta có thể hỏi ngay, nhóm 66 câu này nguồn từ đâu? Nếu là bản tin, tất phải là tin AP, hay Reuters, hay tin AFP, hay tin Yonhap, vân vân. Nhưng vì không phải bản tin, vậy thì chúng ta hỏi rằng nhóm 66 câu này từ Kinh nào, hay từ tuyển tập nào, và do ai kết tập? Khi thấy không ghi tác giả hay người hợp tuyển, và không thấy ghi nguồn từ sách nào, chúng ta phải nghi ngay.

Trước tiên, nên hỏi, tại sao là 66, mà không phải là theo những pháp số thường gặp trong Kinh Phật? Thí dụ, quen thuộc nhất là Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, và vân vân. Chúng ta không nhớ nổi là số 66 ở đâu.

Bạn nên vào trang www.google.com và gõ vào nhóm chữ "66 number" rồi click SEARCH.

Bạn sẽ thấy ra nhiều kết quả có liên hệ tới Kinh Thánh Ky Tô Giáo. Thí dụ, một kết quả:

66 (Sixty Six) and The Word of God (nghĩa là: Số 66 và Lời của Thiên Chúa)

Hay là, bạn thử nhấp chuột vào dòng chữ:

66 (number) - Wikipedia, the free encyclopedia

sẽ thấy nhiều giải thích chi tiết.

Trong nhiều giải thích, có ít nhất 3 nghĩa liên hệ tới Kinh Thánh Ky Tô: 66 là số lượng sách trong ấn bản Tin Lành cho cả Tân và Cựu Ước, 66 là tổng số chương trong Tập Isaiah của Kinh Thánh, và 66 là số lượng bài thơ trong Chương 3 của Những Bài Ca Thương Khóc trong Cựu Ước.

Như thế, là hàng giả bắt đầu lộ ra rồi. Và bây giờ dùng tới Tam Pháp Ấn để dò xét.

Thử lấy câu số 1 trong cái gọi là "66 Câu Thiền Ngữ Chấn Động Thế Giới Ra Xem."

Câu này là: "1. Sở dĩ người ta đau khổ chính vì mãi đeo đuổi những thứ sai lầm." Thoạt nghe, thấy có vẻ hợp lý theo nghĩa đời thường, khi bàn về cội nguồn đau khổ. Nhưng nghĩ kỹ, sẽ thấy câu nói đó xa lìa Phật pháp.

Nhưng chúng ta hỏi xem, câu này có mang nghĩa Khổ (tức là sự bất toàn) hay không? Có mang nghĩa Vô Thường hay không?

Trước tiên, nên tập nhìn các pháp như nó đang là. Hãy tự nhìn vào thân và tâm của mình, sẽ thấy như Phật dạy, rằng từ sợi tóc cho tới móng chân mình không hề có cái gì gọi được là "cái tôi" hết. Đức Phật nói cách quán đơn giản này là, nếu có cái gì là mình, thì mình chủ động được nó; nhưng vì mình không chủ động gì được, nên thực sự là vô ngã. Nghĩa này không có nghĩa là hư vô, mà chỉ là xa lìa tướng ngã.

Cho nên Phật dạy, đó chính là vô ngã, đó

chính là "có khổ, nhưng không có người thọ khổ." Người ngoài Phật giáo không bao giờ hiểu nổi câu nói "có thọ khổ nhưng không có người thọ khổ" trong Tứ Diệu Đế.

Bây giờ, bạn gõ chữ "origin of suffering" (tức: nguồn gốc của khổ), sẽ ra nhiều mục từ. Trong đó có: "Four Noble Truths - Wikipedia, the free encyclopedia." Tức là Tứ Diệu Đế.

Bạn nhấp chuột vào, sẽ thấy Sự Thật Thứ Nhì là nguồn gốc khổ. Bạn có thể đọc thẳng bằng tiếng Anh, hay nhấp chuột vào cột bên trái, vào dòng chữ "Tiếng Việt" sẽ thấy mục từ "Tứ diệu đế."

Sẽ thấy Chân Lý Thứ 2 là:

"Tập đế, chân lý về sự phát sinh của khổ: Nguyên nhân của khổ là sự ham muốn và ghét bỏ, Ái, tìm sự thỏa mãn dục vọng, thỏa mãn được trở thành, thỏa mãn được hoại diệt. Các loại ham muốn này là gốc của Luân hồi."

Ngắn gọn, toàn bộ ý này có nghĩa là tham, sân và si. Vì ham muốn, dục vọng, muốn trở thành và muốn hoại diệt đều là tham. Và vì tham cái này, tất phải ghét bỏ cái kia, đó là sân. Không thấy cội nguồn của khổ, đó là si.

Ngắn gọn: dính mắc vào các pháp là Khổ.

Đâu hề có nói gì về "đeo đuổi những thứ sai lầm," vì thực ra đeo đuổi hay xua đuổi những thứ ở cõi này rồi cũng sẽ luân hồi với cõi này.

Rồi khi đọc lướt lướt 66 câu kia, sẽ thấy câu 50 là về Thượng Đế ban phát gì đó, thì bạn biết ngay là hàng giả rồi. Khỏi cần truy cứu làm chi nữa.

CÓ BAO NHIÊU PHÁP MÔN GIẢI THOÁT?

Bây giờ, chúng ta thử dùng các công cụ Internet để khảo sát trong kho tàng Phật Học Anh ngữ, xem Đức Phật dạy bao nhiêu pháp giải thoát.

Có câu hỏi thường gặp, có phải Đức Phật dạy rằng Tứ Niệm Xứ là pháp môn giải thoát duy nhất?

Khi nghe như thế, chúng ta qua trực giác, thấy rằng có gì không hoàn toàn ổn thỏa. Bởi vì nếu chúng ta đọc nhiều, sẽ thấy ngay trong Kinh Phật đã nói rất nhiều về Thiền Chỉ Quán.

Bây giờ, chúng ta hãy vào trang Google.com, gõ dòng chữ:

many paths to arhat

và nhấp chuột vào nút Search. Nghĩa tiếng Việt câu đó là "nhiều con đường tới A La Hán".

Sẽ thấy nhiều mục từ, nhưng hãy vào trang:

Arhat (Buddhism) - http://en.wikipedia.org/wiki/Arhat_%28Buddhism%29

Trong này có dẫn Kinh Tăng Chi Bộ số AN 4.170 trong Tạng Pali. Trong Kinh này, ngài Ananda nói có 4 con đường để vào Niết Bàn.

Nổi kết trên có ghi chú 2 bản Anh dịch của Kinh này: "Translations for this sutta can be found in Bodhi (2005) pp. 268-9, 439, and Thanissaro (1998)."

Như thế, chúng ta biết rằng **Đức Phật đã dạy ít nhất là 4 con đường để giải thoát.**

Tới đây, nếu chúng ta muốn đọc bản Kinh vừa nói, thì lại tìm tiếp.

Chủ thích số 20 cho thấy Ngài Ananda nói trong AN 4.170, như thế, chúng ta tìm Kinh Tăng Chi Bộ, vì AN là viết tắt của Anguttara Nikaya.

Vào Google, và gõ nhóm chữ sau:

Anguttara Nikaya 4.170

Sẽ thấy nhiều mục từ, nhưng hãy chọn => AN 4.170 - Access to Insight

Thì ra kinh này là "Yuganaddha Sutta: In Tandem" ở địa chỉ:



<http://www.accesstosight.org/tipitaka/an/an04/an04.170.than.html>

Thử đi tìm cách khác.

Lần này, chúng ta vào Google, và gõ chữ "nirvana," tức là chữ "Niết Bàn."

Và cũng ra nhiều kết quả, nhưng thử chọn:

Nirvana - Wikipedia, the free encyclopedia ở địa chỉ:

<http://en.wikipedia.org/wiki/Nirvana>

Trong đó, có dẫn ra Thanh Tịnh Đạo, và **nói có 6 con đường để vào Niết Bàn. Và con đường thứ 6 là Tứ Niệm Xứ.**

Như thế, chúng ta đã thấy rằng người ta đã ngộ nhận nếu nói rằng Đức Phật chỉ dạy duy nhất một pháp môn giải thoát.

Nếu muốn đọc chi tiết từng bản Kinh nói về 6 con đường giải thoát đó, chúng ta chỉ nhấp chuột vào các số chú thích sẽ ra các bản Kinh liên hệ.

CHÁNH PHÁP CÒN PHẢI BỎ, HUỐNG GÌ PHI CHÁNH PHÁP

Bây giờ, chúng ta thử đi tìm một cách đối chiếu Kinh điển. Thí dụ, chúng ta nhớ rằng, hồi lớp Đệ Nhất có học thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Nhớ nhất là mấy câu:

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh,
Kỷ trung áo chỉ đa bất minh,
Cập đảo phân kinh thạch đài hạ,
Tài tri vô tự thị chân kinh.

(Ta đọc Kinh Kim Cương cả ngàn lần
Yếu chỉ uyên thâm phần nhiều không hiểu hết
Tới khi viếng thăm Phân Kinh Thạch Đài
Mới biết kinh không chữ mới đúng là kinh chân thật.)

Cần nhắc rằng khi Nguyễn Du là người sống trong thế kỷ 18 và 19, đi sứ sang Tàu, khi thì Phân Kinh Thạch Đài, nơi do Lương Chiêu Minh Thái Tử xây từ thế kỷ thứ 6 làm Trung tâm Phật học, thì dưới mắt Nguyễn Du chỉ còn là nơi hoang tàn sau 13 thế kỷ vô thường.

Thơ cụ Nguyễn Du dĩ nhiên là hay tuyệt vời. Thế rồi bỗng nhiên gặp một ai đó, nói rằng Kinh Kim Cương không phải do Phật nói. Chúng ta tự nhiên băn khoăn. Chợt nghĩ, Tạng Pali chép xuống giấy là 450 năm sau khi Phật viên tịch, đúng là Kinh Kim Cương xuất hiện trễ hơn. Bản tiếng Sanskrit không rõ năm nào, nhưng bản Hán dịch là sau khi Phật viên tịch 800 năm. Và hệ kinh Sanskrit cũng xuất hiện từ sau hệ kinh Pali.

Nhưng chúng ta thấy rằng, chuyện mới xảy ra hôm qua, hay tuần trước, hay tháng trước mà người ta kể lại còn chệch nhau, huống gì là Kinh Phật trải qua nhiều thế kỷ trước khi chép xuống thành chữ, và đã trải qua nhiều không gian rộng lớn. Thì dĩ biệt là thường.

Thêm nữa, chúng ta cần dò từ Kinh Kim Cương, vì đây là Kinh cốt tủy của pháp môn Tổ Sư Thiền, và Lục Tổ Huệ Năng khi còn gánh nước chẻ củi cũng hốt nhiên đồn ngộ là từ câu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" trong Kinh Kim Cương. Ngắn gọn, vấn đề là: có thể dò được cội nguồn Tổ Sư Thiền trong Tạng Pali hay không?

Do vậy, tới đây, chúng ta thử dò tìm dấu tích Kinh Kim Cương trong Tạng Pali bản Anh dịch.

Trước tiên, thử suy nghĩ xem, những câu nói nào điển hình trong Kinh Kim Cương.

Chúng ta chợt nhớ, Kinh Kim Cương viết rằng pháp Như Lai nói tựa như chiếc bè: "chánh pháp còn phải bỏ, huống chi chẳng phải chánh pháp." Câu nói

này trong Kinh Kim Cương (The Diamond Sutra) của PG Bắc Truyền có thể kiểm chứng với Tạng Pali của PG Nam Truyền hay không?

Chúng ta lại vào Google, gõ nhóm chữ:

buddha raft para-
ble
site:accesstosight.org

Chữ "site:" có dấu 2 chấm là muốn tìm riêng ở trang web sau dấu 2 chấm đó thôi. Lý do người viết ưa đọc trang này vì chữ to, in font Time News Roman cho nên đã quen mắt và dễ đọc, đặc biệt là các bản dịch khả tín, trong sáng. Đây chỉ thí dụ thôi, để chúng ta làm quen với công cụ này, vì khi đi tìm, nên tìm rộng ở, để xem tất cả các trang, chứ không nên trụ riêng vào một trang web.

Chúng ta nơi đây, thử nhấp chuột vào kết quả này:

=> Alagaddupama Sutta: The Water-Snake Simile

<http://www.accesstosight.org/tipitaka/mn/mn.022.than.html>

Kinh này thuộc Majjhima Nikaya, tức Trung Bộ Kinh.

Đức Phật trước tiên dạy rằng, tu học cũng y hệt như bắt rắn, phải dùng cây gậy chạng ba đề xuống đứng thế, lấy tay bắt đứng vào cổ con rắn nước này, thì cho dù con rắn vùng vẫy, quăn tay hay chân mình thì cũng không hại được mình. Tu học Phật pháp cũng theo đúng phương pháp mới không hại.

Kế tiếp, kinh này nói về chiếc bè. Đức Phật nói rằng một người muốn qua sông, đã dùng cây gỗ, dây cỏ, quần lại thành chiếc bè. Sau khi qua sông an toàn, người này cần rời bỏ chiếc bè.

Đức Phật nói: "In the same way, monks, I have taught the Dhamma compared to a raft, for the purpose of crossing over, not for the purpose of holding onto. Understanding the Dhamma as taught compared to a raft, you should let go even of Dhammas, to say nothing of non-Dhammas." (Chư tỳ kheo, y hệt như thế. Ta đã dạy Pháp như một chiếc bè, vì mục đích qua sông, không vì mục đích ôm chặt lấy. Hiểu Pháp được dạy như chiếc bè, các con nên rời bỏ cả Chánh Pháp, chứ đừng nói gì tới không phải Chánh Pháp.)

Đó đúng là ngôn ngữ Kinh Kim Cương. Như thế, ngôn ngữ Kinh Kim Cương cũng có từ Tạng Pali vậy.

Hay là, thử dò tìm một câu khác trong bản Kinh này thuộc hệ thống Bát Nhã Ba La Mật Đa, một hệ thống kinh không được lưu truyền bên Phật Giáo Nam Tông.

DÒ TÌM XA LÌA TỬ TƯỚNG, ỨNG VÔ SỞ TRỤ NHI SINH KỲ TÂM...

Bây giờ, chúng ta thẳng mắc, lời dạy xa lia tử tướng (tướng, phi tướng, phi phi tướng...) của Kinh Kim Cương nằm nơi đâu trong Tạng Pali.

Trước tiên, vào Google, thử gõ dòng chữ:

buddha non clinging diamond
site:accesstoinight.org

Sẽ thấy nhiều kết quả. Nhưng đúng là, không hề có Kinh Kim Cương nào trên trang web Nam Tông này. Bây giờ thử vào đây, vì thấy có chữ gì như là "diamond":

<http://www.accesstoinight.org/lib/authors/thanissaro/meditations4.html>

Đọc xuống dưới, thấy vị sư nổi tiếng Thanissaro Bhikkhu viết, có đoạn:

"Finally there's clinging to doctrines of self. This doesn't mean just the view that 'I have a self,' whatever your sense of self might be. It also means clinging to the view that 'I have no self.' Thinking in either way, the Buddha said, leads you into a thicket of views that will get you entangled. So, as with the cure for clinging to views, the Buddha has you take the polarity of existence or nonexistence and put it aside. When the issue of existing or not-existing is a non-issue, the idea of a self existing or not existing is a non-issue as well..." (hết trích)

Chúng ta có thể dịch nơi đây là:

"Cuối cùng, có sự dính mắc vào lý thuyết về tự ngã. Điều này không có nghĩa chỉ là cái nhìn rằng 'Tôi có một tự ngã,' bất cứ nghĩa nào bạn nhìn về tự ngã có thể là. Nó cũng có nghĩa là dính mắc vào cái nhìn rằng 'Tôi không có tự ngã nào.' Suy nghĩ cách nào đi nữa, Đức Phật dạy rằng, sẽ dẫn bạn vào búi rậm các cách nhìn bao vây bạn. Do vậy, để chữa trị việc dính mắc vào các cái nhìn, Đức Phật bảo rằng bạn gác qua một bên các đa cực của tướng và phi tướng. Khi tướng và phi tướng không thành vấn đề, khái niệm về một tự ngã hiện hữu hay không hiện hữu cũng tự nó không thành vấn đề..."

Nghĩa là gì? Nghĩa là "vô pháp tướng diệt vô phi pháp tướng"... Tuyệt vời là như thế, khi chúng ta dò được cội nguồn của Kinh Kim Cương từ các minh giải Kinh Tạng Pali.

Chúng ta cũng nhớ một câu nổi tiếng trong Kinh Kim Cương là "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm." Chúng ta thắc mắc, lời dạy này nằm chỗ nào trong Kinh Tạng Pali?

Chúng ta lại vào Google, gõ tìm nhóm chữ:

"not cling" sutta site:accesstoinight.org

Nhóm chữ trong ngoặc kép có nghĩa là tìm đúng thứ tự của chữ, rằng chữ "not" phải đứng trước chữ "cling" và kết quả cũng phải có chữ "sutta."

Tuyệt vời, ngay dòng đầu tiên, thấy bản kinh MN 143 (Trung Bộ Kinh 143):

Anathapindikovada Sutta: Advice to A Dying Man

<http://www.accesstoinight.org/tipitaka/mn/mn.143x.olen.html>

Nghĩa là, lời dạy cho một người đang hấp hối.

Chúng ta đọc tới đâu, là thấy y hệt như đang đọc một bản khác của Kinh Kim Cương.

Chúng ta sẽ dịch tóm gọn như sau.

Duyên khởi là gia chủ Anathapindika bệnh nặng. Ngài Xá Lợi Phất và Ananda tới thăm. Gia chủ bạch rằng toàn thân đang đau đớn, không hề giảm chút nào.

Ngài Xá Lợi Phất mới dạy, rằng gia chủ hãy quán sát thể này:

Con sẽ không dính mắc vào mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Và niệm của con cũng sẽ không dính mắc vào mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Con sẽ không dính mắc vào sắc thanh hương vị xúc pháp.



Và niệm của con cũng sẽ không dính mắc vào sắc thanh hương vị xúc pháp.

(...chúng ta bỏ nhiều đoạn... để tới đoạn cuối lời dạy)

Con sẽ không dính mắc vào cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm thọ, cái được nhận biết, cái được tiếp cận, cái được truy tìm sau đó, và cái được khảo sát bởi tâm thức.

Và niệm của con cũng sẽ không dính mắc vào cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm thọ, cái được nhận biết, cái được tiếp cận, cái được truy tìm sau đó, và cái được khảo sát bởi tâm thức. (hết dịch tóm lược)

Đó là Bát Nhã Tâm Kinh, đó là Kinh Kim Cương, đó là Tổ Sư Thiền. Không phải gì khác.

MỘT PHÁP: KHÔNG TRỤ VÀO ĐÂU

Thử dò thêm. Theo Kinh Kim Cương, thì học nhân **giữ được tâm vô sở trụ**, nghĩa là không trụ tâm vào đâu cả, nghĩa là không dính mắc tâm vào đâu cả, là **đang tu tập pháp hành cốt tủy của Phật Pháp**. Kinh Kim Cương thực sự không phải lý thuyết dài dòng, vì nếu lý thuyết dài dòng không thể nào làm cậu thiếu niên nhà quê Huệ Năng hốt nhiên顿 ngộ được, nghĩa là Kinh Kim Cương là kinh chỉ thẳng vào pháp hành cốt tủy.

Nếu chúng ta thắc mắc, không biết các vị sư Nam Tông nổi tiếng có nói tương tự như thế hay không. Chúng ta có thể nhờ Internet tìm giùm.

Chúng ta vào Google và gõ nhóm chữ:

"do not cling" ajahn

Chữ "ajahn" là "đại sư" trong tiếng Thái Lan.

Nghĩa là, chúng ta muốn xem có sư Thái Lan nào nói tới nhóm chữ "đừng dính mắc gì hết" hay không.

Sẽ thấy ngay vị sư nổi tiếng Ajahn Chah của Thái Lan, với tác phẩm "A Still Forest Pool" (Mặt Hồ Tĩnh Lặng), vào xem, và trích nơi đây:

"The heart of the path is SO simple. No need for long explanations. Give up clinging to love and hate, just rest with things as they are. That is all I do in my own practice.

Do not try to become anything. Do not make yourself into anything. Do not be a meditator. Do not become enlightened. When you sit, let it be. When you walk, let it be. Grasp at nothing. Resist nothing." (link: [http://www.dhammatalks.net/Books2/Ajahn Chah A Still Forest Pool.htm](http://www.dhammatalks.net/Books2/Ajahn%20Chah%20A%20Still%20Forest%20Pool.htm), Part 1)

Dịch như sau: "Cốt tủy của pháp môn giải

thoát rất là đơn giản. Không cần giải thích dài dòng. **Đừng dính mắc gì vào thương và ghét, hãy an nghỉ với các pháp như chúng là.** Đó là tất cả những gì chính tôi thực tập.

Đừng tìm cách trở thành bất kỳ gì hết. Đừng biến chính bạn trở thành bất kỳ gì hết. Đừng là một thiền sư. Đừng tìm cách giác ngộ. Khi bạn ngồi, hãy tự nhiên ngồi. Khi bạn đi bộ, hãy tự nhiên đi bộ. Không nắm giữ gì hết. Không chống cự xua đẩy gì hết.” (hết dịch)

Tuyệt vời, đó là Kinh Kim Cương vậy. Đó là Tổ Sư Thiền vậy. Như thế, Phật Giáo Nam Tông và Bắc Tông đâu có gì khác nhau đâu.

HÃY NHƯ GIỌT NƯỚC TRÊN LÁ SEN

Nếu bạn vẫn còn ngờ vực, chúng ta có thể dò tìm thêm. Lần này, chúng ta tìm Kinh trong Tạng Pali, theo trang web của các sư Thái Lan Access to Insight.

Hãy vào Google, và gõ hàng chữ:

"not adhere" sutta site:accesstoinight.org

Nghĩa là, tìm trang nào có chữ "sutta" (Kinh) và có nhóm chữ đúng thứ tự "không dính mắc" trong trang accesstoinight.org.

Sẽ thấy ngay trong Kinh Jara, thuộc nhóm Tiểu Bộ Kinh:

"Jara Sutta: Old Age"

Dịch từ tiếng Pali sang Anh văn bởi nhà sư Thanissaro Bhikkhu.

Tuyệt vời, y hết Kinh Kim Cương, cũng nói "không một pháp nào để trụ."

Nơi đây, Kinh này viết theo dạng thơ, chúng ta trích dịch Kinh Jara Sutta như sau:

A monk, living withdrawn,
enjoying a dwelling secluded:

they say it's congenial for him

he who wouldn't, in any realm, display self.

(Một vị sư, đang sống ẩn dật, vui với nơi ẩn dật: người ta nói ngài thích ứng dễ chịu; ở bất kỳ cảnh giới nào, ngài cũng sẽ không thấy có cái gì là tự ngã hiển lộ.)

Everywhere

the sage independent

holds nothing dear or undear.

(Ở mọi nơi, bậc trí tuệ độc lập này không thấy gì gọi là thương hay ghét.)

In him

lamentation & selfishness,

like water on a white lotus,

do not adhere.

(Trong ngài, thương tiếc và ích kỷ, y hết như nước trên đoá sen trắng, không dính trụ vào đâu được.)

As a water bead on a lotus leaf,

as water on a red lily,

does not adhere,

(Như một giọt nước trên một lá sen, như nước trên một bông huệ đỏ, không dính trụ vào đâu.)

so the sage

does not adhere

to the seen, the heard, or the sensed;

(Do vậy, bậc trí tuệ này không dính trụ vào những cái được thấy, những cái được nghe, hay những cái được cảm thọ.)

for, cleansed,

he doesn't construe

in connection with the seen, the heard, or

the sensed.

(Bởi vì, đã thanh tịnh, ngài không bận tâm diễn



giải phân tích những gì liên hệ tới những cái được thấy, những cái được nghe, những cái được cảm thọ;

In no other way

does he wish for purity,

for he neither takes on passion nor puts

it away.

(Không hề có pháp môn nào khác để ngài mong muốn cho thanh tịnh, vì ngài không tham chấp lấy mà cũng không xua đuổi nó đi)

Đó là Kinh Kim Cương vậy.

VỀ DẪN NGUỒN

Trình bày vừa qua một số cách tiếp cận kho tàng Phật Học Anh Ngữ. Đọc tiếng Anh, thí dụ, như nêu trên ở các bản Kinh Pháp Cú, chúng ta sẽ thấy dịch sang Việt ngữ rất là khó, và không hoàn toàn chuyển nghĩa đầy đủ được. Chỉ có đối chiếu, mới thông suốt các nghĩa. Tương tự, khi đọc Tạng Pali bằng Anh ngữ, chúng ta thấy nhiều Kinh Bắc Tông đã nằm sẵn trong đó rồi.

Cần ghi chú, khi sử dụng các bản văn, cần tôn trọng tác quyền trí tuệ. Đó cũng là mình phải giữ giới vậy. Đa số tác phẩm tiếng Anh trên Internet đều ghi rõ tác quyền của ai. Một số tác giả và trang nhà cho phép in lại ra bản giấy, hay lưu hành bản online với điều kiện ghi tên tác giả và nguồn. Một số cho phổ biến với điều kiện "không thương mại," nghĩa là chỉ ẩn tống, không bán lấy tiền.

Đặc biệt, mỗi quốc gia đều có Luật Tác Quyền riêng. Luật của Hoa Kỳ về sử dụng tài liệu nguồn có tên là Luật Tác Quyền (Copyright Law) rất là phức tạp, và mơ hồ nữa, vì nói rằng cho phép chúng ta "fair use" – nghĩa là cho sử dụng vừa phải, hợp lý (muốn tìm hiểu điều khoản này, có thể vào Google.com, gõ nhóm chữ "fair use clause"). Thực tế, nếu không cho copy để dẫn nguồn, sẽ không có đại học Mỹ nào thực hiện việc nghiên cứu nổi. Vì người đi sau là phải dựa vào kiến thức và khám phá của người đi trước.

Luật bản quyền trí tuệ rất phức tạp, được diễn giải tùy trường hợp cụ thể. Thí dụ, có những bài lý luận, phê bình trên các tạp chí văn học Mỹ khi trích dẫn, đã copy cả đoạn vài trăm chữ, tất nhiên là có ghi nguồn, nhưng không bị xem là vi phạm. Nhưng một ca khúc, hay một bản hòa âm, chỉ copy có một dòng nhạc là cũng bị phạt.

Những bản tin trên đài BBC, VOA, RFI, RFA hiện nay đa số đều dịch từ tin tiếng Anh, tiếng Pháp... và không ai bị đòi tiền tác quyền, bởi vì họ đã dịch ra Việt ngữ, và không đem bán các bản tin tiếng Anh, tiếng Pháp. Đặc biệt, nhiều bản tin của Xinhua, UPI, RTT, MarketWatch là viết lại từ các bản tin từ nguồn khác. Kể cả AP, Reuters, AFP cũng thường trích dẫn, viết theo và soạn tin lại từ các báo lớn như New York Times, Washington Post...

Việc nghiên cứu Phật Giáo cần dẫn nguồn còn do từ một thực tế nữa, là để độc giả kiểm chứng những gì mình viết ra. Nhất là cần cẩn trọng khi viết về những lời Đức Phật dạy.

Xin cảm ơn và chúc lành.

Cư Sĩ Nguyên Giác

NGƯỜI PHẬT TỬ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠO PHẬT TẠI MỸ

Diệu Huyền

(Bài tham luận trình bày trong “*Hội Luận 2012 - Phật giáo Việt Nam tại Mỹ - Nhìn về Tương Lai, Cơ hội và Thách thức*” của Hội Phật học Đuốc Tuệ tại California, ngày 16/12/2012)

TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐẠO PHẬT TRÊN ĐẤT MỸ VÀ VỊ THẾ CỦA NGƯỜI VIỆT:

Kể từ năm 1975, nhiều làn sóng người Việt Nam đã ồ ạt di tản qua Mỹ, tạo thành một cộng đồng sinh động với nhiều sắc thái chính trị và tôn giáo. Một thế hệ đã trôi qua với nhiều thay đổi, cùng với sự chuyển mình theo dòng thời gian của đất nước Hoa Kỳ, nơi chúng ta nhận làm quê hương thứ hai. Một sự kiện đáng chú ý nhất là sự phát triển của Phật giáo tại Mỹ. Trong năm 2007, cơ quan PEW chuyên nghiên cứu về các sắc thái tôn giáo, văn hóa và chính trị của dân Mỹ đã đưa ra một bản phúc trình, theo đó tỷ lệ người Mỹ theo đạo Phật đã tăng vọt 170%, đứng hàng thứ ba về số lượng tín đồ, chỉ sau Thiên Chúa Giáo và Do Thái Giáo. Tuy nhiên, bản phúc trình này được coi là chưa chính xác vì đã bỏ sót những người Mỹ gốc Á không thông thạo tiếng Anh. Trong tháng 7 năm 2012, cơ quan PEW đã đưa ra một bản phúc trình mới, trong đó chủ đề là người Mỹ gốc Á Châu với những khuynh hướng tôn giáo khác nhau.

Theo bản phúc trình mới nhất này, tỷ lệ người Mỹ gốc Á theo đạo Phật là 14% trong tổng dân số 17 triệu dân Mỹ gốc Á, có nghĩa là vào khoảng 2.4 triệu người. Nếu bỏ túc con số này với con số trên 1.5 triệu người Mỹ theo đạo Phật của phúc trình PEW năm 2008, con số người Mỹ theo đạo Phật có thể lên đến gần 4 triệu người, trong đó tỷ lệ người Mỹ gốc Á chiếm 60%, và người Mỹ bản xứ chỉ vào khoảng 800,000 người.

Điều đáng chú ý nhất là mặc dù người Mỹ gốc Việt chỉ chiếm 10% của tổng số dân Mỹ gốc Á, nhưng số Phật tử Việt Nam lại chiếm hơn 1/3 (38%) số Phật tử gốc Á, có nghĩa là đông đảo nhất trong các thành phần của Phật tử Mỹ nói chung. Ngoài sự hiện diện đông đảo, Phật tử Việt Nam nổi bật hơn các sắc dân Mỹ gốc Á khác trong những hoạt động tôn giáo tích cực và mức độ tu tập cao. Họ đánh giá vai trò của tôn giáo là rất quan trọng trong đời sống, so với khuynh hướng “vô thần” của một số đông người Mỹ gốc Á khác. Khoảng 80% Phật tử Việt Nam có bàn thờ tại gia, trong khi các Phật tử Á Châu khác chỉ có 43%. Một nửa tổng số Phật tử Việt Nam (51%) đều có ăn chay định kỳ, trong khi các Phật tử Á Châu khác chỉ có 10%. Phật tử Việt Nam cũng thường cầu nguyện nhiều hơn các Phật tử Á Châu khác, ít nhất một lần một ngày với tỷ số là 37%, và thường đi lễ chùa hơn, cũng như tham dự



cả những buổi lễ của các tôn giáo khác. Tuy nhiên, tỷ số người thực tập thiền mỗi ngày cũng không xê xích nhiều so với các Phật tử gốc Á khác (khoảng 11% so với 16% các Phật tử gốc Á khác).

(Theo tài liệu của The Pew Forum: *Asian Americans: a mosaic of faiths* - Poll 7/19/12)

<http://www.pewforum.org/Asian-Americans-A-Mosaic-of-Faiths-overview.aspx>

Những điều nói trên chứng tỏ Phật tử Việt Nam chiếm một vị thế quan trọng trong toàn cảnh đạo Phật tại Mỹ.

NHỮNG YẾU TỐ ĐÓNG GÓP VÀO TÍNH TÔN GIÁO CỦA PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI MỸ:

- Sự mới mẻ của cộng đồng và yếu tố văn hóa:

So với các sắc dân Á Châu khác như Trung Hoa và Nhật Bản, người Việt Nam đến Hoa Kỳ sau cả một thế kỷ. Các cộng đồng di dân Á Châu khác đa phần đã hòa nhập vào dòng chính của nước Mỹ và đã truyền đến thế hệ thứ 4, thứ 5, trong khi người Mỹ gốc Việt phần lớn vẫn còn thuộc thế hệ thứ nhất và thứ hai, còn gần bó nhiều với truyền thống văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh đó, ngôi chùa Việt Nam đã trở thành một hình ảnh của quê hương đối với người Việt tại Mỹ, là nơi chốn để tìm lại những nét văn hóa thân thuộc.

- Hoàn cảnh đặc biệt của người Việt di dân:

So với các sắc dân Mỹ gốc Á đến Mỹ trong một quá trình có chuẩn bị, đa số người Việt đến Mỹ do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước trong sự không chuẩn bị, với một tâm trạng còn nhiều chấn động, mang theo những vết hằn đau thương của quá khứ, những kinh nghiệm vô thường và khổ não, nên nhu cầu về tâm linh cũng mạnh mẽ hơn.

- Sự hoạt động của các cơ sở Phật giáo và chùa chiền:

Sự hoạt động tích cực của các cơ sở Phật giáo và chùa chiền cũng là một yếu tố để tạo thêm niềm tin cho Phật tử tại Mỹ. Chùa chiền được dựng lên ở nhiều nơi trên khắp nước Mỹ, cử hành những nghi thức tôn giáo truyền thống, tổ chức những ngày lễ hội Phật giáo, đáp ứng lại nhu cầu tâm linh và tín ngưỡng của người Việt. Những tài liệu về đạo Phật, các băng giảng, CD hay DVD đều được phổ biến rất nhiều ở trong các chùa, các tiệm ăn chay, cũng như trên các trang mạng internet đã giúp cho sự truyền bá Phật pháp được dễ dàng.

Ngoài ra, các sinh hoạt như trường Việt ngữ, gia đình Phật tử và nhiều sinh hoạt văn hóa khác đã thu hút một số lớn người đến chùa và từ đó có cơ duyên học hỏi Phật pháp. Có những người không biết gì về đạo Phật, nhưng khi có người thân qua đời và đến chùa làm lễ cầu siêu, trong nỗi đau của sự mất mát và không khí thiêng liêng của sự cầu nguyện, đã cảm nhận một biến chuyển tâm linh và từ đó phát tâm tu tập.

LIÊN HỆ MẬT THIẾT GIỮA ĐẠO PHẬT VÀ VĂN HÓA VIỆT:

Như trên đã nói, sự gắn bó với nền văn hóa dân tộc là sợi dây nối kết người Việt tại Mỹ với chùa và đạo Phật. Trong nền văn hóa Việt Nam, Phật giáo đã đóng một vai trò quan trọng. Nhìn lại lịch sử, những thời kỳ vàng son nhất như triều đại Lý, Trần cũng là những thời kỳ đạo Phật được phát triển huy hoàng nhất. Đạo Phật đã luôn luôn hiện diện, hòa quyện trong nền văn hóa dân gian để trở thành một phần trong nền tảng tâm linh và nếp sống của đại đa số dân Việt, như trong câu thơ của cố hòa thượng Mãn Giác:

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.*

Mái chùa đã là một hình ảnh quen thuộc ở khắp nơi trong đất nước, là nơi quy tụ những sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa, là linh hồn của nếp sống làng mạc Việt Nam. Tiếng chuông chùa ngân vang đã trở thành thân thiết trong đời sống hàng ngày, như tiếng gọi nhắc nhở in sâu trong lòng người:

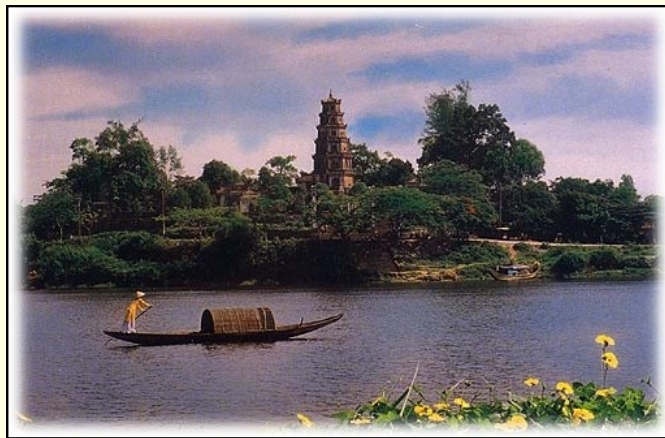
*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Quốc, canh gà Thọ Xương*

Trên nền tảng đó, đa số dân chúng ở Việt Nam tuy không biết nhiều về giáo lý Phật nhưng vẫn được truyền dạy cách sống đạo đức như trong ngũ giới của Phật pháp: không giết người, không trộm cắp v.v..., biết đến lý nhân duyên như: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "Uống nước nhớ nguồn" v.v..., biết luật nhân quả như: "Gieo gió gặt bão", "Ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác" ..., biết mở lòng từ bi như: "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách"... và tin có luân hồi, có kiếp trước kiếp sau v.v... "Phật" hay "Bụt" thường được nhắc đến trong những truyện cổ tích như một vị thánh nhân thân thuộc, gần gũi với con người, với lòng từ bi hay cứu giúp những người lành đang trong hoàn cảnh khổ nạn. Đạo Phật đã trở thành một phần của nền tảng văn hóa Việt Nam, đã tồn tại theo lịch sử dân tộc trải qua bao thế kỷ thăng trầm của đất nước. Như nhà thơ Hồ Dzếnh đã viết:

*Trang sử Phật
Đồng thời là trang sử Việt
Trải bao độ hưng suy
Có nguy mà chẳng mất...*

HÌNH ẢNH CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI MỸ:

Nói về định nghĩa Phật tử, trong thời Đức Phật tại thế, Phật tử bao gồm bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di (nam tu sĩ, nữ tu sĩ, nam cư sĩ, nữ cư sĩ). Một định nghĩa khác là người có quy y Tam Bảo nơi chùa, có pháp danh và thọ năm giới được gọi là Phật tử. Tuy nhiên, để có phạm vi rộng rãi hơn, ở đây tất cả những người tự nhận là theo đạo Phật cũng sẽ được kể đến, trong đó có những người đã tìm hiểu giáo lý và có niềm tin nơi Tam Bảo, tuy chưa làm lễ quy y chính thức, nhưng đã tự quy y nơi tâm, cũng có thể gọi là Phật tử.



* Thành Phần Phật tử Việt Nam tại Mỹ:

- Có những người theo đạo Phật vì truyền thống gia đình, theo nề nếp sẵn có từ trước đến nay - tuy không biết nhiều về giáo lý Phật, nhưng vẫn có lòng tin nơi Phật và cầu nguyện đến ngài những khi cần thiết, cũng như đến các chùa chiền trong những dịp lễ. Nếp sống văn hóa Việt Nam là sợi dây ràng buộc họ với đạo Phật và chùa chiền hơn là niềm tin và sự hiểu biết về đạo pháp. Tùy theo nhân duyên, họ có thể trở thành những Phật tử thuần thành, hay có thể trở thành những người "vô tôn giáo" hay cải đạo theo những diễn biến đến trong cuộc đời. Càng những thế hệ về sau, khi sự hòa nhập vào môi trường của dòng chính làm lo lắng đi bản sắc dân tộc, ảnh hưởng của nền văn hóa truyền thống Việt Nam sẽ bị phai mờ dần, sợi dây ràng buộc các con cháu người Việt với đạo Phật hay các chùa chiền sẽ càng bị mai một. Tình trạng này hiện nay đã bắt đầu và sẽ còn tiếp tục trong tương lai.

- Thành phần khác là những Phật tử thuần thành, hiểu biết giáo lý và có niềm tin nơi Phật Pháp, trong số đó có những người có trình độ học thức cao, thông thạo ngoại ngữ nên có nhiều phương tiện tiếp cận với các nguồn giáo lý của đạo Phật cũng như của các tôn giáo khác. Họ không chỉ giới hạn trong phạm vi Phật giáo Việt Nam, mà còn tìm hiểu thêm những truyền thống Phật giáo của các tông phái và dân tộc khác, từ đó lựa chọn pháp môn nào thích hợp cho mình. Hiện nay, những tài liệu về đạo Phật được phổ biến rất nhiều, ngoài kinh điển và sách vở bằng tiếng Việt, còn có những tác phẩm nổi tiếng Anh ngữ được các học giả viết và dịch, những tạp chí tiếng Anh chuyên về Phật giáo như Tricycle, Sham-bala v.v... Thêm vào đó, trang mạng internet là phương tiện cung cấp những tài liệu Phật pháp phong phú nhất, như những bài giảng của các vị thầy nổi tiếng, những bài viết, những băng giảng bằng truyền thanh hay truyền hình. Một số các học giả, cư sĩ còn đóng góp tích cực hơn trong nền văn học Phật giáo hải ngoại bằng cách viết hay dịch các tác phẩm từ tiếng Anh sang Việt hay Việt sang Anh, và lập những trang mạng Phật giáo có giá trị trên internet, như trang mạng Thư Viện Hoa Sen đã thu hút cả triệu người trên thế giới vào xem.

* Cơ sở tu học:

Những cơ sở tu học cho người Phật tử Việt Nam tại Mỹ gồm đại loại như sau:

- Chùa chiền: là nơi các Phật tử đến dự những buổi lễ, sinh hoạt, cúng dường, làm những việc công quả hay Phật sự, thọ bát quan trai mỗi tháng v.v.... Chùa là cơ sở quan trọng nhất cho sự tồn tại của

Phật giáo Việt Nam, là nơi tụ hội những sinh hoạt tôn giáo và văn hóa, xã hội. Các chùa Việt Nam phần lớn theo khuôn hướng Tỉnh Đô, một số thuộc Phật giáo nguyên thủy, và một số khác là những thiền viện của các môn phái Thiền khác nhau. Các Phật tử tham gia những hoạt động của chùa, đồng thời cũng học hỏi giáo lý, tụng kinh niệm Phật, thực tập thiền v.v... Cũng có một số rất ít Phật tử, phần lớn thuộc giới trẻ, đi các chùa Tây Tạng thuộc Mật tông, và các trung tâm thiền của Nhật Bản và Mỹ.

- Đạo tràng: một số Phật tử lập các đạo tràng tại gia với sự hướng dẫn của một vị tăng hoặc ni, tập thiền, lay Phật, pháp thoại v.v... Các đạo tràng này có một số Phật tử giới hạn, gặp nhau định kỳ, và các Phật tử cũng có thể vừa tu theo đạo tràng, vừa đến sinh hoạt các nơi khác. Các Phật tử trong giới này phần lớn có khuynh hướng tu thiền.

- Hội trường: Một số cư sĩ, học giả lập ra những nhóm hội mời một số tu sĩ đến tổ chức những buổi giảng pháp quy mô trong hội trường. Các nhóm hội này có những đường hướng riêng, tổ chức tương đối chặt chẽ và phát triển tốt đẹp, quy tụ được một số đông người tham dự những buổi diễn thuyết.

* Quá trình tu học và lợi ích:

Mỗi Phật tử có những nhân duyên khác nhau, quá trình tu tập khác nhau, nhưng tựu chung không ngoài ba bước đường "Văn, Tư, Tu" căn bản.

- Văn và Tư - Học hỏi giáo lý: Vì một nhân duyên nào đó, người Phật tử có dịp gặp gỡ với đạo Phật, đầu tiên là nghe, đọc, hiểu giáo lý của Đức Phật, rồi có sự cảm nhận sâu xa, từ đó phát tâm muốn chuyển hóa và tu tập. Nhân duyên với Phật pháp có thể có sẵn từ khi mới sinh ra, cũng có khi là những chủng tử tiềm ẩn và đến một lúc nào đó gặp thuận duyên sẽ phát lộ, để cho người Phật tử tỉnh ngộ trước cảnh đời tục lụy và muốn đi theo con đường giải thoát. Bước đầu tiên ấy cũng có thể gọi là bước đầu của sự "giác ngộ".

- Tu - Thực hành: Sự học hỏi giáo lý phải đi đôi với sự thực hành mới có hiệu quả. Những pháp môn chính được thực hành là Thiền và Tịnh Độ. Cũng đã có nhiều Phật tử Việt Nam tu theo Mật Tông nhưng chưa trở thành một cộng đồng đáng kể.

Phật tử Việt Nam tại Mỹ theo các pháp môn Thiền khác nhau như thiền nguyên thủy hay Minh Sát Tuệ, thiền kiến tánh của Đại Thừa, thiền theo pháp môn Làng Mai, nhưng tựu chung đều qua những bước căn bản như điều thân và tâm qua sự quán hơi thở và tư tưởng trong thể ngồi vững chãi, khiến tâm bớt tạp loạn, đưa đến sự an định và phát sinh trí tuệ. Thiền cải thiện sức khỏe về thể chất lẫn tinh thần, giúp có cái nhìn khách quan hơn đối với chính mình và với thực tế, bớt những phản ứng theo cảm xúc.

Tịnh Độ hay niệm Phật là cách hữu hiệu để giải trừ vọng tâm, qua sự tập trung chú ý nơi thánh giá (đọc niệm và nghe). Phối hợp với một tâm chân thành, niệm Phật sẽ tạo nên một lực cảm ứng, cho cảm giác thanh tịnh nhẹ nhàng.

Thiền và Tịnh tuy cách tu khác nhau nhưng chung cuộc sẽ đem đến kết quả như nhau. Sự chuyển hóa đến từ từ nhưng vững chắc. Những tập khí tiêu trừ sẽ đem lại trạng thái an bình tự tại trong đời sống.

Ngoài ra Phật tử Việt Nam tại Mỹ cũng phối hợp sự tu tập với ăn chay, thực tập dưỡng sinh và khí công để có sự an lạc trong cả tâm lẫn thân.



MÔ HÌNH CHÙA BÁT NHÃ TƯỜNG LAI—SANTA ANA, CALIF., HOA KỲ

- Sức mạnh trong tu tập: Học hỏi giáo lý và thực tập tu cho bản thân chưa đủ, còn phải có bạn đồng tu, đồng hành trong sự hòa hợp thì mới thêm sự khích lệ và lợi lạc, trong tinh thần Tăng Bảo của Phật, Pháp, Tăng. Các khóa tu Bát Quan Trai tại chùa, cũng như các đạo tràng, hay khóa tu Thiền ở một số trung tâm là nơi các bạn đạo gặp gỡ, cùng nhau tu tập và trao đổi ý kiến kinh nghiệm, từ đó có sức mạnh của tha lực thêm với tự lực, phát xuất một niềm vui thanh tịnh nhẹ nhàng.

- Kết quả sự chuyển hóa nơi thân và tâm:

Sự chuyển hóa nơi thân và tâm được hiển lộ ngay nơi cung cách hành xử, lối sống và nét mặt của người Phật tử. Sự an bình tự tại tỏa ra từ người Phật tử sẽ có ảnh hưởng đến những người chung quanh, đem lại một cảm giác an vui thoải mái.

NHÌN VỀ TƯƠNG LAI:

Không ai có thể dự đoán được tương lai, mà chỉ có thể nhìn bức tranh toàn cảnh trong hiện tại để phần nào đưa ra những khái niệm về những gì có thể xảy ra. Như trên đã nói, Phật tử Việt Nam là một lực lượng đông đảo nhất trong giới Phật tử gốc Á của Mỹ, đã đóng góp rất nhiều không chỉ riêng cho Phật giáo Việt Nam, mà còn cho các truyền thống khác như Tây Tạng, Trung Hoa, Miền Lào v.v.. cũng như một số cơ sở của người Mỹ bản xứ. Nhìn chung, Phật giáo Việt Nam tại Mỹ có nhiều nét sinh động khởi sắc, tuy nhiên, đa phần vẫn tách rời với Phật giáo bản xứ Mỹ, với những nghi thức hành lễ riêng biệt, với ngôn ngữ Việt Nam xử dụng trong tất cả những sinh hoạt tôn giáo. Điều này không chỉ giới hạn trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam, mà cũng là một tình trạng chung của tất cả những truyền thống Phật giáo Á Châu khác.

Nhìn về nền Phật giáo tại Mỹ, kể từ ngày đạo Phật bắt đầu phát triển từ thập niên 1960-1970 tới nay, mặc dù những tư tưởng của đạo Phật đã càng ngày càng xâm nhập vào các lãnh vực trong xã hội như khoa học, triết lý, văn hóa, thương mại v.v..., đạo Phật tại Mỹ vẫn chưa thành hình được như một tôn giáo có hình thức tiêu biểu và thống nhất, mà vẫn còn là sự kết hợp rời rạc của những tổ chức Phật giáo bản xứ và các truyền thống Phật giáo Á Châu khác nhau. Các hệ phái có ảnh hưởng mạnh nhất là Mật tông Tây Tạng, Thiền Tông và Phật giáo nguyên thủy.

Các học giả thường chia Phật tử tại Mỹ ra làm hai thành phần: thành phần Phật tử bản xứ Mỹ "đổi đạo" từ đạo khác v.v..., và thành phần Phật tử "gốc" từ các sắc tộc Á Châu nhập cư, trong đó có Phật tử Việt Nam. Hai thành phần này do sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và cách thức tu tập nên thường sinh hoạt riêng biệt, và chưa thấy có hi vọng gì hội nhập với nhau trong tương lai gần. Các chùa chiền tại Mỹ, phần lớn do dân nhập cư Á Châu dựng lên, thường chỉ phục vụ cho nhu cầu của Phật tử các nước Á Châu liên hệ, hành đạo theo nghi thức tín

ngưỡng truyền thống, thường xa lạ và khó dung hợp được với các Phật tử Mỹ bản xứ. Trong tình trạng thiếu tăng sĩ bản xứ người Mỹ có khả năng dạy và truyền đạo, tại nhiều nơi những tịnh thất riêng lẻ đã được lập nên do một vị cư sĩ đệ tử của một tông phái nào đó hướng dẫn, tụ họp một số người cùng nhau tự tu tự học, chủ yếu là tu thiền. Đa số họ là những người thuộc thành phần trí thức, muốn đi tìm một phương tiện xả bỏ những áp lực đời sống qua thiền định và không chú trọng nhiều đến phương diện tôn giáo của đạo Phật. Nhiều người Mỹ xem đạo Phật chỉ như một triết thuyết, không phải như một tôn giáo, có khi chỉ như một phương tiện trị liệu tâm lý, hoặc trong cái nhìn thiên cảm hơn là "một tôn giáo phi tôn giáo"... và chỉ muốn áp dụng một số phương diện trong đạo Phật cho mục đích riêng hơn là gia nhập vào đạo Phật như một tôn giáo mới. Hiện nay có một khuynh hướng mới muốn "thể tục hóa" đạo Phật, đồng hóa vai trò của cư sĩ và tăng sĩ, lược bỏ một vài giới luật và một số khái niệm căn bản như thuyết luân hồi và nghiệp v.v... Khuynh hướng này chưa biết sẽ đi về đâu, nhưng đã có một vài ý kiến quan ngại đạo Phật tại Mỹ có thể bị biến thể để cùng cố thêm cái ngã, xa rời bản chất cốt lõi "vô thường" và "vô ngã". Dù thế nào, điều hiển nhiên là đạo Phật đã và đang có ảnh hưởng trên đời sống tinh thần của người Mỹ, bằng bất cứ hình thái nào. Với lực lượng năng động, Phật tử và Phật giáo Việt Nam sẽ cần có những hành động tích cực hơn để gây dựng nền Phật giáo chung cho nước Mỹ.

Hiện nay, đã có sự hiện diện của lớp Phật tử Việt Nam thuộc thế hệ thứ hai. Họ theo đạo Phật trong sự hiểu biết giáo lý và nhận thức được sự lợi ích của đạo Phật trong đời sống, nên thường có nhiệt tâm, hoạt động tích cực trong các đạo tràng v.v..., đóng góp công sức và tài lực trong những việc Phật sự. Có cơ duyên được trưởng thành trong môi trường văn hóa Phật giáo truyền thống, lại hội nhập được vào dòng chính của nước Mỹ, họ có thể là một nhịp cầu nối giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo của người Mỹ bản xứ. Tuy nhiên, tỷ số này vẫn còn rất ít – đa phần những Phật tử thuộc thế hệ thứ nhất không truyền lại được niềm tin cho thế hệ thứ hai, và đạo Phật cũng không phải là một tôn giáo có hệ thống giáo điều tổ chức chặt chẽ để ràng buộc tín đồ vào niềm tin, cho nên một số người theo đạo Phật vì truyền thống gia đình có thể bị lung lạc do ảnh hưởng của những nhân tố và hoàn cảnh bên ngoài, dễ rời bỏ để đi theo các niềm tin khác.

Là Phật tử Việt Nam, chúng ta may mắn đã được nuôi dưỡng trong nền văn hóa đạo Phật, được tiếp cận với tinh hoa của Phật-Pháp-Tăng truyền lại từ ngàn xưa. Đó là cả một kho tàng trân bảo mà chúng ta được thụ hưởng, thật đáng tiếc nếu thế hệ mai sau không lãnh hội được.

Liệu Phật giáo Việt Nam tại Mỹ có rơi vào vết chân của những truyền thống Phật giáo khác tại Mỹ như Trung Hoa, Nhật Bản của thời tiền bán thế kỷ 20 không?

Lịch sử có thể tái diễn, nhưng cũng có thể biến đổi theo những nhân duyên mới. Đạo Phật tại Mỹ tiến triển như thế nào sẽ tùy thuộc vào nhân duyên và phước đức của người dân Mỹ, trong đó có chúng ta.

Ở các nước tân tiến, khoa học và kỹ thuật phát triển tốt bậc đã đem lại một đời sống tiện nghi vật chất, nhưng sự bất an cũng gia tăng rất nhiều. Hơn lúc nào hết con người ngày nay cần có một điểm tựa tinh thần, một niềm tin tâm linh nâng đỡ, nhưng cũng đòi hỏi một giáo lý có tính thuyết phục, không

phải là những giáo điều có tính cách hoang đường dựa trên niềm tin tuyệt đối. Hiện nay, xu hướng chung trên thế giới là càng ngày người ta càng tìm đến đạo Phật, bởi vì Pháp Phật là một giáo lý đầy nhân bản, tập trung vào đối tượng chính là con người, với những vấn đề căn bản của con người như sinh lão bệnh tử, vô thường, khổ não và vô ngã. Đạo Phật với tính cách khách quan như khoa học đã được nhà bác học Einstein cho là "Tôn giáo thích hợp nhất trong mọi thời đại." Như thế, xu hướng tìm hiểu đạo Phật sẽ còn tiếp diễn, và một ngày nào đó đủ duyên thế hệ con cháu chúng ta cũng sẽ tìm về với đạo Phật.

Phật tử Việt Nam của những thế hệ mai sau sẽ đi theo khuynh hướng thực dụng và khoa học của người Mỹ. Vì vậy, người giảng pháp tại Mỹ cần phải biết Anh ngữ và thích ứng với tình thế trong sự giảng dạy, nên nói đến những khía cạnh thực tiễn nhiều hơn là những điều huyền hoặc và giáo điển cao siêu, ngôn ngữ sử dụng cần phải được đơn giản hóa, bớt đi những danh từ Phật học khó hiểu để dễ thu hút được người nghe.

Hoàng dương pháp Phật không chỉ dành riêng cho giới tu sĩ, mà còn là nhiệm vụ cho tất cả Phật tử chúng ta. Một trong những vấn đề chính phải đối phó là tình trạng lão hóa của những Phật tử Việt Nam tại Mỹ trong hiện tại, và làm sao tiếp nối được lực lượng Phật tử năng động trong tương lai. Đây là một vấn đề nan giải, cần đến sự góp sức của tất cả mọi người để giải quyết phần nào. Trong phạm vi nhỏ bé của người Phật tử, những gì chúng ta có thể làm được, trong lúc này và cho mai sau, là tiếp tục truyền thống văn hóa đạo Phật, thiết lập thời khóa tại gia thực hành tu tập cả về Tánh lẫn Tướng, tìm cách gieo căn lành đến các người thân và con cháu trong gia đình cũng như những người có duyên gần cận. Sự tu tập của chúng ta, dù ít dù nhiều, cũng gây một ấn tượng nào đó và ảnh hưởng đến những người thân cận, để một lúc nào đó, khi nhân duyên đến, hột giống Phật đã được gieo trồng đó sẽ sinh sôi nảy nở, và thế hệ con cháu của chúng ta sẽ muốn tìm lại gia tài Pháp bảo đã được ông bà cha mẹ trân quý, gìn giữ trong truyền thống gia đình.

Mặt khác, chúng ta cũng nên tiếp xúc với các cơ sở Phật giáo, chùa chiền Việt Nam v.v.. mở rộng vòng tay đến các Phật tử Mỹ bản xứ cũng như thế hệ trẻ, giúp truyền bá Phật pháp song ngữ trong tinh thần "tùy duyên bất biến". Làm như thế, chúng ta sẽ đóng góp phần nào trong việc trợ duyên cho sự tiếp nối của đạo Phật, không chỉ cho Phật giáo Việt Nam, mà còn cho Phật giáo nói chung - để một ngày nào đó, cây non của đạo Phật đã được gieo trồng tại đất nước Mỹ sẽ ngày một thêm lớn mạnh và tỏa rộng, đem lại sự lợi ích và an lạc cho thế nhân, ở bất cứ một vùng đất nào, không phân biệt văn hóa và chủng tộc.

Diệu Huyền



Cá đang vui

G-Minh

Có Tâm trạng về một vấn đề gì hay không cũng vậy, mỗi lần thả nhẹ bước chân, một mình thông thả tản bộ trong những đêm sâu hun hút vắng lặng trong vườn chùa, thì giây phút ấy là những giây phút tôi cảm nhận nhiều nhất. (Bình thường cái giây phút cảm nhận này không miên mật lắm). Sự sống vạn vật chung quanh mình, thật sự là những bài pháp thoại vô ngôn, những món quà thô sơ nhưng vô giá, mà nếu Tôi và Em, chúng ta bỏ hết thời gian của một kiếp người, chỉ để lắng nghe và thọ nhận không thôi, thì khoảng khắc thời gian ấy chẳng thấm thía vào đâu cả, không đủ cho ta thọ nhận lấy, vì đời người quá ngắn.

Tôi ước gì những đêm như thế này có Em, chúng ta cùng bước với nhau trong đêm, nhưng có lẽ nơi Em chưa bao giờ, hoặc là Em chưa quen, nên chưa chuẩn bị cho những giây phút như thế này trong Em. Thời thì hãy tạm cùng nhau thần giao cách cảm chia sẻ với Em những giây phút hiện tại này nhé.

Đêm nay cũng như bao đêm như thế, cũng những bước chân ấy thả nhẹ trên hàng sỏi con bên cạnh bờ hồ Hương Thủy trong chùa. Bầu trời đêm nay trong quá! Vầng trăng thượng tuần gát chênh chênh từng không. Những âm thanh nhỏ nhẹ lạo xạo dưới chân khiến cảm giác nhói nhói lạnh lạnh nơi bàn chân trần, truyền từ những viên sỏi khi Tôi đặt chân lên.

Những viên sỏi nhỏ tròn tròn, Tôi và Em thường cho là vô tình, vô tri. Em biết không cái cảm giác ấy truyền từ sự vô tình, nhưng sát na đó Tôi cảm nhận được niềm hạnh phúc, một món quà mà bình thường Tôi và Em, ai cũng cảm nhận được cả, nhưng nhận một cách vô tâm và vô cảm... Sự nhói đau nhẹ nhẹ, cái lạnh êm dịu từ những viên sỏi xuyên qua lòng bàn chân, truyền vào trong thân, làm những mạch máu li ti trong tôi rung chuyển, cái mệt mỏi và những trĩu nặng của thân xác về đêm, nó tỉnh ra khoan khoái lạ

thường, thanh thoát nhẹ nhàng nữa.

Hít một hơi thở dài và sâu, tôi cúi xuống nhặt một chú sỏi nhỏ đặt trong lòng bàn tay. Ánh trăng khuya len nhẹ vào trong từng ngón, soi rõ thêm hơn. Tôi nhìn kỹ Chú sỏi thật lâu... khẽ cười và nhủ thầm với sỏi... Cảm ơn...

Mới nghe chắc Em sẽ mỉm miệng cười phải không? Đừng cười... Hạnh phúc, quà đấy Em à... Đơn sơ thế thôi, bình dị thế thôi, nhưng màu nhiệm quá, trân trọng quá với Tôi trong giây phút này và ở đây.

Nếu giây phút này và ở đây, tâm hồn tôi lại sống vào một thế giới ước mơ mộng mỵ nào đó, cho những tham vọng, cho những đòi hỏi diệu vợi nào, thì tin chắc rằng giây phút mà Tôi vừa chia sẻ với Em không thể xảy ra, và biết đâu chừng vấp một cái gì đó ngã lăn quay cũng nên.

Tôi và Em, trong chúng ta, cuộc hành trình trong quá khứ, mình chưa thật sự sống phải không Em, và mình cũng phung phí thật nhiều những cái ân đến từ những sự vô tình của bao vật mà ta cho là vô tri, nên bao món quà thiêng liêng ấy chúng ta vút bỏ đi quá nhiều, vì vậy hạnh phúc cho những thoáng giây ấy không thấy là phải lắm rồi... Em nhỉ.

Tình dữ vô tình đồng viên chung trí. Câu nguyên này hay quá phải không Em.

Câu nói mà ta cũng thỉnh thoảng thường nghe những bậc đạo sư khuyến tấn hàng môn nhơn: "Đi tìm hạnh phúc ư... con cứ đi tìm, đi khi nào con tìm được hạnh phúc, lúc ấy hãy chia sẻ cùng ta với... một ít thôi... nhưng nếu tìm không ra, không thấy thì hãy về đây, cùng Thầy tiếp tục ăn hạt dẻ, uống nước suối khe, dùng đèn trắng quạt gió mà ngâm kệ trì kinh, Thầy sẽ xuống chân núi đón con, nếu nghe tin con trở lại"...

Em biết không, Tôi đã có những cuộc hành trình ra đi như



thế đó, nhưng ngõ ngách của hạnh phúc vẫn mãi cứ trôi vào vô vọng, và cũng như bao kẻ lữ hành khác, chúng ta cũng đã bị đường đời xuôi ngược, làm đôi chân tướt máu, dò dẫm ngang dọc lắm phen lặn hụp nổi trôi. Thế là giây phút dưới chân núi Thầy đón con về đã thành hiện thực, khi mà giấc ngủ đông miên trong Ta bừng thức.

Trước khi người đệ tử già biệt ra đi, sự tịch lặng của Thầy vẫn vậy. Sau khi người đệ tử quay về, vẫn vậy... Thầy càng tĩnh lặng sống hơn xưa thế thôi.

Rồi cũng chỉ một câu hỏi. Con tìm thấy hạnh phúc chưa? Đệ tử cúi đầu lãnh ngộ...

Hai chữ Tìm và Thấy mặc quá Em nhỉ! Trên và trong cuộc sống chúng ta, lúc nào cái khát vọng của kẻ đi tìm hạnh phúc, luôn luôn tuôn tràn trong huyết quản, hết ngày lại đêm, hết đông sang tây, kể cả trong những giấc mộng thường cũng làm cho trăn trở trăn trở, rồi giục mình trong đêm vắng, để cho tiếng thở dài làm náo nức canh khuya.

Em biết không, trong khoảng khắc ấy, không đau khổ phiền lụy nào bằng, vì muôn hướng cho sự đi tìm hạnh phúc cứ mãi mù xa diệu vợi, bởi lẽ trong muôn hướng đó, trong Em trong Tôi, trong cốt người có quá nhiều tham vọng đầy bản ngã này, cách đi tìm hạnh phúc, thật sự đi quá xa, đi xuyên tận tới tương lai, rồi lại luống về trong quá khứ, mà không hoặc chưa chịu biết rằng cái chất thật đó, cái đang mong mỏi tìm đó nó luôn hiển bày trong hiện tại, bây giờ và ở đây.

Em biết không, trong chúng ta ai ai cũng muốn hướng mình vào tương lai, mang nhiều ước vọng, nào là nhà tôi phải được xây một nơi sang cả cao lớn đầy đủ những tiện nghi, xe tôi phải

mới thuộc dạng update, phải có một địa vị hơn người, tiếng tăm phải lừng, mang theo hương, trong gió trong mây, v.v... và v.v... nhiều và nhiều thứ lắm.

Nội với em đến đây tôi bỗng cười vang thống khoái trong đêm, vì nhớ lại một mẩu chuyện trong thường tình thôi, một mẩu chuyện, mà ai ai cũng biết, ẩn chứa ít nhiều triết lý cuộc đời... Chuyện của anh chàng nông dân nghèo đi chợ, có một vài xu trong túi, mong mua một vài con gà con con về nuôi, để rồi sẽ lớn, rồi đẻ trứng ấp trứng cho nở thành đàn gà, rồi nuôi rồi bán, rồi mua tiếp những loại khác, rồi mua rồi bán, bán bán mua mua... vừa đi vừa ước tính dặt mọng cho tương lai, giây phút ấy những gì xảy ra chung quanh, không biết, không thấy, không nghe, chỉ có cái ta đang tính toán thôi.... Và cái mà anh ta phải tính ngay lúc bấy giờ là làm sao có tiền để trả ngay lúc này cho chồng bán trắng của người bán, anh đập bẻ, vì anh trong giây phút hỗn bươm của anh ta đang hướng về một giấc mơ tiên...

Những gì xảy ra sau đó Tôi tin rằng Em cũng biết và cười thống khoái cũng như Tôi.

Tương lai là những gì quá xa chưa biết, quá khứ là đã vào dĩ vãng. Nếu cứ hướng về tương lai, mà hiện tại mình không thực sống trọn vẹn thực với ý nghĩa của nó, thì tương lai thấy sao được như mong mỏi Em nhỉ. Còn quá khứ nó cũng chỉ là những kinh nghiệm, những kỷ niệm không lôi kéo lại được, chứ nó không thể là bạn đồng hành mãi mãi cho hiện tại phải không...?

Mùi hương của những cây thông chung quanh vườn chùa hắt nhẹ vào trong mũi Tôi, khi lách nhẹ qua chúng để bước lên chiếc cầu Đoạn Trần. Em biết không, mùi hương ấy Tôi thấy nhẹ lâng lâng và thích vô cùng. Có khi nào Em ngửi được mùi hương ấy chưa, nó thơm thơm hăng hắc, ngầy ngầy như thuốc bắc, mà lúc xưa khi Tôi còn bé ngã bệnh, Mẹ tôi đã từng sắc lên cho Tôi uống. Cái hạnh phúc lúc nhỏ được Mẹ thương yêu nuông chiều, tay nâng đầu con rồi bưng bát thuốc lên miệng vừa dỗ dành, như ru hời những bài ca dao ngọt lịm... Con uống đi không



đắng lắm đâu, uống cho mau lành bệnh, rồi Mẹ sẽ cho quà, cho tiền cho đi chơi, cho về quê thăm ngoại... Em biết không lúc nhỏ mà nghe Mẹ cho nhiều như thế thì dù có bệnh cũng hết luôn, vui sướng lắm chứ...

Cứ thế những thang thuốc đắng Tôi cứ mạnh dạn uống, nhưng sau khi hết bệnh, những lời Mẹ hứa có thực hiện được liên đâu, những tất bật của cuộc sống nặng nề mưa chiều lo cho con đại, vất vả quá nhiều mà khiến mà quên đi chẳng.

Tôi thầm cảm ơn Mẹ... đã cho Tôi uống những vị thơm, vị cay, vị đắng của những bát thuốc, mà nó tạo cho Tôi ít nhiều sự sống sau này, để cho Tôi có những kinh nghiệm vào đời, nâng những bát thuốc cay đắng đến và đi của lẽ đời trong Tôi lên để uống cạn, hầu mong những vết thương nhân thế ấy được hồi phục và cứ thế tiếp tục sống để tập Thương Yêu... Cảm ơn Mẹ.

Tôi quay và đứng lại giây lâu, nhẹ đưa tay rung rung thêm nữa, cho mùi hương của thông tỏa thêm rộng hơn trong đêm, và thầm cảm ơn những cây thông vườn chùa, cho Tôi sống lại những phút giây nhẹ nhàng nồng ấm, khi còn trong vòng tay và sự thương yêu của Mẹ.

Em biết không, Em thấy không, và Em có muốn chia sẻ với Tôi giây phút này không...? Cho Em tất cả đó... mà thật ra Tôi cũng đâu cần phải cho, Em cũng đang có đó mà, vì hiện tại Em cũng đang thấy đó mà nếu Em là Em mà không là ai khác.

Trước khi bước lên cầu Đoạn Trần, Tôi quay lại bắt những ngọn đèn dưới dạ cầu để hòa thêm ánh sáng với trăng khuya,

và làm một hành động của một võ khách giang hồ, nhẹ nhàng nhảy lên thành cầu... nhưng không nhẹ được... tiếng động làm mấy chú cá giạt mình khuấy nước trong đêm, nhìn đàn cá, con bơi con đứng như bất động. Em biết không đẹp lắm an lạc lắm, thanh thản lắm...

Tôi có nghe cũng đọc vài cuốn sách, nói rằng cá thức cũng như ngủ, luôn luôn bao giờ cũng mở mắt... Nên Tôi cố nhìn thật kỹ những chú cá đang bất động đó có phải mở mắt và đang

ngủ không. Chắc là vậy, vì chung quanh những bạn cá của chúng, bơi nhón nhơ sát một bên mà cũng không làm cho những chú cá ấy cự mình, chắc là ngủ thật rồi Em ạ... Nên vì vậy mà những chiếc mõ (mộc đật) ở chùa Em thường thấy đều có khắc hình hai con cá và cả hai con đều mở mắt thật to. Thâm ý của cổ đức khi làm ra những biểu tượng ấy, là muốn khuyến tấn người hành giả tu học rằng, dù thức hay ngủ cũng phải tỉnh để mà Thấy. Em có biết con nào thức con nào ngủ không, theo Tôi thì cả hai đều thức, và cả hai đều ngủ, nói như vậy là bình đẳng lắm rồi, vì thức ngủ cũng đều mở mắt mà.

Em có khi nào nhìn, để rồi quan sát trong chúng ta, con người khi ngủ có ai mà mở mắt không?... Có chứ... những ai ngủ mà mở mắt là những người ấy ngủ rất say, thảnh thơi còn há miệng nữa kia... Trong Em trong Tôi, trong nhiều người có khi ngủ cũng mở mắt vậy, nhưng nào có thấy có hay biết gì những việc xảy ra chung quanh, khi thức thì mở mắt đã đành rồi, nhưng cái mở mắt ấy đôi khi cũng không thấy luôn. Em có tin điều này không? – Có chứ Em. Em hãy nhìn về lịch sử đông tây kim cổ, triều đại này lên, lại tiếp nối triều đại kia xuống, chỉ nội lên xuống của các triều đại ấy, là có biết bao những sanh linh, sanh sanh tử tử, nước mắt như đại dương rơi xuống, máu chảy như những dòng lũ cuồng lưu, xương chất chồng còn cao hơn những núi non của hành tinh này, bởi họ không thấy cái đau khổ của đồng loại và vạn loài, dù những đôi mắt ấy có mở ta hơn chúng ta, nhưng con mắt thương nhìn cuộc đời họ không có



(Từ Nhân Thị Chúng Sanh) vì không có và không thấy, không biết những tư duy của họ dẫn họ về đâu, nên không thấy được chính họ, thì thấy sao được những gì mà họ tạo tác ra.

Nên cuộc sống thương đau này luôn luôn là bệnh, bệnh kiêu hùng của những mảnh tướng, của bản ngã vô minh, của hẹp hòi ích kỷ, của thành kiến nhỏ nhen, của tham vọng tầm thường và của bất bình thường nữa, v.v... nhiều quá phải không Em.

Nên Tôi và Em có khi là nạn nhân của người, cũng có khi là nạn nhân của chính mình nữa. Em thấy ghê chưa...?

Hay vô cùng Em biết không, khi tôi nghe tiếng mõ khua vang đồng vọng trong canh vắng của một ngôi chùa (chỉ có tiếng mõ ở chùa mà thôi), hoặc được điểm phúc đánh lên cho những bạn đạo tụng kinh. Tôi luôn luôn gõ và tạo ra tiếng mõ cho thật trầm hùng không dứt đoạn, như tiếng róc rách chảy không ngừng của dòng suối nơi khe sâu, uyển chuyển, nhẹ nhàng, chậm rãi, chảy lẩn tẩn diu dặt, đầu vội vã gì, trước sau gì cũng hòa chung vào dòng chảy cùng ao sâu vũng cạn, theo về sông rộng biển sâu. Không như những dòng thác từ trên cao đổ xuống ào ạt ầm ì, có màu lung linh ngũ sắc khi ánh mặt trời chiếu xuyên qua, đẹp thật phải không Em? Nhưng âm thanh đó lượn lẩn át đi những âm thanh rất dễ thương của chim rừng gió núi, của những thì thầm muôn vật chung quanh, phải không?

Nên tiếng mõ hay, nó sẽ an định những phiêu lưu trong lòng người thật tâm hướng thiện, đúng ý nghĩa của nó.

Thức để mà ngủ, ngủ để mà thức, và cái Thấy là Thấy đúng như sự vật của Thấy, do vậy trong thi kệ thiền môn có những câu rất sâu sắc và thâm thúy vô cùng, mỗi lần khi Tôi ngâm lên từng chữ từng chữ, không khác nào như tiếng thánh thốt của những giọt nước đầy âm vận, rơi trên những cung đàn bằng đá tận hang sâu và âm vang tuôn chảy tận cùng ra nơi mệnh mỏng vô tận của đáy lòng nhân thế.

CẢNH TÌNH TA BẢ DANH LỢI KHÁCH

HÓA N HỒI KHỔ HẢI MỘNG MÊ NHƠN

*Khuyến nhủ người đời,
buông danh lợi*

*đừng làm kẻ mộng chông
về mau*

Về đâu... về với chính mình, thế đó chỉ thế thôi.

....Thấy những chú cá lờ lững trong hồ thật dễ thương... đẹp nữa. Tôi chợt nhớ đến một mẩu chuyện trong Trang Tử Nam Hoa Kinh, đọc cách đây cũng đã lâu, lúc mà Tôi lững thững cùng những chú bò, dắt chúng thả cho ăn cỏ nơi bãi sông quê... Tôi vừa cho bò ăn cỏ vừa nằm dài trên bãi cát đọc sách... nhân vật trong sách... thôi tạm quên đi... chuyện rằng:

Hai người bạn già thả bò đến bên chiếc cầu, trao cho nhau những kinh nghiệm mà mình biết được về tâm linh trong bao

ngày không gặp. Sau những phút giây tâm sự. Một vị nhìn xuống cầu, thấy đàn cá đang bơi lội, liền nói rằng... "Cá đang vui"

Người bạn bên cạnh hỏi... "Ông không phải cá sao biết cá đang vui?"

Trả lời: "Ông không phải Tôi làm sao biết Tôi không biết cá đang vui?"

Chấm hết. Câu chuyện chỉ vậy thôi. Tôi và Em trong chúng ta thường xuyên xảy ra những câu chuyện như thế đó, nhưng sự tranh luận trong ta, có khác rất nhiều... không chấm hết... luôn luôn và không bao giờ ai chịu lép cã, huyền thuyên ồn ào tranh cãi, đến độ không biết mình đang cãi và đang nói về chuyện gì nữa, và cũng không biết ai đang cãi.

Cứ như vậy, khi cảm thấy hết hơi, mỗi miệng mà đôi bên không chiếm được thượng phong về phần mình, thì rồi đó... sẽ có những cơn mưa giăng chớp giục, tứ bề bão táp cuồng sa, chỉ cho rằng mình là chơn lý, nhưng soi rọi lại thì cứ thấy chỉ đâu, rỗng vắn hoàn rỗng, có khi vì cuồng mà tự đánh mất chính mình cũng không chừng.

Trong Tôi cảnh này Bị... và Thấy nhiều lắm Em à... Sau những phút giây như thế, Tôi thường tạo cho mình có một thời gian và không gian vắng lặng... cứ thế mà thỉnh thoảng Tôi tìm ra những đáp số cho chính mình.

Em hãy thử, chắc cũng được thôi, cũng biết được cá đang vui như đôi bạn già trên kia vậy... Tôi thỉnh thoảng cũng thấy cá đang vui trong cuộc hành trình này Em à...

Đêm nay cũng vậy, cá đang vui đó Em biết không?... Hãy vui như cá đêm nay đi Em, dù ngày mai có người hỏi... "Ông không phải cá làm sao biết cá đang vui...?" Tôi nghĩ câu hỏi thú vị này sẽ nhân đôi trong Em niềm hạnh phúc...

Nhiều lắm những bước chân đã bước về phía trước của đêm nay trong khuôn viên này, muốn chia sẻ nhiều cho Em... Nhưng kìa, vùng đông đã dần hé lộ, cái se se lạnh của ban mai, cùng cái lạnh của sương khuya thấm đậm hình hài của một đêm dài nhẹ bước... Trong Tôi đang cần một tách trà nóng... Thôi đêm mai Em nhé, sẽ tiếp tục cùng với cá... lúc nào cũng đang vui.

G-Minh

Người tới như mộng

PHAN TẤN HẢI

Tôi đã gặp những người như thế. Những người như mộng, như thật. Những người đã tới để cho tôi thấy đời này như mộng, như thật. Họ tới để nói rằng cõi đời này là bất khả nghĩ bàn, nói mộng cũng hồng, mà nói thật cũng sai.

Có những người đã bước vào trần gian này, mà tôi có cơ duyên gặp được nơi này hay nơi kia, và rồi biến dạng như những làn khói lẫn khuất, hư ảo. Để rồi chỉ còn thoảng trong trí nhớ của tôi những nụ cười như hoa nở, một giọng nói dịu dàng như gió sớm, hay như một tà áo phủ mát những giấc mộng đêm hè. Và rồi, người hiện ra như thật, và biến đi như sương khói, để những bàn tay nắm lấy chỉ còn là một cảm giác run rẩy mỗi khi nhớ tới, và rồi lại buông ra để đi thật xa.

Với những người bạn ở cõi này, Diệu My là một người như thế trong trí nhớ của tôi. Thực ra, nhóm bạn chúng tôi quen gọi một cô bé ở Thủ Dầu Một thế cho tiện, chứ tên đời và tên đạo đều không phải thế. Nhưng có sao đâu. Có ai bảo tên là thực, để rồi cần nhắc xem là phải gọi thế nào. Cũng đâu có ai bảo thân này là thật, để rồi cứ mãi tìm trong trí nhớ bóng người của nhiều thập niên trước.

*

Diệu My đẩy nhẹ tôi ra, lùi vài bước, đưa tay phải lên vẫy chào trong khi nở nụ cười trẻ thơ trông hết như thời của nhiều thập niên trước, và quay lưng bước đi. Tôi còn đứng ngẩn ngơ với mùi hương tóc rất lạ còn phảng phất, nhìn Diệu My bước hẳn vào sương mù nơi chiếc cầu trên đường State Street, nơi vào phố chính của thị trấn Santa Barbara, rồi mới bước về ga xe lửa Amtrak, chờ về lại Quận Cam.

Ngồi trên xe lửa, tới gần trạm Anaheim, trước mắt tôi vẫn thấy vài sợi tóc của Diệu My bay trong gió biển Santa Barbara. Tôi đưa hai bàn tay mình lên, nhìn ngắm. Cảm giác nơi tay vẫn còn rung động như điện chạy, cảm giác khi nắm tay nàng và buông ra. Y hết như nhiều thập niên trước đã tình cờ chạm tay nhau.

Và lần này, cảm giác nơi tay vẫn còn trong vòng ôm từ biệt, khi vòng qua bờ vai nàng, xiết nhẹ và bàn tay áp lên lần gần áo nịt ngực sau lưng của nàng. Người tôi run rẩy. Khi nàng đẩy nhẹ ra, tôi thấy như mắt nàng có tia nhìn tình nghịch.

Tình nghịch như câu nói rộn tiếng cười của nàng qua điện thoại tuần trước: “Anh à, anh nói anh 60 tuổi sống đơn độc, chỉ biết sách vở, chưa biết gì tới bạn tình nào... chỉ có Diệu My này tin thôi. Chỉ vì, huyền thoại bao giờ cũng đáng tin, kể cả huyền thoại trong năm 2012 này, phải không?”

Tôi cũng không ngờ Diệu My đã sang Hoa Kỳ, sau nhiều thập niên xa cách. Luôn luôn, cô bé vẫn là nhỏ út của chúng tôi, một nhóm bạn tu học nơi sân Chùa Tây Tạng, Bình Dương, từ những năm của thập niên 1970s. Và rồi bây giờ gặp lại, thì mới biết cô nàng đang về tìm việc ở thị trấn miền trung California này, và là nơi rất vắng người Việt. Tôi tự nhủ, để rồi sẽ gửi email hỏi Sơn xem sao.

*

Tôi nhớ hồi đó, nhỏ út Diệu My cứ nói rằng bài Bát Nhã Tâm Kinh khó nhớ quá, học cả mấy tháng mà chưa thuộc, tuy hể



Senta.vn

rảnh là tụng đọc hoài. Lúc đó, tôi nói đùa, tại vì giọng của nhỏ út hay quá, nên khi giọng cất lên, là chữ bay mất đầu rồi, không thấy bay vào trí nhớ. Mà giọng của nhỏ út hay lắm, nói chuyện bình thường cũng đã như nghe nhạc rồi, không thành ca sĩ mới lạ. Sinh ở Đà Nẵng, nhưng vào Bình Dương sống từ nhỏ, nên tiếng nói của nhỏ út pha giọng như hòa âm, như dường tiếng nhạc.

Rồi cũng tới lúc nhỏ út thuộc được bản kinh chỉ có một trang này. Tôi lại nói, thuộc mà không có hiểu hết đầu nhen. Lúc đó, nhỏ út lại cười, vuốt tóc che một bên mắt, và nép người vào một góc cột chùa, trong khi nhóm chúng tôi ngồi uống trà, nghe Thầy Thích Tịch Chiếu nói về giáo pháp.

Gọi Diệu My là nhỏ út là để cho tiện, riết thành quen. Cả nhóm đều gọi cô bé như thế, nhỏ nhất thì được gọi thế là phải. Lúc đó, nhỏ út chưa qua bậc trung học, trong khi nhóm bạn chúng tôi hoặc đã học xong đại học, hoặc đang ở năm cuối. Nhỏ út ưa lên ngôi chùa này, vì nhà ở khu chợ Thủ Dầu Một, đạp xe một chập là tới. Còn nhóm chúng tôi là từ nhà ở Sài Gòn, nguyên nhóm đều là cựu sinh viên Đại Học Văn Khoa, hể cuối tuần là đi xe đạp, hay xe gắn máy về Chùa Tây Tạng ở Bình Dương những ngày cuối tuần, và có khi cả những ngày trong tuần, khi được rảnh rang.

Nhỏ út cũng siêng lắm, khéo lắm... biết cách ủ tương, làm chao. Trong khi Sơn và tôi cũng có lúc về khu đất An Phú Đông ở hẳn cả tuần để làm ruộng giúp chùa. Tay chân đầy bùn đất, nhưng thời đó thật là vui. Nói vui, là vui khi ngồi ở rầy, khi nghe Thầy nói về Thiền, hay khi ngồi thiền, tụng kinh... Chứ đất nước ngổn ngang, tâm sự chúng tôi đứa nào cũng bối rối. Mấy tên bạn trong Nhóm Triết, cũng là học trò của ngôi chùa này, còn đi tù cải tạo chưa về.

Vào những ngày chủ nhật, có những ông cụ, bà cụ cũng vào tụng kinh, niệm Phật, thăm hỏi Thầy. Tôi còn nhớ hình ảnh bác Diệu Quang thường ngồi nơi hàng thứ nhì. Bà cụ có lần giải thích với

tôi rằng, ngồi hàng đầu thì kỳ quá, còn ở hàng thứ nhì thì gần Phật hơn là ngồi ở các hàng sau.

Lúc đó, tôi giả bộ quay qua nói với Sơn, tui mình cứ ưa ngồi hàng chót, rồi tụng kinh Ông Phật không nghe thì sao. Bác Diệu Quang nghe được mới cười, rung rinh mái tóc trắng, nói thêm rằng bác đang lo vì có hai người con trai ở tù cải tạo xa, nên bác cần phải tụng kinh cho Đức Phật nghe không sót chữ nào, mới "hồi hướng công đức cho hai đứa nó về sớm," theo bác giải thích. Lúc đó, Sơn khều tôi, ra dấu im lặng, đừng bàn nữa.

Bác Diệu Quang tụng kinh chậm, vì tuổi lớn rồi, cổ khi đọc vấp. Một lần tụng Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa, chuyện Đức Bồ Tát Quan Thế Âm hóa hiện nhiều ứng thân để cứu chúng sinh, bác Diệu Quang nghẹn lời, cúi mái tóc trắng thấp hơn, nhưng tôi kịp nhận ra bác đưa tay áo lên chùi nước mắt.

Cũng chất phác như thế là bác Bảy Trụ, cô Diệu Tâm, và nhiều người khác. Một thời đây những lo buồn, ai cũng thế. Chẳng hiểu sao nước mình nó như thế.

Tới chùa lúc đó, mỗi người là một thế giới đau thương, cứ những ngày sóc vọng, lễ kỵ, tới tụng kinh cũng chỉ mười người, không đông bằng các chùa ở Sài Gòn. Còn ngày thường thì vắng bặt, có khi chẳng thấy bóng ai, chỉ còn Sơn với tôi ngồi thưa chuyện với Thầy. Không khí căng thẳng thời đó là như thế.

Thỉnh thoảng Thầy ra ngồi ở ghế đá trước sân. Nơi này hồi đó cũng có một vài kỷ niệm. Có những đàn chim sẽ thường sà xuống, bay quanh quán trong sân, bạo dạn tới mức có khi nhảy lóc cóc tới gần chân thầy. Một lần nhỏ út Diệu My thấy vậy mới lấy tay quơ quơ cho chim sẽ bay, làm sao lại vấp té, tôi kịp đưa tay đỡ dậy. Bàn tay tôi nắm lấy bàn tay Diệu My, kéo đứng dậy, cảm giác lạ thường nơi tay tôi kéo dài mấy ngày. Tay nhỏ út Diệu My tất nhiên mềm mại, con gái mới lớn thì thế, tôi nghĩ thế. Nhưng đó là lần đầu tiên tôi nắm tay một thiếu nữ, tuy rằng nhỏ út vẫn trông như con nít trần, có vẻ như không thấy khác thường khi tôi nắm tay cô bé. Lúc đó, trong đầu tôi chợt nghĩ ra vài câu thơ, bây giờ không nhớ hết, nhưng đại khái là hình ảnh một đàn chim sẽ bay lên, làm những nỗi buồn rơi lại và nhà thơ ngồi ôm mặt khóc vì nhớ những

ngày qua đi... Đại khái là thế. Nhưng tôi không bao giờ viết xuống giấy các dòng như thế cho trọn một bài thơ. Sao mình lại nặng nề như thế nhỉ.

Khoảng mười phút sau, Thầy nói rằng chúng ta phải học như chim, cất cánh bay đi nhưng không để lại ảnh hình hay dấu chân chim nào trong không gian, cũng như trong tâm mình, những niệm khởi sinh và biến dạng đi. Tôi sức nghĩ, có vẻ như Thầy thấy được cảm giác của tôi khi chợt nắm tay cô bé.

Thầy nói, nếu còn để lại dấu vết, còn nắm giữ cảm thọ của những gì của hôm qua, những gì của quá khứ thì sẽ không giải thoát nổi. Tôi muốn hỏi rằng có phải Thầy nhận ra rằng tôi đang lưu giữ cảm giác nơi tay tôi, nơi vừa nắm tay Diệu My, nhưng rồi thôi. Mà như thế thì có phạm giới gì không, vì nguyên khởi cũng là tình cờ thôi. Ai biết. Nhưng mắt Thầy nhìn thẳng vào mắt tôi, khi nói về cánh chim bay không lưu lại dấu vết ở cõi này. Tôi phải thú nhận, cảm thọ nơi bàn tay tôi như có điện chạy, y hệt như cô bé làm ra điện giật. Cảm giác đó nhiều thập niên sau vẫn còn nơi tay tôi, mỗi khi nhớ tới.

Một lần, sau khi mọi người tụng kinh xong hết và lui ra, nhỏ út Diệu My ngồi lại một mình trong chánh điện và tụng một mình bài Bát Nhã Tâm Kinh. Bấy giờ tôi mới ngân ngơ, đúng là giọng nhỏ út như tiếng hát rất lạ. Một đàn chim sẽ sà xuống trước sân, nhảy múa theo giọng nhỏ út tụng kinh. Không phải hình ảnh bình thường hằng ngày. Đúng là một điều vũ lạ. Đàn chim sẽ, lung linh trong nắng mặt trời. Sắc bắt dị không, không bắt dị sắc... Và khi nhỏ út ngưng tiếng, đàn chim sẽ cũng ngưng lại một chập, và rồi bay lên. Tôi nhìn qua Sơn, thấy hẳn cũng nhìn mình, cùng ngạc nhiên vì điều vũ lạ của chim.

Buổi tụng kinh tuần sau, tôi và Sơn ngồi hàng sau cùng. Và cùng thấy rằng, khi tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh, giọng của nhỏ út Diệu My nghe như tiếng nhạc trong âm vang hội chúng chỉ mười người, và ngó ra sân thì thấy đàn chim sẽ sà xuống, nhảy múa hay tụng đọc gì theo kiểu riêng của loài chim. Tôi chợt nghĩ ra một câu thơ, kiểu như hẳn rằng kiếp trước em là chim, hát theo một câu kinh giữa sân chùa, nhưng rồi cũng không dám viết xuống cho thành trọn bài.



Lúc nào tôi cũng sợ nghiệp. Nhất là cứ nhớ mãi lời Thầy dạy là hãy như chim bay, không để lại hình ảnh nào trên không.

*

Nhiều thập niên sau, tôi về sống lặng lẽ, bình thường ở khu phố Little Saigon, Quận Cam. Mãi nhớ câu thơ Nguyễn Du, "Hùng tâm sinh kẻ lưỡng mang nhiên," lòng tôi lúc nào cũng nghĩ tới quê nhà nhưng chuyện mưu sinh cứ mãi làm mình loay hoay cả đời. Trong căn chung cư hẹp, rất hẹp, nơi giành cho người cao niên, sống đơn độc với những trang sách cổ, tôi chỉ có niềm vui là dò tìm và viết lại những ẩn nghĩa của cuộc đời.

Những khi bước dọc theo phố Bolsa buổi trưa, dưới nắng ấm mặt trời, lòng tôi lại nhớ tới những tia nắng lung linh với đàn chim sẽ ở sân Chùa Tây Tạng Bình Dương.

Bạn thân ở quê nhà thì nhiều, nhưng thường liên lạc qua email vẫn là Sơn, người bây giờ chỉ còn niềm vui duy nhất là tu học và dịch kinh sách Tây Tạng. Thỉnh thoảng, Sơn gặp chữ khó, không dò được qua tự điển, lại email sang hỏi tôi. Hóa ra, hai thằng bạn năm xưa bây giờ lại là hai cư sĩ ưa dịch kinh sách.

*

Mới tuần trước, tôi nhận được một cú điện thoại lạ. Giọng nhỏ út Diệu My tôi nghe là nhận ra mang máng. Tôi bất ngờ, vì nhiều thập niên qua rồi, vẫn nghĩ là Diệu My còn ở Việt Nam, vẫn đang ngồi ở một góc núi nào đó. Tôi vẫn nhớ cách nhỏ út hát



ngiêng mái tóc, cách ngồi thẳng lưng, với hai bờ vai nhỏ của một đứa con gái chưa lớn trọng.

Tôi đã từng nói với Sơn rằng giọng nhỏ út nói là pha giọng Đà Nẵng với Bình Dương, nhưng thực ra phải nói là giọng pha tiếng nhạc trời, tụng bài Tâm Kinh là không có bản nhạc nào hay hơn. Những lần như thế, Sơn lại bảo rằng tôi nghiệp còn nặng. Vì, Sơn bảo, còn thấy có người nghe tụng kinh say mê giọng tụng kinh của người tụng, thì vẫn còn ở cõi này hoài thôi; lẽ ra, phải thấy ngay tất cả đều là vô ngã, thoát hiện và thoát mất, thì mới nhận ra ý kinh.

Diệu My nói rằng, nàng bay từ New York tới thăm Quận Cam một buổi, rồi hôm sau sẽ đi xe lửa về Santa Barbara nhận việc làm mới. Tôi nói, cho tôi mua vé đi theo, để tiễn nàng út vào nơi ở mới.

Tôi nói để sẽ đón ở phi trường John Wayne, cô nàng bảo thôi, vì nàng sẽ xách hành lý tới trước cửa căn chung cư của tôi vào buổi sáng Thứ Bảy. Không gì khó, giọng cười qua điện thoại của nàng già dặn, so với giọng tụng kinh thời thơ ấu, nhưng vẫn là một thứ giọng pha cả Miền Trung và Miền Nam. Cũng vẫn như một tiếng nhạc năm xưa.

*

Diệu My tới bất ngờ, gõ cửa. Tôi nhìn kỹ. Cô nàng bây giờ tuổi lớn rồi, có một chút má hồng, môi son, nhưng vẫn là mái tóc nép bên cột chùa, mắt nhìn vẫn thơ trẻ. Và dĩ nhiên, không phải chiếc áo tràng màu lam, mà là một áo khoác xám.

Tôi bảo nàng để hành lý trong phòng, rồi đưa nàng ra phố

Bolsa ăn trưa. Khu chung cư tôi ở là nơi chính phủ tài trợ. Tôi nhìn quanh mấy hành lang, ngó xuống phố, tự hào vì đi bên cạnh một người phụ nữ dễ thương như thế.

Ngay vừa suy nghĩ thế, tôi chợt nhớ tới câu Sơn nói năm xưa rằng nếu tôi thấy thật là có thì sẽ hổng, mà nói thật là không thì sẽ đi lạc, lúc tôi nói rằng giọng tụng kinh của Diệu My thật tuyệt vời, nghe một lần là cả ngàn triệu kiếp không quên.

Tôi mơ hồ có ý nghĩ muốn giữ nàng ở lại Little Saigon luôn, nhưng để rồi xem sao. Tôi nghĩ, Santa Barbara thì gọi là khá gần, lái xe ba giờ rưỡi, lên thăm nàng là chuyện dễ mà. Tuy nhiên, tôi không dám hỏi về hoàn cảnh gia đình của nàng, như sợ nghe những chuyện buồn, vì đời người đâu để có được bao nhiêu niềm vui.

Khi đưa Diệu My tới trước thương xá Phước Lộc Thọ, một đàn chim bay sà xuống trước mặt nàng. Tôi thấy như dường cảnh này đã thấy lâu lắm rồi. Thời nào đó, mơ hồ, nhưng đã thấy rồi, kể cả khi khu phố Little Saigon chỉ là những vườn cam và rau.

Tôi đưa nàng đi trên các phố ngợp nắng Bolsa, vào một tiệm cơm chay trong góc Phước Lộc Thọ, lấy xe chở nàng ra Huntington Beach nhìn biển mười phút, rồi lại quay về. Tôi chỉ cho nàng thấy chiếc bàn tôi ngồi làm việc hàng ngày, chiếc máy điện toán cổ lỗ và chậm rì nhưng cũng còn nổi mạng được. Tôi chỉ cho nàng thấy chiếc giường tôi nằm, nơi mỗi đêm và rạng sáng tôi vẫn ngồi thiền trên giường, vì phòng này chật quá, không dư chỗ để

làm thiền phòng hay gì hết, kể cả một bàn thờ. Kiến trúc căn chung cư này gọi là studio, nghĩa là hẹp lắm. Hẹp tới nỗi anh Vũ Huy Quang mỗi lần từ San Jose ghé thăm Quận Cam, nằm ngủ nơi sàn là tôi đi phải nhón chân, vì sợ giẫm nhầm nhà văn khó tính này.

Tôi nói, tôi muốn thời gian ngừng hẳn lại, muốn địa cầu đừng xoay nữa, muốn nắng chiều đừng tàn thêm.

Nàng cười và hỏi, sao vậy.

Trời ạ, tôi muốn ngắt đi khi nhìn thấy nụ cười của nàng, y hệt như thời trẻ dại.

Tôi nói, vì tôi không muốn nàng bước ra khỏi căn phòng này nữa.

Nàng lại cười và nói, anh nói chuyện kiểu như thế, mà bảo là vẫn độc thân tới bây giờ là lạ đó.

Tôi nói, đời người ngắn quá, cứ ngồi dúi đầu vào đọc sách, viết sách, ngẩng đầu lên là thấy tóc trắng rồi, lòng chẳng còn nghĩ ngợi gì nữa.

Nàng bảo tôi, "Sư huynh ơi, bước ra hành lang giùm," để chờ trong khi nàng tắm và thay trang phục để mời tôi đi ăn tối. Oh man, tôi lại nhớ rằng, nhóm bạn chúng tôi đôi khi gọi nhau là sư huynh và tiểu muội, chỉ vì có lúc gọi là anh hay em không tiện. Mà tại sao không tiện thì chẳng ai hiểu. Hay tại cái sân chùa Bình Dương này như thế.

Tôi mới nhớ, căn chung cư này hẹp quá, mà tắm bắt che phòng tắm lại là tấm nylon trắng, chẳng thơ mộng gì.

Tôi nói, thôi thì anh bước ra chờ. Tôi nghĩ, nếu ngồi trong nhà, chỉ nghe tiếng nước xối tắm, thế nào lòng mình cũng sẽ suy nghĩ tầm bậy, tầm bạ. Bước ra chờ là phải rồi.

Thực ra thì không ăn tối. Nàng bảo là không ưa ăn chiều, ăn tối. Chúng tôi đêm đó, tới tiệm cà phê Starbucks trên đường Brookhurst, góc Edinger. Nàng mang theo một iPad, ngồi gõ và xem. Tôi nhà quê lắm, những thứ máy móc phức tạp là chịu thua.

Khi tôi nói thế, nàng ngẩng đầu lên cười, Trời ạ, đây là nụ cười thảnh thơi hiện về trong giấc mơ của tôi, mà tôi không bao giờ nhận ra là ai và từ đâu.

*

Về nhà, việc đầu tiên là tôi mở máy, vào mạng Amtrak để mua vé xe lửa cùng chuyến với nàng.

Lòng tôi vui như mở hội. Tôi

biết rằng, đời mình sẽ không còn như cũ nữa. Những ngày mai sẽ khác, khác hẳn với những ngày hôm qua. Tại sao, tôi cũng không rõ. Nhưng hiển nhiên là, có những niềm vui lớn tới mức khắp đất trời như rực sáng, và mọi chuyện không còn như cũ nữa.

Tôi bảo nàng nằm ngủ trên giường, để tôi nằm dưới đất.

Nàng bảo không được, huynh phải nằm giường.

Tôi không cãi. Tôi đưa một lô mền cho nàng đắp, bảo coi chừng cảm cúm, mệt dễ bệnh lắm.

Tôi ngủ không được. Trần trọc mãi. Có đất trời làm chứng cho tôi rằng, cả đời tôi chưa bao giờ nằm ngủ chung một phòng với phụ nữ cả. Không hiểu tại sao, cái nghiệp mình nó thế. Có ai gọi thế là có căn tu, nhưng tôi không nghĩ thế.

Tôi nói, ngọn đèn nhỏ cắm dưới chân bàn có làm Diệu My ngủ được không.

Nàng nói, không hề gì, có 500 chiếc xe ngựa phóng trước mặt cũng không hề gì.

Tôi ngồi thiền như thường ngày, hít thở đều đặn. Nhưng quả nhiên là mọi chuyện không như cũ nữa. Mùi hương của tóc nàng như dường bay ngập cả phòng. Mắt tôi mở nửa chừng, nhìn thấy chiếc mền nàng đắp phập phồng, nhìn thấy chiếc mền phủ lên hai chân nàng duỗi song song.

Trời ạ, tôi nhắm mắt. Chùi thôi, tôi lại nằm, tập hít thở, giả như đang chết, quán toàn thân mình nằm như xác chết. Nhưng giả chết thế nào được. Hình ảnh cô bé đuổi theo đàn chim bay ở sân chùa năm xưa. Rồi hình ảnh đàn chim sà xuống trước mặt nàng ở sân thượng xá Phước Lộc Thọ. Rồi hình ảnh hai chân nàng duỗi song song.

Tôi ngồi dậy, mở đèn, hỏi nàng có ngủ được không.

Nàng bảo sắp ngủ.

Tôi bảo, rằng sư huynh muốn nghe nhỏ út tụng giùm một biến Tâm Kinh Bát Nhã. Tụng nhỏ thôi, không cần chuông mõ, vì khuya rồi, hàng xóm khu chúng cư này đa sự lắm.

Nàng hỏi, sao hai anh em mình không tụng kinh chung nhau.

Tôi tự nhủ, anh tụng thế nào được nữa. Nhưng tôi nói, rằng anh nhớ hồi xưa anh dò xem nhỏ út thuộc bài kinh này chưa. Bây giờ chỉ muốn nghe thôi.

Nàng ngồi dậy, bảo hãy tụng là ngồi, không dám nằm. Và nàng

đọc nho nhỏ, rằng sắc bất dị không... Nàng ngưng lại một chút, hỏi tôi nhớ gì không.

Tôi nói là nhớ. Nhớ chứ, hồi đó, tên Sơn có một lần chặn lại chỗ này, nói sắc đây không phải nhan sắc, mà sắc chính là hình tướng. Thôi đọc tiếp đi, nhỏ ơi.

Nàng đọc lại, đọc trọn bài kinh, giọng như ca hát, giọng như mang theo sóng biển Đà Nẵng và gió rừng Bình Dương.

Tôi nằm xuống ngủ. Đêm đó, tôi nằm mơ thấy một đàn chim bay nương theo gió biển Huntington Beach.

Tỉnh dậy, tôi thấy nàng đã tỉnh dậy từ khi nào, hành lý đã sẵn sàng.

*

Trên xe lửa, tôi nói là tôi sẽ cần liên lạc với nàng.

Cô bé cười, bảo là nàng sẽ liên lạc. Tôi vẫn nhăm nhăm, bé thế nào nữa nhỉ, vì tóc nàng có vài sợi bạc rồi.

Nàng nói thêm, như chim bay trên trời, không để lại dấu tích, giữa không gian vô định nhưng vẫn biết nơi cần đến.

Hiển nhiên, ngôn ngữ của nàng không còn là của cô bé ở sân chùa năm xưa nữa.

Tiếng xe lửa chạy âm vang, dĩ nhiên không ồn như xe lửa ở quê nhà. Tôi ngồi bên cạnh nàng, cùng nhìn ra cửa sổ về hướng biển xa.

Tôi không dám hỏi những chuyện đời, kiểu như nàng làm việc gì, lương bao nhiêu, và bà bạn đón về sở mới là ai, quen ra sao. Có vẻ như, tôi sợ những chuyện như thế làm rạn vỡ đi bầu không gian đầy sương khói giữa chúng tôi.

Tôi muốn nói một câu, nhưng rồi ghìm lại, rằng sẽ có lúc anh bật khóc vì nhớ em.

*

Xuống xe lửa, nàng bảo muốn đưa tôi ra nhìn biển Santa Barbara một chút, để rồi sẽ từ biệt. Nhà ga chỉ cách trăm bước là tới biển.

Đứng nhìn biển một chặp, nàng ho khúc khắc. Tôi bảo gió lạnh đó, coi chừng bệnh.

Nàng để mặc cho tóc bay theo chiều gió, mím cười nhìn thẳng vào mắt tôi. Một chặp.

Và rồi nàng bảo tôi, hãy ôm em từ biệt đi.

Tôi ôm nàng, choàng tay vòng qua vai, bàn tay tôi kinh

ngạc và run rẩy khi cảm nhận lần đầu dây nịt ngực qua lớp vải áo nơi lưng nàng. Một chặp. Và nàng đẩy nhẹ tôi ra, bước đi.

Tôi vẫn còn ngạc nhiên, tự hỏi tại sao mình không hôn nàng. Nhưng mùi hương tóc nàng vẫn còn theo tôi, về tới Little Saigon. Vào cả giấc ngủ đêm hôm đó. Bàn tay tôi run rẩy, cảm xúc khi ôm nàng nơi bờ biển Santa Barbara vẫn còn mãi, còn nơi hai bàn tay tôi kể cả khi tôi gõ email hỏi Sơn về chuyện các bạn ở quê nhà.

*

Sáng hôm sau, tôi đọc email trả lời từ Sơn, trong đó kể nhiều chuyện đời dẫu biển. Từ chuyện ngôi chùa Tây Tạng Bình Dương, tới chuyện đất ruộng An Phú Đông bây giờ đã giao cho Sư Đăng cất chùa. Sơn kể rằng bác Diệu Quang và bác Bảy Trụ đã từ trần cả rồi.

Còn nhỏ út Diệu My thì đã xuất gia từ lâu, bây giờ là một ni sư, trong hơn hai thập niên không hề bước xuống phố chợ.

Tôi kinh ngạc khi đọc như thế. Nhìn lại trên bàn, tôi thấy hai vé xe lửa, một của tôi, và một của nàng. Tôi còn nhớ, trên xe lửa, tôi đã nói với nàng là tôi sẽ giữ tờ vé đó để làm kỷ niệm.

Trong phòng vẫn còn thoảng hương tóc nàng, lẫn trong hương gió biển từ xa bay về.

Tôi vẫn nhớ như in rằng, nàng nói dịu dàng, "Sư huynh ơi, bước ra hành lang giùm," khi nàng sửa soạn tắm.

Tôi nhìn hai tay mình, cảm giác như điện chạy vẫn còn, kể cả cảm xúc rất lạ khi ôm nàng và cảm nhận lần đầu dây nịt ngực dưới lưng áo nàng. Làm sao quên được, đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được ôm một phụ nữ.

Bên tai tôi, vẫn còn âm vang bài Bát Nhã Tâm Kinh nàng tụng đêm qua...

G-Minh



Thầy tu bắt trộm

NGUYỄN NGUYỄN AN

Những ngày giáp Tết trời dịu lạnh, mưa lâm thâm, cây mai trước chùa nở lác đác mấy bông vàng, cánh hoa mỏng mảnh, khẽ run run trước gió, như những đốm lửa bé xíu nhen ấm góc trời Đông. Thầy Hân đứng dưới mái hiên chùa nhìn những búp hoa xanh tơ lòng bằng khoảng nhớ ân sư. Chú tiểu đang chùi bộ lư đồng:

- Năm này mai trở đúng Tết phải không thưa thầy?

- Ừ.

Chú tiểu vẫn bậm môi, kẹp cứng chiếc lư giữa hai bàn chân, hai tay kéo giẻ dạ chạy qua chạy lại chà xát chiếc lư đồng ngời lên. Nghỉ tay, chú lại hỏi:

- Con nghe người ta nói sáng mồng một mai vàng nở là năm đó tốt lành phải không thưa thầy?

- Dị đoan! Tốt xấu do hạnh nguyện, tu tập, hành động của mình mắc chi mai nở mai tàn, nhưng người ta hay tin giờ phút mới mẻ, thiêng liêng ngày đầu năm, trong nhà có sắc khí tươi tắn của mai vàng thì may mắn. Hơn nữa cốt cách mai vàng đoan chính, dẻo dai chịu đựng mưa gió nóng lạnh suốt năm, chờ Tết khai hoa đón xuân về.

Sau thời kinh đầu ngày, thầy thông thả ra y áo, thay nhật bình qua nhà trai thưởng trà. Chú điệu hốt hải chạy vào:

- Bạch thầy, cây mai... mai...

Thầy chiêu một ngụm, rồi bỏ tách trà xuống. Biết có chuyện quan trọng. Về mặt thầy vẫn ánh nét dịu hiền, dằm thắm để giảm sự căng thẳng từ chú tiểu:

- Chuyện chi mà vội vội vàng vàng rứa?

- Dạ, cây mai bị trộm rồi!

Dù cổ bình tĩnh nhưng mặt thầy lộ nét nghiêm trọng. Cây mai trước do chính ân sư trồng, ân sư nâng niu cây mai như tăng chúng trong chùa. Bấy giờ ân sư đã viên tịch, thầy thương quý nó như ân sư; kỷ niệm còn lại của ân sư trong tâm khảm của thầy là lời dạy bảo, đức hạnh của ân sư, ngôi chùa và cây mai này. Thầy cố trách nhiệm chăm sóc vun vén nó. Tuy vậy, thầy vẫn điềm tĩnh, từ tốn đi theo chú tiểu đang chạy

lóc cóc đôi guốc mộc trở lại trước chùa.

Thầy Hân đứng sững trước bồn hoa trống không. Cây mai không cách mà bay!? Rải rác trên nền đất mấy bông hoa nhàu úa, chỉ còn gốc mai bám rêu xanh, trơ trắt thớ gỗ còn lúi xùi mùn cưa ứt... Chú tiểu mắt rướm nước:

- Hu... hu... ui... ai cưa trộm cây mai rồi... hu...

Thầy Hân không nói gì lặng lẽ lấy đi cái cưa, hì hục cưa ở gốc mai còn lại lấy ra khúc gỗ chừng một tấc. Chú tiểu ngạc nhiên hỏi:

- Cưa khúc gỗ làm chi vậy thưa thầy?

- Rồi chú sẽ biết... chú đi chợ tết với thầy nhé?

Chợ hoa tết ven sông tràn lãn hè phố. Người mua người bán đông đúc. Trên vỉa hè một rừng mai quả đầu người mọc lên từ hồi nào. Thầy dẫn chú tiểu len lỏi suốt buổi mà chưa chọn được một nhánh mai nào. Thầy biết ý, an ủi chú tiểu:

- Chiu khó một lát nữa rồi về, ai đời đi chợ Tết mà mặt mày bí xị như bị mất số gạo vậy?

Thầy đứng trước một cây mai rất giống cây mai trước chùa, chăm chú nhìn tỉ mỉ từ gốc cho tới ngọn, kể cả những u nần xù xì... Rồi thầy hỏi thằng bé đứng bán gốc mai ấy:

- Bồ mẹ cháu đầu cháu phải bán mai một mình thế?

- Bồ cháu đang ở bệnh viện chăm sóc bà nội cháu bệnh nặng, trưa bồ cháu mới ra thay cháu. Sư thầy mua đi, hoa có sáu cánh thầy ạ, chiều thế nào người ta cũng mua mất uống lắm. Cháu bán rẻ mà.

- Rẻ là bao nhiêu?

- Ba triệu hai không bớt, sư thầy coi đẹp thế này.

Thầy Hân đứng trầm ngâm một hồi rồi nói:

- Thôi được ông mua cho cháu ba triệu, mau đi gọi cha cháu ra

đây nhận tiền.

Thằng bé "dạ" một tiếng rồi cầm cớ chạy đi sau khi cẩn thận nhờ người bán mai kề bên trông chừng. Thằng bé trở lại dẫn theo một người đàn ông có dáng đi thập thững. Ông nhìn thầy với cái nhìn lăm lét, dò xét và cất giọng cò kè:

- Thầy cho đúng ba triệu hai.

- Cũng được, nhưng nhờ chú cùng tôi chở cây mai lên nhà tôi.

- Không. Tui bận lắm, thầy có mua thì đưa tiền đây, tui bung lên xe cho thầy - Người đàn ông dẫn thằng bé - Tau không bán nữa, tau có việc, mi không được kêu tau nghe chưa.

Thầy người đàn ông định lúi mất vào đám đông, thầy Hân gọi:

- Chú nó, tiền đây tới lấy!

Mặt người đàn ông sáng lên, quày quả đi lui. Thầy Hân gọi mọi người đến vây quanh người đàn ông và cây mai, nói:

- Nhờ bà con cô bác chứng kiến hộ tôi - Thầy Hân lục xách lấy khúc gỗ mai cưa đem theo - Đây là cây mai nhà tôi bị cưa trộm đêm qua, cô bác coi này!

Thầy Hân nhớ một anh thanh niên nâng cây mai trong thùng sắt lên, ráp khúc gỗ mai đem theo khít vào gốc cây mai người đàn ông bán. Mặt người bồng tái đi, nói lắp:

- Cây mai của tui mà, cây giống cây, thầy ráp vào gốc nào cũng vừa, thầy đừng nói bậy... người tu hành đừng vu...



Thầy Hân với tay cào lớp rêu vào cục u nắn, sù sì trên thân cây mai, lộ ra pháp danh của thầy màu vàng cháy, nói:

- Chú không còn chối bừa nữa nhé, đây là pháp danh của tôi, tôi khắc Tết mấy năm trước.

Trước hai chứng cứ rõ ràng, người đang ông run rẩy định lên nhanh ra khỏi vòng người. Anh thanh niên nhanh tay bẻ quạt tay người đàn ông lại và nói:

- Thầy đem hấn vào đồn công an.

Mọi người ra về đồng tình, ai ai cũng nhìn người đàn ông với ánh mắt không thiện cảm, xen lẫn thương hại. Thắng bé đứng lớ ngớ bên cha nó khóc...

- Xin thầy tha cho ba cháu, nhà cháu nghèo lắm!

- Ai nghèo cũng đi ăn trộm cả à? - Có tiếng người nói to.

- Mẹ tui bệnh, tui trộm mai bán lấy tiền lo thuốc thang cho mẹ, xin thầy xá tội cho tui lần đầu!

Thầy Hân đứng trầm ngâm một hồi rồi thủng thẳng nói:

- Thôi xin bà con tha cho chú làm phước. Chú đưa cây mai về giúp tôi, tôi không đưa chú đến công an đâu mà sợ, tôi ngần này tuổi này rồi không lừa chú đâu.

Người đàn ông lập cập cùng thằng bé vác cây mai ra xe xích lô. Thầy và chú tiểu lên xe chạy theo cùng. Trên đường ngang bệnh viện, thầy bảo thằng bé trông chừng cây mai và chờ thầy vào bệnh viện thăm mẹ chú bán mai. Trong bệnh viện thầy Hân thấy mẹ chú bán mai com rom trong lớp chăn cũ. Bà cụ mặt nhọc thở. Nghe tiếng chú bán mai gọi, cụ bà hé đôi mắt mờ và cái miệng xám xịt thều thào:

- Con mua thuốc cho mẹ chưa? Mẹ đau trong người lắm!

Chú bán mai mặt mê cánh tay da bọc xương của mẹ rơm rớm nước mắt! Thầy Hân lấy ra xấp tiền khoảng bốn triệu đem theo để chi dùng, bọc trong giấy



Linh Hồng

Một gốc nở ra đủ sắc tươi,
Hồng hua anh ghép tặng cho đời.
Ông qua ngỏ ngẩn không bay được,
Đuối đến vẩn vơ chẳng muốn rời.
Bạn vâng trăm trăn luôn tán thưởng,
Khách thăm thích thú mãi khen lời.
Hoa si thơm đậm như tình chủ,
Mỗi sớm đều xuân hè nụ cười.

Ngọc Châu

báo đưa cả cho chú bán mai:

- Anh cầm tiền lo thuốc thang cho bà cụ.

Chú bán mai cầm xấp tiền tay run run. Chợt chú quỳ xuống trước mặt thầy Hân, vừa khóc vừa nói:

- Cháu và mẹ cháu đội ân thầy suốt đời.

Thầy Hân đỡ chú bán mai đứng lên và khuyên nhủ mấy lời tâm huyết rồi từ biệt chú bán mai cùng bà cụ.

Cây mai vàng của chùa đã trở về chùa. Nó không đứng trong bồn hoa mà đứng trong trai đường. Vừa treo những thiệp Tết lên cây mai chú tiểu vừa ngẫm nghĩ câu nói của người xưa "Người ta thường ngả mũ trước tài năng, nhưng sẵn sàng quỳ gối trước lòng tốt" - Quay sang nói với thầy Hân:

- Chú bán mai quỳ gối trước lòng nhân ái của thầy?

- Lòng nhân ái không cầu người khác quỳ gối, mà cầu cảm hóa được họ. Tất cả mọi sự đều vô thường, sống chết của con người cũng vô thường huống chi là cây mai, hôm kia thầy học được bài học hiểu thảo từ chú bán mai. Bài học dạy cho thầy kính yêu cha mẹ và ân sư hớn, chỉ cho thầy biết buông bỏ và ban cho. Chú tiểu à, chỉ có nghiệp theo ta mãi mãi - Thầy Hân ngước lên nhìn bầu trời, lầm bầm - Mùa xuân đã về mang bao niềm hoan hỷ đến với mọi người... Nếu ai từ bỏ niềm hoan hỷ trong tâm tư nhân lên gặp tội...

Chú tiểu hiểu lời dạy của thầy:

- A DI ĐÀ PHẬT.

N. N. A

Xuân Tâm

DIỆU NGÀ

Ở đây, mùa Đông là những ngày mưa dầm, mưa lê thê từ sáng đến chiều, từ hôm này đến hôm khác. Bầu trời xám xịt, mặt đất sũng nước, hơi ẩm là mọi người cảm thấy khó thở và người ta rũ nhau ách xì, sổ mũi, ho hen. Trong tình trạng thiếu nắng một cách trầm trọng như thế, trong nhà ai cũng cảm thấy khó chịu và dễ trở nên cáu kỉnh, quạu quọ.

Ông Tư Hoàng đi tới đi lui trong phòng khách rộng, trang hoàng đẹp mắt theo lối Âu Mỹ. Ông đứng ngồi không yên, vặn tivi rồi lại tắt. Tin tức cứ lập đi lập lại đến phát chán. Cô xưởng ngôn viên chính của đài CNN vốn được báo chí Mỹ bầu là người duyên dáng nhất trong lĩnh vực thông tin cũng không làm ông vui lòng. Xem phim thì không thích. Ông vẫn thường tuyên bố: "Cuộc đời vốn đã là mộng, phim truyền lại còn tạo ra thế giới của ảo ảnh, của tưởng tượng làm người xem bị chìm sâu vào giả huyền". Phim chương lại còn tệ hơn nữa, vì kỹ thuật quá ấu trĩ, nghèo nàn...

Ông liếc ra sau: vợ ông loay hoay mãi trong bếp. "Già rồi, không nghỉ ngơi cho khỏe, cứ lực đực hoài!" Ông lầu bầu trong miệng như thể rồi tăng hăng một tiếng gọi vợ:

- Bà ơi, ra tôi hỏi chuyện chút coi!

Bà Tư bưng ra cho chồng một ly cà phê "phin", nhẹ nhàng đặt xuống bàn, im lặng chờ. Bà đã quen tuân phục chồng như thế, từ mấy chục năm nay.

- Sao, thằng Huỳnh nói thẳng với bà là cưới vợ xong, tụi nó ra ở riêng hả?

Tìm cách làm dịu lại sự khó tâm của chồng, bà cười, nói như đùa:

- Thì vợ chồng son mà, đâu ai muốn mất tự do...

Ông chép miệng:

- Nhà rộng thênh thang không chịu ở... Nó lại bắt chước anh Hai nó. Kê đi trước đã vậy thì người sau đâu thể khác hơn được...

- Thôi ông ơi, ở Mỹ mà, bắt tụi nó ở chung làm chi. Tụi nó cưới vợ Việt Nam còn đỡ chứ lấy vợ ngoại quốc thì kể như con

mình bị bắt cóc luôn.

Biết mình vừa lỡ lời, bà Tư nín ngang. Ông Hoàng vẫn thường chua chất tuyên bố với bạn bè: "Trưởng nam của tôi bị bắt cóc rồi!"

Bà đứng lên đi lấy cái muỗng để khỏi tiếp tục câu chuyện. Ông Tư thần thờ nhìn những giọt cà phê đen sậm, đặc quánh, rơi xuống từng giọt buồn...

Mỹ Yến vừa dỗ con ngủ xong. Buổi trưa nào mà hai đứa ngủ một lượt thì nàng có thì giờ rảnh rang đôi chút. Nàng muốn ngả lưng ngủ một giấc ngắn trước khi lo bữa cơm chiều nhưng cái thiệp đám cưới vừa nhận được sáng nay, làm nàng suy nghĩ mãi. "Chú Ut sắp cưới vợ, mà sao chẳng ai điện thoại bàn tính với vợ chồng mình cả? Kỳ này chắc ông già từ luôn rồi. Rõ ràng cái thiệp chỉ đề tên ảnh, lại là cái thiệp báo tin thôi, không mời tham dự..."

Hình ảnh ông bố chồng nghiêm nghị lạnh lùng lại hiện ra, trông đáng ngại như quan tòa xử phiên hình sự. Cặp lông mày xách ngược màu xám tro của ông có những sợi dài, cong, rủ xuống, tạo cho đôi mắt sắc bén của ông một chút gì bí hiểm.

Dù thuở ấy Mỹ Yến còn ngây thơ trong lứa tuổi sinh viên, dù được sinh ra và lớn lên trong môi trường văn hóa Mỹ, cô cũng đủ nhạy bén để hiểu rằng ông bố chồng đánh giá cô và cả gia đình cô quá thấp, nghĩa là chẳng môn đăng hộ đối chút nào.

Vốn trước kia đã du học ở Mỹ cho nên sau 1975, tàn cư qua Mỹ, ông tiếp tục nghề kỹ sư công chánh một cách dễ dàng. Bà đứa con của ông, người nào cũng có cấp bằng, địa vị. Hoạch, chồng nàng, là giáo sư đại học, cô em chồng là được sĩ lại có chồng bác sĩ còn chú Ut vừa học xong nhà khoa. Đây là gia đình Việt Nam thuộc hàng danh vọng ở Portland, Oregon.

Trong khi đó, ba nàng chỉ là công nhân tầm thường trong

hãng giấy, mẹ làm nghề uốn tóc. Mỹ Yến là chị cả của ba đứa em trai. Chị lấy chồng lúc mới hai mươi tuổi, việc học chưa đi tới đâu.

Bởi vậy cô em chồng đành đá của Yến, hề gặp mặt là bóng gió xa gần bằng câu hát: "Nói ra sợ chị em cười, rằng tôi nhan sắc cho chồng say mê..." Yến nhỏ hơn chồng đến mười lăm tuổi, sắc vóc lại dễ nhìn nên Hoạch cưới vợ rồi, muốn nàng nghỉ học. Yến chịu nghỉ học với điều kiện phải dọn ra ở riêng. Thế là Hoạch chuyển sang ngành nghiên cứu, làm việc ở Florida.

Chắc chắn Hoa đổ dầu vào lửa khiến ông bố chồng, vốn không ưa nàng dâu trưởng, đã không hề bước chân tới nhà của vợ chồng Hoạch, chẳng thèm nhìn đến cháu nội: một đứa rồi hai đứa, sinh năm một.

Hoạch, thật ra, chẳng phải mê vợ đến nỗi quên mẹ quên cha nhưng công việc ở sở thì bù đầu, về nhà phải trông con giúp vợ, chàng không có dịp về thăm. Ngày kỵ giỗ, ngày Tết, lễ Thanks Giving, Christmas... Hoạch chỉ có thể gọi điện thoại về nhà. Mong mẹ bắt phone nói chuyện cho đỡ nhớ nhưng lần nào cũng chỉ nhận được những lời trách móc, cay cú của ba...

Thế là chàng "lặn" luôn cho khỏe thân, dù giải thích đến mấy đi chăng nữa, bố cứ khẳng khái trong đầu là "con nó mê vợ, bỏ mẹ bỏ cha!"

Thời gian vô tình chẳng những không xóa nhòa được sự bất hòa còn làm họ ngày càng xa nhau hơn. Mới ba năm mà tình thân tưởng chừng đã nhạt.

Mỹ Yến còn quá trẻ, quá non nớt để có thể giải thể cớ khó khăn này. Cô ngây thơ nghĩ rằng "thôi thì được yên thân ngày nào, khỏe ngày ấy!"

Ba tháng ở chung bên nhà chồng là một chuỗi ngày hết sức nhọc nhằn, đắng cay; kỷ niệm này như lưỡi lam bén ngót, thỉnh thoảng lại trồi lên, cắt hết những cảm tình còn sót lại trong trái tim nàng.

Dù sao, với sự giúp đỡ, giải thích của mẹ, Yến cũng hiểu một phần nào nỗi khổ của ông già chồng: ông đã quen sống với quyền uy, thế lực, danh vọng, bây giờ hưu trí rồi, những thứ ấy từ từ biến mất hết. Và con cái đối với ông, cũng là một thứ sở hữu, nay chúng dám tự ý sống cuộc đời

riêng tư, dám từ chối sự che chở của ông, ông càng thấy tư ái bị thương tổn nặng nề. Yến hiểu thế nhưng Yến chưa thương được, có lẽ vì ông và con gái ông đã làm khổ Yến nhiều quá...

Hai đứa nhỏ tặng cho mẹ mấy tiếng đồng hồ êm ả, chúng còn ngủ say sưa. Sau khi nấu nướng, đặt bàn xong, Yến đi tắm. Nàng luôn luôn giữ được vẻ tươi mát dù trong lòng có sự buồn bức hay âu lo.

Hôm nay Hoạch đi làm về sớm, trông mệt mỏi hơn thường ngày. Yến thấy chàng già hơn. Những sợi tóc trắng đã xen lẫn trong đám tóc đen dày, vết nhăn trên vầng trán rộng rõ nét hơn và đôi mắt đã làm Yến rung động xao xuyến trong những giờ ngồi trong lớp của chàng - trở nên xa vắng, u hoài với những quãng thâm.

Hoạch nở một nụ cười với vợ; Yến có cảm tưởng chàng đang cố gắng vì cái cười ấy như một món trang trí nhân tạo, một cây kiểng bằng nhựa nhuộm màu, không có sức sống.

Đột nhiên, Yến nhớ đến câu nói của mẹ lúc nàng báo tin "sẽ rời Portland nay mai, sẽ hoàn toàn tự do". "Con à, cây búng ra khỏi đất, cây sẽ bị héo úa, nếu không khéo chăm sóc, con sẽ thất bại đấy!"

Lòng nàng chợt thấy dấy lên một sự rứt rứt mơ hồ nhưng nó lại chìm xuống ngay vì những người bạn Mỹ ở quanh đây, ai cũng sống như Yến thôi; hình ảnh đại gia đình sống chung, đối với họ, là một thứ gì không thể chấp nhận, không thể tưởng tượng nổi.

Theo thói quen, Hoạch vừa ngồi xuống thảo cà-vạt, vừa kiểm thư. Ồ! Thiệp cưới của chú Huỳnh! Chú này tề thật, cưới vợ mà không nói anh biết trước. Nhưng thiệp mời đâu? Chỉ báo tin sông à? Chú ấy đáng trí thật! Mà không, đây là tuồng chữ của ông già...

Hoạch chống tay xuống bàn, nhìn lơ đãng ra sân sau qua cửa kính trong suốt. Trên đám cỏ xanh non, mấy chú chim sáo đang tắm nước ria lông cạnh hòn non bộ có suối chảy róc rách... Kỷ niệm thời thơ ấu hiện về như những đám mây bông bành lằng đàng trên vòm trời ký ức xanh như ngọc thạch.

Chú Huỳnh ấy à, từ nhỏ xíu mới ba, bốn tuổi thôi, đã là người "duy lợi chủ nghĩa"; muốn chú

nghe lời, chỉ cần cái kẹo, miếng bánh là được. Nhớ mỗi lần Hoạch gây gỗ với cô em gái, để kéo chú về phe mình, anh cứ tặng cho chú vài ba viên bi chai hay một con dế đá, con cá lia thia... là chú trở thành một đồng minh sốt sắng, trung thành hết mực.

Hoạch suy đoán tiếp: chú ấy mới ra trường, tiền đầu cưới vợ, chắc là chú giao toàn quyền cho ông già sắp đặt lo liệu... Rõ ràng nét chữ trên thiệp là của ông già. Hình ảnh của bố hiện ra: thân hình cao lớn, cái trán trượt thông thái, đôi môi mỏng với khỏe miệng xéch mũi thuyền và đôi mắt nhiều thị lực, lúc nào cũng muốn thị uy, ra lệnh...

Thật ra, ông là người chủ gia đình tốt, thương yêu vợ con, không tú đồ tướng. Nhưng cách thương của ông làm anh ngột ngạt khó thở quá, ông muốn mọi việc, mọi người đều phải răm rắp tuân theo ý ông.

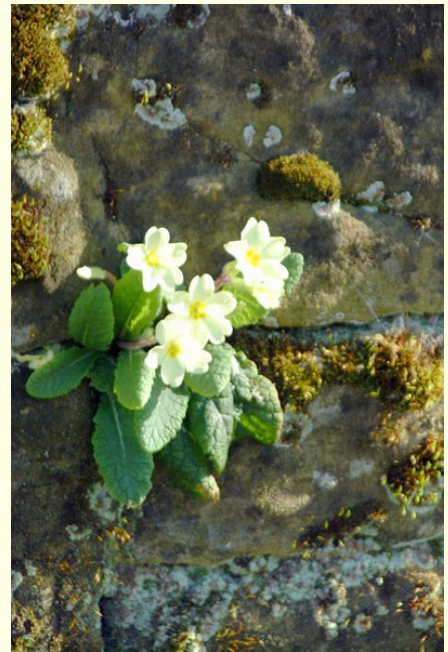
Một cách lơ mờ, Hoạch cảm thấy hồ sâu ngăn cách hai người là ở chỗ đó. Bố chàng là người của thế hệ rất xa xưa của thời phong kiến, thời mà người ta ca tụng "phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu". Tư tưởng đó, đối với một người trí thức hấp thụ văn hóa Âu Mỹ từ hai mươi lăm năm nay, là một cái gì nghịch lý vô cùng.

Hầu như bố chàng không thể nào chấp nhận sự bình đẳng về tư tưởng giữa bố con. Đừng hòng tranh biện, cãi lý với ông. Ông sẽ tát tai, sẽ đập bàn ghế và quát tháo dữ dội... Đó là một ông bố độc tài quá cỡ, may mà ông không làm vua!

Hoạch nhận ly nước cam tươi từ tay vợ. Sự mệt nhọc như với bết đi theo từng ngụm nước lạnh, ngọt ngào. Chàng đứng lên, hôn trán vợ, nắm tay nàng đến giường các con. Thăng Tí lớn đã thức dậy, đứng nhón chân, miệng bi bô, giục tay đòi ba ẵm, Tí nhỏ vừa trở mình đã được vòng tay êm của mẹ nâng lên.

Chàng ôm lấy con, nghĩ thầm: tụi bây sướng hơn tao nhiều vì sau này lớn lên, khỏi phải tranh đấu cho "nhân quyền" với "vua" cha.

Vốn dĩ thông minh và nhạy cảm, Hoạch hiểu "thông điệp" của bố qua cái thiệp báo tin: "Cho mày hay tin đó, liệu mà về, còn tha thứ được, bằng không, tao từ luôn." Dù sao, đây cũng là "lệnh ân xá" của ông. Ờ, thì



mình cũng rán về cho vui về cả, nhưng phải về bất ngờ để xem phản ứng của bố ra sao?

Sau đám cưới của cậu con út, ông Hoàng ngã bệnh nặng, cảm sốt mấy tuần liền, không ăn uống gì được. Bà Tư phải chở chồng đi bác sĩ chích thuốc và vô nước biển mỗi ngày. Khi cơn bệnh lui dần, ông trở nên ít nói cười, cả ngày ngồi yên lặng, nhìn mông lung và trí nhớ ngày một kém đi.

Nhà không còn ai ngoài đôi vợ chồng già. Bổng tối của tuổi về chiều làm căn nhà trở nên ảm đạm, u trầm hơn. Huỳnh và vợ mới cưới, sau tuần trăng mật ở Hawaii đã ở riêng, thật xa chốn này. Hồng Hoa thỉnh thoảng cũng về nhưng sự hiện diện của Hoa chỉ làm họ buồn bức hơn vì bệnh ghen tương trầm trọng của cô: cô kể chuyện, kể tội, kể sự nghi ngờ của cô về ông chồng bác sĩ hảo ngọt mãi không dứt.

Còn Hoạch thì không thấy tầm hơi gì. Hình như tụi nó có điều chi giấu mẹ, bà gọi phone hoài không gặp ai. Trong tình cảnh này, những người bạn già của ông bà thật đáng quý. Họ thay phiên lui tới chuyện trò.

Vào những ngày nắng đẹp hiếm hoi, những ngày nắng báo hiệu nàng Xuân sắp đến, phóm bạn rủ nhau đi chơi, nay chỗ này mai chỗ khác. Chẳng hiểu sao họ đồng một ý nghĩ như nhau là khi

viếng cảnh chùa, được hầu chuyện cùng nhà sư trẻ trụ trì vui tảnh, họ cảm thấy thoải mái, ấm cúng làm sao. Họ như được bao phủ trong không khí bình yên, giản dị và hạnh phúc, thứ hạnh phúc mà ông Hoàng chưa bao giờ được hưởng.

Nhà sư bình dân và khiêm tốn, tiếp nhóm bạn này ân cần lắm. Thầy biết họ có nhiều thì giờ thừa thãi, phải khéo léo giúp họ tiêu pha thì giờ ấy một cách hữu ích. Đặc biệt, thầy L.T. chú ý tới ông Hoàng vì sự đau khổ cùng cực đã biến ông thành kẻ ngây khờ. Hiểu rõ tâm sự của ông, thầy càng thương hơn.

Một ngày đẹp trời đầu mùa Xuân, sau khi giải thích và giúp nhóm bạn thực tập về thiền trà, thầy mở đầu cuộc pháp đàm bằng câu chuyện đời mình rất tự nhiên:

- Nhiều người hỏi tôi: sao thầy còn trẻ mà đi tu? Các bác chắc cũng sẽ hỏi như thế, phải không, dù bây giờ tôi không còn trẻ nữa. Tôi đã bốn mươi lăm tuổi rồi.

Mọi người nhìn thầy, gật đầu. Họ thầm nghĩ: "Thầy trông trẻ hơn tuổi nhiều, mà còn đẹp trai nữa: dáng thầy mảnh khảnh, đôi mắt lúc nào cũng như ánh lên cái cười, lại ăn nói dịu dàng, vui vẻ."

Thầy L.T. mỉm cười:

- Tôi tin rằng tu hành phải có căn, nghĩa là có mầm mống từ kiếp nào rồi, đến khi đủ duyên mới có thể xuất gia.

Từ lúc mười tuổi, tôi đã thường tự hỏi: Làm người ai cũng chết, mà sau khi chết rồi, đi về đâu? Thắc mắc này có khi tôi hỏi bạn bè trong lớp, các bạn phá lên cười rồi nói: "Hề chết thì ra nghĩa địa!" Hỏi người lớn hơn, họ cũng không đáp được. Hỏi cha tôi, cha rầy: "Còn nhỏ mà nói chuyện xa vời!". Tôi không dám cãi lại nhưng đối với tôi, đó không phải là cái gì xa vời vì sống chết là vấn đề trước mắt. Đầu phải già mới chết, người trẻ cũng chết mà!

Lớn thêm chút nữa, tôi có duyên may lui tới chùa Xá Lợi ở Sài Gòn. Ngoài những buổi được nghe giảng, tôi say sưa với những cuốn sách Phật pháp. Dần dần tôi biết con đường mình phải đi.

Năm mười chín tuổi, tôi xin cha cho phép tôi đi tu. Cha tôi buồn lắm. Tuy không cản trở nhưng ông nói như van nài: "Mẹ con chết sớm, cha chỉ có mình con. Con đi rồi, cha ở với ai đây?"

Tôi biết cha sợ cô đơn, cha trồng cây vào tôi. Nhưng dưới nhãn quan của một người thông



hiếu lý vô thường, vô ngã, điều này không có gì bảo đảm. Tôi nào là gì đâu hề, để người khác có thể nương tựa vào tôi?

Nói tới đây, thầy L.T. nhìn thẳng vào bác Hoàng:

- Nhờ bác tìm chỉ cho L.T. nhé, từ thế chất đến tinh thần của L.T. có cái gì không thay đổi, có cái chi còn mãi không hư hoại?

Ông Hoàng lắc đầu. Ông thấy chân lý rất phổ thông ấy, cái chân lý ai cũng biết mà ít ai muốn chấp nhận. Ông cũng vậy, ông thích sống trong mê muội hơn là đối đầu với sự thật đó vì ông không đủ can đảm nhìn sự mất mát, cái gì rồi cũng vượt qua khỏi tầm tay... Nuôi con như thế nuôi cò, nuôi cho cò lớn, cò giò cò bay.

Thầy tiếp:

- Nếu mình muốn tìm chỗ nương tựa - tôi nói với cha tôi - mình phải chọn cái gì bền vững hơn, có giá trị chắc thực hơn chứ người này tựa người kia, dù đó là con cháu ruột thịt, người vợ, người chồng, người bạn tri kỷ thì ai cũng như ai, đều cùng chung số phận sinh tử, đều có những phiền não khổ sâu, mạng sống thì mong manh.

Mỗi ngày tôi gợi ý cha tôi một chút như vậy đó. Thế rồi, đầu chừng ba, bốn tháng sau, ông gọi tôi lại và hỏi:

- Tại sao con nghĩ rằng đạo Phật là chỗ nên nương tựa?

Tôi thưa:

- Nếu thực hành đạo Phật một cách đúng đắn thì lúc đang tu, mình giảm thiểu được phiền

não nhờ biết chế ngự được lòng ham muốn, sự giận dữ và si mê mù quáng. Như vậy, nội tâm mình sẽ an ổn, thanh bình hơn người không biết tu. Đó là hạnh phúc chân thật. Cao hơn nữa, khi người tu phá được bệnh chấp ngã, chứng quả A La Hán thì chấm dứt được sinh tử luân hồi, không còn phải thọ sanh nữa. Tuy không bị nghiệp lực lôi kéo vào chốn tử tử sinh sinh nhưng vì lòng từ bi vô lượng, người ấy tự nguyện trở lại thế gian thực hành Bồ Tát đạo trong tinh thần vô ngã, cứ như thế mà phát triển phước trí cho trọn vẹn thì thành Phật, là đấng giác ngộ hoàn toàn, là chỗ nương về của chúng sanh.

Ông Hoàng bị lôi cuốn vào câu chuyện của thầy, không phải vì giọng nói thầy hòa nhã dịu dàng vui tươi nhưng vì có sự đồng điệu nào đó giữa người nghe với nhân vật người cha trong truyện kể.

Phải rồi, ông cũng sợ cô đơn trong tuổi già: vợ ông chắc chắn sẽ đi trước vì bệnh thận kinh niên của bà, con gái thì khi lập gia đình xong là tách riêng ngay, chỉ biết tới tiểu gia đình của nó. Chung quanh ông rồi sẽ không còn ai, mà như thầy vừa nói đó, không ai có thể là chỗ nương tựa chắc chắn của mình được...

Ông Hoàng rụt rè hỏi:

- Thưa thầy, trong hoàn cảnh của tôi, rõ ràng là chẳng thể nương tựa vào ai, mà tôi lại không có căn tu để xuất gia như thầy, vậy tôi phải làm sao để giải quyết những khổ tâm, những phiền não của mình?

- Thưa bác, con người chỉ sợ cô đơn khi họ nghĩ tới mình nhiều quá. Cái tôi của mình càng lớn, nỗi sợ hãi và đau khổ của mình càng to. Biết quên mình để lo cho người khác, biết phục vụ công ích mà không màng tới ơn nghĩa, công trạng, đó là chìa khóa mở cửa chân trời hạnh phúc. Năm được chìa khóa đó, người ta sẽ sống vui và tương lai của những kiếp về sau sẽ tươi đẹp lắm.

Bà Tư hướng mắt về phía chồng, nét hân hoan làm tươi lại khuôn mặt héo hon và làn da tái nhợt của bà. Bà biết tánh ông quyết liệt lắm, nếu chuyển đổi được quan niệm, tư tưởng của ông, ông sẽ sửa đổi nhanh, ông sẽ sớm có hạnh phúc.

Rồi để kết thúc câu chuyện, thầy L.T. cười một cách hóm hỉnh:

- Các bác biết không, cha tôi hỏi mãi, chất vấn tôi mãi về Phật pháp, rốt cuộc ông đi xuất gia trước tôi. Ông nói: "Tao là cha mày, phải xuất gia trước, kéo không, tuổi hạ thấp hơn phải gọi mày là huynh à?"

Tôi đùa: "Bây giờ ba nói vậy còn nghe được, chứ nếu mai sau, tuổi đạo lên cao rồi chấp vào danh vị, vào số hạ, vào số đệ tử thì thật là uống công tu hành đó ba!"

Tôi nói xong, quan sát phản ứng của cha tôi, thấy ông điềm nhiên không giận, tôi sung sướng quá! Hai cha con ôm nhau cười mãi...

Một tháng sau. Một tháng tự cố gắng sửa đổi quan niệm sai lầm của mình, quả thật ông Hoàng thấy lòng êm dịu lại. Ông để tâm săn sóc vợ hơn là bắt bà phải phục dịch mình. Ông bớt phê phán, ông giảm bớt sự khinh thị kẻ dưới mình.

Hai vợ chồng đang dùng cơm trưa. Bữa cơm chay đơn giản với rau luộc, tương Cự Đà, canh chua rau muống, đậu hủ chiên. Họ ăn chậm rãi, không nói chuyện. Họ biết họ đang được nếm cam lồ vị.

Bỗng nhiên có tiếng chuông cửa. Bà Tư dơ mắt đứng lên, ông Hoàng ra đầu để ông đi mở cửa. Ô kìa bất ngờ chưa? Vợ chồng con cái của thằng Hoạch! Trong lúc ông còn đứng trần ra đấy vì ngạc nhiên, bà Tư nhảy tới ôm chầm lấy con trai, rồi bà vỗ vai con dâu, cười với hai đứa bé đang bám chặt chân mẹ, dấu mặt sợ sệt.

ĐỜI VÀ TÔI KHÔNG THẬT

*Sáu mươi tuổi
Tôi làm thơ thiên
Như con Chiên xung tội
Tội tổ tiên.*

*Sáu mươi tuổi.
Tôi tập ngồi thiền
Lưng thẳng tâm nghiêng
Vàng trắng lẫn trơn.*

*Sáu mươi tuổi
Tôi ngồi một mình
Thêm đọc bài thơ tình
Ngày xưa mình viết.*

*Sáu mươi tuổi
Tôi muốn nhớ-lại quên
Tên một người yêu dấu
Trong giấc ngủ cô miên.*

*Sáu mươi tuổi
Tôi nhìn tôi qua gương
Một chút gì buồn buồn...
ĐỜI
VÀ
TÔI
KHÔNG THẬT.*



KIỀU MỘNG HÀ

Trong phút giây, ông Hoàng có dịp tự quan sát nội tâm mình: ông chẳng còn giận hờn ghét bỏ nữa, thật là dễ chịu sung sướng khi được gặp lại con trai, dâu và các cháu, ông nói:

- Thôi, tội bây vào ăn cơm luôn cho vui. Bữa nay nhà ăn chay. Lâu lâu được ăn chay, mấy đứa sẽ thấy ngon miệng đấy.

Họ cùng tiến vào trong. Hai ông bà đều thấy bước chân Hoạch hơi khập khiễng. Bà Tư nhìn Mỹ Yến như han hỏi, cô thưa:

- Dạ, anh con bị tai nạn xe hơi ngày anh ấy lái xe ra phi trường để về dự đám cưới chú Ut. Cũng may, nằm nhà thương hai tháng thì bình phục, tuy vậy chân đi cũng còn đau.

Ông Hoàng lại có dịp tự nhủ: "Vây đó, mà mình cứ vì định kiến xấu, nghĩ bậy về nó rồi ghét, rồi giận cả đám!"

Trong lúc bà Tư nhìn con, xót ruột, ông Hoàng đỡ lấy cái vali cổng kình, nặng chịch trên tay con dâu. Mỹ Yến hơi bối ngỡ nhưng rồi nàng an tâm khi thấy vẻ mặt bố chồng tươi tỉnh và hiền lành, không phải như hồi đó.

Ông Hoàng lại có thêm kinh nghiệm cho việc tu hành: "Phiền não, sân hận chỉ là một đám mây đen kịt, nếu ánh sáng mặt trời đủ sức xuyên suốt qua đấy hay gió kịp thổi làm tan nó đi thì mọi sự sẽ bình yên".

Diệu Nga

Bên trong Cổng Chùa

LAM KHÊ

Giờ nghỉ trưa, cổng chùa đóng kín. Không gian yên tĩnh không một tiếng động nhỏ. Ấy vậy mà bụng Nhân cứ sôi lên sùng sục chẳng biết giữ im lặng gì cả. Ngồi trong sân chùa, hẳn có cảm giác mình được chở che yên ổn hơn hẳn. Cổng chùa làm Nhân nhớ đến cánh cổng nhà lao to lớn thâm u mà hẳn từng được trải nghiệm qua một lần.

Một hồi kiếng báo thức vang lên. Chú Tiểu có chòm tóc dài vắt qua mép tai từ nhà trong bước ra mở cổng. Chú ngạc nhiên thấy Nhân ngồi giữa sân nhưng không hỏi gì. Hồi trưa lúc ra đóng cổng, chú đã không nhìn thấy hẳn. Nhờ vậy mà Nhân còn ngồi ở đây. Nếu bị mời, hẳn không biết mình phải đi đâu vào giờ này.

Cửa chùa vừa mở, đã có Phật tử vào chùa lễ Phật. Nghe họ nói chuyện, Nhân biết hôm nay chủ nhật, chùa có thuyết giảng. A! Hẳn nghĩ thầm. Nếu chùa thuyết giảng thế nào họ cũng đãi cơm chay. Vậy mình vào ngồi nghe pháp, không chừng lát nữa sẽ có chút gì đó bỏ bụng.

Nhìn mọi người đến chùa trong chiếc áo tràng màu lam tề chỉnh, Nhân cúi xuống ngắm bộ đồ kaky màu xám của mình. Bộ đồ này là của bác Vĩnh mới cho, tuy cũ nhưng khá sạch sẽ thơm mát. Ăn bận thế này chắc không ai nghĩ hẳn là dân cái bang vào chùa xin xỏ hay rình mò chòm chia. Vết theo chạy dài từ trán xuống gò má cũng nhạt bớt đáng về bụi đời từng trải. Trưa qua gặp bác Vĩnh, được bác khuyên bảo nhiều điều lại còn cho áo quần, tiền bạc làm Nhân cảm động quá. Và vì muốn thử thời vận nên có ít tiền trong tay, hẳn lại ghé sông bài rồi cũng như bao lần, Nhân nướng sạch số bạc vào trong cuộc đỏ đen may rủi. Chẳng còn đồng xu dính túi, bụng đói meo, hẳn đi quanh quần đến chiều thì sức nhớ bác Vĩnh có nói về quán cơm chay từ thiện ở đầu phố. Thế là Nhân tìm đến.

Quán mở mỗi tuần ba ngày dành cho người nghèo, những kẻ vô gia cư đến ăn uống miễn phí. Sớm hiểu sự đời, hẳn hiểu rõ

những chuyện hơn thua tranh chấp đến từng miếng ăn chỗ ở trong cuộc sống. Vậy mà có người dám đem tiền của sức lực ra làm việc không công cho thiên hạ lại không hề bận tâm đến chuyện thu nhập lợi nhuận. Nghĩ cũng lạ. Một người ăn ở không đến núi còn lờ, huống chi mỗi ngày có hằng trăm người vào ăn uống no nê chẳng phải tốn đồng xu các bạc.

Nhân bước vào quán, thấy đủ mọi thành phần nghèo khó trong xã hội. Từ những bà bán hàng rong, mấy chủ đập xích lô, người bán vé số cho đến mấy cô cậu sinh viên học sinh còn an phận trong cảnh hàn vi thiếu thốn. Quán chay từ thiện nên người ra vô tấp nập. Mọi người ăn uống trong yên lặng nên dù đông vẫn không gây cảnh ồn ào mất trật tự. Nhân gọi cho mình một phần cơm. Do lạ miệng lại quá đói nên hẳn ăn ngon lành, chẳng mấy chốc hết sạch đĩa cơm chiên thập cẩm to tướng.

Ăn xong, Nhân quay qua định bắt chuyện với anh hầu bàn vui tính thì chợt giật bản người, mắt hoa lên như nhìn phải lửa. Gã đại ca mặt đen, tên thủ lĩnh một băng nhóm giang hồ có mẫu thuẫn trước đây với hẳn đang bước vào quán với mấy tay đàn em dữ tợn. Bọn chúng cũng đến ăn cơm chay miễn phí sao? Thấy Nhân, tên mặt đen ngưng cặp mắt xếch lên nhìn rồi bước thẳng tới nói lớn:

- Ê! Nhân "Mặt Thợ". Ra tù rồi à? Tao đang chờ mày ra để đòi lại món nợ nằm trước đây. Vì mày mà tao thân tàn ma dại, trốn chui trốn nhủi bấy lâu nay. Mày vào tù không có nghĩa là mọi chuyện huê cả làng đầu nhé.

Nhân im lặng bụng tách trà nóng lên uống. Đây là quán cơm từ thiện, tên mặt đen không thể ngang nhiên gây sự. Gã bỏ đi kèm theo lời hẹn sẽ gặp lại Nhân nơi dốc cầu vào buổi tối. Nhân không đến chỗ hẹn không phải vì sợ nhưng thực tình thì hẳn chán cảnh đâm chém thù hận lắm rồi. Năm trước vì nóng ruột tên đàn em bị ức hiếp, Nhân đã kéo cả

băng đến xử gã mặt đen một trận tơi tả. Bởi chuyện đó mà Nhân phải vào tù. Được tự do, hẳn quyết tâm làm lại cuộc đời nên lánh mặt luôn cả băng nhóm của mình. Nhưng ở đời đâu phải chuyện gì muốn là được. Bàn tay trót đã nhúng chàm, thật khó lòng trở lại làm người lương thiện.

Sáng nay đi loanh quanh một hồi, Nhân vào chùa ngồi suy nghĩ tìm cách đối phó. Nhấn nhin có phải là kẻ sách vụn toàn, khi mà giới giang hồ chỉ biết hành xử theo luật rừng, mạnh được yếu thua. Nghĩ mãi chẳng ra nước non gì, hẳn chặc lưỡi nhủ thầm. Phải đến nhờ bác Vĩnh dàn xếp thôi. Trước đây bác cũng là dân anh chị nổi tiếng, nay hoàn lương rồi mở quán chay từ thiện để giúp đỡ kẻ nghèo khó cô thế. Giới giang hồ khi túng bấn cũng hay đến nhờ vả bác. Không ít kẻ trở thành người tốt, làm những việc có ích cho đời. Bác đã nói với Nhân như vậy.

Thời pháp vừa xong, mọi người lục tục kéo ra về. Chùa không đãi cơm chay và thế là cơn đói lại hành hạ bao tử Nhân dữ dội. Hẳn ngồi bệt xuống tam cấp, thần thờ nhìn mọi người chuyện vãn:

- Mỗi tuần đến nghe pháp học đạo, tâm tánh tôi cũng trở nên thuần lương cởi mở, không còn hay giận hờn cố chấp như trước đây.

- Ủ! Pháp vị của Phật, người biết thưởng thức thì cảm nhận được nhiều sự lợi ích vi diệu lắm. Được nghe một thời pháp hay cũng ví như mình được ăn một bữa tiệc thịnh soạn đầy chất bổ dưỡng vậy.

Một người khác ra vẻ hiểu biết:

- Giáo pháp Phật có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn nhưng chỉ có một vị. Đó là vị giải thoát. Chúng ta tu niệm tinh tấn một pháp môn nào cũng đạt đến sự an lạc giải thoát. Một trận mưa rào, cây cỏ muôn hoa đều được gội nhuần tươi tốt.

- ...Cậu nhỏ. Sao mặt mày xanh mét thế? Chắc bị trúng gió rồi.

Vị thầy đang bước xuống tam

cấp, nhìn thấy Nhân liền cất tiếng hỏi đây về lo lắng.

Con đói lắm hân bài hoài tay chân mù mờ cả tâm trí, song vẫn còn đủ tỉnh táo để lý sự đôi câu:

- Người ta bảo có thực mới vực được đạo. Con đến nghe pháp vì tưởng chùa có đãi cơm chay. Nhưng thầy chỉ cho ăn pháp vị. Mà con thì không thể nuốt trôi món đó trong lúc bụng đói là. Suốt buổi giảng con chỉ nghĩ đến chuyện ăn nên có nghe thầy nói gì đâu...

Vị thầy bật cười rồi vỗ nhẹ vai hân:

- Con nói đúng. Không ai có thể nghe pháp với cái bụng trống không. Thôi, con đứng lên theo thầy vào nhà bếp. Thầy sẽ bảo mấy chú dọn cơm cho ăn.

* * *

... Một năm trôi qua, một cánh cửa mới đã mở ra, đưa Nhân cùng đám bạn giang hồ bước sang một dòng đời khác mà chính hân cũng không ngờ. Bên trong cửa chùa, Nhân trở thành người làm vườn chuyên nghiệp tràn trề niềm say mê sáng tạo cùng sự nhiệt tình năng nổ của tuổi trẻ. Hân có nhiều dự tính cho tương lai. Song niềm vui lớn nhất của Nhân bây giờ là được làm việc. Làm những việc có ích cho đời để tri ân lòng người. Những người luôn dang rộng vòng tay yêu thương và giúp đỡ để hân có được cơ hội hoàn lương, trở lại cuộc sống làm người chơn thiện.

Tuổi thơ của Nhân trôi qua cũng khá êm ả. Bố mất sớm. Mẹ đi bước nữa. Nhân sống với mẹ cùng người cha dượng. Gia cảnh hân thuộc loại khá giả. Cửa nhà yên ấm. Ông bố dượng là nghệ nhân trồng hoa kiểng có tiếng ở vùng ven. Ngoài giờ học, Nhân thường phụ công việc và được ông chỉ dạy cách uốn cành tạo dáng cho cây cảnh. Hôm đó do lỡ tay, hân làm bể chậu hoa quý, bị bố dượng lớn tiếng rầy la. Thế là Nhân tự ái, bỏ nhà đi biệt.

Nhân gia nhập băng đảng giang hồ và nhanh chóng trở

thành thủ lĩnh sừng sỏ, gây ra bao cuộc đâm chém tranh chấp địa bàn làm náo loạn cả hè phố lúc đêm về. Lạnh lùng hung bạo với đối phương, song với đàn em hân đối xử rất mực nghĩa khí chân tình. Một lần, một gã đàn em bị băng nhóm Mặt Đen ăn hiếp, hân bèn tìm tới, đánh cho tên đầu đảng một trận thừa sống thiếu chết. Công an truy bắt, Nhân nhận trách nhiệm một mình rồi bị kết án một năm tù giam. Trọng tù, hân có thời gian suy ngẫm lại những việc làm quấy quá của mình. Ngày trước vì tự ái và cũng muốn thể hiện bản lãnh của gã con trai mới lớn, Nhân đã bỏ nhà bỏ mẹ, chôn vùi cả con đường học vấn tương lai. Bây giờ nghĩ lại, hân thấy mình thật nông nổi. Khi hay tin con bị tù tội, mẹ Nhân đã vào tận nhà giam thăm với nước mắt giọt ngắn giọt dài. Thương mẹ Nhân hứa với bà, ra tù hân sẽ trở về nhà, làm lại cuộc đời.

Rồi Nhân đến chùa và gặp thầy. Bài pháp khô khan không gây ấn tượng gì với một tâm hồn đang cần cổ bơ phờ vì đói. Nhưng sau khi được thầy cho ăn một bữa cơm no bụng lại ân cần hỏi han mọi chuyện, hân bắt đầu thổ lộ tâm tình.

- Con sẽ trở về xin lỗi mẹ. Cả nhà đang lo lắng và chờ mong ngày con ra tù. Nhưng con không biết mình phải bắt đầu như thế nào. Nỗi mặc cảm của kẻ giang hồ nhiều tội lỗi còn mãi ám ảnh. Con thấy thật khó lòng hòa nhập trở lại với cuộc sống bình thường.

Vị thầy nhẹ nhàng khuyên nhủ:

- Thời gian đầu, bước đường trở về của kẻ lầm lỡ bao giờ cũng khó nhận được sự cảm thông của mọi người. Nhưng nếu con quyết chí ăn năn, sống đời lương thiện thì mọi việc rồi sẽ ổn thỏa tốt đẹp. Con còn có mẹ và những người thân luôn bảo bọc thương yêu, sẵn sàng tha thứ mọi lỗi lầm. Biết quay đầu dừng lại đúng lúc thì chẳng bao giờ muộn đâu con ạ. Hơn nữa con là người có chí khí, biết trọng nghĩa tình. Bấy nhiêu cũng đủ giúp con trở thành một con người tốt cho gia đình và xã hội sau này.

Nghe thầy nói, lòng Nhân thêm rộng mở, song hân vẫn chưa có dự tính gì. Mỗi tuần, Nhân đến quán chay phụ công việc với bác Vĩnh mấy ngày. Thời gian còn lại hân đến chùa làm

công quả, ăn cơm và nghe thầy nói chuyện. Mọi việc cứ thế trôi qua cho đến một hôm, Nhân mới mạnh dạn thưa:

- Bạch thầy! Con... có điều này xin thưa với thầy. Là... con thấy đất chùa rộng, trồng nhiều cây kiểng nhưng thầy thì luôn bận rộn, mấy chú lại lo học. Vậy thầy cho con... được chăm sóc sửa sang lại khu vườn. Trước đây con có biết chút ít về kỹ thuật trồng hoa kiểng. Vài bữa con về thăm nhà, luôn tiện nhờ ông ba dượng cố vấn viện trợ cho ít cây giống.

Rồi không đợi thầy gật đầu hứa khả, Nhân nói tiếp:

- Dạ... Con muốn làm việc... để tri ân thầy cùng bao người đã cứu mang giúp đỡ con bấy lâu nay. Con nghĩ... nếu mình tạo dựng và phát triển được cơ sở hoa kiểng có uy tín tất sẽ có người đến đặt hàng mua bán. Việc mua bán có lợi nhuận, sẽ giúp thầy trang trải việc chùa và hỗ trợ mấy chú tu học. Và nếu... được thầy cho phép, con sẽ kêu gọi anh em trong giới giang hồ gác kiếm cùng đến làm việc. Nhiều người trong số họ mong muốn hoàn lương nhưng không biết phải làm gì.

Nhân nói một hơi rồi ngồi im lặng... chờ đợi. Hân không tin thầy sẽ dễ dàng chấp thuận. Bởi ai lại đi tin tưởng một kẻ bụi đời cù bơ cù bất như hân. Nhưng thầy lại mỉm cười gật đầu không cần suy nghĩ:

- Thầy không rành việc trồng hoa chăm kiểng, cũng không có ý định làm kinh tế, nhưng nghe con nói thật chí lý. Vậy thì chúng ta hãy làm thử xem. Đây là ý tưởng tốt, thầy sẵn sàng ủng hộ, tạo điều kiện cho các con có cơ hội hòa nhập làm lại cuộc đời. It ra thì nghề trồng hoa chơi kiểng cũng mang lại niềm vui và nuôi dưỡng tâm hồn thánh thiện cho những ai biết làm điều tốt, hướng tìm cái đẹp. Thầy giao cho con khoảng đất trống bên hiên chùa và để con tự quyết định công việc. Thầy tin tưởng con sẽ làm nên sự nghiệp.

... Bây giờ, những lúc rảnh rỗi Nhân vẫn thích ngồi yên lặng một mình trong sân chùa. Hân ngồi để nhìn lại thành quả một mùa bội thu hoa kiểng và tận hưởng những giây phút an lành thanh thoi trong hiện tại.

Bên trong cửa chùa, không gian cây cảnh trải dài theo mỗi bước chân người tìm về nẻo sáng.

Lam Khê



HỌC HẠNH NHÃN NHỤC hay HẠN CHẾ SÂN HẬN

Tâm Lương – Đào Mạnh Xuân

Lời người viết: Dưới đây là những điều chúng tôi ghi ra để tự khuyên mình cố gắng tu tập mỗi ngày về Hạnh Nhẫn Nhục hay HẠN CHẾ SÂN HẬN. Đây là phần thực tập rất khó. Bởi vì hằng ngày chúng ta phải gặp rất nhiều điều không vừa ý từ ngoài xã hội cho đến trong gia đình. Chúng tôi không dám nhận rằng mình đã tu tập được nhiều. Nhưng vì thấy có cố gắng thực tập thì cũng có giảm đi phần nào. Vì vậy, nay xin được phổ biến đề tài này vì chúng tôi rất mong những ai thích học hạnh Nhẫn Nhục hay HẠN CHẾ SÂN HẬN, sau khi đọc xong bài viết, hy vọng sẽ nhận được đôi điều hữu ích. Nếu được vậy, xin đem hồi hướng công đức này về cho tất cả chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

*Một niệm sân hận khởi lên,
Muôn ngàn nghiệp chướng chực bên liền liền,
Vậy điều cần nhớ trước tiên:
Học HẠNH NHÃN NHỤC để yên mọi bề,
Dù ai bêu xấu, mắng chê ...
Ta xem như thể không hề chi đâu:
Chú tâm hít thở thật sâu,
Hoặc là niệm Phật nhiều câu chí thành,
Cơn giận sẽ xuống rất nhanh,
Còn không, nhớ thuộc rành rành lời răn:
"Tiên trách kỷ, hậu trách nhân"
Cũng làm cơn giận bớt phần bớt ngay,
Hay ta làm ác trước đây,
Nên nay quả báo lộ bày chớ chi!
Còn một cách nữa, nhớ ghi:
Ai có chửi mắng, vội chi giận hờn,
Ho cho ta lời độc mồm,
Không nhận, sẽ thấy cõi lòng nhẹ đi.(1)
Làm vậy có lợi những gì ?
Trừ được cái họa, một khi im lời.
Tâm hồn an ổn thanh thoi,
Phát sinh trí huệ, cuộc đời vui tươi.
Còn xem "TA" lớn tựa trời,
Ai mà đụng đến, tức thời nổi sân,
Áy người ngả mạn, kiêu căng,
Cố chấp, độc đoán, hung hăng làm đầu,
Gây người thân lắm khổ đau,
Vắng tục, la lối nặng sao tâm hồn,
"No mất ngon, giận mất khôn"
Bài học ấy phải thường luôn nằm lòng .
Cả rừng công đức mệnh mông, (2)
Chỉ đám giận, đốt sạch bong chảnh còn.
Có người sẵn giết vợ con,
Gây bao án nặng, chẳng còn tính "nhân",
Lại chuốc lắm bệnh vào thân,
Tìm mạch, mất ngủ bồn thần canh thâu,
Cao huyết áp, khổ làm sao!
Quá giận, đứt mạch máu đầu, chết ngay.
Lửa sân thiêu đốt ngày ngày,
Tức giận, phiền não... vô, vậy tâm ta,
"Sân nhập, khẩu xuất " phóng ra,
Bao nhiêu lời ác, nghiệp ta lãnh phần,
Người sân, chết khổ vô ngần,
Đọa ba đường ác, muôn ngàn đặng cay,*

*Ôm sân, quá khổ thế này!
Nên mau cố bỏ, chớ chầy nữa chi,
Được vậy có lợi tức thì,
Thần, tâm bớt bệnh còn gì sướng hơn.*

TÂM LƯƠNG ĐÀO MẠNH XUÂN

(1) Có một lần Đức Phật đi khất thực đã bị một người Bà La Môn theo chửi. Lý do là có nhiều đệ tử của ông ta đã theo quy y Đức Phật. Ông ta chửi hoài mà Đức Phật vẫn đi, không nói gì. Tức quá, ông ta chạy ra trước chặn đường hỏi tại sao Đức Phật nghe mà không trả lời. Lúc ấy Đức Phật mới hỏi:

- Giả dụ ông cho một người một món quà mà người ấy không nhận thì quà thuộc về ai?

Người Bà La Môn đáp:

- Tôi tặng mà người ta không nhận thì quà thuộc về tôi chứ về ai.

Đức Phật bảo:

- Cũng vậy, ông chửi mà ta không nhận, vậy lời nói đó đâu có dính dáng gì tới ta.

(2) Đạo Phật có câu: "Một niệm sân khởi lên sẽ đốt cháy cả rừng công đức."

Ở phần trình bày tiếp theo, chúng tôi xin đưa ra một số đoạn trích dẫn lấy từ sách "HẠN CHẾ SÂN HẬN. TRÁI RỘNG TÌNH THƯƠNG." của tác giả Tỳ Khưu VISUDDHACĀRA do Minh Tâm biên dịch, để làm sáng tỏ thêm những điều chúng tôi nghĩ là đúng để theo đó tu tập.

A) Hậu quả đưa đến do sân hận:

- Lúc cơn giận lên có thể đưa đến:

* Khẩu nghiệp: cãi cọ, nói lời độc ác, chửi thề, v.v...

* Thân nghiệp: Ấu đả, gây thương tật cho



người khác, giết người v.v...

* Ý nghiệp: tìm cách trả thù v.v...

a) Nếu trong cuộc sống, mình bị một người làm điều xấu, chẳng hạn như vu oan cho ta, rồi ta tìm cách trả đũa, theo kiểu “ăn miếng trả miếng”, thì tâm mình luôn luôn khổ sở. Chi bằng nhớ những câu ông bà đã dạy: “Nai giặt móng, chó cũng le lưỡi” hoặc “Một điều nhịn, chín điều lành” để dẹp bỏ sự hiềm khích, vì trong cuộc hôn thua nào, cả hai bên đều phải nhọc tâm cực trí để tìm cách đối phó. Hơn nữa đã là con Phật, ta nên nhớ những lời Phật dạy:

Lấy ân báo oán, oán tự tiêu tan. Lấy oán báo oán, oán thêm chồng chất”.

- Hoặc “Oan ức không cần bày tỏ, vì bày tỏ là hèn nhát, mà trả thù thì ân oán kéo dài”.

Nhớ những điều nêu trên, nên ta tự khuyên mình hãy cố sống nhu nhường nhịn và hỷ xả.

b) **Người thường sân hận rất dễ bị dọa vào ba đường ác** vì trong tâm lúc nào cũng nóng như một hỏa diệm sơn nên không tránh khỏi lúc gần chết, tâm cũng mang sự giận dữ. Theo Đạo Phật “**sự thọ báo kiếp sau tùy thuộc vào tư tưởng, suy nghĩ sau cùng của ta vào giây phút lâm chung. Nếu ta qua đời với niệm tưởng bất thiện, ác nghiệp, ta sẽ có sự tái sinh tương ứng - với niệm tưởng tốt lành, thiện nghiệp, ta có một kiếp sau tốt đẹp**” (trang 70 Sách đã dẫn)

c) Người sân nhiều, tâm rất đau khổ: một đoạn trong sách đã nêu ghi:

“**Sân hận làm đời ta đau khổ, nếu ta tiếp tục chấp nhận và không cố gắng chế ngự nó, có nghĩa là ta tiếp tục sống cuộc sống hỗn loạn. Cứ mỗi lần bực mình, khó chịu, tức giận, chúng ta lại bắt đầu thiêu đốt chính mình. Cảm giác cháy bỏng gia tăng theo cường độ của cơn giận; càng giận dữ, ta càng cháy bỏng nhiều hơn. Quả là một cảm giác vô cùng đau khổ. Bạn có thể quan sát điều này nơi chính bạn. Khi bạn rơi vào tâm trạng bực mình, tức tối, hãy quan sát trạng thái của tâm rồi bạn sẽ phát hiện được nỗi đau đớn thống khổ mà bạn đang chịu đựng trong lúc tức giận hoặc rối loạn ...**” (trang 8, Sách đã dẫn)

d) Người có nhiều sân hận sẽ mang một số bệnh như sau:

“**Ngoài việc gây độc hại cho tinh thần, cơn sân hận và lòng thù địch còn tạo ra mỗi hiểm nguy cho cơ thể chúng ta. Y học đã khẳng định sự tức giận cùng những cảm xúc vô bổ khác đều góp phần tạo nên bệnh tật. Khi tức giận, cơ thể phóng thích một số hóa chất làm rối loạn sự điều hòa cơ thể. Nếu buồn phiền sân hận thường xuyên thì lâu dài sẽ dẫn đến nhiều bệnh tật như loét bao tử, rối loạn tiêu hóa, táo bón, cao huyết áp, rối loạn tim mạch, thậm chí ung thư**” (trang 10, sđd).

e) Người có nhiều sân hận, về sau có được thân người sẽ có dung mạo xấu xí. Lý do hằng ngày ôm sân hận, nét mặt lúc nào cũng cau có, dữ dằn. Tướng xấu này sẽ ảnh hưởng đến kiếp sau làm người.

B) **Cách hạn chế sân hận**: Đã có trong bài văn vắn. Ở đây chúng tôi xin tóm lược tất cả, đồng thời xin ghi thêm vài cách nữa. **Lúc cơn giận dữ nổi lên và ta nhận biết được là ta đang giận thì nên làm một trong những cách sau để hạn chế sân hận**:

1) Chú tâm hít thở thật sâu nhiều lần.

2) Niệm Nam Mô A Di Đà Phật hay Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát nhiều lần thật chí thành.

Giao thừa với mẹ

thơ

*Mâm lễ con bày biện giữa sân
Ménh mang trời đất ngát hương trầm
Giao thừa lừng thừng vào muôn ngõ
Chuông trống chùa bên đã gióng ngân*

*Mời mẹ áo dài đẹp gấm hoa
Hình mai vóc hạc bước lần ra...
Ô hay, mẹ vẫn còn say ngủ
Vô sự an nhiên giấc tuổi già*

*Con lặng lẽ nhìn mái tuyết sương
Chín mươi năm lẻ cõi vô thường
Chín mươi lần lẻ từng ngênh Tết
Bạn cũ trắng xưa chuyện tỏ tường*

*Không dám lay phiên giấc ngủ yên
Con ra sân trước đứng trang nghiêm
Rưng rưng khấn nguyện cùng trời đất
Mừng mẹ lộc xuân được tuổi thêm.*

TÔN NỮ THANH YÊN

3) Tự nhận lỗi là do ở mình gây ra bằng cách nhớ câu: “Tiền trách kỷ, hậu trách nhân”.

4) Bắt chước cách xử trí của Phật : Ai mắng chửi ta, ta không nhận. Coi như sự mắng nhiếc kia không dính dấp gì tới ta.

5) Tự nhắc nhở: “Một niệm sân khởi lên sẽ đốt cháy cả rừng công đức”.

6) “**Khi sân hận sanh khởi, ta nên kiểm chế, lặng yên bất động như một khúc gỗ... vì trong tâm trạng đó những gì ta nói ra hoặc làm đều vụng về, thô lỗ, gây ra những tai hại mà sau này ta phải hối tiếc**”. (Trang 30 **Hạn Chế Sân Hận- Trái rộng tình Thương**). Nói tóm lại, khi cơn sân nổi lên, ta phải tự nhắc nhở câu: “No mất ngon, giận mất khôn” .

7) Hoặc ta tự nhủ thầm: “mình đang trả nghiệp” khi gặp chuyện làm ta phải sân hận như có ai mắng nhiếc, bêu xấu v.v...Lúc đó, ta hãy nghĩ trong kiếp này hay một kiếp nào đó trong quá khứ ta đã làm việc xấu như vậy với ai đó và nay phải nhận quả báo. Vậy hãy tự an ủi chấp nhận những cái không hay đến với ta.

8) Khi cơn giận phát khởi, hãy tự an ủi phải dẹp bỏ ngay để khỏi rước bệnh vào thân.

Hy vọng trong nhiều lần thực tập, chắc cũng có lần đạt kết quả. Nếu ai tin và thực hành được một cách thoi, mỗi khi gặp chuyện bất ứng ý và thấy tâm nhẹ nhàng thì phải nói đó là điều hạnh phúc vô cùng.

Tâm Lương—Đào Mạnh Xuân

MAI VÀNG HÉ NỤ

Thích nữ Giới Định

Cái lạnh lẽo, băng giá của mùa đông sẽ làm cho con người nhiều lo sợ, nhất là ở những xứ giá lạnh băng tuyết khó có thể vượt qua nổi. Nhưng không, trong cái lạnh lẽo buốt giá đó, đã nuôi dưỡng những nụ hoa tinh khiết, tràn đầy sức sống cho một năm mới với nhiều ước vọng tốt đẹp. Mùa xuân, mùa của sự đâm chồi nẩy lộc, của sự sống tươi vui, mùa của đoàn tụ gia đình. Nếu không có mùa đông lạnh lẽo thì làm gì có hoa mai nở rộ trên cành. Thiển sư Hoàng Bá Hy Vận đã nói: *"Nếu chẳng một phen sương lạnh buốt, hoa mai đâu dễ tỏa mùi hương"*.

Theo sự vận hành của vũ trụ thiên nhiên, một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Xuân thì vạn vật tưng bừng, hứa hẹn nhiều sức sống; hạ thì trời nắng chói chang; thu thì lá vàng rơi rụng; đông thì lạnh lẽo buốt xương. Mùa đông đã qua nhường chỗ cho nàng mai xuất hiện. Khi những nụ mai vàng đang từ từ hé nở, các nàng bướm tung bay, những chú chim non mới nở được mẹ mớm mồi, mở mắt tròn xoe nhìn thế giới mới lạ với nhiều kinh ngạc, những chú lớn thì hót ca vang trời. Mùa xuân đã trở về trên quê hương thân yêu.

Từng làn gió nhẹ nhàng đong đưa trong không gian êm đềm, gió xuân như đang cùng vũ trụ reo vui. Mùa xuân đến, khung cảnh thật nên thơ, bao nhiêu nét đẹp của bốn mùa như hội tụ vào mùa xuân. Xuân đến lòng con trẻ hân hoan vì có được áo mới, thanh niên thì dật dờ nhiều ước mơ, hoài vọng hướng về tương lai. Người lớn tuổi đã trải qua những ngày gió đông lạnh lẽo và hy vọng những tháng ngày tốt đẹp, có sức khỏe dồi dào, sống trường thọ để cùng con cháu đón mừng chúa xuân.

Ngày hai mươi ba tháng chạp có lẽ đưa ông Táo về trời, để tâu những việc xấu tốt của trần gian thì không khí tết đã đến gần. Dù làm ăn bất cứ ở đâu, người ta đều trở về đoàn tụ với gia đình trong những ngày tết, để thắp một nén hương trên bàn thờ tổ tiên, đi thăm mộ người thân, nhìn lại ngôi

nhà đã ấp ủ chúng ta một thời thơ ấu. Tết đến mà một lý do nào đó không được về với gia đình, khi nghe tiếng pháo nổ, nhìn nhà người đoàn viên, mà lòng không khỏi ngậm ngùi. Tất cả mọi gia đình chuẩn bị thật nhiều thức ăn, bánh trái, hoa quả, mứt, bánh tét, bánh chưng, dưa món. Tiếng nói cười, hỏi thăm sức khỏe, hỏi thăm công việc làm ăn sau một năm bôn ba đất khách quê người, làm cho không khí tết thêm ấm áp tình thân, tình người.

Tại Việt Nam cây nêu thường được dựng vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch, là ngày Táo quân về trời, với quan niệm rằng vì từ ngày này cho tới đêm giao thừa, vắng mặt Táo công, ma quỷ thường nhân cơ hội này lên về quấy nhiễu. Ngày dựng cây nêu gọi là *lên nêu*, và ngày 7 tháng giêng âm lịch, ngày làm lễ dỡ cây nêu xuống, gọi là ngày *hạ nêu*. Tục lệ dựng cây nêu ngày nay chỉ còn ở vùng nông thôn, chứ ở thành thị thì không còn.

Trong mỗi gia đình Việt Nam cảnh mai, cảnh đào không thể thiếu. Họ chọn những cảnh nào có nhiều nụ, để nở đúng tết. Hoa có nhiều cánh thì cho rằng năm nay sẽ có nhiều may mắn tài lộc đến. Rồi những tấm thiệp đỏ, thiệp hồng, mang những lời chúc hạnh thông, hạnh phúc treo lủng lẳng trên cành mai, cảnh đào càng làm cho ngày tết thêm sống động. Những câu như: *"Đầu xuân phú quý bình an đến, năm mới vinh hoa hạnh phúc về."* hoặc *"Mùa xuân hoa nở khắp quê hương, phúc đức an khang đến mọi nhà."* Chiều ba mươi trong nhà ra đến vườn đã quét dọn sạch sẽ, tươm tất. Những chậu nước, hủ gạo, muối mằm phải đầy tràn, theo phong tục người xưa cho rằng làm như vậy một năm mới khá giả, giàu có. Chiều ba mươi có lẽ rước ông bà về ăn tết cùng con cháu. Nhà nào có giếng thì cúng giao thừa xong là đây giếng lại không được múc nước, sợ động đến thần giếng, đến chiều mồng ba đưa ông bà đi mới được dùng. Xưa



bày nay làm, nếu không làm như vậy thì lòng thấy bất an.

Cúng ông bà tổ tiên rất trang trọng thành kính trong giờ giao thừa, trên bàn thờ đèn nến thắp sáng trưng, trái cây ngũ quả, bánh mứt đầy bàn. Giờ này con cháu đều quy tụ trước bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà, như là tổ tiên đang hiện diện quanh ta. Tùy hoàn cảnh gia đình mà mua sắm, nhưng nhà nào cũng cố gắng đầy đủ thức ăn, bánh trái cho con cháu vui trong ba ngày tết. Trẻ con đã được cha mẹ sắm áo quần mới từ mấy tháng trước, gần giờ giao thừa, mặc áo quần mới mừng tuổi người lớn sẽ được lì xì. Không biết trong bì lì xì nhiều ít tiền nhưng có bì đồ để khoe cùng bạn bè là vui rồi, đó là điều thích nhất của lũ trẻ.

Sáng mồng một tết, là ngày đầu năm, được thưởng thức bánh tét bánh chưng ăn với dưa món, củ kiệu, ớt chua ngọt, thịt kho tàu, ngon hết chỗ chê. Người ăn chay cũng không kém gì, chả lụa, đậu hủ kho tiêu, dưa món, chua ngọt... Thanh niên thích cúp hột dưa đến khô cổ, lờ lười, nhưng đó là thú vui, tết mà không có vỏ hột dưa xả đầy nhà thì chưa đúng không khí tết. Tết trẻ con tung tăng tha hồ chạy nhảy, ăn uống thỏa thích, người lớn bên tách trà tính chuyện tương lai. Ngày tết mà nhàn nhõ là một năm xui xẻo, làm ăn không phát đạt, ai cũng nghĩ như vậy cho nên ba ngày tết nhìn khuôn mặt người nào cũng rạng rỡ hân hoan.

Tết có lễ hội nhân gian, nhiều trò chơi dành cho trẻ em và người lớn. Ở thôn quê miền Trung nhất là xứ Huế, có chơi bài chòi thật thú vị, người ta làm một cái nhà nhỏ như cái chòi, ai chơi thì vô ngồi trong nhà chòi, chia làm hai phe, thí dụ phe một gọi con xe, phe hai có xe thì gọi xe đi sáu tiền, rồi phe một gọi sáu tiền đi con giống, cứ tiếp tục như vậy, mỗi khi có người trúng thưởng thì trống đánh liên tục, người trúng được thưởng một lá cờ và tiền, tiếng cười nói vui vẻ. Người thì chơi bầu cua cá cọp, chơi bài tới, bài tiến lên, bói bài, có nhóm chơi ăn tiền, nhóm thì quệt lọ nghe, nhóm búng lỗ tai, nhiều thú vui tiêu khiển, có người thức suốt đêm để chơi cho thoả thích, vì sau tết rồi ai cũng lo cuộc sống không có nhiều thời gian để tiêu khiển.

Ngoài phố người lui tới rất đông, ai cũng mặc áo quần mới, đẹp. Có cụ đồ Nho, đầu đội khăn đóng, mặc chiếc áo dài đen, quần trắng, chân đi đôi guốc gỗ, thỉnh thoảng miệng nhai trầu. Tay cầm cây bút lông, đang viết những câu đối chúc mừng thiên hạ, đây là một hình ảnh thật đáng trân trọng. Qua bài Ông đồ của Vũ Đình Liên chúng ta sẽ thấy rõ: "Mỗi năm hoa đào nở, lại thấy ông đồ già, bày mực tàu giấy đỏ, bên phố đông người qua." Hình ảnh này hình như đang bị quên lãng dần trong xã hội văn minh vật chất như hiện nay.

Xuân dân tộc hoà vào lòng đất mẹ khi trời đất giao mùa. Xuân Di Lặc cũng cùng với nhân loại hoà chung niềm vui. Mùa xuân đến không luận là người lớn hay trẻ nhỏ, mọi người đều hân hoan đến chùa trong đêm giao thừa. Giờ giao thừa có một điều gì thiêng liêng, mà tự mình cảm nhận, mỗi người có một suy tư riêng, nhưng có một cái chung là trân trọng giờ phút cao quý đó. Từ buổi chiều, con nít đã được cha mẹ chuẩn bị cho kỹ càng, không được nói điều gì không vui trong giờ giao thừa, không được bỏ chân xuống giường khi chưa cho phép. Trong gia đình chọn người nào năm nay có tuổi tốt, hạp cho công việc làm ăn thì đại diện người trong gia

đình đập đất. Nghĩa là người này được quyền bỏ chân xuống giường đầu tiên khi giờ giao thừa đến, cho dù là người đó nhỏ tuổi nhất trong nhà. Cho nên người này ăn mặc thật tươm tất khuôn mặt vui tươi, miệng luôn nở nụ cười, để làm công việc trọng đại này.

Mười hai giờ đã đến, chính thức giờ giao thừa, khi tiếng súng chào mừng xuân bắt đầu thì trong các chùa chiền chuông trống bát nhã rền vang, âm vang tiếng chuông trầm âm, vọng trong đêm khuya nghe nhiệm mầu, vi diệu, hoà với tiếng diễu của pháo nổ, tiếng nói cười vui vẻ của mọi người. Tiếng pháo nhà nào nổ lớn, giòn tan thì họ rất vui mừng vì đó là dấu hiệu cho sự thành đạt thịnh vượng trong năm mới, nên người ta chọn pháo rất kỹ khi mua.

Người con Phật, sau khi cúng giao thừa, mừng tuổi tổ tiên, ông bà cha mẹ xong, cùng nhau lên chùa hái lộc, thắp một nén hương trước bàn thờ Phật Tổ, mừng tuổi chư Tăng Ni. Vị thầy trụ trì thay mặt đại chúng phát lộc cho phật tử, món quà chỉ là câu kinh Pháp Cú, một tượng Phật nhỏ, hoặc một trái quýt... nhưng đó là món quà vô giá, người Phật tử rất trân trọng trong ngày đầu xuân. Chùa thật trang nghiêm, đèn nến sáng trưng, trên bảo điện khói hương trầm nghi ngút trước ánh mắt từ bi củ Đức Thế Tôn. Bàn thờ được chưng trái cây ngũ vị, hoa quả đủ màu, Phật tử thì tâm thành kính dâng. Giờ giao thừa cũng là giờ đón Đức Phật Di Lặc hạ sanh. Theo trong kinh Di Lặc Hạ Sanh, thì sau khi chánh pháp của Đức Thích Ca không còn tồn tại trên thế gian này nữa, thì Ngài Di Lặc sẽ giáng sanh làm chủ cõi ta bà giáo hoá chúng sanh. Hiện tại Bồ tát đang giáo hóa ở cõi trời Đâu Suất, thuyết pháp cho các vị trời ở cõi này. Trong thời pháp nhược ma cường, lòng người nhiều đảo điên, chúng ta có duyên lành gặp phật pháp, nên tinh tấn tu tập, phát nguyện khi đức Phật Di Lặc ra đời nguyện dự vào hội Long Hoa của Ngài, cho nên chúng ta thường lạy thù ân có câu "Long Hoa Tam Hội nguyện tương phùng, Đường Lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật."

Mùa xuân dân tộc trở về trên quê hương, dù ở phương trời nào, người Việt Nam theo truyền thống tổ quốc cũng ăn tết



đúng ngày mồng một của đầu năm, khi mà:

"Mai vàng vừa hé nụ
Xuân đến hôn nhẹ nhàng
Hoa cười tươi sắc nắng
Ngọt ngào mùa xuân sang."

Mùa xuân bất tận, khung trời ngát hương, xuân qua, xuân lại đến, xuân đi thì xuân về, đó là sự vận hành của vũ trụ. Đời người cũng vậy, có thanh thì có suy, có hợp thì có tan, có trẻ thì có già, cốt yếu là giữ tâm bình thản trước mọi đổi thay của cuộc đời, của lòng người. Nhưng có một vật chưa bao giờ thay đổi, đó là chân tâm, bản lai diện mục, Phật tánh trong mỗi chúng sinh luôn hiện hữu, chưa từng bị sanh diệt. Như thiền sư Mãn Giác có nói: "Xuân khứ bách hoa lạc, xuân đáo bách hoa khai, sự trục nhãn tiền quá, lảo tòng đầu thượng lai, mặc vì xuân tàn hoa lạc tận, đình tiền tạc dạ nhất chi mai" nghĩa là: Xuân đi trăm hoa rụng, xuân đến trăm hoa cười, trước mắt việc qua rồi, trên đầu tóc bạc phơ, chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua sân trước một cành mai.

Mùa xuân miên viễn trong lòng của những người biết tu tập, biết quán chiếu nội tâm, ngoại cảnh. Thì mùa xuân luôn bất tận cho dù không phải đang là mùa xuân.

Thích nữ Giới Định



CHỮA BỆNH BẰNG MÁY SẤY TÓC

Bs. Huỳnh Hải

Thông thường khi nghe nói chữa bệnh bằng day ấn huyết, bằng kim thì không ai ngạc nhiên. Vì kinh huyết và châm cứu là một phần của nền y học Trung Quốc cổ từ xưa. Châm cứu là dùng kim và điều ngài cứu tác động lên mười hai chính kinh và hai mạch lớn (Độc mạch và Nhâm mạch). Châm cứu đã theo người Trung Hoa sang nước ta và đã được áp dụng ở Việt Nam từ lâu. Nhưng khi nghe máy sấy tóc, một dụng cụ làm đẹp, nay dùng để chữa bệnh chắc nhiều bạn cảm thấy ngạc nhiên. Những trường hợp bệnh sau đây dùng máy sấy tóc để chữa, có kết quả tốt, nhiều khi thật kỳ diệu.

LANH GIỮA ĐÊM:

Nhiều người hay bị "phát lãnh" đột ngột nhất là vào ban đêm. Bệnh nhân cảm thấy lạnh từ trong xương. Đang ngủ giật mình thức giấc lạnh run. Thỉnh thoảng cứ gặp tình huống này. Diễn hình là người bạn đời của tôi khoảng mười năm về trước. Nhiều khi đi về quê chơi, nửa đêm đang ngủ, tôi giật mình thức dậy vì bà xã đột nhiên "đánh bô cạp" rên hừ hừ. Cả nhà phải thức, ba tôi chụm củi lên để cho con dâu ngồi gần bếp hơi tay chân cho ấm. Ở thành phố thì tiện lợi hơn. Các bạn chỉ việc cầm dây của máy sấy tóc vào ổ điện là đã có một dụng cụ chữa bệnh hiệu quả. Các bạn có thể nhờ người khác hoặc tự mình hơi máy sấy tóc dọc cột sống từ trên xuống dưới (từ đốt sống ngực thứ nhất đến cột sống vùng cùng cụt, hay từ huyết Đại chủy đến huyết Trường cường). Hơi nóng như vậy khoảng mười phút là các bạn đủ ấm người lên ngay. Có thể hơi nóng thêm vào tay và chân. Sau những lần giải quyết có tính cách "cấp cứu" các bạn nên đi khám bệnh để tìm nguyên nhân của tình trạng "phát lãnh" để chữa tận gốc.

CẮT CƠN SỐ MŨI:

Sổ mũi là một triệu chứng hay gặp khi các bạn bị cảm cúm, viêm họng, sổ mũi do thời tiết, do dị ứng. Sổ mũi hay nghẹt mũi là do tình trạng niêm mạc mũi (lớp da mỏng lót bên trong mũi) bị viêm. Các mao mạch (mạch máu nhỏ) ở vùng mũi bị sưng, đỏ. Máu bị ứ lại, có thể gây nghẹt mũi hoặc sổ mũi. Có người bị sổ mũi ít thôi. Nhưng cũng có người chảy mũi không cầm được, chùi xong nước mũi cứ chảy tiếp tục. Nếu cúi đầu xuống thì nước mũi chảy không dứt. Mũi có thể chảy ra phía trước hay chảy xuống họng. Các bạn muốn dùng ngay cơn chảy mũi không? Hãy dùng máy sấy tóc để ở một khoảng cách thích hợp (nóng vừa phải) và cho hơi nóng trực tiếp đến 2 lỗ mũi. Tình trạng sổ mũi tạm thời dừng lại ngay. Nếu sổ mũi tái phát các bạn có thể hơi nóng tiếp tục.

TÊ BÀN TAY:

Đây là triệu chứng của nhiều bệnh: Suy nhược cơ thể, huyết áp thấp, hội chứng Raynaud (co động mạch đầu chi), hội chứng ống cổ tay, tiểu đường, rối

loạn chuyển hóa lipid... Đồng thời cùng với việc điều trị đặc hiệu của từng bệnh, các bạn có thể dùng máy sấy tóc hơi nóng hai bàn tay và hai bàn chân mục đích để giãn mạch máu, tăng tuần hoàn đến đầu các chi. Triệu chứng tê tay cải thiện nhanh.

HỆ VẬN ĐỘNG VÀ BỆNH TƯ THẾ

Các bạn hãy nhìn xem hình vẽ về hệ thống cơ xương. Cơ thể chúng ta gồm khoảng sáu trăm cơ, các cơ này nối với chừng hai trăm lẻ sáu xương. Khi các bạn đứng thẳng, các cơ được đối xứng ở hai bên. Ở vị trí này các cơ bắp hầu như được thư giãn, các dây thần kinh, mạch máu không bị chèn ép. Tuy nhiên khi chúng ta đứng, ngồi, nằm, sinh hoạt sai tư thế, các cơ, dây chằng, xương, khớp (toàn bộ hệ vận động) đều bị ảnh hưởng. Có nhóm cơ bị chùn lại, nhóm cơ bên đối diện căng ra, các thành phần khác như mạch máu, dây chằng, thần kinh bị căng, chèn ép. Tình trạng này gây ra một nhóm bệnh đặc biệt, bệnh do tư thế. Ở nhóm bệnh này do tư thế sai, các bạn sẽ thấy rất nhiều trường hợp, xảy ra cho rất nhiều người ở nhiều ngành nghề khác nhau. Người thì bị tê ở vai, mỏi cổ, đau sau gáy, đau nửa thân trên ở phía sau, mỏi gối, đau cổ chân, đau cơ cẳng chân (bắp chuối), đau dọc từ thắt lưng xuống gót chân:

- Đau sau gáy, mỏi cơ cạnh cột sống cổ: ở người nằm gối quá cao
- Tê cổ tay bàn tay: do bàn tay và cẳng tay gập góc khi đánh máy hoặc khi cầm chuột vi tính không đúng
- Đau hông phải: do có thói quen đứng làm việc đặt phần lớn trọng lượng cơ thể lên chân phải, thợ tiện
- Mỏi gáy, đau gáy: do gập hay uốn cổ trong khi làm việc, đọc sách, xử dụng vi tính
- Đau vùng thắt lưng: xảy ra trên nhiều đối tượng: người làm việc văn phòng, học sinh, sinh viên... có thói quen ngồi gập người ra phía trước
- Đau nhức mỏi chân: ở người đứng tại chỗ lâu như bảo vệ, nha sĩ, chiến binh tiêu, bán hủ tiếu..
- Mỏi vai và cánh tay phải: do xử dụng chuột không đúng cách.
- Mỏi, đau cổ tay: ở người thường xuyên bế trẻ, người tiếp xúc với máy vi tính thường xuyên
- Đau khuỷu tay: ở người chơi tennis, người xử dụng búa, thợ máy hay dùng mỏ lết siết bu lông.
- Tê, đau đầu gối, cổ chân, bàn chân, cơ cẳng chân ở những người ngồi xếp bằng lâu ngày: chơi bài, ngồi thiền chưa quen
- Đau thắt lưng: ở người thợ sửa xe, người làm giày.

Thưa các bạn đó là những ví dụ về những ngành nghề dễ đưa đến các tư thế sai gây đau nhức, tê, mỏi. Những khó chịu này có thể âm ỉ đến đau dữ dội khiến bệnh nhân vừa đau rồi tưởng tượng đến các bệnh nặng, khó chữa rồi lo sợ...

Tất cả những chứng đau, nhức, tê, mỏi nói trên không những chỉ xử



dụng thuốc để giảm cơn đau cấp thời mà quan trọng nhất, là phải chú ý đến căn nguyên của bệnh. Đó là thói quen, nghề nghiệp, công việc thường ngày. Và hầu hết các trường hợp đau cơ, xương, dây chằng, khớp đều bắt nguồn từ tư thế sai. Giải quyết tư thế sai sẽ chữa hết chứng đau mà các bạn đang gặp và phòng ngừa được nhiều chứng đau cơ, xương, khớp, dây chằng, thần kinh... Nhưng thế nào là tư thế đúng?

TƯ THẾ NGỒI ĐÚNG?

Các bạn nên áp dụng những nguyên tắc sau đây để giữ cho tư thế ngồi đúng:

1. Đầu thẳng, đầu phải ở giữa hai vai.
2. Cằm thụt nhẹ vào.
3. Cột sống ngực, cổ, thắt lưng phải thẳng hàng
4. Hai vai ngang nhau, không được nâng vai lên, hai vai phải thư giãn nhưng không xệ
5. Phân bố trọng lượng cơ thể đều trên hai mông.
6. Hai mào xương chậu phải ngang nhau
7. Không được bắt chéo chân
8. Không được gát chân.
9. Đùi nên song song với mặt đất
10. Để hai bàn chân ra trước và sát đất, hai bàn chân song song với nhau
11. Tuy cố gắng ngồi với tư thế đúng nhưng không nên ngồi quá lâu

Có nhiều cách ngồi, ngồi xếp bằng dưới đất (bán già, kiết già), ngồi kiểu Nhật, ngồi trên ghế. Nhưng các bạn nên chú ý đến ngồi sau cho cột sống cổ, ngực, thắt lưng phải thẳng hàng, các cơ bắp, dây chằng được thư giãn, mạch máu và các dây thần kinh không bị chèn ép thì mới hợp với tình trạng sinh lý tự nhiên.

THẾ NÀO LÀ TƯ THẾ ĐÚNG ĐÚNG:

Các bạn chú ý những điểm sau khi đứng Các bạn hãy nhìn hình vẽ tư thế đứng đúng và để ý các điểm sau:

- Đầu thẳng như được treo lên bằng một sợi dây và đầu phải ở giữa hai vai
- Mắt nhìn ngang
- Cằm thụt vào trong
- Cột sống cổ và cột sống ngực thẳng hàng
- Hai vai có độ cao ngang nhau (không bên nào cao hay thấp)
- Hai mào xương chậu có độ cao bằng nhau
- Hai gối thẳng
- Trọng lượng cơ thể phải phân bố đều giữa hai bàn chân

Khi các bạn đứng trong tư thế này các cơ và dây chằng sẽ ở trong trạng thái thư giãn, cân bằng, không co, không căng. Do đó tránh được tình trạng đau nhức các cơ bắp, chèn ép thần kinh, mạch máu. Đây là tư thế đứng lý tưởng cần được áp dụng.

BỆNH THOÁI HÓA KHỚP:

Thoái hóa khớp là một loại bệnh khớp hay gặp, chiếm tỷ lệ 80% các bệnh khớp ở người trên năm mươi tuổi. Trong bệnh thoái hóa khớp, sụn bọc ở các đầu xương bị mòn, rách. Từ đó dẫn đến những tổn thương khác như hẹp khe khớp, tổn thương xương như mọc các gai xương, đậm đặc phần xương sát sụn. Bệnh nhân có cảm giác đau và cứng khớp, nhất là buổi sáng sau khi thức dậy hoặc đau tăng lên khi thời tiết lạnh. Nhiều người hay bị tình trạng

các khớp ngón tay co cứng lại, phải dùng bàn tay kia bẻ nhẹ ra thì mới ngay lại được! Khi vận động các khớp bị thoái hóa còn nghe được tiếng răng rắc, lạo xạo trong khớp! Hiện giờ y học vẫn chưa có cách giải quyết triệt để được bệnh thoái hóa khớp. Để giảm đau, thầy thuốc hay dùng loại thuốc giảm đau thông thường như Paracetamol, thuốc kháng viêm non-steroid. Tác dụng phụ của thuốc thường ảnh hưởng đến dạ

dày. Bệnh nhân còn cào, đau dạ dày, nhiều trường hợp nặng có thể gây xuất huyết. Thuốc kháng viêm còn giữ nước và có thể làm chi số huyết áp ở người có bệnh cao huyết áp càng cao hơn. Ngoài ra còn có loại thuốc xem như có tác dụng "bổ khớp" như vitamin E, Omega3, sụn cá mập, glucosamin, chondroitin... Bên cạnh sự điều trị bằng thuốc, tôi xin được giới thiệu một phương pháp không những làm giảm đau mà còn tăng sự tuần hoàn, nuôi dưỡng vùng khớp bệnh mang lại sự dễ chịu cho bệnh nhân mà không có tác dụng phụ. Đó là dùng máy sấy tóc hơ nóng lên khớp mỗi ngày hai lần, mỗi lần năm đến mười phút. Kể đến là xoa bóp, day ấn vùng khớp bệnh mười lăm phút nữa. Các bạn có thể phối hợp với việc bôi các pomade kháng viêm, giảm đau như Salicyl Pomade, Salonpas gel, Diclofenac gel...

"TRÚNG MƯA":

Hồi nhỏ tôi hay nghe người lớn nói bị "Trúng mưa". Đi mặc mưa về cảm sổ mũi, nhức đầu, đau mình mẩy, sốt. Thường là những người có tuổi bị "Trúng mưa". Lúc đó tôi nghĩ mưa mà cũng trúng! Tôi và các bạn nhỏ trong xóm đâm suốt cây mưa, chơi đùa, quây phá, có thấy gì đâu. Tuy nhiên khi bắt đầu bước qua "U50" rồi mới biết. Giống như "mít ướt". Đi mưa về là có chuyện. Nóng đầu, ngẹt mũi, sổ mũi, đau mình...! Thiệt là càng có tuổi càng "nhông nhèo". Và tôi thấy hồi này tôi càng dễ nhông nhèo hơn. Nhiều khi từ chỗ làm việc đi qua chỗ gửi xe chỉ hơn hai mươi mét, về nhà cũng bệnh phải uống thuốc ba, bốn ngày sau mới hết bệnh. Thật là bực mình. Nhưng từ lúc làm quen với anh bạn này (chiếc máy sấy tóc) thì câu chuyện "Trúng mưa" hình như là đã chấm dứt. Sau khi đi mưa, ngay lúc vừa về đến nhà, các bạn nên lau cho khô tóc và cơ thể, thay quần áo. Tiếp theo là cầm dây máy sấy tóc vào ổ điện hơ nóng gáy, hai tai, vùng gáy và dọc cột sống. Các bạn chú ý hơ nóng ở vùng T1 đến T3 (từ huyết Đại chùy đến Thân trụ). Chỉ cần hơ nóng từ năm đến mười phút thôi. Bằng cách xử lý thật đơn giản này tôi đã chấm dứt được bệnh "nhông nhèo" của mình. Các bạn nào có bệnh "nhông nhèo" như tôi, xin mời, máy sấy tóc.

RƯỢU CŨ TIỀN KHÁCH MỚI:

Như trong lời giới thiệu, tôi kể cho bạn câu chuyện của bản thân, tôi đã dùng máy sấy tóc để chữa bệnh Sốt rét cho mình vô cùng hiệu quả. Thỉnh thoảng trong đầu tôi vẫn nghĩ, không biết tại sao



Tay cầm chuột vì tính quá xa (thân mình hợp với tay phải thành một góc). Đây là nguyên nhân gây đau nhức và mỏi khớp vai, cơ cánh tay phải)



hơi nóng tác động trên cơ thể có thể giải quyết được một bệnh nhiễm ký sinh trùng. Dĩ nhiên sức nóng từ máy sấy tóc không thể là kháng sinh (tương tự như Chloroquin, Fancidar) được. Nhưng tại sao cắt được cơn Sốt rét, tại sao lại có thể chấm dứt bệnh Sốt rét??? Chỉ còn một cơ chế nữa là khi hơi nóng tác động trên cột sống, nơi xuất phát những dây thần kinh giao cảm và phó giao cảm đã làm tăng sức đề kháng của cơ thể. Nhưng tăng sức đề kháng cơ thể theo cơ chế nào thì thật là tôi không có điều kiện, trình độ để nghiên cứu cho ra lẽ. Trên thực tế tôi đã hướng dẫn vài bệnh nhân và họ cũng có được kết quả tốt như tôi. Kinh nghiệm điều trị sốt rét bằng cách dùng máy sấy tóc chưa được thực hiện trên nhiều người, nhưng vì đặc điểm đơn giản là bệnh nhân có thể tự mình áp dụng tại nhà, thu được kết quả tốt. Đồng thời hầu như không có tác dụng phụ nên tôi ghi lại đây. Có thể một lúc nào đó có ích lợi cho các bạn chăng.

Sau đây tôi xin nói rõ hơn về cách sử dụng máy sấy tóc để cắt và ngừa cơn sốt rét: Trước hết các bạn xác định 2 huyết Đại chùy và Đào đạo (ngồi thẳng lưng cúi đầu ra phía trước, dùng lòng các đầu ngón tay T đặt phía trên và giữa cột sống cổ di chuyển từ chân tóc xuống dần, khi chạm vào một chỗ lồi cao nhất ở vùng cổ thì đó là mấu gai của đốt sống cổ C7. Giữa đốt sống cổ C7 và đốt sống D1, đốt sống ngay dưới C7, là huyết Đại chùy. Giữa đốt sống ngực D1 và D2 là huyết Đào đạo. Các bạn có thể xác định sai vị trí huyết một chút nhưng khi châm kim và hơi nóng vào vẫn cắt được cơn sốt rét. Sau đó dùng kim châm cứu châm vào hai huyết trên với độ sâu 2mm (tuyệt đối không châm sâu vì bên dưới là tủy sống). Để kim châm cứu đúng độ sâu, các bạn dùng hai ngón tay cái và trở cầm kim cách đầu mũi kim 2mm rồi châm vào da rút kim ra ngay. Sau đó dùng hai ngón tay cái và trở bóp mạnh quanh vị trí vừa châm như động tác nặn mẩu. Cuối cùng là dùng máy sấy tóc hơi nóng dọc cột sống từ trên xuống dưới khoảng mười phút (chủ yếu là hơi vùng huyết Đại chùy và Đào đạo). Cảm giác sau khi hơi nóng vùng châm cứu nóng ran lên (cảm giác nóng tại chỗ này giảm dần sau ba mươi phút). Mỗi ngày có thể áp dụng từ một đến ba lần. Hy vọng máy sấy tóc không chỉ làm đẹp cho quý cô quý bà mà còn dùng để chữa bệnh cho bạn nữa.

BS Huỳnh Hải

(Trích từ quyển "Chữa bệnh bằng máy sấy tóc")

**ĐỌC, CỔ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ
BẢO CHÁNH PHÁP
LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOÀNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**

Chùm Thơ Đôi Tết

I

*Qua tết lại tết tết qua
Ra giêng tháng Chạp hăm ba bếp lò
Táo thần củi lửa ấm no
Tết đi theo nguyện, tết về nguyện đi*

II

*Tết nhứt nhì tết ba tết
Bao bạn mừng xuân đi tết lại về
Hương Nam, hương Bắc để huê
Đông, Tây, Thượng, Hạ bọn bề kiết hung*

III

*Đào mai bày biện tết,
Xuân đất khách sắc màu nhạt thêch.
Mức bánh dầy dâng xuân,
Tết ly hương âm điệu tơ chùng*

Quý Ty - 2013

thơ

Tập Đề

*Chữ nghĩa trần gian vào đêm trừ tịch
Rồng bay phượng múa, giấy đỏ mực Tàu
Chúc xuân, chúc thọ, chúc phúc sang giàu
Người qua kẻ lại, ai còn ai mất.*

*Trời đất vẫn xoay bốn mùa khí hậu
Trúc Đông, Thu cúc, lan Hạ, mai Xuân
Sĩ-nông-công-thương-ngư-tiêu-canh-mục
Tứ linh quái kiệt qui-phụng-long-lân*

*Con trống đập mái, lòng chàng ý thiếp
Kết trái đơm hoa, xuân thắm đượm nồng
Trên ngọn lửa tình cháy bỏng yêu đương
Bể khô có là... còn chi cực lạc*

*Ba trăm sáu lăm ngày là mấy chốc
Kỳ hạn một đời dầu có trăm năm
Đi đâu về đâu bước quanh bước quẩn
Ba sơ vũ trụ xuân thì nguyên xuân.*

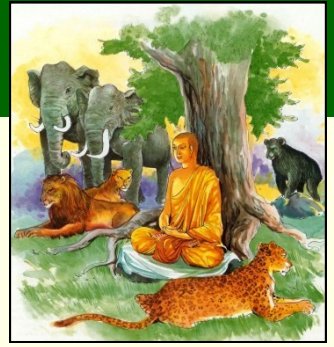
BIỂU-Ý

Irvine, Jan. 2013

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

ĐẾN CHÙA THẤY CẢNH MUỐN TU VỀ NHÀ LỊU ĐỊU CÔNG PHU KHÓ TRÒN

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*



Truyện kể rằng một hôm có một thanh niên thuộc gia đình khá giả, sống tại Xá-vệ, vào rừng tìm một con bò đực đi lạc. Cậu phải vất vả lủn lách từ bụi gai này đến lùm cây nọ mới tìm thấy nó vào lúc giữa trưa. Phần mệt mỏi, đói khát; phần nắng nóng gay gắt, cậu tự nghĩ:

- Ta nên vào chùa xin quý sư chút gì lót lòng.

Cậu đến gặp các sư, chấp tay cúi đầu chào lễ phép, và cung kính đứng sang một bên. Bấy giờ còn một ít thức ăn thừa đựng trong thố, các sư thấy cậu mỡ hoi đầm áo, mặt mày hốc hác, bèn nói:

- Trông cậu có vẻ đói và khát đấy. Còn thức ăn đó, hãy ăn đi.

Cậu thanh niên đưa hai tay lên trán xá xá rồi bê thố cơm ăn ngon lành. Ăn xong, cậu rửa tay, uống nước, và thưa:

- Bạch quý sư, hôm nay quý sư có dự lễ trai tăng?

- Không! Chúng tôi đi khát thực như thường lệ.

Cậu thanh niên liền nghĩ:

- Dù ta có ngày đêm lao tác khổ nhọc đến đâu cũng khó mà có được thực phẩm bổ dưỡng như thế này. Còn các sư thì tứ thời sung túc, ăn uống thoải mái, ngủ nghỉ thanh nhàn. Ôi, cuộc sống tu hành sao mà ung dung, thư thái thế! Ta sẽ từ bỏ lối sống thế tục, lên đường làm Sa-môn.

Sau đó cậu xin xuất gia, được Đức Thế Tôn chấp nhận và cho gia nhập Tăng đoàn. Cậu siêng năng tu tập và hoàn tất mọi nhiệm vụ của một tân Sa-môn. Và sau một thời gian sinh hoạt điều độ, tránh dãi nắng dầm mưa với ngày ngày hai buổi lùa bò vào rừng, cậu đo da thấm thịt và quắc thước hẳn ra.

Nhưng rồi cậu thầm nghĩ:

- Tại sao ta phải hành nghề khát sĩ, sống nhờ vào thực phẩm của bá tánh thập phương? Ta phải tự lực cánh sinh, phải tay làm hàm nhai mới rõ mặt anh hào.

Thế là cậu trở về nhà, tiếp tục nếp sống năm xưa. Cậu cày cuốc đào bới chỉ mấy tuần mà tay chân chai lì, mặt mày sạm nám. Sau đó cậu thì thầm:

- Khổ ơi là khổ! Tại sao ta tự

đeo gông vào cổ? Ở chùa sướng vậy không tu, về nhà thối lửa khói mù mắt luôn! Ta phải làm Sa-môn thôi.

Cậu đến chùa xin tu lại, làm thị giả quý sư, và chỉ được ít lâu thì đâm ra bất mãn, cáu gắt, rồi lén bỏ chùa trở về nhà. Nhưng ở nhà được mấy ngày thì tâm can ray rứt, bức bách khó chịu đến nỗi cậu phải thốt lên:

- Tầm thường quá! Tẻ nhạt quá! Quanh quẩn mãi cũng chỉ ngần ấy chuyện, lăm thể nhi là muôn kiếp trầm luân.

Nói xong, cậu đi thẳng đến gặp Tăng đoàn xin sám hối. Thấy cậu lễ lạy thiết tha, và nhất là đã một thời tận tình phục vụ quý sư, cậu được phép xuất gia một lần nữa. Và như thế là cậu đã liên tục vào ra giáo hội sáu lần. Các sư đưa với nhau: Sư ông dao động tâm tư, khi vui thì đến khi đi thì đi. Và cậu được cho pháp danh là Tâm Phục, sư Tâm Phục (Cittahattha).

Vì đi về như thế nên vợ cậu có thai. Lần thứ bảy, cậu mang cuốc cào từ rừng về nhà, cất chúng xong, vào phòng riêng, và ngồi ngắm nghĩ:

- Ta sẽ khoác lại y vàng. Cuộc sống thế gian sao mà nặng nề trầm nich quá!

Bấy giờ vợ cậu đang nằm ngủ sõng sượt trên giường, chỉ có một mảnh đồ lót che thân, miệng mở toang hoác, nước miếng chảy ra thành dòng, lại còn ngáy rồ rồ nghe phát tởm. Cậu thấy nàng như một xác chết sinh tương. Rồi một ý nghĩ nghiêm mật hiện ra trong đầu cậu:

- Mọi thứ trên đời đều vô thường - khổ - không - vô ngã. Vì nàng mà ta đã bao phen vào ra nơi tôn nghiêm tịnh địa, không tiếp tục được cuộc sống thiền môn.

Cậu chụp lấy chéo y vàng, vọt ra khỏi nhà, cột y quanh bụng và cầm đầu chạy một mạch đến tu viện.

Thấy chàng rẽ hành động khác thường như thế, bà mẹ vợ vào phòng, thấy con gái đang nằm tênh hênh gớm giếc mới vỡ

lẽ, bèn thầm trách:

- Phơi ra bấy hầy thể này bảo ai không gớm! Đùng là nái sề!

Bà quát:

- Dậy! Đồ thứ đàn bà thú! Thấy mấy ngừ trờ tráo như súc vật nên chổng mày ghê tởm và bỏ đi rồi.

- Cái gì! Đi đâu? Đi đâu rồi nó cũng về. Mẹ khỏi lo. Nàng vừa vụng tay vừa quát nhưng đôi mắt vẫn nhắm nghiền.

Chít-ta-ha-tha vừa chạy vừa lăm bầm:

- Vô thường! Vô thường! Tất cả đều vô thường - khổ - không - vô ngã. Và cậu chứng ngay sơ quả Tu-đà-hoàn.

Đến tu viện, cậu đánh lễ Tăng đoàn, khẩn khoản xin tu lại, nhưng các sư không chấp nhận, nói:

- Thiền môn chúng tôi không dám nhận cậu vào giáo hội nữa. Phạm việc gì cũng sự bất quá tam, đây cậu quá lục, sợ lắm! Đầu óc cậu giống như viên đá mài!

- Kính lạy Thế Tôn, kính bạch đại chúng, lần này con quyết chí tu hành, xin thương con, hu!... hu!

Thấy cậu quỳ khóc nức nở, tỏ vẻ thiết tha; và lại cậu cũng rất có tình với Đức Bổn Sư và đại chúng, nên cậu lại được Thế Tôn cho vào Tăng đoàn tu tập. Và chỉ vài hôm sau, cậu chứng quả A-la-hán với vô lượng phép màu vi diệu.

Sau đó đại chúng nhắc khéo thầy:

- Này, Chít-ta-ha-tha, chỉ có sư mới quyết định được ngày đi, ngày về đấy nhé! Kỳ này tu hành như vậy là đủ lắm rồi!

- Thưa quý tôn huynh, đệ đã bị thế trần ràng buộc. Nay đệ đã cắt đứt xích xiềng, giải thoát hệ lụy, đệ không muốn đi nữa.

Hơi ngạc nhiên, các sư đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, Chít-ta-ha-tha khẳng định là đã đoạn tuyệt dục trần, như vậy là vọng ngôn hay chánh ngữ?

- Chánh ngữ! Đức Thế Tôn đáp. Khi tâm không an định thì có đến có đi. Nay Chít-ta-ha-tha đã liễu ngộ chánh pháp, vượt qua thiện ác thì đâu còn khái niệm đi

và đến.

Nói xong, Ngài đọc kệ:

*Người tâm không an định,
Chánh pháp không liễu tri,
Tín tâm bị lung lạc,
Trí tuệ chẳng đạt gì.
Người tâm không ái dục,
Không bị sân nhuế hành,
Vượt trên mọi thiện ác
Tinh giác hết sợ quanh.
(PC. 38 -39)*

Rồi một hôm, sau thời tịnh niệm trong chánh điện, các Sa-môn bắt đầu bàn tán:

- Quý huynh đệ thấy đấy, bảy lần xuất gia hoàn tục, tham dục buộc ràng, vào ra thên thạng mà chúng thành đạo quả! Nghĩ mà tủi cho thân phận phước mỏng nghiệp dày của anh em chúng mình.

Nghe các Sa-môn nhỏ to bàn luận, Đức Thế Tôn vào chánh điện, ngồi đúng vị trí của mình, và hỏi:

- Các thầy có gì vui mà bàn tán sôi nổi vậy hè?

Rồi không đợi trả lời, Ngài tiếp:

- Đúng vậy, này các thầy Tỳ-kheo, tham dục quả thật rất nguy hại. Chúng có thể phá vỡ mọi công trình nguy nga, thánh thiện. Chúng có thể lôi kéo con người từ bệ phóng cao sang xuống tận nấc thang cơ hàn, cùng khổ. Ai có thể mô tả hết những tác hại rợn người của chúng đối với vạn loại hữu tình? Ngay chính ta đây, trong một tiền kiếp, chỉ vì nửa lon đậu giồng với một cái mai cùn mà phải sáu lần khoác áo cà-sa, về nhà thế tục.

- Hỡi nào? Bạch Thế Tôn! Các Sa-môn hỏi mà rờn ốc cá người.

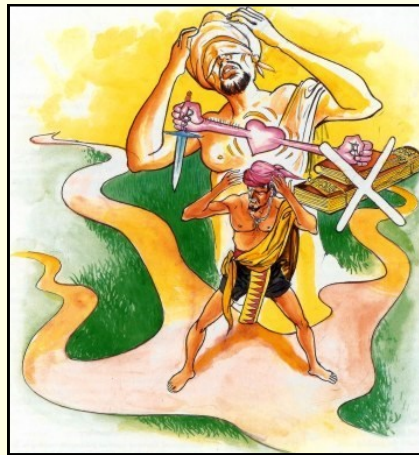
- Các thầy muốn nghe truyện này sao? vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ-kheo.

* * *

hở xưa, khi Bra-ma-đát-ta (Brahmadatta) trị vì xứ Ba-la-nại, có một nhà thông thái tên là Mai hiền giả, Ku-đa-la (Spade sage, Kuddala). Ông là một tu sĩ thuộc phái ngoại đạo, ẩn cư tám tháng trong rừng Hy-mã-lạp sơn. Vào một đêm mưa đầu mùa thoảng mát, mặt đất ẩm ướt, ông liền nghĩ:

- Ta có nửa lon đậu giồng và một cái mai cùn. Chắc đậu chưa hư.

Thế là ông quay về nhà, băm xối một lô đất nho nhỏ, gieo hết hạt đậu, và cẩn thận làm một



hàng rào bao quanh nó. Đến khi đậu chín, ông nhổ chúng lên, lật hái để dành nửa lon đậu giồng, phần còn lại cắt làm lương thực. Rồi ông lại thăm nghĩ:

- Tại sao ta phải sống cuộc đời thế tục lui đui thế này? Ta sẽ vào Hy-mã-lạp sơn tu thêm tám tháng.

Ông già từ gia môn, khoác áo thầy tu một lần nữa. Như thế đấy, chỉ vì nửa lon đậu giồng và một cái mai cùn mà ông phải bảy lần về nhà ra núi.

Đến lần thứ bảy, ông thăm nghĩ:

- Ta đã bảy lần xuất gia, rồi hoàn tục. Tất cả chỉ vì cái mai cùn quái ác này. Ta sẽ vất quách nó đi cho rồi.

Ông đi đến bờ sông Hằng, mang theo nửa lon đậu giồng và cái mai cùn. Đứng trên bờ sông, ông suy nghĩ:

- Nếu ta thấy những thứ này rơi nơi đâu thì ta buộc phải xuống sông tháo gỡ chúng ra. Chi bằng cẩn thận ném thế nào để khỏi nhìn thấy điểm rơi của chúng. Ông liền gói nửa lon đậu giồng trong một miếng vải, và cột nó vào cán mai. Sau đó ông nhắm mắt, cầm đầu cán mai quay tròn ba vòng trên không, rồi ném mạnh một cái. Ông quay lui để khỏi nhìn thấy cái mai rơi xuống sông, và ông reo lên ba lần: "Ta đã chiến thắng rồi! Ta đã chiến thắng rồi!"

Ngay lúc đó, quốc vương Ba-la-nại, từ cuộc dẹp loạn biên cương trở về, dựng trại bên bờ sông Hằng, xuống sông tắm, và nghe tiếng reo sáng khoái: "Ta đã chiến thắng rồi! Ta đã chiến thắng rồi!", tiếng reo mà xưa nay không một vua chúa nào thích lọt vào tai. Quốc vương đến gặp Chít-ta-ha-tha, gần giọng hỏi:

- Ta vừa bắt kẻ thù phủ phục dưới chân ta, và ta đã trở về

trong vinh quang hiển hách. Trong thâm tâm ta đang vang lên khúc nhạc: "Ta đã chiến thắng!" Còn người, người vừa hô to: "Ta đã chiến thắng rồi!" là nghĩa thế nào?

Mai hiền giả đáp:

- Quốc vương chinh phục đạo tặc và thổ phi bên ngoài. Chiến thắng đó rồi sẽ bị kẻ khác chiếm lại. Còn thảo dân đã chinh phục được kẻ thù bên trong, đó là tên cướp tham dục. Hẳn sẽ không bao giờ chế ngự thảo dân được nữa. Thắng được hẳn mới xứng danh là chiến thắng đích thực. Nói xong, hiền giả đọc kệ:

*Chinh phục giặc ngoại xâm,
Chưa phải là toàn thắng,
Người dứt tâm tham dục,
Là đích thị thắng nhân.*

Lúc bấy giờ hiền giả chuyên tâm trầm tư quán tưởng các yếu tố cấu tạo nước trên dòng sông Hằng, và bỗng nhiên đại ngộ. Người đứng lên, ngồi kiết già giữ hủ không, và tuyên thuyết pháp thoại. Quốc vương vô cùng kinh ngạc, định tâm lắng nghe, rồi sụp lạy tôn giả và xin làm tu sĩ. Một quốc vương khác thuộc nước láng giềng, nghe tin vua Ba-la-nại từ bỏ ngai vàng, xuất gia hành đạo, bèn nghĩ:

- Nhân cơ hội này ta sẽ tiến quân thôn tính vương quốc của hắn.

Nhưng khi đến nơi, thấy kinh thành trù phú, dân tình hiền hòa, nhà vua thăm nghĩ:

- Một quốc vương có thừa uy dũng, cai trị một nước hùng mạnh, đô thị nguy nga, quân dân hòa mục, vậy mà quyết bỏ quốc thành thế tử, phát nguyện tu hành, thật là hy hữu! Ta cũng nên theo gương ngài.

Quốc vương đến gặp tôn giả, thành tâm đánh lễ, xin ngài xuất gia và được cộng trú với đồ chúng. Tương tự như thế, bảy quốc vương lần lượt từ bỏ ngôi vua, dốc lòng đầu trần chân đất, đó đây khát thực qua ngày, và cùng với pháp lữ du hóa bốn phương. Tôn giả đã thể hiện nếp sống thánh thiện, và cuối cùng đạt đến cảnh giới Phạm thiên.

Đức Thế Tôn dừng lại trong giây lát, đảo mắt nhìn một lượt các thầy rồi mỉm cười, nói:

- Này các thầy Tỳ-kheo, như các thầy suy đoán, lúc đó ta chính là Mai hiền giả. Nên biết tham dục nguy hại như vậy.

Khóa tu học Phật Pháp Úc Châu kỳ 12 của GHPGVNTN Hải Ngoại tại UDL – TTL tổ chức tại Sydney thành tựu viên mãn

Như đã sắp đặt trước cả năm, Khóa Tu học Phật Pháp Úc Châu kỳ 12 của Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Hải Ngoại tại UDL-TTL được tổ chức tại Sydney Academy of Sport and Recreation, một trung tâm thể thao nằm trong rừng cây xanh mát dọc bờ sông thơ mộng vùng North Narrabeen, NSW. Ánh nắng sáng chan hoà chào đón 50 chư Tôn Đức Tăng Ni và hơn 600 học viên từ các tiểu bang về tu học. Các hành giả đã quen nhau từ những Khóa Tu học trước trao nhau lời chào hỏi thân thiện, và không quên chào mừng các học viên mới dự lần đầu tiên. Thật vui mừng khi được cung nghinh chư Tôn Đức đã gác qua Phật sự nơi bốn bề về chứng minh giảng huấn cho khóa học.

Khóa Tu Học được bắt đầu từ một phiên họp vào chiều 27-12-2012 diễn ra tại Thiền Đường Chùa Pháp Bảo. Buổi họp bàn thảo phân ban điều hành, cung cử chư Tăng Ni đảm nhiệm phần vụ điều hành khóa học đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ trong sự hòa hợp hoan hỷ.

Bảy giờ sáng hôm sau là ngày khai giảng khóa tu học, từ Chùa Pháp Bảo và các chùa khác ở Sydney, 8 chiếc xe bus đã đưa Chư Tôn Đức và quý Phật tử về Narrabeen, địa điểm nơi diễn ra khóa tu học.

Sau khi ổn định mọi việc, quý Phật tử tập trung về hội trường chính để dự lễ khai mạc. Đúng 10am ngày 28-12-2012, ba hồi chuông trống Bát nhã vang lên để báo hiệu giờ phút khai mạc bắt đầu, quý Thầy trong Ban Tổ Chức cùng đại diện học viên đã thành tâm cung nghinh Chư Tôn Đức quang lâm hội trường, nơi đó một ngôi Chánh Điện tạm, được ĐĐ Thông Tuệ và Ban Trang Trí tôn tạo một cảnh trí trang nghiêm, mang thuần sắc văn hóa Việt, gợi nhớ quê hương. Cổng Tam quan với mái tranh bên cạnh khóm trúc, phía dưới rải rác vài bụi cúc vàng, đôi nhành lúa trĩu hạt, vài lá sen ở ven bờ. Tôn tượng Đức Bổn Sư uy nghiêm từ ái ngự giữa ngôi chùa làng với mái tranh, khóm trúc, bờ tre. Tất cả tuy đơn sơ nhưng đượm tình quê hương, đạo vị.

TT Nguyên Tạng và ĐĐ Viên Tịnh phụ trách điều hợp lễ khai mạc đã giới thiệu 50 chư Tôn Đức Tăng Ni về chứng minh, giảng dạy cho khóa tu học. Tiếp đó là diễn văn khai mạc của Trưởng Ban Tổ Chức, ĐĐ Phổ Huân, Đại Đức đã ngỏ lời niệm ơn chư Tôn Đức về tham dự và giảng dạy cũng như chào mừng 648 Phật tử trên toàn liên bang Úc và Tân Tây Lan về tham dự khóa tu học. Trong diễn văn có đoạn viết: "Ngày nay thế kỷ 21, khởi nguồn cho nền văn minh tinh vi huyền thuật; vì phát minh của con người gần như vượt lên cả ý thức con người mong đợi, bằng những kết quả thần kỳ quá sức tưởng tượng. Và chính điều đó lại vô tình củng cố giáo lý Như Lai là chân lý, điều này đúng với suy nghĩ của nhà học giả Henri Percheron đã viết: "Giáo lý Phật hiện nay đang lan tràn cõi trời Tây, và lạ thay, kẻ đồng minh lớn nhất của giáo lý đó lại chính là khoa học..." Thế thì trong đời sống văn minh và

hoàn cảnh vật chất cực thịnh như hôm nay, sự học hiểu giáo lý giải thoát là điều tối yếu, nếu không thì hiện tượng xung quanh và đối tượng của con người như từ xưa đến nay, tất cả vẫn là nhân duyên sinh diệt, nhưng nhân duyên sinh diệt đó chỉ quay hoặ trong cõi luân hồi đau khổ, và cái khổ mê mờ vẫn tiếp tục chuyển lưu. Như thế cơ hội học Phật, nhân duyên giải thoát phải được truy tìm, phải được tạo lập, để trước hết tự cứu mình thoát khổ, sau giúp người giải thoát. Lục địa Úc Châu nơi đây có gần 300.000 người Việt ly hương, nếu so với người Việt ở Châu Âu, Châu Mỹ, thì con số ở Úc chỉ hơn 10 phần trăm; lại tính số người Phật tử theo tỷ lệ đó thì càng quá ít. Tuy nhiên hình ảnh khóa học ngày hôm nay, vẫn đáng lạc quan vui mừng, có thể tạo được nhân duyên gây niềm Chánh tín phổ quát mạnh mẽ hơn. Đương nhiên ai cũng hiểu hiện tượng học Phật, hay học bất cứ việc gì đều phải cần chất lượng nội dung, chứ không chỉ là số đông hình thức; do đó sự duy trì thực hành hiệu đạo phải là tự mỗi cá nhân. Và cứ nhiều cá nhân tinh tấn học Phật, sẽ tạo thành một cộng đồng đại chúng, giữ vững giáo lý Giải Thoát đến nhiều thế hệ sau".

Tiếp theo, TT Giác Tín, Trưởng Ban Thư Ký báo cáo tổng số Phật tử học viên tham dự khóa tu học kỳ 12 này là 648 vị, bao gồm: Chùa Pháp Bảo: 198 học viên; Tu Viện Quảng Đức: 81; Chùa Bảo Minh: 41; Chùa Pháp Hoa: 45; Thiền Viện Minh Quang: 44; Tu Viện Vạn Hạnh: 23; Chùa Báo Ân: 27; Tu Viện Kim Cang: 10; Chùa Huyền Quang: 30; Chùa Giác Hoàng: 20; Chùa Trúc Lâm: 30; Chùa Minh Giác: 6; Tu viện Nguyên Thiều: 12; Tu viện Minh Giác: 48; Chùa Diệu Âm: 12; Chùa Giác Nhiên: 7; Chùa Huệ Quang: 2; Chùa Pháp Quang: 8; Chùa Quán Âm: 4.

HT.Thích Bảo Lạc công bố Ban Điều Hành Khóa Tu Học năm nay: *Chứng Minh*: HT Thích Huyền Tôn, HT Thích Như Huệ, HT Thích Bảo Lạc; *Ban Giáo Thọ*: HT Thích Bảo Lạc, HT Thích Quảng Ba, HT Thích Minh Hiếu; *Ban Giảng Huấn*: ĐĐ Thích Bảo Lạc, HT Thích Quảng Ba, HT Thích Như Điển, HT Thích Minh Hiếu, TT Thích Nhật Tân, TT. Thích Nguyên Trực, TT.Thích Tâm Minh, TT Thích Như Định, TT Thích Tâm Phương, TT Thích Thiện Hiền, TT Thích Phổ Hường, TT Thích Nguyên Tạng, TT Thích Giác Tín, TT Thích Đạo Thông, ĐĐ Thích Đạo Hiên, ĐĐ Thích Nhuận Chơn, ĐĐ Thích Viên Trí, ĐĐ Thích Hạnh Trí, ĐĐ Thích Viên Tịnh, ĐĐ Thích Đồng Thanh, ĐĐ Thích Phổ Huân, ĐĐ Thích Thông Hiếu, NS Thích Nữ Tâm Lạc, NS Thích Nữ Như Tuyết, NS Thích Nữ Viên Thông, SC Thích Nữ Giác Anh; *Phụ trách lớp Thanh Thiếu Niên (Song ngữ)*: HT Thích Quảng Ba, TT Thích Nguyên Tạng, ĐĐ Thích Viên Trí, ĐĐ Thích Hạnh Trí, ĐĐ Thích Đạo Hiên, ĐĐ Thích Phổ Huân, SC Thích Nữ Giác Anh, Đh. Thiện Chơn; *Ban Giám Thị*: TT Thích Tâm Minh, TT Thích Giác Tín, ĐĐ Thích Đạo Hiên, ĐĐ Thích Nhuận Chơn, NS Thích Nữ Tâm Lạc, NS Thích Nữ Viên Thông; *Ban*



Xướng Ngôn: TT Thích Nguyên Tạng, ĐĐ Thích Viên Tịnh. **Ban Tổ Chức:** *Trưởng Ban:* ĐĐ Thích Phổ Huân. *Ban Thư Ký - Hành Chánh:* TT Thích Giác Tín, SC Thích Nữ Giác Anh, Đh Diệu Hòa, Đh Diệu Anh, Đh Hải Hạnh, Đh Giác Định, Đh. Quảng Thanh, Đh Tâm Quang, Đh. Nguyễn Thiện Bảo. *Ban Cư Trú:* TT Thích Thiện Hiền, ĐĐ Thích Hạnh Phước, SC Thích Nữ Giác Anh, Đh Quảng Hiền, Đh Quảng Trí, Đh Mỹ Phong, Đh Bích Phương... *Ban Thủ Quỹ:* Ni Sư Thích Nữ Viên Thông, Sư Cô Thích Nữ Giác Anh, Đh Tâm Huệ, Đh Diệu Yên, Đh Đức Phương... *Ban Quản Chúng:* TT Thích Thiện Hiền, *Trưởng Chúng Nam Phật tử:* Đh Quảng Quang. *Trưởng Chúng Nữ Phật Tử:* Đh Tâm Uyên, Đh Nguyễn Như, *Ban Hướng Dẫn Thanh Thiếu Niên:* Trưởng Ban Huỳnh Trưởng Thiện Chơn, Htr Thiện Hiền, Htr Chúc Đạm; *Ban Nghi Lễ:* ĐĐ Thích Nhuận Chơn, ĐĐ Thích Đồng Thanh, ĐĐ Thích Viên Trí, ĐĐ Thích Viên Tịnh. *Ban Văn Chuyển:* Trưởng Ban ĐĐ Thích Hạnh Tri, ĐĐ Thích Hạnh Tịnh, Đh Giác Tâm, Đh Nguyễn Ngô, Đh Đồng Từ Tâm, Đh Giác Thành, Đh Chúc Hưng. *Ban Trang Trí - Trần Thiết:* Trưởng Ban ĐĐ Thích Thông Tuệ, ĐĐ Thích Hạnh Phát, ĐĐ Thích Nghiênn Tịnh, ĐĐ Thích Giác Thuần, Sư Cô Thích Nữ Huệ Khiết, SC Thích Nữ Như Như,... *Ban Trai Soạn:* Đh Thiện Minh & Phật Tử Chùa Pháp Bảo; *Ban Hành Đường:* Trưởng Ban: SC Thích Nữ Huệ Khiết, SC Thích Nữ Như Như và Phật tử tham dự khóa tu học; *Ban Hiệu Lệnh:* ĐĐ Thích Phổ Tấn; *Ban Hướng Dẫn:* SC Thích Nữ Chơn Ngử, SC Thích Nữ Giác Duyên; *Ban Âm Thanh - Ánh Sáng:* Đh Chúc Tư, Đh Chúc Nhân, Đh Quảng Pháp Đăng, Đh Thanh Tín; *Ban Y Tế:* Bác Sỹ Chúc Hân, Chúc Mân, Nhân viên y tế của Trại; *Ban Quay Phim - Nhiếp Ảnh:* TT Thích Nguyên Tạng, TT Thích Giác Tín, Đh Thiện Hưng, Đh Giác Thiện Duyên, Đh Nguyễn Nhật Khánh; *Ban Văn Nghệ Thiền Trà:* ĐĐ Thích Đồng Thanh, ĐĐ Thích Thông Tuệ, Đh Quảng Tịnh, Đh Giác Quý; *Ban Thị Giả:* ĐĐ Thích Hạnh Phát, ĐĐ Thích Viên Từ, Ni Cô Đạo Trang, Ni Cô Đạo Hiểu, Đh Thanh Phi, Đh Quảng Hương; *Ban Trà Nước:* Đh Minh Thành, Đh Nhật Thuần; *Ban Vệ Sinh Môi Trường:* Đh Steve Lowe Nguyễn Thiện Bảo và Học viên Khóa Tu Học Kỳ 12.

Tiếp đó HT Quảng Ba thay mặt Ban Giáo Thọ, công bố chương trình tu học và thành phần ban giảng huấn phụ trách từng chủ đề giáo lý. Đây là phần quan trọng để khóa học có thể nhịp nhàng hoạt động và thành tựu như ý muốn. HT Quảng Ba cho biết học viên sẽ được học và thi trắc nghiệm về các đề tài sau: 1. Thập Thiện Giới (ĐĐ Đạo Hiển & ĐĐ Viên Trí); 2. Bồ Tát Giới tại gia (ĐĐ Viên Tịnh & ĐĐ Phổ Huân); 3. Quy Y Tam Bảo & các bài kệ truyền thừa (HT Minh Hiểu, TT Nhật Tân & TT Giác Tín); 4. Người Phật tử và vấn đề Hôn nhân khác tôn giáo (HT Như Điển & TT Nguyên Tạng); 5. Chánh tín & Mê tín (ĐĐ Nhuận Chơn & ĐĐ Đồng Thanh); 6. Chết & Tái Sanh (TT Tâm Minh & ĐĐ Hạnh Tri); 7. Thiên Đàng và Cõi Tịnh Độ (HT

Quảng Ba & TT Đạo Thông). Về Lớp Thiếu Nhi có 9 buổi giảng, bao gồm: 1. *What is Buddhism* (ĐĐ Đạo Hiển); 2. *Basic Buddhist Concepts* (ĐĐ Phổ Huân); 4. *Karma* (ĐĐ Viên Trí); 3. *Buddhism and The God Idea* (ĐĐ Hạnh Tri); 5. *The Five Precepts* (HT Quảng Ba); 6. *Death & Rebirth* (TT Nguyên Tạng); 7. *Wisdom and Compassion* (SC Giác Anh); 8. *Good luck and Fate* - (HT Quảng Ba).

Phần tiếp theo là TT Thiện Hiền cho biết giờ giã và hiệu lệnh cho toàn khóa học. TT Tâm Minh tuyên đọc nội quy khóa học để đem lại sự an hòa thanh tịnh cho toàn thể hành giả tham dự khóa tu. Đến lúc HT Hội chủ Thích Như Huệ ban huấn từ, Ngài tán thán và khuyến tấn chư hành giả tận dụng 5 ngày tu học ngắn ngủi để làm lợi mình lợi người. Ngài nhắc nhở tầm quan trọng của Tín Tâm. Sau đó HT Chứng Minh, Tăng Giáo Trưởng Thích Huyền Tôn ban đạo từ, Ngài cũng khen ngợi các hành giả về tham dự khóa tu và khuyên người niệm Phật: "*Lục tự Di Đà vô biệt niệm, Bất lao dân chỉ đạo Tây phương*". Kể đến, chư Tôn Đức và toàn thể hành giả hướng về Đức Phật để khai kinh cho khóa học. Bát Nhã Tâm Kinh tuy ngắn ngủi nhưng hàm ý sâu xa vang vọng giữa núi rừng. Không thể thiếu phần chụp hình lưu niệm để khuyến tấn các hành giả tham dự khóa này và khóa sau.

Trời đã trưa, nắng đã lên cao, chư Tôn Đức và các hành giả lớn tuổi được xe đưa đến trại đường để dự buổi thọ trai đầu tiên của khóa học. Hơn 700 hành giả được chư Tôn Đức hướng dẫn thọ trai trong yên lặng và chánh niệm. Ngay cả việc bước ra khỏi trại đường cũng diễn ra trong yên lặng và trật tự, chứng tỏ nỗ lực đáng quý của Ban Tổ chức, đặc biệt là Ban Trai soạn và Ban Hành đường. Sau giờ chỉ tịnh, các hành giả tề tựu về Chánh điện để nghe hai vị Trưởng lão Hòa thượng khai thị mở đầu khóa học.

Buổi học đầu tiên của khóa tu: 2.30 pm (28-12-2012): Sau phần niệm tôn hiệu Đức Bổn Sư cầu gia bị, TT Tâm Phương giới thiệu nhị vị Trưởng lão Hòa thượng khai thị. Mở đầu là phần khai thị của HT Hội chủ Thích Như Huệ. HT giải thích rõ khai thị là mở bày phương pháp để học hành giáo lý của Đức Phật, hướng dẫn trở về với nội tâm và tu học tinh tấn nhằm thoát khổ an vui. HT giảng rõ trình tự Văn Tư Tu, nhắc nhở tất cả pháp đều vô thường vô ngã và nêu rõ luật nhân quả. HT khuyến tấn chư hành giả tu hành hầu thoát khổ, thoát sanh tử, thoát luân hồi.

Kế tiếp là phần khai thị của HT Chứng minh Thích Huyền Tôn. HT nhắc nhở Phật tử vững lòng tin Phật, cố gắng niệm Phật, nếu không vắng sanh Tịnh độ cũng được Đức Phật Di Lặc độ trong kiếp vị lai. Hành giả tu Phật thì không khổ vui theo lời khen tiếng chê; diệt tham sân si bằng cách hành trì bố thí, nhẫn nhục, định tâm.

Một giờ trôi qua nhanh chóng. Đúng 3.30 pm, các thanh thiếu niên rời Chánh điện theo sự hướng dẫn của HT Quảng Ba học bài *Five Precepts*. Các học viên còn lại dự bài pháp thoại đầu tiên do ĐĐ Viên Trí và ĐĐ Đạo Thông phụ trách, đề tài là *Thập*



Thiền giới. ĐĐ Đạo Hiến nêu rõ Kinh Thập Thiện được Đức Phật thuyết giảng tại Long cung Ta-kiết-la, gồm 10 điều thiện hướng về Chánh đạo. ĐĐ Đạo Hiến giảng rõ 3 nghiệp thiện của thân, 4 nghiệp thiện của khẩu, và ĐĐ Viên Trí nói về 3 nghiệp thiện của ý. Quý Thầy cũng nêu rõ các công đức ích lợi khi thực hành từng nghiệp thiện đem lại an lạc trong cuộc sống hằng ngày.

Giờ vắng thực đã đến, Quý Thầy và các học viên lại được xe đưa đến trai đường, khỏi leo dốc nhọc mệt. Thật khó quên công đức vô lượng của quý vị trong Ban Vận chuyển và Ban Trai soạn gồm các đạo hữu Thiện Minh, Huệ Đức, Thanh Tín, Thiện Đăng, Quảng Pháp Đăng, Thanh Vương, Thanh Lý, Thanh Độ, Thanh Tấn, Thanh Quang, Thanh Triệu, Tâm Châu, Thanh Hóa, Thanh Định, Thanh Ngộ, Chúc Tư và Trọng Nghĩa.

Buổi học thứ hai của khóa tu: 8 pm (28-12): Hoàng hôn dần buông xuống. Trong khi các em thiếu nhi học bài *Death and Rebirth* với TT Nguyên Tạng; ĐĐ Viên Tịnh và ĐĐ Phổ Huân chia sẻ đề tài *Bồ-tát giới tại gia* cùng các học viên. Quý Thầy nhấn mạnh tinh thần của Bồ-tát đạo: Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật. Giới không phải là ràng buộc mà là phòng hộ, bảo hộ tâm an toàn, không cho giấc phiền não nhiễu loạn. Điểm đặc biệt là chỉ có Bắc Tông mới nêu rõ Bồ-tát giới. Tinh thần Bồ-tát giới là xả ngã, dẫn thân để đem lại niềm an lạc cho mọi người, mọi loài.

Sau một đêm an lành giữa núi rừng Narra-been, mới sáng tinh mơ các học viên đã nô nức hướng bước về Chánh điện để dự thời công phu sáng ngày thứ hai của khóa tu (29-12-2012). Có lẽ là lần đầu tiên vùng đất Nam bán cầu này được nghe những lời mẫu nhiệm của thần chú Lăng Nghiêm và Đại Bi do hơn 700 hành giả trì tụng. Lời Khai thị đầu tiên của khóa tu, sau thời công phu sáng, TT Nguyên Tạng cung thỉnh HT Hội chủ khai thị để cho hành giả dùng làm kim chỉ nam trên con đường tu học tâm linh. HT Hội chủ nhắc lại hành trạng của Đức Bổn Sư từ khi còn là Thái tử cho đến khi vì thương chúng sanh mà xả bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để dẫn thân vào núi, khổ hạnh tìm phương cứu độ chúng sanh. Sau khi Thành Đạo, Ngài phổ biến con đường giải thoát hầu cho mọi loài cũng được chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác như Ngài. Để báo ân Phật, hành giả nên tu hành theo Giáo Pháp của Ngài sao cho dòng suối Từ Bi dập tắt tâm độc ác của chúng sanh trên toàn thế giới. HT Hội chủ cũng tưởng niệm và nhắc lại hành trạng của HT Hộ Giác (1928-2012), một vị long tượng trong Phật Giáo Việt Nam thời cận đại. Sau lời khai thị của HT Hội chủ, chư Tôn Đức Tăng Ni trong sắc y vàng thánh thiện cùng đoàn Phật tử

trong màu áo lam thanh thoát cất bước thiền hành khoan thai trong ánh nắng mai nhuộm vàng núi rừng xanh biếc.

Trong giờ tảo thực, các học viên hoan hỷ nghe được lời khen của nhân viên quản trại người Úc vì tài sắp xếp khéo léo cho hơn 700 học viên trong phòng ăn chỉ có thể chứa 250 người, nhất là kỷ luật oai nghi ngồi ăn trong yên lặng chánh niệm.

Đến 9am, trong khi lớp thiếu nhi học đề tài *Karma* do ĐĐ Viên Trí phụ trách, các học viên dự buổi Hội thảo Phật Pháp đầu tiên do HT Quảng Ba, TT Tâm Minh, TT Giác Tín, ĐĐ Nhuận Chơn, ĐĐ Viên Tịnh, Ni Sư Như Tuyết và Ni Sư Viên Thông chủ trì. Trong 150 phút ngắn ngủi, 45 câu hỏi về giáo lý căn bản cũng như tình hình Phật giáo Việt Nam thời hiện đại đã được giải đáp thỏa đáng. HT Quảng Ba nhắc nhở Phật Pháp là bất định pháp, tuy sở hành và quan niệm có khác nhau, nhưng không loại bỏ nhau mà bổ sung cho nhau.

Một lần nữa các hành giả tề tựu về trai đường để dự buổi quá đường đầu tiên của khóa tu. Quý vị học viên được quý Thầy tận tình chỉ dẫn cách cử bát, bắt ấn Tam sơn và ấn Kiết tường. Buổi thọ trai của hàng trăm hành giả diễn ra trong yên lặng và chánh niệm, làm người địa phương vừa ngạc nhiên lẫn thán phục. Sau khóa lễ cầu nguyện là buổi học giáo lý.

Buổi học thứ ba của khóa tu: 3.30 pm, trong khi lớp thiếu nhi tìm hiểu về *What is Buddhism* với ĐĐ Đạo Hiến; quý HT Minh Hiếu, TT Nhật Tân và TT Giác Tín thuyết giảng đề tài *Quy y Tam Bảo và các bài kệ truyền thừa*. Mở đầu, HT Minh Hiếu định nghĩa thế nào là người Phật tử và giải thích nên quy y với Phật nguyên tích cực sao cho tự mình tìm được con đường giải thoát giác ngộ. Sau đó, TT Giác Tín tuyên đọc những bài kệ truyền thừa của các dòng Lâm Tế tại Việt Nam. TT Nhật Tân tiếp lời nói về những đặc thù của Phật giáo Việt Nam, gồm dòng Tào Động ở miền Bắc, và Lâm Tế ở miền Trung và miền Nam. Vào thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam không những chỉ có hệ Bắc tông mà còn có hệ Khất sĩ, hệ Nam tông phát triển dung thông. Biết về Phật sử để đồng hành bước trên con đường Chánh Pháp, gánh vác Đạo Pháp với Tâm kim cương, ý chí kim cương, và hành động lời nói như sư tử hống, làm rạng ngời Phật giáo Việt Nam. Sau thời vắng thực với tổ phở dưỡng tình đạo vị, hành giả lại hăng hái tề tựu về giảng đường để dự buổi học hứa hẹn nhiều hào hứng.

Buổi học thứ tư của khóa tu: 8 pm, trong khi HT Quảng Ba hướng dẫn các em thiếu nhi về *Good Luck and Fate*, HT Như Điển và TT Nguyên Tạng trình bày đề tài *Người Phật tử và vấn đề hôn nhân dị giáo*. Sau khi định nghĩa thế nào là người Phật tử, TT Nguyên Tạng diễn tả đời sống hôn nhân dưới cái nhìn của nhà Phật: là duyên nợ, oan trái, vui ít khổ nhiều. Nếu người Phật tử kết hôn với người ngoại đạo, thì cuộc sống hôn nhân đó phải được xây dựng và xác lập trên sự hiểu biết, yêu thương, cảm thông, tôn trọng và bình đẳng giữa hai người, không ai hơn ai, không ai được ép buộc ai phải bỏ đạo, phải cải đạo theo về phía của mình. Nếu cuộc hôn nhân bị ép buộc về niềm tin tôn giáo, sớm muộn gì cũng sẽ gây đổ. HT Như Điển nêu ra những câu chuyện điển hình làm buổi học thêm phần hào hứng, nhất là khi HT đã mời 5 Phật tử học viên vốn từng là tín hữu Thiên Chúa Giáo, nay trở thành người Phật tử, kể lại những kinh nghiệm thực tế từ đời sống khác tôn giáo của họ.

Thấm thoát đã đến ngày thứ ba của khóa tu (30-12-2012). Trời mưa nhẹ nhẹ, nhưng không ngăn được các hành giả vẫn tập về Chánh điện để dự thời công phu sáng. HT Quảng Ba nói lên lời tâm sự hơn là khai thị, HT giải bày chí nguyện về đạo pháp và dân tộc. Tu học để giải thoát, thăng hoa tâm linh, tiến đường giác ngộ chỉ là một phần; một phần nữa là trách nhiệm to lớn của người con Phật nặng tình dân tộc, nặng lòng đạo pháp, hỗ trợ công tác Giáo hội dắt dẫn đoàn kết gắn bó tứ chúng nơi Úc châu này.

Buổi Hội thảo Phật Pháp thứ hai: 9 am: buổi Hội thảo Phật Pháp thứ hai được HT Như Điển, TT Nhật Tân, TT Nguyên Tạng, ĐĐ Đồng Thanh, ĐĐ Phổ Huân, ĐĐ Đạo Hiên, Ni Sư Tâm Lạc, Sư Cô Thảo Liên và đạo hữu Lâm Như Tạng chủ trì. Gần 50 câu hỏi về kinh điển, hành trì cũng như quê hương và đạo pháp đã được quý Thầy Cô tận tình giải đáp.

Sau thời thọ trai và khóa lễ cầu nguyện là buổi học giáo lý. Buổi học thứ năm của khóa tu: 3.30 pm, một lần nữa ĐĐ Đồng Thanh và ĐĐ Nhuận dẫn đến cùng học viên với đề tài *Mê tín và Chánh tín*. Mở đầu, ĐĐ Nhuận Chơn dẫn Kinh Tăng Chi Bộ để định nghĩa phân biệt thế nào là mê tín và thế nào là chánh tín. Kế đến, ĐĐ Đồng Thanh nêu lên những nghi lễ dân gian không mang tính cách Phật giáo. Quý Thầy biến minh phương tiện và cứu cánh để khuyên Phật tử nên cảm nhận chân chánh để giữ lại viên ngọc Chánh Pháp tròn đầy hầu đem lại an lạc hạnh phúc cho mình cho người. Sau thời vắng thực với tô mì thanh lương và chén chè đậu đỏ ngọt ngào, các học viên lại nô nức về hội trường để dự thời pháp thoại không kém phần hấp dẫn.

Buổi học thứ sáu của khóa tu: 8 pm: TT Tâm Minh và ĐĐ Hạnh Tri dắt dẫn học viên từ hồi hộp này sang hồi hộp khác với đề tài *Chết và tái sinh*. TT Tâm Minh cho biết chết là điều chắc chắn xảy ra nên người con Phật không có gì phải sợ hãi và nên chuẩn bị tư lương cho chuyến đi xa này. ĐĐ Hạnh Tri nhấn mạnh tầm quan trọng của cận tử nghiệp. Quý Thầy phân tích từng giai đoạn của quá trình chết và hướng dẫn Phật tử nên tu tập như thế nào để có thể chết nhẹ nhàng và tái sanh vào cõi lành.

Hôm nay, ngày thứ tư của khóa tu (31-12-2012) là một ngày đặc biệt vì là ngày cuối năm. Trăng 19 còn vằng vặc trên bầu trời trong xanh. Tiếng tri Lăng Nghiêm trầm hùng vang từ Chánh điện lan rộng ra núi rừng Đông Úc. HT Bảo Lạc khai thị sau thời công phu, đã nêu lên ý nghĩa đặc biệt của ngày cuối năm, cũng chính là ngày niệm ân. Tất cả các thành viên trong khóa tu nên trân trọng quý tiếc những giờ phút gần nhau để kết đạo tình với pháp lữ huynh đệ trên lộ trình tìm chân diện

mục. HT cũng nhắc lại năm 2013 sẽ là dấu ấn lịch sử 50 năm Bồ-tát Thích Quảng Đức xả thân vì Đạo pháp, để cho Phật giáo trường tồn, phụng sự chúng sanh, hộ trì Chánh pháp.

Nắng đẹp trời trong, chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng trăm Phật tử nhẹ bước thiền hành trên con đường quanh đất trại. Các nhiếp ảnh gia lại tự biến thành vận động viên chạy bộ để ghi lại những hình ảnh của khóa tu. Buổi tảo thực trang nghiêm với chén cháo sáng bổ dưỡng gợi lên biết bao cố gắng nỗ lực của Ban Trại soạn và Ban Hành đường.

Buổi Hội thảo Phật Pháp cuối cùng của khóa tu: 9 am, được sự chủ trì của HT Bảo Lạc, HT Minh Hiếu, TT Nguyên Trục, TT Phổ Hường, TT Đạo Thông, ĐĐ Viên Trí, ĐĐ Hạnh Tri và Sư Cô Chơn Ngự. Trên 100 câu hỏi được đặt ra, và 53 câu hỏi về giáo lý cũng như thực hành đã được giải quyết. Một lần nữa các học viên lại dự buổi quá đường cuối cùng của khóa tu trong không khí trang nghiêm thanh tịnh của chốn thiền môn. Vì để dành giờ cho buổi thi cuối khóa và đêm thiền trà, nên không có khóa lễ cầu nguyện hàng ngày.

Buổi học cuối cùng của khóa tu: 2.30 pm, buổi học cuối cùng được HT Quảng Ba và TT Đạo Thông phụ trách với đề tài *Thiền đàn và cõi Tịnh Độ*. HT Quảng Ba sơ lược về các niềm tin độc thần và đa thần trên quả địa cầu này. Kế đó, TT Đạo Thông nêu rõ y báo và chánh báo của cõi Tịnh Độ theo Kinh A Di Đà, cũng như điều kiện Tín Nguyện Hạnh để được vãng sanh về cõi Tịnh. TT cũng trích dẫn những lời dạy của các Đại Sư tiền dương pháp môn niệm Phật. Buổi học kết thúc bằng phần giải đáp thắc mắc do HT Quảng Ba phụ trách.

Sự việc gì rồi cũng đến hồi kết thúc, chắc chắn ai cũng nhớ đến đêm cuối cùng trên đất trại, một đêm sôi nổi và trầm lắng qua buổi Thiền trà văn nghệ, do sự sắp xếp tài tình của ĐĐ Đồng Thanh cùng Đh Quảng Tịnh & Đh Giác Quý, đã làm cho chương trình *"Đêm văn nghệ cuối khóa"* mãi mãi khắc ghi vào lòng người xem, với những bản hợp ca hào hùng, những bài đơn ca thẩm tình đạo vị, những màn ca vũ của các em thiếu nhi, đặc biệt là hài kịch *Lan và Diệp* nhiều tập được tiếp diễn trong các khóa tu học.

Dù có luyến tiếc, nhưng cái gì đến đã đến, những gì tốt đẹp nhất của khóa tu sẽ chỉ là những kỷ niệm đẹp còn đọng lại trong lòng học viên. Lễ bế mạc đã diễn ra ở Hội Trường chính vào lúc 9 giờ sáng ngày 1-1-2013, điều hợp chương trình lễ văn là TT Nguyên Tạng & ĐĐ Viên Tịnh. Sau phần niệm Phật cầu gia bị là lời tuyên bố bế mạc của ĐĐ Phó Trưởng Ban Tổ chức Thích Hạnh Tri, ĐĐ đã nói: *"Khóa tu học Phật Pháp Úc châu kỳ thứ 12 được tổ chức tại vùng Narrabeen, từ ngày 28/12 đến ngày 1/1/2013 đã thành tựu viên mãn. Dưới sự điều hành, hướng dẫn và giảng dạy của chư Tôn Đức Tăng Ni, các học viên đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Những thành quả này, đã thể hiện trên những khuôn mặt rạng ngời của quý vị hôm nay. Trong suốt những ngày qua, hương vị ngọt ngào của núi đồi, sông nước nơi đây đã làm cho tâm hồn toàn thể học viên như hòa quyện với thiên nhiên cây cỏ. Trong suốt những ngày qua, pháp âm hùng hồn của chư Tôn Thiên Đức đã đưa tâm thức của những cùng tử lang thang trở về với cội nguồn chân tánh. Tin chắc rằng, với những pháp hỷ này sẽ mãi mãi theo cùng các học viên trên con đường tìm đến chân-thiện-mỹ."*



ĐĐ Trưởng Ban Tổ Chức Thích Phổ Huân trong dịp này đã ngỏ lời thành kính tri ân, cảm niệm ân đức của Chư Tôn Đức Tăng Ni đã từ bi quang lâm chứng minh tham dự, giảng dạy KTHPP năm nay từ 28/12/2012 đến 1/1/2013. Thầy nói thêm: " *Riêng hàng quý Phật tử, chúng tôi xin chân thành tán thán kính mộ, quý vị đã không những là những vị hành giả sơ phát tâm học Phật, mà còn phát khởi Bồ Đề Tâm, âm thầm hoặc dẫn thân hộ trì Tam Bảo. Trong số quý Phật tử hôm nay chúng tôi chắc chắn rằng không thể không có những vị học giả Phật học khiêm hạ dấu mình, và các hành giả khiêm cung vô ngã. Tinh thần học Phật của chư vị chính là tác nhân cho tương lai Phật pháp ở Úc sớm đơm hoa giải thoát, góp phần xây dựng Phật hóa nhân gian. Cũng như toàn thể quý học viên có mặt trong gần 5 ngày tu học, đã gây ảnh hưởng rất nhiều cho sự vươn lên của Phật Giáo nói riêng tại Úc và nói chung tại hải ngoại. BTC chúng tôi xin được cảm niệm công đức thiện tâm vì Chánh Pháp của chư vị. Sau cùng chúng con xin kính lời tri ân cảm niệm chư Tôn Đức cố vấn: HT Phương Trượng chùa Pháp Bảo và TT Thích Tâm Minh chùa Trúc Lâm, Thầy dù không chính thức trên văn bản cố vấn cho BTC nhưng đã hết lòng hoan hỷ chia sẻ và cố vấn trong suốt thời gian từ lúc quan sát tìm hiểu Trại đến nay. TT Thiện Hiền đã bỏ hết tâm lực để sắp xếp ổn định việc nghỉ ngơi cho hết thảy số người gần 700 vị, dù chắc chắn không tránh được khuyết điểm nhưng vẫn phải nói rằng Thầy đã khéo léo vượt qua một bộ phận để bị phê bình nhất, BTC kính xin tri ân Thầy. Và TT Giác Tín đã làm cho BTC chúc an lòng vững tâm trong Ban thư ký hành chánh. ĐĐ Hạnh Tri đã giúp BTC chúc vui đi gánh nặng làm sao vận chuyển đưa đón một lượng người quá đông tập trung cùng một lúc, một nơi. Riêng ĐĐ Thông Tuệ cùng ban Trần Thiệt Tu Viện Minh Giác, với tài nghệ khéo léo, đã biến hóa từ một hội trường thể thao trở thành một điện Phật trang nghiêm, và một hoạt cảnh quê hương thuần văn hóa Việt. Ni sư Huệ Khiết ngoài việc hành đường đã hoan hỷ tận tâm cúng dường vật dụng cho Khóa Học. Cuối cùng quý Thầy cô Chùa Pháp Bảo, đặc biệt là sư cô Giác Anh, đã bỏ hết tâm lực cùng với chúng tôi, ngay từ lúc ban đầu tìm Trại cho đến hôm nay, và sẽ tiếp tục hoàn tất thủ tục hành chánh khi rời Trại. Cuối cùng và tuyệt đối xin thành tâm tri ân cảm niệm công đức hết thảy quý chú, quý anh công quả trần thiết, quý cô, quý chị trong Ban Hành Chánh, Thư Ký, Thủ quỹ, và nặng nhất là Ban Công Quả Trại soạn, cộng với vô số công việc lo cho Trại tu học trong suốt thời gian 5 ngày tu ngày bắt đầu cho đến ngày bế mạc hôm nay... Đáng lẽ ra phải nêu danh tánh tất cả quý Phật tử công quả cho khóa học, để gởi lời cảm niệm công đức, nhưng e rằng làm như vậy lại còn áy náy hơn, một khi thiếu sót tên quý vị, hy vọng và chắc chắn rằng quý vị sẽ hoan hỷ hải lòng với tinh thần học Phật đúng nghĩa".*

Qua phần báo cáo các ban, thì ban nào cũng hoàn chỉnh trách vụ một cách viên mãn. TT Thư Ký Thích Giác Tín cùng quý Đh Hải Hạnh, Đh Steve Nguyễn Thiện Bảo, Đh Quảng Thanh... đã làm việc học nhần để in cho kp 648 Chứng chỉ, DVD hình ảnh và bài giảng để tặng cho học viên trong lễ bế mạc này. Riêng phần báo cáo của ban thủ quỹ chi thu là điều quan trọng mà ai cũng muốn biết, sau lời báo cáo của Sư Cô TN Giác Anh, Trưởng Ban Thủ Quỹ về ngân khoản chi thu của khóa tu, mọi người

nhẹ nhõm vỗ tay hoan hỷ vì số chi và số thu không chênh lệch nhiều: Tổng thu (tiền lệ phí, gây quỹ và cúng dường): \$208,000; Tổng chi phí cho khóa tu: \$212,000; còn thiếu 4,000 Úc Kim, Chùa Pháp Bảo phát tâm cúng dường.

Theo sau, HT Quảng Ba và HT Minh Hiếu phụ trách phần phát phần thưởng cho 5 Phật tử học viên đạt được điểm cao nhất trong kỳ thi trắc nghiệm cuối khóa tu: Trần Thị Mỹ Hạnh, pd: Quảng Phước (Chùa Trúc Lâm): 64.5/78 điểm; 2/ Phạm Thị Kim Phượng (Tu Viện Vạn Hạnh): 63.5/78 điểm; 3/ Phạm Thị Kim Lan (Tu Viện Vạn Hạnh): 60/78 điểm; 4/ Phạm Thị Thanh Phượng (Tu Viện Vạn Hạnh): 59/78 điểm; 5/ Nguyễn Thị Ngọc Sương, pd: Thiên Hiền (Chùa Pháp Hoa): 58/78 điểm.

Theo sau là phần phát chứng chỉ tu học cho quý học viên tham dự khóa tu học, đặc biệt năm nay, Sư cô Thích Nữ Huệ Khiết và Chùa Bảo Ân, Sydney, đã biếu tặng 500 sleeping bags cho học viên lớn tuổi và 100 túi xách cho các em thiếu nhi.

Sau khi hồi hướng công đức, Phật đường trang nghiêm được thu dọn để trả lại cảnh trí ban đầu. Đoàn xe đưa học viên trở về đời sống thường ngày với những bận rộn lo toan của cuộc mưu sinh, nhưng chắc chắn trong lòng mỗi học viên còn vang động dư âm của lời kinh tụng buổi sáng, lời bái sám buổi chiều, cũng như những lời thuyết giảng tận tâm của quý vị giáo thọ, sẽ là món tu lương để cuộc sống an lạc hơn, hữu ích hơn. Hình ảnh và bài giảng của toàn khóa học đã được phổ biến tại trang nhà: www.phatgiaouocchau.com và www.quangduc.com, quý học viên và gia đình có thể vào xem.

Khóa tu học kỳ 12 đã khép lại trong niềm luyến tiếc, nhưng Khóa Tu Học Phật Pháp Úc Châu kỳ 13 lại mở ra và tiếp tục tổ chức tại tiểu bang New South Wales vào cuối năm 2013, Giáo Hội đã công cử thành phần Ban Tổ Chức như sau: - Cố vấn: HT Thích Bảo Lạc; - Trưởng ban tổ chức: ĐĐ Đạo Hiền; - Trưởng ban thư ký: TT Giác Tín; ; - Trưởng ban vận chuyển: ĐĐ Hạnh Tri; - Trưởng ban cư trú: TT Đạo Thông; - Ban Trang trí: ĐĐ Thông Tuệ; ; - Trưởng ban trai soạn: Ni Sư Tâm Lạc, NS Viện Thông, SC Thảo Liên; - Trưởng ban hành đường: Sư Cô Huệ Khiết, Sư Cô Như Như. Nhưng trước mắt, Giáo Hội thông báo hai Phật sự quan trọng trong năm 2013 để quý đồng hương Phật tử cùng về tham dự. Thứ nhất là Đại lễ kỷ niệm 50 năm Bồ Tát Quảng Đức (1963-2013) sẽ được tổ chức tại Canberra và Sydney do HT Thích Quảng Ba làm trưởng ban tổ chức, đại lễ dự kiến sẽ tổ chức vào trung tuần tháng 6 năm 2013, ngày giờ và địa điểm sẽ được thông báo rộng rãi trên phương tiện truyền thông đại chúng trong thời gian sớm nhất. Phật sự thứ hai, Khóa An Cư Kiết Đông năm 2013 của Giáo Hội sẽ tổ chức tại Thiền Viện Minh Quang, Sydney (do HT Minh Hiếu trụ trì làm Hóa chủ) từ ngày thứ tư 2-7 đến thứ bảy 12-7-2013. Quý Phật tử tại gia xa gần có thể ghi danh từng chúng tu học, để có cơ hội nghe pháp, tụng kinh, hành thiền, làm công quả trong 10 ngày hoặc những ngày rảnh theo khả năng và điều kiện của mình. Xin liên lạc trực tiếp Thiền Viện Minh Quang: 02. 97238700 hoặc đăng ký trực tiếp ngay tại tự viện địa phương của mình. Chúc nguyện tất cả vô lượng an lạc trong niềm tin yêu thương của Chánh Pháp.

Tường thuật: **Tịnh Tuệ - Tâm Quang - Thanh Phi**
 Hình ảnh: **Thiện Hưng - Hoàng Lan - Jordan Lê**

MÓN QUÀ ĐẠO VI CUỐI NĂM CỦA HỘI PHẬT TỬ LẠC PHÁP

Tâm Tĩnh Lặng

Mỗi ngày mỗi giờ đi qua là những ngày mỗi giờ đơm hoa nở trái Phật pháp. Cũng thế, sau những năm tháng “miệt mài kinh sử”, các em Gia Đình Phật tử đã ra ứng thí Phật Pháp Căn Bản Văn Đáp tại Hội trường Văn Lang vào ngày 30 tháng 12 năm 2012 do hội Phật tử Lạc Pháp (HPTLP), Orange County, California tổ chức, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Chơn Thành, viện chủ chùa Liên Hoa, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí - Phó Chủ tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo hội PGVNTN, Viện Chủ Chùa Bát Nhã Orange County cùng nhiều chư tôn đức Tăng Ni và quý phụ huynh GDPT.



Hội trường Văn Lang nhộn nhịp hẳn lên với nhiều bóng các sĩ tử tí hon tuổi từ 11 đến 14 của các Gia Đình Phật Tử *Huệ Quang*, *Kỳ Viên 1 & 2*, *Phổ Đà*, *Đạo Tràng La Văn* và *Hội Phật tử Lạc Pháp*. Cuộc thi đồ vui gồm 100 câu hỏi Phật Pháp Anh-Việt về các thuật ngữ Phật giáo căn bản như nghiệp, luân hồi, quả báo, cuộc đời của Đức Phật Thích Ca; về ý nghĩa và sự kính thờ Tam bảo, sự trì giữ năm giới và lợi ích của lời Phật dạy sẽ giúp các em nhỏ trở thành trò ngoan, con thảo trong gia đình, xã hội và trong đạo pháp. Ban giám khảo (*Thượng Tọa Tâm Thành, Thượng Tọa Tín Mãn, Thượng Tọa Thiện Đạo & Ni Sư Giới Hương*) tuần tự bốc thăm câu hỏi (randomly pick) và câu hỏi sẽ hiện trên màn hình slideshow. Các sĩ tử phải nhanh tay bấm nút và tên của thí sinh nào bấm nhanh nhất sẽ hiện lên để được trả lời. Chương trình rất hào hứng và phần khởi dưới sự điều khiển duyên dáng và tài tình của MC (*Tịnh Tánh & Pierre Trần*). Các đội thi đấu đã nỗ lực vang dội hội trường khi nghe đội viên của mình trả lời đúng câu hỏi và cũng căng thẳng ôm đầu khi các đội nhà trả lời sai. Các em dồn hết tâm lực theo dõi từng chi tiết lên xuống của cuộc thi.

Thanh thiếu niên là những mầm xanh đang nảy chồi, nên trí nhớ rất tốt (good memory), hầu như



các em đã nhớ hết các câu trả lời và trả lời rất đúng và sáng tạo, cho nên ban Giám khảo và Phụ huynh GDPT rất ngạc nhiên và hài lòng trước phản ứng nhanh nhẹn của các em. Đúng như đạo hữu Nguyên Lượng (cố vấn của HPTLP) đã nói: “*Các em thí sinh như những tờ giấy trắng tinh khiết trong lành, hãy un đúc và phát huy khả năng của các em để đạt kết quả tươi sáng tương lai cho đạo Phật*”. Sau khi trải qua 6 tiếng đồng hồ (từ 1 giờ trưa đến 6 giờ tối) kết quả của các thí sinh đồ trang nguyên đã được tuyên bố: GDPT Kỳ Viên 2 giải nhất, giải nhì là GDPT Huệ Quang, giải 3 là Đạo Tràng La Văn; giải nhất cá nhân xuất sắc là em Jacob Le (Đạo Tràng La Văn), giải nhì là Hiếu Hồ (GDPT Kỳ Viên 1). Phần thưởng gồm tịnh tài, tịnh vật cho các đội xuất sắc và đặc biệt là Phổ Đại (Hội trưởng) cùng các thành viên của HPTLP còn chu đáo tặng những huân chương lưu niệm có khắc tên của từng thí sinh tham dự cuộc thi hôm nay để khích lệ tinh thần các em đã chịu khó học hiểu Phật pháp.

Bên cạnh cuộc thi đồ vui bổ ích, ban giám khảo và các thí sinh còn được HPTLP đãi bữa ăn tối rất ngon và thưởng thức tiết mục văn nghệ ca hát và vũ múa dân ca Việt Nam rất ngoạn mục khiến tinh thần ai cũng phấn chấn và an vui. Huỳnh Trưởng GDPT Huệ Quang Như Từ (Hồ Chúc) đại diện cho các thí sinh chia sẻ cảm nghĩ rằng: “*Là huynh trưởng hướng dẫn các GDPT, Như Từ chưa làm được những điều này, nhưng quý anh chị HPTLP đã làm được như vậy, chúng tôi rất tán thán và hy vọng năm sau chương trình sẽ được qui mô hơn nữa. Tất cả chúng tôi rất mong có nhiều cuộc thi Phật pháp như thế này nữa vì đây là cây Bồ Đề tương lai cho Phật pháp*”. Đh Mật Nghiêm (Ban Cố Vấn của HPTLP) cũng tán thán công đức của HPTLP bằng bài thơ như sau:

*Xin mừng tuổi trẻ tài cao
Các em đến góp tâm vào vườn hoa
Vườn đầy giáo pháp chan hòa
Ngày mai sen nở hương hoa ngát ngào.*

Là những người Phật Tử với tín tâm Tam Bảo, HPTLP luôn mong muốn Chánh Pháp của Đức Thế Tôn mãi trường tồn và được duy trì qua mọi thế hệ. Với tinh thần tương quan, tương kính, phát triển, cầu tiến, và phụng sự đạo pháp, HPTLP đã tạo duyên lành gieo mầm Phật Pháp cho các em thanh thiếu niên, tìm mọi hình thức cho các em gặp mặt nhau và làm những công việc đem giáo lý của đức Phật đến những em thanh thiếu niên trẻ.

Giải Khuyến Khích Học Phật Pháp Kỳ 1 là niềm vui và là trò chơi vui khiến tâm hồn các em càng thêm tinh khiết và thấm nhuần giáo lý Đức Phật mà HPTLP đã đóng góp cho các em. Đây là một công đức rất lớn của HPTLP và các mạnh thường quân ủng hộ. Hòa Thượng Thích Nguyên Trí rất vui khi thấy chương trình tổ chức của Hội Phật Tử Lạc Pháp đã khiến cho các em nhỏ tích cực trở tài. Hòa thượng khuyến khích và tán thán rằng: *"Chúng ta đã tổ chức những khóa tu học cho người lớn nhưng chưa có cho trẻ em. Vì thế, hôm nay thầy rất mừng được đón nhận những tài hoa (HPTLP) của Phật Giáo chúng ta. Mong rằng truyền diệm tục đăng tiếp nối. Các em càng ngày càng học hỏi Phật pháp nhiều hơn nữa, càng trưởng thành để có thể thay thế những Anh, Chị đi trước để làm việc và vững tiến trên con đường phụng sự đạo pháp".*

Một món quà dâng lên Đức Thế Tôn nhân ngày lễ Vía ngài thành đạo (8/12 AL)

Tâm Tinh Lặng



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America – Bat Nha Buddhist Temple
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÔNG BÁO HÀNH HƯƠNG

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật

Kính gửi quý Đồng hương Phật tử

“Chúc tết đến trăm điều như ý
Mừng xuân sang vạn sự thành công.”

Kính thưa quý vị, đi Chùa hái lộc đầu Xuân và Hành Hương đầu năm là mỹ tục của dân tộc ta mấy ngàn năm văn hóa. Vì đó là phước lạc cho tự thân cũng là lời cầu nguyện an lành cho gia đình nhân ngày xuân về Tết đến.

Nhân dịp Xuân Quý Tỵ 2013, Chùa Bát Nhã sẽ tổ chức hai ngày Hành Hương thứ bảy và chủ nhật 16, 17 tháng 2 năm 2013 nhằm ngày 7 và 8 Tết năm Quý Tỵ.

Chúng ta sẽ đi hành hương các Chùa Vùng Los Angeless, Riverside và San Diego.

Khởi hành từ Chùa Bát Nhã lúc 7:30 sáng về lại Chùa lúc 7:00 chiều cùng ngày.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc (714) 571.0473 (714) 548.4148 (714) 200.3811 (714) 630.0791 (714) 718.2544.

Kính chúc quý vị an lạc trong tâm hồn, giải thoát trong đời sống và thành công trên mọi lãnh vực.

Trân trọng kính mời,

Hòa thượng Thích Nguyên Trí

